TUYỂN TẬP

NHỚ HUẾ

SỐ 9

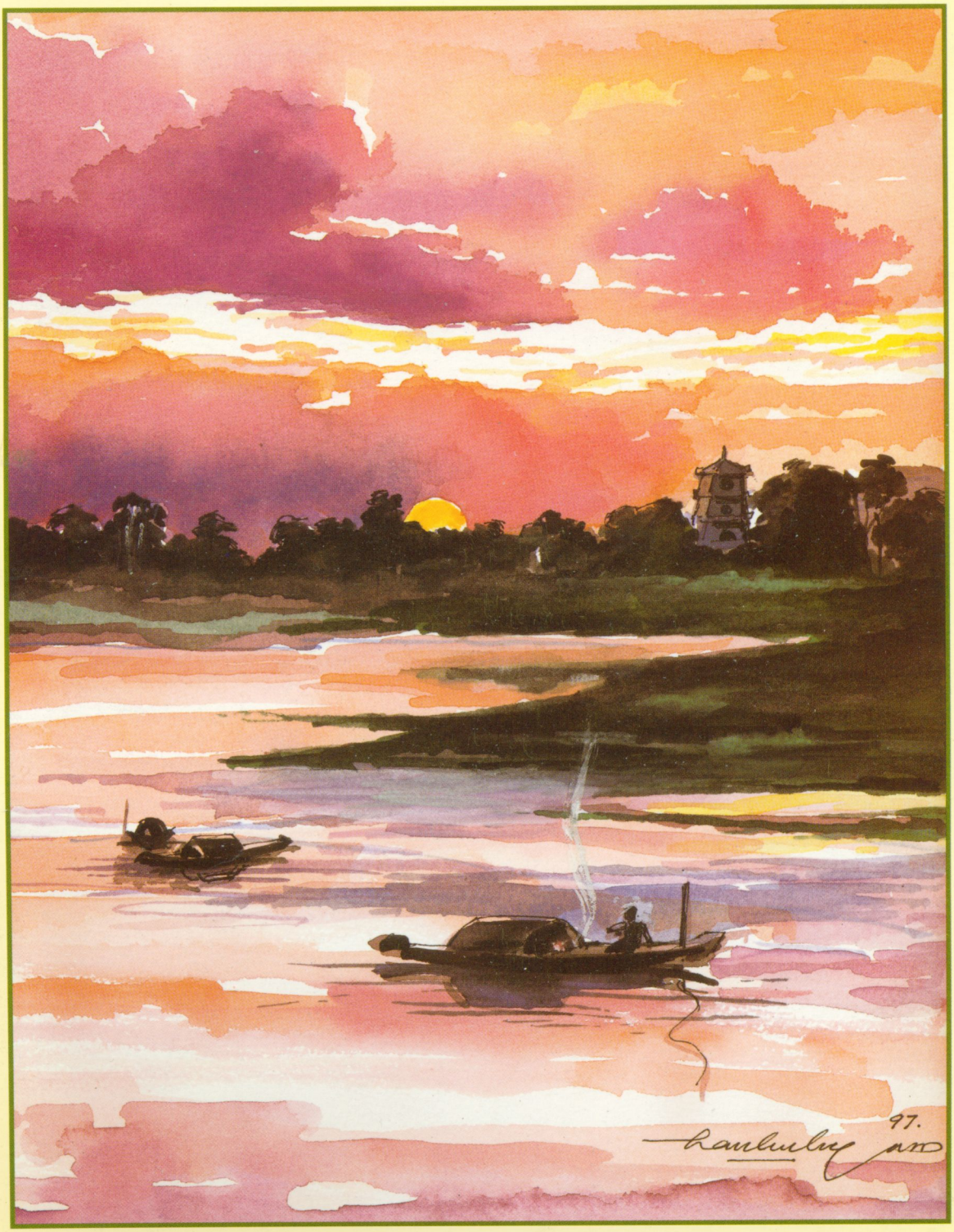

An Docteur et Madame Vo van Tieng

PHOTO: DINH N. AU

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu
Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Nguyễn Đình Mô • Thái Bá • Thái Doãn Ngà • Hoàng Thi Thao • Hà Thúc Như Hỷ • Hoàng Tuấn Lộc • Hoàng Ngọc Trác • Dương Công Liêm

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa

Chiều trên sông Hương
Hà Thúc Như Hỷ

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tiếc thương một người

Tuyển Tập Nhớ Huế số 9 đến tay bạn đọc hơi trễ vì nhiều lý do. Xin chân thành cám ơn các thân hữu đã gọi điện thoại hoặc viết thư thăm hỏi và điều đáng khích lệ cho Ban Biên Tập là những lời khen ngợi các Tuyển Tập hết lòng.

Nội dung của TTNH 1997 gồm những bài biên khảo về Cố Đô, những tùy bút, thơ và truyện ngắn được tuyển chọn từ một số khá lớn bài vở gởi về. Đặc biệt có nhiều bài viết để tưởng niệm một nhân vật lịch sử của đất Thần kinh, công dân Vĩnh Thụy, vừa mới qua đời.

Miền Trung là vùng địa linh nhân kiệt. Hầu hết các nhà lãnh đạo tối cao của nước ta đều xuất thân từ vùng quê hương nghèo nàn ấy. Ở đây chúng tôi không phê bình công hay tội của các vị cựu nguyên thủ quốc gia, nhưng điều chắc chắn ai cũng phải công nhận là đức tính hiền từ, nhân hậu của Đức Quốc Trưởng, người chủ trương không đem chiến tranh tàn phá quê hương gây nên cảnh huynh đệ tương tàn.

Kẻ viết bài nầy may mắn được dịp gần gũi và săn sóc sức khỏe cho Cựu Hoàng khi ngài sang thăm California cách đây mười sáu năm. Cái "oai" của vì Thiên Tử, những lời nói riêng tư, những cung cách cử xử thân thương là những dấu ấn ghi sâu vào ký ức đã được tác giả trình bày trong một bài viết được đăng trong Tuyển Tập Nhớ Huế số ra mắt đầu tiên năm 1990 và mới đây trên Việt Báo Kinh Tế.

Tuy đã lớn tuổi nhưng với một trí nhớ minh mẫn, Cựu Hoàng không bao giờ quên những kỷ niệm êm đềm ở Huế mà Ngài mãi ôm ấp trong lòng. Quên làm răng được nơi chôn nhau cắt rún, chỗ mình làm Vua từ thuở mới 12 tuổi.

Nhìn Cựu Hoàng Bảo Đại là thấy trước mặt cả một trời Huế. Người dân Cố Đô đau đớn cho thân phận tha hương của mình lại càng chua xót hơn cho vị Vua cuối cùng của Triều Nguyễn.

Ngài làm vua không hợp thời. Ba mươi hai tuổi, vừa mới chững chạc vào đời, đã tự nguyện thoái vị, Bốn mươi hai tuổi, tuổi đang tạo sự nghiệp, đành phải sống lưu vong.

Khi tự biết mình không đủ khả năng để đương đầu với những tình huống khó khăn của đất nước, Ngài liền "thoát bào nhượng vị", không nuối tiếc, không thù hận.

Khi sống ẩn dật, quyết không để ai lợi dụng tên tuổi của mình, cam chịu cảnh sống nghèo nàn, thanh bạch.

Đặt quyền lợi Tổ Quốc lên trên hết, Ngài chiếu dụ không một ai được lợi dụng Hoàng Tộc để tạo uy tín cho riêng tư.

Trong 20 năm làm vua Ngài chưa hề nghĩ đến việc xây lăng đắp mộ như tiền nhân. Hình hài của Ngài đáng lẽ được chôn cất trên một ngọn đồi nào đó ở phía tây thành phố Huế, nay đành phải nằm lạnh lẽo cô đơn nơi chốn trời Âu.

Ai là người Huế hoặc từng ở Huế lâu năm khi nghe tin Ngài không còn trên cõi đời nầy nữa đều ngậm ngùi thương tiếc.

Võ Văn Tùng
Cali Mùa đông 97

VỚI SỰ GÓP MẶT CỦA:

Bản Anh ■ Vĩnh Bội ■ Bồng Phạm Văn Thoại ■ Thái Bá ■ Huỳnh Hữu Cửu ■ Nam Cát Bửu Hạp ■ Nhã Ca ■ Minh Vũ Hồ Văn Châm ■ Lê Thị Kim Cương ■ Trúc Chi Tôn Thất Kỳ ■ Hà Huyền Chi ■ Hoàng Bích Đào ■ Võ Văn Đạt ■ Tôn Thất Đệ ■ Trần Kiêm Đoàn ■ Bùi Minh Đức ■ Hoàng Đức ■ An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên ■ Nguyễn Mộng Giác ■ Hoàng Giao ■ Bùi Bích Hà ■ Bạch Thu Hà ■ Kim Hà ■ Trí Hải ■ Tôn Nữ Hoàng Hoa ■ Tôn Nữ Hoài Hương ■ Nguyễn Văn Hưng ■ Hà Thúc Như Hỷ ■ Phượng Hàm ■ Phan Tôn Nữ Hà ■ Vân Hà ■ Nguyên Hà ■ Thế Hoàng ■ Võ Đình Hữu ■ Tôn Thất Hứa ■ Phan Mộng Hoàn ■ Nguyễn Thị Hiệp ■ Thái Văn Kiểm ■ Hồ Trọng Khôi ■ Đồng Sĩ Khiêm ■ Đoàn Khoách ■ Trần Trọng Khoái ■ Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh ■ Tâm Lạc T.T.D ■ Hồ Phổ Lại ■ Lê Văn Lân ■ Thùy Việt Lân ■ Dương Công Liêm ■ Hoàng Liên ■ Như Liên ■ Nguyễn Đình Liễu ■ Nguyễn Khoa Diệu Lê ■ Duy Lam ■ Lê Phước Lộc ■ Thái Kim Lan ■ Thiên Thanh Như Lý ■ Hồ Văn Mẫn ■ Nguyễn Văn Minh ■ Nguyễn Đình Mô ■ Mai Kim Ngọc ■ Trịnh Lâm Ngân ■ Nguyễn Đăng Ngọc ■ Lê Nguyễn ■ Nguyễn Ngọc Nhâm ■ Hồ Văn Phú ■ Nguyễn Huy Phước ■ Nguyên Pháp ■ Hoàng Phong ■ Nguyễn Khoa Diệu Phương ■ Trần Quang ■ Lê Khắc Ngọc Quỳnh ■ Bùi Văn Sớm ■ Tôn Thất Sơn ■ Hà Xuân Tế ■ Võ Văn Tùng ■ Trần Dạ Từ ■ Chi Điền Hoàng Duy Từ ■ Nguyễn Phúc Vĩnh Tung ■ Nguyễn Lý Tưởng ■ Dạ Triều ■ Hương Thủy Hoàng Trọng Thược ■ Tôn Thất Tùng ■ Thanh Toàn ■ Trần Xuân Thời ■ Kiêm Thêm ■ Tôn Thất Thiện ■ Nguyễn Hữu Thứ ■ Nguyễn Ngọc Kiều Trang ■ Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang ■ Nguyễn Ngọc Thùy Trang ■ Võ Long Tê ■ Hoàng Trúc Tiên ■ Nguyễn Phúc Bửu Tập ■ Nguyễn Khoa Thiều ■ Đinh Việt Thủy ■ Lê Quang Tiềm ■ Thân Trọng Tuấn ■ Tôn Thất Tuệ ■ Nhất Tuấn ■ Nguyễn Ngọc Thanh ■ Minh Đức Hoài Trinh ■ Thiên Tứ ■ Trần Thị Cẩm Tuyến ■ Tôn Lệ Vân ■ Hoài Việt ■ Nguyễn Văn Y.

Tuyển Tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

- ❄ Chị Hoàng Bích Đào (nhà sách Diễm Phương tại Paris)
- ❄ Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Canada
- ❄ Anh chị Trần Đoàn tại Washington D.C
- ❄ Anh Tôn Thất Hứa ở Đức
- ❄ Chị Phan Mộng Hoàn ở San Jose
- ❄ Chị Tôn Kim Tri ở Texas
- ❄ Chị Dương Thủy Ngân tại Seattle
- ❄ Chị Tôn Nữ Duy Thạnh ở San Diego
- ❄ Các anh, các chị ở Los Angeles và Orange County

Đã giúp đỡ phổ biến Tuyển Tập Nhớ Huế đến tay bạn đọc ở địa phương.

Nội Dung

- 1. Tiếc thương một người . . . . . VÕ VĂN TÙNG
- 5. The Last Emperor . . . . . ĐINH VIỆT THỦY
- 11. Tưởng niệm cựu hoàng Bảo Đại . . . . . TÔN THẤT TÙNG
- 14. Cách ăn uống của các Vua chúa . . . . . HOÀNG GIAO
- 17. Công chúa Đông Đô, Hoàng hậu Phú Xuân, Nàng là ai? . . . MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM
- 28. Huế yêu dấu . . . . . BÙI BÍCH HÀ
- 33. Một lần hội ngộ, một trăm năm lịch sử, một đời không quên . . . . Y LA NGỌC QUỲNH
- 39. Tiếng HUẾ trong nhóm thổ âm miền Bắc Trung Việt . . . . . LÊ VĂN LÂN
- 45. Tiếng Huế tuyệt vời . . . . . BÙI MINH ĐỨC
- 49. Bà ngoại đi lãnh thùng quà . . . . . NHÃ CA
- 59. Chung thủy . . . . . VÕ VĂN TÙNG
- 71. Sau nỗi trống không . . . . . HỒ PHỔ LẠI
- 75. Tiền đồng ngày xưa . . . . . LỆ VÂN
- 79. Mắm Huế . . . . . TRẦN KIÊM ĐOÀN
- 88. Tông tích và gia thế nhà Tây Sơn . . . . . HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM
- 98. Lược khảo về tập san "Bulletin des amis du vieux Huế" . . . . NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP
- 107. Hoàng hôn thôn Vỹ . . . . . PHAN MỘNG HOÀN
- 118. Phác thảo chân dung văn học Đức cha Hồ Ngọc Cẩn . . . . . VÕ LONG TÊ
- 126. Biến cố Ất Dậu 5.7.1885. Con đường cứu nước của Tôn Thất Thuyết . . . TÔN THẤT HỨA
- 138. Lạc Tịnh Viên . . . . . NGUYỄN THỊ HIỆP
- 140. Trân trọng giòng Hương Giang . . . . . NGUYỄN ĐĂNG NGỌC
- 147. Một vài hình ảnh Huế: Những chiếc cầu trên sông Lợi Nông . . . . . TÔN THẤT TÙNG
- 149. Chiếc cầu ngói và tình bạn cũ . . . . . VĨNH BỘI
- 151. Cầu Hai ngày cũ . . . . . TÔN THẤT ĐỆ
- 154. Điệu ru em xứ Huế . . . . . LA GIANG
- 156. Chùa Túy Liễu . . . . . KIÊM THÊM
- 159. Đạo của thơ . . . . . TRÍ HẢI
- 162. Hương Bình Thi xã với "Một Thiên Tình Sử" . . . . . TRẦN THỊ CẨM TUYẾN
- 171. Sinh hoạt văn nghệ ở Trường Quốc Học thời Việt Minh và nhạc sĩ Trần Hoàn . . . . . NGUYỄN HỮU THỨ
- 181. Tôi đọc thi tập "Vui một ngày vui" của nữ sĩ Liên Trang . . . . CHI ĐIỀN HOÀNG DUY TỪ
- 187. Huế, nỗi buồn niềm vui . . . . . THÙY VIỆT LÂN
- 193. Thư tín . . . . . VÕ VĂN TÙNG

THƠ:

- 10. Vết xưa . . . . . NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG
- 13. Ngày đông xứ tuyết nhớ cô gái Huế . . . . . HÀ XUÂN TẾ
- 15. Cố đô hoài cảm . . . . . XUÂN ÁNG
- 31. Nhớ mẹ . . . . . NHƯ LIÊN
- 37. Lời từ biệt . . . . . NGUYỄN NGỌC HOÀI TRÂM
- 41. Tấm gương cũ . . . . . MAI KIM NGỌC
- 44. Ý Thu . . . . . HOÀNG BÍCH ĐÀO
- 48. Rứa răng . . . . . VÔ DANH
- 58. Huế không nhận ra tôi . . . . . KIÊM THÊM
- 70. Ký ức thời xanh . . . . . LÊ NGUYỄN
- 85. Mưa trên phố vắng . . . . . THÙY VIỆT LÂN
- 96. Nỗi nhớ trong Đường Thi: . . . . . HÀ THÚC NHƯ HỶ
  — Hoàng Hạc Lâu — Ký viễn — Tương tư — Tĩnh dạ tứ
  — Trăng quê người — Cửu nguyệt cửu nhật... — Nhớ
- 137. Tình cờ . . . . . TRÚC CHI
- 145. Thư gửi cho người em gái ở Việt Nam . . . . . HÀ XUÂN TẾ
- 155. Đón Xuân xứ người . . . . . NHƯ LIÊN
- 158. Đồng Khánh tình xa . . . . . Y LA
- 179. Vu Lan nhớ Mẹ . . . . . NHƯ LIÊN
- 180. Một chuyến về dời mộ . . . . . THANH TOÀN
- 186. Bài thơ gởi Huế . . . . . HỒ VĂN MẪN

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 97

- Ô.B Bửu Bang, Los Angeles.
- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
- DS Nguyễn Kim Chi, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- Ô. Lê Bá Chư, TT Giáng Ngọc, Westm.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Võ Trọng Di, San Diego.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Ô.B Lê Phúc Điểm, Westminster.
  KT Furniture, Anaheim —
  Kim Thọ Jewelry
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Ô.B BS Lê Văn Giao, Westminster.
- Nhà hàng Gia Hội - Huế, Santa Ana.
- Bà Bạch Thu Hà, Thuha Beauty, Midway City.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- Ô.B BS Trần Quang Hân, Victorville
- Ô.B LS Đỗ Hữu Hòa, CosmetiCare.
- DS Trịnh Lê Hồng, Catinat Pharmacy, Westminster.
- BSNK Trần Ngọc Tâm Hương, Reseda.
- BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Ô.B Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
- Ô.B BS Trần Tiễn Huyến, Westm.
- Kamala Flower & Music, Westminster.
- Bà LS Thu Kander, Long Beach .
- Ô.B DS Trang Kiên
  DS Tôn Nữ Duy Thạnh, San Diego
  Ô.B BS Thái Doãn Kim, Canoga Park.
- Ô.B Nguyễn Đình Liễn, Westminster.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westm.
- BSNK Hồ Như Mai, Los Angeles.
- BS Thái Diệu My, Santa Ana.
- Ô.B Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westm.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- BSNK Trần M. Quân, Irvine.
- Nhà hàng Sông Hương, Westminster.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- Ô.B BSNK Tôn Thất Thọ, San Jose.
- Bà Kim Thoa - Quán Hỷ, G. Grove.
- BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- Ô.B BS Nguyễn Văn Thuận, Hawthorne.
- BS Tôn Nữ Kiều Tiên và Dương Thùy Trang, Westminster.
- NS Thái Quỳnh Thư, Canoga Park.
- Ô.B DS Hoàng Ngọc Tuệ, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B Võ Văn Vẹn, Hủ Tiếu Thanh Xuân Sàigòn, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- BSNK Ngô Thị Vinh, Simi Valley.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

"the Last EMPEROR"

ĐINH VIỆT THỦY

"The Last Emperor" là tên của một cuốn phim thực hiện năm 1987 với những tài tử *John Lone, Joan Chen, Peter O'Toole*, về vua *Phổ Nghi*, Hoàng Đế cuối cùng của nhà Thanh ở Trung Quốc, ở Mãn Châu. Vua Phổ Nghi không được đánh giá cao. Dư luận chung cho rằng ông ngồi làm vì ở Trung Quốc, làm bù nhìn lúc làm vua ở Mãn Châu, vào tù gần 10 năm, an phận trong những năm còn lại. Cuốn phim cho thấy ông Phổ Nghi cần được đánh giá lại.

Dân Mãn Châu cũng như dân Mông Cổ sống thành bộ lạc ở Bắc Trung Quốc, có nền văn minh không cao nhưng dân *Mông Cổ* đã thống nhất nước Tàu năm *1279*, lập nhà *Nguyên* trị vì cho đến năm *1368*, gần 90 năm.

Năm *1644*, quân Mãn Thanh chiến thắng quân nhà *Minh*, lập nhà *Thanh*, trị vì Trung Quốc cho đến cuộc Cách Mệnh Tân Hợi, năm *1911*, kéo dài gần 270 năm. Như vậy người Mãn Châu cai trị Tàu cũng chẳng có gì lạ. Hoàng Đế cuối cùng là vua *Phổ Nghi*, có hèn yếu như người ta thường nghĩ không?

Ông sinh năm 1906, được Từ Hy Thái Hậu (1835-1908) chọn để kế vị. Năm 1908, Vua Quang Tự (1871-1908) qua đời, Phổ Nghi lên ngôi ngày 2.12.1908, lúc chưa được 3 tuổi tròn. Cái nguy là bà Từ Hy cũng mới qua đời ngày 15.11.1908. Uy tín bà có thể giữ được an ninh trong nước; Bà qua đời thì tân vương phải chịu ảnh hưởng của chính sách hà khắc của chế độ: Dân chúng nổi dậy, cuộc Cách Mệnh Tân Hợi, âm lịch là 19 tháng tám, dương lịch là 10.10 (song thập), làm Vua Phổ Nghi phải thoái vị năm sau. Phe cách mệnh có nhiều lãnh tụ chia rẽ — Tôn Dật Tiên, Viên Thế Khải, nên Vua Phổ Nghi tuy còn quá nhỏ — vẫn được phép ở lại Bắc Kinh, có tiền trợ cấp và ông lo dùi mài kinh sử. Về sau, cựu hoàng Phổ Nghi không được ở lại Bắc Kinh, bèn đến trú trong Tô Giới Nhật ở Thiên Tân, Đông nam Bắc Kinh. Đầu thập niên 1930, Ý, Nhật, Đức thiên về độc tài, bành trướng. Năm 1932, Nhật đánh chiếm *Mãn Châu* và đưa Phổ Nghi từ Thiên Tân về cầm quyền ở đó, như làm bù nhìn, đó là ngày *9.3.1932*. Gần hai năm sau, ngày *28.2.1934*, nghĩ có thể làm gì cho quê hương, ông tuyên bố bằng lòng lên ngôi trở lại nếu Nhật lập *Mãn Châu Quốc*. Mọi việc xảy ra như ông muốn. Cuốn phim "The Last Emperor" cho thấy ông đã trả lời Ban Thẩm Vấn Cộng Sản Trung Quốc về những gì ông đã cố gắng làm cho quốc gia, song quân Nhật ở trong thế mạnh không cho ông làm gì.

Cuối Thế chiến II, phe Đồng Minh thắng thế. Ngày 6.8.1945, quả bom nguyên tử đầu tiên được dùng. Nhật nhờ Staline làm trung gian để xin đầu hàng trong danh dự; nhờ Staline là vì Liên Xô và Nhật có ký Hiệp ước bất xâm lăng 13.2.1942 (trước khi Hitler xâm lăng Liên Xô). Biết Nhật sắp thua trận, Liên Xô xua quân vào Mãn Châu, bắt Phổ Nghi giam cho đến 1950. Năm đó, quân Cộng sản của ông Mao Trạch Đông chiến thắng quân Quốc dân Đảng của ông Tưởng Giới Thạch và Phổ Nghi được trao cho chính quyền Cộng sản, bị giam gần 10 năm, được

phóng thích ngày *4.12.1959*. Ông sống ẩn dật, khiêm tốn ở Bắc Kinh, giải trí bằng làm vườn, nghiên cứu văn hóa cho đến ngày vĩnh biệt, *17.10.1967*, thọ 61.

Tóm lại, cựu Hoàng Phổ Nghi hiếu học, đạo đức, có thiện chí nhưng số xấu. Lên ngôi lúc miệng còn hôi sữa; chịu ảnh hưởng của chính sách hà khắc của các vị tiền bối. Lớn lên, chính sách bành trướng của một nước bé về diện tích, mạnh về sức lực như Nhật thì một người như cựu Hoàng Phổ Nghi đành bó tay chào thua.

Sở dĩ tôi đề cập đến Vị Hoàng Đế cuối cùng của Trung Quốc là vì muốn đề cập đến vị Hoàng Đế cuối cùng của Việt Nam, cựu Hoàng Bảo Đại mới vĩnh biệt cõi đời; nói đến với hy vọng hậu thế hiểu lịch sử gần sự thật hơn.

- ***VUA BẢO ĐẠI, VỊ HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG CỦA VIỆT NAM.***

Dòng *Nguyễn Phước* bắt đầu với Vua *Gia Long* lên ngôi năm *1802* và chấm dứt với Vua *Bảo Đại*, lên ngôi năm *1925*, thoái vị năm *1945*. Từ đó đến nay, nửa thế kỷ hơn, nhiều lần báo chí Việt Nam, quốc tế đề cập đến *Giải pháp Bảo Đại*, song có nhiều lời phê bình không tán thành.

— Cựu Hoàng nhu nhược quá. Thời Mặt Trận Việt Minh, lực lượng nổi dậy đâu có mạnh mà không dám chống cự.

— Nói đến Cựu Hoàng là nói đến ăn chơi, hưởng thụ hơn là nói đến ích quốc, lợi dân...

Sự thật có phải như vậy không? Nay cựu Hoàng đã là người thiên cổ, chúng ta cố gắng đưa ra những nhận xét khách quan để lịch sử có thể ghi những điều gần sự thật hơn.

Theo tôi, cựu Hoàng đã cố gắng đem lại nhiều đổi mới trong nhiều phạm vi.

- ***CỰU HOÀNG ĐÃ CÓ MỘT NỀN GIÁO DỤC THÍCH NGHI.***

Cựu Hoàng, húy danh *Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy*, sinh ngày 23 tháng chín năm Quí Sửu, tức thứ tư 22.10.1913, ngày "*23 tháng 9*" âm lịch được gọi là ngày "*Vạn Thọ*". Lễ sinh nhật được tổ chức hàng năm. Lúc Vua Bảo Đại đã hồi loan, ngày "Vạn Thọ" có dạ tiệc, dạ vũ ở Đại nội và Cung An Định.

Năm 1922, Vua Khải Định qua Pháp, vận động để Pháp trở lại các điều khoản của Hòa ước Patenôtre 6.6.1884; Thái tử Vĩnh Thụy được đem theo để được giáo dục theo lối Tây phương. Có những quan lại phụ trách dạy chữ Việt, chữ Hán (ông Lê Như Lâm, người cùng làng với bà Học Phi thời Tự Đức)... Công cuộc giáo dục được giao cho ông, bà *Charles*, Khâm sứ Pháp ở Trung Phần thời thập niên 1910, lúc trường nữ trung học Đồng Khánh được thành lập.

Sách báo không nói rõ các chi tiết của sự giáo dục dành cho vị hoàng tử đã trở thành vua lúc 12 tuổi, lớn hơn Vua Phổ Nghi lúc lên ngôi gần 12 năm. Lúc vua hồi loan, *tháng 9 năm 1932*, ông mới 19 tuổi, bề ngoài đẹp đẽ, mặt mũi sáng sủa. Hầu như ông được trình diện với thần dân trong những khung cảnh đặc biệt.

Mãi đến sau này mới có cầu Phú Xuân. Thời thập niên 1930 chỉ có cầu Dã Viên ở phía Tây, cầu Trường Tiền về phía Đông, cách nhau hơn vài km. Một buổi sáng mùa hè, Vua Bảo Đại trượt nước (ski nautique) từ cầu Trường Tiền lên cầu Dã Viên, lên về nhiều vòng. Rồi lội trường (crawl) để lên xuồng, làm dân chúng tụ tập xem rất đông.

Lâu lâu, Vua ra chơi quần vợt ở CLB Thể Thao Huế, có Hoàng Thân Vĩnh Cẩn, nhiều người con của bà Chúa Tám là các ông Nguyễn Hữu Quảng, Nguyễn Hữu Phủ hay ông Nguyễn Duy Quang. Ông chơi hay và đẹp.

Có nhiều lần Vua cỡi con ngựa giống Mông Cổ, cao đẹp, đi qua nhiều đường ở trong, ngoài Thành Nội, đôi lúc không thấy hộ vệ viên.

Cũng có lần ông lái một thủy phi cơ, hạ cánh trên sông Hương giữa hai cầu nói trên, Dã Viên và Trường Tiền.

Lâu lâu, có tin bắn ra rằng có dạ vũ của hoàng gia ở cung An Định, uy nghiêm

lịch sự; có lần có ông, bà *Paul Reynaud*, Bộ trưởng Pháp cùng cô con gái trẻ đẹp đến dự.

Tất cả những mẩu chuyện đó cho chúng ta thấy rằng Vua Bảo Đại đã được huấn luyện để làm một vị hoàng đế trong kỷ nguyên mới.

- ***NAM PHƯƠNG HOÀNG HẬU.***

Việc lập Hoàng hậu là một cuộc đổi mới có tánh cách như một cuộc cách mệnh trong phạm vi tập quán.

Các Vua ở Trung Quốc, ở Việt Nam thường lấy nhiều vợ. Các Vua dòng Nguyễn Phước cũng vậy. Trong Đại Nội, khu Tử Cấm Thành có ba cung (Diên Thọ, Trường Sanh, Khôn Thái), sáu viện (Thuận Huy, Đoan Thuận, Đoan Hòa, Đoan Huy, Đoan Tường, Đoan Trang) chỉ dành cho phi tần, cung nữ... Vua Bảo Đại biết vậy và lúc ông hồi loan, cuộc chiến đấu giữa những ông quan cao cấp có ái nữ có thể dâng cho Vua bắt đầu, âm thầm, quyết liệt... Nhưng Vua có lập trường khác. Do sự đạo diễn của cựu Khâm Sứ Pháp Charles và ông Toàn Quyền Pierre Pasquier, Vua gặp cô *Marie Théresa Nguyễn Hữu Hào* tức Nguyễn Hữu thị Lan trong một dạ vũ ở Đà Lạt; ngay lần sơ ngộ, chàng và nàng đã có ngay mối tình đầu. Có vài trở ngại vì cô là dân Pháp, theo Thiên Chúa giáo. Ngoài ra, cô lại thuộc một gia đình rất giàu, có thế lực ở miền Nam khiến cho có người nghĩ rằng đây là một cuộc hôn nhân có tính toán. Bà Từ Cung, hoàng mẫu, Tôn Nhơn Phủ, triều đình tỏ ý dè dặt, không tán thành, nhưng Vua vẫn tiến hành công việc hôn nhân và lễ được tổ chức tại Huế hôm *20.3.1934*, huy hoàng chưa từng có. Cô dâu được phong là *Nam Phương Hoàng Hậu*, trái với nguyên tắc *"Ngũ bất lập"* mà Vua Minh Mạng đã đặt ra một cách ích kỷ. "Ngũ bất lập" là cấm kỵ việc lập *Hoàng Hậu, Đông Cung, Tể Tướng, phong Vương Tước, tuyển Trạng nguyên*. Cô dâu mới 18 tuổi, song chỉ một thời gian ngắn, dân Huế thấy Hoàng hậu có thể đáp ứng tứ đức của Khổng Tử: công, dung, ngôn, hạnh. Cho nên, bước đầu được coi như nhà Vua trẻ đã đổi mới nhiều.

Thời 1934, Vua *Léopold III* (1901-1983) lên ngôi ở Bỉ; Hoàng Hậu là *Astrid Bernadotte* (1905 - 1935) cháu mấy đời của Thống chế Pháp Jean Bernadotte (chiến hữu của Napoléon Bonaparte) được mời qua làm Vua ở Thụy Điển. Báo chí cho rằng Léopold III và Astrid là cặp hoàng gia (couple royal) đẹp nhất thế giới. Nhiều báo Pháp — mà tôi quên tên vì đã hơn 60 năm rồi, đã cho rằng Bảo Đại — Nam Phương cũng là cặp hoàng gia đẹp, khả ái của thế giới.

Báo chí có nói đến các người đẹp *Lý Lệ Hà, Mộng Điệp, Phi Ánh, Gernie*... có cả, đúng không nhiều thì ít, toàn là những người xuất hiện sau 1945, lúc Nam Phương ở một nơi, cựu hoàng ở Hà Nội, Hương Cảng, Đà Lạt hay nơi khác. Ông luôn luôn cần một người phụ nữ ở bên cạnh; cái đó cũng dễ hiểu. Không ai tán thành chuyện ấy, song còn đẹp hơn là chuyện những người đàn ông từ bỏ các bà đã ăn nằm, có lúc có con nữa, với mình.

Nếu nhắc lại rằng ông *Franklin D. Roosevelt* (1882 -1945). Tổng Thống thứ 32 trong 4 nhiệm kỳ (1933-1945) của Hoa Kỳ có vợ là bà *Eleaner*, mà dan díu với 4 người khác là *Lucie Marie* (thư ký riêng của bà vợ), *Missy Lehand* (thư ký riêng của ông), *Dorothy Schiff* (phu nhân Giám đốc tờ New York Post), Công chúa *Martha* của Na Uy; nếu nhắc đến chuyện tình tay năm *Bowles, Camille, Charles, Diana, Hewitt*, đến chuyện *Marilyn Monroe* và gia đình Kennedy, đến ông Clinton và hai vụ *Jennifer Flowers, Paula Jones*... thì chuyện của cựu Hoàng Bảo Đại với các người đẹp của ông không đáng kể vào đâu.

Về việc cựu hoàng kết hôn cùng cô *Monique Baudot*, cũng chẳng có gì đặc biệt — Năm 1968, bà Nam Phương qua đời, cựu Hoàng mới 55 tuổi. Tình cờ gặp cô Monique Baudot, 25 tuổi — cử chỉ, ngôn ngữ quí phái, đầy thẩm mỹ đã làm cho cô thiếu nữ cảm mến và hai người đã kết hôn sống chung gần 30 năm. Có gì đáng chỉ trích không?

- ***NHỮNG CẢI CÁCH BAN ĐẦU TRONG VIỆC CAI TRỊ.***

1. Nội các mới.

Công việc đáng để ý đầu tiên là thành lập Tân Nội Các song không lập Thủ Tướng mà vẫn theo tinh thần của nguyên tắc "Ngũ bất lập". Bộ được xem quan trọng nhất là *Bộ Lại* (Nội Vụ). Nhiều nhân sĩ Bắc Hà được mời vào công tác, trong đó có các ông *Phạm Quỳnh, Bùi Bằng Đoàn*... Điều đáng nói là trong một thời gian không lâu, ông Bùi Bằng Đoàn lập xong các bộ luật cần thiết: Dân sự và dân sự tố tụng; Hình sự và hình sự tố tụng; Luật thương mãi... các bộ luật đơn giản nhưng biên soạn khoa học hơn bộ luật Gia Long áp dụng cho đến thời đấy.

Cùng với ông Phạm Quỳnh, có rể ông là nhà văn *Nguyễn Tiến Lãng*, về sau làm bí thư cho Nam Phương Hoàng Hậu.

Sự cải tổ nội các làm nhiều thượng thư phải rời chức vụ, cho nên ông Nguyễn Trọng Cẩn có bài thơ châm biếm bắt đầu bằng câu:

Năm cụ khi không rớt cái
ình...

2. Những sự kiện mới trong năm 1936

a. Trường Quốc Học nâng cấp. Nhà Vua về, nhiều nhà trí thức xin mở ban tú tài ở trường Quốc Học, có sự thảo luận giữa Nam Triều, Phủ Toàn Quyền, Tòa Khâm Sứ Trung kỳ, thu nhận học sinh gốc miền Trung đang học ở hai trường Albert Sarraut, trường Bưởi các lớp thi tú tài bán, tú tài toàn phần. Còn lớp "Seconde" (lớp 10) thì lấy học sinh ở Huế. Trong niên học 1936-1937, việc ấy được thực hiện dễ dàng và trường Quốc Học đổi ra *Lycée Khải Định.*

b. Sân vận động và giải túc cầu Đông Dương. Thời đầu thập niên, Hà Nội là thủ đô Đông Dương, Saigon là thành phố kinh tế lớn nhất. Nếu cần xây một sân vận động lớn cho bóng tròn có lòng chảo đua xe đạp thì phải xây ở Hà Nội hay Saigon, chứ không phải ở Huế. Nhưng Vua Bảo Đại nghĩ rộng hơn các Vua trước, tỏ ý với người Pháp muốn canh tân nền thể thao nên Phủ Toàn Quyền chịu bỏ một khoản ngân quỹ lớn xây cho Huế một sân vận động có lòng chảo, đứng vững 60 năm rồi, chưa hỏng.

Năm 1936, *Hoàng Tử Bảo Long* chào đời nên Sân Vận Động lấy tên là Sân Vận Động Bảo Long. Năm ấy, có luôn cả trận chung kết Giải bóng tròn Đông Dương giữa hai đội tuyển *Nam Kỳ* và *Cao Miên* (Nam Kỳ thắng) — cùng trận chung kết có các cuộc đua hào hứng về xe đạp, nhất là cạnh tranh giữa Van Stellan (cua- rơ đã dự có kết quả nhiều vòng đua Pháp) và Nguyễn văn Bổng của Bắc Kỳ (Bổng thắng nước rút).

- ***CHÍNH SÁCH THỰC DÂN CỦA PHÁP.***

Năm 1922, Vua Khải Định qua Pháp để vận động Pháp trở về các điều khoản của Hòa Ước Patenôtre, như đã nói ở trên. Pháp không nhượng bộ chút nào. Ngày *25.11.1925*, Vua Khải Định mãn phần, Thái Tử Vĩnh Thụy còn ở Pháp để học, ông *Tôn Thất Hân* được Tôn Nhơn phủ cữ quyền Nhiếp chức vụ Quốc Trưởng. Ông *Alexandre Varenne*, được bổ nhiệm làm Toàn Quyền Đông Dương chưa qua Hà Nội, chính phủ Pháp ra lệnh cho ông *Bon Guillot* quyền nhiếp chức vụ Toàn Quyền vào Huế, trước để ký Hiệp Định 25.11.1925 và để dự lễ an táng của Vua Khải Định. Theo hiệp định mới, Vua Việt Nam chỉ còn quyền cấp các phẩm hàm.

Lúc hồi loan — tháng 9.1932 — nhà vua trẻ thấy rằng mình thật ra không còn giữ chức vụ nào quan trọng cho nên đến năm 1938, Vua Bảo Đại trở qua Pháp cũng để vận động như phụ hoàng thời 1922, song không có kết quả.

Sau 1945, có lần tôi hầu chuyện với ông *Trần Hữu Điểu* (lãnh binh Đại Nội cuối cùng), sau 1954, được đắc cử dân biểu một thời gian. Ông tiết lộ là lúc Nhật có ý nhìn vào Đông Dương — 1939 — Vua Bảo Đại có đề nghị tăng quân số lính khố xanh, song người Pháp không tán thành và có ý đe dọa (đe dọa thế

nào thì không nghe ông Điểu nói đến).

- ***Những sự kiện liên hệ đến chế độ quân chủ năm 1945 và về sau.***

Ông Trần Hữu Điểu cho biết đầu năm 1945 có xảy ra ba chuyện làm cho hoàng gia đâm ra lo sợ vô cùng:

1. Tôm chết. Phía gần cửa Hòa Bình, phía Đại Nội có nhiều hồ. Đầu năm 1945, một hôm không rõ vì sao tôm nhảy lên ở tất cả các bờ và chết, các lao công phục vụ đem phơi bỏ vào nhiều bao bố.

2. Chồn hương phóng uế. Trong Đại Nội, có nhiều đền, miếu nên có đủ loại chồn. Chồn hương màu trắng có vết đen, phóng uế phân có mùi hương nên có tên là chồn hương. Có một con đêm nào cũng lên ngai vàng phóng uế; lúc có người rình thì nó lại không xuất hiện.

3. Sà ngang làm hỏng ngai vàng. Sự kiện nầy cũng được cựu Hoàng Bảo Đại nói đến trong cuốn *"Con Rồng Nước Nam"*. Một hôm, ông một mình vào Điện Thái Hòa, đứng gần ngai. Có gì linh tính báo nguy, ông xê ra xa thì một sà ngang rơi xuống phá vỡ ngai. Có lệnh cấm lui tới gần điện trong cả tháng để hàng chục thợ chạm ở Mỹ Xuyên, Huyện Phong Điền, ngày đêm làm cho xong để Tân Nội Các Trần Trọng Kim ra mắt Quốc Dân đầu tháng tư 1945.

Đêm 9.3.45, quân Nhật làm cuộc đảo chính và Đại Sứ *Yokohama* đến tin cho Vua Bảo Đại biết; ngày 10.3.45, nhà vua tuyên bố Nước Việt Nam Độc Lập và hơn một tháng sau, chính phủ *Trần Trọng Kim* đã ra đời, gồm toàn những nhà khoa bảng, có tài, có đức, được dân chúng xem như chính phủ lý tưởng. Ông *Phạm Khắc Hòe*, rể ông Ưng Úy thuộc Phủ Tuy Lý, Tổng Lý Ngự Tiền Văn Phòng, làm kiểm kê tỉ mỉ mọi báu vật của hoàng gia. Chính phủ đang tìm những đường lối để đi thì độ năm tháng sau ngày Nhật đảo chính, Mặt Trận Việt Minh cướp chính quyền ngày 19.8.45 ở Hà Nội. Quân Nhật đang còn ở khắp Việt Nam, đợi quân Anh, quân Tàu đến giải giới. Đại sứ *Yokohama* của Nhật tìm gặp Vua Bảo Đại, đề nghị dùng quân Nhật đàn áp quân nổi dậy. Vua Bảo Đại không đồng ý, nhất quyết thoái vị để tránh nội chiến. Ngày *23.8.45, trên cửa Ngọ Môn, trước phái đoàn V. M. từ Hà Nội vào — gồm các ông Trần Huy Liệu, Cù Huy Cận, Nguyễn Lương Bằng, Vua đọc bài diễn văn thoái vị với những từ hoa mỹ, những ý mã thượng.*

Ngày *30.6.97* ông *Chris Patten*, Toàn Quyền cuối cùng của Anh lúc trao trả Hương Cảng cho cố chủ — việc lẽ ra phải được làm từ lâu, vẫn không nén nổi sự xúc động. Ngày 23.8.1945, vị vua trẻ — mới *32 tuổi*, đẹp, lịch sự, vẫn thản nhiên trao vào tay người khác tất cả cơ đồ mà họ Nguyễn Phúc đã xây dựng gần 400 năm, từ 1558. Nhà văn Pháp *Philippe Devillers* trong cuốn *"Histoire du Vietnam 1940-1949"* cho rằng bản văn thoái vị là một tuyệt tác về văn chương, về tư tưởng.

Nhà vua không đụng đến các báu vật của hoàng gia, theo chủ trương; vả lại, ông Phạm Khắc Hòe đã chuyển tất cả cho V.M. Nhà Vua đưa nguyện vọng: xin nhà cầm quyền xem các lăng tẩm như tài sản quốc gia và bảo trị tốt giúp cho họ Nguyễn Phúc.

- ***ĐOẠN KẾT.***

Vai trò của cựu Hoàng Bảo Đại có thể xem như thật sự chấm dứt ở Ngọ Môn hôm 23.8.1945. Về sau, trong nhiều lần, cựu Hoàng xuất hiện trên sân khấu chính trị nhưng phe bạn cũng như đối thủ đã áp dụng quá tải những gì mà *Nicolas Machiavel* (1469-1527) đã dạy trong *"Le Prince"* sáng tác năm 1513: *Làm chính trị, phải dùng mọi thủ đoạn, dẫu tàn nhẫn.* Nhà Vua đành rút lui.

Nhà Vua thoái vị để tránh chiến tranh, thế mà chiến tranh vẫn xảy ra trong 30 năm, giết mấy triệu sinh linh, làm mấy triệu người bỏ nước ra đi. Lỗi của ai chứ cựu Hoàng có thể thanh thản vĩnh biệt cõi đời.

Nhà Vua, lúc thoái vị, tỏ ý giao các kiến trúc văn hóa cho nhà cầm quyền mới, hy vọng tài sản quốc gia. Nhưng sau khi Vua thoái vị, các báu vật được đưa đi đâu, dân chúng không rõ. Đầu năm

1947, lúc Mặt Trận Huế vỡ, khu trung ương của Đại Nội bị hủy bằng chất nổ hay bằng lửa. Năm 1995, cựu Hoàng cho xuất bản cuốn *"Cấm Thành Huế"* để hậu thế rõ kiến trúc của Đại Nội. các Điện Văn Minh, Võ Hiển, Cần Chánh, Càn Thanh, Kiến Trung... nay không còn nữa. Riêng Điện Kiến Trung được Vua Khải Định xây năm 1923, được Vua Bảo Đại canh tân mươi năm sau, có những tiện nghi tân kỳ, ghi nhiều kỷ niệm cho tiểu gia đình Bảo Đại; các điện ấy bị hủy sập; việc tái tạo có lẽ cần đến hàng tỷ Mỹ Kim và trăm năm nữa, chưa chắc đã làm xong. Riêng Điện Thái Hòa bị đốt bằng rơm, được tái tạo sau đó.

Sau năm 1975, nhiều lăng bị đào như lăng bà Từ Dũ, mẹ Vua Tự Đức và hàng chục lăng của hoàng gia...

Tất cả các phá hoại đó, cựu Hoàng lúc còn sống, biết để đau xót chứ không thể làm gì hơn.

Vua *Phổ Nghi*, Hoàng Đế cuối cùng của nhà Thanh ở Trung Hoa, Mãn Châu, có học, có nhiều đức tính, nhất là không hại ai, nhưng không gặp may nên ra đi mà để ấn tượng không mấy tốt đẹp.

Vua *Bảo Đại*, Hoàng Đế cuối cùng của dòng Nguyễn Phúc ở Việt Nam là một người có học, hiền hậu, tuy có nhiều cố gắng lo cho quốc gia, dân tộc nhưng vẫn mang tiếng là nhu nhược. Dân chúng nghĩ rằng nếu nhà Vua lôi cuốn dân chúng lúc công khai hóa cuộc đấu tranh giành độc lập, thế ông sẽ mạnh hơn và cuộc chiến đấu hữu hiệu hơn.

Nếu chỉ đứng về ưu điểm, thì dòng Nguyễn Phúc đã mở mang bờ cõi về phía Nam, thống nhất giang sơn bị chia rẽ hàng trăm năm.

Riêng đối với Huế, nhân dân cám ơn dòng Nguyễn Phước đã chọn Phú Xuân làm kinh đô, đã xây dựng Huế thành một trung tâm văn hóa, du lịch hấp dẫn. Dân Huế chưa hoàn toàn thỏa mãn với Vị Hoàng Đế cuối cùng, song vẫn giữ mãi hình ảnh đầy thẩm mỹ của Vị Vua 21 tuổi trượt nước, cỡi ngựa, lái phi cơ, chơi quần vợt; hình ảnh đáng trọng của vị Vua 32 tuổi trao ấn kiếm cho người khác sau một bài diễn văn gây xúc động.

Đinh Việt Thủy

vết xưa

Chiều tàn theo giọt mưa sa
Em nghiêng vành nón bài thơ Huế tình
Em về chở nắng lung linh
Cung đàn lỡ nhịp câu kinh cuối đời

Em về theo ngọn gió thu
Mân mê tà áo thiên thu nhạt nhòa
Đêm buồn trăng rụng bờ ao
Khóc người sao nỡ lìa nhau một lần

Em về tìm lại vết xưa
Bên hè con dế đong đưa giọng buồn
Ngồi đây nghiền nát tiếc thương
Tìm đâu mộng ảo hoang đường tuổi thơ

Em về như giọt sương tan
Trôi theo giòng lệ tri ân cuộc tình
Đời qua bóng đổ soi mình
Nghe lòng diệu vợi nhân tình khổ đau

Em về như cánh hạc vàng
Mang theo nhung nhớ gian truân một thời
Ta đành thu dọn ước mơ
Đào chôn dĩ vãng bài thơ học trò

Simi Cuối Đông 96
NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG

TƯỞNG NIỆM CỰU HOÀNG BẢO ĐẠI

Tôn Thất Tùng

Cựu Hoàng Bảo Đại vừa băng hà ngày 31-7-1997 tại Pháp, hưởng thọ 84 tuổi, và ngày 6-8 thân xác của vị Hoàng Đế cuối cùng của nước Việt Nam đã vĩnh viễn nằm trong miền đất lạnh.

Với 84 tuổi đời, cựu Hoàng Bảo Đại có hai mươi bảy năm giữ vai trò lãnh đạo quốc gia: 20 năm làm Vua và 7 năm làm Quốc Trưởng. Nói cho đúng thì Ngài chỉ thực sự tham gia việc nước 20 năm, vì sau khi lên ngôi Vua vào năm 1925 lúc 12 tuổi, Hoàng Đế Bảo Đại trở qua Pháp tiếp tục việc học, cho tới năm 1932 mới trở về lại Huế chính thức chấp chánh.

Sau khi bị Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tổ chức "truất phế" vào năm 1955, cựu Hoàng Bảo Đại sống lưu vong tại Pháp cho đến ngày lìa trần như đã nói trên đây. Kể từ ngày bị truất phế đến nay, bao nhiêu lời đồn đại về cựu Hoàng Bảo Đại. Người khen cũng nhiều mà người chê cũng không ít, nhưng trong tất cả các dư luận khen chê không mấy ai trưng dẫn bằng cớ mà người đời thường gọi là "nói có sách, mách có chứng". Đó là chưa kể một vài dư luận mà nếu ai bình tâm suy nghĩ sẽ thấy đó chỉ là những xuyên tạc đầy ác ý.

Nếu nói rằng trong thời gian làm Vua, Hoàng Đế Bảo Đại không làm điều gì ích quốc lợi dân thì cũng có thể nói trong suốt thời gian ở trên ngai vàng Hoàng Đế Bảo Đại không làm điều gì có hại cho dân tộc. Đúng vậy, ngôi Vua của Hoàng Đế Bảo Đại chỉ là một hư vị. Bao nhiêu quyền hành đều nằm trong tay thực dân Pháp, Vua chỉ là một ngôi vị tượng trưng thì có thể làm được gì trong bối cảnh đó? Về chức vụ Quốc Trưởng 7 năm thì cựu Hoàng đã nhận lãnh trong một giai đoạn nhiễu nhương, chinh chiến triền miên, cộng với nhiều áp lực của các cường quốc, một người hiền lành và nhân ái như cựu Hoàng đành thúc thủ.

Kẻ viết bài này tuy sinh sau đẻ muộn, chưa khi nào được gần gũi cựu Hoàng cũng như chưa hề được hưởng ơn mưa móc nhưng có người thân trong gia đình (cụ Đoàn Nẫm ở Huế) từng là bề tôi của cựu Hoàng, đã làm việc thân cận ngài gần 20 năm. Nhờ vậy tôi được nghe kể lại một số việc trong Triều đình, biết được cung cách cư xử của Hoàng Đế Bảo Đại đối với kẻ bề tôi. Qua đó, tôi biết rằng Hoàng Đế Bảo Đại là một người NHÂN TỪ VÀ ĐỘ LƯỢNG.

Đến năm 1945, lúc đó tôi đã lớn, đã có trí khôn và biết thế nào là lòng yêu nước thương nòi thì biến cố tháng 8 xảy đến. Chiều ngày 23-8-1945, tôi là một trong hàng vạn người đứng trước lầu Ngọ Môn nghe Hoàng Đế Bảo Đại tuyên đọc Chiếu thoái vị. Buổi chiều Thu năm đó bỗng dưng tôi cảm thấy khí trời oi bức một cách lạ thường. Phải chăng lòng Trời cũng xúc động trước hành động hy sinh của vị Thiên Tử? Hơn nửa thế kỷ trôi qua,

bao nhiêu nước đã chảy qua cầu, nhưng tôi không làm sao quên được nhưng lời lẽ của Hoàng Đế Bảo Đại đã đi vào lịch sử:

Trước hết, Hoàng Đế Bảo Đại nêu rõ lý do Ngài quyết định thoái vị: "Vì hạnh phúc của dân tộc Việt Nam và vì nền độc lập của nước Việt Nam nên Trẫm sẵn sàng hy sinh ngôi báu ...".

Kế đến, Hoàng Đế kêu gọi Chính phủ mới thực hiện đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân và đảng phái để xây dựng nền độc lập của nước nhà.

Sau cùng, Hoàng Đế yêu cầu Chính phủ mới tôn trọng và bảo vệ các lăng tẩm và tôn miếu của các Tiên Đế.

Trong bầu không khí trang nghiêm và vô cùng tĩnh lặng, tôi nghe nhiều tiếng khóc sụt sùi đâu đó quanh tôi. Riêng tôi, tôi không khóc nhưng lòng bồi hồi xúc động, thương mến và cảm phục vô cùng trước hành động phi thường đó của vị Hoàng Đế trẻ tuổi. Trên đường trở về tôi nặng nề lê bước!

Từ đó tôi hiểu rằng, ngoài lòng nhân từ và độ lượng Hoàng Đế Bảo Đại còn ấp ủ một tấm lòng COI TRỌNG HẠNH PHÚC CỦA DÂN TỘC HƠN NGAI VÀNG.

Kể từ năm 1946, ba năm đầu trong cuộc sống lưu vong, cựu Hoàng luôn hướng lòng về cố quốc, mong tìm một giải pháp hòa bình cho quê hương. Trong thời gian đó, một số chính khách Việt Nam như các ông Phan Quang Đán, Trần Văn Tuyên, Ngô Đình Diệm, Nghiêm Kế Tổ, Đinh Xuân Quảng v.v... cùng một vài chính khách Pháp thường đến tiếp xúc với cựu Hoàng, đề nghị Ngài trở về nước tìm cách chấm dứt chiến tranh. Cựu Hoàng đồng ý nhưng với điều kiện là Pháp phải trao trả độc lập và lãnh thổ cả 3 Kỳ. Vì lúc đó Pháp đã thành lập Chính Phủ Nam Kỳ Tự Trị do Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh và tiếp theo là Bác sĩ Lê Văn Hoạch làm Thủ Tướng, mưu toan tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam.

Trước sự đòi hỏi với lập trường vững chắc của cựu Hoàng, cuối cùng Chính phủ Pháp đành nhượng bộ, giải tán Chính phủ Nam Kỳ Tự Trị và công nhận nước Việt Nam độc lập trong Khối Liên Hiệp Pháp do hiệp ước ký kết tại điện Champ Élysée giữa Tổng Thống Vincent Auriol và cựu Hoàng Bảo Đại. Và cựu Hoàng đã trở về nước ủy nhiệm Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân thành lập nội các dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại, mở đầu trang sử mới của nước Việt Nam dân chủ.

Tháng 10-1955, sau khi diễn trò "Trưng cầu dân ý" truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại để mình trở thành Tổng Thống, ông Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh thành lập Ủy Ban Tịch thu Tài sản của cựu Quốc Trưởng Bảo Đại. Sau một thời gian làm việc, Ủy Ban trình lên Tổng Thống Diệm bản liệt kê tài sản gồm có:

— Cung An Định ở Huế

— Biệt Điện số 1 và Biệt Điện số 2 ở Đà Lạt

— Biệt Điện ở Ban mê Thuột

— Biệt Điện ở Vũng Tàu

— Du thuyền Hương Giang

Kết quả thật là oái ăm, vì sau khi tra cứu hồ sơ tại Nha Điền Địa thì mới biết 5 bất động sản trên đây đều là tài sản quốc gia chứ không phải tài sản riêng của cựu Quốc Trưởng Bảo Đại. Không lẽ Chính phủ lại tịch thu tài sản của quốc gia, nhưng sắc lệnh tịch thu tài sản đã lỡ ban hành, Ủy Ban kiểm kê đã hò hét rùm beng rồi, nay không lẽ âm thầm giải tán Ủy Ban thì tránh sao khỏi tiếng đời mai mỉa. Các quan chức trong Ủy Ban Tịch thu Tài sản đành đi đến quyết định: Thôi thì có nhiều "tịch" nhiều, có ít "tịch" ít. Thế là chỉ có mỗi du thuyền Hương Giang được đem bán đấu giá sung vào công quỹ. Người dân cố đô lại được một phen cười bể bụng, vì cái mà quý vị chức sắc của nền đệ nhất Cộng Hòa gọi là "du thuyền" thực ra chỉ là một loại xuồng bằng sắt có gắn thủy động cơ và sơn phết đàng hoàng, dùng để đưa đón vị nguyên thủ Quốc Gia nên được gọi là "du thuyền" cho có vẻ trang trọng chứ lột mui hạ buồm thì không khác chi chiếc đò đưa khách sang sông.

Không biết ai là người đề xướng việc tịch thu tài sản

của cựu Quốc Trưởng Bảo Đại? Ông Diệm, ông Nhu, ông Cẩn hay đám công thần của Đảng Cần Lao? Nhưng dù ai là tác giả cái sắc lệnh khôi hài vô tiền khoáng hậu kia đi chăng nữa thì ông Ngô Đình Diệm cũng phải mang món nợ tinh thần với cựu Hoàng Bảo Đại, vị Quân vương ngày trước của ông và chỉ mới 16 tháng trước đó ông còn đứng nghiêm chỉnh trước mặt cựu Hoàng đưa tay cao thề sẽ "LUÔN LUÔN TRUNG THÀNH VỚI QUỐC TRƯỞNG" để được cựu Hoàng ký sắc lệnh cử làm Thủ Tướng.

Bị người cộng sự đối cử cạn tàu ráo máng như thế để đến nỗi phải sống lưu vong cơ hàn cho đến lúc băng hà, nhưng chưa một lần nào cựu Hoàng Bảo Đại tỏ ý trách móc lòng phản trắc của ông Ngô Đình Diệm. Ngay cả trong cuốn LE DRAGON VIỆT NAM, mỗi khi nhắc tới ông Diệm, cựu Hoàng vẫn dùng cụm từ "ông Ngô Đình Diệm" một cách lịch sự. Vậy thái độ đó của cựu Hoàng Bảo Đại là gì? Xin thưa, đó chính là thái độ của người QUÂN TỬ.

Căn cứ vào những điều trưng dẫn trên đây, tôi nhận thấy cựu Hoàng Đế Bảo Đại là một người: Nhân từ và độ lượng. Coi trọng hạnh phúc của nhân dân hơn ngai vàng. Có một tấm lòng quân tử.

Muốn đạt được những đức tính ấy, cựu Hoàng Bảo Đại phải vượt lên tất cả những thói thường vốn sẵn trong mỗi con người. Ngài khởi sự cuộc sống lưu vong trong lúc tuổi thanh xuân — 42 tuổi, sống thanh bạch trong gần nửa thế kỷ. Tôi thiển nghĩ trên hoàn vũ này hẳn không có một Quốc Vương hay Quốc Trưởng nào vì hoàn cảnh phải sống lưu vong lại nghèo nàn như ông Vua cuối cùng của nước Việt Nam.

Hôm nay, đúng một trăm ngày cựu Hoàng Bảo Đại băng hà, tôi xin đốt nén hương lòng, kính cẩn dâng lên anh linh cựu Hoàng Bảo Đại và nguyện cầu hương hồn Ngài sớm về miền cực lạc.

Orange County
ngày 9 tháng 11 năm 1997
Viết nhân lễ 100 ngày
của cựu Hoàng

Tôn Thất Tùng

*

NGÀY ĐÔNG XỨ TUYẾT NHỚ CÔ GÁI HUẾ

Trời đông tuyết phủ cảnh tha hương
Lạnh thấm lòng người khách viễn phương
Nhớ buổi nắng hè soi xóm lặng
Cành đa lá rũ khuất bờ dương

Thuở ấy đò đưa bến Nguyệt-biều
Chở trăng chở gió với tình yêu
Chèo, o lái trẻ hò đưa đẩy
Tà áo bay theo ngọn gió chiều

Nón lá bài thơ dải lụa dài (1)
Tóc thề mái xõa chấm bờ vai
Giòng Hương đỉnh Ngự câu hò hẹn
Bến cũ đò xưa mộng tưởng hoài (2)

Hà Xuân Tế
Đông Mậu Ngọ (1979)

(1) Nón lá có lồng giấy cắt chữ thành câu thơ, rất đẹp và bán ở Huế.
(2) Ca dao: Trăm năm dầu lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò khác đưa.

Cách ăn uống của các Vua chúa

Hoàng Giao

Ngày tôi còn nhỏ, tôi được may mắn trông thấy Vua Bảo Đại ba lần. Lần thứ nhất là một ngày sinh nhật của vua, gọi là ngày Vạn Thọ, mà tất cả công chức học sinh phải tề tựu trước Đại- nội để dự lễ mừng vua. Đến giờ nhà vua xuất hiện trên lầu cửa Ngọ-môn cho dân chúng chiêm ngưỡng, tất cả các học sinh và những người tham dự đều phải hô to các khẩu hiệu như "Vạn thọ vô cương, Hoàng đế vạn tuế" và cùng hát quốc ca, cùng những bài chúc mừng nhà vua. Dịp thứ hai là lúc vua ngồi trên kiệu đi từ Đại-nội lên đến Đàn Nam-giao để dự lễ tế Nam-giao. Khi kiệu vua đi ngang, dân chúng phải cúi đầu nhìn xuống đất, mặc dù đã phải đứng cách xa hai bên vệ đường. Dịp thứ ba là lúc Vua Bảo Đại dự lễ trao ấn kiếm cho Việt Minh trước khi thoái vị, cũng được tổ chức trên lầu cửa Ngọ-môn. Trong các dịp ấy, nhà vua đều mặc áo dài và đội khăn đóng màu vàng. Còn những lần vua lái máy bay lượn trên bầu trời thành phố Huế thì ít ai được trông thấy nhà vua mà chỉ biết máy bay đó là do vua lái, bên cạnh có một đại úy phi công người Pháp tháp tùng.

Có điều tôi vẫn thắc mắc lúc bấy giờ là không biết các vua chúa ngày xưa ăn uống như thế nào. Các thức ăn có khác món của dân hay cũng chừng đó loại thực phẩm. Đây có lẽ cũng là thắc mắc của các trẻ con, vì đối với lớp người còn nhỏ, lúc nào cũng quan niệm vua chúa là các vị thần thánh không giống như ông bà cha mẹ của mình. Cái gì của vua chúa cũng khác với dân, chứ không nghĩ rằng vua chúa cũng là con người sống trên mặt đất. Càng lớn lên, sự hiểu biết càng tăng, đồng thời được nghe và thấy những điều do ông bà cha mẹ kể lại, mới biết rằng các vua chúa cũng dùng các thức ăn mà dân chúng thường dùng, có khác chăng là cách nấu nướng và cách ăn uống. Theo nhiều người nói thì sở dĩ ở Huế có nhiều loại trái cây ngon đem giống từ bên Tàu về trồng, chẳng hạn như thơm Vân- nam, mãng cầu Xiêm v.v... là vì các vua chúa thường cho người đi tìm khắp nơi hoặc do các vị sứ thần biếu tặng, có loại cây nào hợp với phong thổ xứ Huế thì đem về trồng để các vua quan ăn.

Riêng về các bữa cơm của vua thì ít ai biết đến, ngoại trừ một số quan đại thần hoặc những người hầu hạ các vua chúa trong hoàng cung. Dân gian nói chung thì chỉ nghe kể lại. Trong đầu óc mỗi người, các vua chỉ dùng chén bằng ngọc, đũa bằng ngà voi. Có vua ăn cơm bằng chén dĩa kiểu, tức là một loại đồ sứ quý, mua ở bên Tàu và dùng một lần rồi bỏ đi. Về gạo thì các vua triều Nguyễn chỉ ăn một loại gạo đặc biệt gọi là gạo "De" trồng ở làng An-cựu, ngay trong thị xã Huế, và chỉ nơi đây mới có thể trồng được loại gạo này. Các đồ ăn thì toàn là sơn hào hải vị, tức là các loại thật ngon, thật quý mà dân gian không mua được.

Đầu bếp thì toàn là những người trứ danh được tuyển chọn từ khắp nước. Các món

ăn khi nấu xong và trước khi dâng vua, phải đưa qua một vị Thái-giám thử trước xem có thuốc độc trong các thức ăn hay không, để đề phòng những kẻ muốn ám hại nhà vua. Trong những ngày có yến tiệc, còn có các món ăn đặc biệt và đắt tiền như nem công, chả phượng. Những lời do dân gian truyền miệng mà tôi được nghe trên đây thực ra cũng có phần đúng.

☆ CÁCH ĂN UỐNG CỦA CÁC VUA TRIỀU NGUYỄN

Theo một tài liệu mà tôi được đọc nói về cách ăn uống của các vua chúa đời nhà Nguyễn, thì mỗi vị vua có một cách ăn uống khác nhau. Có một điểm đặc biệt là mãi cho đến đời vua Duy Tân, các vua đời trước đều chỉ ăn một mình, không có ai được ngồi ăn chung với vua, kể cả Hoàng Quý phi.

Vua Gia Long ăn uống thanh đạm, không cầu kỳ, không cao lương mỹ vị. Ông thường dùng các món ăn thông thường như mọi người dân khác như cá, thịt, rau và sau đó tráng miệng bằng trái cây hoặc bánh. Ông không uống rượu. Vua Minh Mạng thì trái lại, ông cho xây hẳn một ngôi nhà riêng biệt trong Tử Cấm thành, gọi là Thượng thiện đường và cho tuyển 50 đầu bếp giỏi để chuyên lo nấu ăn cho Vua ăn. Mỗi đầu bếp phụ trách một món. Thức ăn nấu xong được thái giám chuyển từ nhà bếp vào cung để các tỳ nữ dâng lên cho vua.

Vua Đồng Khánh mỗi ngày ngự thiện (tức là ăn) 3 lần. Sáng vào giờ Mẹo (6 giờ sáng), trưa vào giờ Tý (11 giờ) và chiều vào giờ Dần (5 giờ). Đến giờ ăn, khi nghe tiếng chuông báo hiệu, các đầu bếp chuyển các món ăn đã nấu xong cho quan thị vệ để quan này kiểm soát và chuyển đến đoàn thái giám. Các thái giám sau đó chuyển đến 5 cung nữ để dọn lên cho vua ăn và quỳ gối hầu cơm. Vua Đồng Khánh chỉ dùng một số trong 50 món ăn được chọn sẵn, được nấu rất công phu riêng cho nhà vua. Khi ăn, nhà vua thường uống rượu mạnh, đặc biệt chế bằng hột sen và cây thuốc thơm (?). Cũng có khi uống rượu chát Bordeaux của Pháp, cơm vua ăn nấu bằng gạo De An-cựu, được lựa từng hạt. Cơm nấu bằng om đất (một loại nồi làm đất sét nung) do làng Phước-tích sản xuất. Đũa được vót bằng tre vừa mới trổ đủ lá và mỗi ngày cho thay một lần.

Vua Duy Tân là người ăn uống đơn giản nhất. Khi lên ngôi, vua truyền dẹp bỏ 50 món ăn hoàng cung hàng ngày mà các vua chúa trước thường dùng. Bữa cơm của ông rất thanh đạm, thường chỉ có cơm và cá ống thệ kho mặn. Nhà vua thường ăn chung với hoàng hậu chứ không ăn một mình như các vua trước.

Lý do có lẽ là thuở hàn vi vua Duy Tân sống như thường dân cho nên khi lên ngôi Ông cũng muốn giữ nguyên phong cách đó và đồng thời để nêu gương đức độ cần kiệm cho triều đình và toàn dân.

cố đô hoài cảm

Một bước lưu vong một bước sầu,
Ta còn xa Huế đến bao lâu?
Bao năm trăng lạnh soi Thành Nội?
Mấy độ thu phai vắng ngự châu?
Lớp sóng phế hưng tràn bệ ngọc,
Cung đàn ly biệt thấm dòng châu!
Mây ơi! có lại ngang trời Huế,
Xuân về xin gửi chúc đôi câu.

XUÂN ÁNG

Đến đời vua Khải Định, thì cách ăn uống lại trở lại cầu kỳ. Mỗi bữa ăn gồm có 35 món. Mỗi món đựng trong một tô hay đĩa rồi đặt trong các quả hộp làm bằng gỗ sơn son thiếp vàng. Sau khi nấu xong, các món ăn được bưng từng món từ Thượng thiện đường đến lầu Kiến trung (tức là nơi điện của vua) có lính cầm lọng che. Vua Khải Định không thích phụ nữ cho nên khi ăn uống không có cung tần mỹ nữ nào lảng vảng. Những người hầu cơm cho Vua là các quan thị vệ có cấp bậc từ Nhất đẳng đến Ngũ đẳng.

Vua cuối cùng của Triều Nguyễn là Bảo Đại, do ảnh hưởng của đời sống và văn hóa Tây phương, đã thay đổi hẳn cách ăn uống. Nhiều nghi lễ phức tạp đã được dẹp bỏ và không khí gia đình trong bữa ăn đã được đặc biệt chú ý. Nhà vua cùng ngồi ăn chung với hoàng hậu Nam Phương và các hoàng tử, công chúa ngay trong lầu Kiến Trung. Đây quả thật là một cuộc canh tân lớn trong đời sống các vua chúa thời xưa.

Cách ăn uống của các nhà vua, không riêng gì triều Nguyễn, quả thật là đặc biệt. Mỗi ông vua có một triết lý về ẩm thực riêng. Các món ăn và ăn uống đã phản ảnh được văn hóa nước ta qua mỗi triều đại.

☆ CÁC BUỔI YẾN TIỆC

Đây là các bữa đại tiệc thết đãi triều đình và các quan khách ngoại quốc trong những ngày lễ lớn như Tết Nguyên-đán, sinh nhật Vua, tấn phong Hoàng Thái hậu, Hoàng Thái phi, lễ Đăng quang, lễ tiếp đón các sứ thần ngoại quốc hoặc lễ mừng các tân khoa trong các kỳ thi Hội, thi Đình v.v... Các yến tiệc của các nhà Nguyễn thường được tổ chức tại điện Cần-chánh trong Đại-nội. Tuy là tiệc do nhà Vua thết đãi, nhưng các Vua nhà Nguyễn, từ Gia Long cho đến Tự Đức, không bao giờ tham dự. Các yến tiệc kể từ đời Vua Đồng Khánh đã bắt đầu nhuốm màu sắc Tây phương cho nên được trang trí rất trịnh trọng và đẹp mắt. Bàn ăn được phủ khăn nỉ màu đỏ, trên mỗi bàn đều có chưng hoa quả và trái cây. Bàn ghế được sắp thành hai dãy dài. Các ly rượu được sắp sẵn dọc hai bên bàn, cạnh các chén ăn và muỗng đũa. Chén dĩa toàn bằng đồ sứ mang từ Trung Hoa. Đại yến trong Hoàng cung được chia làm 3 hạng gọi là "Cỗ". Cỗ hạng nhất dành cho các sứ thần và các quan đại triều gồm có 2 mâm, mỗi mâm có 60 món. Cỗ hạng nhì dành cho các viên chức triều đình, có 4 mâm, mỗi mâm có 30 món. Cỗ hạng ba dành cho các tùy tùng của các thượng khách. Các món ăn thuộc cỗ hạng nhất thường gồm các món ăn quý giá và đắt tiền thuộc sơn hào hải vị, như yến sào, long tu, cá mực, vi cá, hải sâm, bong bóng cá, gà tần, gà hấp, gà quay, tôm rang, thịt dê, cua biển, gà chưng, vịt chưng nguyên con, giò heo hấp, cá tẩm bột chiên, chim bồ câu hầm, chân heo chưng v.v... Đặc biệt trong cỗ hạng nhất mới có yến sào tức là một trong các món ngon nhất gọi là "bát trân" chỉ dành cho các vua chúa. Tám món trong "bát trân" là nem công, chả phượng, da tây ngu, bàn tay gấu, gân nai, môi đười ươi, thịt chân voi và yến sào (tức là ổ chim yến).

Ăn được một bữa cơm của Vua ban là một vinh dự lớn lao cho người dân. Nhưng người thường dân không có chức phận trong triều đình, không bao giờ hưởng được ân huệ đó, ngay cả những viên chức quan lại trong triều nếu không có phẩm trật cao. Hơn nữa trong nước, có món ăn gì ngon cũng dâng cho vua để tỏ lòng tôn kính. Cơm vua ngày nay không còn nữa, vì theo thời gian và biến chuyển của thời đại, các vua lúc bấy giờ cũng đã giảm dần các tục lệ, nghi thức rườm rà trong mỗi bữa ăn. Tuy vậy tại Huế, con cháu các gia đình thuộc giòng giõi hoàng tộc hoặc có chức tước lớn trong triều đình, ngày nay vẫn còn một số vẫn còn nấu những món ăn đặc biệt ngày xưa trong những dịp kỵ giỗ hay tế lễ.

California,
tháng 7 năm 1997.

Hoàng Giao

CÔNG CHÚA ĐÔNG ĐÔ, HOÀNG HẬU PHÚ XUÂN NÀNG LÀ AI?

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Trên dưới hai trăm năm nay, trong dân gian thường truyền tụng câu ca dao:

"Gái đâu có gái lạ đời,
"Con vua lại lấy hai đời chồng vua.

Con vua đây là con vua Hiển Tông triều Hậu Lê. Nhà Hậu Lê đóng đô ở Hà Nội ngày nay, thời bấy giờ gọi là Đông Đô. Nàng là Công Chúa Đông Đô.

Hai đời chồng vua, thì một đời chồng là vua nhà Nguyễn Tây Sơn, còn đời chồng kia là vua sáng nghiệp nhà Cựu Nguyễn. Cả hai triều vua Nguyễn Tây Sơn và Cựu Nguyễn đều đóng đô ở thành phố Huế ngày nay, thời bấy giờ gọi là Phú Xuân. Nàng là Hoàng Hậu Phú Xuân. Vậy nàng là Công Chúa Đông Đô, Hoàng Hậu Phú Xuân. Nàng quả thật là một nhân vật phi thường. Nàng là ai vậy?

Trong lịch sử cận đại Việt Nam, hễ nói đến công chúa con vua mà lại lấy chồng vua, làm hoàng hậu, là người ta nghĩ ngay đến công chúa Lê Ngọc Hân con vua Lê Hiển Tông, gả làm vị vua Quang Trung nhà Nguyễn Tây Sơn. Dựa vào câu hát dân gian trên đây, người ta lại cho rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, Công Chúa Lê Ngọc Hân được vua Gia Long lập làm Đệ Tam Cung, cho nên bà là công chúa con vua mà lại lấy chồng hai lần, cả hai đời chồng đều là chồng vua cả. Lại cũng có truyền thuyết cho rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân vô cùng bi thảm. Bà đã cùng hai con trốn tránh được một thời gian rồi bị bắt và bị xử cực hình.

Sự thực như thế nào?

Nàng Công Chúa Đông Đô, Hoàng Hậu Phú Xuân đích thực là ai vậy?

Công Chúa Lê Ngọc Hân sinh năm 1771, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32, là công chúa thứ 21 con vua Hiển Tông nhà Hậu Lê. Bà mẹ Công Chúa Lê Ngọc Hân tên là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phù Ninh, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh. Công Chúa Lê Ngọc Hân là em Thái Tử Lê Duy Vỹ và là cô Hoàng Tự Tôn Lê Duy Kỳ tức là người sau này lên nối ngôi vua Lê lấy niên hiệu là Chiêu Thống. Khi Nguyễn Huệ làm Tiết Chế, thống lĩnh quân đội Tây Sơn ra đánh Bắc Hà với danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh" vào năm 1786 thì Công Chúa Lê Ngọc Hân mới 16 tuổi. Vì Nguyễn Huệ một phần nào cũng có bụng tôn phù nhà Lê, mặt khác do sự mối mai thu xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh muốn bắc cầu thân gia giữa Vua Lê Hiển Tông và Tiết Chế Nguyễn Huệ, nên Vua Lê Hiển Tông đã đem Công Chúa Lê Ngọc hân gả cho Nguyễn Huệ và phong Huệ làm Nguyên súy dực chính phù vận Uy Quốc Công.

"Từ cờ thắm trở vời đất Bắc,
Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương.
Rút dây vận mệnh phụ hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy."

Hai vợ chồng Nguyễn Huệ lưu lại Đông Đô một thời gian

ngắn. Sau khi vua Lê Hiển Tông băng hà, Công Chúa Lê Ngọc Hân theo chồng về Phú Xuân. Đến năm 1789, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, phong cho Công Chúa Lê Ngọc Hân làm Bắc Cung Hoàng Hậu. Thế là nàng Công Chúa Đông Đô đã trở thành Hoàng Hậu Phú Xuân.

Điều cần lưu ý là Vua Quang Trung có đến hai bà Hoàng Hậu được tấn phong cùng một lúc. Ngoài Bắc Cung Hoàng Hậu họ Lê, Vua Quang Trung còn có Chính Cung Hoàng Hậu họ Phạm. Theo Tây Sơn Tiềm Long Lục, bà Hoàng Hậu họ Phạm này tên là Phạm Thị Liên, người Bình Định, là anh em ruột với Hộ Giá Phạm Văn Ngạn, Giả Vương Phạm Văn Trị, Thái Úy Phạm Văn Tham và Thái úy Phạm Văn Hưng. Bà Phạm Thị Liên lại còn là anh em cùng mẹ khác cha với Thái Sư Bùi Đắc Tuyên và Hình Bộ Thượng Thư Bùi Văn Nhật. Chính Cung Hoàng Hậu họ Phạm sinh hạ được 5 người con, 3 trai 2 gái. Người con trai lớn là Quang Toản, còn có tên là Quang Bình, về sau nối ngôi nhà Tây Sơn, tức là Vua Cảnh Thịnh. Hai người con trai kia thì một người tên là Quang Bàn, được phong Tuyên Công lãnh Đốc Trấn Thanh Hóa, một người tên là Quang Thiệu được cử làm Thái Tể. Hai người con gái thì một người lấy Phò Mã Nguyễn Văn Trị, còn một người thì gả cho Nguyễn Phước Tư là Tôn Thất hệ nhất nhà Cựu Nguyễn. Vua Quang Trung rất mực quý trọng bà Chính Cung Hoàng Hậu họ Phạm này. Theo các tài liệu của Phái bộ Truyền giáo Nam Hàm, nhất là lá thư của Giáo sĩ Girard đề ngày 25-11-1792 gửi Giáo sĩ Boiret ở Macao, thì khi Hoàng Hậu lâm bệnh, Vua Quang Trung đã cho mời thầy thuốc người Âu đến chữa bệnh và đến khi Hoàng Hậu mất thì nhà vua đau đớn vật vã đến phát điên phát cuồng. Bà mất ngày 29 tháng 3 năm 1791 mà mãi đến ngày 25 tháng 6 năm đó mới đưa đi chôn cất. Bà được truy tặng là Nhân Cung Đoan Tĩnh Trinh Thục Nhu Thuần Vũ Hoàng Chính Hậu.

Về phần Bắc Cung Hoàng Hậu họ Lê, bà là lá ngọc cành vàng, quê ngoại lại là xứ Kinh Bắc tài hoa văn vật, nên bà là một phụ nữ thông minh, đức hạnh và nhan sắc, thật là vẹn toàn mọi vẻ. Ngày mới thành hôn với Nguyễn Huệ, trên đường đi bái yết các Tiên Đế ở Thái miếu trở về, Nguyễn Huệ hỏi bà: "Các hoàng tử và công chúa, mấy ai được vinh hạnh như nàng, được thành thân với ta, nàng cảm thấy như thế nào?" Tuy mới 16 tuổi đầu, Công Chúa Lê Ngọc Hân đã tỏ ra là người giỏi ứng đối: "Nhà vua quen sống đạm bạc, bổng lộc ít ỏi, các hoàng tử và công chúa đều thanh bạch, nay thiếp được nâng khăn sửa túi cho Chúa Công, cũng tỷ như giọt nước trên không trung rơi vào nơi lầu son gác tía, thân phận thiếp quả là may mắn hơn cả". Nguyễn Huệ rất đẹp lòng. Bà có nhiều ảnh hưởng trong các quyết định quan trọng của Nguyễn Huệ. Khi Vua Lê Hiển Tông băng hà, Nguyễn Huệ đã nghe lời Công Chúa Lê Ngọc Hân, có ý muốn lập Sùng Nhượng Công Duy Cận lên ngôi thiên tử. Đến khi Hoàng tộc nhà Lê vì việc đó mà đòi tước bỏ sổ bộ của Công Chúa, Nguyễn Huệ lại theo lời bà mà chịu lập Hoàng Tự Tôn Duy Kỳ lên ngôi vua. Vừa thông minh, vừa khôn khéo, trong thời gian làm Hoàng Hậu ở Phú Xuân, Công Chúa Lê Ngọc Hân chẳng những chỉ làm đẹp lòng Đức chí tôn mà còn khuynh loát cả Triều đình như chúng ta sẽ thấy về sau này ảnh hưởng của bà lớn lao như thế nào trong việc tuyển chọn Hoàng Hậu cho Vua Cảnh Thịnh. Thật vậy, bà đã quyết định đem em gái là Công Chúa Lê Ngọc Bình, cũng là Công chúa con Vua Lê Hiển Tông như bà, vào làm chính cung cho Hoàng Đế nối nghiệp nhà Tây Sơn là Vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản.

Công Chúa Lê Ngọc Hân lấy Nguyễn Huệ năm 1786, thụ phong Bắc Cung Hoàng Hậu năm 1789. Bà sinh hạ một trai là Nguyễn Văn Đức và một gái là Nguyễn Thị Ngọc. Công Chúa Lê Ngọc Hân mất năm 1799, đương triều Vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn. Năm đó, bà mới 29 tuổi. Bà được truy

tặng là Nhu Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Bà là người vừa giỏi văn quốc âm, vừa thông sách Hán tự. Lúc Vua Quang Trung còn sống, bà thường giảng giải kinh điển cho nhà vua nghe. Lúc Vua Quang Trung cử hành lễ Tứ Tuần Vạn thọ Khánh Tiết, bà dâng bài biểu mừng như sau:

"Tư ngộ thiên thọ khánh tiết, thanh thiên ứng luật, hôn chử tại thì. Ngọc thụ phiêu hương, bích đào hiến trường sinh chi quả; ngân thiềm thổ diễm, băng hồ khai phục đán chi hoa. Tử ái nùng nhi khuê các đằng phương, thụy khí sảng nhi vu huy tăng sắc. Cẩn phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ thụy khí trình tường, thông uất phụng lân chi thái; quang thiên xiển lãng, chiếu hồi Dực Chẩn chi hư. Quế điện truyền hương; tiêu đình dật khánh.

Khâm duy Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức phối lưỡng nghi. Cung thiên phi chấn vũ công, Tây thổ hưng vương chi sự nghiệp; thì hạ tứ trần ý đức, đông giao hoàn định quốc cho qui mô. Xích nhật minh nhi ngung nhược hữu phu; thọ tinh diệu nhi chiêm y cọng ngưỡng. Thần xu điện nhiễu quang phù vạn thọ chi bôi; xương hạp vân khai dinh triệt thiên thu chi kính. Tứ tự thường điều ngọc chúc, ức niên vĩnh điện kim âu.

Thần đức thiểm Quan thư, nhân tàm Cưu mộc. Trung khổn cận bồi chẩn tọa, bái chiêm bát thiên xuân sơ kỷ chi tiên trù; nội đình mật nhĩ thiều âm, cẩn chúc thiên vạn tuế vô cương chi đỉnh tộ".

(Nay gặp khánh tiết mừng tuổi thọ của Hoàng đế, khúc nhạc thanh thương ứng luật hợp tiết, cồn hoa đang độ. Cây ngọc đưa hương, cây bích đào dâng quả trường sinh; trăng bạc nhả ánh trong, hồ băng lại nở hoa buổi sáng. Mây mù sắc tía nồng đượm mà khuê phòng hương nức; khí lành sáng tỏ mà áo xiêm thêm màu. Kính cẩn dâng bài biểu chúc mừng. Cúi nghĩ lấy khí lành triển điềm tốt, tưng bừng màu sắc con phụng con lân; đầy khắp thiên hạ chiếu về cõi hư không sao Sực sao Chẩn. Điện quế truyền hương; sân tiêu tràn điều mừng.

Kính nghĩ Hoàng đế bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức hợp với Trời và Đất. Cung kính thi hành sự trừng phạt của Trời lớn lao chấn động vũ công, đất Tây Sơn đẹp đẽ hưng sự nghiệp đế vương; trần bày đức đẹp vào bản nhạc ca vĩ đại, ở cõi giao dã phía đông đã định xong qui mô của nước nhà. Mặt trời đỏ rạng mà nghiêm đáng tin [quẻ quan]; sao thọ tinh chiếu sáng mà thiên hạ đều cùng ngưỡng lên trông mong nương tựa [thiên Tiểu biền, phần Tiểu nhã trong Kinh Thi]. Sao Xu của Bắc đẩu điện vây, ánh sáng nổi lên chen mừng Vạn thọ; cửa Trời mây mở, sắc trong thấu triệt mặt kính ngàn thu. Bốn mùa thường điều hòa khiến cái đức của Vua đẹp như ngọc và sáng như đuốc; trong ức năm mãi vững chiếc lọ vàng.

Hạ thần đức thẹn với thơ Quan thư, nhân ngượng với thơ Cưu mộc. Trong nội thất theo hầu kề cùng ngồi mặc đồ lộng lẫy, vái mong tính theo tuổi thiên niên kỷ khởi đầu của Bệ hạ một mùa xuân tám ngàn năm; chốn nội đình kề sát nghe nhạc thiều, ân cần chúc phước của quốc gia được ngàn muôn năm vô hạn).

[Nam Phong Tạp Chí, số 103, năm 1926, phần Hán văn. Bản dịch của Tạ Quang Phát].

Công Chúa Lê Ngọc Hân vừa thông Hán tự, vừa giỏi quốc văn. Lúc Hoàng Đế Quang Trung băng hà vào ngày 15 tháng 9 năm 1792, bà mới có 22 tuổi. Bà chỉ mới chung sống với nhà vua vỏn vẹn có 6 năm trời, có được hai mặt con. Làm sao có thể tưởng tượng hết tâm trạng thống khổ của bà lúc bấy giờ. Rất may cho hậu thế là bà có soạn một bài văn tế bằng quốc âm để tế nhà vua.

Trong nỗi bất hạnh lớn lao của Công Chúa Lê Ngọc Hân là cái may mắn tột cùng của nền văn học nước nhà. Bà đã để lại cho đời sau bài Ai Tư Văn mà tất cả chúng ta đều đã biết. Tuy không thể so sánh ngang hàng với Truyện Kim Vân Kiều hay Khúc ngâm Chinh Phụ, nhưng bài Ai Tư Văn cũng là một áng văn rất đáng trân trọng, cũng là một vật báu trong kho tàng văn học nước nhà. Trong bài điếu văn có nhiều câu nhiều chữ đọc lên như oán như than, khiến người thưởng lãm cũng thấy não lòng. Phải là người trong cuộc, và tâm hồn hết sức tinh tế, tình cảm hết sức bén nhạy, mới có thể giải bày tâm trạng bi thương thành những lời thơ não nùng diễm tuyệt nhường ấy! Nỗi buồn nào lê thê bằng nỗi buồn của người góa phụ còn quá trẻ đau đớn than van về cái chết đột ngột của người chồng vương giả tài cao mà mệnh đoản:

"Khi trận gió hao bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!"

và niềm xót xa nào bi thiết hơn niềm xót xa của người mẹ trẻ vì thương con còn trứng nước mà chưa thể liều thân cho vẹn chữ tòng:

"Quyết liều mong vẹn chữ tòng,
Trên rường nào ngại, giữa giòng nào e.
Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ thâm tình chưa thoát được đi."

Công Chúa Lê Ngọc Hân là người tài sắc vẹn toàn. Bà sinh trưởng nơi chốn điện ngọc đền vàng, đã là công chúa con vua lại lấy chồng làm vua. Sau khi Hoàng Đế Quang Trung băng hà, Hoàng Thái Tử Quang Toản lên kế vị, lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh. Tuy Vua Cảnh Thịnh là con của bà Vũ Hoàng Chính Hậu họ Phạm, nhưng lúc bấy giờ bà này đã mất, nên Công Chúa Lê Ngọc Hân được tôn lên ngôi vị Hoàng Thái Hậu. Hơn nữa, bà lại còn là chị ruột của Công Chúa Lê Ngọc Bình lúc bấy giờ là Hoàng Hậu vợ Vua Cảnh Thịnh. Trong chốn nội đình, địa vị của bà như vậy có thể nói là tột cùng tôn quí. Tuy nhiên, trong thời gian Vua Cảnh Thịnh mới lên ngôi, quyền lực trong triều bị thu tóm vào tay Thái Sư Bùi Đắc Tuyên và gia đình họ Bùi, gây nên tình trạng bè phái chia rẽ, và Công Chúa Lê Ngọc Hân đã rất đỗi đau lòng.

Thật vậy, nhóm quyền thần gốc Bình Định của Thái Sư Bùi Đắc Tuyên và Thái Phó Trần Quang Diệu đã chèn ép các bề tôi cũ của Vua Quang Trung gốc Thuận Hóa và Bắc Hà, gây nên việc Trần Văn Kỷ bị đi đày, Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích bị thất sủng, khiến Ngô Văn Sở bỏ chạy theo Nguyễn Vương, tất cả những điều đó đã làm cho cuộc sống của Tư Đồ Võ Văn Dũng, cha con Bùi Đắc Tuyên, Bùi Đắc Trụ bị trầm hà, phe phái lộng thần bị dẹp tan, triều đình trở lại ổn định, bên trong Tư Đồ với Thái Phó giảng hòa, bên ngoài dân chúng liên tiếp mấy năm được mùa, thì nỗi lòng Công Chúa Ngọc Hân cũng vơi bớt chút ưu tư về thế cuộc, chỉ còn chĩu nặng niềm thương nhớ người chồng tài cao mà mệnh đoản:

"Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo,
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân
Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa."

và nỗi xót xa hai đứa con còn trứng nước sớm lâm cảnh côi cút mà thôi:

"Gót lân chỉ mấy hàng lẩm chẩm,
Đầu mũ mao mình tấm áo gai.
U ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy chua cay dường nào."

Năm Kỷ mùi (1799), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7, Công Chúa Lê Ngọc Hân mất, hưởng dương 29 tuổi. Lễ Bộ Thượng Thư Đoàn Nham Hầu Phan Huy ích phụng chỉ soạn bài văn tế cho Hoàng Đế Cảnh Thịnh đích thân đọc trước linh sàng Hoàng Thái

Hậu họ Lê. Bà được truy tặng là Nhu Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Bài văn tế này đã được Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm tìm thấy và công bố trên Tạp Chí Tri Tân vào năm 1943 tại Hà Nội.

Vậy rõ ràng Công Chúa Lê Ngọc Hân đã mất tại Phú Xuân, đương triều Vua Cảnh Thịnh. Tuy vậy, chung cục của công Chúa Lê Ngọc Hân vẫn là một đề tài cho nhiều câu chuyện thành văn hoặc truyền khẩu khác nhau, nhiều khi trái ngược nhau là đằng khác. Nguyên do là sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, con cháu nhà Tây Sơn bị tuyệt diệt, các tài liệu về nhà Tây Sơn bị cấm tàng trữ, nên chẳng còn ai có cơ hội và phương tiện nghiên cứu thân thế và sự nghiệp các nhân vật thời Tây Sơn một cách chính xác và rõ ràng. Các tài liệu về nhà Tây Sơn được lưu hành chỉ thuần một loại là các sử liệu của Quốc Sử Quán triều Nguyễn mà thôi. Hơn nữa, những người đặt chuyện dã sử lại có thói quen dệt gấm thì thường thêm hoa, để cho câu chuyện đượm phần ly kỳ hấp dẫn. Bởi những lẽ đó mà chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân được kể lại trong các câu chuyện thành văn hay truyền khẩu đã không đúng với sự thật. Không có câu chuyện nào kể rằng Công Chúa Lê Ngọc Hân đã chết khi nhà Tây Sơn đang còn trị vì ở Phú Xuân. Ngay cả việc ông Hoa Bằng trên Tạp Chí Tri Tân năm 1943 xuất bản tại Hà Nội đã công bố bài văn tế Vũ Hoàng Hậu do Phan Huy Ích phụng chỉ Vua Cảnh Thịnh viết để nhà vua đích thân đọc trước linh sàng Công Chúa Lê Ngọc Hân, cũng chẳng thay đổi được tình trạng ngộ nhận nói trên. Từ 1943 đến nay, các huyền thoại về Công Chúa Lê Ngọc Hân truyền tụng trong dân gian cũng như các chuyện dã sử viết về chung cục Công Chúa Lê Ngọc Hân xuất hiện trên sách báo vẫn cứ một chiều đi theo con đường cũ sai lạc bấy lâu nay. Những truyền thuyết và chuyện dã sử về Công Chúa Lê Ngọc Hân từ trước đến nay có thể xếp vào hai loại. Loại thứ nhất nói rằng sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, Công Chúa Lê Ngọc Hân đã đưa hai con đi trốn, sống trà trộn trong dân chúng được một thời gian rồi rốt cục cũng bị phát hiện và bị giải về Huế xử cực hình. Loại thứ hai nói rằng sau khi diệt nhà Tây Sơn, Vua Gia Long đã sách lập Công Chúa Lê Ngọc Hân làm Đệ Tam Cung, và bà đã có hai con với nhà vua là các Hoàng Tử Thường Tín Quận Vương và Quảng Oai Công mà từ đường đến nay vẫn còn ở ngoại ô thành phố Huế.

Những truyền thuyết và chuyện dã sử về chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân thuộc loại thứ nhất thì đại thể nội dung đều giống nhau, có khác biệt là chỉ khác biệt về địa điểm đi lánh nạn mà thôi. Sau khi nhà Tây Sơn mất, Công Chúa Lê Ngọc Hân đem hai con chạy trốn vào Quảng Nam, sống trà trộn trong dân chúng được một thời gian, cuối cùng bị phát hiện, bị bắt đưa về Phú Xuân và bị xử án tam ban triều điển. Nhiều truyền thuyết khác thì nói rằng Công Chúa Lê Ngọc Hân đem các con chạy trốn vào quê chồng ở Bình Định, rồi, cũng bị bắt và cũng bị xử cực hình như đã nói trên. Trong những thập niên 60, 70, lại có những câu chuyện ly kỳ hơn về chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân, cả thành văn lẫn truyền khẩu, theo đó thì Công Chúa Lê Ngọc Hân đã mang các con chạy trốn vào tận Đồng Nai Gia Định, nhờ đó mà tránh được tai mắt và nanh vuốt kẻ thù. Nhiều câu chuyện truyền miệng lại còn đi xa hơn, kể rằng sau khi nuôi dạy các con khôn lớn nên người, Công Chúa đã thí phát, tu hành đắc đạo và trở thành Giáo Chủ của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Nhiều người trong Nam mang họ Hồ lại tự nhận là hậu duệ của hoàng tử Nguyễn Văn Đức con Đại Đế Quang Trung và Vũ Hoàng Hậu Lê Ngọc Hân. Gần đây, ở hải ngoại lại có một vài tác giả viết dã sử về chung cục của công chúa Lê Ngọc Hân, viết rằng sau khi Đông Đô thất thủ, nhà Tây Sơn mất ngôi, Công Chúa đã đem hai con chạy trốn về một vùng quê hẻo lánh ở Hải Dương, sống lén lút trà trộn trong dân chúng được một thời gian rồi

rốt cục cũng bị phát hiện, bị bắt và bị giải về Phú Xuân lãnh án tử hình.

Tất cả những câu chuyện về chung cục bi thương huyền hoặc của Công Chúa Lê Ngọc Hân là hoàn toàn không phù hợp với sự thật lịch sử bởi một lẽ giản đơn và rõ ràng là Công Chúa Lê Ngọc Hân đã chết khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi. Công Chúa Lê Ngọc Hân mất vào năm 1799, dưới triều Vua Cảnh Thịnh, nghĩa là trước khi kinh thành Phú Xuân thất thủ. Công Chúa Lê Ngọc Hân đã được truy tặng là Nhu Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Công Chúa Lê Ngọc Hân đã được ma chay tống táng tại kinh thành theo đúng nghi thức vương giả dành cho một bực mẫu nghi thiên hạ. Bằng chứng hùng hồn là bài văn tế Vũ Hoàng Hậu tìm thấy trong Dụ Am Văn Tập của Phan Huy Ích mà Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm đã công bố trên Tạp Chí Tri Tân vào năm 1943 tại Hà Nội. Công Chúa Lê Ngọc Hân đã chết đương thời Vua Cảnh Thịnh trị vì thì làm gì còn có câu chuyện Công Chúa Lê Ngọc Hân phải lâm cảnh bôn ba lưu lạc sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi. Về phần hai người con của Công Chúa Lê Ngọc Hân thì một nhà truyền giáo Tây phương thời bấy giờ tên là L. Barizy đã cho biết là cả hai đều bị Nguyễn Vương bắt lúc thành Phú Xuân thất thủ năm 1781, không kịp chạy theo Vua Cảnh Thịnh ra Bắc Hà. Giáo sĩ L. Barizy đã nhận diện và không tiếc lời ca ngợi khuôn mặt tuấn tú và thái độ cứng cỏi của hai đứa trẻ khi bị xử tử hình vào năm sau, 1782, cùng một lần với Vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Như vậy, hai người con của Công Chúa Lê Ngọc Hân đều đã bị yểu vong thì làm gì có câu chuyện hậu duệ của Công Chúa còn nối dõi tới bây giờ.

Các truyền thuyết và chuyện dã sử về chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân thuộc loại thứ hai so với những câu chuyện trên đây thì ly kỳ hơn và chứa đựng nhiều tình tiết hư cấu xoay quanh các sự kiện lịch sử có thật. Thí dụ có chuyện kể rằng đầu năm Tân Dậu 1801, Nguyễn Vương theo kế sách "tượng kỳ khí xa" của Nguyễn Văn Thành, đã bỏ rơi Võ Tánh bị vây trong thành Bình Định để đem toàn lực ra đánh úp Phú Xuân. Ngày mồng 1 tháng 5 năm Tân Dậu, Nguyễn Vương vào cửa Tư Dung, đến tối vượt phá Hà Trung tiến chiếm bến đò Trừng Hà, ngày hôm sau đánh tan quân của Vua Cảnh Thịnh ở cửa Eo và sáng ngày mồng 3 tháng 5 đem đại binh vào thành Phú Xuân, dụng quân thần tốc đến độ Vua Cảnh Thịnh thua chạy không kịp mang theo gia quyến. Tối hôm mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu, Nguyễn Vương đi tuần tra trong thành và đã gặp gỡ người thiếu phụ vương giả để rồi nên duyên vợ chồng. Lại có chuyện kể rằng khi Vua Gia Long quyết định sách lập Công Chúa Lê Ngọc Hân làm Đệ Tam Cung, triều thần có người can gián, cho rằng Công Chúa chỉ là vật dư thừa của Tây Sơn, và nhà vua đã trả lời rằng chúng ta tiêu diệt Ngụy Tây thì giang san này, thành quách này, nhất nhất há chẳng phải lấy lại từ tay Ngụy Tây hay sao, như thế cũng là vật dư thừa của Tây Sơn vậy. Lại có chuyện kể rằng sau khi Vua Gia Long băng hà, Quảng Oai Công yểu tử, Thường Tín Quận Vương đã lập phủ đệ riêng, thì Đệ Tam Cung Lê Ngọc Hân lui về dưỡng già tại quê mẹ ở Bắc Ninh cho đến lúc lâm chung. Tình cảnh Công Chúa, "vinh diệu một đời có thể nói là cùng tột, thế mà

trong những ngày xế bóng lưu lạc nơi quê ngoại, tưởng tới chuyện xưa cảnh cũ, há chẳng nao lòng mà than thở cho Tạo vật đã khéo trêu ngươi, không có việc gì lại không xảy ra được, khiến phát sinh nỗi cảm khái vô cùng cho cuộc sống phù du!"

(Hậu hứa Bắc quy tùng mẫu thị hương quán trú ư Bắc Ninh nhi chung yên. Khảo Chúa thiểu tắc vi hoàng nữ, trưởng tắc vi hoàng hậu, kế vị hoàng thái hậu. Kỳ nhất sinh chi vinh diệu khả vị cực hỉ. Cập kỳ vãn niên bất miễn ư lưu lạc, tưởng Chúa ư thử thì phủ kim tư tích, xúc cảnh hưng hoài, ninh bất trướng nhiên thán Tạo vật chi lộng nhân, mỹ sở bất chí, nhi sinh vô cùng chi cảm khái tai!)

[Ngọc Hân Công Chúa dật sự. Nam Phong Tạp chí, số 103, 1926].

Nhưng độc đáo hơn hết phải kể đến bản gia phả của họ Nguyễn hoàng tộc. Đó là cuốn Hoàng Triều Ngọc Phả, bản quốc ngữ, do Tôn Nhân Phủ biên soạn và ấn hành dưới triều Vua Thành Thái. Trong cuốn sách này, ở các chương nói về Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương con Vua Gia Long, rõ ràng mẹ đẻ của các ngài được ghi là Công Chúa Lê Ngọc Hân, con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê. Thật là rõ ràng và chính xác như một cộng một là hai, như hai cộng hai là bốn, không còn bàn cãi gì nửa cả. Người viết đã chính mắt được đọc những giòng chữ đó vào năm 1988 tại nhà nhạc phụ, sách do ông Tôn Thất Yên đưa cho mượn. Ông Tôn Thất Yên lúc bấy giờ là người được Hội Đồng Nguyễn Phước Tộc ủy thác điều hành công việc thường ngày của Hội Đồng Nguyễn Phước Tộc ở Sài Gòn, và được Hội Trung Việt Ái Hữu ủy thác trông nom quản lý nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức. Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương là những nhân vật có thực, tuy rằng Quảng Oai Công yểu tử và Thường Tín Quận Vương ngày nay không có con cháu nối dòng, nhưng từ đường các ngài hiện nay ở vùng ven đô Huế vẫn còn hương khói, các bài phiên hệ thi về phần các ngài vẫn còn được truyền tụng, vì vậy việc gia phả hoàng tộc do Tôn Nhân Phủ ấn hành ghi rằng mẹ đẻ các ngài đích thị là Công Chúa Lê Ngọc Hân là một sự kiện không thể lấy làm trọng yếu hàng đầu trong việc nghiên cứu chung cục của Công Chúa Lê Ngọc Hân.

Vậy thì vấn đề được đặt ra là Công Chúa Lê Ngọc Hân có lấy Vua Gia Long hay không. Nếu Công Chúa Lê Ngọc Hân không lấy Vua Gia Long thì không còn vấn đề Công Chúa Lê Ngọc Hân được sách lập làm Đệ Tam Cung, cũng như không thể có sự kiện Công Chúa Lê Ngọc Hân là mẹ đẻ các hoàng tử Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương. Mà chúng ta đã biết đích xác là Công Chúa Lê Ngọc Hân chết vào năm 1799, dưới triều Vua Cảnh Thịnh, khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi, vậy thì khi Vua Gia Long tiến quân vào thành Phú Xuân tháng 5 năm Tân Dậu, dương lịch 1801, Công Chúa Lê Ngọc Hân đã mất trước đó 2 năm, hình hài đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh, thì làm sao sống lại để kết duyên vợ chồng với vì vua chiến thắng. Bởi lẽ đó, những câu chuyện thêu dệt chung quanh việc Công Chúa Lê Ngọc Hân lại một lần nữa lấy chồng vua là hoàn toàn không có căn cứ, là hoàn toàn sai sự thực.

Nhưng còn cuốn ngọc phả bản quốc ngữ của Tôn Nhân Phủ đã khẳng định Công Chúa Lê Ngọc Hân là mẹ đẻ của Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương? Xin thưa ngay rằng cuốn gia phả này là bản quốc ngữ, không phải bản Hán văn, lại không phải do Quốc Sử Quán biên soạn mà là tác phẩm phiên dịch của Tôn Nhân Phủ từ bản Hán văn cũng của Tôn Nhân Phủ mà ra. Mà bản Hán văn này thì trong các chương nói về Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương đã viết rằng mẹ các ngài là *Công Chúa Lê Ngọc con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê*. Cái lối hành văn cổ điển bằng Hán tự thì có khi nào nêu rõ tục danh đâu. Mà tác giả bản Hán văn khi viết rằng mẹ các ngài là Công Chúa Lê Ngọc con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê đã chắc đâu muốn khẳng định rằng đó là Công Chúa Lê Ngọc Hân. Biết đâu là tác giả bản Hán

văn muốn nói đến một nàng Công Chúa Lê Ngọc khác, cũng con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê? Mà điều này thì những người phiên dịch ra quốc ngữ đã không hề hay biết, lại thêm nặng tinh thần tân học, viết lách trình bày chuyện gì cũng muốn tách bạch rõ ràng nên đã phiên dịch cụm từ "Công Chúa Lê Ngọc con Vua Hiển Tông" thành "Công Chúa Lê Ngọc Hân con Vua Hiển Tông" theo sở kiến chủ quan của mình.

Như vậy rõ ràng hai hoàng tử Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương con Vua Gia Long đích thực là cháu ngoại Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê. Chỉ vì bản quốc ngữ do sở kiến chủ quan của người phiên dịch đã khẳng định mẹ đẻ hai ngài là Công Chúa Lê Ngọc Hân thay vì cứ để là Công Chúa Lê Ngọc như nguyên bản Hán tự nên mới nảy sinh ra điểm phi lý là người đã chết mấy năm trước đó bây giờ còn đâu mà lại lần nữa đi lấy chồng để rồi sinh đặng 2 con trai. Lại nữa, cuốn Hoàng Triều Ngọc Phả của Tôn Nhân Phủ là gia phả thành văn của Nguyễn Phước Tộc, là tài liệu chính thức về phả hệ hoàng phái, không thể nào được trước tác tùy tiện và thiếu chính xác được. Bởi vậy, Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương đích thực là cháu ngoại vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, mẹ là Công Chúa Lê Ngọc, nên trong ngọc phả mới ghi chép rõ ràng như vậy. Cũng không thể có trường hợp thấy sang bắt quàng làm họ, thấy công chúa con vua lá ngọc cành vàng bèn nhận càng là bên ngoại cho thêm phần vẻ vang, bởi một lẽ giản đơn họ Nguyễn cũng là đại quí tộc, đã ở ngôi chúa Nam Hà ba trăm năm nay rồi và hiện tại đang giữ ngôi vua thống nhất thiên hạ. Cho nên một khi mà Hoàng Triều Ngọc Phả của Tôn Nhân Phủ đã ghi chép như vậy thì Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương con vua Gia Long đích thực là cháu ngoại Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê.

Nhưng nếu đã khẳng định rằng mẹ đẻ của Quảng Oai Công và Thường Tín Quận Vương không phải là Công Chúa Ngọc Hân thì đương nhiên phải nêu lên vấn đề mẹ đẻ của các ngài là ai vậy? Xin thưa rằng mẹ đẻ của các ngài cũng là công chúa con vua, cũng đã có một đời chồng trước là chồng vua, bây giờ lấy đời chồng thứ hai là Vua Gia Long sinh hạ được hai hoàng tử. Mẹ đẻ của các ngài quả là một nhân vật dị thường đúng như lời truyền tụng của nhân gian trong gần hai trăm năm nay:

"Gái đâu có lạ đời,
Con vua lại lấy hai đời
chồng vua".

Con vua là con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê. Hai đời chồng vua thì đời chồng vua trước là Vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, còn đời chồng vua thứ hai là Vua Gia Long, vua sáng nghiệp nhà Cựu Nguyễn. Bà là *Công Chúa Lê Ngọc Bình*, công chúa con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, em ruột Công Chúa Lê Ngọc Hân, Chính Cung Hoàng Hậu Vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, Đệ Tam Cung Vua Gia Long nhà Cựu Nguyễn, mẹ đẻ các Hoàng tử Quảng Oai (sinh năm 1809) và Thường Tín Quận Vương (sinh năm 1810).

Thân thế và sự nghiệp hai bà Lê Ngọc Hân và Lê Ngọc Bình có nhiều điểm tương đồng mà những điểm tương đồng đó lại là những điểm rất căn bản. Hai bà đều là công chúa con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, hai bà đều sinh trưởng ở ngoài Bắc, nghĩa là cả hai bà đều là Công Chúa Đông Đô. Lớn lên hai bà lấy chồng trong Trung, chồng của hai bà đều là Hoàng Đế nhà Nguyễn Tây Sơn, nghĩa là cả hai bà đều là Hoàng Hậu Phú Xuân. Do những điểm tương đồng căn bản đó mà những mẩu chuyện truyền tụng về cuộc đời của hai bà đan kết vào nhau, theo với không gian và thời gian mà dần dà thay đổi, để rồi lẫn lộn với nhau, cuối cùng thì chuyện có thật về người này trở thành chuyện huyền thoại của người kia. Nói rõ hơn, Công Chúa Lê Ngọc Hân chỉ lấy chồng một lần, còn Công Chúa Lê Ngọc Bình, sau khi nhà Tây Sơn mất ngôi, mới là người được Vua Gia Long sách lập làm Đệ Tam Cung, mới là người phụ nữ lạ thường, "con vua lại lấy hai đời chồng vua".

Điều đáng lưu ý là chính sử nhà Cựu Nguyễn không nói gì về Công Chúa Lê Ngọc Bình, còn các sử liệu liên quan đến nhà Nguyễn Tây Sơn thì tất nhiên dưới triều nhà Cựu Nguyễn đã không được lưu hành, tàng trữ. Lại nữa, sự nghiệp của hai Hoàng Đế Quang Trung và Cảnh Thịnh khác nhau một vực một trời, cho nên sử Tàu, sử ta, trong Nam, ngoài Bắc, đâu đâu cũng nói nhiều về vua cha mà ít khi đế cập đến vua con, do đó mà hệ luận tất yếu là những gì liên quan đến vua cha thì người đời biết đến nhiều hơn những gì liên quan đến vua con. Bản thân Công Chúa Lê Ngọc Hân cũng có nhiều điểm sắc sảo lanh lợi hơn Công Chúa Lê Ngọc Bình, nhất là Công Chúa Lê Ngọc Hân đã thông Hán tự lại còn giỏi quốc âm, nổi tiếng vì bài Ai tư vãn. Bởi các lẽ đó mà từ trước tới nay chúng ta chỉ nghe nói đến Công Chúa Lê Ngọc Hân mà không nghe ai đề cập đến Công Chúa Lê Ngọc Bình. Chỉ từ sau năm 1975, Ty Thông Tin Văn Hóa Nghĩa Bình ấn hành và phổ biến một số tài liệu liên quan đến thân thế và sự nghiệp các nhân vật đời Tây Sơn, chúng ta mới bắt đầu chú ý đến nhân vật Lê Ngọc Bình, là Công Chúa con vua Hiển Tông nhà Hậu Lê và là Chính Cung Hoàng hậu Vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản.

Theo các sử liệu do Ty Thông Tin Văn Hóa Nghĩa Bình công bố, Vua Cảnh Thịnh và Công Chúa Lê Ngọc Bình đồng trang lứa với nhau. Vua Cảnh Thịnh sinh năm 1783, đúng như Đại Nam Chính biên Liệt Truyện và các phúc trình của giáo sĩ Longer và Le Labousse gửi cho Phái bộ Truyền giáo Nam Hà đã ghi chép. Như vậy, ngày Công Chúa Lê Ngọc Hân vầy duyên cá nước với Tiết Chế Nguyễn Huệ (1786) thì Công Chúa Lê Ngọc Bình mới có 4 tuổi. Đến năm Bính ngọ (1792), Vua Quang Trung mất, Vua Cảnh Thịnh lên nối ngôi, cả nhà vua lẫn Công Chúa Lê Ngọc Bình mới được 10 tuổi. Thời gian này, cả hai đang ở tuổi trúc mã thanh mai. Những năm tiếp theo là những năm Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, nên chắc chắn là Công Chúa Lê Ngọc Hân cho dù đã có ý định vẫn chưa thể thực hiện việc kết hợp sắt cầm cho em gái với con chồng. Phải đợi đến sau chính biến năm Ất mão (1795), phe cánh Thái sư Bùi Đắc Tuyên bị dẹp tan, Công Chúa Lê Ngọc Hân mới có điều kiện thu xếp đưa em gái lên ngôi chính cung hoàng hậu. Lúc này, các bề tôi thân tín lục tục trở về triều, Công Chúa Lê Ngọc Hân củng cố lại thế lực trong chốn nội đình và có ảnh hưởng quyết định đến công việc triều đình, thì cũng là lúc Công Chúa Lê Ngọc Bình vừa được 13 tuổi. Như vậy, Công Chúa Lê Ngọc Hân đối với Công Chúa Lê Ngọc Bình thì vừa là chị ruột, vừa là mẹ chồng. Cả hai đều là Công Chúa Đông Đô, con vua Hiển Tông nhà Hậu Lê. Cả hai đều trở thành Hoàng hậu Phú Xuân, Công Chúa Lê Ngọc Hân là Bắc Cung Hoàng Hậu của Thái Tổ Vũ Hoàng Đế, Công Chúa Lê Ngọc Bình là Chính Cung Hoàng Hậu của vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Đến năm Kỷ mùi (1799), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7, Công Chúa Lê Ngọc Hân mất, Công Chúa Lê Ngọc Bình vừa được 17 tuổi. Đến năm Tân dậu (1801), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 9, kinh thành Phú Xuân thất thủ, Vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc Hà, không kịp mang theo gia quyến, thì Công Chúa Lê Ngọc Bình chỉ mới có 19 tuổi, nếu tính tuổi theo lối ngày nay thì Công Chúa Lê Ngọc Bình chỉ mới được 18 tuổi mà thôi. Chính vào thời điểm này Đại Nguyên Súy Tổng Quốc Chính Nguyễn Phúc Ánh gặp

Công Chúa Lê Ngọc Bình và năm sau, tức là năm Nhâm tuất (1802), Nguyễn Vương lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Gia Long, và sách phong Công Chúa Lê Ngọc Bình làm Đệ Tam Cung. Năm ấy, Công Chúa Lê Ngọc Bình vừa tròn 20 tuổi.

Tuy nhiên, vẫn còn một vấn đề cần nêu lên là một sự kiện trọng yếu, rõ ràng và chính xác nhường ấy mà tại sao chính sử nhà Nguyễn lại không đề cập đến? Xin thưa ngay rằng các sử thần nhà Nguyễn trước nay vẫn lược qua không ghi chép những sự kiện lịch sử không phù hợp với quan điểm chính thống của ý thức hệ phong kiến phương Đông. Thí dụ rõ ràng nhất là trường hợp Công Nữ Ngọc Vạn con Chúa Hy Tông, gả làm Hoàng Hậu cho vua Chân Lạp Chey Chetta II vào năm 1620, mở đầu việc chính quyền Chúa Nguyễn kinh dinh đất Prey Kôr, tức là Sài Gòn Chợ Lớn sau này. Sự nghiệp Của Công Nữ Ngọc Vạn ở Cao Mên cũng như công trạng của Công Nữ Ngọc Vạn đối với dân tộc Việt Nam đem so sánh với sự nghiệp và công trạng của Công Chúa Huyền Trân đời Trần thì to lớn hơn nhiều lần, thế mà chính sử nhà Nguyễn, vì tinh thần tự do dân tộc nghĩ rằng việc gả con cho người nước ngoài là việc không đẹp, nên về thân thế thì ghi là "khuyết truyện", còn về sự nghiệp thì đã không chép được một câu. Trong những trường hợp khác thì sử thần nhà Nguyễn dấu nhẹm những sự kiện lịch sử mà luân lý phong kiến phương đông cho là đi ngược đạo lý. Thí dụ như trường hợp Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần là con Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát với một bà Công Nữ em con chú con bác với Chúa Võ Vương. Việc hợp hôn như vậy theo quan điểm đạo lý Á Đông là loạn luân, bởi thế chính sử nhà Nguyễn không đả động đến chuyện đó, mặc dù sự kiện này vô cùng trọng đại đối với tương lai vương nghiệp nhà Cựu Nguyễn, vì đã mở đầu cho việc Chúa Võ Vương bỏ trưởng lấp thứ, đưa đến việc Trương Phúc Loan chuyên quyền và anh em nhà Tây Sơn khởi nghĩa, khiến cơ nghiệp họ Nguyễn chút nữa thì tiêu vong, dòng dõi họ Nguyễn chút nữa thì tuyệt diệt.

Vậy thì đã lại tái diễn việc chính sử nhà Nguyễn lược qua không đả động đến dữ kiện Hoàng Đế Gia Long sách lập Công Chúa Lê Ngọc Bình con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, nguyên Chính Cung Hoàng Hậu Vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, làm Đệ Tam Cung. Lý do cũng vẫn là ý thức hệ phong kiến nho giáo ràng buộc người phụ nữ vào khuôn phép tứ đức tam tòng, chồng chết thì chết theo chồng hoặc ở vậy chứ không được lấy chồng khác. Lý do cũng vẫn là ý thức hệ phong kiến nho giáo ràng buộc người nam nhi khi xuất khi xử luôn luôn phải tuân thủ đạo nghĩa tam cương ngũ thường, phân biệt minh bạch chính thống và tà ngụy. Bởi vậy, sử thần nhà Nguyễn đã cho rằng chuyện Công Chúa Lê Ngọc Bình vốn là người cũ của Ngụy Tây mà được sách lập làm Đệ Tam Cung là chuyện không đẹp, nên lược qua không đề cập đến. Thái độ này phản ảnh dư luận đa số các giới phong kiến nho sĩ đương thời mà rõ nét nhất là những câu chuyện truyền tụng về những lời lẽ của triều thần can gián nhà vua. Tuy nhiên, những lý lẽ phản bác rất chính đáng của Gia Long cũng lại đã cho thấy ý chí không thể lay chuyển của nhà vua trong quyết định sách lập Công Chúa Lê Ngọc Bình là Đệ Tam Cung. Hành động của vua Gia Long không phải là hành động của con người bình thường tiếc ngọc thương hoa, cho dù Công Chúa Lê Ngọc Bình có là công chúa con vua trẻ đẹp, tuổi tác chưa được hai mươi. Hành động của vua Gia Long là hành động đã suy tính kỹ lưỡng, không vì tình nhi nữ nhỏ mọn ở chốn phòng khuê mà vì quyền lợi tối thượng của phe nhóm, của dòng họ, của triều đình, của chính nghĩa, của quốc gia đại sự. Thật thế, Vua Gia Long tuy đã thống nhất đất nước, thu Nam Bắc về một mối, nhưng lòng người Bắc Hà vẫn còn tưởng nhớ nhà Lê. Song song với việc thiết lập cơ chế Bắc Thành Tổng Trấn, cho địa phương được tự trị rộng rãi,

cũng như song song với việc lục dụng con cháu nhà Lê vào các cơ quan nhà nước, tùy tài khiển dụng không phân biệt nam bắc, mới cũ, việc sách lập một công chúa Bắc Hà con vua Hiển Tông nhà Hậu Lê vào một địa vị tôn quý ở chốn nội đình là một hành động tâm lý chiến sâu sắc của một chính trị gia bậc thầy, một hành động có tính toán kỹ lưỡng và khôn ngoan tuyệt cùng.

Tóm lại, việc Vua Gia Long sách lập Công Chúa Lê Ngọc Bình, Công Chúa con vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, Hoàng Hậu vợ Vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, làm Đệ Tam Cung là một sự kiện lịch sử có thật, rõ ràng và chính xác, mặc dù chính sử nhà Nguyễn đã không đề cập tới. Công Chúa Lê Ngọc Bình là em ruột Công Chúa Lê Ngọc Hân. Cả hai đều là Công Chúa Đông Đô, đều được sắc phong Hoàng Hậu Phú Xuân. Nhiều câu chuyện truyền tụng trong nhân gian được thêu dệt chung quanh cuộc đời hai bà, đan kết vào nhau, lẫn lộn với nhau, thay đổi dần dà với thời gian và không gian, và đặc biệt là vì không mấy ai biết đến Công Chúa Lê Ngọc Bình mà chỉ biết có Công Chúa Lê Ngọc Hân mà thôi, nên cuối cùng, có nhiều chuyện là đời thực của bà này trở thành huyền thoại về bà kia.

Vậy từ nay, chúng ta hãy dứt khoát khẳng định sự kiện Công Chúa Lê Ngọc Hân chỉ có một chồng, và chung cục của bà vẫn là giàu sang tôn quý. Bà là Bắc Cung Hoàng Hậu của Vua Quang Trung, và bà đã chết dưới triều vua Cảnh Thịnh, khi nhà Tây Sơn chưa mất ngôi. Còn người phụ nữ lạ thường, đã là Công Chúa con vua lại lấy hai đời chồng vua là Công Chúa Lê Ngọc Bình, em ruột Công Chúa Lê Ngọc Hân. Công Chúa Lê Ngọc Bình là con Vua Hiển Tông nhà Hậu Lê, có đời chồng thứ nhất là vua Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn, và đời chồng thứ hai là Vua Gia Long nhà Cựu Nguyễn, đúng như câu ca dao trong dân gian vẫn còn truyền tụng đến ngày nay:

"Gái dâu có gái lạ đời,
Con vua lại lấy hai đời
chồng vua".

Ottawa, 1996

Minh Vũ Hồ Văn Châm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Sơ Tập, Quyển 30, Ngụy Tây Liệt Truyện. Quốc Sử Quán, Huế. Bản dịch chép tay của Tạ Quang Phát.

2. Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Công Chúa Liệt Truyện. Quốc Sử Quán, Huế.

3. Hoàng Triều Ngọc Phả, Bản Hán Văn và Bản Quốc Ngữ. Tôn Nhân Phủ, Huế.

4. Việt Sử: Xứ Đàng Trong. Phan Khoang, Xuân Thu, Houston, TX.

5. Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Ngô Gia Văn Phái, Bản dịch Ngô Tất Tố, Cơ sở Xuất bản và Báo chí Tự Do, Sài Gòn, 1958.

6. Quốc Văn Thời Tây Sơn. Hoàng Phúc Trâm, Vĩnh Bảo, Sài Gòn, 1950.

7. Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, Tập II, Văn Học Lịch Triều: Việt Văn. Phạm Thế Ngữ, Quốc Học Tùng Thư, Dai Nam Co, Glendale, CA, 1982.

8. Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Một Nhóm Học Giả, Dai Nam Co, Glendale, CA 1992.

9. Documents historiques sur La Mission de Cochinchine. A Launay, Archives des Missions Etran- gères de Paris.

10. Tonkin, Volume 692, Volume 693. Archives des Missions Etrangères de Paris. Các bản trích dịch của Đặng Phương Nghi, Tập San Sử Địa, Sài Gòn.

11. Nam Phong Tạp Chí, số 103, phần Hán Văn. Hà Nội, 1926.

12. Tạp Chí Tri Tân. Hà Nội, 1943.

13. Một Số Sử Liệu Về Các Nhân Vật Thời Tây Sơn. Ty Thông Tin Văn Hóa Nghĩa Bình, Quy Nhơn, 1980.

14. Ca dao và Triều Nguyễn. Tôn Thất Hứa, Tuyển Tập Nhớ Huế, số 8, Westminter, CA 1996.

■

Huế yêu dấu

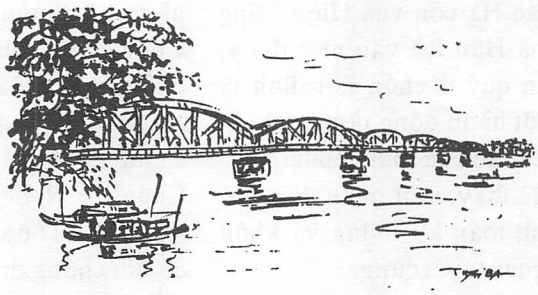

Bùi Bích Hà

Cho đến bây giờ, mặc dầu hơn một nửa tháng năm của đời người đã trôi qua trong ngăn cách và lãng quên, vậy mà mỗi khi nghĩ về Huế tôi không khỏi bồi hồi xúc động, như thể tôi với Huế là đôi người tình lỡ trong ca dao:

Tóc mai sợi ngắn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng
thương hoài ngàn năm

Quả thật thế! Xa Huế thì thương thì tiếc, thì ăn năn thống hối, thì chỉ muốn quay về, nhưng sống với Huế thì sầu thì hận, thì đau thương chất ngất buồng tim, thì oan khiên lệ nhòa hai mắt, thì tuổi xanh héo mòn như cỏ úa.

Cô gái Huế ấm như nắng hè, thơm ngọt như mật ong, óng mượt như tơ tằm, thanh bai như nhành lệ liễu và con gái Huế sắc như dao, lạnh như mùa đông, can trường như đá núi, thâm trầm như biển sâu. Gặp rồi không thể không yêu, yêu rồi cuộc tình sẽ là một vết thương thiên thu.

Tôi ra đời và lớn lên ở Huế, là đứa con cuối cùng của một người đàn ông ba vợ vì hiếm muộn. Từ khi lớn khôn, tôi chưa bao giờ thấy bố mẹ tôi nói chuyện với nhau một lần, ăn chung một bữa cơm hay cùng đi đâu ra ngoài. Mẹ tôi gọi hai bà vợ lớn của cha tôi bằng me, tôi gọi mẹ tôi bằng chị. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà rộng trên bờ sông Hương, bốn phía vườn hơn một mẫu tây đất trồng toàn cây ăn trái, rào tre vây chung quanh. Suốt một thời thơ ấu, ngoài những lúc đến trường, tôi như con chim nhởn nhơ trong khu vườn thơ mộng này.

Những buổi sáng mùa hè, tôi thường thức giấc trong tiếng chim hót líu lo bên bệ cửa sổ, tiếng bồ câu gù trên cái hồ nước phía sân trước. Ánh nắng sớm mai lọc qua màn sương mỏng và màu xanh của những ngọn thiên lý óng ả, phủ xuống cửa sổ chỗ tôi nằm cái ánh sáng êm đềm, huyền diệu, như không gian một giấc mơ đằm thắm. Tôi thường nhắm mắt, lún người xuống đệm giường để được đắm mình hơn trong cái cảm giác êm ái và thú vị của một chiếc võng mềm.

Mẹ tôi đã lăn vào những công việc bề bộn của bà từ lúc chuông chùa đổ hồi công phu thứ nhất, lúc gà chưa gáy sáng. Tuy ít khi nhìn thấy bà trong gian nhà và khu vườn rộng nhưng tôi rất an tâm, biết mẹ tôi chắc lẩn quẩn đâu đó xung quanh vì không sáng nào bà không úp lồng bàn trong bếp cho tôi hoặc một cái bắp luộc, một ít xôi đậu đen hoặc một chén cơm nguội ăn với cá móm kho xổi thật cay.

Ăn xong, tôi xách cặp và tấm bạt ra vườn, kiếm chỗ nào có bóng mát thì giải bạt ra nằm. Vì cái tư thế "học nằm" này nên về sau, trong lớp, tôi chỉ giỏi về các bộ môn quốc văn và ngoại ngữ, còn các bộ môn đòi hỏi một tư thế học ngồi hay học đứng nghiêm chỉnh, với tấm bảng đen trước mặt, thì tôi đành chào thua, suốt cuộc đời học trò chỉ toàn ngồi thảnh thơi cuối sổ.

Tôi thường nằm nhìn lên vòm trời thấp thoáng trên đầu. Những ngày hè, qua kẽ lá, tôi thấy màu trắng như bông nõn bồng bềnh trôi trên một nền xanh biếc, thăm thẳm cao. Thấp hơn, xung quanh tôi, hoa khế, hoa

chanh, hoa cam, hoa nhãn, lấm tấm lợp lên mầu xanh già của lá, trông vui như một hội đèn. Thỉnh thoảng cơn gió chạy qua, những bông hoa nhỏ màu trắng hay mầu tím hồng rụng phơi phới như một cơn mưa khan, làm thoảng mùi thơm trong không gian tĩnh mịch.

Lúc nào bên mình tôi cũng sẵn những quả chín hái trong vườn, lúc thì vài quả ổi xiêm ruột đỏ như son, cắn vào răng nghe mùi thơm nức lên tận óc, lúc thì một chùm khế ngọt, quả khế khô và dòn, không bõng nước như khế những nơi khác, lúc thì một trái lựu với những hạt nhỏ mầu tím thẫm, trong veo như một chuỗi đá quý, vừa chua vừa ngọt, vừa dòn dòn, nhâm nhi nghe vị thơm thấm dần trên đầu lưỡi như một thứ rượu thần tiên. Những cành cam, cành quít trĩu quả sà thấp ngang tầm tay với.

Mặt trời lên cao. Tiếng ve sầu đồng loạt vang lên inh ỏi từ những cây vải trạng, từ những cây nhãn lồng chi chít mo cau trong khu vườn nhà tôi và trong những khu vườn lân cận. Tiếng ve sầu ra rả, náo nhiệt, khua động khắp mọi nơi chốn trong cái thành phố ngày thường êm ả như một cô gái phòng khuê. Tôi ở Đông Ba nhưng biết chắc bạn tôi ở Cầu Lò Rèn, Ở Nam Giao, Hàng Đoát, ở Kẻ Vạn hay Nội thành, Bãi dâu hay Tây Thượng... tất cả chúng tôi đều nghe cùng một lúc tiếng ve sầu kêu vào cái giờ như đã hẹn hò này.

Lũ ve như cái đồng hồ thiên nhiên trong mùa hè. Người nội trợ ở Huế nghe tiếng ve sầu để nổi lửa lo bữa cơm trưa và bữa cơm chiều. Có những hôm tôi đứng ở bờ rào, nghe tiếng ve sầu gọi hoàng hôn inh ỏi trong khắp các chòm cây, nhánh lá xung quanh, tâm hồn bỗng náo nức một nỗi thúc dục phiền muộn, muốn đi tới một nơi nào xa hơn cái chân trời thấp ở cuối những thửa ruộng đằng trước nhà.

Tôi đã lớn khôn để không còn gia nhập vào đám trẻ con trai tóc húi cua, con gái tóc cắt bôm bê như cái chũm cau. Chúng túa ra từ các con ngõ sâu, tay mỗi đứa cầm một cành trúc có chấm tí nhựa mít ở đầu để bắt ve ve. Chúng tỏa vào các khu vườn, nghểnh tai nghe ngóng, nghiêng đầu tìm kiếm những chú ve đang bám vào thân cây, mắt nhắm tít, hát bản tình ca của chúng trong cái không khí say nồng mùi mật trái cây trong mùa hè.

Tôi không còn mặc quần xà lỏn, chạy chân đất ra ngoài đường cùng với chúng nữa. Tôi cũng không còn chờ giấc ngủ trưa của người lớn để lẻn ra bờ ao, rình bắt cho bằng được chú chuồn chuồn ớt, cắn răng nhịn đau để nó cắn vào rốn cho biết bơi như lũ bạn vẫn khác nhau.

Giữa trưa áo tôi ướt đẫm mồ hôi, cái nóng dường như không phải từ ngoài vào mà từ trong ra, hừng hực, âm ỉ bên dưới làn da nóng và rít. Nắng trưa như một dòng bạc chảy nhoàng nhoàng trong mắt.

Tôi đã lớn, thỉnh thoảng chỉ còn những buổi sáng ra vườn sớm, bắt gặp những cái xác ve trong suốt như bằng nhựa ở dưới một gốc cây thì tôi gượng nhẹ nhặt đem cất vào một cái hộp. Trong trí tưởng thơ ngây ngày ấy, tôi vẩn vơ nghĩ có những con sâu đã hóa thân để bay lên những cành cao trong vòm trời rộng. Chúng để lại dấu vết cuộc đời mỏng manh của chúng, như đa số những người con của Huế, đến một ngày, sẽ trút bỏ xiêm y thần thoại lại đây và bay đi khắp trời xa lạ, dù biết rằng đằng sau có hay không có một tấm lòng tưởng tiếc không nguôi.

"Xếp tàn y lại để dành hơi".

Nghĩ về Huế không biết nghĩ từ đâu và chấm dứt ở đâu? Nghĩ từ những ngày thơ dại quẩn quanh trong khu vườn tuổi ngọc, từ những đêm sáng trăng trữ tình trên những khóm bông nhài trắng nõn liêu trai bên bờ giếng nước xô động tiếng gầu nan, những cô hàng xóm quần xắn ngang gối, nhịp nhàng chiếc đòn gánh trên vai, quẩy nặng đôi thùng nước trong veo thả những giọt đầy trên mặt con đường cát mịn. Đã đêm rồi mà các cô vẫn còn đội nón, sợ ánh trăng làm lộ liễu nét cười và đôi mắt long lanh.

Con gái Huế gội đầu bằng nước sông Hương, bằng bồ kết và lá chanh, lá bưởi, dòng tóc nuột nà buông xuống hai

vai mùi hương cỏ cây huyền hoặc.

Suốt mùa hè, bố tôi thuê bao một chiếc thuyền để chiều chiều cả gia đình đi tránh nóng trên sông Hương. Lòng thuyền trải chiếu hoa cạp điều, có những cái gối bằng nhiễu ngũ sắc. Mũi thuyền treo một chiếc đèn lồng, bóng hắt xuống mặt sông như một cây nến mầu khổng lồ.

Mỗi chiều lúc mặt trời sắp khuất, chiếc thuyền cập bến phía sau nhà. Mẹ tôi khuân thức ăn xuống thuyền để cả nhà ăn tối khi thuyền sẽ neo ở một khúc sông nào đó.

Có khi thuyền xuôi về hạ lưu, cắm sào ở giữa bãi cồn. Bắp trên nương xanh um, bông bắp màu trắng sữa lay rào rạt. Mẹ già tôi mặc một chiếc váy vải trắng, ngâm mình trong giòng sông cạn nhìn thấy cả lòng cát bên dưới. Cái váy của mẹ già tôi bọc nước, phập phồng như một cái phao, đỡ cho bà nổi bập bềnh. Tiếng cười sảng khoái và hai bàn tay đập sóng bì bõm của bà làm xao động ánh trăng xung quanh mạn thuyền. Mẹ tôi thì còn phải lội vào cồn mua mấy trái bắp tươi để luộc hoặc nấu chè. Bắp ở đây mùi thơm và vị ngọt không đâu sánh bằng. Những hạt bắp no căng, trong trẻo và dẻo mịn vỡ giữa hai hàm răng, làm cuống quít vị giác bằng một thứ sữa béo ngậy.

Cũng có khi thuyền ngược mạn trên, về phía Kim Luông, Thiên Mụ. Thuyền cắm giữa dòng chờ trăng lên, có đêm gặp thuyền các cụ đại quan trong triều, chúng tôi được nghe ké đàn ca hát xướng suốt đêm. Những ngọn đèn lồng thắp trước mũi thuyền tỏa xuống lòng con đò thứ ánh sáng huyền ảo trong các truyện cổ nước Tàu. Tiếng xênh phách, tiếng ca điệu Kim tiền, Lưu thủy hay Nam bình, Nam ai, tiếng hò mái đẩy, tiếng những cây đàn bầu, đàn nhị, đàn tranh, đàn nguyệt, tiếng sáo, tiếng người lao xao đổ xuống mặt sông mênh mông ánh trăng đã gieo vào đầu óc tôi ngày ấy những hình ảnh không bao giờ mờ phai về một thế giới thanh bình và thần tiên! Càng về khuya, tiếng đàn càng trầm xuống, nỉ non, giọng những nàng ca kỹ nghe qua sương đêm hình như đã khản đục. Tôi chập chờn ngủ trong tiếng sóng vỗ nhẹ vào mạn thuyền và trong cái khối âm thanh khắc khoải huyền hoặc ấy. Thỉnh thoảng, một lá thuyền nhỏ áp vào mời mọc những món ăn đêm, cô gái chèo xuống mặc áo nối thân, tay thoăn thoắt vẩy hai cái chèo gỗ nhỏ xuống dòng sông nhuốm bạc, chiếc đèn dầu hạt đậu tỏa một vùng sáng âm thầm xung quanh chỗ cô ngồi.

Sáng hôm sau tôi thức giấc, những ngọn đèn lồng đã tắt trước mọi khoang thuyền, dòng sông lợp một lớp khói sóng khiến những con đò như nổi cao khỏi mặt nước. Tất cả trò vui và người trong cuộc vui đêm qua đã biến mất, như trong một giấc mộng lạ thường.

Mùa hè, lũ con gái nhỏ áo trắng đi xe đạp thành từng đoàn, tóc thề lộng gió, nghiêng chao vào nhau trên những con đường đi qua Đập đá về Vĩ Dạ, đi lên dốc Nam Giao về mạn lăng miếu các vua triều Nguyễn, tiếng cười tiếng nói ríu rít như tiếng chim chuyền. Trong cặp sách mỗi cô đều dấu một tập thơ chép cẩn trọng bằng mực tím trên giấy hoa tiên có những bông hoa ép khô.

Bầu trời Huế trên những cánh đồng hoa cỏ dại vào mùa hè có rất nhiều sợi tơ trời bay bay. Lũ con gái thường nâng vạt áo dài hứng lấy sợi tơ, thầm kín, dịu dàng nghĩ đến một dáng người, một đôi mắt quẩn quanh đâu đó trên bến đò Thừa Phủ, sau những vài cầu bán nguyệt hay sau hàng cột trên hiên trường Khải Định.

Cũng có khi chúng họp nhau ở hồ Tịnh Tâm, chẳng làm gì, chỉ để đi lên đi xuống, nhìn nhau và cười ngặt nghẽo vì một duyên cớ không đâu. Mùa hè, hoa sen ở hồ Tịnh Tâm làm thơm ngát một khoảng trời.

Mùa đông ở Huế rất buồn. Trời mưa kéo dài hàng tháng. Mưa dai dẳng, mưa rả rích, mưa bay nghiêng, mưa rát mặt, mưa như cầm chĩnh đổ. Tiếng mưa lúc cao lúc thấp, lúc đục lúc trong, tiếng mưa im lìm trên những lối đi dầy cỏ, tiếng mưa cô đơn, phiền muộn trên những tàu lá rộng, tiếng mưa lạnh lẽo dưới đầu

hồi, tiếng mưa thầm thì, rời rã, trong tái tim bàng hoàng những mộng ước không thành.

Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối, gót chân hồng trên những chiếc guốc vông màu trắng. Có cô mặc áo mưa bằng lá, nước đọng lướt thướt trông như một con ve sầu ốm vì mùa hè đã qua. Có cô mặc áo mưa bằng nhựa màu, trông họ như những cái kẹo trong một cái lọ thủy tinh.

Mùa đông ở Huế không có buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều. Chỉ có ngày và đêm. Một hôm thức dậy, thấy khu vườn quanh nhà mưa ngập trắng xóa thì biết rằng mùa đông đã sập tới. Hèn chi lúc chập tối đêm qua nghe tiếng ễnh ương kêu ngoài bờ ruộng và tiếng chuông thu không từ ngôi chùa bên kia cánh đồng nghe nhão nhoẹt vì không gian đã đọng đầy hơi nước.

Suốt cả một thời thơ ấu, tôi đi ngủ giữa tiếng sóng vỗ êm vào mạn thuyền những đêm mùa hạ và trong tiếng mưa rơi trắc trở trên cây lá ngoài vườn những tối mùa đông.

Vì vậy, sau này dù sống ở bất cứ nơi chốn xa xôi nào khác, lòng tôi bao giờ cũng khắc khoải nhớ nhung những thanh âm ngày cũ.

Con gái Huế yêu rất âm thầm và mãnh liệt. Tình yêu có khi chỉ là chút nhớ nhung vụng dại gởi vào một mái tóc bồng bềnh, một đôi mày khẽ cau, một ánh mắt buồn vời vợi hay một bờ vai áo xanh. Tình yêu có khi chỉ là một tình cờ hai xe đạp sóng đôi trên con đường tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ, có khi chỉ là một tình cờ đáp chung chuyến đò sáng chiều qua về bến sông đi học.

Tình yêu có khi chỉ là một đợi chờ thấp thoáng sau dậu chè tàu ngăn đôi một lối ngõ vào ra. Tình yêu thường chưa kịp trao hôn thì chàng đã rời xa thành phố đi lập công danh ở phương trời khác. Người xa dễ quên nhưng cô thiếu nữ vườn Thanh sẽ mãi ôm vết thương êm ái đi hết cuộc đời.

Tất nhiên rồi nàng sẽ lên xe hoa về nhà chồng, nàng sẽ là vợ hiền của một đức lang quân và là mẹ hiền của một đàn con xinh đẹp có những cái tên gọi chỉ nghe qua đã cảm nhận cả đất trời thần kinh mê hoặc. Thế nhưng trong sâu thẳm tâm hồn nàng, vết thương tuổi ngọc không bao giờ hàn gắn. Nếu có một ngày thấy lại cố nhân, cô thiếu nữ năm xưa rụt rè khép mở như một nhánh cỏ hổ ngươi nay trở thành thiếu phụ, sẽ rất nghiêm trang và đài các nghiêng khuôn mặt hoa, chỉ có ánh mắt lạnh câm nói lên một tình đời giá buốt, chỉ có nụ cười buồn nói lên tình hận trăm năm!

Thức ăn của Huế chỉ có người Huế biết thưởng thức và biết làm, biết dọn. Bạn có thể nhìn thấy trên thực đơn của nhiều quán hàng những món ăn mang tên một địa danh hay một nhân vật cũ của Huế song chỉ có người Huế mới biết rằng đó là những danh xưng giả hiệu, những

NHỚ MẸ

Rồi mai đây con trở về quê cũ,
Ngôi nhà xưa mái đổ phủ rêu phong.
Nơi ngày thơ con được mẹ ẵm bồng,
Lòng êm ấm, tình bao la biển cả.
Khóm tre già vẫn um tùm gai lá,
Lòng giếng sâu vẫn đầy nước mát trong.
Nhìn giường êm, xưa mẹ vẫn thường nằm,
Nhưng dáng mẹ con tìm đâu thấy nữa.
Mắt ứa lệ, lòng tái tê thương nhớ,
Người mẹ hiền yêu dấu của đời con.

NHƯ LIÊN
8/97
(San Francisco)

hoài niệm ngượng ngùng và những cố gắng vô ích. Bạn không thể ăn ở đâu những miếng thịt heo ở Huế vì người Huế nuôi heo bằng cám gạo giã tay nấu nhừ với rau chuối thái mỏng, bầm nhỏ, từ những thân chuối mới đốn còn tươi nhựa, với bèo tấm xanh non vợt từ ao cá sau nhà. Nồi cám nấu bên đụn rơm, người nấu quấy mỏi tay cho đến khi rau cám sệnh đặc, mùi thơm phức và trông béo ngậy như một nồi cháo cho người.

Ngày còn bé, tôi thường nhìn mẹ nấu cám heo trong cái lạnh se sắt của buổi sớm mai còn ngái mùi sương, lửa rơm hắt lên mặt mẹ những mảng sáng chập chờn làm mắt mẹ long lanh, nỗi hắt hiu trong đôi tròng mắt mênh mông như cơn nước lũ năm nào đã cuốn trôi bà ngoại tôi trên con đê về chợ.

Không ở đâu miếng dồi trường trắng, dòn, thơm và thanh cảnh như miếng dồi trường của con heo xứ Huế, da đen bóng như một con hải cẩu, cái lưng thon võng xuống để cái bụng núng nính sà gần mặt đất.

Sau này, tôi đi qua nhiều miền quê hương, về giữa vựa thóc Hậu giang ăn gạo nanh chồn và gạo huyết rồng, không hạt gạo nào bằng hạt gạo de An Cựu. Những hạt gạo phơn phớt hồng, áo cám như phấn, nuột nà chảy giữa những ngón tay cô hàng đang đong cái đấu gỗ, chưa củi lửa mà mùi thơm đã phảng phất xung quanh, ăn một miếng vị ngọt bùi còn đọng mãi trong cuống họng, thấm vào từng kẽ răng.

Thức ăn của Huế nhiều món không đâu có, như món nộm hoa cau, món canh măng chua nấu cá ngạnh nguồn, như con cá bống thệ mình săn như thịt cô thiếu nữ, kho thật khô trong cái trách đất đỏ ong những ớt và ánh vàng màu đường đã hóa mật, chỉ nhìn thôi đã xót xa cơn thèm.

Món ngọt thì không thể quên chè đậu ngự. Những quả đậu áo xanh như cánh con bọ ngựa, buổi mai hái trên dàn xuống còn mát lạnh sương đêm, hạt đậu nây nả, thơm như môi má người tình, nằm lả lơi mời gọi trong đáy chén trong veo. Chỉ ở Huế mới nên ăn chè đậu ngự để có thể thưởng thức cái hương vị lạ lùng, kiêu diệu của nó, cái hương vị cực kỳ thanh tao, say đắm làm ta sống lại tam cung lục viện ngày xưa với xiêm áo tóc mây thơm mùi nguyệt thảo.

Ngày vừa qua, tôi có dịp tình cờ ăn một chén chè đậu ngự trên đường Bolsa. Tôi đã gọi một chén chè không có đá để gợi nhớ quê nhà, lòng xôn xao nỗi vui như chờ đợi một người quen cũ đã nhiều năm không thấy mặt. Chén chè đem ra, chỉ có mùi vani và mùi gừng theo khói bay lên. Tôi cầm cái muỗng nhỏ khuấy chén chè đặc bột với cái hương vị giả tạo của nó, màu xanh thô kệch của những hạt đậu nặng chĩu trông như phẩm nhuộm làm lòng tôi rưng rưng, biết rằng không bao giờ ở đâu nữa, tôi còn có thể sống lại một ngày thần tiên nơi quê hương miền Trung dấu yêu.

Chỉ có người Huế mới biết dọn những món ăn để người thưởng thức còn thòm thèm, khao khát, những đĩa chén thức ăn như một bông hoa hàm tiếu, một nỗi vui không bộc lộ hết, một hạnh phúc không thỏa thuê, mâm bàn đã dọn sạch mà người ăn còn ngẩn ngơ.

Trên con đường đi tới cuối đời, hình như mọi người đều có nhu cầu quay lại, để thấy con đường dài thêm và hành lý có nhiều, để tự an ủi thật ra kiếp phù sinh không phải chỉ có ba vạn sáu ngàn ngày.

Một nhà thơ nào đã viết

"Một phút lòng anh yêu em đó
Cũng thể yêu em đến trọn đời."

Quả thật có những người tình không bao giờ quên, có những cuộc tình đi vào thiên thu. Với tôi, Huế là một cuộc tình không trọn vẹn, một cuộc tình đắng cay, trăn trở, uất ức, dày vò, nhưng là một cuộc tình kết tụ tất cả tinh hoa của một đời người, họa may chỉ có sự chết mới làm nó yên nghỉ trong lãng quên.

Bùi Bích Hà

MỘT LẦN HỘI NGỘ MỘT TRĂM NĂM LỊCH SỬ MỘT ĐỜI KHÔNG QUÊN

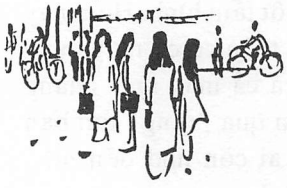

Y LA NGOC QUỲNH

NGÀY ĐẠI LỄ (27 - 10 - 1997)

Xao xuyến niềm hội ngộ đêm qua còn chất ngất trong lòng. 1 giờ trưa tôi bước chân vào hội trường Scottish Rite Temple, 2455 Masonic Dr. San José, bỏ quên cái lành lạnh đầu mùa bên ngoài. Một rừng áo tím của Đồng Khánh xưa và San José hôm nay khiến lòng bỗng ấm lại... Nhớ những ngày heo may trời Huế, mầu tím, một mầu tím thiết tha của chiếc khăn quàng bay bay trong gió lạnh — Huế nao nao mầu tím — mầu tím của tôi. Gợi nhớ nhung một thời tuổi trẻ... cho biết bao người.

Thoạt vào, tôi đã nhìn ra ngay phu nhân của thầy Hà Như Chi, trưởng ban tổ chức. Cô Lương còn trẻ quá! Không một vết thời gian — Tôi nhớ nhanh đến năm học Đệ Lục Đồng Khánh, cô Lương làm việc tại Đài Phát Thanh Huế — Cô đã chuyển cho tôi lá thư "Correspondent" của một người bạn thơ Trưng Vương — Hà Nội. Tình bạn của chúng tôi đã hơn 40 năm qua vẫn còn thắm thiết đến hôm nay dù bạn đang ở trời Âu và tôi ở Bắc Mỹ... Tôi mỉm cười chào cô và thầm cảm ơn — Tuy cô không hề hay biết cảm tình Trưng Vương - Đồng Khánh ngày nào cô giới thiệu vẫn còn keo sơn. Cô đang cùng quí vị trong ban tổ chức với đồng phục mầu tím, ngồi hai dãy kiểm soát vé. Ai cũng tươi cười và niềm nở — còn sớm mà mọi người đã nườm nượp — có nhiều vị đến mới hỏi mua vé thì vé đã hết. Có vài vị mua vé rồi mà quên mang đi... Ban tổ chức vất vả giải quyết. Thông cảm và ái ngại cho ban tổ chức vô cùng, bao khó khăn vào giờ chót... vừa nhìn quanh chào mọi người vừa chìa vé thì ngạc nhiên, nhìn thấy T.B., bạn tôi trong hàng ngũ ban tổ chức. Chưa kịp hỏi thì hắn đã khai, mặt mày nhăn nhó:

— Quên đem vé, phải ngồi làm "xâu" để trừ nợ...

Tôi phì cười, an ủi:

— Tội nghiệp chưa?

Bước vào trong, hội trường chưa đông lắm. Tôi gặp ngay cô Trung Thu ở dãy ghế đầu tiên — Cô giáo ngày xưa — Tôi yêu mãi đôi mắt to, trong sáng, khuôn mặt nõn nà với cái cười rất tươi — yêu nhất là dáng vẻ đôi lúc như "làm đày" của các thiếu nữ Huế — Một nét dịu dàng, tươi trẻ dễ thương mà ngày còn đi học tôi vẫn nghĩ cô tôi phải được đời ưu đãi nâng niu... Cảm động cầm tay cô, tôi tự giới thiệu:

— Thưa cô, em đây!

Cô siết mạnh tay tôi, dễ thương nói:

— Nhớ chứ, cô bé mau nước mắt... ngày xưa!

Chưa hết lời, đã có người vẫy gọi. Tôi xin lỗi, để mẹ ngồi cạnh cô rồi bước xuống hàng ghế sau có A., T.N.T., người đẹp đường Hương Mỹ của tôi; có chị L., anh chị L. và B.A.: một bức ảnh kỷ

niệm. Hàng ghế tiếp, thầy cô H.N.T. và N.Đ. cô giáo yêu của tôi. Thầy cô khỏe mạnh, tươi vui. Lại chiếc áo dài màu tím, cô nhắc tôi một thời Đồng Khánh xa xưa... Nhiều học trò "mê" cô vì nét hiền dịu đặc biệt của cô. Xin cô thầy một tấm hình. Hôm nay đã cẩn thận có cả máy quay phim và cả máy ảnh, chẳng bù hôm qua "rạng" tìm bạn không ai còn nhớ đến máy chụp hình...

Hội trường đã đông. Tiếng gọi nhau ơi ới! Những cái bắt tay đầy thương nhớ và biết bao ánh mắt kiếm tìm... người xưa dù không còn tóc thề, má đỏ, môi hồng, mắt sáng trong... tình xưa vẫn đậm đà và lời trên môi là những reo vui hạnh phúc... Không khí ồn ào và tươi vui.

Buổi đại lễ bắt đầu. Hội trường bỗng im bặt, nghiêm trang. Các Quốc Học và Đồng Khánh rước quốc kỳ từ từ tiến lên sân khấu nơi bàn thờ đã thiết lập. Quốc kỳ uy nghi hai bên bàn thờ. Các Đồng Khánh trong áo dài mầu vàng, màu của xứ sở của kinh đô ngày nào. Mầu vàng dân tộc. Quốc học trong "complet" đen, nghiêm chỉnh, đứng thành hai hàng. Quốc ca Mỹ cất lên hùng hồn qua giọng ca vững và mạnh của ca sĩ Phương Tâm (phu nhân của bác sĩ Hà Xuân Du) làm mọi người tập trung chú ý... Bài hát chấm dứt, nhiều tiếng vỗ tay ngưỡng mộ — Quốc ca Việt Nam bắt đầu trong nỗi xúc động của hầu hết mọi người hiện diện trong hội trường hôm nay. Ban hợp ca Bắc Cali lôi cuốn mọi người cùng hòa nhịp: "Này công dân ơi!..." Phút tưởng niệm bắt đầu — Mọi người như chìm vào hoài niệm bầu trời tổ quốc. Không khí trang nghiêm, ấm cúng giữa bao ngàn trái tim đang ngập tràn tình quê hương, trường cũ, bạn xưa. Nhiều tiếng nấc nhẹ đó đây... Có người Huế nào, có người Việt Nam nào cầm được nước mắt hoài hương trên bước đường lưu vong xa xứ với con tim buốt nhói mỗi lần gợi nhớ quê hương, đất nước?... Giáo sư, học sinh và những người yêu Huế tề tựu hôm nay trong nỗi nhớ khôn nguôi và cầu xin ngày về không còn xa...

Bên bàn thờ tổ tiên, có đủ đại diện giáo sư và học sinh Quốc Học — Đồng Khánh: Thầy Hồ Văn Lê, anh Nguyễn Lân trong quốc phục đang dâng hương trước bàn thờ có ảnh của vua Thành Thái (Ngài ban đạo dụ thành lập trường), cô Nguyễn Khoa Diệu Liễu và chị Mộng Hoàn...

Sống trên xứ người, giữa màu sắc đa văn hóa, người ta cảm động biết bao để thấy đây chỉ là Việt Nam, hơn nữa chỉ những người tha thiết với Huế, học sinh hai ngôi trường Quốc Học — Đồng Khánh không chỉ có học sinh Huế mà còn học sinh của cả ba miền đất nước đang về đây: giọng Hà Nội của những năm 1954 đã đến với Huế và cho Huế biết bao mầu sắc, âm thanh để Huế thêm đa dạng, đa âm hơn. Kể từ đó Huế có "tóc thề thả gió lê thê!" Quốc Học-Đồng Khánh đã đón nhận biết bao học sinh Bắc Nam để làm thành một Quốc Học — Đồng Khánh của cả nước. Những vị không chính gốc Huế ấy cũng làm cho Huế hãnh diện về những thành tích của họ. Làm sao không cảm động để có một trời phong phú của ba miền đất nước bên những mối duyên Bắc Trung Nam, Hà Nội — Huế — Saigon đẹp tình đồng môn, tha thiết tình đồng điệu và nồng nàn tình lứa đôi...

Sau diễn văn khai mạc súc tích của trưởng ban tổ chức thầy Hà Như Chi, mọi người cảm động đi vào phần vinh danh các giáo sư dày công với trường. Vô cùng xúc động khi thầy Nguyễn Huy Bảo, 89 tuổi, bước lên sân khấu nhận bó hoa tình nghĩa và bảng đồng ghi ơn từ một học sinh của thầy: Thầy Phạm Ngọc Hương cũng đã 80 tuổi. Thầy rưng rưng nói lời cảm tạ mà hội trường lặng im xúc cảm. Thầy Bảo sẽ nhận bảng vinh danh đem về Âu Châu cho thầy Nguyễn Đương Đôn vắng mặt hôm nay. Người thứ ba là giáo sư Hiệu trưởng Nguyễn Đình Hàm còn ở Việt Nam; ái nữ của thầy là chị Nguyễn Thị Minh Lệ nhận thay. Chị đã cho mọi người tin tức về thân phụ của chị và là vị giáo sư khả kính của chúng tôi. Sau cùng là phần thưởng vinh danh vị giáo sư Hiệu trưởng

hết sức nhiệt tình và sinh hoạt tích cực với tất cả các nhóm Quốc Học, Đồng Khánh trên thế giới: Thầy Nguyễn Hữu Thứ, định cư tại Toronto — Canada, thầy không hiện diện và chị Ngọc Quỳnh đã chuyển lời cảm ơn của thầy và nhận thay. Nhóm Phượng Vỹ Houston xứng đáng được vinh danh với thành tích trong công tác tình thương trong nhiều năm qua. Thầy cô và bạn hữu, hai ngôi trường tại Việt Nam đã nhiều lần được an ủi với những cánh Phượng Vỹ hải ngoại do nhóm tha thiết liên lạc.

Qua lời giới thiệu của trưởng ban tổ chức không ngờ Quốc Học — Đồng Khánh đã hiện diện mọi miền trên thế giới và quả đất rõ tròn nên người xưa, bạn cũ cảm động tìm đến nhau: Úc, Đức, Hawaii, Canada và hầu hết các tiểu bang của Hoa Kỳ... Đặc biệt trong hàng quan khách tham dự được giới thiệu là một người Mỹ 100% dịu dàng trong chiếc áo màu thiên thanh mà bảng tên trên áo khiến ta xúc động: Thanh Mai, giáo sư Anh Ngữ của Đồng Khánh đã gần nửa thế kỷ qua... Nhìn cô, chúng ta nhớ nhanh đến những ngày nào chúng ta được dạy dỗ chu đáo, bên cạnh những giáo sư khả kính người Việt, là những giáo sư ngoại quốc cũng tận tụy, cho chúng ta rất nhiều công lao và hành trang sự nghiệp cũng nhờ vậy mà phong phú hơn — Một phút tri ân các vị thầy khả kính: Một nét văn hóa của tinh thần tôn sư trọng đạo đang được tô đậm nơi đây!

Phần nghi thức dừng lại — Mười phút giải lao. Hội trường náo loạn, rộn ràng. Thiên hạ túi tít tìm nhau... Tất cả không hẹn đều hướng về phòng triển lãm. Những bức ảnh của một thời "vàng son": Bên cạnh kỳ đài của trường, nơi nhà chơi, bên hành lang, dưới giàn hoa bên bờ sông Hương, những sinh hoạt, du ngoạn, biểu tình... xúc động đến chảy nước mắt. Người ta kể đó là công lao của chị Mộng Hoàn và ái nữ. Kỹ thuật, nghệ thuật được lấy từ Đại Học San José — Đồng Khánh. Mẹ và con đã bỏ ra bao thời giờ để chúng ta chiêm ngưỡng hôm nay... Cảm ơn một tấm lòng... son. Ngày xưa đang quá rõ và hiện tại như không có. Mọi người trẻ lại với thời cắp sách... Một bức ảnh giữ ánh mắt tôi dừng lại, nước mắt lưng tròng: lúc nào đây? Tóc kẹp đơn sơ, áo trắng học trò có cả chiếc nơ màu xanh da trời trên áo... Trời ơi, ai có được bức ảnh này? Tôi lặng người chiêm ngưỡng: ngay giữa ảnh là người đẹp Trà Mi, xa xa có chị Diệu Phước, chị Diệu Tố, chị Túy, chị Phương... Có lẽ nhiếp ảnh viên muốn thu hình hoa khôi Trà Mi mà không biết làm sao tôi may mắn "dính" một chút ở góc ảnh... Hình như là lúc Quốc Học biểu tình đòi "có trụ sở học riêng" mà khi có rồi lại bùi ngùi không muốn xa Đồng Khánh của những ngày học nhờ êm ái ấy! Thầm cảm ơn ai giữ được bức ảnh mà mình thấy lại được mình của ngày Quốc Học xa xưa, của năm Đệ Tam C. Sau đó Mộng Hoàn đã cho tôi "ôm" về Canada để lòng ấm mãi bên kỷ niệm đẹp ngời tuổi trẻ của tôi!

Phòng triển lãm chật nghẹt. Mọi người cười nói hớn hở. Sau bàn triển lãm là cả một rừng Đặc San. Ai kia đang ôm cả chồng báo đủ loại, khắp mọi nơi: Tuyển Tập Nhớ Huế (đã chiếm độc quyền và được mọi người đón nhận nồng nhiệt trong "Đêm Hội Ngộ" hôm qua; Lá Thư Phượng Vỹ — Houston, Quốc Học — Đồng Khánh Washington D.C., Tiếng Sông Hương, Dallas, QH-ĐK Nam Cali, và đang nghe Mộng Hoàn quảng cáo Đặc San tỉnh nhà, Bắc Cali:

— Hay lắm! Đặc sắc lắm, toàn cây bút thượng thặng khắp thế giới! mua "dô"! mua "dô"! kẻo hối hận... bỏ qua một dịp hiếm có — sắp hết rồi, còn có... mấy thùng thôi!

Cô nàng hạ giọng ở câu cuối — mọi người cười ồn ào... Trong ngày đại lễ hôm nay, ai ai cũng hớn hở đón chào những đặc san Huế như kỷ vật thân thương, những trang chữ gói trọn tình Huế. Tình Quốc Học — Đồng Khánh đã đủ hấp lực để mọi người chen vào lấy cho thật đầy đủ — Có người mua đến 15, 16 số của Bắc Cali để đem về làm quà. Đang hăng hái, bỗng mọi người cười ồ vì

một lời than đâu đó nghe quá đỗi dễ thương:

— T.S.H. đẹp mà "mắc" quá! Chi mà đến 15 đô lận! Mà thôi cũng ủng hộ... tình Huế bao la sá chi 15 "bucks" phải không anh C.?

Sau lời than, bất ngờ, một bạn tôi đứng đằng sau dơ cao đặc san Phượng Vỹ — Toronto la lớn:

— Đây, một đặc san vô giá... tặng chớ không bán... quí vô cùng!!!

Mọi người nhao nhao:

— Mô rứa? Mô rứa?

— Hết rồi!

Mọi người "Ồ" một tiếng tiếc nuối. Phượng Vỹ — Toronto hiện diện trong đại lễ và là đặc san độc nhất không bán... nhưng tiếng "hiền" đồn xa... mọi người đều biết và khen hết lời vì gà nhà Quốc Học B.X.N. hết lời quảng cáo!

Phút giải lao qua, mọi người trở về chỗ ngồi để bắt đầu chương trình văn nghệ... trong khi các cháu nhỏ chạy ra chạy vào với ly nước ngọt và một ít "snack". Nghe đâu đây, người ta bảo nhau:

— Bánh mứt, chip, nước ngọt ê hề ngoài kia!

Thầm phục ban tổ chức chu đáo.

Chương trình văn nghệ được giới thiệu với ba xướng ngôn viên: Lê Tín Hương, Hà Xuân Du và Lê Khắc Huy. Ban tổ chức có cựu Đồng Khánh Lê Tín Hương tiếp tay. Người hướng dẫn chương trình dịu dàng dáng Huế, lời Huế, tươi cười bắt đầu chương trình:

Bài "Tiếng Sông Hương" của nhóm QH-ĐK Bắc Cali mở đầu. Anh Nguyễn Đức Mai, một QH cùng thời với tôi, cùng Đệ Nhất C, điều khiển với ban hợp ca dưới ba màu áo: Tím, xanh và trắng biểu tượng cho đồng phục học sinh ĐK vào những thời cực thịnh vừa qua. Hợp ca công phu với nhiều "bè" gây được cảm tình đầu tiên của khán thính giả. Nhạc trưởng Nguyễn Đức Mai rất "nhà nghề" trong vai trò của mình. Ban nhạc Phượng Hoàng cũng đóng vai trò đáng kể trong suốt buổi văn nghệ.

Người ta nhìn thấy một cô gái Huế Tôn Nữ Đoan Trang, ái nữ cố giáo sư Ưng Quả và danh ca Minh Trang đã làm sống lại "Hẹn một ngày về" của giáo sư Lê Hữu Mục và "Dạ Lai Hương". Quỳnh Dao đã thỏ thẻ tự giới thiệu với giọng Huế dễ thương!

Lâu lắm mới nghe lại Thanh Thúy, ca sĩ với giọng hát "Liêu trai" ngày nào, nay thâm trầm với "Đêm Tàn Bến Ngự" và "Tiếng Xưa", một chút ngậm ngùi nhớ Huế đô...

Rầm rộ tiến lên sân khấu, những nữ "ca sĩ" trong những tà áo dài đồng phục màu xác pháo rực rỡ, tươi vui, trẻ trung tuy tuổi xấp xỉ ngũ tuần bên cạnh những chàng trai QH, tóc đã muối tiêu mà trông vẫn còn phong độ, cũng trong đồng phục complet đậm, chemise trắng, nơ đen. Đó là Ban hợp ca của Hội Thân Hữu Huế — Thừa Thiên Miền Nam Cali, thành phần gồm những "cặp" cựu học sinh hai trường do QH Võ Văn Tùng làm trưởng nhóm.

Giọng "solo" rõ, mạnh truyền cảm của Tâm Thường (phu nhân V.V.Tùng), giọng ngâm thơ diễn tả, ngọt ngào của ĐK Thanh Hà và QH Nguyễn Ngọc Thanh đưa ta vào "Thiên Hùng Ca Dân Tộc Việt" của soạn giả QH Hà Thúc Như Hỷ. Những bài hát như VN Minh Châu Trời Đông, Nhớ Người Ra Đi, VN Quê Hương Ngạo Nghễ, đã đưa khán giả say sưa vào hồn dân tộc làm mọi người trong hội trường vô cùng xúc động, cùng nhau vỗ tay theo thích thú. Ca Đoàn với gần 30 QH và ĐK đã cho thấy một nỗ lực vô cùng quý giá nên được anh chị em trong hội trường vỗ tay khen ngợi nhiệt liệt.

Các diễn viên hào hứng, nhiệt tình hết lòng diễn tả tác phẩm "cây nhà lá vườn" được soạn rất công phu.

Theo dõi lời giới thiệu dí dỏm của QH Hà Xuân Du để bước vào phần trình diễn đặc sắc của nhóm QH-ĐK Washington D.C. mà lời dẫn dắt vào màn "Hò giã gạo" của QH Trần Đoàn đã đưa mọi người trở về với Huế xưa, với những địa danh muôn thuở... êm đềm trong những đêm trăng thanh bình mà những câu hò đối đáp của cặp Quang-Hải thật xuất thần với toàn ban trong nhạc cảnh; để những tràng pháo tay thỉnh thoảng vang lên tán thưởng trong suốt thời gian nhóm Washington D.C. trên sân khấu. Trầm trồ những lời

đối đáp dí dỏm đề cao nhân nghĩa, tình người của Việt Nam, của Huế xưa để mong mỏi các con, các cháu QH-ĐK còn giữ được nét luân lý cổ truyền Việt Nam...

Học sinh QH-ĐK có lắm nhân tài. Nhiều người đã làm rạng rỡ ngôi trường xưa trong nhiều lĩnh vực mà âm nhạc là một. Nhắc đến Huế, khó có ai có thể quên những bản nhạc được mệnh danh trong những khúc tình ca vượt thời gian: "Tà áo tím" của QH Cao Cự Phúc tức nhạc sĩ Hoàng Nguyên đã làm xao xuyến lòng người qua giọng ca truyền cảm muôn thuở của ĐK Hà Thanh — Hơn bao giờ hết. Hà Thanh vô cùng duyên dáng và quyến rũ hôm nay; sau "Tà áo tím" là "Khúc tình ca xứ Huế" làm tất cả nữ sinh ĐK hôm nay quên thời gian để chỉ nhớ những lúc tan trường, ríu rít tà áo trắng bên cầu Tràng Tiền... cảm ơn Hà Thanh cho chúng tôi trẻ lại!... Một nhóm người nổi bật trong Hội trường hôm nay là những tà áo lụa Phượng Vỹ — Houston đã làm sáng sân khấu qua "Một ngày Việt Nam"!

Mọi người đang hướng về Huế và thật sự "chìm" trong Huế khi câu "Chuyện vui xứ Huế" bắt đầu. Vua hài Bửu Thụ nhắc đến Huế với những nét đặc thù của Huế xưa. Anh rất "tỉnh" để mọi người say sưa tiếng cười nghiêng ngả với những "từ" những "chữ" những hình ảnh của Huế mà chỉ có người Huế mới thấm thía... Tôi thoáng thấy một cặp đang ngồi cạnh tôi, chị cười chảy cả nước mắt, sau khi QH Hà Xuân Du phụ thêm một "mớ" từ Huế thì thấy phu quân nhăn mày... ý chừng không hiểu tại sao thiên hạ lại cười sặc sụa như

Lời Từ Biệt

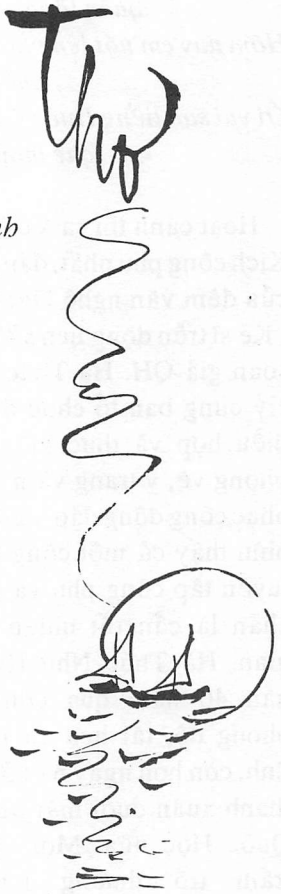

Ngày anh đi biệt xứ
Mưa nắng buồn hiu quạnh
Gió thương tình trăn trở
Đời lạc nhánh buồn thiu

Em có khóc không em
Núi chung tình lỡ hẹn
Anh trôi lạc giòng sông
Khúc gỗ chìm cam phận

Chỗ em ngồi có suối
Ngó vào lòng tĩnh tâm
Chỗ em ngồi có trăng
Mây núi mờ biệt tăm

Anh xa Em muôn trùng
Đâu còn về lối cũ
Chỗ Em nằm cô quạnh
Tiếng Em cười tức tưởi

Đời Anh chỗ tạm dung
Cây trái mùa Viễn Đông
Đóa hoa hồng mới nở
Chở anh vào lãng quên

Simi mùa gió lộng
Nguyễn Ngọc Hoài Trâm

vậy? Sau khi chị nhịn cười, thỏ thẻ "thông dịch" thì anh đỏ mặt, gật gật và cười to hơn chị nữa... Rứa mới biết Huế vẫn còn đủ sức cho ta trẻ lại bên tiếng cười thoải mái bất chấp xứ người đầy khó khăn. Chúng ta chợt hiểu thâm trầm lời của thi sĩ Tô Kiều Ngân:

Bọn chúng mình bỏ Huế tha phương,
Những thổ ngữ lâu ngày quên lãng mất,
Hôm nay em nói lên như nhắc,
Ôi vui sao tiếng Huế của quê mình!

Hoạt cảnh thi ca Vũ Nhạc Kịch công phu nhất, đáng nói của đêm văn nghệ Đại lễ là "Kẻ sĩ trên dòng lịch sử" của soạn giả QH. Hà Thúc Như Hỷ cùng ban tổ chức đại lễ điều hợp và thực hiện. Từ phông vẽ, y trang và một số nhạc công đông đảo; người ta nhìn thấy cả một công trình luyện tập công phu và chắc chắn là cần rất nhiều thời gian. Hà Thúc Như Hỷ đã gần 40 năm qua còn giữ phong độ, tài hoa và nhiệt tình, còn hơn ngày nào ở tuổi thanh xuân dưới mái trường Quốc Học nữa. Mọi người trầm trồ thưởng ngoạn. Những tràng pháo tay không ngớt, nhất là của nhóm bạn văn nghệ ngày xưa cách đây 40 năm. Dạo ấy cũng chính QH Hà Thúc Như Hỷ là người phụ trách chương trình văn nghệ cho Đại lễ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Quốc Học.

Ý nghĩa của màn trình diễn làm mọi người cảm động để nhóm trẻ Việt Nam, Huế, chuẩn bị cho một ngày về lại quê hương xây dựng xứ sở với những trang bị kỹ thuật tân tiến nhất.

Tiếp tục ý nghĩa ấy, QH Hồng Dũ Trân, tức là ca sĩ Hồng Nhân của đài phát thanh Huế năm xưa, giọng ca vẫn còn phong độ qua "Con đường tôi về" của Lê Tín Hương. Chương trình văn nghệ chuyển sang tiết mục song ca thi nhạc giao duyên hết sức lôi cuốn với hai chị Liên Hương và Tường Nga. Các QH và ĐK đem hết lòng mình với trường xưa, bạn cũ đã kéo theo một đóng góp vô cùng cảm động của một "rể" ĐK, anh là người của xứ đấu bò Texas mà nhắc đến Huế như là nơi chốn quê hương trong bản "Làng Tôi" dễ thương và lời nhạc bổng bay gấp bội.

ĐK Diệu Hoàng đã xuất sắc trong màn thi ca nhạc kịch một lần nữa "nhà nghề" trong diễn xuất bản "Thiên Thai"...

Chương trình văn nghệ phong phú được kết thúc rộn ràng với bản Việt Nam! Việt Nam! do QH-ĐK Bắc Cali trình diễn đem theo sự xao xuyến kéo dài cho mọi người hiện diện hôm nay...

Ngày Đại lễ chấm dứt bên bàn tiệc phong phú, nhưng có người không đụng đến món nào... vì còn bận tìm nhau; những cái siết tay luyến tiếc, những ánh mắt cố nhân còn vời vợi; những giọng cười trong vắt còn nao nao...

Trường xưa, bạn cũ đã 30, 40 năm chao ôi! sao mà trân quí! Có ngờ đâu hôm nay được sống lại những giây phút bên mái học đường! Sông Hương vẫn rõ nét, kỳ đài đã rêu phong nhưng còn sừng sững uy nghi — Mầu huyết phượng của Huế đang rực thắm trong lòng mọi QH-ĐK để mọi người hãnh diện với đại lễ 100 năm, 80 năm, một nét văn hóa Việt Nam, một trọn vẹn trở về với tất cả như chưa hề có sự quái ác của thời gian... và sung sướng làm sao, tim xao xuyến như thời cắp sách. Huế, trường xưa, mùa phượng vỹ còn đậm đà nét dấu yêu, sá chi một nửa thế kỷ thời gian, tất cả như mới hôm qua, mọi người bồi hồi chia tay:

Yêu thương không tuổi, tình thắm mãi,
Áo trắng không màu nên chẳng phai,
Gặp đây nhìn lại ngày xưa ấy
Ngời sáng như còn buổi sớm mai,
Tình hồng mầu phượng, nước Hương Giang
Núi Ngự xanh xanh thông mấy hàng.
Tất cả dậy lên niềm hội ngộ,
Lòng mình chùng xuống, dạ mang mang.

Y la Ngọc Quỳnh
Toronto Hè 97

TIẾNG HUẾ TRONG NHÓM THỔ-ÂM MIỀN BẮC TRUNG VIỆT

Lê Văn Lận

Tôi còn nhớ anh bạn VÕ HƯƠNG AN người gốc HUẾ có viết một bài lý thú trong Tuyển tập TIẾNG SÔNG HƯƠNG với nhan đề: *"TIẾNG HUẾ LÀ MỘT NGOẠI NGỮ?"*

Lý do là tiếng HUẾ nói ra nghe đôi khi khá lạ tai, ngay đối với người Việt-nam ở miền khác, nên dễ gây ra hiểu lầm! Kỳ thực, ta phải nói tiếng HUẾ chỉ là một trong nhiều **thổ âm đặc biệt của ta.**

Cũng đồng thời là một ngôn ngữ chung với cùng một hệ thống cấu tạo Việt-ngữ, tiếng HUẾ đương nhiên có nhiều sắc thái riêng biệt đáng bàn về âm ngữ, về ngữ vựng. Người ta thường có quan niệm cho rằng thổ ngơi thường quyết định sự khác biệt về thể chất, tính khí của các dân tộc. Chẳng hạn như LÊ QUÝ ĐÔN trong cuốn *VÂN ĐÀI LOẠI NGỮ*, một thứ Bách khoa toàn thư, có trích dẫn một đoạn sách *HOÀI NAM TỬ* của LƯU AN đời HÁN:

"...Khí núi sinh nhiều con trai, khí đầm sinh nhiều con gái; khí nước sinh nhiều người câm, khí gió sinh nhiều người điếc. Khí rừng sinh nhiều người yếu ớt, khí cây sinh nhiều người còng; khí đá sinh nhiều người khỏe..." và đặc biệt về ảnh hưởng trên tiếng nói thì sách trên lại nói: **"Ở nơi nước trong thì tiếng nhỏ, ở nơi nước đục thì tiếng thô..."**

Về ảnh hưởng của môi trường sinh cảnh, thì ngày nay khoa học cũng khám phá nhiều dữ kiện khả dĩ có thể giải thích một phần nào sự liên hệ từ nhân đến quả của sự trạng, tuy rằng có nhiều điểm còn để nghi vấn: Ví dụ về vấn đề nước thiếu chất IODINE, hay FLUOR thì dân cư sẽ sinh ra có bướu cổ hoặc sâu răng... Mạch đất có nhiều chất phóng xạ RADON thì dễ gây ra ung thư phổi, vùng có điện cao thế thì phụ nữ dễ sinh quái thai! Dân ở vùng rừng núi thì bị lam sơn chướng khí, kỳ thực đó là bịnh sốt rét gây ra do muỗi mòng!

Còn về tiếng nói, thì người mình vẫn cho là do... uống nước mà ra. Xem cuốn *ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ* về tỉnh NAM ĐỊNH, nói về vùng giáp biển MỘ TRẠCH, sử gia triều NGUYỄN ghi rằng ở đây *"có tập tục quê mùa, giọng nói ngọng nghịu, người ta gọi là tiếng nói đường bể... ham lợi mà ít làm điều nghĩa, lại có nhiều người làm tà thuật đồng bóng; người sinh ra sáu, bẩy tuổi đi học, đến khi lớn lại bỏ đi để cạnh tranh kiếm lời, cho nên ít có kẻ sĩ có danh tiếng, và thành đạt, ấy là do phong thổ trở nên vậy."*

Tôi còn nhớ một tập bản thảo Luận án về Ngữ học *"THỔ ÂM XỨ HUẾ"* do Giáo sư LÊ NGỌC TRỤ đưa cho tôi coi. Rất tiếc tôi quên mất tên người viết, chỉ còn nhớ mang máng ông ấy có cha là người Quảng, mẹ là người Huế. Luận án này viết rất công phu vào khoảng đầu thập niên 70, đã phân tách nhiều điều bổ ích về Âm ngữ. Tôi chỉ nhớ rõ rằng tác giả có nhắc đến giả thuyết về sự uống nước nên ảnh hưởng đến tiếng nói. Sông HƯƠNG ở HUẾ phát nguyên từ hai nguồn tả trạch và hữu trạch của nguồn BỒ, thông thường thì nước trong xanh chảy lững lờ uốn khúc hình chữ CHI (. . . . .) (Hán tự) quanh kinh đô HUẾ rất nên thơ (Huyền Chi Thủy), nhưng đến mùa "nước bạc", nước đục ngầu chảy xiết trôi nhà trôi cửa... Thật khó quan niệm mắc xích nhân-quả giữa tiếng nói của

người HUẾ và giòng HƯƠNG GIANG! (Cũng như khó hiểu sự liên hệ của tiếng nói nặng của vùng Nghệ Tĩnh với giòng sông CẢ).

Học giả trứ danh Linh Mục Léopold CADIÈRE có viết về ngôn ngữ Miền Trung Việt nam với hai bài khảo cứu là *PHONÉTIQUE—DIALECTE DU HAUT ANNAM* và *DIALECTE DU BAS ANNAM.* (NGỮ ÂM — Thổ Âm Miền bắc Trung Việt và Miền Nam Trung Việt). Tiếng HUẾ là một trong những thổ âm của Miền Bắc Trung Việt. L. CADIÈRE đã khảo cứu về sự biến trại của âm khởi đầu, vận, thinh của tiếng vùng Bình Trị Thiên. Trên phương diện phân hoạch về dân cư và thổ âm ở TRUNG VIỆT, người ta đã có khuynh hướng chia thành ba địa khu sau dựa theo biên giới thiên nhiên sông ngòi đèo núi: THANH-NGHỆ-TĨNH, BÌNH TRỊ THIÊN, NAM NGÃI PHÚ KHÁNH. Thổ âm Bình Trị Thiên đương nhiên là phải bắt nguồn từ vùng THANH NGHỆ TĨNH nhưng vì hoàn cảnh lại phân chia thành Đàng Trong, Đàng Ngoài với Sông Gianh làm giới tuyến! Do đó có rất nhiều điểm tương tự trong nhóm thổ âm của hai địa khu, ví dù cũng dùng chung những ngữ vựng thông dụng: Mô, Tê, Răng, Rứa...

Hát Dặm Nghệ Tĩnh có câu: *"Đi mô cũng nhớ về Hà Tĩnh! Nhớ núi Hồng Lĩnh, Nhớ giải sông Lam..."*

Ta còn có thể nhắc đến một câu ca dao của nông dân xứ Nghệ than vãn về sự khắc nghiệt của thiên nhiên ở vùng này:

Trời làm *trộ* mưa giông,
Trời làm hai *trộ* mưa giông,
Nước chảy băng dông, băng *hói*, băng bãi,
băng sông.

Những chữ đặc biệt như: "trộ" tức là cơn mưa, "hói" tức là con ngòi, con rạch nước cũng được nghe ở vùng quê Bình Trị Thiên. Phan Bội Châu, nhà cách mạng gốc Nghệ, thường có thói quen đi rong chơi thong thả mà Cụ nói là "đi nhởn" tức là nói gọn chữ "nhởn nhơi". Ở Huế, tôi thường nghe người ta cũng nói tương tợ ít nhiều, như đi chơi thì nói "đi dởi" (hay nói: nhởi).

Còn rất nhiều sự đồng dạng giữa những thổ âm trong địa khu Bình Trị Thiên ở mặt bắc Đèo Ải Vân. Chẳng hạn như bài thơ sau của một thầy đồ quê ở Quảng Bình. Thầy đồ này vác lều chõng vào ĐẾ ĐÔ HUẾ thi. lần đầu thấy một con voi của Vua, bèn làm một bài thơ "thủ vĩ ngâm" bằng giọng Quảng Bình như sau:

Con chi to nậy tắng hai thừng,
Cấy mụi loòn thoòn toọt dưới chưn
Một vạt da đen thui thủi thụi,
Bốn dùi chưn cứng nữa ừng nưng
Chầy vồ loọt thoọt treo kẽ háng,
Bụi dứa lùm thùm moọc trữa lưng
Tự dỏ tới chừ, chưa ngó chộ,
Con chi to nậy tắng hai thừng.

Xin tạm viết thành tiếng Việt phát âm theo tiêu chuẩn chung như sau:

Con chi to bự, trắng hai sừng?
Cái mũi lòng thòng tuốt dưới chân.
Một vạt (đám) da đen thui thủi thụi
Bốn dùi chân cứng nữa ừng nưng
Chầy vồ lót tót treo kẽ háng,
Bụi dứa ùm tùm mọc giữa lưng
Từ nhỏ đến giờ chưa ngó thấy
Con chi to bự, trắng hai sừng!

Những chữ biến âm trong bài thơ này có thể nói thường gặp ở các miền quê của vùng BÌNH-TRỊ-THIÊN.

Trong bài viết về những trò chơi của con nít: *"CHƠI ĐÙA MỘT THUỞ ẤU THƠ"*, tôi có đưa một bài viết của Cadière về vùng NGUỒN SƠN ở Quảng Bình để nêu ra nhiều thổ âm của Quảng Bình giống như những thổ âm ở HUẾ như cây thì gọi là "cơn", giây nhợ thì gọi là "chạc".

Đương nhiên sự kề cận về địa lý càng khiến cho có nhiều sự giống nhau hơn, như ở tỉnh THỪA THIÊN (HUẾ), những làng kề cận tỉnh Quảng Trị nói tiếng giọng Quảng Trị hơn. Vả lại, về phương diện lịch sử thành lập Kinh thành PHÚ XUÂN, các chúa NGUYỄN khi thì sáp nhập, khi tách biệt HUẾ và

QUẢNG TRỊ ra! Do đó, giọng Huế đương nhiên giống giọng Quảng Trị hơn giọng Quảng Bình Đồng Hới. Xin các bạn đọc bài *"Hò Cuốn"* phát xuất từ Miền Núi Mai, Sông Hãn:

Khoai to vồn thì tốt cộ
Đậu ba lá cũng vừa um
Gà mất mẹ thì lâu khun
Gái thiếu trái thì thậm khộ
(mà) Trai thiếu gái cũng thậm khổ
Trời sinh voi thì sinh cỏ
Trời sinh giếng thì sinh mo
Trời sinh sông thì sinh đò
Trời sinh O... thì sinh Tui!
O moột mình thì khôn đặng
Tui moột mình cũng không đặng
Gió dưới biển (hắn) dồn vô
Mây trên trời (hắn) cuốn lại
O với Tui cùng cuốn lại
Tui với O cùng cuốn lại
Hai đứa mình cùng cuốn lại!

(cộ = cũ; khun = khôn; khôông = không)

Dân Quảng Trị có thói quen nói rõ những nhập âm cuối như: t, n... ví dụ như mấtt, tốtt, khônn, dồnn, cuốnn...

Thổ âm thường là tiếng nói của người miền quê mùa dân giã, chỉ để nói chứ không để viết ra thành văn tự. Dân thị thành ít dùng thổ âm vì họ cho là không thanh tao, nếu không nói chê là thô kệch, dễ gây ra sự chế riễu của những dân khác miền trong sự giao tế. Tục ngữ Việt Nam có câu: *"Chửi cha không bằng pha tiếng"*. Người dân miền nào cũng vậy thường rất nhạy cảm trước sự soi mói của dân miền khác! Tôi thấy nhiều người gốc Huế thường muốn giả giọng Bắc, hay Nam là tiếng được công nhận là tiêu chuẩn, cốt là để người ta hiểu mình hơn. Trường hợp điển hình là Cố Tổng thống Ngô đình Diệm, gốc ở Lệ Thủy Quảng Bình, khi đọc diễn văn hay nói

TẤM GƯƠNG CŨ

Đem thân đi bắt cuộc đời,
Say sưa, ôm trọn đất trời vào tay
Trăm ngàn hình thể đổi thay
Muôn vàn hương sắc tỉnh say ê chề.

Mải vui quên mất lối về
Đường chiều bóng ngã, não nề tấm thân
Quán khuya ngẫm lại thế nhân
Cuộc chơi tẻ nhạt, cõi trần bơ vơ.

Kính mờ nước thủy xác sơ
Ảo hình ảo ảnh bây giờ còn đâu
Tuyết sương điểm bạc mái đầu
Lá vàng rơi rụng bên lầu lặng câm.

Quay gương soi lại chân tâm
Chân như thăm thẳm quá tầm bàn tay.

MAI KIM NGỌC

trên TV! (Tổng thống Tưởng Giới Thạch, gốc người Triết Giang phát âm khó nghe, nên mỗi khi đọc diễn văm, phải có "phụ đề" Hoa Ngữ tiêu chuẩn).

Giọng Huế thường nói trầm trầm khiến người miền khác nghe nặng, dấu sắc trở thành dấu nặng: Huế thành Huệ nên mỗi khi người Huế thường phải lên "bát độ" âm giai (octave) như họ vẫn nói đùa thế để dân miền khác dễ hiểu hơn chăng? Tuy nhiên, giọng Huế mà ngâm thơ quả là một điều kỳ thú, nghe tha thiết trầm ấm vô cùng. Người ta có thể đem những tiếng thổ âm vào văn chương không? Tôi nghĩ nếu thích ứng thì thổ âm sẽ nói lên một điểm đặc thù của một địa phương. Trường hợp của thi hào NGUYỄN DU (gốc ở Tiên Điền, Nghi Xuân nhưng mẹ là người Bắc Ninh) sáng tác thơ nôm Kim Vân Kiều, hầu như không dùng thổ âm xứ Nghệ, ngoại trừ vài chữ đặc biệt như: "Gia tư *"nghĩ"* cũng thường thường bậc trung", nhưng trong bài *"VĂN TẾ SỐNG HAI CÔ GÁI TRƯỜNG LƯU"*, Ông dùng rất nhiều thổ âm Nghệ Tĩnh! Chẳng hạn như:

Đến vườn mong bẻ một cành cam
Giã lòng dã chẻ hai thanh ná (nứa)
...
Thương chắc lấy nỏ được chắc, làng nước hục hặc, lấy nỏ được chắc, chúng bạn ta như nghé xổ ràn...

Ở vùng TRỊ THIÊN, vào thời cận đại, có những thi sĩ đã đôi khi dùng những chữ thổ âm vào thơ văn một cách tuyệt vời!

Trường hợp của Bác sĩ Phan văn Hy, gốc làng Nhàn Biều, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, làm thơ với bút hiệu KINH CHỈ, rất đáng nhắc tới, chẳng hạn như bài *"Chợ Phiên ở Huế - 1932":*

...
Xe điện chở người đi chật phố
Tròng ngao rước khách đậu đầy sông
...
Xem vẻ áo quần màu phấn sáp,
Những anh nôn vợ, chị nôn chồng!

(Xe điện: xe ô-tô; tròng ngao: chiếc xuồng nhỏ đưa khách từ bờ ra đến thuyền lớn gọi là "nốt"; nôn: sốt ruột nôn nóng.)

Để đáp thư của nhà thơ Ưng Bình Thúc Giạ, thi sĩ Kỉnh Chỉ miền núi Mai lĩnh, sông Thạch Hãn đã viết:

...
Quan san ngàn dặm nhà xa ngái
Vân thọ đôi đường nỗi nhớ nhung!
(Xa ngái: xa, rất xa!)

Ở Huế, nhà thơ **THẢO AM** NGUYỄN KHOA VY rất tài nghệ trong sự đem thổ âm Huế vào những bài thơ độc đáo, có thể nói chưa ai bì kịp.

Tôi chỉ xin nhắc đến một vài điểm nho nhỏ về sự dùng thổ âm Huế ngẳng đời của Cụ:

Trách vợ đã già mà hay ghen.
Mơi tra chiều hỏi chuyện ma-trơi
Trời để ghen chi cứ trẻ đời.
Cớ sự làm sao mà cứ sợ?
Dời chưn không kịp đứng dừng chơi.

Cầu Đạo
Cầu đạo cho nên phải cạo đầu,
Dầu lai dưa muối đặng dài lâu
Na bường với bát nương bà vải
Dầu Sãi không tu cũng giải sầu

Vợ khuyên chồng chớ theo O Liên mà tốn tiền
Nó kể chi ai nể có tiền
Yêng lo sao xiết nổi O Liên
Thói đời phải thế không thời đói
Nhớ chạ thương chung dạ chớ phiền.

Cứ mỗi bài lại có một vài chữ thổ âm như Mơi (Mai), Na (cầm bưng), Yêng (Anh đối với em là Iêm). Ngay chữ rất tục là cái "khu đĩ" (còn gọi là cái... lồn mèo, hay cái đầu hồi) cũng được Cụ đem tả trong bài **Đi chơi đêm:**
Gió vật cành đào, hoa ngã ngửa,
Trăng dòm khu đĩ bóng nằm nghiêng

Cụ ƯNG BÌNH THÚC GIẠ THỊ, vị chủ soái của HƯƠNG BÌNH THI XÃ mà hai cụ

Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy và Thảo Am Nguyễn Khoa Vy đều là thành viên, tuy không dùng thổ ngữ Huế nhiều như họ, nhưng lại có giọng thơ "đặc sệt" HUẾ trong bài thơ sau:

Trong gánh vương tư những vật gì?
Dây hồng lá đỏ đó chớ chi!
Hãy còn bợ ngợ sương không nổi
Sao lại lân dân chẳng vất đi?
San sẻ không nhờ cân Tạo Hóa
Nặng nề thêm mãi khối tình si
Hỏi ai là bạn thương mình đó
Xin hãy xẻ vai rợt chút nì!

Trong tập san TIẾNG SÔNG HƯƠNG, luật sư gốc Huế LÊ CHÍ THẢO đã viết vài giòng kỷ niệm cũ để tâm tình bằng giọng Huế như sau:

Mùa hè ở Huế mà ăn đoại dấm nước với rau và, anh hí! Ui chao, hắn mát rượi mà dòn tan. Đến thằng em họ Phạm mà cũng còn nhớ được như rứa! Người họ Mai cũng phán: *Chừ mà có đoại Mì gỗ, nước kho tôm vừa mặn, vừa cay, ăn vô mới sướng cái miệng! Xí! Mì gỗ là Quảng Nam chớ Huế cái chỗ mô? — Thì Tau cũng học trường Pellerin mấy năm chớ bộ!* Út Lục Dệ xen vào:

Chừ dễ tui cho mấy anh ăn cơm Huế... hàm thụ!" — cái thằng dã man! — thế là bao nhiêu vốn liếng văn chương chữ nghĩa tự thuở cha sinh mẹ đẻ cho ăn, học bình dân học vụ, Lục đệ đem ra mổ tả rành mạch từng chi tiết nhỏ của các món ăn Huế từ mâm cơm gia đình cho đến hàng quán ở Chợ Mai, Chợ Xép. Mấy thằng anh kết nghĩa đờ mặt ra mà nghe...

Đến khi thằng Út chấm câu: *"Rứa rồi... mình cầm trái ớt tươi đưa vô miệng cắn một cái 'rốp'..."*

Anh râu rìa phi công C-130 giật thót mình, đâm quạu: *"Không được nói nữa, tui thèm!"* Nhưng rồi chính anh cũng níu kéo thêm một chút: *"Đọt nưa, mấy cụ hí, đọt nưa cắt từng khúc ngắn... khứa khứa, rồi đem kho với tôm nhỏ nhỏ và thịt heo ba chỉ. Nêm vô cho thật nhiều ruốc và ớt bột. Cứ như rứa mà ăn, mấy cơm cũng hết, ngon rụng rời chân tay... Nhiều khi ăn vô ngứa trong cổ họng không biết làm răng mà gãi...*

Tiếng Huế mình nghe quen tai, chớ nhiều khi nghe tức cười lắm. *Tui có thằng bạn cũng phi công, cũng đi học Mỹ học miếc mấy lần, rứa mà đứng giữa phi trường Cần Thơ, hắn la ơi ới:* ***Đứa mô cho tau mượn cái bàn bóng một chút! Đứa mô cho tau mượn cái bàn bóng một chút!***

Bạn bè đồng ngũ ngơ ngáo không hiểu cái bàn bóng là cái gì? Tui muốn thông dịch giùm cho hắn mà tui cười quá nín không được!

Cũng chữ "bóng" có nghĩa là hình ảnh đã gây một giai thoại là một chàng trai Huế xin cô bạn gái một cái "bọng" làm cô không hiểu cái "bọng" là cái chi!

Trở về cuốn Luận án *THỔ ÂM XỨ HUẾ* mà tôi nhắc ở trên, tôi nhớ tác giả có sưu tầm được một bài thơ dùng toàn tiếng thổ âm sau:

Đột nác ngoài cươi hấng đã bưa,
Nồi cơm côi núc lả đun vừa
Trét cá, trả keng bù nêm mói,
Rào sau xắc nặng đặng ngơi trưa

Tôi xin "phụ đề" bằng tiếng Việt tiêu chuẩn:

Lu nước ngoài sân hứng thỏa thuê,
Nồi cơm trên bếp lửa đun vừa
Niêu cá, om canh bầu nem muối
Quần giặt ao sau xong ngủ trưa

Và tôi lại sưu tầm thêm được những câu hát của con nít ở vùng Trị Thiên sau:

Buổi sáng chạy ra Biển Đông,
Gắp lấy xương rồng bẻ ra chín khúc,
Gặp mụ bán bánh đúc, chảy máu đầu cầu
Gặp mụ bán dầu, dầu thơm hoa lý
Gặp mụ bán bí, bí chẻ hai hanh (hanh: lát chẻ theo đường xẻo xuyên tâm)
Gặp mụ bán chanh, chanh chua như dấm
Gặp mụ bán nấm, loại trốt loại tai (gẫy đầu, gẫy tai)
Gặp mụ bán khoai, khoai sâu cả cộ (cộ: cũ)
Gặp mụ bán rổ, rổ sưa rệt rết (đan rất thưa)
Gặp mụ bán ếch, ếch nhảy lom xom
Gặp mụ bán dom, dom đỏ loái loái (trái dom có sắc đỏ lói lói, do đó lòi trĩ gọi là "lòi dom")

Gặp mụ bán moái, moái mặn như tương (mói: muối)
Gặp mụ bán hương, hương thơm phức phức
Gặp mụ bán mức, mức chon cheo bẻo (mức là một thứ rong biển, ăn chon tức là hơi giòn!)
Gặp mụ bán kéo, kéo Đông kéo Tây
Gặp mụ bán mây, mây dài thượt thượt
Gặp mụ bán lược, vừa đi vừa chải
Gặp mụ bán vải, vừa đi vừa đo
Gặp mụ bán mo, vừa đi vừa bước
Gặp mụ bán nước, vừa đi vừa rao
Gặp mụ bán bao, vừa đi vừa đột
Gặp mụ bán bột, vừa đi vừa cân
Gặp mụ bán sân, vừa đi vừa bó (sân là một thứ lá giống lá lốt, dùng để nấu canh mít non, ăn rất ngon).
Gặp mụ dầu gió, vừa đi vừa xức

Tôi chỉ nói ở trong bài này về tiếng thổ âm thường chỉ được nói ở vùng quê, xa nơi thành phố. Kinh đô HUẾ là đất Thần Kinh, đã từng là một trung tâm văn hóa quan trọng như Hà Nội, Sàigòn, nên đương nhiên trai thanh gái lịch, ăn nói phải thanh bai lịch sự, đôi khi lại văn hóa tao nhã. Nhưng nàng gái Huế có những cái tên dài, chữ nghĩa hơn những phụ nữ ở Bắc và Nam... lấy từ điển tích này hay sách Nho nọ rất cầu kỳ! Vào thời còn vua triều Nguyễn, những ông Hoàng bà Chúa lại có cách ăn nói của họ mà dân Huế gọi là "giọng Các MỆ!!"

Trước 1945 — thời còn vua BẢO ĐẠI — đất Huế tương đối còn giữ nhiều tiếng thổ âm từ thuở các Chúa Nguyễn vô lập nghiệp. Nhưng càng về sau, — nhất là vào thời chiến tranh — đất Huế không còn khép kín trước những đợt người di dân từ khắp nơi đổ về sinh sống, hay làm việc, công tác... Con dân Huế thổ sanh cũng ra đi tản mát ở khắp bốn phương... Do đó, những tiếng thổ âm đương nhiên dần dà mất đi...

Nhưng tôi thiết nghĩ sự khảo cứu lại kho tàng thổ âm xưa cũ phải là một công cuộc tìm hiểu của chúng ta trong nhiều công trình khai quật lại di sản ngôn ngữ của tiền nhân.

(Bài bút khảo này chỉ là những suy nghĩ tản mạn của tôi vốn được đất Huế cưu mang từ cái thuở mẹ tôi ẩm ngửa đến Huế cách đây gần 70 năm. Tôi viết theo cảm quan của một kẻ "uống nước nhớ nguồn", nếu có điều sai lầm, thiếu sót... Thành khẩn xin các bậc thức giả chỉ giáo.)

Khách địa Tân Dật Tây (New Jersey)
Mạnh Xuân năm ĐINH SỬU
✍ ***LÊ VĂN LÂN***

*

Ý THU

Có ai gõ cửa mùa thu
Mà nghe ngưng bặt tiếng ru ngỡ ngàng

Có ai mở lối cỏ vàng
Mà nghe hoa cúc thơm hàng dậu xưa

Có ai dệt những sợi mưa
Mà nghe trời sắp đong đưa cầu vồng

Có ai gửi nắng qua sông
Mà nghe lạnh lẽo về trong tâm hồn

Có ai khép cửa hoàng hôn
Mà nghe gió khóc về chôn chiều vàng

Có ai lỡ chuyến đò ngang
Mà nghe thơ thẩn dư vang thở dài

Có ai dấu nỗi u hoài
Mà nghe thấp thoáng một vài ý thu.

Lac Tahoe, vào thu 94
Hoàng Bích Đào

Tiếng Huế Tuyệt Vời

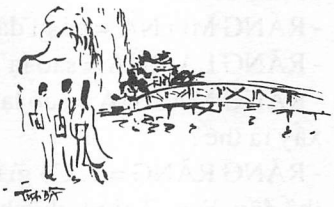

Bùi Minh Đức

Dân Huế ít nói, điều đó ai cũng biết. Không những ít nói mà lại còn nói ít. Người Huế nói chuyện riêng tư với nhau thường dùng rất ít chữ, "nói nhát gừng", câu thường ngắn gọn. Nếu 'nghe lóm' được câu chuyện mà họ đang đàm-đạo, sẽ thấy rất là khó hiểu. Trái lại, đối với người Huế, diễn-tả đầy-đủ ý-tưởng của mình bằng một vài chữ sơ-sài là một chuyện quá dễ, "chuyện cơm bữa". Người đã cùng một "gốc-gác" Huế sẽ hiểu được ngay, thấu-triệt ngay, "nói ít mà hiểu nhiều", không khó-khăn gì cả.

Chúng ta thử lắng nghe một câu chuyện giữa hai người Huế:

- Ghét tui không?
- Ghét mà cho ri!
- Cho chi mô?
- Ẩu! Rứa răng?
- Chi mô nà!
- Ấy, ấy ri, răng chừ?
- Không răng mô!
- Răng răng?
- Răng thì rứa!
- Ấy mà dị.

Đối với người xứ khác, câu chuyện trên có vẻ bâng-quơ, không đâu vào đâu, nhưng đối với dân Huế, họ có thể hiểu liền: Một câu-chuyện diễn-tiến khá gay-cấn, giữa hai người trẻ-tuổi với nhau, một đe dọa tiềm-tàng, hứa-hẹn còn nhiều sôi-nổi.

Sở-dĩ người Huế đã có thể nói ít mà hiểu nhiều là cũng nhờ họ đã dùng những từ-ngữ đặc-biệt Huế, của riêng Huế, để nói chuyện với nhau. Đó là những chữ CHI, MÔ, TÊ, TI, RĂNG, RỨA, NI, NỚ, HẢ v.v. Những từ-ngữ này không nhiều, nhưng với nhiều kết-hợp, móc-nối khác nhau, láy đi láy lại, sẽ có nhiều nghĩa khác nhau, trở thành khá dồi-dào, đủ để họ trao-đổi các ý-nghĩ riêng tư của họ, tìm hiểu môi-trường và sự-việc chung-quanh mình. Những chữ này, phần lớn là gốc Chàm, gốc Thượng. Và quả thật, nhiều người Thượng mà chúng ta thường gặp trước đây ở Chợ Tuần, ở phố hàng đồng Gia-hội, cũng nói lơ-lớ những tiếng này, với những chữ được lặp đi lặp lại. Người huế gọi đó là "tiếng Mọi". Cũng cần nhắc lại ở đây, gốc-gác của họ có thể cũng không xa-lạ gì với chúng ta: Họ có thể là bà-con xa gần với chúng ta, cũng cùng một gốc tổ, ta ở đồng-bằng, họ ở miền núi và cùng Nam tiến song-song với nhau. Xa hẳn các nguồn ảnh-hưởng mà chúng ta ở đồng-bằng đã gặp, có lẽ họ còn giữ được hơn chúng ta nhiều nét chính về đời-sống của ông-bà chúng ta ngày xa-xưa.

*

Sau đây, chúng tôi xin nêu ra một vài chữ Huế của "Tiếng Huế Mọi" này, cùng với những kết-hợp thông-thường đã được xử-dụng trong đời sống hàng ngày của người dân Huế.

- **CHI:**

- CHI = cái gì
- CHI LẠ RỨA = sao lại thế?
- CÓ CHI MÔ = có gì đâu!
- CHI RỨA = cái gì thế!
- CHI MÔ = cái gì đâu?
- CÓ CHI RĂNG = có gì thì sao?
- KHÔNG CHI MÔ = không sao đâu!
- CHI TỆ RỨA = sao tệ thế!
- CHI RI = cái gì đấy?
- CÁI CHI TỀ = cái gì hè? (mà tôi quên lú rồi!)

- CHI HÈ = cái gì kia? (mà tôi đang cố nhớ lại)
- CHI CHI ẤY = sao sao thế! Thấy thế nào ấy!

• **MÔ:**
- MÔ = ở đâu
- KHÔNG RĂNG MÔ = không sao đâu!
- MÔ TÊ KHÔNG BIẾT = không biết gì cả!
- MÔ NÀ = ở đâu?
- MÔ RỨA = ở đâu thế?
- MÔ RI = cái này ở đâu đến?
- RĂNG MÔ = có làm sao đâu?
- MÔ HÈ = ở đâu kìa! (ai biết đâu không?)
- MÔ NÀ = ở đâu nào!
- CÓ MÔ NÀ = có gì đâu!
- CÓ CHI MÔ = có sao đâu!
- CHI TUI = làm gì được tôi nào! (thách-thức)
- BIẾT MÔ = 1. Có biết đâu! 2. Biết đâu đấy! (ám-chỉ)

• **TÊ:** *gốc Chàm "TEH"*
- TÊ = đó kìa
- BÊN TÊ = bên kia!
- ĐÓ TỀ! = đấy kìa!
- RỨA TỀ = như vậy kìa!
- TÊ NI = mấy bữa rày (Tê ni mắc việc, không đến được)
- MÔ TỀ = để đâu kìa, tôi quên mất!
- RĂNG TỀ = sao kìa, để tôi nhớ lại sự-việc
- DỊ CHƯA TỀ = kỳ quá!
- NGỤY CHƯA TỀ = kỳ-dị quá đi!
- RÌ TÊ = TÊ NI - mấy lâu nay
- TÊ TỀ = đó kìa
- KHI TÊ = biết thế này
- BỮA TÊ = trước đây hai ngày
- BÊN NI BÊN TÊ = cả hai phía

• **RĂNG:**
- RĂNG = làm sao
- RĂNG RI = sao thế?
- RĂNG ĐÃ RỨA = sao lại đã làm thế? (chồng mới chết mà răng đã rứa?)
- RĂNG RỨA = sao thế?
- RĂNG HỈ = sao nhỉ?
- KHÔNG RĂNG MÔ = không sao đâu?
- BỘ RỨA = thế thì (bộ rứa tui nói láo hay sao?)
- RĂNG RA RỨA = sao lại xẩy ra thế?
- RĂNG THÌ RỨA = có sao cứ thế mà làm!
- RA RĂNG = ra sao, thế nào rồi?
- RĂNG MÀ TỆ RỨA = sao mà tệ vậy?
- RA RĂNG THÌ RA = chấp nhận chuyện sẽ xẩy đến!
- RĂNG MÔ NÀ = có gì đâu nào!
- RĂNG LẠ RỨA = sao lạ vậy?
- RĂNG MÀ RỨA = sao lại đến thế, sao lại xẩy ra thế?
- RĂNG RĂNG = 1. Có gì thì sao? 2. Như thế đấy, làm gì nào! (thách-thức)
- BIẾT RĂNG CHỪ = 1. Biết thế nào bây-giờ. 2. Biết đến bao-giờ
- CÓ RĂNG NÓI RỨA = có sao nói vậy
- AI RĂNG TUI RỨA = ai sao tôi vậy
- CHI RĂNG = có gì thì sao, có gì nào (thách-thức)
- RĂNG BIẾT = sao mà biết được?
- BIẾT RĂNG = biết làm sao bây-giờ?

• **RỨA:** *gốc Chàm "ROH"*
- RỨA = thế đấy
- RỨA RĂNG = 1. Thế hay sao? 2. Thế sao... (rứa răng hắn không xông vô?)
- BỘ RỨA = thế thì (bộ rứa mi sợ hắn hay sao?)
- RỨA MÀ RĂNG = như thế đã sao? (thách-thức)
- RỨA ĐÃ RĂNG = thế đã sao!
- CHI LẠ RỨA = sao lạ thế!
- RỨA THÌ RĂNG = nếu thế thì sao?
- RỨA HÍ = cứ thế nhé, cứ thế mà làm!
- RỨA HẢ = thế à?
- TUI MÀ RỨA = tôi mà như thế à!
- BIẾT RỨA = biết thế thì (biết rứa em cho anh cho rồi!)
- RỨA BIẾT = thế thì có biết (rứa biết ai thương anh không)
- TUI RỨA = tôi thế đấy! (thách-thức)
- EM RỨA = 1. Em thì cứ thế hoài! 1. Em thế đấy!
- RỨA EM = 1. Thế à em. 2. Tại sao em (không đạp cho nó một đạp khi nó đòi hun em)

- RỨA TỀ = như thế kìa!
- CHI RỨA = cái gì thế?

• **RI**
- RI = thế này
- RI NÌ = như thế này!
- RĂNG RA RI = sao đến nỗi này
- KHÔNG MÀ RI = nếu không đã không như thế này
- RI EM = thế này em!
- BIẾT RI = biết thế này (biết ri ở nhà ngủ khỏe hơn)
- RI HÍ = như thế này nhé
- NHƯ RI = như thế này
- RĂNG RI = sao thế này?
- RI TÊ KHÔNG BIẾT = không biết chuyện gì cả
- MÔ RI = ở đâu mà có thế này?
- CHI RI = cái gì đây?
- RI MÔ = cái này ở đâu đến?
- RI RĂNG CHỪ = như thế này, bây giờ sao đây?
- RI HÁ = thế này hở?

• **ẤY:** ***gốc Chàm "AY"***
- ẤY = anh, chị (thân-mật)
- ẤY MÀ DỊ = anh, chị làm lạ quá, kỳ quá, ngượng quá
- RĂNG ẤY RỨA = sao anh, chị như thế? (trách-móc)
- ẤY ẤY = anh/chị làm thế
- ẤY CỨ RỨA HOÀI = anh chị cứ làm thế hoài (nũng-nịu)
- ẤY MẦN RI = anh chị làm thế này (thân-mật)
- ẤY MẦN RĂNG = anh chị làm sao?
- ẤY BIẾT = thế anh chị có biết
- ẤY RĂNG RI = anh chị sao thế này? (lo-lắng)
- ẤY MÀ CHI MÔ = ẤY CHI MÔ = anh chị mà sao thế nào ấy (trách-móc)
- CHI ẤY = chuyện gì thế anh chị?
- MÔ ẤY = ở đâu thế anh chị?
- ẤY RỨA TỀ = anh chị làm như thế kìa
- ẤY RĂNG RỨA = anh chị sao thế (lo-âu)

• **NI:** ***gốc Chàm "NI"***
- NI = này
- BÊN NI = bên này
- EM NÌ = này em
- NHƯ NI = như cái này
- RĂNG NI = RĂNG RI = sao thế này?
- NI RĂNG = từ lâu nay, sao (anh không lại?)
- NI RI = hôm nay anh thế này (cũng mãn-nguyện rồi)

• **NỚ:**
- NỚ = ấy, đó
- NGƯỜI NỚ = người ấy (thân-mật; người nớ cứ theo tui hoài)
- CÁI NỚ = cái đó (cắt cái nớ cho rồi, của nợ!)
- NỚ NI = từ ấy đến nay
- NỚ MÔ = cái đó ở đâu?
- NỚ RĂNG = RỨA RĂNG = sao không (không lấy anh nớ cho rồi)
- NỚ TỀ = cái đó kìa!
- NỚ MÀ DỊ CHƯA = ẤY MÀ DỊ CHƯA = anh mà kỳ quá (nũng-nịu)

• **HỈ, HẢ, HÁ:**
- HỈ: nhỉ?
- ANH HỈ = anh nhỉ?
- RỨA HẢ = thế à?
- MÔ HÁ = ở đâu nhỉ?
- RI HÁ = thế này hở?
- RĂNG HÁ = thế nào thế?

*

Lướt qua những tiếng Huế trên đây, ta thấy quả thật người Huế đã có những chữ riêng-biệt, những chữ đặc-thù, để diễn-đạt những cảm-nghĩ của mình trong đời sống hàng ngày một cách giản dị, đơn-sơ, gẫy-gọn, không cần "dài-dòng văn-tự". Các từ-ngữ này không những đã phong-phú mà cách xử-dụng cũng uyển-chuyển, biến-hóa theo với cảm-nghĩ của người nói. Các tiếng Huế này nếu nghe quen, rất dễ xử-dụng. Chúng tôi có một cháu ngoại chưa đầy ba tuổi đã thỏ-thẻ tìm hiểu sự việc quanh mình qua tiếng Huế của mẹ: chi rứa, mô rồi, mô rứa, chi

ri, răng ri v.v. một cách chính xác, gẫy-gọn và thành-thạo.

Tuy nhiên, xử-dụng tiếng Huế với người "khác xứ", nhiều khi cũng dễ gây ngộ nhận. Xin kể một câu chuyện có thật của một nha-sĩ người Huế khám bệnh:

- Nha-sĩ: Ông đau răng? (Ông đau sao?)
- Bệnh-nhân: Tôi đau răng
- Nha-sĩ: Răng mô? (Răng nào?)

Vừa khám, vừa khỏ: Không răng mô! (không sao đâu!)

- Bệnh-nhân: Tôi có răng mà!
- Nha-sĩ: Tôi nói không răng là không răng mà!

Tiếng Huế dùng ở xứ người nhiều khi cũng "có phần" lệch-lạc, như trường-hợp của một cháu nhỏ Huế 10 tuổi lớn lên ở Mỹ được người cha dắt ra phi-trường đón ông nội theo diện ODP từ Việt-nam qua. Đứng trên lầu nhìn hành-khách đang bước xuống phi-cơ, ông cha chỉ tay 3 người đang bước xuống và reo lên: "Ông nội đó tề!" Cậu con ngẫm-nghĩ "một chút" rồi hỏi cha: "Ba thằng nớ thằng mô là thằng ông nội?" (Cháu đã dịch chữ "thằng" từ chữ "guy" của Mỹ!). Xem như thế ta thấy vai-trò gìn-giữ tòa lâu-đài tiếng MẸ tại xứ người cũng không phải là "dễ-dầu" gì với những tác-dụng xoi-phá liên-tục của nền văn-hóa ngoại-lai, tân-nhập của xứ người!

Tiếng Huế nếu hiểu không thấu-đáo cũng có thể gây nhiều hiểu-lầm như câu chuyện tiếu-lâm của một người khác xứ cưới cô vợ hiền người Huế. Đêm tân-hôn, người vợ hỏi chồng "xong hỉ?" (xong rồi phải không anh?) thì người chồng lại tưởng vợ đòi "song hỷ" và khi người vợ quá mệt muốn ngủ, giao-ước "ngủ hỉ?" (bây giờ ngủ nhé!) thì người chồng tái mặt, những tưởng vợ đang đòi "ngũ hỷ". Thật là một hiểu-lầm tai-hại cho cả đôi bên.

KẾT-LUẬN: Xem như thế, ta thấy tiếng Huế đã có những chữ đặc-biệt, giản-dị, rất thích-ứng để dùng khi giao-tiếp với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Tiên-phong trên bước đường Nam-tiến, tiếp-xúc với Chiêm-Thành, Chân-lạp, Cao-mên, Thái-lan v.v., có thể theo nhu-cầu, người dân xứ Huế đã phải sáng-tạo cho mình và vay mượn của người để có những chữ ngắn-gọn dễ hiểu, rất cần-thiết trong một môi-trường mà người đối-ngẫu có thể là một người dân nước khác, chủng-tộc khác. Phải chăng tiếng Huế đã đẻ ra một thứ tiếng "pidgin" cho các sắc dân khác để học, để theo, để cùng xử-dụng, liên-lạc với nhau trong các dịch-vụ trao-đổi, buôn-bán ở biên-thùy? Như vậy, phải chăng "Tiếng Mọi" và tiếng Huế đặc-biệt ("Tiếng Huế Mọi") đã có cùng chung một dạng-bản?

Ngoài ra, ta cũng thấy nhiều tiếng Huế đặc-biệt đã phát-xuất từ tiếng Chàm. Vậy, bao nhiêu tiếng Chàm, bao nhiêu tiếng Thượng đã được pha-phôi vào tiếng Huế đặc-thù? Một vấn-đề cũng cần được các nhà Việt-học, Huế-học nghiên-cứu thêm trong tương-lai.

Làm công-việc nhỏ bé góp-nhặt những chữ Huế đặc-thù ngay hôm nay, chúng tôi chỉ mong tiếng Huế còn sót được trên giấy trắng mực đen, không bị phôi-pha với ngày tháng, mong cho có ngày có người gọt tỉa, phân-tách, phơi-bày các mạch-lưu của các nguồn dĩ-vãng hiện-diện trong tiếng nói của cha ông ta ngày trước. Thế là mãn-nguyện.

Bùi Minh Đức
California April, 1997

RỨA RĂNG

Đời là rứa hay là răng rứa hí
Rứa răng đời không một chút vui tươi
Thấy răng răng nên đôi lúc mỉm cười
Vì rứa rứa nên nhường như muốn khóc
Câm lặng rồi, rứa răng cứ mời mọc
Có nói nhiều răng rứa cũng như ri
Mà răng răng, rứa rứa có ích chi
Rứa răng răng rứa hỡi người đà chán lắm
Có nhiều lúc hỏi răng mà như rứa
Đành trả lời như rứa chứ mần răng

Vô danh

BÀ NGOẠI ĐI LÃNH THÙNG QUÀ

NHÃ CA

Chỉ có tưới mấy chậu cảnh ngoài sân, chùi tấm cửa kính mà cái lưng muốn gãy, cụ Bá phải ngồi xuống chiếc ghế dài kê ở hiên, thở lấy thở để. Làm có tí đã không còn chút hơi sức rồi. Còn nữa, ba bốn ngày chưa quét sân, lá rụng đầy coi bẩn mắt quá. Thêm cái vòi nước ở góc bị rỉ chảy, nước lênh láng dưới đất mà chậu cây thì khô queo. Nếu thằng Phái có ở nhà đâu đến nỗi. Thằng bé siêng việc. Con nhà lao động có khác, nó gọi bà bằng bà bác. Cũng mới gặp đây thôi, phải mấy năm sau 75 nó mới mò mẫm vô Nam tìm họ hàng. Qua nó, biết con mẹ nó đã chết, thằng bố, cán bộ cao cấp nhưng lấy vợ khác rồi. Nó nói bố con nó từ nhau. Nó kể về cuộc hành trình từ Bắc vô Nam của nó cho con Thu, cháu ngoại của bà, vai em nó.

"Tao đếch có hào nào, nhưng muốn đi là đi. Tao cứ leo đại lên xe lửa, việc quái gì phải mua vé. Có nhân viên kiểm soát vé chứ, soát gắt nữa là đằng khác. Tao cứ đầu toa tới cuối toa, khi leo lên tuốt trên goong tàu, tránh nó. Đéo mẹ, mày biết không, chỉ khi ngang qua Qui Nhơn, đêm, mệt quá tao ngủ quên, thế là thằng kiểm vé tóm được, tống tao xuống..."

"Khổ không. Rồi làm sao anh vô được tới đây."

Cười khẩy, coi khinh con em họ ngây ngô, nó khoe:

"Có gì mà sợ. Tao xuống ga làm bộ bỏ đi cho khuất mắt, nhưng lại lén ra phía sau toa tàu, chờ tàu chuyển bánh là tao nhảy bám tàu leo lên. Đéo họ, ông chỉ chợp mắt có mấy giây mà đày ải ông thế."

Mới đầu gặp thằng cháu, nghe nó nói năng bà cụ đã nhăn mặt, rồi ôn tồn sửa lời lẽ, dần dà thằng bé cũng nghe ra, văn minh hơn. Nhưng con cháu ngoại của bà thấy không hợp anh từ đầu, nó né tránh thằng anh họ. Bà hiểu tâm trạng con cháu. Hôm ba mươi tháng tư, nó cùng cha mẹ và hai em ra bến tàu tìm đường ra đi. Bị xô đẩy vào đám đông, lạc. Mẹ và hai em đi thoát. Nó ở lại với thằng rể của cụ. Giờ thì cá chậu chim lồng rồi. Thằng rể trung tá, chắc cải tạo mút mùa mà thôi. Thằng cháu oắt con ngu si, khi hỏi ra, kêu lên:

"Rục trong tù thôi. Thứ này nợ máu với nhân dân, đừng mong có khoan hồng. Trung tá mà có làm giặc lái không? Ở ngoài Bắc thời chiến tranh, mỗi lần bắn máy bay địch bắt được một thằng giặc lái là nhân dân giận điên lên ấy chớ. Công an mà không can thiệp là ném đá cho đến chết luôn chứ lị."

Bà cụ lắc đầu. Bà còn lạ gì chính sách nhồi sọ của bọn Cộng sản. Từ cái hồi còn gọi là Việt Minh kia, cái ác đã ló ra hừng hực rồi, giết người như ngóe. Bà thấy thương thằng bé hơn là ghét. Mẹ chết, bố như thế, mới nứt

mắt, không biết lừa lọc, dối trá làm sao sống tới ngày nay.

"Con gái trong Nam này hư quá, ăn mặc diêm dúa. Phụ nữ ngoài Bắc biết vác súng đánh giặc Mỹ."

Đó là những ngày mới vào miền Nam, bây giờ thằng bé Phái đã thay đổi. Bắt đầu chê thanh niên Hà Nội, chốn thủ đô mà quê quá, anh nào cũng mê vô Nam để kiếm cái quần bò. Gái Bắc lao động nhiều, người ngợm cứ nở chiều ngang, ngó thấy cái gì cũng to... Nhớ, bà cụ cũng phải cười tủm tỉm.

Ai lóng nhóng gì ngoài ngõ vậy? Không phải cậu đưa thư hàng ngày mà một cô gái. Thấy quen, một lúc bà cụ mới nhớ ra. Cái cô thường đi phát giấy lĩnh quà. Cũng ngó thấy bà cụ rồi, cô ta reo lên:

"Cụ có tin mừng, giấy đi lĩnh quà cụ ơi."

Ơi lẹ đi chứ. Mong quá là mong. Thư con gái nói gửi quà đã lâu, giờ mới thấy giấy báo đến. Cũng chẳng phải thiếu thốn gì, thùng hàng nào cũng nhiều, hai bà cháu ăn tiêu, đi thăm thằng rể, vẫn dư, mua vàng cất dấu. Móc túi, bà cụ tặng người đem tin vui tới hai trăm bạc. Cô gái cười tươi như hoa:

"Thấy tên cụ là cháu đạp xe mang tới liền. Cám ơn cụ."

Chớ gì nữa. Mỗi lần hai trăm bạc thưởng thì phải lẹ thôi. Như khi lĩnh hàng, biết ăn chia thì thùng hàng về tới nhà nguyên vẹn mà lĩnh cái giống gì cũng được hết. Lĩnh hàng xong trong này, tối hai người hải quan tới nhà, sòng phẳng lấy số tiền hoặc khâu vàng đã ngã giá trước. Chẳng bù thời gian đầu chưa tìm ra đường giây, khổ ơi là khổ. Hàng hóa do con mình gửi về cho mình mà chầu chực còn hơn đi ăn mày nữa. Thấy hải quan cái đực gì cũng như thấy ông trưởng công an phường hay cảnh sát khu vực. Tiền của mình, hàng họ của mình, mà đứng trước mấy thứ lóc nhóc bằng tuổi con cháu, đầu gối cứ run, mặt tái ngắt. Thằng Phái nhanh nhẹn, móc ngoặt tài tình, bà cũng nhờ nó.

Đang nhắc Tào Tháo, Tào Tháo đến. Gớm, ông đã tậu được cái Honda, đầu đội mũ lưỡi màu lục coi chói chang chưa. Dựng xe chưa xong, cậu đã toe toét:

"Bác. Khỏe mạnh không bác? Cả tuần lễ nay cháu bận kinh khủng, cứ hết cơ quan này tới cơ quan khác. Ăn uống, thôi cứ nhà hàng, bác. Cháu phải đi thuê xe của cơ quan này để chở hàng cơ quan khác. Trúng lần này cháu mua một căn hộ." Gớm, không chừa cái tật phét lác. Xe Honda, quần bò, áo thun in hình đàn bà ngả ngớn, cũng từ thùng hàng Mỹ gửi về mà có. Thằng Phái nhận lo từ lĩnh hàng Tân Sơn Nhất, tới việc đi khảo giá, chạy bán từng món hàng. Bà cụ biết ông cháu gian như ranh, ăn bạo lắm.

Thì đâu cũng vào đó thôi. Con cháu ngoại còn khờ lắm, giao cho nó đôi khi còn bị lừa, sạch láng. Có rồi chứ phải không đâu. Thôi kệ, cả nước, người ta cũng chỉ lừa đảo nhau mà sống.

"Giấy gì vậy bác? Lãnh quà hả?"

"Ừ. Mong mãi mới thấy. Dạo này lâu lắc quá."

"Bác ơi, bây giờ mỗi ngày phát mấy nghìn thùng hàng ở Tân Sơn Nhất mà vẫn không kịp, hàng về không có kho mà chứa. Ông nhà nước này ngồi không cũng giàu, giàu nhờ ăn ké vào bọn phản quốc vượt biên."

Bà cụ hài lòng thằng cháu quá, nó vừa chửi dùm bà đấy thôi. Đúng là vừa đánh trống vừa ăn cướp. Chúng nó ăn cướp nhà cửa ruộng vườn của bà, bà phải bỏ trốn vô Nam. Vô Nam, sống mới yên, nuôi con cái thành người, tạo dựng nhà cửa vừa xong thì mấy ông cũng mò vô tới. Con cái đứa bỏ đi, ly hương, đứa vô tù ngồi. Đứa lưu lạc xứ người đi cày nuôi đứa ở nhà ngồi không, thì lại lọt vô bụng ông nhà nước gần hết. Thôi thì đủ thứ thuế, nay công trái, mai phường khóm lễ lạc. Mấy ông lễ lạc ăn uống tưng bừng lắm, diễn văn thì nói thánh nói tướng, mà tiền ăn nhậu thì từ sự đóng góp của nhân dân, thì cũng từ của cải thùng hàng gởi về của bọn phản quốc. Tiên sư nó, sao ông trời còn chưa vặn họng cái bọn ngang ngược?

"Bác đưa cháu coi ngày nào đi lĩnh để cháu còn thu xếp công việc. Dạo này cháu lu bu lắm, ba bốn đường dây, đường dây nào cũng thơm."

"Thứ hai tuần tới. Bác còn để lo tiền thuế má nữa. Thùng quà hai mươi lăm pao, không nhẹ thuế đâu."

"Phải. Bác. Nhưng cháu đã có đường dây, đóng thuế tượng trưng, phần còn lại "chai hia". Để cháu đi hẹn tụi nó, tối nay đi ăn chơi chút đỉnh."

Thằng cháu gãi đầu gãi tai.

"Chà, hôm nay tới hai ba việc một lúc. Cháu phải đi ngay mới kịp, toàn chuyện khẩn trương cả."

Nó nhìn cái vòi nước rỉ, đám lá dày trong sân:

"Xong thùng hàng phải bỏ một ngày sửa cái vòi nước, dọn dẹp cái sân cho bác. Coi bẩn mắt quá. Cũng may, hôm nay cháu tới cửa hàng dịch vụ gần đây, ghé thăm bác một chốc. Nhớ quá, không biết sức khỏe bác ra sao, cũng lo. Cháu mà mua được nhà, nhất định đón bác về ở cùng để hầu hạ."

"Nghe anh thì bán thóc giống ra mà ăn. Ở với anh rồi vứt nhà cửa đây cho ma nó làm tổ hả?"

"Bác nữa. Cháu nói thật lòng đấy chứ. Từ ngày vô Nam không có bác, cháu không có ngày hôm nay. Mẹ cháu trước khi nhắm mắt có giối dăng với cháu là khi nước nhà thống nhất phải vô Nam tìm cho được bác. Bao năm xa cách, mẹ cháu chỉ thương nhớ có mình bác."

Khiếp chưa. Bao năm không có cha có mẹ, chỉ có bác Hồ nuôi, miệng trơn còn hơn bôi mỡ. Bực mình vì thằng nhỏ láu cá nhưng thương, từ nhỏ lớn lên sống với bọn ma không ra ma, quỷ chẳng ra quỷ, nó khá thế nào được. Con Thu, cháu ngoại cụ, nghe nhắc tên thằng Phái là nhăn mặt:

"Ngoại đừng có nghe anh ấy nịnh. Toàn xạo với dóc không. Cháu thấy ngoại nên cẩn thận, đừng tin lời anh ấy quá mà có ngày..."

Thì cũng đã có ngày rồi. Năm ngoái, một hộp quà toàn thuốc tây lĩnh ở Cô Giang, nhờ ông bán. Ông đi tới hai ngày sau mới về, mặt mày như cái bị rách, quần áo nhầu nát vì bị nhốt ở phường một đêm. Công an ruồng bố chợ trời Tân Định và ông bị dính. Con Thu nghe chuyện không tin, bảo thằng Phái dàn cảnh để cướp gần cây vàng. Chuyện có không thì không biết, thằng Phái đem cả mẹ nó ra mà thề. Xót lòng quá, bà phải rầy con Thu, con bé chua chát:

"Vâng, bà cứ tin anh ấy thề đi. Cộng sản chỉ có bác Hồ chớ không cha mẹ gì hết thì đem ai thề mà không được. Cháu biết hết mà nói không được đấy thôi."

Bà cũng xuề xòa cho xong. Thằng Phái từ ngày đó tới giờ làm ăn cẩn thận hơn, chưa có xẩy ra vụ nào lớn, chỉ bớt xén. Thì đã nói rồi mà. Xé mắm ai chả phải mút tay.

"Bác à..."

Bà cụ đang nhớ chuyện cũ, giật mình.

"Gì nữa, cháu?"

"Hì hì. Bác có tiền mặt đó không?"

"Bác chỉ còn vài nghìn bạc..."

"Vài nghìn thì thấm thía vào đâu, bác. Lát nữa báo cho bọn Hải quan biết, còn rủ chúng đi nhà hàng. Không phải chuyện của con đâu, mà chuyện thùng hàng tuần tới. Mỗi lần tìm gặp tụi nó khó lắm bác, đêm nào tụi chúng cũng có người bao đi nhà hàng, đi múa đôi. Kẹt là bác không còn tiền mặt. Thôi thì thế này nhé, bác cứ đưa con một khâu vàng, con tùy nghi xử dụng. Dư con đem trả bác..."

Chuyện đâu vào đó quá. Bà cụ chỉ biết đứng dậy, đi vô nhà:

"Cũng được, chờ đó bác vào lấy cho."

Chờ thì chờ. Bà bác không muốn nó biết vàng dấu ở đâu chớ gì. Nó đang bận tính toán. Một khâu bán ra cúng kiếng mấy ông hải quan một chầu đàng hoàng cũng hết một nửa. Cái bọn hải quan, đứa nào cũng còn trẻ mà cái bụng như thùng nước lèo, đổ bao nhiêu bia cũng không đầy. Số còn lại, bà già phải bù khẩm mới đủ khâu thuế. Dạo này bà bác cũng bớt xởi lởi với nó. Củi khô thấm nước lâu cũng mục. Cái mặt con em họ thiệt như kỳ đà cản mũi. Nó không nói ra nói vào thì ai nữa. Bởi vậy, nó toàn lựa lúc con bé không có nhà mới mò tới.

"Đây cháu. Nhớ cất cẩn thận. Vàng nó có chân nó đi nghe cháu."

"Cháu biết rồi. Bác ơi, lấy được thùng hàng ra cũng gấp

hai gấp ba cái này. Cháu ráng lo, mà tụi nó quí cháu nên dễ dãi cho cháu nhiều lắm."

"Biết. Bác biết mà. Thì lời thêm đồng nào bác cũng cho cháu đồng đó. Chỉ nhắc cháu cẩn thận, không lại như..."

"Bác cứ nhắc chuyện xưa hoài. Cháu ngu một lần thôi. Bác đưa giấy báo cho cháu để cháu ghi số kiện hàng đưa cho tụi nó trước để tụi nó liên lạc khâu kho hàng. Chà, thùng hàng kỳ này béo quá, bác."

Thằng Phái ghi xong, đưa trả bà cụ tấm giấy báo. Trước khi leo lên xe Honda dọt, nó còn dặn với:

"Bác nhớ bữa đó bác cháu mình đi sớm lắm. Nói để bác dặn xích lô."

"Nhớ mà. Nhớ."

"Bác gài cửa cẩn thận lại. Cháu nhắc hoài mà bác cứ quên."

Bà cụ quay lưng, mỉm cười, lòng thầm khen thằng cháu có ý tứ. Mẹ nó đẻ nó làm sao, nuôi nó như thế nào, hồi nó còn nhỏ, bà hoàn toàn không biết. Nhưng càng ngày bà càng cảm thấy thương yêu nó. Con Thu thì một mực cho là thằng này có quá nhiều tật xấu, hết thuốc chữa. Nó hoàn toàn thất vọng. Nhưng bà nghĩ khác. Sông có khúc, người có lúc. Con người ta cũng vậy. Theo bà cảm thấy, thằng Phái ăn nói cũng có tình có nghĩa hơn hồi mới vô Nam nhiều. Nó không còn dùng giọng nào là chính sách, khoan hồng nữa, mà nói với con Thu:

"Rồi chú sẽ về thôi. Chẳng phải vì nhân đạo đâu, mà áp lực Quốc Tế đấy."

Con Thu cũng đáo để, nguýt mắt:

"Biết cái gì mà nói. Vẹt."

Cháu nào cũng là cháu. Bà chỉ biết ở giữa, cười xuề xòa. Hai đứa cháu, đúng là Bắc Nam bao lần nội chiến.

*

Bảy giờ tối. Giòng đèn đường cả dãy dài mù, chỉ có một ngọn chột chớp tắt liên tục. Con Thu bắt đầu nóng ruột. Đang ngồi ở hàng hiên, nó đi ra mở cổng đứng ngóng phía đầu đường. Bà ngoại và ông anh họ đi lĩnh hàng từ mờ sáng tinh sương, tới tối mịt chưa thấy tăm hơi. Hôm qua, ông anh họ ghé lại báo tin:

"Xong xuôi hết. Mai chỉ có vô làm thủ tục, đóng thuế. Lần này coi như đóng tượng trưng. Tụi nó chịu ăn chỉ một khâu. Cháu nghĩ sau buổi trưa là xong, bà cháu mình về sớm."

Thằng anh họ Thiên lôi Hà bá, gian ra mặt, khéo nịnh. Thu ghét cay đắng. Nhớ lại lúc anh ta mới bước chân vào nhà, người gầy bằng cây tăm, quần áo không giống ai, mà miệng mồm khoác lác một bước đã thấu trời xanh rồi. Tới bây giờ, quần áo bảnh bao, xe Honda cúp láng coóng lập trường thay đổi không biết đâu mà lường lại càng làm Thu ghét thê thảm nữa. Ở đâu ra một thằng anh họ trên trời rơi xuống như vậy? Thu đi thăm ba, đã kể cho ba nghe, ông chỉ mỉm cười:

"Con đừng ghét anh ta. Anh ta chỉ là nạn nhân của chế độ lâu hơn mình mà thôi. Anh ta đáng thương."

Ba nói gì thì nói, Thu chẳng thấy anh ta đáng thương ở chỗ nào. Khoe nhặng lên là chạy mánh mung cơ quan này, cửa hàng kia, kiếm được nhiều tiền, tậu xe cộ. Theo Thu, tiền gian dối, ăn chận, ăn hớt từ những thùng hàng của mẹ gửi về. Bà ngoại không biết đã lú lẫn chưa mà anh ta nói gì cũng nghe. Ừ, thì cả nước móc ngoặt, lừa bịp nhau mà sống, để nó lừa còn hơn là người dưng lừa. Bà ngoại nói tiếp: Máu loãng còn hơn nước lạnh. Vậy thì còn nói gì nữa.

Lại ngóng. Lại sốt ruột. Rủa thầm thằng anh họ lưu manh. Ngọn đèn chột đang nhấp nháy hoa cả mắt bỗng tắt phụt. Cúp điện. Con đường mờ ảo đầy bóng xe qua lại như cảnh âm phủ. Một chốc, cảnh bớt hãi hùng, bình thường mắt nhìn lại. Chuyện cúp điện chẳng có gì lạ ở thành phố nữa. Nhiều hôm Thu đi học áo quần không là, hoặc chỉ mới là có một nửa, cúp điện. Vậy là bên thẳng bên nhăn, thời trang này duy nhất ở nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lũ bạn học tán với nhau vậy.

Đến cả mấy chục chiếc xe xích lô vun vút chạy qua, Thu nhìn hoa cả mắt mà vẫn không thấy tăm hơi bà ngoại đâu. Quay quắt thật. Đứng

ngóng hoài ai đi qua cũng nhìn nhìn. Mấy thằng nhóc lượn xe đạp còn vòng qua vòng lại nói bậy nói bạ. Thu định đóng cổng vào thì xe xích lô bà ngoại trờ tới. Thở ra cho hết không khí dồn cứng trong lồng ngực.

"Trời, ngoại về. Con lo chết được."

Thùng hàng đã chuyển qua bao bị, chất đầy xung quanh bà ngoại. Phái kè Honda sát. Tới nơi, đã lăng xăng mà mồm la toáng:

"Mệt chết được. Nhờ chú phụ đẩy mấy bao hàng. Em, đỡ bà. Bà mệt ngất ngư."

Bà ngoại ngất ngư thật. Thu dìu bà từng bước. Vô nhà, uống một tách nước trà nóng, vẫn chưa lại sức.

"Ối dà. Cực ơi là cực."

"Thùng quà khắp thế giới gửi về mà bác. Cháu tưởng còn kẹt tới ngày mai nữa cơ. May mà mình đã lo trước. Bác thấy hai ông bà cụ dưới quê lên không? Hai ngày mà chưa được kiểm thùng hàng. Mỗi ngày gửi lại mất năm trăm tiền kho. Ông nhà nước này ăn cướp có môn bài mà bác."

"Bác hoa cả mắt cả mũi. Người đâu mà như kiến. Mấy lần trước đâu nên nỗi vậy."

"Có ngày bác. Nhưng bây giờ càng lúc càng đông. Vượt biên đông, trại giam tụi phản quốc cũng đông mà thùng hàng gửi về càng lắm. Cháu từ sáng tới giờ chưa có gì vô bụng ngoài nước trà đá."

Thu nhìn những đồ đạc được soạn ra, có cả quạt máy và đầu máy may. Ôi mẹ, mẹ làm gì ở bên đó? Tiền đâu mà lo chuyên chở về gia đình lắm thứ? Thư mới nhất có tấm ảnh mẹ và hai em. Mẹ già nhiều và nụ cười gượng gạo làm sao. Hai đứa em còn đi học. Thư tụi nó gửi kèm theo cằn nhằn mẹ nó đã làm việc quá sức, hai ba dóp nhưng không nói là việc gì.

"Bác tưởng cháu đã lo phía hải quan bao hết chứ? Chúng nó kiểm hóa gắt quá, có mấy ống kem quậy lung tung, chỉ còn để nhà dùng."

Phái lau mồ hôi, cãi:

"Cháu đã lo đâu vào đó. Hôm nay xui, bị động, vào đợt kiểm tra đột xuất nên khâu kiểm hóa lộn xộn thành thử bể luôn khâu thuế. Cháu sẽ gặp tụi nó để lần sau. Bác lo gì bác, mình còn khối thùng hàng phải lĩnh nữa."

Con Thu bất bình ra mặt. Biết tỏng ông cuỗm riêng khâu vàng của bà ngoại chớ ở đó mà ăn uống đãi đằng.

"Bây giờ cháu phải về tắm rửa nghỉ ngơi, ngày mai còn đi tính thùng hàng cho bác. Rồi còn gặp tụi hải quan. Cháu muốn đâu ra đó, không để chúng xử ức mình. Chúng ăn trên đầu trên cổ mình mà còn láo là không được."

Con Thu biết thằng anh nầy đánh trúng vào nhược điểm của bà ngoại. Chín bỏ làm mười, gây thù chuốc oán làm chi.

"Thôi. Bỏ. Đến hồi xui nó vậy chớ người ta chả muốn. Đâu phải chỉ mình mình gặp cay đắng khi lĩnh thùng hàng, ai ai cũng vậy. Cháu thấy không, cái bà kiểm hóa trước mình, chửi quá là chửi, còn tức mà khóc khi đóng thuế nữa. Chả dại mà tức, cháu ơi."

"Dạ, thì cháu biết vậy. Trong Nam này chúng no nên còn đỡ ác, chứ ở Bắc, hồi trước, đói, bị dội bom ngắc ngư, chúng nó còn ác hơn quỷ. Thôi cháu về. Cháu mệt quá, mai cháu tới sớm."

Thùng đồ còn bày ngổn ngang, bà cụ ngồi nghỉ một lúc đã bớt mệt, lo phụ với con cháu dọn dẹp.

"Má con dặn ngoại để dành sâm mà uống. Mỗi ngày pha uống như nước trà. Còn nữa, thuốc bổ cũng riêng cho ngoại. Đây phần nuôi ba con. Con đã biên thư nói ở Việt Nam, lúc này cứ có tiền mua gì cũng có mà má con cứ gửi đủ thứ đồ hộp, vừa nặng vừa bị đánh thuế dã man. Má con nói kỳ này gửi nhiều để ngoại dư tiền mua cái Ti-Vi coi phim chưởng đỡ buồn. Đây này ngoại, hai đứa em con đi làm ngoài giờ học, góp mua trà sâm gửi ngoại, chúng dặn ngoại đừng bán đi."

"Ờ..."

"Ngoại đừng đụng tay vào nữa. Ngoại ngồi nghỉ, để con. Ngoại ngồi vào ghế dựa cho khỏi mỏi lưng. Kìa, ngoại ngồi đi mà. Ngoại uống hết ly nước cam con pha, cam ngọt lắm."

Con Thu đỡ ngoại, bắt buộc ngoại nó phải nghe lời, ngồi xuống ghế dựa. Một lúc sau, khi dọn dẹp đồ đạc đâu vào đó, nó tính nhắc ngoại nó rửa ráy, đi nằm. Nó thấy bà ngoại đã ngủ thiếp đi mà đầu

nghẹo sang một bên. Sờ trán bà ngoại, thấy hâm hấp nóng.

"Bà. Bà."

Nó lay lay bà ngoại. Bà cụ động đậy thân mình nhưng lâu lắm mới mở mắt được. Thấy mình ngủ ngồi trên ghế, bà cụ lắc lắc cái đầu:

"Nằm một lát, ngủ quên mất. Già rồi nó tệ hại vậy. Còn nhức nhức cái đầu."

Bà cụ cảm thấy choáng váng khi đứng lên. Sức lực chẳng còn bao lăm thiệt.

"Cháu xong hết rồi. Bà yên tâm đi ngủ đi."

"Quên. Hôm kia ngoài phường mới vào nhắc mình phải mua công trái, vì nhà mình lĩnh thùng hàng hoài."

"Bắt đóng thì nói đóng, còn bày đặt mua với bán. Ưa dùng toàn từ hoa mỹ."

"Còn nữa cháu, tuần tới có đợt thanh niên xung phong lên đường, phường có giấy quyên bà con lối xóm đóng góp để khích lệ thanh niên tình nguyện."

Không biết bà ngoại nói thiệt hay nói giỡn nữa. Thấy bà thắc mắc nhiều chuyện quá mà giờ đã khuya, nên đi ngủ, con Thu nói:

"Mai lo, ngoại. Ngoại đi nghỉ đi."

"Ấy, bà nhắc để mai lo. Cúng sống cho mấy ông để được yên thân cháu à. Cố ngoại của con, chỉ có dăm ba miếng ruộng mà bị liệt vào hàng địa chủ, rồi..."

Đó, bà lại nhắc chuyện đời xưa, bà cố. Bị đưa ra đấu tố, cán bộ còn bắt tá điền nhét phân vào miệng bà cố. Ném đá. Lôi bà ra bỏ ngoài chuồng trâu cho nằm dầm sương. Khuya, người tá điền lúc ban ngày bị bắt buộc nhét phân vào miệng bà cụ bò ra tận nơi. Người tá điền lấy nước rửa ráy cho bà cụ, đem cơm vắt cho bà cụ ăn, và khóc lóc, tự vả vào mặt mình, xin bà tha tội cho, không thể làm khác được vì còn sinh mạng vợ và tám đứa con trong tay họ. Cứ thế ngày tá điền đấu tố, ném đá, đêm lại mò ra chuồng trâu băng bó vết thương, khóc lóc, cho ăn. Dù vậy, bà cụ cũng chẳng sống được bao lâu... Con Thu đã nghe đi nghe lại câu chuyện nầy hàng trăm lần. Vậy mà lần nào nghe giọng bà ngoại kể lại, nó cũng mủi lòng, xót xa thương bà cố.

Còn bà cụ, lúc nãy thì thiếp ngủ trên ghế, nhưng khi đi nằm lại tỉnh queo. Bà nhớ lại một ngày khó khăn trong khu lĩnh hàng ở Tân Sơn Nhất. Hình như càng ngày càng nhiều luật lệ mới, càng moi tiền táo bạo và càng khinh rẻ xô xấp dập ngửa người có của. Cái con hải quan kiểm hóa không biết con cái nhà ai mà mất dạy gớm. Hay nó mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thủa lọt lòng. Mình tuổi phải bằng bà cố bà nội bà ngoại nó, mà nó nạt: "Bà già, bỏ tay ra. Bà đứng xê ra đằng kia." Rồi con mắt nó nhìn gườm gườm như muốn ăn sống nuốt tươi mình, như thèm thuồng thịt người đã mấy đời mấy kiếp. Lúc ra khu đóng thuế bà cụ thở than thì thằng Phái chỉ cười cười:

"Bác thông cảm cho chúng nó bác ơi. Cả đời chúng nó, có bao giờ ai cho nó tí quà vì tình thương đâu. Nó chỉ ăn cắp ăn cướp của người ta. Nội thấy kẻ khác lĩnh thùng này tới thùng khác mà nó không có ai gửi nó cũng nổi điên lên vì thù hận rồi. Bà không biết đó thôi. Chúng cháu khi còn ở miền Bắc thường nói chế độ nó hiểm ở chỗ thắt cái bao tử lại. Đói quá là thù nhau, tố nhau vì miếng ăn. Thôi bác, giận tụi "chó đẻ" đó làm gì."

Nó cười hì hì. Lân la hỏi chuyện người này, tán chuyện người kia. Cái miệng nói không hở da non. Có vậy, nó đã làm quen, xin địa chỉ, hứa hẹn sẽ lo giới thiệu cho đường giây lĩnh quà nhanh chóng mà thuế nhẹ.

Nhớ lại sự trục trặc ở khâu kiểm hóa, bà cụ hơi lo, không biết nó có dóc để bịp bợm con người ta không? Bà chắp hai tay lên ngực, niệm Phật, cầu nguyện cho thằng cháu, được ơn Bồ Tát huấn cải tấm lòng cho tốt hơn để ăn ở với mọi người. Con Thu không tin cẩn nó, nhưng bà, bà không thể không nhìn nhận đứa cháu côi cút. Bà nghĩ tới đứa em gái bà con bạn dì mà bà chỉ còn mường tượng trong trí nhớ. Hai chị em gặp nhau hồi còn bé thơ. Hai bà mẹ cũng như hai chị em bà, cứ bị chiến tranh phân tán, kéo xa nhau mà mất biệt. Thằng Phái mỗi lần nhắc tới mẹ nó đều nói: Bao năm, mẹ cháu chỉ thương nhớ có mình bác. Bà nghe, không biết thật giả mà

lòng cứ xúc động. Con Thu không lọt lỗ tai nó, một lần, nó quạt lại liền:

"Ngoại đừng có tin. Anh Phái nói nhớ bác là nhớ Bác Hồ đấy, không phải ngoại đâu."

Đến khổ anh em nhà nó. Bà cũng chịu, chẳng biết hòa giải thế nào. Ba con Thu đang đi tù, nó đi nuôi tù. Mỗi lần đi về nó kể chuyện cán bộ quản giáo, như một lũ ó đâm... Nó chừng đó tuổi, phải luồn lọt, móc ngoặt, để ba nó có thêm một chút gió để thở mà sống thêm.

Có nên ép con Thu cho thằng Phái đi theo chuyến thăm nuôi kỳ tới để đỡ đần không? Mấy lần trước bà đề nghị, lần nào con Thu cũng trả lời:

"Con nhất định không tin anh Phái là người tốt. Con thật lòng không muốn liên hệ với anh ấy."

Lòng con bé lạnh lùng quá. Còn bà, bà không thể chối bỏ. Cũng một khúc ruột đấy chứ. Càng dầy xéo thì ruột càng quằn.

"Bà ơi, sao giờ này mà bà còn thức. Bà thức phải không?"

Chắc con bé nghe tiếng bà thở dài. Nó đem thuốc cảm vào bắt bà uống rồi tắt đèn. Bà vẫn thường hay để quên đèn cho tới lúc ngủ.

Đúng lúc sắp thiếp đi thì nghe tiếng súng nổ đâu ở ngoài đường. Đêm nào mà chả có trộm cướp, bắn nhau. Lạ thiệt, hồi còn chiến tranh, chỉ nghe tiếng đại bác xa, mà hòa bình rồi, đêm nào cũng tiếng súng bên tai, thiệt gần. Cả trong giấc ngủ cũng có tiếng súng.

Bà trở lưng. Một cảm giác ê ẩm rần rật trong xương cốt. Khó ngủ quá. Bà nhớ đứa con gái lưu lạc mà phải cưu mang gia đình. Thôi họ hàng xa gần không bỏ sót một ai. Như cái ông thiên lôi Phái này cũng thư sang xin xỏ, hôm nay trong thùng hàng cũng có quần bò, áo din cho nó.

Phải ráng mà khỏe mạnh mới được. Bà cụ tính toán, uống thuốc cảm xong, phải chịu khó uống trà sâm và thuốc bổ. Toàn của con cháu phụng dưỡng.

Quên nữa, bà phải lần mò dậy đốt một nén nhang trên bàn thờ ông cụ, và khấn: "Đấy, ông xem, con nó lại gửi quà về. Tiếc ông bỏ tôi mà đi trước."

Cây nhang nhấp nhánh soi trong bóng tối một nụ cười, như từ khung ảnh ông cụ đi ra: "Ừ, thì tôi đang đợi bà đây. Vẫn đợi bà mà."

Bà cụ nhắm mắt. Đã chết lâu rồi sao ông còn ỡm ờ với tôi vậy. Bà cụ gần như nói ra tiếng, và thở dài, nhìn mãi đốm nhang đang cháy.

*

Gần một tuần lễ mới đẩy xong thùng hàng. Bà cụ không muốn khách hàng tới mua tận nhà. Thời buổi này biết tin ai. Đến nhà, biết ngõ ngách rồi sinh ra trộm cướp. Thằng Phái cứ mỗi ngày bỏ đồ trong cái bao bố cũ mèm, đem đi bán và mua dùm bà khâu vàng. Cứ một cây vàng tính mười cái khâu, mỗi khâu một chỉ. Nhưng dạo này cửa hàng quốc doanh độc quyền mua bán vàng bạc, làm ăn gian giảo quá, bớt xén thế nào mà khâu nào đem bán cũng bị trừ đi vài phân hao. Cũng phải chịu chứ kêu ca ai bây giờ. Thùng hàng bị xén đủ bốn góc mà góp lại cũng thu được cỡ hai cây vàng. Thằng cháu ơn nghĩa:

"Cháu phải tìm tận gốc để bán hàng, chớ không, qua ba bảy cái trung gian là mòn hết, bác. Vải cháu phải vô tới chợ Kim Biên, quạt máy phải ra chợ Huỳnh Thúc Kháng. Linh tinh phải ra chợ Cũ. Thuốc tây chào hàng ở Tân Định. Dép, mũ lưới xuống khu Nguyễn Tri Phương. Có cái ở khu Nguyễn Tri Phương được giá, có cái phải quặt về chợ An Đông. Chạy xính vính chứ không dễ ăn đâu bác ơi."

"Thì vậy mới nhờ tới cháu. Thằng này."

Bà cụ gắt yêu. Ông kể công vậy là ông sắp có điều kiện gì đây. Bà cụ mở lời trước:

"Xong xuôi, phần cháu là bao nhiêu cháu cứ tính ra nhé. Trong phần đưa bác cháu đã trừ ra chưa nhỉ?"

"Bác nữa. Cháu có bao giờ lại tệ với bác như thế. Thu được bao nhiêu cháu đưa hết cho bác. Con cháu trong nhà, bác thương, thưởng ít nhiều gì cũng được. Cháu đang khổ tâm muốn chết đây, đã lớn, chưa làm được gì phụng dưỡng bác, lại còn bám nữa. Cháu chán cháu quá."

Đến lượt bà cụ phải an ủi lại:

"Sao cháu lại nói thế? Cháu lo cho bác nhiều chứ bác cho cháu bao nhiêu. Thôi thì phần cháu một khâu tiêu vậy, nhé."

"Dạ, tùy lòng bác. Cháu cũng phải đãi đằng tụi hải quan mới đổi tới nữa đây. Thì coi như làm dùm cho bác. Bác cháu mà."

Cười, vui vẻ, coi như việc làm tình nguyện, Phái đi ra sân:

"Giờ xong xuôi công việc rồi, cháu phải dọn cái sân cho bác, còn sửa cái vòi nước nữa."

Bà cụ cảm động quá:

"Hãy gượm cháu ơi. Nghỉ ngơi đã. Việc gì mà phải bấn lên thế. Vô đây. Bác bảo để đó là để đó."

"Vâng, thưa bác, cháu nghe."

"Phần cháu, cháu cầm ngay đi. Bác nói là nói vậy thôi, chớ bác đưa cháu hai khâu để cháu đi ngoại giao với người ta. Mai mốt mua nhà mua cửa cần bác phụ thêm."

"Cám ơn bác. Bác cũng đừng lo cho cháu quá. Tiền còn dành dụm, mai mốt cậu Hoàng về còn phải lo kiếm chỗ đi chui. Ở lại để cho nó hành tiếp hả. Phần cháu, cháu cũng đang lo, nếu cháu vô được mấy vụ sắp tới là khỏe, bác."

Bà cụ quên hết ý tứ, phăng phăng đi vào phòng trong, lật cái nệm giường lên, mò mẫn cái ngăn ván dấu phía dưới. Cụ lấy hai cái khâu, te te đi ra, cụ thấy thằng cháu đang đứng quay lưng lại phía cụ. Đang hơi chột dạ, cụ yên tâm:

"Đây này. Phần cháu, cầm lấy."

Đã cầm hai cái khâu, Phái ngần ngừ:

"Lấy hết thì tham quá, mặc dầu cháu đang kẹt. Thôi thế nầy, cháu đưa lại bác một khâu, cháu chỉ lấy một khâu thôi. Bác cháu mà tính kỹ quá, coi kỳ sao ấy. Bác cầm đi."

Kèo nài mãi không được, bà cụ đành giữ:

"Thế này nhé. Coi như cháu đưa bác giữ dùm, khi nào cần cháu nói bác đưa cho. Gớm, dạo này lớn rồi, biết ra. Hồi trước, có biết tiền là gì đâu nào."

Thằng cháu cười, ngượng ngập, ray rứt:

"Hồi đó cháu còn dại, ngu muội bác chấp làm gì. Cũng nhờ ở cạnh bác mà cháu nên người."

Nó chớp chớp đôi mắt. Thương ơi là thương. Có thằng con hiếu để thế nầy mà con em họ của bà không sống thêm để nhìn cho mát mặt. Bà cụ lại muốn dạy bảo:

"Bác cũng chỉ mong cháu thành người, ăn ở có đầu có đuôi, đừng lừa dối ai. Ở hiền gặp lành cháu ạ."

"Dạ, thưa bác."

"Ừ thôi có việc cháu cứ đi lo, chuyện cái sân, cái vòi nước chưa cần thiết lắm, mai mốt hãy hay."

"Cháu tính chiều nay trở lại đưa bác với em Thu đi ăn phở. Có quán phở mới mở ngon lắm, nấu đúng phở bắc, bác. Mà bác có dám ngồi Honda cháu đèo không? Hay bác ngồi xích lô, cháu chở em Thu."

"Em Thu tối nay đi sinh nhật bạn, về trễ. Thôi, để bữa khác, cháu."

"Dạ, vậy cháu đi đây. Bác cất cái khâu đi không lại làm rơi làm rớt như bữa rồi tưởng cháu lấy, tội cháu. Cháu đi."

Nói xong là lên xe vọt liền. Bà cụ lắc đầu cười. Cái khâu còn đeo nơi ngón tay. Gớm, xưa, ngón tay nào cũng tròn, núng nính thịt, đeo cái nhẫn vào xinh ơi là xinh. Giờ thịt nó teo đâu hết rồi, đeo cái khâu tuột vô tuột ra trông mà thảm. Cất đi cho nó yên. Bà cụ lại lật cái nệm lên, mò vào ngăn gỗ lôi ra cái bọc vải. Bà cụ đổ ra giường đếm. Mấy chuỗi khâu cột chặt từng chùm. Mười mấy lạng vàng lá, toàn thứ thượng hạng Kim Thành trái núi cả. Cũng may, có bà Thịnh, có con gái buôn bán vàng chui, bà nhờ đổi dần. Hai bà chơi thân với nhau. Hoàn cảnh mà tới nổi mẹ cũng không tin được cả con ruột. Đổi chác dùm bà, bà cụ Thịnh còn gửi bà ba cây vàng làm vốn riêng, bảo dấu đừng cho cô con gái biết. Cũng chỉ tại kẻ trong Nam ngoài Bắc đấy thôi. Bà cụ dành dụm cho cô con gái lấy chồng cán bộ, năm di cư theo chồng ở lại. Chồng cũng có chức vụ nhưng nghèo. Lâu lâu vào thăm bà mẹ dấm dúi cho. Cô con gái biết cằn nhằn dữ lắm: "Thì để cho biết. Trung thành với Đảng lắm

mà, sao mỗi ngày không ra gặm gạch lăng bác cho no. Trong này toàn Ngụy, phản động không, lấy của tụi Ngụy không sợ ăn dơ." Bà cụ Thịnh khóc: Chị em ruột mà chúng thành kẻ thù. Có gì đâu, chồng nó đi cải tạo, thằng anh rể không can thiệp thì thôi, còn lên tiếng rằng cho chú ấy đi cải tạo để trả nợ máu. Tù còn nhẹ lắm.

Vừa đếm, vừa vơ vẩn chuyện mình, chuyện người, bà cụ quên, đếm lại. Dành dụm cũng khá quá. Từ những thùng đồ ngoại do con gái gửi về đấy thôi. Ăn xài, mua sắm, thăm nuôi ba con Thu không hề hà tiện, lại còn dư giả. Bà cụ cũng tính hết rồi. Anh ấy mà về là phải dọt cho lẹ... Nghe nói thằng Phái có nhiều đường dây lắm. Bà thì nôn, mà con Thu thì cản:

"Con nói rồi. Bà không được tin anh Phái. Có ngày..."

Tội nghiệp con bé. Sinh ra không nhằm thời. Lại kém may mắn. Nó mất hết lòng tin ở con người. Chừng đó tuổi mà không còn chút ngây thơ, hồn nhiên. Chả bù với mấy đứa em nó. Thằng em trai gửi ảnh về mà bà cụ tưởng thằng Mỹ con nào chứ đâu phải cháu mình. Còn con cháu gái, khỏe mạnh, xinh đẹp cứ như tấm ảnh cô gái cười hồi trước trong lịch.

Cũng không phải là bà không nghe lời đứa cháu gái đâu. Bà cũng biết người ta thường phòng người ngay chớ ai phòng người gian. Quân cướp có súng ống thì còn phòng gì nữa. Bà cũng luôn luôn than với thằng Phái:

"Thùng hàng về vậy mà xài không đủ. Phần nuôi ba con Thu, phần chia xớt họ hàng, phần gửi ra ngoài Bắc."

Thằng Phái chỉ cười hề hề:

"Rõ là vậy. Tiền âm mà, như vàng bạc hàng mã. Có giá trị gì đâu. Bác mà còn than, mới biết cháu rách như thế nào."

Vậy là được dịp cho thằng cháu than vãn, và sau đó, bà cụ lại xì tiền cho vui vẻ.

Nóng quá mà bà cụ không dám vặn quạt máy. Cơn cảm cúm từ hôm đi lĩnh hàng kéo dài tới giờ chưa dứt hẳn. Cụ vẫn còn ngầy ngật trong người. Cụ cất cái gói vào chỗ cũ, dằn tấm nệm lên, trải khăn giường lại phẳng phiu. Đã chắc chắn cửa trong cửa ngoài gài cẩn thận, bà cụ nằm xuống, chỉ một chốc là ngủ mê mệt.

Bà cụ ngủ không biết bao lâu. Khi thức dậy đã chạng vạng tối. Ngồi một lát cho định thần, cụ bật đèn, định xuống bếp coi còn gì ăn không thì có tiếng chuông cửa. Cụ đi ra, ghé tai:

"Ai?"

"Cháu đây bác ơi. Cháu Phái đây."

"Phải Phái không?"

"Dạ cháu đây, bác."

Nghe đi nghe lại. Đã chắc. Bà cụ mở cửa. Thằng cháu vào nhà, ào ào:

"Cháu biết bác ở nhà có một mình nên mua phở cho bác đây. Để cháu xuống bếp đổ ra tô."

Trên tay thằng cháu là một cái "gà mên". Phái đi xuống nhà dưới, lát sau đã có tô phở nóng đặt trên bàn.

"Bác xơi cho nóng. Bác. Cháu lấy đủ rau. Này húng quế, cháu biết bác thích. Bác ăn tương không? Lạ, trong Nam này có thứ phở ăn tương, hỏng mùi phở đi, hả bác. Mời bác xơi."

"Nhiều quá, bác xẻ ra, cháu ăn với bác."

"Dạ bác dùng đi. Lát nữa cháu ra cửa hàng với mấy đứa bạn. Cháu có một vụ làm ăn quan trọng lắm. Đáng lẽ cháu đã phải đi rồi, nhớ lại, sợ bác không có gì ăn, cháu mới hẹn đến trễ một tí. Thằng bạn cháu đang chờ ở ngoài."

Có tiếng gọi Phái ơi ới ở ngoài đường. Phái đi ra rồi trở vào liền với một người bạn. Bà cụ ngước lên nhìn, thoáng thấy mặt đã không ưa rồi. Cũng đành gật đầu trả lời chào của cậu ta. Phái:

"Bác à. Đây là bạn cháu. Cháu đã nói chờ cháu ngoài cửa, xong cháu ra rồi cùng đi. Ngặt nó mắc tiêu nên vào nhà nhờ... Phiền quá. Cậu lúc nào cũng làm phiền người khác."

Bà cụ đành ậm ừ. Phái dẫn người bạn xuống bếp, rồi trở lên một mình, nói lớn:

"Nhanh lên ông ơi. Đi thôi không tụi nó chờ là hỏng bét."

Phái càu nhàu:

"Con đã dặn nó chờ... Xui quá."

"Thôi cháu, người ta cần nhờ, mình cũng nên giúp."

"Dạ, bác xơi cho nóng. Bác xơi con mới yên tâm đi. Bận việc đôi khi ba bốn hôm nữa con mới tới dọn sân, sửa vòi nước cho bác được."

Bà cụ cầm đũa lên, gắp miếng bánh phở. Thôi ăn cho thằng cháu nó vui. Cụ bỏ miếng bánh phở vào miệng và nhai tróm trém. Phải nhờ nó, hôm nào rảnh đưa cụ đi coi lại mấy cái răng khập khiễng còn lại mới được. Cầu nó rụng hết để bà làm luôn hai hàm răng giả, lúc đó ăn uống chắc dễ chịu hơn. Bà chưa kịp mở miệng thì cái đầu bà tóe lên như bị chặt làm đôi. Mắt nổ mấy nghìn ông sao rồi bà cảm thấy máu trong người như vọt chảy thành vòi ra ngoài. cái vòi nước trong sân cũng bung nước tung tóe, vòi nước đỏ như máu, vọt lên. Tai bà còn kịp nghe, chính giọng thằng cháu:

"Nhanh lên mày."

"Chết chưa? Phải cho chết."

"Chầu diêm vương rồi. Nhanh lên, ông."

Không thấy diêm vương đâu hết. Mà trước mắt bà là những luồng ánh sáng đủ màu. Những vòng ánh sáng nhiều vô kể, tới tấp cuộn lấy bà và nâng bà lên. Bà cụ bay nhẹ nhàng quá.

"Tôi vẫn đợi bà mà."

Bà cụ bay nữa. Bay tìm tới tiếng nói đang ở đâu trong luồng ánh sáng.

Gần mười hai giờ đêm, Thu được một nhóm bạn đèo xe Honda về nhà. Con bé bấm chuông. Chờ mãi không thấy ngoại mở cửa. Vặn chốt, cửa không khóa. Đèn trong nhà sáng trưng. Con bé chết đứng giữa nhà. Bà ngoại của nó nằm gục trên bàn, sọ vỡ và máu đã đông thành vũng bên cạnh tô phở nguội ngắt.

Trong góc phòng, thằng anh họ tay bị trói ngoặt đằng sau, miệng nhét giẻ và mắt bị bịt kín bằng chính chiếc khăn tay anh ta thường dùng để lau mồ hôi. Phái bị một lát dao chém vào cánh tay, và máu đang rỉ chảy.

Con bé mở toang cửa, chạy ra ngoài sân, la hét, gào khóc, kêu cứu.

✍ *NHÃ CA*

HUẾ KHÔNG NHẬN RA TÔI

Tôi kẻ lưu dân trở về thăm Huế
có nhận ra tôi không, Kiêm Thêm đây
đổi dạng thay hình mọi điều có khác
Huế không chấp nhận tôi thật quả không ngờ

Ruột gan tôi đây vẫn còn sôi sục
máu thịt tôi đây Huế quá đậm đà
trong buồng phổi tràn đầy hơi thở Huế
thể xác còn hồn cũng vẫn y nguyên

Cắt từng miếng da non, nhìn xem, tôi vẫn vậy
chảy ròng ròng trong máu nước sông Hương
Núi Ngự Bình trĩu nặng vẫn chưa quên
An Cựu, Bao Vinh, Vĩ Dạ, Trường Tiền

Sao không nhận ra tôi, có khác chi mô
Sáu mươi tuổi vẫn là trai xứ Huế
xin đừng xem tôi là người xa lạ
tội nghiệp tôi, xin chớ chối từ

Mai mốt đây lại đi xa thật xa
cho tôi được cầm trong tay chút Huế
cho tôi được làm người con thuở đó
chút khói hương cũng đủ trọn ân tình

KIÊM THÊM
1996

Chung Thủy

Võ Văn Tùng

Như mọi ngày, mỗi buổi sáng Huấn và Hương thường rủ nhau dậy thật sớm để cùng đi một vòng bách bộ theo con đường nhỏ chạy dài ven biển. Vùng Laguna Beach xưa nay được nổi tiếng thơ mộng. Đứng bên nầy Heisler Park nhìn sang phía bên kia là những biệt thự sang trọng tường quét vôi trắng, mái lợp ngói đỏ nằm san sát từng tầng cao thấp chạy lên tận đỉnh đồi. Trong công viên, dọc hai bên đường là những nụ hồng tươi thắm, hoa Cosmos cọng dài cánh thuẫn vươn lên cao, hoa Camellia vàng thắm chen lẫn với Impatiens màu đỏ rực rỡ khoe màu. Sát đất những bụi Lobelia chạy một đường viền màu tím xen lẫn với Alyssum cánh trắng. Trên trời xanh mấy cành Palms bay phất phơ, uốn theo chiều gió.

Những ngày cuối tuần dân chúng tụ họp về đây đông đảo, tổ chức picnic trên những thảm cỏ xanh mướt. Mùi thịt barbecue bốc lên thơm ngát cả một vùng.

Vẻ đẹp thiên nhiên cộng thêm bàn tay sáng tạo của con người đã biến Laguna Beach thành chỗ lý tưởng để du khách nhìn cảnh trời nước bao la bên cạnh hoa lá xanh tươi. Nơi ghềnh đá nhô ra sát bờ có một chiếc ghế đá dài hình bán nguyệt đủ chỗ cho vài người dừng chân, thích thú ngắm cảnh hoàng hôn trên biển cả.

Đã nhiều hôm Huấn và Hương ngồi bất động trên chiếc ghế ấy, nhìn mặt trời tròn vo, đỏ chói, từ từ lặn xuống và biến mất trong đáy biển. Những tia sáng cuối cùng phản chiếu trên làn sóng nhấp nhô. Bầy chim đen xoè cánh sát mặt nước rồi vội vã bay về đất liền tìm chỗ ngủ tạm.

Laguna và Newport Beach nằm sát cạnh nhau không những nổi tiếng vì phong cảnh hữu tình mà còn là nơi dừng chân của nhiều nghệ sĩ tên tuổi.

Chung quanh có khu Shopping Fashion Island sang trọng, có Balboa Peninsula tràn ngập nắng ấm và mùi biển mặn.

Khi dọn nhà về đây nhờ không khí trong lành Hương cảm thấy dễ chịu. Có hôm sương mù bao phủ, biển vắng người, không gian tĩnh mịch, Hương tình tứ ép mặt vào vai Huấn:

"Trời mờ ảo đẹp quá ! Em tưởng như mình đang lạc vào chốn thiên thai. Trong lòng em cảm thấy thanh thản vô cùng, cơn đau tự nhiên biến mất. Em ước mơ khi lìa trần làm sao được lên nơi tôn nghiêm ấy..."

Huấn thương bản tính ngây thơ của nàng, im lặng nghe Hương thủ thỉ. Anh cảm thấy xót xa cho người vợ đang chống chọi với tử thần.

Hương bịn rịn bên người đàn ông rộng lượng, thương mình với tất cả tấm lòng.

"Em nghĩ không có người chồng nào tốt bụng, can đảm chịu đựng, hy sinh cho vợ như anh. Ơn nầy muôn kiếp chưa chắc em đã trả đủ."

Hương vừa nói vừa ôm mặt thổn thức...

*

Huấn sinh trưởng tại Huế, xứ đi để nhớ chứ không phải ở để mà thương. Huế quá nhỏ cho chí trai và mộng ước của mình nên chờ đến khi vừa tốt nghiệp xong trung học, anh

nhất quyết lên đường vào Nam lập nghiệp.

Hồi đó chính quyền miền Trung có mua một căn phố lầu ở đường Cá Hấp trước mặt chợ Bến Thành để làm cư xá cho sinh viên. Huấn xin vào tá túc nhưng bị từ chối vì hết chỗ. Về sau bạn bè thấy tình cảnh tội nghiệp mới thu xếp cho để tạm một chiếc ghế bố, ban ngày xếp lại tối mở ra nằm.

Mới nhập cư Huấn thích ngay bầu không khí ham học của những sinh viên xa nhà. Các anh các chị theo đủ các ngành từ Y, Dược, Nha, Khoa học, Sư phạm, đến Công chánh, Canh nông v.v.

Huấn không có khả năng theo học những ngành đòi hỏi một thời gian dài vì nhà nghèo đông con, gia đình cần sự giúp đỡ sớm.

Tính tình năng động, anh không thích đời sống giam hãm trong bốn bức tường.

Huấn tìm đến thăm người anh họ hiện đang làm nghề Pilot đưa tàu bè ngoại quốc trên sông Saigon. Căn nhà lầu hai tầng chễm chệ nằm góc đường Pasteur và Hiền Vương làm anh hoa mắt. Huấn giơ tay bấm chuông, có tiếng cửa mở, anh Thái chạy ra đón khách niềm nở:

— Em vào Sài Gòn từ hồi nào! Sao không về đây ở với anh.

Lời nói vồn vã nghe thật cảm động, Huấn ngồi xuống bên cạnh Thái, trình bày ý định của mình. Anh Thái liền nói:

— Em đừng ngại. Ngày hôm nay anh được như thế nầy cũng nhờ ơn bác trai hướng dẫn thì chuyện giúp lại em là đương nhiên. Bây giờ em lo học thêm Pháp văn rồi anh sẽ bày cách nạp đơn thi vào trường Hàng hải Long Cours bên Pháp. Anh học ở đó, quen biết nhiều nên có thể giúp đỡ em.

Huấn làm theo điều người anh chỉ bảo. Chàng trúng tuyển kỳ thi nhập học và chỉ ba năm sau tốt nghiệp, trở về Việt Nam lái tàu cho thương thuyền trên sông Hàn. Công việc hợp năng khiếu, lương tiền cao. Huấn lo cho gia đình đầy đủ, đem cha mẹ từ Huế vào ở chung.

Tại thành phố duyên hải dễ thương, Huấn được giới thiệu với Hương vừa thi đỗ tú tài và đang theo học Anh văn tại Hội Việt Mỹ.

Tháng 3, 1965 hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đầu tiên ồ ạt đổ quân lên bãi biển Đà Nẵng. Những người ngoại quốc cao lớn hiện diện khắp mọi nơi. Xe nhà binh nhiều loại từ GMC, Dodge, Jeep với đuôi "cần câu" dài lòng thòng, chạy ngược xuôi tung bụi mịt mờ.

Bộ mặt của thành phố đổi hẳn. Con đường Hàm Nghi biến thành khu giải trí sầm uất. Những "bar" bán rượu mọc lên như nấm, đèn đuốc xanh đỏ nhấp nháy suốt ngày đêm. Buổi tối khi mặt trời vừa lặn, tiếng nhạc giựt gân bắt đầu trổi dậy. Những cô gái ăn mặc hở hang xuất hiện mời mọc, níu kéo những chàng trai cao lớn dềnh dàng. Thỉnh thoảng xe MP tuần tiểu kéo còi hụ ré lên làm náo nhiệt cả khu phố. Vật giá đua nhau leo thang. Một con tôm hùm lúc trước giá mấy chục bạc bây giờ tăng lên mấy trăm.

Hương may mắn xin được việc làm ở ngân hàng Mỹ mới mở, nằm gần cổng phi trường. Công việc nhàn hạ, lương bổng lại cao, đời sống tốt đẹp.

Huấn và Hương là một cặp trời sinh ra để gặp nhau, yêu nhau và lấy nhau. Thật vậy hai người tìm thấy ở nhau nhiều điểm tương đồng trong tư duy, sở thích và quan niệm sống.

Họ quen nhau chưa đầy một năm thì cưới nhau. Đám cưới thật linh đình, có nhạc sống, khiêu vũ, điều rất hiếm thấy lúc bấy giờ ở tỉnh nhỏ.

Làm giàu thật sớm, hai vợ chồng mua một miếng đất ở phía bắc thành phố sát bờ biển để xây cất một ngôi biệt thự đồ sộ.

Gặp thời chiến hải cảng Đà Nẵng tấp nập thuyền bè. Huấn và những người cùng nghề làm không hết việc, tha hồ hốt bạc.

Phần Hương ban đầu làm ăn lương thiện, chỉ nhắm vào đồng lương cao nhưng cố định, không ngờ thời thế đã tạo cho mình cơ hội làm giàu một cách mau chóng dễ dàng.

Lúc bấy giờ quân đội viễn chinh Hoa Kỳ được trả lương bằng dollar màu đỏ có giá trị như dollar thật màu xanh

nhưng trên thực tế hối xuất hạ hơn. Nhờ mối lái và mưu mô lắt léo, từ dollars đỏ đổi qua dollars xanh rồi xanh đổi qua đỏ, ngày nào Hương cũng kiếm quá nhiều tiền lời.

Hai vợ chồng trẻ tậu thêm nhà mặt tiền ở Sàigòn, dinh thự ở Đà Lạt.

Chiến tranh càng leo thang họ càng giàu. Những ngày cuối tuần hai vợ chồng thường rủ bạn bè đi tắm ở những bãi biển đẹp nổi tiếng như Tiên Sa, Thanh Bình, hoặc thuê thuyền nhỏ đi câu cá. Thỉnh thoảng họ chuồn vào Sàigòn ăn nhậu giải trí.

Cuộc sống tiếp tục như vậy được mấy năm thì chiến tranh đổi chiều vì ảnh hưởng của phe phản chiến ở Mỹ. Quân đội ngoại quốc dần dần rút khỏi Đà Nẵng. Những quán bán rượu bắt buộc phải đóng cửa. Con đường Hàm Nghi trở lại im lìm.

Dù cho không thu nhập thêm hai vợ chồng Huấn và Hương vẫn phong lưu giàu có.

Đầu năm 1967 Hương đẻ đứa con gái đầu lòng, năm sau thêm một cháu gái nữa ra đời. Hương cưng con, tận tụy lo cho chồng chu đáo. Huấn hết lòng thương vợ. Hai người rất bằng lòng với số phận của mình, nguyện trọn đời chung sống bên nhau. Thật là một gia đình hạnh phúc lý tưởng. Nhìn vào ai cũng tấm tắc khen ngợi nhưng cũng không thiếu người ganh tị.

Cuộc chiến chuyển qua một giai đoạn mới gọi là Việt hóa, cường độ thay đổi bất thường. Khi thấy tình hình vùng 1 sôi động Huấn cho vợ con tản cư vào Saigon. Khi tình hình trở lại tạm yên anh đem vợ con lục tục trở về.

Tháng 3, 1975 Huế rơi vào tay địch. Huấn hết sức lo sợ nhưng quyết định không cho vợ con vào Saigon nữa mà giữ ở lại bên mình chờ ngày vượt biển trốn khỏi Việt Nam.

Huấn rủ bạn bè mua lại một chiếc tàu chạy viễn duyên. Lương thực đã được dự trữ sẵn. Thủy thủ đoàn do anh điều khiển chỉ chờ đến ngày khởi hành.

Tối hôm ấy Đà Nẵng bị vây kín ba phía. Huấn đang sửa soạn cùng vợ con và bạn bè lên tàu thì có tin cấp báo mẹ anh đột nhiên trở bệnh nặng, đang hấp hối. Cụ bà bán thân bất toại vì tai biến mạch máu não từ mười năm trước, có thể lìa trần bất cứ lúc nào, không ai ngờ lại ra đi trong giờ phút dầu sôi lửa bỏng nầy. Gia đình nhắn tin yêu cầu Huấn về gấp. Là người con hiếu thảo, anh không thể làm ngơ, đành nhờ bạn đưa vợ con lên tàu trước còn mình lật đật chạy về thăm mẹ lần cuối, nhà ở cách mấy khu phố.

Cụ Phán nằm bất động, thở thoi thóp. Huấn tiến đến nắm lấy bàn tay khẳng khiu của mẹ, giữ chặt trong tay mình. Nhìn chai serum treo tòn ten nhỏ từng giọt nước trong veo vào mạch máu người bệnh già, Huấn hơi ngạc nhiên không ngờ mẹ được săn sóc quá chu đáo. Bà chị Cả đứng bên cạnh nói nhỏ:

— Còn nước còn tát, chị nhờ thầy Tăng làm ở Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa chuyền nước biển, không thì Mẹ đã qua đời lâu rồi. Nhờ vậy em mới còn được gặp Mẹ.

Mọi người ngồi im lặng nhìn cảnh thương tâm của một đời người sắp chấm dứt. Bỗng nghe tiếng súng nổ lẻ tẻ ở phía Chợ Mới. Huấn nóng ruột mở máy truyền tin đem theo, liên lạc với vợ trên tàu. Bên kia có tiếng trả lời:

— Mẹ ra sao hở anh! Có qua khỏi được không!... Anh ra bến tàu gấp đi. Tàu sắp phải nhổ neo rồi. Đồng bào đang tràn ngập chen nhau xuống tàu của mình. Hỗn độn quá, sợ tàu chìm mất. Anh xin Mẹ đi đi... A-lô anh nghe em không!....

— Anh nghe em rất rõ... Khổ lắm em ơi... Mẹ sắp chết rồi, anh làm sao bỏ đi được!

Chàng bất giác tự nhủ "Những giọt serum thật là quý giá vô cùng, có thể cứu sống mẹ thêm vài phút nữa, nhưng liệu có cần thiết!"

Nếu không có những giọt nước cam lồ đó hẳn bây giờ anh khỏi phải bận tâm suy nghĩ nên đi ngay hay ráng ở lại! Tuy nhiên anh không dám oán trách người chị.

Lại có tiếng vợ gọi trong máy:

— A lô ! Anh có nghe em không. Tội nghiệp mẹ! "Xin mẹ tha tội cho con và hai cháu"..... Tụi em bắt buộc phải rời bến ngay, không thể

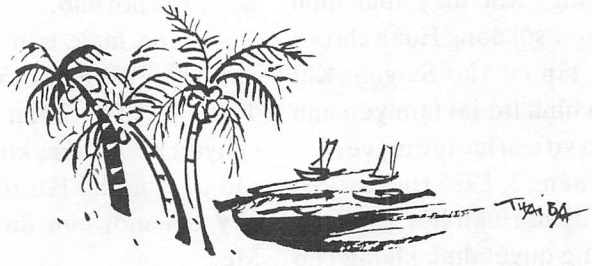

chờ anh được nữa. Em đã có kế hoạch, lát nữa tàu sẽ bất ngờ đến bến tòa Thị chính đón anh. Anh nhớ mở máy liên tục để liên lạc. Em nhắc lại, mình sẽ hẹn gặp nhau ở bến tòa Thị chính.... Anh chờ em ở đó.

Nữa giờ sau cụ bà trút hơi thở cuối cùng, Huấn không cầm được giọt lệ.

Tiếng kêu của vợ trong máy lại giục giã. Anh hứa sẽ lên đường đến điểm hẹn ngay tức khắc.

Huấn là người con trai độc nhất trong gia đình, vội nói vài lời từ biệt với người chị nhờ thay mình làm đám tang cho mẹ rồi vừa khóc miệng vừa lẩm bẩm "Lạy Mẹ, vì mẹ ra đi trong giờ phút oan nghiệt nầy nên con đành phải mang tội bất hiếu".

Mang máy truyền tin lên vai Huấn nhanh nhẹn thoát ra khỏi nhà. Trên tàu, Hương hồi hộp chờ đợi.

Trời tối om. Bỗng nghe tiếng kêu từ phía góc trái:

— Ai đó đứng lại, giơ tay lên.

Huấn chưa kịp phản ứng thì một loạt súng nổ. Một viên đạn ghim vào bụng dưới của anh.

— Chết tôi rồi.

Huấn la lớn rồi té xuống trên vũng máu.

Bên kia qua ống liên hợp, Hương giật mình khi nghe có tiếng súng nổ, tiếp theo là tiếng kêu cứu của chồng rồi từ đó không còn nghe được gì nữa.

Nàng kêu gào thảm thiết trong máy nhưng có ai nghe đâu.....

Từ đó Hương mất liên lạc hẳn với chồng. Anh em thủy thủ nể vợ chồng nàng cố đợi thêm một thời gian nữa mới chịu ra khơi.

Tàu vượt khỏi hải phận Đà Nẵng, Hương lại mở máy, tìm tần số liên lạc lần chót với chồng nhưng vô ích, bên kia không có tiếng trả lời. Nàng đoán chắc Huấn thế nào cũng bị thương, chỉ không biết nặng hay nhẹ, còn sống hay đã chết. Sợ hãi, phân vân, phần thương chồng vì quá hiếu thảo mà bị nạn, phần lo cho số phận long đong hiện tại của mình và hai con, Hương đi lại lảo đảo gần té nhào.

Dù cho Hương có gào thét đến đâu tàu vẫn tiếp tục xuôi về Nam, không thể vì nàng mà quay trở lại được.

Vào đến Saigon Hương cùng bạn lo đem tạm dấu chiếc tàu ở vùng Thủ Thiêm. Nhờ chuyến đi có chuẩn bị trước nên Hương mang theo không thiếu một thứ gì. Hàng trăm lạng vàng được đục dấu trong thành tàu. Đô la, hột xoàn được ngụy trang trong những chiếc thùng hai đáy.

Khi đời sống tạm ổn định Hương chạy khắp nơi tìm tin chồng.

Loay hoay chưa đầy một tháng những người bạn cùng tàu lại tổ chức vượt biên, Hương và hai con đành nhắm mắt đi theo. Lúc bấy giờ tình hình hỗn loạn. Saigon như lên cơn sốt, ai cũng mong thoát ra khỏi nước.

"Vả lại Huấn đằng nào cũng bị kẹt rồi."

Tàu của Hương ra hải phận quốc tế được phép chạy theo chiến hạm Hoa Kỳ tới đảo Guam. Cũng như lần trước rời Đà Nẵng, Hương đem theo đủ của cải qua Mỹ. Nhờ đó khi đến trại Pendleton Hương có đời sống dễ chịu hơn những người khác.

Hương được gia đình bác sĩ Thompson bảo trợ về ở tại Anaheim. Họ là người trí thức nên theo đúng luật lệ, lo cho ba mẹ con có phòng riêng để ở, có tiền túi ăn xài, hằng ngày ăn uống chung bàn với họ tuyệt nhiên không có mảy may kỳ thị. Nhờ Hương có biệt tài nấu nướng rất khéo nên hai vợ chồng người bảo trợ càng thêm quý mến. Cô được đưa đi học Anh văn mỗi tuần ba buổi tối. Ngày xem Tivi, đêm tập đọc báo, thực tập đối thoại tại chỗ

nên chẳng mấy chốc đã thông thạo ngoại ngữ. Hai con đi học trường gần nhà. Cuộc sống vật chất khá đầy đủ tuy nhiên phải lệ thuộc nhiều vào người bảo trợ.

Ba mẹ con nương náu tại nhà sponsor hơn một năm rồi xin ra ở riêng nhờ vào tiền trợ cấp của chính phủ như trường hợp nhiều người tị nạn khác trong vùng. Ông bà bác sĩ Thompson lo sợ không làm đủ trách nhiệm như đã cam kết với Hội Thiện nguyện nhưng vì Hương đã cương quyết nên họ đành chịu. Chị rất khôn ngoan, vẫn giữ liên lạc tốt với người bảo trợ.

Sau khi tốt ngiệp ngành Accounting, Hương được giới thiệu đến làm việc tại một hãng tư. Đầu năm 1980 nàng mua được một căn nhà xinh xắn ở vùng Orange, gần trường Đại học Fullerton. Nhà rộng dư phòng nên cho sinh viên share bớt để phụ trả tiền hàng tháng.

Cuộc sống của gia đình Hương thật đầy đủ, nhà cửa, xe cộ, bàn ghế đều do tiền từ Việt Nam đem qua sắm sửa, còn lương tháng dùng để chi tiêu hằng ngày dư giả.

*

Huấn kẹt ở Đà Nẵng vì bị trọng thương nhưng may mắn được cứu sống. Cho đến nay chàng không biết mình bị địch bắn hay bị kẻ cướp theo dõi để giết chết lấy của.

Tội giặc lái tàu của Huấn khá nặng nên đầu tiên anh bị bắt giam tại Tiên Phước sau đó bị đưa ra Bắc cải tạo. Năm 1985 Huấn được thả về lại Đà Nẵng. Thân hình ốm o, tinh thần suy nhược, Huấn như người mất trí. Phải mất gần cả năm trời mới lấy lại được phần nào phong độ. Từ một người thủy thủ với thân hình rắn chắc Huấn đã trở thành một người trung niên với tầm vóc tầm thường. Anh xin đăng ký theo diện đoàn tụ và được vợ bảo lãnh qua Mỹ.

Huấn đến phi trường Los Angeles vào một buổi tối cuối thu. Từ trên phi cơ sắp sửa hạ cánh nhìn xuống thành phố lên đèn anh không khỏi giật mình tưởng chừng như đang ở cõi thiên đường với muôn vàn ánh sáng lung linh.

Vợ con vội vã tiến đến ôm choàng khi Huấn vừa mới xuất hiện ở đầu đường hầm sau khi ra khỏi khu quan thuế. Anh hoa cả mắt. Hằng và Nga bây giờ là hai thiếu nữ trẻ đẹp và dễ thương quá. Anh xúc động ôm vợ, bóp chặt tay nàng, hôn nhẹ lên đôi môi hé mở. Hương vui vẻ hôn trả rồi giới thiệu ba người bạn thân theo nàng đi đón Huấn.

— Đây là anh kỹ sư Peter Lê, anh Tom Nguyễn phụ tá luật sư và chị Tammy Trương đệ nhất chuyên viên địa ốc, các bạn thân của em tình nguyện đi đón anh.

Mọi người bắt tay nhau cười đùa vui vẻ.

Ba mẹ con đưa Huấn ra xe. Chiếc Toyota Camry màu trắng tinh còn hôi mùi da làm Huấn xuýt xoa khen đẹp. Anh tưởng mình đang sống trong mộng tưởng. Hình ảnh của một quê hương nghèo nàn tối tăm trong ba mươi sáu giờ trước đang còn lởn vởn trong trí nhớ. Những ngày tù tội ở vùng núi đồi hẻo lánh Việt Bắc vẫn còn ám ảnh trong ký ức. Ở trại cải tạo, sáng sớm ra đi lao động cực nhọc đói khát, tối tối nghe quản giáo lên lớp sỉ nhục, đêm đêm mơ mộng đủ thứ kể cả trúng số độc đắc, nhưng anh chưa bao giờ nghĩ có ngày được sống trên đất Mỹ bên cạnh gia đình nhỏ bé của mình.

Giờ đây là sự thật. Di chuyển trên xa lộ tràn ngập xe cộ, nghiêng nhìn say mê gương mặt của vợ rồi ngắm xuống hai bàn tay trắng trẻo đang nắm vững tay lái Huấn không khỏi thầm phục.

Tiếng của đứa con gái gọi từ ghế sau đưa Huấn về với thực tại.

— Mẹ vặn đài khác đi.. please. It's very boring.

Huấn giật mình nghe Hằng nói y hệt như giọng Mỹ.

Hương chiều con bấm nút khác. Nhạc Việt nam êm dịu được thay bằng một điệu giựt gân, thế là Hằng và Nga vừa gật đầu vừa hát theo. Huấn thấy vui lây với con.

Hạnh phúc tràn ngập.

— Đây là nhà mình. Anh thấy đẹp không.

Huấn bước vào nhà, mang theo hành lý cũ kỹ trông tội nghiệp.

— Nhà có bốn phòng. Hai con ở một phòng. Anh ở

phòng nầy. Em ở master bedroom.

Nghe vợ nói Huấn hơi ngỡ ngàng vì cứ đinh ninh mình sẽ ở chung phòng với vợ. Anh chưa kịp hỏi lý do thì Hương đã mau mắn nói tiếp:

— Anh chịu khó ở riêng, như vậy thoải mái hơn. Em tự do quen rồi, nhiều khi xem phim chưởng tới một hai giờ sáng sợ phiền anh.

Nhờ được tôi luyện trong xà lim lâu ngày, Huấn bình tĩnh dọn vô phòng của mình khá đầy đủ tiện nghi, rửa mặt cho mát xong bước xuống nhà dưới.

— Con mời chú Chính ra ăn cơm.

Huấn lại giật mình khi nghe vợ sai bảo đứa con gái đầu lòng.

— Chú Chính ơi ra ăn cơm! Có ba con mới qua nè.

Một người thanh niên cao to, trẻ đẹp tiến tới. Chàng được Hương giới thiệu:

— Đây là Chính share phòng với mình. Chính ở đây được 5 năm từ khi em mới mua căn nhà nầy. Hai con mình rất thương Chính và em cũng rất thích.

Hương nhìn Chính rồi tủm tỉm cười. Huấn bắt tay Chí.

Bốn mắt nhìn nhau bỡ ngỡ vì không ai được giới thiệu trước.

Chuyện trò cơm nước xong, Huấn tỉnh bơ về phòng mình ngủ một giấc ngon lành làm Hương ngơ ngác. Phần vì thấm mệt, phần vì giờ bị sai lệch nên khi tỉnh dậy anh không ngờ thời gian đã qua chiều hôm sau.

Hương đang lo dọn cơm dưới bếp. Huấn lồm cồm ngồi dậy rồi loay hoay xuống nhà. Chàng hớn hở hôn nhẹ vào má của vợ. Nàng cười nói hồn nhiên. Nhìn kỹ Hương có hơi già đi đôi chút nhưng vẫn còn duyên dáng vô cùng nhất là đôi mắt đen huyền quyến rũ của "cái thủa ban đầu lưu luyến ấy" từng làm tim chàng trai rung động mãnh liệt.

— Mấy con bạn ở sở mừng cho em nhiều lắm. Ai cũng khen em có phước. Em bảo rằng "đang còn chay tịnh" mà tụi nó không tin.

Tối hôm ấy Hương theo chồng về phòng. Huấn khóa cửa rồi nắm tay người yêu tình tự kéo đến ngồi sát bên mình trên chiếc ghế mây, cạnh mấy chậu hoa lan. Mặt Hương ửng hồng, đôi mắt long lanh tình ái nhìn chồng trìu mến. Huấn đặt nhẹ tay lên làn da mịn màng. Cảm giác đê mê chạy rần trong người đàn ông đã hơn mười năm xa vợ, chưa hề gần một người đàn bà nào khác.

Tiếng nói của Huấn chìm trong hơi thở:

— Nhớ em quá !.... Em có biết đã mười mấy năm xa cách... anh chờ đợi ngày hôm nay.... Xa em một nửa địa cầu, sống cực khổ chui rúc ở quê nhà, khi nào bóng hình của em cũng lảng vảng trong trí nhớ của anh....

Hai người dìu nhau đến nằm trên chiếc giường trải khăn trắng toát. Mái tóc đen dài xã tung trên nửa khuôn mặt man dại, Hương nhắm nghiền đôi mắt hồi hộp chờ đợi. Huấn hối hả ôm ghì lấy thân hình ấm áp của vợ. Hai bàn tay của người đàn bà bấu níu vai chồng. Họ trao nhau những nụ hôn nồng cháy. Mùi thơm của môi, những cảm giác ngây ngất quen thuộc ngày nào tuần tự nhi tiến. Máu chạy dồn, tim đập mạnh. Nhưng chỉ sau một vài phút ngắn ngủi Huấn chợt thừ người ra, thở dài rồi nằm lật qua một bên, cắn chặt đôi hàm răng có vẻ tức giận vì anh đã không làm chủ được cơ thể của mình.

Người đàn bà đang say mê trong cơn tình ái đời nào chịu buông tha, bám sát theo người đàn ông như hình với bóng. Huấn im lặng để yên cho người yêu tự do mơn trớn. Rồi bỗng nhiên Hương dừng lại hốt hoảng:

— Của em... sao thế nầy?

Câu hỏi như đâm vào lòng tự ái của Huấn. Chàng cứ ngỡ mình còn ngon lành.

— Anh không ngờ sự thật quá phũ phàng, chuyện dài lắm, để rồi anh sẽ kể cho em nghe sau, bây giờ mình tiếp tục hưởng đi em!

Huấn cố nói cho có vẻ lạc quan. Hai vợ chồng lại quấn quýt bên nhau.

Huấn ráng hết sức mà không thể nào nhập cuộc được. Tuy nhiên hai người vẫn thấy thích thú tìm lại hơi hám của nhau.

Huấn tiếp tục cố gắng thêm nhiều lần nữa với sự cộng tác tận tình của vợ nhưng tất cả đều rước lấy

phần thất bại. Anh lồng lộn lên như con thu bị cướp mồi.

Hương cũng bứt rứt trong người như đang ngồi trên miệng giếng mà khát nước.

Nàng đưa mắt nhìn chồng, buồn bã hơn người mất của, chợt có ý nghĩ chua chát là nàng với chồng giờ đây chẳng khác nào Hoàng quý phi với người yêu thái giám!

*

Chính là sinh viên kỹ sư được Hương cho share phòng năm năm trước. Ba năm đầu Chính rất được lòng mẹ con Hương. Tháng nào chàng cũng trả tiền nhà, tiền ăn sòng phẳng. Ngoài ra Chính lại kèm thêm Toán, Lý Hóa cho Hằng và Nga nên được hai cháu mến trọng. Hương quý Chí, xem Chính như em trai. Nhờ Chính mà trong nhà có tiếng đàn ông.

Chính là người thanh niên tráng kiện, hiền từ, thích đời sống trầm lặng. Ngoài giờ học Chính thích đọc sách, xem Tivi, thỉnh thoảng giúp Hương săn sóc cây cỏ trong vườn.

Ngày tốt nghiệp kỹ sư, Chính về nhà say vùi. Không biết vô tình hay cố ý, Chính đi lộn vào phòng của Hương. Đang mơ màng giấc mộng, Hương giật mình mở mắt thấy mặt Chính định la lên nhưng nghĩ sao lại thôi. Lòng xuân đang rạo rực và sẵn có cảm tình với Chính nàng chịu nằm yên không chống cự.

Sáng sớm khi tỉnh giấc, thấy bên mình có người đàn bà Chính hoảng sợ, toan ngồi dậy mặc lại áo quần thì Hương xoay mặt qua nhoẻn miệng cười:

— Em đừng sợ. Lỗi tại chị.

Từ đó lâu lâu Hương mới gọi Chính lên phòng, chứng tỏ nàng không phải là hạng người đam mê xác thịt.

Hằng và Nga chẳng hay biết chuyện gì đã xảy ra.

Chính vẫn một mực thưa gọi Hương bằng chị với lòng kính trọng. Hương xem Chính như em. Chẳng bao giờ hai người xem nhau là tình nhân.

Giờ đây Chính đã có việc làm tốt, lương tiền khá, lo đóng góp cho Hương nhiều hơn. Mọi người cùng vui, cùng thắng lợi. Trong nhà tiếng cười đùa văng vẳng suốt ngày đêm. Tuy nhiên sức sống của người thanh niên đầy sinh lực không thể dừng ở chỗ ấy, bắt buộc anh phải có "đào".

Hương mặc kệ, miễn Chính làm đủ bổn phận với mình.

Chính tuy có thêm người yêu mới nhưng không thể bỏ chị Hương được vì chị Hương mới thật là đàn bà. Chị Hương mới thật tuyệt vời.

Anh thỉnh thoảng thay bồ nhưng không hề nghĩ đến chuyện thay chị Hương và vì chị Hương hắn đã không lấy vợ.

Hương bảo lãnh chồng qua, không biết chồng bất lực. Ngày Huấn bị nạn là ngày viên đạn vô tình đã đâm xuyên qua tàn phá hệ thần kinh quanh hạ bộ của chàng. Huấn may mắn được người qua đường chở vào bệnh viện cứu cấp. Bác sĩ giải phẫu tài ba đã cứu mạng sống nhưng không phục hồi được khả năng làm tình của người bệnh. Những ngày sau đó và trong trại cải tạo Huấn sống như người tu hành, tự nhiên không còn thấy thích tình dục. Anh quên mất thiên chức làm chồng cho đến tối hôm đoàn tụ với vợ.

Hương bây giờ theo nếp sống của Mỹ. Ngày đoàn tụ với chồng nàng chưa vội giải quyết chuyện đang có người share phòng trong nhà. Nàng nói với Huấn:

"Chính dễ thương lắm. Chú ấy ở với ba mẹ con em mấy năm, xem nhau như người thân trong gia đình. Bây giờ có anh qua, chưa chi đã đuổi người ta ra cũng tội nghiệp, hảy để thử một thời gian xem sao."

Huấn nghe có vẻ không bằng lòng liền lên giọng:

— Em không sợ mang tiếng à!

Anh chưa kịp hỏi tiếp thì nàng đã giải thích:

— Cũng may ở Mỹ chẳng ai bận tâm chuyện người khác. Anh xem con Tammy sống chung đề huề với hai thằng Peter và thằng Tom, vui nhộn như hội có sao đâu!

Câu nói sau cùng làm Huấn sửng sốt, từ đó suy diễn hậu ý của Hương khi nàng mời ba người bạn thân đi đón mình ở phi trường.

"Thế thì vợ mình đã có ý muốn sắp đặt như vậy trước rồi!"

Những ngày đầu trôi qua êm thấm nhưng chuyện trong nhà chưa rõ ngoài ngõ đã hay. Những lời đồn đãi không tốt đã lọt vào tai người em gái của Huấn.

"Anh không thể kéo dài cuộc sống như vậy được, kỳ cục lắm. Trước đây khi anh chưa qua, chị cho đàn ông độc thân share phòng đã bị dị nghị rồi. Nay anh đã qua thì chị phải cho cậu ấy de đi chứ! Thiên hạ người ta xì xầm là táo bà ở với hai táo ông đấy. Gia phong mình không cho phép chuyện nầy xảy ra anh ơi!"

Huấn ngồi nghe, im lặng chịu trận. Đến khi thư từ của thân phụ từ Việt Nam gửi sang chỉ trích nặng nề, Huấn không thể chần chờ được nữa bèn đặt vấn đề với vợ:

— Em nghĩ thế nào!

Hương thẳng thắn trả lời:

— Em nghĩ chẳng có sao. Ai nói gì mặc họ. Xứ nầy tự do cá nhân mà!

Em đã bảo bao giờ em cũng yêu anh và khẳng định một lần nữa anh là chồng của em. Anh mới là cứu cánh của đời em. Chính chỉ là phương tiện. Em còn thương anh nên em mới bảo lãnh anh qua. Ngay bây giờ em chưa có thể bỏ Chính được vì chú ấy là đàn ông ở trong nhà từ lâu, giúp đỡ em nhiều, kèm các con học thêm, đóng góp tiền nong sòng phẳng. Tụi em sống lâu với nhau quen rồi.

Thấy Hương bất cần dư luận và biện minh cho hành động của mình, Huấn vội quyết định:

— Chuyện nầy anh thấy không ổn tí nào. Một trong hai người đàn ông phải dọn ra khỏi nhà nầy ngay. Anh là kẻ đến sau, anh tình nguyện hy sinh vậy. Vả lại anh cũng không muốn xáo trộn cuộc sống cũ của em và con.

Thật vậy từ ngày mới đoàn tụ, thời gian chưa đủ để tìm hiểu, giữa Huấn với Hằng và Nga tình cha con chưa được mặn nồng. Hơn nữa Huấn để ý thấy Chính và hai con rất thân nhau, nói chuyện khá tương đồng. Trong sinh hoạt gia đình có lẽ chính anh mới là người cảm thấy lạc lõng.

Hương suy nghĩ một hồi rồi nói tiếp:

— Thôi cũng được. Đã vậy thì em sẽ thuê một cái Studio gần đây cho anh ở. Miễn sao chúng mình vẫn thương nhau là đủ.

Nhờ bạn bè giới thiệu Huấn kiếm việc làm tạm đủ nuôi thân. Mỗi tuần Hương đến thăm chồng hai ba lần. Vợ chồng cười đùa vui vẻ, chuyện trò thân mật, lo lắng cho nhau từng ly từng tí như xưa.

Kể từ ngày có Huấn qua, Chính không được vui lắm. Tuy vẫn ở trong nhà như cũ nhưng thấy Hương cứ hay đi lại với Huấn, anh đâm buồn và ghen thầm. Lối sau nầy anh hay về nhà trễ vì mải theo đám bạn trai trong sở đi nhậu nhẹt, hút xách. Cuộc sống buông thả hơn trước. Có nhiều hôm uống rượu say mềm Chính không biết lũ bạn Mỹ độc thân đáng nghi là đồng tình luyến ái đã làm gì trên thân thể trắng trẻo thư sinh của mình.

Một năm trôi qua, ai cũng trông thấy anh gầy và xanh, tâm trạng như người mất hồn, không còn lanh lẹ nữa.

Anh bỏ nhà ra đi một thời gian. Hương không ngờ đó là thời gian Chính phải vào bệnh viện nằm điều trị. Chẳng bao lâu sau Chính xin đổi sở qua tiểu bang khác và chỉ báo tin cho Hương biết trước vài ngày.

Đầu năm 90, một tin sét đánh cho Hương. Chính đã qua đời vì bệnh AID.

Hương lo sợ mất ăn mất ngủ mấy đêm. Nàng báo tin cho Huấn biết rồi đến khai thật với người bác sĩ gia đình để xin hỏi ý kiến.

BS Tâm khuyên nàng đi thử máu.

Kết quả động trời: phản ứng dương! nghĩa là trong cơ thể của nàng có vi khuẩn HIV nhưng bệnh chưa phát hiện.

Nghe tin như sét đánh, Hương tái mặt. Hai hàm răng run cầm cập.

— Thôi chết em rồi, trời ơi! Thật không bác sĩ. Em không tin đâu.

Vốn thông minh sẵn có, một chút hy vọng thoáng qua, Hương vội nói:

— Hay là bác sĩ cho em thử máu lại đi, nhiều khi họ lộn máu của ai.

— Vâng, tôi sẽ cho làm như cô yêu cầu.

Khi nhận được kết quả thử nghiệm lần thứ hai, bác sĩ Tâm cũng xúc động không kém. Từ khi hành nghề ở Quận Cam mười mấy năm đây là lần đầu tiên ông mới gặp người Việt Nam bị bệnh AID nên có vẻ lúng túng trong việc khuyên giải bệnh nhân.

— Chị đừng nên quá lo. Bệnh chưa phát thì người bệnh vẫn khỏe mạnh. Có nhiều trường hợp vi khuẩn tiềm ẩn trong người mấy năm mà không thấy triệu chứng, như ngôi sao bóng rổ Magic Johnson đấy. Ông ta vẫn còn đánh banh hăng lắm....

Hãy bình tĩnh và đừng nên quá tuyệt vọng. Cả thế giới đang lo nghiên cứu ráo riết về căn bệnh hiểm nghèo nầy. Bây giờ vấn đề là cần uống thuốc đầy đủ, ăn uống tẩm bổ, nhất là chị phải giữ vững tinh thần.

Mặc dầu nghe lời khuyên của bác sĩ, Hương vẫn không mấy tin tưởng vì nàng thừa biết bệnh nầy hiện nay chưa có thuốc trị.

Hương tiếp tục đi làm. Nàng dấu mọi người về căn bệnh của mình và thầm oán trách Chính chơi bời bậy bạ để nàng bị vạ lây.

Hương buồn bã đến cực độ, đêm đêm lo tụng kinh cầu nguyện với hy vọng hão huyền. "Biết đâu trời phật phù hộ cho mình."

Đôi khi Hương muốn chối bỏ sự thật vì cho đến bây giờ nàng vẫn khỏe mạnh như thường.

Uống thuốc được sáu tháng nàng lại xin đi thử máu một lần nữa. Kết quả không thay đổi. Hy vọng hão huyền không đến.

Vốn là một con người bao giờ cũng lạc quan, nay Hương trở thành yếm thế. Sự thay đổi đột ngột nầy làm cho bạn bè trong sở nghi ngờ.

Bỗng một hôm Hương nhận được một lá thư bảo đảm của hãng Equitable Life Insurance. Mở ra đọc được biết Chính chết đi, để lại cho nàng thừa hưởng số tiền bảo hiểm nhân thọ lên đến 300,000 dollars.

Hương chẳng hề mừng rỡ vì điều đó không đem lại cho nàng mảy may vui sướng.

Nàng tự nghĩ "Giàu có làm chi khi sức khoẻ không còn."

"Trời ơi, xin cho tôi sống thêm vài năm để nhìn thấy con cái thành người."

Hai giòng nước mắt tự nhiên tuôn tràn trên gò má.

Một ngày mây mù bao phủ, Hương cảm thấy nóng lạnh đau nhức như bị cúm nặng. Đêm nằm ngủ mồ hôi tuôn như tắm.

Bệnh khỏi được vài hôm lại tái phát. Ăn uống không được ngon, sụt cân thấy rõ. Tay chân rã rời tựa như không còn sức lực, nói không ra hơi, leo lên cầu thang không nổi.

Triệu chứng ấy kéo dài trong mấy tháng, cho đến một hôm tình cờ nàng sờ thấy mấy cục hạch nổi lên ở hai bên cổ. Hương khóc ngất, tự biết bản án tử hình dành cho mình đã được tuyên đọc.

Huấn chia xẻ sự lo sợ kinh hoàng của Hương. Chàng quyết định hết sức liều lĩnh.

— Cho dù em có gì đi nữa anh sẽ chia xẻ với em, anh không để em phải cô đơn. Anh vẫn yêu em, lần nầy anh tình nguyện dọn về ở với em.

Những lời nói chân tình ấy đem lại cho Hương một nguồn an ủi thật lớn. Hương bèn xin nghỉ việc ở nhà để lo điều trị.

Huấn nuông chiều vợ. Hằng ngày lo săn sóc thuốc men. Chàng tìm đủ cách làm cho vợ vui. Anh vạch ra một chương trình đưa Hương đi du lịch cho khuây khỏa.

Những ngày vui chơi trên du thuyền Carnival khắp vùng Carribbean từ đảo Saint Thomas đến Bahamas không làm cho Hương quên bớt đau đớn.

Họ bán nhà, dọn lên vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn mong đổi không khí, đồng thời tìm thầy giỏi thuốc hay. Sau một thời gian ngắn, Hương thấy nơi sống không thích hợp.

— Ở đây em thấy buồn quá anh ơi! Chỗ nào cũng có tượng Ô, chỗ nào cũng có bia. Lại thêm bức tường đá đen tưởng niệm chiến sĩ trận

vong ở Việt Nam, nghĩa địa Arlington.... toàn cả sự chết chóc em sợ lắm. Thôi mình hãy move đi nơi khác.

Hai vợ chồng lại dọn qua Chicago. Sống mấy tháng trong một cao ốc sang trọng nhìn ra mặt hồ, Hương cảm thấy khá hơn. Đêm đêm hai vợ chồng thường rủ nhau đi nghe nhạc, xem kịch nghệ, ngày lang thang trên đại lộ Michigan, khoảng giữa Water Power và Bloomingdales.

Họ thích nhất mỗi tối leo lên tầng chót của John Hancok Center cao ngất ngồi nhâm nhi cà phê, ngắm cảnh. Thế rồi một hôm đang ngồi ở tầng thứ 96 nhìn những đám mây trắng bay lơ lửng ngang đầu, Hương chợt nhìn xuống la hoảng:

— Thôi về đi anh, em khiếp quá.

Huấn ôm vợ sát vào lòng, nói nhỏ vào tai:

— Đừng run nữa, mọi sự đã có anh.

Nàng rùng mình đưa tay chỉ xuống:

— Anh nhìn phía dưới kìa, mặt đất như đang yên ngủ, chỉ con đường Lake Shore Drive chạy ven hồ là có sự sống động. Xe cộ trông nhỏ li ti chạy nối dòng giống như các con vi khuẩn bệnh AID đang chạy rần rần trong mạch máu của em. Kinh quá! Chúng nó đang ăn vào gan, vào phổi của em.

Huấn nhìn theo thấy trí tưởng tượng của Hương thật là dồi dào phong phú.

Trong khi anh đang thả hồn vào khung cảnh nên thơ đã thu hút hằng trăm du khách mỗi đêm về đây thưởng ngoạn thì Hương lại nhập tâm nghĩ đến chuyện bệnh hoạn ghê rợn.

Cảm thấy tội nghiệp cho người mang chứng bệnh nan y, anh đề nghị đưa Hương về thử sống nơi chốn thiên đàng của hạ giới.

Đến Las Vegas những ngày đầu tinh thần của Hương có lên cao đôi chút. Nàng chọn Mirage để ở vì khách sạn nổi tiếng sang và đẹp. Mirage có núi lửa cứ nửa giờ lại phun lên ầm ầm một lần. Con người quá bi quan đôi khi trở thành ích kỷ, Hương mong có ngày gần đây sẽ xảy ra động đất thật lớn cỡ chín, mười chấm để vạn vật quay cuồng trong bão lửa rồi ngày tận thế sẽ đến chấm dứt sự sống của muôn loài trong đó có nàng.

Hai vợ chồng ở Mirage không được bao lâu. Nhìn cảnh thiên hạ ăn chơi la hét điên cuồng bên các sòng bài, Hương chẳng thấy say mê. Những tiếng leng keng dồn dập liên tục của đồng tiền khi trúng Jackpot cũng chẳng đem lại chút hứng thú nào vì trong người nàng đang nhức nhối khó chịu.

Rời Mirage họ qua ở Ceasar Palace. Hương thích nhất là đi dạo phố trong Forum, nơi được biến thành một góc Italia nhỏ với khung trời cao xanh và hàng trăm gian hàng mua bán nhộn nhịp. Mỹ phẩm, áo quần mốt mới treo đầy tủ kiếng như mời mọc nhưng không làm cho Hương ham muốn ăn diện vì mặt mày nàng đã trở nên xấu xí, da thịt xạm đen, thân hình gầy gò. Hơi người và khói thuốc làm nàng càng ngạt thở thêm nên vợ chồng tính chuyện di chuyển đi nơi khác.

Hai người bèn thuê một chiếc xe Dodge Caravane mới tinh để đi thăm vùng sa mạc chung quanh. Huấn lái xe chạy dọc theo bờ sông Colorado. Bên trái là giòng nước trong xanh cuồn cuộn chảy. Bên mặt đồi núi chập chùng, trơ trụi một màu nâu thẫm. Đứng đếm từng lớp đá bị nước xoáy mòn nằm chồng chất lên nhau hằng thế kỷ Hương cảm thấy vũ trụ thật quá bao la so với đời người sao quá ngắn ngủi, lạ thay trong lòng nàng lại cảm thấy vui vui.

"Cát bụi sẽ trở về cát bụi." Hương chấp nhận định mệnh, tự hứa sẽ không còn buồn nữa.

Thế rồi khi nghe ai mách thuốc gì hay, hai vợ chồng cũng cố tìm cho được. Họ bay sang tận Tijuana mua những loại thuốc mới ra kể cả những thứ chưa được FDA công nhận. Mỗi ngày Hương nhắm mắt cố nuốt hơn ba chục viên. Có thứ phải uống khi bụng đói, có thứ phải uống sau khi ăn. Đó là chưa kể phản ứng phụ của thuốc làm cho buồn nôn chóng mặt. Thật khổ sở và chán chường.

Thuốc đầy ắp trong bao tử, chiếm hết chỗ đựng thức ăn

nên cơ mặt mày tay chân càng ngày càng teo dần trông thật thảm thương. Bệnh đã lộ rõ, ai cũng thấy và muốn tránh xa. Chỉ còn Huấn vì chút tình nghĩa vợ chồng, chịu hy sinh ở bên nàng mà không ngại lây bệnh. Hương cảm động về thái độ cao thượng của chồng, làm nàng hết sức hối hận những lúc đã phản bội chồng.

— Anh ơi! Mọi tội lỗi xin anh tha thứ cho em....

*

Sau khi đi khắp bao nhiêu thành phố, Hương vẫn chưa tìm được nơi ăn chốn ở thích hợp. Cuối cùng sau khi bàn đi tính lại Hương quyết định dọn về Laguna Beach để sống những ngày cuối cùng. Nơi đây có biển xanh, có khí hậu quanh năm ấm áp và nhất là có người đồng cảnh ngộ. Những người bị bệnh AID khắp Cali tụ tập về Laguna Beach để cùng chia xẻ lo âu và đau đớn. "Sỏi đá cũng cần có nhau huống hồ con người".

Những buổi sinh hoạt tập thể đã đem lại cho Hương rất nhiều phấn khởi và an ủi.

— Anh thấy thằng Steve, con Hellen còn khổ hơn em nhiều. Tụi nó nghèo không đủ ăn, nói chi đến thuốc để uống.

Đây có lẽ là lần đầu tiên Hương cảm thấy tương đối thoải mái trong lòng.

Hương cắn răng chịu đựng cơn bệnh dày vò.

Huấn vẫn còn chung thủy.

Bệnh của Hương càng ngày càng nặng. Thân hình gầy ốm tiều tụy. Khuôn mặt đẹp đẽ, thùy mị ngày xưa chỉ còn lại đôi mắt đen thẳm buồn rầu. Tinh thần xuống dốc thảm hại. Nàng không còn đủ sức để cùng Huấn đi bách bộ mỗi buổi sáng trong công viên Heisler như những ngày đầu tiên vừa đến Laguna Beach. Bây giờ bầu trời trước mặt chỉ là một màu xám ngắt, Hương không còn tha thiết để ý đến hoa thơm cỏ lạ xung quanh.

Huấn lo cho Hương lâu ngày cũng quá mệt mỏi, nhiều khi muốn đưa Hương vào Nursing Home nhưng nghĩ tội nghiệp, lại thôi. "Đã thương thì thương cho trót, chịu khó trả nốt cho hết cái nghiệp trong kiếp nầy".

Những ngày cuối cùng mới thật bi thảm. Hương không còn ăn uống được nữa. Mỗi ngày sống chỉ nhờ mấy lon Ensure đổ thẳng theo đường dây vào bao tử. Cơn bệnh hành hạ suốt ngày đêm, những cơn ho kéo dài làm ngạt thở cần phải hít oxygen. Huấn phải đưa Hương vào ra bệnh viện cứu cấp nhiều lần vì tiêu chảy và nhiễm trùng phổi.

Biết bản án tử hình đến ngày được thi hành, Hương bình tĩnh nói vài lời trăn trối.

Nàng chết trong tay Huấn. Anh đem xác vợ về quàn tại Peek Family trên đường Bolsa, quan tài không dám mở nắp vì khuôn mặt của người quá vãng trông ốm o, dễ sợ. Anh lo mời thật nhiều vị chân tu đến tụng kinh cầu siêu cho nàng. Quan tài được đưa vào lò thiêu, chính anh đã nhắm mắt lâm râm cầu nguyện, can đảm đưa tay bấm nút để lửa bộc cháy. Tro được đem rắc trên biển Laguna như lời vợ dặn.

Giờ đây trong căn phòng nhỏ hẹp, Huấn cảm thấy trống vắng, cô đơn vô cùng. Anh đi qua, đi lại ngẫm nghĩ thấy cuộc đời thật vô thường. Sớm muộn rồi ai cũng sẽ vĩnh viễn ra đi với hai bàn tay trắng như Hương.

Huấn lẩm bẩm như tự nói với mình:

"Lập lại gia đình ư! Không! Không thể đem lại hạnh phúc cho người hôn phối.

— Xuống tóc đi tu! Cũng không phải chuyện dễ làm!

— Trở về Việt Nam! Đã một lần ra đi...

— Đi học thêm! Tuổi già rồi, khó khăn lắm!

— Buôn bán làm ăn! Không còn ham muốn nữa."

Huấn tự đặt những câu hỏi dồn dập trong trí để tự trả lời và đi đến kết luận: Chàng không còn thiết tha với cõi sống trên trần gian nầy nữa. Huấn viết một lá thư thật dài cho Hằng và Nga, ký hết giấy tờ để gia tài còn lại cho con rồi mường tượng đến cách kết liễu cuộc đời.

"Một lưỡi dao cạo cắt đứt mạch máu như ông vua cuối cùng của nhà Thanh bên Tàu đã làm.

- Một chiếc bao plastic trùm lên đầu, một sợi giây thắt chặt ở cổ.
- Một bình xăng tưới lên người và một hộp quẹt.
- Một lọ thuốc phenobarbital trộn với một ly rượu Vodka..."

Đang suy nghĩ mông lung, bỗng Huấn đứng phắt dậy. Ngoài kia như có tiếng Hương đang réo gọi. Huấn vội đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu, tung cửa chạy ra. Chàng nhắm về hướng biển mà tiến tới rồi men theo đường cũ mà đi .....

Võ Văn Tùng
Mùa đông Cali 1997

Lời tác giả:

Những nhân vật trong truyện nầy chỉ có trong trí tưởng tượng. Hoàn cảnh éo le có thể do chiến tranh gây nên. Mọi sự trùng hợp xin xem là ngẫu nhiên, tác giả xin đa tạ.

•

KÝ ỨC THỜI XANH

Đêm xứ người âm vọng tiếng quê hương
Lời thầm trách người đi bao năm biền biệt...
Chắc quên hết rồi bóng hình thân thiết
Chiều sông Hương buồn — sáng núi Ngự mờ sương

Quên chi được núi Ngự, với sông Hương
Khi nhớ cả tay lồng ấp — tay bồng con Mạ sưởi?
Dáng lưng khòm bới đất lên cây bưởi
Sáng sớm, xế chiều tưới nước, vun phân!

Nhớ Mệ cối trầu, nhớ Ôn thuốc vấn
Móm mém Mệ nhai Ôn nhả khói phì phà
Mạ quảy gánh về sau phiên chợ Đông Ba
Mồ hôi vã vẫn môi cười... nữ Thánh!

Cháo gạo đỏ, cơm hến sáng — chiều Mạ về quà bánh
Vãn hát Bà Tuần — bàn tuồng
mấy O trứng lộn ví von(!)
Đêm học thi dưới đèn đường
ngốn ngàn trang sách dày cộm.
Còn sót đâu đây nửa lá... thư tình!

Huế thấy chưa / dẫu vốn biết phận mình
Cảnh khó khổ mong chi "gò" gái Huế?
Cũng bần thần giữa con tim, trí tuệ
Trơn trợt bao lần... vỏ chuối chốn trường thi!

Từ độ ấy vẫy chào Huế — tôi đi...
Mắt Mạ lệ mờ — mắt con đẫm ướt
Huế ở lại với những tà áo dài tha thướt
Trông con mỏi mòn / Mạ chết cuối đông !!!

Huế thấy không — tôi vẫn nhớ mãi mong
Quên chi được một quãng đời thơ bé?
Mấy chục năm xa
cũng cố chờ tôi — Huế nhé !
Mai tôi về khơi lại bếp đông xưa...

Lê Nguyễn

Tiền đồng ngày xưa

Lệ Vân

"Hai má có hai đồng tiền
Càng trông càng đẹp càng nhìn càng ưa".

Từ thuở xa xưa các cụ ta đã mượn hình dáng đồng tiền tròn có lỗ vuông để tả cái duyên rất quyến rũ của những cô gái có hai lúm tròn nhỏ trên đôi má bầu bĩnh hồng hào. Còn đồng tiền thật của xứ ta ngày xưa các cụ nghĩ sao? Các cụ ta cho rằng tình nghĩa quý hơn tiền, vì đồng tiền nó tanh hôi. Thế nhưng vẫn có những câu:

"Có tiền mua tiên cũng được."
"Đồng tiền không phấn không hồ
Mà sao khéo điểm khéo tô mặt người".
"Hạt tiêu nó bé nó cay
Đồng tiền nó bé nó hay cửa quyền."

Tiền đồng đúc bằng đồng, tiền trinh đúc bằng đồng pha kẽm, nên giá trị khác nhau:

"Tiền đồng mua được cá tươi
Mua rau mới hái mua người đảm đang.
Tiền trinh mua vội mua vàng
Mua phải rau héo mua người ngẩn ngơ".

Tiền đồng lưu hành trong nước ta trong mười thế kỷ liên tiếp, cho đến những năm 40, 50 ở thôn quê vùng Thanh Nghệ Tĩnh vẫn còn thấy tiêu dùng tiền đồng và tiền trinh. Khuân vác tiền đồng rất nặng, một quan tiền đồng nặng đến 1 kílô 20, 1 kílô 500, tùy loại tiền.

1 quan tiền có 10 tiền là 600 đồng tiền, được xâu vào một sợi dây bằng lạt tre hay sợi dây mây. Trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư ngày xưa có bài nói lên giá trị đồng tiền bấy giờ, nên nhiều người biết và học thuộc lòng:

Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?
Thoạt tiên mua Ba Tiền gà,
Tiền Rưỡi gạo nếp với Ba Đồng trầu
Trở lại mua Sáu Đồng cau
Tiền Rưỡi miếng thịt, mớ rau Mười Đồng.
Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền Rưỡi gạo tẻ, Sáu Đồng chè tươi,
Ba Mươi Đồng rượu chàng ơi
Ba Mươi Đồng mật, hai Mươi Đồng vàng.
Hai chén nước mắm rõ ràng
Hai bảy Mười Bốn kẻo chàng hồ nghi
Hai Mốt Đồng bột nấu chè
Mười Đồng nải chuối chẵn thì Một Quan.

Người vợ khuân một xâu quan tiền bằng cách lồng vào cánh tay rồi vắt trên vai, đi chợ mua thức ăn, làm một bữa cúng giỗ, có đầy đủ rượu thịt xôi chè. Tính dùng một quan tiền tốt là 600 đồng tiền, cô vợ ngoan không tiêu đồng nào vào hàng quà bánh hay gương lược.

Từ thượng cổ, loài người đã biết dùng vỏ ốc làm tiền để mua bán trao đổi. Khi khám phá ra chất đồng thau thì dần dần mới nghĩ ra việc đúc tiền bằng đồng thau. Hy Lạp và La Mã đúc hóa tiền từ thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch. Trung quốc đúc tiền thô sơ từ thế kỷ thứ 15 trước Tây lịch. Những loại tiền có hình dáng cái xêng (bố tiền), cái đao (đao tiền) hình mặt quỷ và hoàn tiền là loại tiền tròn có lỗ tròn được đúc từ thời Xuân Thu, Chiến Quốc.

Tần Thủy Hoàng là người đầu tiên cho chế loại tiền đồng tròn dẹp có lỗ vuông, tượng trưng cho trời tròn, đất vuông. Lúc Triệu Đà làm vua Nam Việt thì loại tiền lỗ vuông này được du nhập vào nước ta, song sự lưu hành rất ít vì người xưa trao đổi với nhau bằng hiện vật, đong lúa gạo bằng đấu hay bằng thúng rồi gánh đi đổi lấy đồ dùng hoặc phẩm vật khác.

Thời Hùng Vương và sau đến thời Thục An Dương Vương ở Loa Thành, người Việt đã dùng đồng để làm trống đồng, tên nỏ bằng

đồng và nhiều vật dụng khác thì chắc cũng đã có đúc tiền bằng đồng.

Theo truyền thuyết thì vào thế kỷ thứ 6, ông Lý Bôn là Lý Nam Đế đã cho đúc một loại tiền tên là Thiên Đức Thông Bửu nhưng ngày nay không tìm thấy. Hiện nay ta còn tìm thấy loại tiền đồng được vua Đinh Tiên Hoàng (968-978) cho đúc mang tên Thái Bình Hưng Bảo.

Đời Tiền Lê, vua Lê Đại Hành cho đúc loại tiền có tên là Thiên Phúc Trấn Bửu. Nhưng chỉ đến đời nhà Lý (1010-1225) trở về sau, tiền mới được dùng nhiều hơn, để trả lương, phát công, mua bán hay đóng sưu thuế.

Tiền Trung Hoa từ thời Tần Thủy Hoàng, và tiền Việt từ thế kỷ thứ 10 đều đúc tròn có lỗ vuông, nhưng dầy mỏng, to nhỏ khác nhau, tùy sự định liệu của vua các triều đại. Xứ ta thường tiêu xài cả tiền Trung Hoa cùng với tiền của xứ ta chen lẫn trong các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn, nhà Hồ, nhà Mạc.

Hồ Quý Ly còn cho in một loại tiền giấy thay tiền đồng nhưng bị dân gian chê ngay.

Mặc dầu khuân vác nặng nề, người dân vẫn quý tiền đồng. Đi mua trâu bò, ruộng đất, họ phải gánh nhiều xâu tiền đi mua. Ngoài ra còn có vàng thoi, bạc nén cũng được đúc ra, và các nhà giầu rất cần để cất dấu, nhiều khi chôn xuống đất nữa, khỏi sợ bị hoen rỉ mà tránh được trộm cướp.

Lại có loại tiền đồng vì pha kẽm nên nhẹ hơn nên thuộc vào loại tiền xấu. Nhiều nhất là hai thứ tiền gọi là tiền gián và tiền mái, đúc đã mỏng lại còn pha nhiều kẽm dễ bị gãy hỏng. Tiền gián là tiền của nhà Mạc đúc ra, có tên là Thái Bình An Pháp. Còn tiền mái là các thứ tiền pha kẽm xấu. Nếu tiền đúc tốt, đúng phân lượng thường được gọi là tiền quý hay tiền tốt, như ta thấy trong hai câu:

Một quan tiền tốt mang đi
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra.

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 17, do sự thông thương buôn bán với nước ngoài nhiều, nên xen vào tiền Việt, tiền Tàu còn có tiền Nhật, tiền Hòa Lan, tiền Y Pha Nho, Bồ Đào Nha và nhiều nhất là những đồng Mễ Tây Cơ có hình con ó mà dân ta thuở trước thường gọi là đồng bạc con cò. Vì xứ Mễ Tây Cơ có nhiều mỏ bạc nên đồng bạc Mễ Tây Cơ đúc phẩm chất tốt được lưu hành khắp thế giới.

Vào thời các chúa Nguyễn, tiền vua Lê được thông dụng được cả Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong cùng một lúc với những tiền ngoại quốc khác.

Các chúa Nguyễn, mỗi đời đều cho đúc một loại tiền gọi là Thái Bình Thông Bửu, nhỏ và mỏng hơn tiền vua Lê, nên 3 đồng Thái Bình Thông Bửu mới giá trị bằng 1 đồng tiền Cảnh Hưng của vua Lê ở Đàng Ngoài.

Đến đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), xứ Đàng Trong vì thiếu đồng nên theo ý kiến của một người khách trú họ Hoàng, chúa cho đúc một loại tiền gọi là Thiên Minh Thông Bửu pha chất bạch diên (thiết kẽm) mua của người Tây Dương. Chúa chọn làng Lương Quán làm nơi đúc tiền. Đồng tiền mới rất được dân gian thích dùng vì vành cứng và dày, bẻ không gãy được, vì vậy tiền này được lưu hành rộng rãi tiện lợi. Về sau Trương Phúc Loan, gốc Tàu, vừa là cậu ruột của Võ Vương vừa là cha vợ của Võ Vương, nên quyền thế rất mạnh, đã cho phép nhiều phú gia xây lò đúc tiền, cả thảy đến hơn 100 lò. Họ ham lợi nhiều nên pha lẫn thêm một loại kẽm xanh, có khi còn trộn cả chì vào, vành lại mỏng, bẻ gãy dễ dàng. Vì vậy trước kia một đồng Thiên Minh Thông Bửu ăn ngang giá với 1 đồng Cảnh Hưng của vua Lê, sau tiền đúc xấu thì 3 đồng tiền kẽm mới bằng 1 đồng tiền vua Lê. Từ đây dần dần có "loạn tiền kẽm" làm dân gian điêu đứng khổ sở. Các con buôn Thanh Nghệ và Sơn Nam buông tiền đồng ra Đàng Ngoài, buôn qua bán lại lắt léo lời gấp ba. Nhiều kẻ gian lại đổ xô đúc tiền kẽm rồi đổi tiền đồng. Đến nỗi về sau không ai còn dám nhận tiền kẽm, tuy luật pháp rất nghiêm khắc vẫn không có kết quả. Tiền đồng biến đi mà tiền kẽm sứt mẻ vô giá trị tràn đầy chợ búa. Vật giá gia tăng vùn vụt, nhà giàu cất giấu thóc lúa, vàng bạc. Người nghèo ôm tiền kẽm, không mua được gì, đói khổ, trộm cướp khắp suốt các tỉnh. Quân Tây

Sơn thừa dịp nổi dậy, càng ngày thanh thế càng mạnh. Chúa Trịnh Đàng Ngoài lấy cớ phải trừng trị Trương Phúc Loan, mang quân vào Đàng Trong năm 1774 chiếm lấy Phú Xuân dễ dàng.

Lúc bấy giờ Võ Vương đã qua đời từ năm 1765, quyền thần Trương Phúc Loan đổi di chiếu của Võ Vương phế ông Chưởng Vũ (cha của vua Gia Long) để lập cháu ngoại là Nguyễn Phúc Thuần là con út của Võ Vương mới 12 tuổi lên nối nghiệp Vương. Trương Phúc Loan được tôn làm Quốc Phó, chuyên quyền, gian ác, tham lam, bắt dân nộp sưu thuế nặng nề. Nạn mua quan bán tước, nạn "loạn tiền kẽm" càng làm dân gian khổ sở, oán giận.

Khi quân của Trịnh chiếm được Phú Xuân, Trương Phúc Loan bị bắt đem nộp. Còn chúa Nguyễn Phúc Thuần với cháu là Nguyễn Phúc Ánh chạy vào Gia Định, nhường cho Nguyễn Phúc Dương là con ông anh lên làm chúa thứ 10 ở lại Phú Xuân. Năm 1776, Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương bị lọt vào tay quân Tây Sơn, nhưng sau lẻn trốn được vào Gia Định với Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Ánh, để rồi cả hai chúa đều bị quân Tây Sơn bắt được và đem giết chết vào năm 1777. Chỉ còn ông Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát, lo tìm cách thâu phục lại giang sơn chúa Nguyễn.

Sau 24 năm cầm cự chống đánh quân Tây Sơn lúc được lúc thua cho đến khi vua Tây Sơn Nguyễn Huệ chết năm 1792 thì ông Nguyễn Phúc Ánh bắt đầu thắng thế.

Năm 1801, chúa Nguyễn Phúc Ánh mang quân đánh chiếm thành Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản trốn chạy ra Bắc rồi bị dân bắt đem nộp cho chúa Nguyễn và bị xử tử.

Năm 1802, chúa Nguyễn lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Gia Long. Vua chỉnh đốn việc nước hoàn tất, định lại thuế khóa và cho mở sở đúc tiền. Tiền cũ của vua Lê vẫn được lưu hành, nhưng tiền Tây Sơn Thông Bửu, Cảnh Thịnh Thông Bửu gọi là tiền Ngụy được lệnh thâu hồi để nấu ra, đúc lại thành tiền Gia Long Thông Bửu.

Tiền Gia Long Thông Bửu bằng đồng có in chữ lục phân và còn có một loại in chữ thất phân nữa. Năm 1823 vua cho đúc tiền kẽm cũng lấy hiệu Gia Long Thông Bửu. Năm 1814, vua cho đúc tiền đồng lục phân thêm nhưng bắt chước tiền nhà Thanh bên Tàu có pha thêm các chất khác (đồng đỏ 500 cân, kẽm 415 cân, chì 65 cân, thiếc 20 cân). Một quan tiền đồng Gia Long Thông Bửu cân nặng từ 1 kílô 20 đến 1 kílô 25. Trong khi ấy ở thị trường còn có thứ tiền của các con buôn Ma Cao đúc xấu hơn, nhẹ hơn cũng được mang vào nước.

Vua Gia Long cũng cho đúc vàng thoi, bạc thoi, có ghi giá 1 quan, 2 quan, 5 quan, 1 lượng vàng, 10 lượng vàng. Một lượng bạc ăn 28 quan tiền điếu và ăn 2 quan 8 tiền đồng (một lượng vàng ăn 16 lượng bạc).

Khi vua Minh Mạng nối nghiệp vua Gia Long liền cho đúc một số loại tiền đồng lớn gọi là Gia Long Thông Bửu với mục đích nêu cao công đức của vua cha. Tiền này được chia cho các tỉnh giữ, để lưu dấu đến ngày sau.

Vua Minh Mạng cho đúc Minh Mạng Thông Bửu đại đồng tiền, mỗi đồng nặng 5 tiền, giá trị bằng 60 đồng điếu loại 6 phân.

Các thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đều có cho đúc thứ tiền đồng ăn 6 đồng kẽm mang niên hiệu Minh Mạng Thông Bảo, Thiệu Trị Thông Bảo, Tự Đức Thông Bảo. Ngoài ra, ba triều vua đều có cho đúc vàng thoi, vàng nén, bạc thoi, bạc nén và lại còn có những loại tiền tròn bằng vàng, bạc, đồng đỏ được đúc ra dùng để ban thưởng, có in những chữ có tính cách văn hóa giáo dục như: Nhân nghĩa, Trung hiếu, Thuận thảo, hay những lời chúc tụng: Đa Nam, Phú Quý, Tam Đa, Ngũ Phúc, những hình nhật nguyệt, tinh tú, đất trời, v.v... cùng những câu thơ câu văn hay. Những loại tiền ấy được xem như gia bảo, được giữ gìn quý báu vì giá trị kim loại và nhất là giá trị tinh thần. Gia đình nào có phước lộc được vua ban những đồng tiền thưởng ấy thì lấy làm vinh hạnh vô cùng.

Đời vua Tự Đức, giặc giã đã nhiều mà nạn đúc tiền giả gia tăng gấp bội. Để yên lòng

dân, vua ra lệnh thâu hồi tiền giả, lấy tiền từ trong kho nhà nước ra đổi, nhưng sau phải đình lại vì đổi như thế vẫn không chấm dứt được, mặc dầu với tội lưu hành tiền giả, các con buôn bị hình phạt rất nặng. Có đến bốn người Trung Hoa bị xử tử vì buôn tiền giả mà vẫn không bài trừ được nạn tiền giả.

Sau này khi vua Tự Đức đã băng hà, ông Nguyễn Văn Tường làm phụ chính còn cho phép người Trung Hoa đúc một thứ tiền mỏng rất xấu mà vẫn lấy hiệu Tự Đức Thông Bảo mang từ bên Tàu qua. Tiền này bị dân gian đặt tên là "Tiền Sểnh", đúc xấu đến nỗi còn tệ hơn cả tiền giả đúc trộm!

Các đời vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc quá ngắn nên không kịp đúc tiền. Vua Hàm Nghi, tuy trị vì không được bao lâu đã phải chạy trốn, ẩn nấp mà vẫn có một loại tiền mang tên Hàm Nghi Thông Bửu rất hiếm quý.

Các đời vua Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại đều có các loại Thông Bửu mang niên hiệu của các vua đang trị vì.

Năm 1885, khi quân Pháp đánh chiếm kinh đô Huế, quan quân Pháp vào thành hôi của cải các dinh thự rồi chiếm kho tàng trong Cấm Thành đầy vàng thoi, bạc nén, bọc tròn kim tiền, kim khánh, các phẩm vật quý giá vô số kể. Sau họ còn chiếm được 140 thùng tiền bạc, của cải do ông Tôn Thất Thuyết cho chở chạy vào Tân Sở ở Quảng Trị rồi bị tịch thu.

Một số được Pháp lưu trữ làm mẫu, còn thì cho vào lò nấy chảy ra được 1.078.204 kilô vàng và chừng 14 tấn bạc, chưa kể những vụ hôi của, cất giấu riêng tư các phẩm vật quý giá.

Vua Đồng Khánh được Pháp mời lên ngôi Hoàng đế mà của kho mất hết. Nắm trọn kinh tế tài chánh, ngân hàng Đông Dương do tài phiệt Pháp quản trị, cho in bạc giấy và đúc nhiều loại bạc tròn, thứ nhỏ là bạc hào, xu đồng. Tất cả chở từ Pháp qua. Từ đấy, tiền, vàng, bạc, đồng của nước ta bị thu hồi dần dần. Nhưng ở miền Trung và miền Bắc, tiền giấy, tiền hào xu của Pháp vẫn được tiêu song song với các loại tiền Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại.

Những đồng tiền, đồng trinh mang niên hiệu vua bảo Đại không còn đúc ra nữa sau khi vua Bảo Đại thoái vị để nhường quyền cho Việt Minh năm 1945.

Ngày nay những loại tiền đồng, tiền trinh còn lưu lại nơi những nhà sưu tầm tiền xưa. Các viện bảo tàng bên Pháp, bên Anh, v.v.. cũng còn lưu trữ được một số tiền đồng, tiền trinh của xứ ta thời trước.

Văn minh tiến những bước dài, từ lúc biết dùng tiền bằng sò ốc đến tiền giấy rồi ngân phiếu, tính cũng đã ba bốn nghìn năm. Ngày nay nhờ tiền giấy vừa nhẹ nhàng vừa tiện lợi nên được lưu hành khắp nơi trong thế giới.

Đồng tiền tròn có lỗ vuông để xâu và để tượng trưng cho trời tròn đất vuông, được thịnh hành trong nước ta hằng 10 thế kỷ, rồi đột biến vào những năm 40, 50 để lại bao kỷ niệm vui buồn. Các bạn trẻ sau này sẽ rất tò mò muốn biết đồng tiền của xứ ta như thế nào mà có những câu dễ thương như:

"Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền..."

Hay những câu thật thú vị:

"Một quan là sáu trăm đồng
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi
Chồng tôi cưỡi ngựa vinh quy
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường.."

Lệ Vân

Tài liệu tham khảo và lược khảo:
1. La sapèque Vienamienne face aux monnaies étrangère — Luận án tiến sĩ của Bửu Sao 1992.
2. Tiền tệ Việt Nam theo dòng lịch sử. Tập I - 1995.
3. Collections monetaires de Francois Thierry — Archives Affaires Étrangères M.D Asie 45, 46, 47 - 1885 - France.
4. Huế xưa và nay (Hội Sử Học Thừa Thiên) - số 6 (1994).

■

Mắm Huế

Trần Kiêm Đoàn

Viết tặng cuộc họp mặt Thân Hữu Quốc Học Đồng Khánh, Hè 97.

— Mẹ, con want some mắm, please.

Thằng Bờm 8 tuổi, sinh ra và lớn lên tại Mỹ nói với mẹ bằng một thứ tiếng "xôi đậu — Mỹ Việt đề huề" như thế đó.

Tôi ngồi ăn cơm khách với người bạn học cùng lớp Đệ Thất 1, trường Hàm Nghi hơn 40 năm về trước, trong khi mẹ Bờm tìm trong tủ lạnh thẩu mắm của người bạn quê Thuận An mới cho tuần trước. Bờm ăn mắm với cơm cay xuýt xoa một cách ngon lành, rồi nói nhỏ nhẻ:

— Mắm sounds like Mom, mẹ hí! (Mắm nói nghe giống như mom, mẹ hí!)

Gặp bạn cũ lâu ngày trên đất khách nói chuyện huyên thuyên "mi, tau" sướng quá tưởng quên mất chuyện mắm ruốc quê nhà, nào ngờ thằng bạn đã lên chức ông ngoại của tôi bỗng sáng mắt, lên tiếng phản đối:

— Trời ơi! Có mắm cá cơm dưa Thuận An mà lơ anh em đành đoạn rứa hè!?

Vừa nói, nó vừa nhào qua gắp mắm trực tiếp bỏ vào chén cơm, và, nhai ngấu nghiến, chẳng nói chẳng rằng, đôi mắt lim dim thưởng thức như bợm ghiền gặp thuốc.

Nó xua tay như đuổi tà khi chúng tôi khẩn khoản mời nhấm thêm chút thức ăn trên những dĩa đồ ăn ê hề thịt cá đã được chuẩn bị để đón khách quý từ cả tuần lễ trước. Nhìn ông bạn quý mồ hôi nhễ nhại vì cay, đơm cơm lia chia, tay múa thế liên hoàn giữa nồi cơm và thẩu mắm, ít nhất cũng hơn một lần nới lỏng dây nịt thắt lưng... mà thấy thân thương biết mấy và nhớ bâng khuâng mắm ruốc quê nhà.

Vật lộn xong gần nửa thẩu mắm, ông khách quý phát biểu một cách thật thà nhưng gợi hình không thể tả:

— Mắm ngon "sút quần" bây ơi!

Dường như cảm thấy chia xẻ tâm tình chưa đã, ông bạn còn xoay qua phía Thằng Bờm:

— Nè Bờm, rứa con có biết "ngon sút quần" là chi không?

Thấy thằng nhỏ trơ mắt nai nhìn ngơ ngác, ông bác thông thái liền phụ đề Anh ngữ Giao Chỉ làm cho thẩu mắm trên bàn cũng rung rinh muốn cười:

— Hey, it's yummy "mắm" makes me loose my pants, you know?! (Nè, tại mắm ngon quá làm bác sút quần đó, biết không?)

Thằng nhỏ lắc đầu cười đáp lại và hô lên câu khẩu hiệu của cả nhà tôi:

- Nói tiếng Việt! Everybody should nói tiếng Việt!

Vừa hô khẩu hiệu, Bờm vừa lỉnh ra ngoài trong khi ông bác ba trợn còn cười toe sảng khoái, âu yếm nói với theo:

— Cha mày, bộ tưởng bác mày nói tiếng "Xì Banh Nít" chắc!

Bầu không khí như trầm hẳn lại khi tôi thấy viền mắt của người bạn cũ long lanh, ửng đỏ. Mắt anh cay vì mắm Thuận An nhiều ớt hay tại lòng anh đã chín vàng tâm sự? Anh chia xẻ nỗi lòng:

— Tau qua đây từ 75. Hai vợ chồng đi cày, gởi con vào nhà trẻ Mỹ. Nhìn con mỗi ngày một Mỹ hóa và câm dần tiếng Việt, lo thì có lo nhưng mỗi ngày vợ chồng tau tự an ủi nhau "Thôi, ráng để cuối tuần rồi dạy tiếng Việt, nấu đồ ăn mắm ruốc cho mấy con ăn". Nhưng hơn 20 năm rồi mà cái "cuối tuần" đầy

hứa hẹn đó vẫn chưa đến. Chừ thì muộn rồi. Nghe mấy cháu đây còn nói được tiếng Việt, còn thích ăn mắm ruốc; nghĩ tới mấy cháu của tau chỉ thích ăn pizza, hamburger, chê cơm, chê mắm, suốt ngày "du, mi" toàn tiếng Mỹ mà tau thấy buồn chi lạ!

*

Thuở đó trên quê hương...

Khi tôi mới lớn thì đã có những ghè mắm, lu ruốc bao quanh tôi như con sông Bồ uốn khúc bao quanh phía Đông của làng Liễu Hạ. Tôi ăn mắm và thở quen hương mắm tự nhiên như ăn cơm gạo mới và thở không khí ruộng đồng ngây ngấy mùi rơm, mùi tót.

Không biết mắm đã có tự bao giờ trên quê hương tôi, có lẽ là lâu lắm.

Tôi cũng giống như chín mươi phần trăm những đứa trẻ Việt Nam sinh vào giữa thập niên 40, sinh ra và lớn lên trong những vùng quê "Xôi Đậu": Ngày Bảo Vệ, đêm Việt Minh! Thế giới trẻ thơ đã mất dần những tiếng hát ca dao ngọt ngào để thay vào bằng những khúc hát lổn chổn súng gươm và xám ngắt hận thù.

Ký ức trẻ thơ của tôi sẽ không bao giờ phai mờ hình ảnh của đêm trăng sáng Việt Minh về đánh đồn Bảo Vệ. Đám trẻ chúng tôi vừa chơi "đạp mạng" với mấy chú Bảo Vệ hồi chiều trên ruộng lúa tháng Ba vừa mới gặt, vui quá! Trời vừa chạng vạng, mấy chú Bảo Vệ đã về hết trong đồn; mấy chú Việt Minh ở đâu đã mang súng đạn ba-lô hiện ra ở đầu xóm. Đám nhỏ chúng tôi lại quây quần chờ nghe kể chuyện "chiến khu", nhưng hôm nay như có gì khác lạ, chẳng ai buồn để ý đến bọn nhỏ láu táu, chực toét miệng cười đưa những hàm răng sún ngây ngô. Giữa đêm, mẹ tôi kéo tôi xuống hầm một cách hoảng hốt. Tôi còn ngái ngủ nhưng vẫn nghe tiếng súng nổ ran, rồi tiếng mọt-chê, lựu đạn nổ phía đồn Bảo Vệ cạnh đình làng. Tôi tỉnh ngủ, nằm nghiêng, nhìn ngọn đèn dầu lù mù, soi chếch những chùm rễ chuối mọc xuyên qua vách hầm ẩm ướt. Tôi chưa hình dung nổi những chú Bảo Vệ và những chú Việt Minh đang chơi trò gì giữa đêm trăng rằm tháng Ba đầu mùa gặt, đáng lẽ vào đêm trăng sáng đầu mùa như thế nầy, cả nhà phải ở trần, ngồi quanh cái "nốn" tròn phơi lúa để ăn cơm gạo mới, với mắm cà kho ớt ướp... Tiếng chó sủa và cây đèn cạn dầu phụt tắt làm tôi nhớ bến Dấu Hàn, nhớ trăng, nhớ trò chơi hồi chiều còn bỏ dở của chú Cà Bảo Vệ; nhớ chuyện chiến khu có con vượn biết hò ru con của chú Dưa Việt Minh kể còn dang dở...

Sáng sớm tôi trốn mẹ chạy ra đồn Bảo Vệ. Từ xa tôi đã nghe tiếng khóc gào thảm thiết của dì Thiệu ở phe Đông. Dì là người "có tay" làm mắm ngon nhất xứ. Mẹ tôi thường chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng và nhờ dì Thiệu "nhận mắm" vào ghè. Mắm cà dì Thiệu được ưa chuộng vì lát cà chín mà trong, con mắm trắng hồng và nước mắm vàng nâu sóng sánh. Tôi chạy trong hơi sương mùa xuân còn lành lạnh, đến gần dì Thiệu đang vật vã khóc. Bỗng người tôi cứng lại, trước khi kịp co giò chạy lui về con đường cái. Tôi thấy rõ ràng là xác của chú Cà, chú Dưa con trai của dì Thiệu nằm đó. Chú Dưa nằm vắt trên bờ cỏ tranh, mo cơm bới và gói mắm cà nhuộm máu lả tả bên đường. Không lâu sau đó, dì Thiệu đã trở thành mụ điên thường lúp cái khăn trầu đỏ trên đầu, chạy lúp xúp trên đường quan với tiếng kêu thương buồn xé ruột: "Dưa ơi! Cà ơi! Răng bỏ mạ mà đi, mạ mần mắm cho ai ăn chừ... ?!" Từ ấy, như Tử Kỳ chết, Bá Nha đã ném đàn không gảy nữa, dì Thiệu đã mất trí, mất luôn tay "nhận mắm" tài hoa không còn ai thay thế được. Cũng từ đó, tôi không bao giờ còn được ăn lại những lát mắm cà "ngon quên no" của một thời thơ dại.

Hàng năm, Xuân Thu nhị kỳ, hầu như gia đình nào ở những vùng nông thôn như quê tôi cũng có cúng đất để tạ ơn thổ thần. Trong những món ăn chủ lực bày cúng không thiếu được có món mắm nêm và rau luộc. Mắm nêm phải là mắm nguyên chất, không pha chế và rau phải là những đọt non của rau khoai, khi luộc chín vẫn còn giữ được màu xanh tươi. Theo thầy Thái người làng

Thanh Lương, một vị thầy cúng được ưa chuộng nhất vùng thời bấy giờ vì có đạo đức và sở học, thì mắm nêm và rau luộc là để cúng cho thổ thần Hời, đó là những vị khai canh, khai khẩn người Chiêm Thành. Như vậy phải chăng mắm nêm Huế có gốc gác từ thuở hai châu Ô và Rí còn thuộc về Chiêm Thành?

Lần đầu tiên tôi cảm nhận được rằng, mắm ruốc là một đặc sản của quê mình khi tôi vào học trường Bồ Đề Đà Nẵng bị tụi nhỏ cùng lớp gốc người Quảng Nam chọc là "dân mắm ruốc", "dân trèo đèo". Thì ra, còn có những người ở trên hay ở ngoài mắm ruốc! Cho đến khi sinh sống trên một đất nước hoàn toàn không có mắm ruốc như Mỹ, tôi lại lẩn thẩn tự hỏi: "Tại sao người Mỹ cũng khoái thực phẩm lên men đáo để như mì chua, phó mát, yogurt, pickle... mà lại không thích mắm hè? Hay vì họ chưa được 'khai hóa'?"

Khi nói về mắm ruốc, những người phương Tây và nhiều người Việt theo "Tây" học thường có sự lầm lẫn giữa thức ăn thối rữa (rotten food) và thức ăn lên men (fermented food). Mắm là một loại thức ăn lên men chứ hoàn toàn không phải là một loại thức ăn thối rữa.

Tuy rằng trên thế giới cũng có những nhóm dân tộc cố tình để cho cá thịt thành ươn (chứ chưa thối) rồi mới ăn. Tất nhiên họ có lối sống và cách giải thích riêng của họ. Như một tác giả rất điệu nghệ về ăn, Henley Mc Kenry đã cất công đi thám hiểm bộ lạc Botuum vùng Trung Phi, để được nghe giải thích về thức ăn "ươn" (slightly spoiled) của họ rằng: "Con voi, con hổ... chết, nhưng từng thớ thịt còn tươi chưa chết nên còn run rẩy chống lại sự hủy diệt. Ăn thịt tươi vào không tốt vì những kháng tố vô hình của thịt chưa thuần và tìm cách chống lại cơ thể con người. Những kháng tố nầy sẽ làm cho con người bị khó tiêu, dễ mắc bệnh và sinh ra tính tình hung dữ..." (A Review of the Strange Recipes; NY;95). Hèn chi mấy o học trò Đồng Khánh ăn mắm Huế hơi mặn miệng nên, trên nguyên tắc, hiền như "ma... xơ"!

Bác sĩ Lê Văn Lân, một tay chuyên khảo về ăn cự phách không thua gì đốc tờ McKenry, đã cho rằng: "... *xứng đáng gọi là mắm phải là những thứ thủy sản ướp muối lâu ngày rồi để cho thiên nhiên tác dụng một cách kỳ bí bằng sự lên men.*" (Bút Khảo Về Ăn; tr.51)

Cái hấp dẫn của khái niệm này có lẽ nằm ở chỗ "thiên nhiên tác dụng một cách kỳ bí" nhưng lại chưa thám hiểm hết khu rừng thâm u của mắm Huế, vì mắm Huế không chỉ là thủy sản mà còn là những thứ nông sản và thổ sản như mắm dưa, mắm cà ngon "sút quần" nữa chứ.

Mắm có lẽ bắt nguồn từ khái niệm "cá không ăn muối cá ươn..." Muối là một hóa chất có tuổi ngang tầm với lịch sử của con người. Muối với hai chất chính, sodium và chlorine, là một chất khử trùng, một vị thuốc chữa bá bệnh lâu đời ở các vùng quê như đỏ mắt thì điểm nước muối; u đầu, trầy da thì bóp muối; đau bụng thì "chờm" muối; đau răng thì súc miệng với muối... Nồng độ và tính chất của muối biển thường quyết định cho phẩm chất hải sản nơi đó. Như quanh các vùng biển ở Huế thì cá và mực Mỹ Am là được ưa chuộng nhất, "cá Mỹ Am, cam Mỹ Á". Người ta tin rằng nồng độ nước biển ngoài khơi cửa Tư Hiền "cao" hơn nơi khác, nên cá mắm cũng ngon hơn (?).

Có dịp tiếp xúc với các dân tộc Á Châu khác nhau mới thấy việc làm mắm là một phản ứng tự nhiên để sinh tồn. Như các bộ lạc người thượng ở Việt Nam, hay các dân tộc sinh sống tại vùng miền núi thượng Lào như người H'mong, Miên, Lào thì cách giữ đồ ăn phổ biến nhất của họ là xông khói thịt rừng cho đến khô quắt mới đem lên treo ở giàn bếp để dành. Cách cất giữ thức ăn nầy rất giống với hình thức "smoked" của dân Âu Tây. Dân miền biển và đồng bằng thì giữ đồ ăn bằng hình thức ướp muối (salting), ướp đường (sugaring), ướp giấm (pickling) và ướp mắm (fermenting).

Hình thức ướp muối và ướp mắm rất gần nhau. Tuy nhiên, ướp muối thì chỉ là một hình thức đơn giản bằng

cách dùng muối để giữ cho thức ăn khỏi bị sự xâm lăng của các loại vi khuẩn hoại thể trong không khí, trong khi ướp mắm cũng là một hình thức nhằm giữ đồ ăn cho lâu dài kết hợp với nhiều hình thức "mắm hóa" như ướp, trộn, tăng cường thêm các loại gia vị, cây trái làm cho thức ăn không phải là "muối" mà là "mắm". Như cà muối khác với mắm cà; dưa muối khác với mắm dưa; cá nục muối khác với mắm nục.

*

Mùa Thu năm 1982, ghe tôi tấp vào đảo Hải Nam sau những đêm ngày vật lộn kinh hoàng với mặt trời tháng Bảy và sóng gió biển Nam Hải cấp 5, cấp 6. Cái khát cháy đỏ cả từng tế bào và chân tóc, cộng với cơn "say đất" lồng lộn của người đi biển vừa bước lên bờ đã vật chúng tôi nằm quặn mình trên bãi cát. Không biết bao lâu, tôi bò được qua đồi thông và lê gót vào khu nhà ở. Những ngôi nhà lá nhỏ như chòi giữ vịt vắng người. Tôi gục mặt vào lu nước đầy cung-quăng và uống... uống mê man bốc khói đến ớn lạnh. Bỗng tôi đủ tỉnh để đối diện với sự kinh hoàng của ảo giác là thuyền đã bị trôi ngược, tấp về lại Việt Nam bởi vì tôi nghe mùi mắm quen thuộc quá. Đúng rồi! Mùi mắm nồng nồng, mằn mặn làm tôi nhớ những chén cơm đầu mùa thơm phưng phức và những trái ớt xanh quệt mắm, cắn cái bụp, dòn tan, ăn cho đến khi buông đũa còn thèm... Nỗi sợ hãi và mơ mộng biến thành sự câm nín liều lĩnh của kẻ cùng đường khi toán dân quân du kích đầu tiên xuất hiện nói tiếng Tàu xí xố. Đây không phải là quê hương tôi. Đây là nước Tàu. Mặc dù "...nước non sông núi đã chia; phong tục Bắc Nam cũng khác", nhưng những con mắm trên quê tôi hay quê người có thể là từ "triệu trứng, triệu con" vừa mới chia tay nhau từ những quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên biển Đông, rồi bị ngư phủ của Việt, của Tàu bắt về làm mắm!

Thế rồi, từ phía bên nầy trời quê hương, tôi lại nghĩ về một "Huế thơ Huế mộng, Huế tộng bộng hai đầu". Huế "đèn nhà ai nấy rạng", nhưng Huế cũng "trong nhà chưa rõ, ngoài ngõ đã hay". Huế có bốn cửa thành và hào sâu bao bọc; bốn phía đều có núi cao, biển rộng sông dài ngăn những bước tiến "rừng tàn núi lở" nhưng Huế lại mềm lòng, khe khẽ "dạ!" để làm nhũn những bước chân hào hoa của mấy anh học trò trong Quảng ra thi!

Huế trở thành tộng bộng vì Huế được nghĩ đến một cách sương khói và diễm ảo như nàng thơ. Nghĩ về món ăn Huế thì chỉ toàn món "ăn chơi" như bánh bèo, bánh nậm, bánh canh, bún bò, chè hột sen, nem chả... trong khi Huế có những món "ăn thiệt" như mắm ruốc thì lại bị lãng quên, chắc vì ngại nếu đem mắm Huế vào thơ sẽ thiếu lá me bay trên con đường tình sử!

Có những thi nhân xứ Huế, cả một đời say ngất ngưởng men thơ như Kiêm Thêm, người đã ăn hết bao nhiêu lu mắm cà làng Liễu Hạ và bao nhiêu là hũ mắm nục cửa Trài; đã có những bài thơ ruột đau chín chìu cho quê hương và những bài thơ tình lãng đãng mùi hương rêu phong của Huế, rứa mà vẫn chưa làm nổi một bài thơ nào về mắm Huế!

Phải chi con đường Chương Dương của Huế sẽ được cải tên là "con đường Mắm Ruốc" như những con đường mang tên Kim Chee ở Đại Hàn, Teriyaki ở Nhật hay Yogurt ở Mỹ vốn là những vị ăn lên men như mắm muối tương cà.

Có đi đây đó quanh nước mình và xứ người mới thấy Huế xứng đáng là quê hương mắm ruốc.

Chợ Đông Ba từ ngày "đem ra ngoài giại" cho đến nay thì đã có cả một dãy hàng mắm đủ loại, đủ mùi, đủ vị dọc đường Chương Dương. Hàng mắm cũng lên màu rực rỡ với những con mắm to nhỏ đủ loại có cả màu đen, màu trắng, màu xám, màu xanh, màu đỏ, màu ngà... điểm những trái ớt đỏ chói và thính bắp vàng hươm. Đó đây, những miếng cà, những lát dưa màu cổ đồng vừa bắt mắt, vừa bắt mũi làm cho khách nghĩ đến những chén cơm nóng hít hà mà khó ngăn được suối nước bọt sẵn sàng nhỏ ra từ kẽ răng.

Ra khỏi thành phố Huế, đi về những vùng quê, tới những quán hàng xén đầu làng và vào những buổi chợ trưa, chợ chiều, chợ phiên làng xã... khách sẽ thấy không nơi nào vắng mặt các quán hàng mắm ruốc.

- ***Quanh năm, mùa nào mắm đó.***

Vào tiết Đông Xuân có mắm cá nục, mắm cá chuồn, mắm cá thu, mắm cá ngừ, mắm tép chua...

Tiết Xuân Hạ có mắm dưa, mắm cà, mắm rò...

Tiết Thu Đông có mắm cá cơm, mắm cá "tủ" (nhiều loại cá vụn đánh bắt bằng loại vó có lưới dày gọi là tủ, sau mỗi trận lụt), mắm cá bối, mắm thính cá lụt.

Các loại mắm tứ thời, mùa nào cũng có là tôm chua, ruốc, mắm nêm, mắm sò. Mắm sò chính hiệu làm với sò huyết Lăng Cô là bắt miệng và bắt mắt nhất, nhưng mắm sò làm với các loại sò biển khác hay hến nghêu, hến bự cũng có mùi vị độc đáo thơm ngon riêng của nó.

Mạng lưới mắm được cất giữ trong những cái lu, cái chum, cái hũ, cái thạp (khạp), cái vịm, cái tĩn... bằng sành hay bằng đất nung là những chiếc tủ lạnh khổng lồ truyền thống của dân ta. Khi được mùa, cá tôm bắt được trong đầm, dưới ao, giữa phá, trên sông, ngoài biển... được làm mắm để dự phòng thức ăn tươi trong những khi trái gió trở trời, trên mưa dưới lụt, mùa đông tháng giá. Mắm không những chỉ là thức "ăn thiệt" để giúp dân nghèo "có mắm có ruốc mới rồi bữa cơm" mà còn được biến thành những món ăn ngon mà giới trưởng giả giàu sang và hàng vua chúa đều khoái khẩu, ưa chuộng.

Theo Hoàng Dạ Lê thì *"Từ chỗ chỉ một thứ mắm nêm, ngày nay Huế phát triển hàng chục loại mắm, mỗi thứ có một mùi vị riêng biệt."*

Mắm Huế có thể chia ra làm 3 vị: Mặn, chua, ngọt và 3 vùng: Mắm nước mặn (mắm biển), mắm nước lợ (mắm phá, mắm đầm) và mắm nước ngọt (mắm sông, mắm đồng)

- ***Mắm Huế bình dân***

Mắm Huế cổ xưa và bình dân nhất là mắm nêm. Mắm nêm có thể làm bằng các thứ cá: Cá cơm thang, cá nục nhỏ và cá me. Những người Huế vùng quê thường ăn mắm nêm ròng có trộn thêm ớt tươi, ớt bột, chanh, đường, tỏi với dưa, vả hoặc cà tươi. Mắm nêm chế biến sẽ thành loại "nước chấm độc chiêu" như Hoàng Dạ Lê diễn tả bắt thèm: *"Mắm nêm sau khi chế biến là thứ nước chấm 'độc chiêu' của rau muống, rau dại vùng Huế, mua được rau muống Cầu Ngói, Tịnh Tâm, cửa Trài càng ngon"*. Cái mùi mắm ruốc nồng nàn của mắm nêm không thể thiếu được trong những nồi canh mít tươi nấu lá lốt, canh môn, canh chột nưa truyền thống. Thịt bò tái, bò nhúng mà thiếu nước chấm mắm nêm cũng khó "đượm" như pha trà bằng nước nguội. Mắm nêm cũng là linh hồn cho cả hương lẫn vị trong các món bún mắm nêm ở Huế và món bánh hỏi thịt ba chỉ mắm nêm ở Đà Nẵng. ở Mỹ cũng có mắm nêm chai Phú Quốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Thái Lan... nhưng "cái mùi nồng mặn quá" trong *Tiếng Sóng* của Tế Hanh làm sao giống "hương đại dương" trong *Ngư Ông và Biển Cả* của Hemingway được.

Tôm chua cũng là một loại mắm nhưng người Huế không ai dùng tiếng "mắm" đi kèm với tôm chua. Cả ba miền Bắc, Trung, Nam đều có món tôm chua, nhưng tôm chua đặc sản của Huế vẫn thường được ưa chuộng nhất vì mùi tôm pha riềng tỏi phảng phất nhẹ nhàng và hương vị ngọt thanh rất tự nhiên. Tôm chua ăn với thịt heo ba chỉ kèm dưa giá mới có đủ hương vị tuyệt vời, hoặc cần cho vị giác "mát" hơn một chút, người ta ăn thêm với dưa leo, rau thơm và xà lách.

Mắm cà cũng là một trong những loại mắm bình dân thông dụng nhất của Huế. Cuối mùa Xuân, những vườn cà đã hết "nụ tầm Xuân" với những cây cà chĩu nặng những trái cà xanh, cà trắng lớn bằng nắm tay hay vườn cà pháo trái tròn như mắt trâu. Vườn cà vùng đồng ruộng trùng với mùa cá cơm, cá nục con vùng biển chờ những tay làm mắm "tài tử" hay nhà nghề "nhận mắm" cà để làm thức ăn "đưa cơm mặn miệng" quanh năm. Lát cà mắm điển hình của Huế trông đầy đặn có vẻ như còn tươi mặc dầu cà đã hút hết những tinh chất của mắm cá, ruột và vỏ cà vẫn dính chặt liền lặn với nhau, cắn vẫn dòn như khi vừa mới hái. Mắm cà thường được ăn dưới ba hình thức thông dụng là mắm cà tươi, mắm cà hấp và mắm cà kho. Tôi vẫn thích nhất là mắm cà kho với ruốc và ớt ướp. Mùa Đông trời lạnh, ăn lát mắm cà kho, quệt tí ruốc đầu múi đũa và cắn miếng ớt ướp thơm ngầy ngậy, đầu lưỡi nóng lên, sưởi ấm bởi men cay, lùa miếng cơm nóng vào miệng, cơm quyện với mắm thật thơm ngon như hạt ngọc của trời.

Mẹ tôi thường khuyên: "Một chén cà, ba chén thuốc", không nên ăn mắm cà quá nhiều. Có người lại cho rằng: "Một chén cà, bằng ba chén thuốc", ăn mắm cà rất tốt! Xin nhường lại sự phán đoán chính xác cho các vị thầy thuốc và các nhà khoa học. Riêng thực khách nòi mắm ruốc như tôi thì xin vái "trời kêu ai nấy dạ", chứ làm sao mà quay mặt làm ngơ cho được trước tiếng gọi thân thương và mãnh liệt của "má... cằm"!

Ruốc! Có chuyện một cô dâu Bắc và bà mẹ chồng Huế đã dở khóc dở cười vì ruốc. Bà mẹ chồng sai cô dâu mới đi mua ruốc để cố truyền nghề nấu nướng, chế biến các thức ăn từ ruốc. Cô dâu đã bê về một giỏ thịt heo chỉ vì "ruốc" của miền Bắc là thịt lợn nạc xé thành sợi rất nhỏ, còn gọi là thịt chà bông; trong khi "ruốc" Huế là một loại mắm làm bằng "con khuyếc" (Xứ Bắc gọi là con ruốc). Con khuyếc hay con ruốc nói chung là loại tép biển được hong phơi khô ráo, giã nhuyễn để làm thành ruốc. Ruốc chính gốc Huế màu nâu tím, sền sệt, vị ngọt hải sản thiên nhiên và nặng mùi nước mắm gọi là "ruốc biển". Ruốc nhập từ các nơi khác vào, khô, ít nhuyễn và kém vị ngọt hơn gọi là "ruốc xải hay ruốc ký lô". Mắm ruốc của miền Bắc và miền Nam tương tự như mắm khuyếc hay mắm tép chua của Huế.

Ruốc là "cây đàn muôn điệu" trong các thức ăn hàng ngày của Huế. Ruốc tươi trộn với chanh, tỏi, ớt, đường ăn với dưa, vả, cà, khế là món ăn cây nhà lá vườn, gần như lúc nào và nhà nào ở Huế cũng sẵn sàng. Các loại canh, cá kho, bún bò, cơm hến... mà thiếu ruốc là sẽ nhạt thếch như có đôi mắt đẹp mà thiếu nét duyên dáng của tâm hồn. Những món giấm nuốt tươi chấm ruốc; hay dồi trường, môi mếp bò chấm ruốc... thuộc vào loại "ngọt như đường cát, mát như đường phèn, ho hen ăn cũng hết" của Huế.

Người xưa đã có kẻ thích "giang sơn một gánh giữa đồng, thuyền quyên ứ hự anh hùng nhớ chăng...", thích gá nghĩa với gái quê mộc mạc hơn là cưới khuê nữ trướng rủ màn che. Cũng thế, so với mắm quý tộc, mắm bình dân vẫn có cái mặn mà hấp dẫn riêng của nó. Thử làm món trứng mắm bằng cách tìm cá nục thính, vằm nhuyễn, đánh tan lòng trứng vịt cỏ, nêm đủ thứ gia vị như tiêu, hành, nước mắm, ớt, tỏi, bột ngọt, đường rồi đem hấp trong nồi cơm vừa mới cạn, hay chưng cách thủy. Mắm kẹp với vả, khế, dưa, cà, rau thơm, cải cay hay xà lách... bảo đảm ăn xong còn nán lại vì bụng no nhưng miệng vẫn còn thèm. Món mắm cá chuồn kho với thịt heo ba chỉ, điểm cà chua, gia thêm ớt trái, gia vị, đường thắng... chắc chắn vừa ăn vừa tiếc hùi hụi vì cái bụng mình còn... nhỏ quá! Món rau sống thịt heo phay cặp đôi đẹp như mơ với hầu hết các loại mắm, có lẽ vì thịt heo phay mang tính Tiên Dung và mắm mang tính Chữ Đồng Tử nên có sẵn một sức hút tiền định tuyệt vời!

- ***Mắm Huế quý tộc***

Người dân chân đất của Huế cũng có cùng bản chất

"cục chắm hòn" như những người dân quê Việt Nam khác. Thật ra cái "đài" của Huế phát xuất tự cung đình và được giới quý tộc, trưởng giả... cũ và mới sử dụng trong cách sống, trong cách nói, trong cách ăn, uống, tiêu khiển như một phương tiện trang sức đầy tính chất cường điệu và tranh đua. Mắm Huế cũng như hầu hết các món ăn nổi tiếng của Huế, không thoát khỏi sự thay hình đổi dạng rất tự nhiên của người áo vải hôm trước, hôm sau thi đỗ ông nghè xênh xang áo gấm về làng. "Nghè" là cái mái che cạnh cung vua mà những người thi đình để lấy tiến sĩ ngồi dưới đó để thi nên người đậu tiến sĩ ngày xưa còn được gọi là "ông nghè". Mắm ruốc bình dân qua tay quý tộc rồi, thường cũng trở thành "mắm nghè" mặc áo gấm mà về lại với dân gian.

Cuốn sách nghệ thuật nấu ăn quý tộc đầu tiên của Việt Nam là cuốn *Thực Phổ Bách Thiên*, dạy cách làm 100 món ăn quý tộc nhất. Tác giả là bà Trương Thị Bích, nàng dâu tài hoa và hiền thục nổi tiếng một thời của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (Văn như Siêu Quát vô tiền Hán — Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường). Bà đã dạy về cách làm các loại mắm đặc biệt như: Mắm cá đối, mắm thính cá dìa, mắm cá ngừ bột, mắm cá ngừ ruột, mắm cà pháo cá ngừ, mắm nêm canh, mắm nem, mắm kho giả rươi, mắm gạch cua, mắm ruốc khuyết. Cách làm những loại mắm quý tộc nầy hết sức nhiêu khê, đòi hỏi sự cẩn trọng và tỉ mỉ không thua gì làm những tác phẩm nghệ thuật. Chi phí và công sức bỏ vào có khi còn nhiều hơn những món sơn hào hải vị.

Chỉ riêng một món "mắm cà pháo cá ngừ" thôi cũng đủ nói lên cái "trạng dàng trời" của mắm Huế.

Năm 1960, trong dịp quốc vương và hoàng hậu Thái

MƯA TRÊN PHỐ VẮNG

Mưa
mưa rơi
đường trơn phố ướt
mưa rơi
đẫm cả khung trời
Hàng cây trơ xương
sướt mướt
bên đường
Phố vắng
người thưa
dòng xe ngược xuôi thầm lặng
về đâu
Mùa vẫn còn thu
mà gió hắt hiu từng nỗi lạnh
như buốt giá mùa đông
Mưa rơi
ướt nhòe mái phố
rưng rưng nỗi nhớ
thương về
phố cũ hè xưa
rêu phong lũy thành điện cổ
cúi đầu ôm quá khứ
ấp ủ
kỷ niệm vàng son
Mưa rơi dưới trời viễn xứ
an lành ru giấc mộng ngày đêm
Mưa bên này
gợi về bên ấy
bao niềm
Cách nửa vòng trái đất
trời quê bão lụt triền miên
Ôi huế
quê cha
đất mẹ
với đàn con trôi giạt bốn phương
niềm thương nỗi nhớ trong lòng
Mưa
mưa rơi
trên phố vắng
mịt mùng
Quê hương vời vợi
tâm tư vọng hoài không tới
dòng mưa se sắt
như những dòng nước mắt
không cùng.

THÙY VIỆT LÂN

Lan chính thức viếng thăm cố đô Huế, để có món ăn đặc sản địa phương thết đãi quốc khách, ông Ngô Đình Cẩn, cố vấn chỉ đạo miền Trung thời bấy giờ đã chuẩn bị hết sức chu đáo. Trong bữa đại tiệc đó có 10 món ăn đặc biệt của Huế được chế biến từ mắm ruốc mà nổi bật nhất là món mắm cà pháo cá ngừ do bà Hà Thị Đa ở Tây Lộc làm. Việc đặt món mắm độc đáo nầy phải thực hiện trước gần nửa năm để cho người phụ trách có đủ thời gian chuẩn bị. Đây là sự kết hợp rất công phu giữa cà pháo muối và cá ngừ:

Trước hết là việc chuẩn bị mắm cá ngừ. Cá ngừ tươi vừa mới bắt chỉ lấy bộ ruột và mang. Cả hai thứ đều được chắt lọc rất công phu và làm sạch chi li từng bộ phận nhỏ. Tất cả được rửa sạch lần cuối cùng và để ráo nước, rồi trộn muối và xóc đều. Muốn ăn nhanh thì cho non muối (tỷ lệ 6 cá 1 muối) và ăn châm thì cho già muối (tỷ lệ 4 cá 1 muối). Hỗn hợp cá muối được cho vào thẩu, ép chặt, đậy kỹ và đem phơi nắng liên tục trong vòng 15 ngày. Nắng phải là "nắng đầu hồi" nghĩa là nắng đầu sân dọi gián tiếp đầu hiên nhà. Khi mắm bắt đầu chín với hiện tượng sủi bọt đầu tiên là khi chuẩn bị cà.

Cà phải là cà pháo trắng "bánh tẻ" (vừa lứa, không già không non). Mỗi trái cà đều phải giữ nguyên cuống, nhưng cuống phải tách vỏ xanh, chỉ còn giữ phần lõi trắng để trái cà pháo nho nhỏ nhìn vừa tinh khiết, vừa thanh lịch.

Bước kế tiếp là dầm cà với nước muối bão hòa trong một đêm, sáng hôm sau xả lại với nước trong, để ráo nước. Sau đó cà được đem ra phơi với "nắng đầu hiên" là nắng không trực tiếp nhằm giữ cho trái cà khô nhưng không được teo nên khi trộn vào trong mắm cà còn giữ được tính chất vừa dòn vừa dai.

Sau cùng cà đem trộn chung với mắm và nêm thêm gia vị gồm có riềng, tỏi, ớt xay mịn cùng với chút ít nước đường phèn thắng, làm cho vị mặn của mắm trở thành dịu hơn. Tập hợp cà, mắm gia vị được đem phơi nắng liên tiếp từ 15 đến 20 ngày là ăn được. Trái cà lúc này đã hấp thụ trọn vẹn tinh chất của mắm và gia vị nên khi dọn khách thì chỉ dọn trái cà mà không phụ thêm mắm hay nước.

Theo nhà thơ Phạm Nhã Uyên, hiện đang định cư tại thành phố Stockton, Hoa Kỳ thì lời khen ngợi nhiệt tình của quốc vương và hoàng hậu Thái Lan về món mắm cà nầy đã mang đến kết quả là thân mẫu anh, chính là cụ bà Hà Thị Đa, được một số tiền thưởng của chính phủ "đủ xây dựng được một cái nhà bếp".

Vụ đãi mắm Huế cho quốc vương Thái đã tạo ra một giai thoại về chính trị ngoại giao. Nguyên là sau khi vua Thái về nước, tờ báo The Bangkok Times thời bấy giờ đã tường thuật lại rằng: *"In Hue City, at the banquet, our king really enjoyed the wonderful Mans of Hue which were served in the colorful small china disks..."* (Tại bữa tiệc ở thành phố Huế, đức vua đã thưởng thức một cách ngon lành các món Mắm Huế được bày biện trong những dĩa sành nhỏ đủ màu sắc xinh xinh...) Thật ra là tay phóng viên nhà báo muốn nói đến "Mam of Hue" (Mắm Huế) chứ không phải Man of Hue (Người đàn ông xứ Huế) nhưng đã in sai phụ âm cuối "m" của chữ mắm thành ra chữ "n". Sau đó có tin đồn là giới thân cận của cụ cố vấn đã đua nhau thông dịch "Mans of Hue" thành ra "Các ngài ở Huế". Như thế hóa ra là các ngài ở Huế đã được bày trong các dĩa nhỏ xinh xinh. Ôi! Các ngài ở Huế thật là quá đỗi nên thơ một cách ly kỳ như như những con... mắm nhỏ!

*

Nhớ mắm, tôi thường nghĩ đến truyện ngắn *Rừng Mắm* tuyệt tác của nhà văn Bình Nguyên Lộc. Cây mắm mọc ở vùng sình lầy nước mặn, hút chất muối trong đất. Rừng mắm tiền phong sẽ là rừng ổi, rừng xoài mai hậu. Cũng theo nhà văn Bình nguyên Lộc thì ăn mắm là đặc tính của các giống dân gốc Mã Lai. Bởi vậy tôi không hề có ảo tưởng rằng, mắm là đặc tính độc đáo của riêng Huế. Sự độc đáo của mắm nằm ở chỗ cách chế biến của từng vùng. Như miền Nam có đủ loại mắm như mắm thái, mắm cá thu,

mắm cá linh, mắm sặc, mắm cá lóc, mắm cá trèn, mắm cá thác lác (phác lác), mắm ba khía, mắm tép, mắm trê, mắm ruột... nhưng phải là "tay chơi" mới được nếm tới mắm chuột, mắm rùa, mắm rắn hổ, mắm cẳng ếch... vì cách chế biến các loại mắm sau nầy đòi hỏi phải có một "nội lực mắm" rất thâm hậu mới làm được.

Có người đã theo "đường bay của mắm" đi từ Nam ra Bắc mà thưởng thức những mùi vị tuyệt thú của lẩu mắm Hộ Phòng trên đường Sài Gòn — Cà Mâu, mắm thái Châu Đốc, mắm "dà" rau miền Tây đồng bằng sông Cửu Long. Rồi lần ra Trung để tìm cho được mắm ruột cá của bà con vùng Phú Yên — Khánh Hòa; mắm cá thu vùng Phan Thiết; mắm mực, mắm thơm, mắm cá chuồn thính vùng xứ Quảng; và đừng quên mắm Huế trước khi thẳng ra Bắc để tìm tới hương vị mặn mà của mắm cáy, mắm rươi, mắm ruốc...

Cái ăn và phong cách ăn cũng giữ một vai trò quan trọng trong văn hóa của một dân tộc. Sống trên đất Mỹ gần 15 năm, tôi có dịp thưởng thức và được mở rộng tầm hiểu biết về nhiều món ăn tiêu biểu của các dân tộc, từ thịt nướng kiểu Thành Cát Tư Hãn (Mongolian Barbecue), thịt cừu quay kiểu sa mạc Ba Tư (Kabob) đến mắm hóc "ná thở" của người H'mong. Đó là những hương vị văn hóa riêng của từng nhóm dân tộc chỉ có thể có sự kế thừa chứ không thể nào thay thế được.

Đôi khi đi qua những khu chung cư của những người Mỹ đen, viếng những vùng Mỹ trắng, tạt qua những con đường toàn người Mễ Tây Cơ, đi vào vùng Miên Lào, trở về với cộng đồng người Việt, tôi đã khám phá ra những mùi khác nhau từ cách sống mà đậm đà nhất là từ thức ăn. Tôi tạm gọi đó là "mùi văn hóa" (Cultural smell). Và từ đó, tôi sợ nói ra sẽ có người "ngầy", nhưng tôi vẫn cứ lẩm cẩm suy nghĩ lan man rằng, mùi văn hóa của Huế là mùi mắm. Có những nhà nghệ sĩ phương xa lại ca tụng những gót sen của cô gái Huế bước qua hồn thơ hàng thế kỷ vẫn còn thoang thoảng trầm hương. Tôi vẫn cứng đầu ngoái lại: "Mùi mắm không phải là trầm hương của gừng cay muối mặn quyện với mùi nắng, mùi mưa, mùi tay mẹ chất chiu và mùi sông hồ biển cả sao?!". Nếu giữa thế giới ta bà nầy mà chỉ cần có một người tâm đắc với một người thì đã là hạnh phúc lắm rồi. Tôi có thể cô độc nhưng không cô đơn vì ít ra cũng đã có một người muôn năm cũ trong ca dao đã ngẩn ngơ như tôi về hương mắm Huế:

Mắm ni ăn ngậm mà nghe,
Ngẩn ngơ chi rứa ngó quê
lắm chàng!

✍ ***Trần Kiêm Đoàn***
Sacramento, Cali Hè 97

*

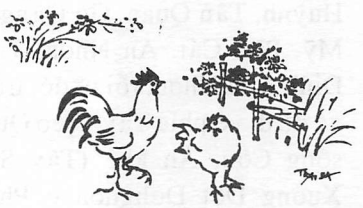

Đón đọc:

Chuyện Khảo Về Huế

của **Trần Kiêm Đoàn**

Tựa: Lê Văn Lân — Bìa: Đinh Cường
Phụ Bản: Tôn Thất Văn, Đinh Cường, Thái Bá, Thanh Trí.
Sách dày 250 trang. Làng Thủ Đô Cali xuất bản.
Ấn phí $10.
Đọc Chuyện Khảo về Huế là du lịch vào thế giới của Cơm Hến, Bún Bò, Ngủ Đò, Mắm Ruốc; là nhớ lại Tản Cư, Hồi Cư... hiền như Tâm Huế.

Xin liên lạc: Báo Làng Thủ Đô Cali
Địa chỉ: 6171 Stockton Blvd, Suite 180. Sacramento CA 95824. Tel. (916) 393-4500

TÔNG TÍCH VÀ GIA THẾ NHÀ TÂY SƠN

✍ *Hương-Giang THÁI VĂN KIỂM*

* I. Địa Linh Nhân Kiệt

Một thời thơ ấu xa xưa, nhằm lúc thanh bình trước khi xảy ra những biến cố lớn lao với hai trận Thế chiến, tôi đã được may mắn theo cha đi xe đò từ Đức Phổ (Quảng Ngãi) vào Bình Định, ngang qua Sa Huỳnh, Tân Quan, Gò Găng, Sông Lại, Phù Mỹ, Phú Cát, An Nhơn, Tuy Phước, Bình Định, Qui Nhơn, rồi từ đó, trở ngược lại thuê xe đò đi về phía Tây, theo Quốc lộ 19, lên tới sông Côn, An khê (Tây Sơn) xuyên qua Xưởng Dệt Delignon ở Phú Phong, nghe tiếng máy chạy của hàng trăm máy dệt tinh xảo với mấy trăm thợ dệt ngày đêm cần cù làm việc, cung cấp lụa là vải bố cho dân chúng Bình Phú, Khánh Thuận, còn dư thì đưa vào Nam và đưa ra thấu Huế cung cấp cho giới trung lưu.

Thời đó, trong giới dân giã, nơi đồng ruộng và trên xe đò, thường nghe hát ca dao:

Nón ngựa Gò Găng,
Tơ lụa Phú Phong,
Bún Song Thằng An Thái,
Đậu ngự Nhơn Ngãi,
Dừa trái Tân Quan,
Xoài Tượng Hưng Long,
Mặc ai mơ táo ước hồng,
Tình quê em giữ vững lòng trước sau.

Tiếng hát quê mùa tròn ấm của cô gái Bình Định, vọng lên từ đồng quê cho tới phố phường đông đúc, xe pháo tấp nập, bán buôn hàng hóa đủ các thứ, chứng tỏ rõ ràng Bình Định là một địa phương siêng năng và trù phú.

Đó chỉ là một nhận xét phiến diện, là vì ngoài sự cần mẫn trong thớ thịt và huyết quản, dân Bình Định cũng tỏ ra rất xuất sắc trong tâm tình và lý trí, trong nhiều lãnh vực khác: như là thi văn, học thuật, mỹ thuật, văn nghệ, võ thuật, hát bội... thì không nơi nào bằng, kể từ khi Đào Duy Từ (1572-1634) vượt sông Gianh tiến về Nam, truyền bá **Hát Tuồng** và **Võ Nghệ**, hai môn pháp thuật cổ truyền phát xuất từ Đàng Ngoài, được Đào Quốc Công và Chúa Sãi chung sức phát triển tại Đàng Trong, nhằm chế ngự những tham vọng của Chúa Trịnh ở phương Bắc.

Những lúc trăng lên trên vườn dừa, cô gái Bình Định cũng cảm thấy dào dạt tâm tình, đón gió hiu hiu từ Đại dương thổi lại, xuyên qua những lá dừa ngửa nghiêng với nhạc đệm, bèn thốt lên những lời ca trữ tình rất lãng mạn:

Dưới vườn dừa lưa thưa trăng rọi,
Mảnh chắp mảnh rời, em lặn lội trong trăng,
Lội trong trăng, em băng qua cồn cát,
Xào xạc bụi bờ, man mác sương sa,
Sương sa cho tới sương tan,
Tình nồng nghĩa nặng em càng thương anh...

Trên kia, có nhắc tên một con sông tên *Lại* mà sách Đại Nam Nhất Thống Chí ghi là *Lại Giang*, hàm ý sông này có nhiều con *Rái* bơi lội kiếm ăn quanh năm. Con Rái là một giống vật mà người xưa cho là linh thiêng, vì thấy nó

ưa lạy, lúc tìm bắt được mồi cá, mang lên bờ sông, đặt cá trước mặt, vái lạy (bái lại) rồi mới chịu ăn, như để tỏ lòng biết ơn Trời Đất đã đoái thương nó, đã tận tình giúp nó kiếm ra món ăn, nhất là nhằm lúc cơ hàn, mùa đông giá rét.

Cho nên, sách xưa gọi giống Rái là *Tế vật thú*, con thú biết Tế Trời với con vật đã bắt được. Cũng có sách gọi là *Lại tế ngư*, con Rái biết tế lạy con Cá trước khi ăn, như là muốn xin lỗi nó vậy. Sách xưa cũng ghi rằng thuở trước, người đi săn bắn trong rừng, trên sông và dọc theo bờ biển mà gặp phải trường hợp này, thì dù cho gặp mùa đông giá rét, thiếu ăn, càng cảm thấy xúc động trong lòng, bèn thu xếp cung tên, quay lưng đi nơi khác, dù cho bụng đói, cũng cam tâm tha sống cho một sinh vật đang ở trong cơn ngặt nghèo! Người mà biết cư xử với loài vật như thế, với đức Nhân (.....) toàn vẹn, mới là xứng danh: *Nhân ư vạn vật chi linh!* Có làm được một cử chỉ như thế thì con người mới xứng đáng đứng trên mọi loài vật trên đời này.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Bình Định: *"Sông Lại Giang, cũng gọi là Lại Dương, ở phía nam lị sở phủ Hoài Nhân, rộng 84 trượng, sông sâu nước trong, có hai nguồn: một nguồn từ núi sách Man thuộc nguồn Trà Bình về phía tây bắc huyện Bồng Sơn, chảy về phía nam qua thủ sở bến Đốc Chính, đến thôn Thanh Lương, chuyển sang phía đông đến bến Trường Tân (tục gọi là bến Đồng Dài, rộng hơn 20 trượng), ở đây có đồn thủ Trường Tân, có khe núi từ phía tây nam chảy vào, lại chảy về phía đông đến bến thôn Phú Văn: một nguồn từ khe núi trong sách Man về phía Tây Nam huyện, chảy qua thôn Hội Đăng, các núi Tổng Vinh, Lỗ Đố và đồn thủ Đình Chỉ cũ, đến thôn Nhân Sơn, đến đây có nguồn Hạ Lí, Húc Tắc ở thôn Nghĩa Điền phía nam ven núi chảy vào (tục gọi là Nước họp), lại chảy đến thôn Hương Sơn, đến đây có đồn thủ Thượng Lí, Ô Kim, thuộc thôn Nghĩa Điền, nước khe núi chảy qua thôn Bình Sơn, cùng nước Kim Sơn, Phú Hữu chảy từ phía đông hợp vào, lại chảy qua bến Đồng Khế thuộc thôn Hội Tỉnh, đến thôn Tân Thịnh, thì có nước khe núi Mạn Lăng (giáp địa giới huyện Phù Mỹ) chảy vào, lại chảy qua bến Mộc Bài, rồi ngoặc về phía đông qua bến Lại Dương thuộc thôn Trung An, thì chia thành hai nhánh: một nhánh chảy về phía đông bắc 10 dặm qua địa phận thôn An Thái, lại chảy 6 dặm đến bến Tân Quan, làm sông Tân Quan, lại chảy 9 dặm rồi đổ vào cửa biển Kim Bồng, một nhánh chảy về phía đông, qua bến Lại Dương làm sông Lại Dương, rồi đổ vào cửa biển An Dụ. Năm Tự Đức thứ 3 (1850), liệt vào hàng sông lớn, chép trong điển thờ. Lại xét: sông Tân Quan từ thôn An Thái (trước là An Quang) trở xuống, nay bồi đắp thành ruộng, chỉ còn đường cũ phỏng một trượng, nước sâu chừng một thước mà thôi, từ chợ Lộ Ân trở xuống sâu hơn.*

Thế là đất nước Việt Nam ta hình dáng như một *con Rồng vĩ đại đang uốn mình hai ngoai trên bán đảo Đông Dương*, phía Tây trùng điệp núi non hiểm trở với dãy Trường Sơn hùng vĩ và phía Đông là Nam Hải tiếp nối Thái Bình Dương sóng dậy vang lừng với cá côn cá kình vẫy vùng trong bể lớn. Còn phía giữa, từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau, là 75 triệu dân Lạc-Việt chung sống với 61 sắc tộc, Kinh Thượng đề huề, trường kỳ Nam tiến, gặp lúc sơn hà nguy biến lúc nào cũng có anh hùng hào kiệt phất cờ gióng trống, giữ vững biên cương.

Chính là trong khung cảnh **địa linh nhân kiệt** ấy mà dân tộc ta trong cảnh loạn ly, tam liệt ngũ phân, đã phát sinh ra, dù trong một thời gian ngắn, một kỳ Tướng NGUYỄN HUỆ danh bất hư truyền.

Hơn một trăm năm sau, 1886, phong trào Cần Vương, lại nổi dậy nơi đây, hòa đồng với toàn dân ba miền. Và chiến sĩ cách mạng **Mai Xuân Thưởng** (1860-1887) đã để lại bài thơ tràn đầy hùng khí:

Không tính làm chi cuộc mất còn,
Nợ trai trả đặng ấy là khôn,
Gió đưa hồn nghĩa gươm ba thước,
Đá tạc lòng trung núi mấy hòn.
Tái ngắt mặt gian xương tợ giá,
Đỏ lòa bìa sách máu là son.
Rồi đây ngọc luật đưa **Xuân** *lại,*
Một gốc **Mai** *già nảy rậm non.*

*** 2. Quê Hương và Gia Thế Tây Sơn**

Chúng ta có thể lấy cái năm 1558 là thuở *Chúa Tiên Nguyễn Hoàng* (1524-1613) rời bỏ đất Bắc để tránh né Chúa Trịnh, với một đoàn người tùy thuộc khá đông, tiến về Nam, vượt khỏi sông Gianh, để kiến lập một giang sơn mới, dưới sự điều khiển của chín (9) Chúa kế tiếp từ đó cho tới năm 1777 đánh dấu năm cuối cùng của Chúa Định Vương (1765-1777) thuộc nhà Nguyễn sơ, như là thời đại Nam Bắc phân tranh, cộng cả thảy là 219 năm.

Thêm vào thời kỳ phân tranh nói trên, có cuộc khởi binh của Nguyễn Nhạc từ năm 1771, và cuộc dấy nghiệp của nhà Nguyễn Tây Sơn (1788-1801), cộng là 14 năm xưng đế như câu sấm: *"Đầu cha lấy làm chân con: mười bốn năm tròn hết số thời thôi."* Chiết tự chữ Hán, chúng ta sẽ thấy trên đầu chữ **Quang** (Trung) (.....) và dưới chân chữ **Cảnh** (Thịnh) (.....) có chữ Tiểu (.....), có nghĩa là 'nhỏ bé và ngắn ngủi' (đoản mệnh).

Thời kỳ loạn lạc Nam Bắc phân tranh, vào giữa thế kỷ 17, quân *Nhà Nguyễn gốc Gia Miêu* (Thanh Hóa), vượt sông Gianh, tiến ra Nghệ An, chiếm 7 huyện. Sau đó, do sự tranh chấp giữa hai Tướng Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật, quân Nguyễn phải triệt thoái khỏi Nghệ An. Và họ mang theo một số tù binh và nông dân vào Nam, như một thứ chiến lợi phẩm, hoặc là một loại dân công cần thiết cho sự khai khẩn đất đai vùng Trung Nam.

Trong số người bị bắt buộc di dân ấy, thuộc huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) có ông Tổ bốn đời của Nguyễn Huệ, vốn họ Hồ. Vào năm 1786, **Nguyễn Huệ Ông Tướng Nhà Trời** (theo lời dân gian gọi thời đó, kể cả Người Tàu gọi ông là *'Thiên Tướng'*, còn người Chàm thì gọi tên *Poh Huệ*, tức là Vua Huệ), bèn dẫn quân ra xứ Nghệ, tìm kiếm cội nguồn gia tộc và nhận ra gia phả họ Hồ ở làng Thái Lão, huyện Hưng Nguyên làm đồng tộc, chọn Thái Lão làm Tổ quán. Ba năm sau, 1789, trong lúc tiến quân ra Bắc đánh Tàu, Nguyễn Huệ truyền lệnh cho dân làng Thái Lão tu tạo Tổ miếu để phụng tự. Như thế thì họ Hồ này rất có thể cùng họ với *Hồ Quí Ly* và con là *Hồ Hán Thương* của nhà Hồ (1400-1407), rồi trải qua nhiều biến cố lịch sử, con cháu đã di tản từ Bắc vào Nam. Ngoài ra, Hồ Quí Ly tự xưng là hậu duệ của vua *Đường Ngu* bên Tàu, cho nên mới đặt tên nước Nam là *Đại Ngu*.

Những người họ Hồ ấy đã do lệnh của chúa Nguyễn mà di cư vào miền Bình Phú, tức là vùng *Vijaya* và miền Khánh Thuận, tức là vùng *Kauthara-Panduranga*, trong đó thổ dân Chàm chia ra đại khái thành hai phe: *phe Dừa* và *phe Cau*. Phe Dừa ở phía Bắc, phe Cau ở phía Nam. Phe Dừa (Clan du Cocotier) khởi đầu từ Tân Quan (Bình Định) chạy vô tới Sông Cầu, còn phe Cau (Clan de l'Aréquier) bao gồm phần đất từ Ba Ngòi chạy vô thấu Phan Thiết. Dân ca còn ghi lại vài câu như:

Công đâu công uổng công thừa?
Hơi đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan! (1)

Đại ý người ta nói rằng dừa Tân Quan, Bình Định, nhiều vô số kể, hơi sức đâu mà tưới? Người ta cũng thừa biết rằng loài dừa tự nó mọc nhiều rễ sâu xuống đất, từ đó hút nước tự nuôi cho chóng lớn và vững vàng chống đỡ với nắng hạn gió mưa, bão táp khá nhiều dọc miền duyên hải.

Nói tới *Cau* thì tự nhiên dính với *Trầu*, vì theo cổ tích thì từ hòn đá vôi mọc lên cây Cau và từ gốc cây Cau mọc ra một dây Trầu yểu điệu, uyển chuyển, bò lên quấn quít thân Cau cho tới đọt, từ đọt ấy tỏa ra rất nhiều lá sum suê quây quần bên trên ngọn, như cái lọng che nắng đội mưa cho cả một gia đình tuy ba mà một!

Truyện Trầu Cau, do tình cờ của Lịch sử, mà sẽ dính với họ Hồ và đặc biệt là *Nguyễn Nhạc*, mà chúng ta sẽ nói sau. Bây giờ thì nói theo sử sách, *Hồ Phi Phúc* đã lấy vợ tên là *Nguyễn Thị Đồng* là người cùng xã Phú Lạc, cách xa với *Trang Trại Tây Sơn*, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Địa danh này là do vua Gia Long, sau khi dẹp xong Tây Sơn, mới đặt tên là *Bình Định*. Còn tên Qui Nhơn là phiên âm địa danh Chiêm-ngữ *Cri Viny*, còn lại địa

danh Chiêm-ngữ *Cri Bannoy* đã được Việt hóa thành *Trà Bàn*, hoặc *Chà Bàn*, rồi phiên âm ra Hán tự thành *Đồ Bàn*, là vì lầm lẫn hai chữ Trà (.....) và Đồ (.....) viết hơi giống nhau, chữ này hơn chữ kia một nét ngang mà thôi!

Tuy sống lâu năm ở nơi này mà Hồ Phi Phúc vẫn nhớ thương quê cha đất tổ là xứ Nghệ, cho nên lúc vợ ông sinh ra ba người con trai liên tiếp, ông đã có ý định đặt tên ba con với tên ba ngọn núi của xứ núi Hồng sông Lam, gọi là: *Đại Nhạc, Đại Huệ* và *Lữ Sơn*, với họ vợ mình, tức là *Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ* và *Nguyễn Lữ* là em út. Thế là trong số 99 ngọn Hồng Lĩnh, họ Hồ đã chọn 3 ngọn đặc sắc nhất để đặt tên cho 3 con trai nối dõi tông đường.

Theo Giáo sư Phan Huy Lê, từ "Ấp Tây Sơn thuộc 'Thượng Đạo' (đường đi xuyên Cao Nguyên), Hồ Phi Phúc đã dọn về quê vợ ở Phú Lạc, rồi lại dời sang Kiên Mỹ. Phú Lạc, Kiên Mỹ và Thuận Ngãi là ấp Kiên Thành xưa, nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Nghĩa Bình. Miền này ở phía dưới đèo An Khê và còn được gọi là *'Tây Sơn Hạ Đạo'*, tức là quê hương thứ hai trên đất Đàng Trong và là nơi sinh trưởng của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Dưới thời nhà Nguyễn, dân làng Kiên Mỹ vẫn bí mật thờ cúng ba lãnh tụ Tây Sơn. Gần đấy có bến *Trường Trầu* là nơi Biện Nhạc, vừa làm Biện lại lo việc Tuần tiểu (cảnh sát) canh phòng và thâu thuế cho Nhà Nước thuở đó, vừa buôn trầu nguồn xuôi ngược trên dòng sông Côn". Nơi đây còn truyền lại câu hò rất tình tứ giữa trai thanh gái lịch:

Cây me bến cũ trầu xưa,
Dẫu không nên tình nghĩa
Thì cũng đón đưa cho trọn tình!

Nói tới trầu mà không nhắc tới cau thì cũng không đủ, cho nên thời tiền chiến, lúc tôi theo cha tôi vào ấp Tây Sơn, thăm Cô ruột "lấy chồng Bình Định cho dài đường đi", làm Lãnh binh thành ấy, rồi về hưu, tôi đã ghi chép mấy câu hò dân dã rất ngộ nghĩnh như sau:

Trai hò:
Bánh cả mâm, sao em kêu rằng bánh ít?
Trầu cả chợ, sao em gọi là trầu không?
Trai nam nhi không đối đặng
Xin gai má hồng thử đối coi.

Cô nàng suy nghĩ hồi lâu, đành chịu bí, bèn nảy ra ý kiến hát một bài đố cũng rắc rối không kém, để thử tài trai:

Trái cau lửa, sao anh gọi là cau không nóng?
Tóc dợn sóng, sao mà sóng không trào?
Trai nam nhi mà đối đặng,
Gái má đào xin theo.

Lại thêm hai câu này nữa mô tả một vài khía cạnh đặc trưng xã hội thời xưa ấy, nhắc lại một trường hợp rất khó xử, mà rốt cuộc cũng tìm ra giải đáp ổn thỏa:

Mẹ ơi! Ông Chánh đòi hầu,
Ông Phó đòi vợ, biết nhận trau cầu tay ai?

Cả hai phía đều tranh giành như Sơn Tinh và Thủy Tinh đời thượng cổ. Cả hai đều có ưu điểm và khuyết điểm. Rốt cuộc Mẹ cô đã suy nghĩ và cân nhắc kỹ lưỡng về trường hợp gay cấn nầy, bèn khuyên Cô phải chịu uy thế mà nhận cau trầu làm hầu ông Chánh! Cô gái cưng của mẹ đã suốt đêm trằn trọc suy tư, nghĩ đi nghĩ lại nát óc, không tài nào ngủ được. Cô thao thức suốt đêm tới sáng, thấy mặt trời ló dạng qua song cửa sổ và các tàu lá cau run rẩy với ngọn gió đông. Cô bèn ngồi dậy, qua phòng bên kia gọi Mẹ:

Mẹ ơi! Ông Chánh đòi hầu,
Mua chanh chùm kết gội đầu cho trơn!

Cả ba anh em nhà Tây Sơn đều có vợ cả và nhiều vợ hầu. Riêng Nguyễn Nhạc có một bà vợ hầu gốc Thượng du Bà-Nà (Bahnar), còn Nguyễn Huệ làm vua, như chúng ta đều biết, ra Bắc Hà diệt Trịnh phò Lê, đã có cưới thêm bà vợ Bắc là *Công Chúa Ngọc Hân*, gái cưng của vua Lê Hiển Tông. Có người nói rằng gia đình Tây Sơn có tới bảy (7) anh chị em. Người

anh cả, mà phương Nam quen gọi là anh Hai, là Nguyễn Nhạc thì dân gọi là *Anh Hai Trầu*, tiếp theo là Nguyễn Huệ được dân gọi là *Chú Ba Thơm* (hoa huệ vốn là hoa thơm, như lời giải thích của Huệ với thầy Giáo Hiến), còn lại người thứ ba (út) thì được gọi là *Thầy Tư Lữ* là vì thời niên thiếu, Lữ có đi theo đạo sĩ học Lão giáo và phép tu luyện bí truyền.

Trong số mấy anh em, thì Nhạc hay chữ Nho nhất đám, viết chữ rất đẹp và uy dũng, xem người và chữ, biết là tay hảo hán, ưa chỉ huy và sắp đặt. Còn Nguyễn Huệ thì tướng mạo rất uy nghi, da mặt hơi mụn, tóc đen và hơi quăn, cặp mắt sáng ngời như tỏa điện quang, tiếng nói như sấm vang, thân hình vạm vỡ, da hơi ngâm, điển hình giống người Mường lạc đã hùng cứ miền Bắc Đông Dương, cũng như Đinh Tiên Hoàng, Lê Lợi, Mai Hắc Đế, Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm... đều là gốc Mường Lạc.

Bà vợ đầu tiên của Nguyễn Huệ tên là *Phạm Thị Liên* quê ở phủ Qui Nhơn, là anh em cùng cha khác mẹ với quan Thái Sư Bùi Đắc Tuyên và quan Hình Bộ Thượng Thư Bùi Văn Nhật trong thịnh thời Tây Sơn. Theo nhà biên khảo Đỗ Bảng đã căn cứ trên quyển *Tây Sơn Tiềm Long Lục* và quyển *Nhà Tây Sơn* (1988) của Thi-sĩ Quách Tấn (quê quán Bình Định) thì bà họ Phạm này, lên 16 tuổi, đã được Nguyễn Huệ chọn làm vợ. Năm 30 tuổi (1789) Bà được phong Chính Cung Hoàng Hậu. Như thế là Bà họ Phạm sinh vào khoảng 1759, tức là kém thua Nguyễn Huệ (Ba Thơm) phỏng chừng 6-7 tuổi.

Bà họ Phạm đã có với Huệ 5 con: 3 trai 2 gái. Ba trai là: *Quang Toản, Quang Bàn, Quang Thiệu.* Quang Toản được lập làm Thế Tử, người kế tục sự nghiệp hiển hách của vua Quang Trung, thì không được mấy xuất sắc. Bà họ Phạm mất ngày 29 tháng 3 và chôn ngày 25 tháng 6, năm 1791, mộ chôn dưới chân núi Kim Phụng, phía Tây cố đô Huế. Theo Giáo-sĩ Serard viết thơ ngày 30 tháng 4 năm 1791, còn tàng trữ nơi *Văn Khố hội Truyền Giáo Hải Ngoại*, tập Tonkin, AMEP, trang 1433, ở 128 rue du Bac, Paris Quận 7, thì dân Bắc Hà được lệnh cung tiến về Kinh Phú Xuân các thứ vải sáp, trầm hương, nhựa trám..., để chế thành chất 'mastic' thật tốt bền và khử trùng, ướp xác cho lâu bền.

Cũng do sự mất mát này mà vua Quang Trung, vì quá thương tiếc bà vợ thuở hàn vi tần tảo sớm hôm, lắm lúc sinh ra cuồng nộ, khiến cho một số giáo-sĩ Tây Phương lúc đó đang truyền đạo ở Phú Xuân rất lo sợ cho thân phận mình.

Thậm chí, vua Thái Đức Nguyễn Nhạc nghe tin nhầm em mình đau nặng đã mất, vì thiên hạ có nghe nhiều tiếng khóc từ trong cung cấm truyền ra ngoài, bèn cử đại binh ra với thâm ý thâu chiếm Phú Xuân, nhưng lúc gần tới nơi mới biết sự thật em mình vẫn còn sống, lại phải quay đầu về!

* 3. Quang Trung Nguyễn Huệ cưới Công chúa Ngọc Hân

Bảy năm sau, nhằm mùa hè năm 1786, sau khi đánh chiếm Phú Xuân, Nguyễn Huệ mang đại quân ra Bắc với danh nghĩa phò Lê diệt Trịnh và ông đã thực hiện nhanh chóng sứ mạng đó. Vua Lê Hiển Tông, sau 47 năm làm vua bù nhìn, đón nhận sự chiến thắng của Nguyễn Huệ một cách nửa mừng mà lại nửa lo. Đồng thời vua Lê đã phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên Soái Phù Chính Dực Vũ Uy Quốc Công.

Rồi qua trung gian của Nguyễn Hữu Chỉnh đã biết rằng vua Lê có tới sáu (6) người con gái, mà người xinh đẹp, đoan trang và học vấn đầy đủ nhất là Công Chúa Ngọc Hân, Quang Trung Nguyễn Huệ rất bằng lòng cưới Ngọc Hân, đưa về Huế sủng ái nồng nàn, chung sống với bà nhất họ Phạm cho tới năm 1791, tháng 6, lúc bà ta mãn phần. Hồi đó, Nguyễn Huệ được vua Lê trao cho Phủ lớn Tây Long gần Hồ Tây, và nơi đây sẽ là nơi hội tụ cho cặp uyên ương trai tài gái sắc.

Mấy hôm sau thì Nguyễn Huệ và Ngọc Hân bái từ vua Cha, và từ đó cuộc đời của một tiểu thư cành vàng lá ngọc đã gắn liền với sự nghiệp áo vải cờ đào của người anh hào tuấn kiệt xuất thân từ nơi dân dã. Sau khi Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, năm 1789, Công

Chúa Ngọc Hân được phong làm Bắc Cung Hoàng Hậu. Sau 6 năm hương lửa thì vua Quang Trung mất (16-9-1792), rồi 7 năm sau thì Bà cũng mất (1799), được vua con là Cảnh Thịnh truy tặng miếu hiệu *'Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu'*.

Thuở sinh tiền, Vũ Hoàng Hậu, mặc dầu sinh ra nơi điện ngọc đền vàng, lầu son gác tía, vẫn ghi nhớ lời mẹ dạy lúc nhón gót lên xe hoa để về Phủ Tây Long nơi Hà Thành ngàn năm văn vật:

Trai tay không cũng không nhờ vợ,
Gái chín đụn cũng phải nhờ chồng!

Ngọc Hân có hai con với Quang Trung: một trai và một gái. Chúng ta biết rằng: ngoài bài *Ai Tư Vãn*, một áng văn tuyệt tác của thời Tây Sơn, và bài *Văn Tế Vua Quang Trung*, cả hai bài đều thống thiết và xúc động tâm can, Ngọc Hân còn làm *Bài Biểu Chúc Thọ Vua Quang Trung* năm 40 tuổi, lúc đình thần bá quan văn võ tổ chức lễ Tứ Tuần Đại Khánh cho nhà Vua tại Phú Xuân vào năm 1792. Và đây là một mẫu văn trích bài Chúc Thọ bằng chữ Nôm:

'Nay gặp khánh tiết mừng tuổi thọ của Hoàng Đế, khúc nhạc than*h tương ưng luật hợp tiết, còn hoa đang độ, cây ngọc đưa hương, cây bích đào dâng quả trường sinh, trăng bạc ngả ánh trong hồ băng lại nở hoa buổi sáng.'*

'Mây mù sắc tía nồng đượm mà khuê phòng hương nức, khí lành sáng tỏ mà áo xiêm thêm sắc, kính cẩn dâng bài biểu chúc mừng.'

'Cúi nghĩ lấy khí lành làm điểm tốt, tưng bừng màu sắc con phụng con lân, đầy khắp thiên hạ về cõi hư không sao Dực sao Chẩn. Điện quế truyền hương, sân tiêu tràn điều mừng.'

'Kính nghĩ Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức hợp cả trời đất. Tuân mệnh Trời trừ gian diệt bạo, vũ công chấn động cả muôn phương, hùng khí Tây Sơn đã tạo nên sự nghiệp đế vương, ở cõi giao dã phía đông đã định xong qui mô của nước nhà. Mặt trời đỏ rạng mà nghiêm đáng sao Thọ tinh chiếu sáng mà thiên hạ đều cùng ngưỡng lên trông mong mường tựa sao Xu sao Bắc đầu điện vây, ánh sáng nổi lên chen mừng Vạn Thọ. Cửa Trời mây mở sắc trông thấu triệt mặt kính ngàn thu. Bốn mùa thường điều hòa khiến cái đức của vua đẹp như ngọc và sáng như đuốc, trong muôn năm mãi chiếc âu vàng.'

'Hạ thần đức thẹn với thơ Quan Thư, ngượng ngùng với Cựu Mộc. Trong nội thất theo hầu được ngồi cùng bên, với áo xiêm lộng lẫy.'

'Vái Bệ hạ mong tuổi tính bằng thiên niên kỷ, khởi đầu là một mùa xuân tám ngàn năm. Chốn nội đình kề sát nghe nhạc thiều, cầu mong phúc ấm Nước Nhà được vạn năm, vô hạn!'

Ngọc Hân kính bái

Ngoài ra, vua Lê Hiển Tông đã gả công chúa út là Ngọc Bình cho Nguyễn Quang Toản. Nhà Tây Sơn mất, Nguyễn Ánh đưa Ngọc Bình vào Huế làm Thứ phi, sau này sinh Quảng Oai Quận Công và Thường Tín Quận Công. Do đóa mà dân gian đã truyền câu ca dao:

Số đâu có số lạ lùng,
Con vua mà lấy hai chồng làm vua!

* 4. Những bà vợ khác của vua Quang Trung

Ngoài hai bà: Chính Cung Hoàng Hậu họ Phạm và Bắc Cung Hoàng Hậu họ Lê, người ta còn ghi trong sách sử ít nhất bốn (4) bà nữa mà chúng ta sẽ liệt kê sau đây:

- ***a) Một bà (không rõ họ gì?)***

Mẹ của Nguyễn Quang Thùy, lớn hơn Quang Toản (con bà họ Phạm), có tên trong danh sách Sứ bộ chúc Thọ bát tuần vua nhà Thanh năm 1790, khiến cho vua Càn Long tưởng là con trưởng của Quang Trung nên phong làm Thế tử, sau biết không phải lại phong cho Quang Toản.

- ***b) Bà Trần Thị Quỳ, người Quảng Nam.***

Theo bản gia phả họ Trần, mà tổ tiên xa xưa gốc Thăng Long, nam tiến thời nào không rõ, ông Thủy tổ tên Trần Công Phạp, định cư ở Quảng Nam, tới đời thứ 5 thì sinh ra ông Trần Công Thành. Ông này sinh được 7 người con: 4 trai 3 gái, trong đó có bà Trần Thị Quị là Quí phi triều Tây Sơn. Bản gia phả ghi *'Thứ phi Nguyễn Huệ — Quang Trung'*. Mộ bà còn trông thấy tại xóm Trà quân, làng Thanh Đông, có tấm bia đá khắc những dòng chữ:

'Nam cố
Đông châu tiên triều Hoàng hậu Thứ phi tự Quị, Trần tổ cô mộ, Mậu tuất hạ, nguyệt nhật kiệt.'

- ***c) Bà Phi họ Lê, người Quảng Ngãi***

Tông tích của bà Phi họ Lê như sau: bà là hậu duệ của 'Ngài thỉ tổ họ Lê, quán tỉnh Quảng Ngãi, huyện Mộ Đức, tổng Qui Đức, làng Bồ Đề. Ngài là công thần nhà Tây Sơn, chức Đô Đốc.'

'Ngài có bà chị (hay em) là vợ vua Quang Trung, có một con trai, sau khi vua Quang Trung băng rồi tự quân lớn lên làm Tướng tiếng tăm lừng lẫy trong thời bấy giờ. Nhưng vì vận Trời thay đổi nhà Tây Sơn phải đổ. Tự quân và ngài Thỉ tổ phải quyên sinh. Gặp cảnh tang thương nên con cháu phải lưu lạc ra tỉnh này (Quảng Trị) để lánh nạn, do đó phải đổi họ Lê ra họ Nguyễn.'

Làng Bồ Đề xưa kia là nơi phát xuất danh tướng Lê Văn Duyệt, nơi đây còn có đền thờ, hàng năm tế tự xuân thu nhị kỳ rất là trọng thể. Làng này kế cận Sông Vệ, hiện nay thuộc xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, xưa kia là Mộ hoa cho tới đời vua Minh Mạng thì đổi ra Mộ Đức vì kiêng cử tên bà vợ vua là *Hồ Thị Hoa*, ái nữ của ông Hồ Văn Vui (tự Bôi), coi tàu ngựa cho vua Gia Long ngày xưa. Họ Hồ quê quán làng Linh Chiểu Tây (Thủ Đức), bên đường đi lên Biên Hòa, có trồng nhiều cao-su, và bên trong làng, vẫn còn nhiều cổ mộ lăng tẩm và nhà thờ họ Hồ, tất cả đều được xếp hạng vào Sổ Tổng kê cổ tích Việt Nam.

- ***d) Bà Nguyễn Thị Bích, người Quảng Trị***

Bà Nguyễn Thị Bích quê quán làng Mỹ Chánh, tỉnh Quảng trị, nơi giáp giới với Thừa Thiên. Nơi đây có nhà ga và cầu xe lửa cùng tên và một cái chợ khá tấp nập và cũng gần quê mẹ của nhà thơ Nguyễn Thanh Tịnh, sinh ngày 12-12-1911 tại làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang, Thừa Thiên, và mất ngày 17-7-1988 tại Hà Nội, hưởng thọ 78 tuổi.

Thời Tiền Chiến, Thanh Tịnh lúc đó làm việc ở *Hội Thân Hữu Cố Đô Huế* (Société des Amis du Vieux Huế) có nói với chúng tôi rằng ông ta ưa thích quê mẹ Mỹ Lý đầm thắm bên sông Ô Lâu rất xinh đẹp, có dòng họ thân thích với Nhà Tây Sơn. Nay chúng tôi mới rõ theo *Tôn Phổ Nguyễn Tộc*, biên soạn lên tới đời thứ 15, rằng bà Nguyễn Thị Bích là con của: ông Nguyễn Văn Cẩn, Chánh Dinh cai hợp Diễn Phái Tử, sinh năm Nhâm Thìn, chết ngày 16 tháng 9 năm Tân Mão (1712-1771), và Bà Nguyễn Thị Ai, sinh năm Giáp Ngọ, chết ngày 28 tháng 1 năm Nhâm Thìn (1714-1772). Ông bà sinh được 16 người con: 7 trai và 9 gái, có người gái út tên là *Nguyễn Thị Bích*, gả cho Vua Quang Trung, được xuất đinh, xuất tịch từ đó. Bà chết ngày 10 tháng 9 năm ?, mộ phần được ông Đỗ tìm thấy ở Gò Thỏ, làng Vĩnh Ân (sau này đổi ra Vĩnh Long), tỉnh Bình Định, là tỉnh nhà quê hương của Tây Sơn.

Từ làng Mỹ Lý quê mẹ của Thanh Tịnh, trên sông Ô Lâu chảy về Phá Tam Giang, những chiếc đò dọc phải đi ngang qua và đậu lại giây lát nơi bến đò lịch sử chứa đựng biết bao tâm tình, mà dân gian quen gọi là *'Cây Đa Bến Cộ'* là nơi vọng lại những câu hò tình tự lưu luyến từ ngàn xưa:

Trăm năm vì lỗi hẹn hò,
Cây Đa Bến Cộ con đò khác đưa,
Cây Đa Bến Cộ còn lưa,
Con đò đã thác năm xưa tê rồi!

* 5. Những bí mật và nghi vấn về cái chết của Vua Quang Trung

Trong bài khảo luận nhỏ này, chúng tôi không nhắc lại công nghiệp hiển hách và

chiến công oanh liệt của Nguyễn Huệ Quang Trung mà người đương thời, kể cả người Tàu, ưa gọi là *Ông Tướng Nhà Trời*, tức là *Thiên Tướng*, vì lẽ sách sử Ta, Tàu và Tây đã viết nhiều quá rồi, hầu như không có gì để nói thêm.

Riêng về cái chết của Nguyễn Huệ năm 1792 lúc vừa tròn 40 tuổi, thì nên tìm hiểu thêm. Theo chính sử của nhà Nguyễn, do Quốc Sử Quán, Huế, biên soạn, trong một quyển riêng biệt, mang danh đề *'Ngụy Tây liệt truyện'* (quyển 30) trong bộ *'Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện'*, chúng ta được biết:

'Một hôm, về chiều Quang Trung đang ngồi, bỗng xây xẩm tối tăm, thấy một ông già đầu bạc từ trên trời xuống, mặc áo trắng, cầm gậy sắt, mắng rằng: 'Ông cha ngươi sống ở đất Chúa, đời đời làm dân của Chúa. Ngươi sao dám phạm tới lăng tẩm?

Rồi thình lình Quang Trung mê man ngã xuống, bất tỉnh nhân sự, lâu lắm. Lúc tỉnh dậy, nhà vua đem việc ấy nói với quan Trung Thư Trần Văn Kỷ.'

'Từ đó bệnh chuyển nặng, mới triệu quan Trấn thủ Nghệ An là Trần Quang Diệu về bàn bạc để dời đô ra đó. Thương nghị chưa xong thì vua Thế Tổ đã lấy lại Gia Định. Lại chiếm Bình Thuận, Bình Khang, Diên Khánh, thanh thế chấn động.'

'Quang Trung nghe được lo buồn, bệnh tình càng ngày càng thêm kịch liệt.'

Các sử gia nhà Nguyễn viết thêm: sở dĩ Quang Trung chết sớm và đột ngột như thế là vì ba lẽ:

1) Chiếm cứ đô thành Phú Xuân, xâm phạm lăng tẩm các chúa,

2) Bị tổ tiên các chúa trừng phạt mà lâm bệnh,

3) Bịnh kiệt liệt rồi chết, cũng vì do con cháu chúa (Nguyễn Ánh) dùng vũ lực để áp đảo trên các chiến trường.

Sử gia nhà Nguyễn gọi chứng bệnh xâm xoàng của Nguyễn Huệ là *Huyết vựng*. Ngày nay chúng ta có thể hiểu rằng đó là do *Áp huyết cao* làm cho xây xẩm mặt mày, ngã té như thể bị trúng gió nặng, có thể bất tỉnh, đứt mạch não, gây xuất huyết não, bán thân bất toại (hémiplégie), hoặc đứng tim mà chết.

Hình như chứng bịnh này đã phát hiện từ lâu, do những lo lắng về quốc sự, việc chinh chiến không ngừng giữa Tây Sơn và Chúa Nguyễn và với cả Nguyễn Nhạc nữa. Đúng là thời kỳ tam liệt ngũ phân của nước Nam ta.

Lại có giả thuyết về cái chết của Nguyễn Huệ là có thể do thân thuộc của Ngọc Hân từ ngoài Bắc vào tìm cách đầu độc vua Quang Trung, nhất là sau khi có những vận động bằng thơ văn chính thức của vua gởi sang Tàu cho vua Càn Long xin cưới hỏi Công chúa nhà Thanh và xin hoàn lại Lưỡng Quảng cho nước Nam ta, là vì xứ ấy xưa kia thuộc quyền Triệu Việt Vương, với quốc hiệu là Nam Việt.

Lại còn một giả thuyết thứ hai nữa là: năm 1789, khi Thành Lâm sứ giả được vua nhà Thanh cử sang Thăng Long trao sắc phong cho vua Quang Trung, Càn Long có tặng cho vua Quang Trung một chiếc áo màu có thêu kim tuyến bảy chữ: *Xa tâm chiếc trục đa điền thử*, không ai hiểu ý nghĩa của các đại tự trên chiếc áo đó. Cho đến năm 1792, khi vua Quang Trung chết, Càn Long có làm một bài thơ tặng, trong đó có câu thơ thứ bảy là: *Thất tự bất năng bãi ai thuật*, có nghĩa là: 'Bảy chữ không dứt được niềm xót xa của Trẫm'. Cũng không ai hiểu được 7 chữ gì đã gây ra niềm xót xa của Càn Long? và tại sao Càn Long cứ nhắc mãi chiếc áo?

Nhớ lại năm 1789, khi tặng áo, Càn Long có thơ trong đó có câu: *Phát dị Nam bang y dữ quan*, có nghĩa là: Mũ áo không khác gì người nước Nam.

Mãi về sau, có những nhà chiết tự mới đoán ra thâm ý của vua Càn Long đã dùng lời thơ mà nhắc khéo việc vua nước Nam khỏi phải cống hiến người vàng, từ trận Chi Lăng (1427) đời Lê đã giết hại Liễu Thăng, chưa nói chi tới việc nước Nam gởi người làm vua giả (Nguyễn Quang Hiền 1989, Phạm Công Trị 1790) sang Tàu yết kiến vua Càn Long mà vua Tàu tưởng thật, mà vẫn cung cấp mọi thứ tiện nghi và rất nhiều tặng phẩm cho Vua ta.

Sau cùng, có nhà chiết tự đã đoán ra ý nghĩa thâm sâu của 7 chữ trong câu *'Xa tâm chiết trục đa điền thử*, có nghĩa là: chữ *Xa* (Xe) và chữ *Tâm* (lòng) ghép lại trên dưới thành ra chữ *Huệ* (.....), *chiết trục* là gãy trục (xe nhà vua), còn ruộng thì nhiều chuột (*đa điền thử*), ý nói rằng: *Huệ gãy trục xe, sụp đổ trong năm Chuột*, tức là năm Nhâm Tí 1792. Theo *Tây Sơn Thực Lục*, Lê Quí Dật Sử và Phan Huy Ích trong bài thơ *'Thu phụng Quốc tang Cảm thuật'* đều ghi là ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Tuất (16-9-1792) là ngày qui tiên của Quang Trung Nguyễn Huệ.

Chúng ta không dám nghi vua Càn Long có bùa phép gì, nhưng rất có thể vua Càn Long, hoặc cận thần của ông, là một nhà thuật số, tiên tri giỏi, đã cảm hoài đoản mệnh của vua Quang Trung.

Paris (Chiêu Anh Các)
Nguyên-Đán Đinh Sửu 1997

Hương-Giang Thái Văn Kiểm

(1) Chính tên là Tân Quan (không phải Tam Quan) theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí (Tỉnh Bình Định)

*

Nỗi Nhớ Trong Đường Thi

HOÀNG HẠC LÂU

Hoàng Hạc Lâu

Hạc vàng mất dấu chim bay
Để lầu Hoàng hạc tháng ngày đợi mong
Chim bay tuyệt tích hư không
Ngàn năm mây trắng nối vòng từ sinh
Hán Dương soi bóng nước xanh
Cỏ thơm Anh vũ mông mênh chân trời
Hồn quê héo hắt chiều rơi
Buồn theo dòng nước tỏa hơi sương mờ

Hà Thúc Như Hỷ
(dịch)

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử đọa không dư Hoàng hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tai không du du
Tịch xuyên lịch lịch Hán dương thu
Phương thảo thê thê anh vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang chương xứ nhân sầu

Thôi Hiệu

Nỗi Nhớ Trong Đường Thi

TĂNG QUÊ NGƯỜI

Đầu giường lạnh ánh trăng soi
Bên thềm mây khóc chơi vơi hoang đường
Ngẩng nhìn trăng giữa trời sương
Cúi đầu lạnh nhớ cố hương muôn trùng

Hà Thúc Như Hỷ

TƯƠNG TƯ

Còn em hoa nở quanh vườn
Em đi để lại chiếu giường lạnh căm
Gối chăn nguyên chỗ em nằm
Ba sinh hương lửa còn cầm giữ hơi
Em đi đánh mất em rồi
Sao hương chẳng mất, còn hơi nhớ hoài
Tương tư theo lá vàng trôi
Trên nền rêu biếc sương rơi lạnh lùng

Hà Thúc Như Hỷ

TĨNH DẠ TỨ

Sáng tiền minh nguyệt quang
Nghi thị địa thương sương
Cữ đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương

Lý Bạch

NHỚ

Cô đơn đất khách quê người
Ngày xuân tủi phận trông vời cố hương
Bạn bè tản mất mười phương
Ngậm ngùi bao nỗi tang thương kiếp người

Hà Thúc Như Hỷ

KÝ VIỄN

Mỹ nhân tại thời hoa mãn đường
Mỹ nhân khứ hậu dư không sáng
Sáng trung tú bị quyển bất tẩm
Chí kim tam tải văn dư hương
Hương diệc cánh bất diệc
Nhân diệc cánh bất lai
Tương tư hoàng diệp lạc
Bạch lộ điểm thanh đài

Lý Bạch

CỬU NGUYỆT CỬU NHẬT ỨC SƠN ĐÔNG HUYNH ĐỆ

Độc tại dị hương vi dị khách
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân
Đao từ huynh đệ đăng cao xứ
Biến sáp thù du thiếu nhất thân

Vương Duy

LƯỢC KHẢO VỀ TẬP SAN "BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUẾ"

(TẬP SAN ĐÔ THÀNH HIẾU CỔ XÃ)

Nguyễnphúc Bửu-Tập

Kính tặng Anh Lâm Lễ Trinh, người "Huế gốc Nam", người không ngớt ưu tư về nước cũ, treo gương sáng cho đàn em chúng tôi.

NPBT

Kỷ niệm năm mươi năm ngày dành lại chủ quyền độc lập của quốc gia Ấn-độ (15 tháng Tám 1997), giáo sư Gokkhale thuộc Đại học New-Delhi phát biểu ý kiến là tội ác của người da trắng về mặt chính trị, kinh tế và xã hội trong hơn một thế kỷ áp đặt chế độ thực dân trên đất Á-châu là một vết dơ khó gột sạch trong lịch sử thế giới cận đại. Duy chỉ có phần nào họ gỡ được tội lỗi là họ đã đem phương pháp khoa học làm sống lại quá khứ huy hoàng của các dân tộc Á đông. Kết trình của công tác xây dựng này, Tây phương đã tìm phá đem trở lại ánh sáng một số cung điện, đền đài của Ấn-độ giáo, và một số tháp Phật tại Ấn-độ và Trung-hoa. Người Tây phương cũng đã dựng lên được một số cơ sở khảo cứu, một số viện bảo tàng, và ấn hành các tập san, tạp chí để nghiên cứu và phổ biến văn minh phương Đông.

Xét theo tiêu chuẩn trên để đánh giá chế độ thực dân Pháp trên bán đảo Đông dương thuộc Pháp, thì thành quả của người Pháp chắc chắn phải đứng rất thấp trong bảng sắp hạng. Sau tám mươi năm đô hộ Lào Mên Việt, Pháp đã để lại một hạ tầng cơ sở quá tàn tệ, làm miếng mồi lý tưởng cho chủ nghĩa Cộng sản tuyên truyền và nẩy nở, dẫn tới thảm trạng Đông dương ngày hôm nay. Nếu phải kể phần tích cực, chỉ nói được là người Pháp đã tìm ra và trùng tu được một phần nào kỳ quan Angkor Vat bị chôn vùi trong rừng già Cao mên. Ngoài ra, họ cũng đã xây dựng được vài ba viện bảo tàng cỡ nhỏ nhằm chưng bày một ít cổ vật địa phương để rao hàng. Còn lại bao nhiêu cổ vật quý giá và giàu giá trị thương mãi đều chiếm đoạt làm sở hữu của các viện bảo tàng Pháp như Musée du Louvre, Musée Guimet..., và nhất là thành sở hữu của tư nhân Pháp đã được công khai thổ phỉ di vật văn hóa của các nước bị trị.

Bây giờ ta thử nhìn vào công trình khảo cứu, thực hiện qua các tạp chí khảo cổ còn thấy trong các thư viện lớn trong và ngoài nước. Trên toàn lãnh thổ Việt-nam chia làm ba kỳ (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ) cho đến đầu thập niên Bốn mươi, đếm không được mười tờ tập san cỡ lớn hay cỡ nhỏ hướng về các môn khảo cổ học, lịch sử, địa lý hay nhân văn học nói chung.

Ta phải công bình nói ngay đến tập san *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême -Orient* (Tập san Trường Pháp quốc Viễn đông Bác cổ, từ sau viết tắt BEFEO) là chiếc mề đay bằng vàng, niềm tự hào khó chối cãi được của nền văn minh Pháp tại Á-đông. Bên cạnh tờ tập san có tầm vóc quốc tế đó, phải kể tập san *Revue Indochinoise,* xuất bản tại Hà-nội được mấy năm rồi đình bản, về sau sống lại ở thành phố Vinh, lấy tên là *Nouvelle Revue Indochinoise.* Ngoài ra, leo lét

thấy tờ tập san *Bulletin Economique* (Tập san Kinh tế) và tờ tập san *Bulletin de la Société de Géographie de Hanoi* (Hội Địa dư Hà-nội), được đem vào Đà-lạt khoảng thập niên Bốn mươi.

Ở Nam-kỳ, đất thuộc địa Pháp, ta chờ đợi là đời sống bác lãm và kinh viện của người Pháp sung mãn hơn, nhưng mà sự thật, chỉ thấy có hai tờ tập san chuyên nghiệp về nhân văn là *Revue de la Société d' Etudes Indochinoises,* và *L'Asie Nouvelle Illustrée.* Bên cạnh là tờ bổn tin của Tổng cục Du lịch, *Bulletin de l'Office du Tourisme Indochinois,* dùng để lôi kéo du khách châu Âu đến săn voi và săn cọp ở cao nguyên Trung kỳ và thăm viếng kỳ quan Đế-thiên Đế-thích.

Ở Trung-kỳ, ngày đó gọi là An-nam, có tờ tập san **Bulletin des Amis du Vieux Huế** (Tập san của Đô Thành Hiếu cổ xã, tên chính thức ghi trên bìa, dịch nghĩa là tập san của những người bạn Cố đô Huế. Từ sau ta viết tắt AAVH: Association des Amis du Vieux Huế, Hội Cố đô Huế Hiếu cổ; và BAVH: Bulletin des Amis du Vieux Huế, tập san Cố đô Huế Hiếu cổ). Nhờ hoàn cảnh thời gian, nhờ chủ tâm hướng việc biên khảo vào một vùng địa lý nhất định (vùng Trung-kỳ là đất Chàm ngày xưa, và là nơi chôn nhau cắt rốn của nhà Nguyễn), và cuối cùng nhờ vào việc ngẫu nhiên có một số vốn nhân sự náo nức điều nghiên, cho nên tờ tập san BAVH đã tạo được một địa vị rất khả quan trong lãnh vực khảo cổ mà người dân miền Trung Việt đến bây giờ vẫn hãnh diện nhắc tới.

○ HOÀN CẢNH THỜI GIAN.

Viện Bảo tàng Huế được thành lập vì một số người Pháp còn lương tâm và có trách nhiệm thấy con buôn và một số tư nhân người Pháp đã hủy hoại và lấy làm của riêng quá nhiều di sản của đất Huế. Lúc đầu, lấy tên là *Thơ viện,* gom góp tất cả tài liệu (các đạo dụ, chỉ, sắc của nhà vua, của triều đình) cất tại *Sử quán,* về sau làm chỗ tàng trữ các cổ vật. Nhu cầu một viện Bảo tàng và một cơ quan khảo cổ đặt ra cấp bách, vì vậy mà có hội Cố đô Hiếu cổ và tờ tập san của Hội.

Lý do nào cho phép chúng ta nghĩ tập san BAVH xuất bản vào đầu thập kỷ Hai mươi là phùng thời? Khoảng hai mươi năm đầu thế kỷ, về mặt chính trị, nước ta biến chuyển thật sự từ một quốc gia độc lập tới một nước bị trị. Hòa ước Patenôtre ký kết năm 1884 xem Nam-kỳ dứt khoát là đất Pháp, và ấn định một số quyền hạn hữu danh vô thực cho triều đình Huế trên đất Bắc-kỳ, và ngay cả trên đất Trung-kỳ. Một vài năm sau, Pháp lại thắng lợi ngoại giao ký hòa ước Thiên-tân buộc người Tàu không còn xem Việt-nam là chư hầu vì Việt-nam từ nay hoàn toàn thuộc Pháp.

Mùi thuốc súng Cần-vương của nhóm ái quốc Tôn-thất Thuyết và Phan-đình Phùng chỉ còn phảng phất ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh và Bình Trị. Nơi đế đô, người Pháp củng cố rất mạnh tay chế độ hành chánh và thuế má, lôi kéo rất mau những thay đổi xã hội.

Như vậy, không lúc nào thuận tiện hơn để nghiên cứu *giao thời* giữa hai chế độ *cũ* và *mới*, và tập san BAVH đã biết lợi dụng cơ hội hãn hữu này.

○ HOÀN CẢNH ĐỊA DƯ LÀM MỤC TIÊU KHẢO CỨU.

Dietrich Seckel là một nhà học giả lỗi lạc người Đức nghiên cứu ảnh hưởng văn minh Phật giáo Ấn-độ trên các nước Đông Nam Á. Theo ông, văn minh đạo Phật truyền xuống các quốc gia phía Đông và phía Nam đất Ấn theo hai con đường như hai cái gọng kềm. Gọng kềm thứ nhất theo đường thủy qua các quốc gia Tích-lan, Mã-lai, Nam-dương, quần đảo Polynesia ngày nay, và quay lên sang đất Cao Mên (ngày xưa gọi là Phù-nam), và vào Chiêm-thành. Gọng kềm thứ hai đi đường bộ sang các quốc gia Miến-điện, đến đất Lào và hướng ra biển vào Chiêm-thành. *Hai đầu gọng kềm khép chặt lại tại một điểm nhỏ là giải đất ngày nay ta gọi là Huế.* (Dietrich

Seckel: *Buddhistische Kunst Ostasiens,* Stuttgart, 1957, bổn dịch tiếng Anh, New York, Crown Publishing 1964). Những người chủ trương tờ tập san BAVH, ngày đó chắc cũng chưa đọc qua Seckel, nhưng đã ước lượng xác đáng khả năng phương tiện của họ, giới hạn sinh hoạt nghiên cứu trong phạm trù địa dư là thành phố Huế và rộng hơn chút nữa là các tỉnh Trung-kỳ. Các công tác nghiên cứu có tầm vóc "quốc gia" chung cho ba kỳ (nước Việt-nam độc lập cũ) và chung cho Đông dương thuộc Pháp, đều nhường lại cho Viện Viễn đông Bác cổ Hà-nội. Ngay trong bổn hiến chương của Hội Đô thành Hiếu cổ (Statuts de l'Association) đã ghi rõ là "Hội sẽ xin được Trường Viễn Đông Bác cổ bảo trợ". Mục đích của Hội — và tờ tập san BAVH — là "sưu tầm, gìn giữ, lưu lại hậu thế các kỷ vật có tính cách chính trị, tôn giáo, nghệ thuật và văn học phía Âu châu cũng như phía địa phương, *liên quan đến thành phố Huế và các vùng phụ cận"*. Việc chọn lựa rất khôn khéo này tránh được điều ôm đồm của tờ tập san ngoài Bắc, *Revue Indochinoise* mệnh yểu, và tờ *Revue de la Société d'Etudes Indochinoises,* trong Nam, tên rất kêu, nhưng kết quả không đạt được bao nhiêu.

Vả lại, về phương diện địa lý, xuyên qua lịch sử, Huế là một cứ điểm quan trọng không kém gì đất Thăng long ở miền Bắc. Một mảnh đồng bằng eo hẹp, bề ngang chỉ đo được bảy, tám kilômét, bám sát vào dãy Trường sơn, nhưng đã được ghi trong lịch sử Trung-hoa năm 200 trước Tây nguyên. Sử Trung-hoa chép thêm là 400 năm sau, Huế, kinh đô của đất Nam Việt (Nan Yueh) bị người Chàm thôn tính. Trong suốt một nghìn năm tiếp kế, đất Huế thay đổi chủ, bị giằng co giữa đế quốc Trung-hoa và nước Chiêm-thành. Năm 1306 Huế trở thành đất của Đại Việt. Ba trăm năm sau, Nguyễn Hoàng vào trấn đất Huế, hệ thống hóa một cuộc Nam tiến quy mô kéo dài gần nửa thiên niên, đẩy bờ cõi Nam Việt qua tận vịnh Xiêm la. Năm 1802 vua Gia Long thống nhất nước nhà, đóng đô tại Huế, gọi nước là Việt-nam. Người Pháp chiếm nước Việt-nam giữ Huế làm kinh đô của Trung-kỳ, nhưng đặt thủ đô Đông Pháp tại Hà-nội. Năm 1945, Nhật đuổi Pháp, trả độc lập cho Việt-nam, Huế lại trở thành thủ đô. Tháng Chín năm 45 Cách mệnh Cộng sản đem thủ đô trở lại Hà-nội. Pháp theo gót quân Đồng minh chiếm lại Việt-nam, và vua Bảo Đại tái lập chế độ quốc gia năm 1947, đặt kinh đô mới tại Saigon. Từ đó, Huế mất hẳn tư thế của một thành phố thủ đô.

Trong hai mươi hai thế kỷ, Huế là đất lịch sử. Ngần đó cũng đủ cung cấp bao nhiêu đề tài cho người làm sử và học sử. Ta thử đọc từ ngòi bút của Cha Cadière: "Tất cả dữ kiện dựng lên cái mà ta gọi là cố đô Huế, theo thứ tự thời gian, gồm bốn giai đoạn: Huế tiền sử, Huế thuộc Chàm, Huế của Huế (tức là thuộc An-nam, tiếng người Pháp chỉ Nam-Việt), và Huế thuộc Âu-châu". Công việc điều nghiên mà Cha Cadière phác họa cho hội viên muốn sưu tầm nhằm vào bốn mục tiêu thời gian, trên một địa bàn chung là đất Huế và Trung-kỳ. (Léopold Cadière: *Plan de Recherches Pour "les Amis du vieux Huế",* in BAVH, Vol I, 1913).

○ HOÀN CẢNH NHÂN SỰ.

Phiên họp đầu tiên tháng Mười-một 1913 của Hội Đô thành hiếu cổ, đề cử ông Dumoutier, Giám đốc Ngân khố Trung kỳ làm Chủ tịch, Bác sĩ Sallet, giám đốc Y tế Trung kỳ làm thư ký, và quan trọng hơn tất cả, hội đề cử Linh mục L. Cadière, một nhà học giả ngày đó đã lẫy lừng tên tuổi phụ trách xuất bản bổn tập san của hội, lấy tên là *"Bulletin des Amis du Vieux Huế"*.

Nhưng có lẽ ta phải nói trước tên của một nhân vật đặc biệt, chỉ là hội viên danh dự, và không viết trong tập san, nhưng là người chính yếu của hội và của tập san là Khâm sứ J.L. Charles. Thế hệ cha và ông của chúng ta không xa lạ gì với ông khâm

sứ Charles. Nếu ở Hà-nội, toàn quyền Paul Doumer là nhà chánh trị ảnh hưởng lớn nhất đặt nền móng cho chế độ thuộc địa của Pháp tại Đông dương, thì ở Trung kỳ, khâm sứ Charles là một nhà hành chánh đại tài đã biến triều đình Huế từ thế thù nghịch (tinh thần thủ cựu không che lấp được lòng ái quốc kháng Pháp, buộc phải hy sinh liên tiếp giết chết ba ông vua có ý định chủ hòa, và ngậm ngùi nhìn người Pháp lưu đày ba ông vua khác tham gia kháng Pháp) — từ thế thù nghịch trở thành thế Pháp-Việt đề huề (!). Chính Charles là người đã lựa chọn đặt vua Khải định lên ngôi sau khi truất phế và lưu đày nhà vua ái quốc Duy tân; chính Charles trực tiếp giám sát việc giáo dục của Hoàng tử Vĩnh Thụy ở Pháp, và dàn xếp hôn nhân giữa vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương. Charles là một nhà sưu tầm đồ cổ có hạng, để lại một cuốn sách (?) về đồ cổ Huế. Charles giúp đắc lực lập nên viện Bảo tàng Khải định, tàng trữ di tích Huế ngày xưa. Tuy nhiên, những người gần ông biết là kho đồ cổ của ông đã thâu lượm được cho riêng ông còn súc tích hơn cả viện Bảo tàng Huế.

Nhưng ta hãy để việc phê bình ông Charles cho nhà làm sử, và chỉ ghi nhận là ông đã tích cực làm điểm tựa cho Cha Cadière sáng lập tờ tập san BAVH, đề mục của bài lược khảo này.

* **Linh mục Léopold-Michel Cadière** là người chính thức tạo lập, vun tưới, nuôi dưỡng tờ tập san BAVH. Cha sanh năm 1869 tại Aix-en-Provence, miền Đông nam nước Pháp, mất năm 1955 tại Huế, hưởng thọ 86 tuổi. Cha tự nhận cha là một người Trung kỳ "Anamitisant", ngụ ý là một người dân Trung Việt gốc Pháp. Danh từ này rút trong bài tự thuật của cha *"Souvenirs d'un viel anamitisant"*, trong tạp chí *Indochine,* 1944. Cha thuộc *giòng Mission Etrangère de Paris,* sống 63 năm tại Việt-nam, hy sinh cho nhiệm vụ truyền giáo. Đồng thời, Cha là một nhà học giả, một nhà thông thái khảo cổ, được sắp ngang hàng với Louis Finot, Alfred Foucher, Paul Pelliot... trong Hàn lâm viện Pháp và trong Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, làm rạng danh cho văn minh Pháp giữa thế kỷ Hai-mươi. Năm 1945 cha bị người Nhật cấm cố sau cuộc đảo chính; năm 1947 cha bị Cộng sản cầm tù ở Vinh trong thời gian sáu năm. Được phóng thích năm 1953, cha từ chối không hồi hương về Pháp, nguyện ở lại chết tại đất Huế mà cha xem là quê hương thật sự của Cha. Cha mất ngày 6 tháng Bảy 1955, chôn cất tại làng Phú Xuân Huế. Cụ Nguyễn văn Tố, một nhân vật lỗi lạc của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp xem cha là "nhà học giả Việt-nam gốc Pháp ("vietnamisant") xuất sắc nhất của tiền bán thế kỷ Hai-mươi". Hầu hết các tạp chí văn hóa và khoa học đều nhắc đến công trình của Cha tại Đông dương, đặc biệt là bài *"Le Père Léopold Cadière"*, trong *Bulletin de la Société des Missions Etrangères de Paris,* Hongkong, 1956, và bài viết tưởng niệm cha của cụ Bùi Quang Tung, *"Le R.P. Léopold Cadière"*, trong BEFEO, XLIX-2, 1958. Bài của học giả Bùi Quang Tung khúc chiết và đầy đủ, trình bày sự nghiệp của cha trong mọi lãnh vực khảo cứu về lịch sử, về khảo cổ, về tín ngưỡng, về ngôn ngữ học, về xã hội học, về sắc dân học... Dĩ nhiên, những chi tiết Cụ Bùi quang Tung trình bày đều nghiêng về vị trí của Cha Cadière trong tư cách nhân viên chính thức đại diện tại địa phương của Trường Viễn đông Bác cổ. Muốn nhận định rõ việc đóng góp của cha trong BAVH, phải tìm tòi trong các hoạt động của cha tại địa phương Huế, điều mà chúng ta cố gắng thực hiện trong mấy trang giấy nhỏ này.

Cha Cadière được tấn phong linh mục năm 1892, và mấy tháng sau được bổ nhiệm công tác tại giáo phận Bắc Cô-xanh-xi-na, ngày đó là tên của giáo phận Huế. Cha thành lập họ đạo tại vùng Tam tòa, tỉnh Quảng bình, đúng là nơi đóng quân của chúa Nguyễn, ba trăm năm trước, xây cất Lũy Thầy, đối địch với quân của chúa Trịnh miền Bắc. Từ Tam tòa, cha lại được gởi lên công tác

ở miền Cù lạc và Cổ vưu trong lưu vực sông Gianh. Nơi đây đời sống vô cùng kham khổ, đúng là chỗ "chó ăn đá, gà ăn muối" đối với người Âu châu, nhưng đối với Cha lại là đất dụng võ. Cha bắt đầu nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử địa phương. Cha học chữ Nho, nghiên cứu một tấm bia quân nhà "Nguyễn đường trong" dựng lên từ hai trăm năm trước, ghi rõ ngày tháng, công trận từng cuộc giao tranh Trịnh-Nguyễn. Bài viết của Cha xuất bản, tức thời được Viện Hàn lâm Pháp tưởng thưởng. Cha tìm tòi và quan sát các di tích của văn minh Chàm rất súc tích còn lại trong vùng, đưa ra những đồ án sưu khảo có hệ thống mạch lạc. Lấy tài liệu sẵn có tại chỗ, cha nghiên cứu từng sở đất các vị chúa Nguyễn ở miền Nam đã đóng đô cư trú từ lúc ly khai với miền Bắc. Sự nghiệp văn học và khảo cứu của Cha Cadière bắt đầu từ nơi đây và lúc này.

Nhưng ta hãy trở lại với tập san BAVH. Năm 1913, sau khi công tác làm rạng rỡ cho giáo hội Pháp và Trường Viễn đông Bác cổ tại Đại học Louvain (nước Bỉ) và tại thư viện Tòa thánh Vatican, cha được bổ nhiệm vào dạy tại trường *Ecole Pellerin* ở Huế. Cha nhận định rõ môi trường súc tích văn học của đất Huế, ngày trước chỉ hướng về triều đại, và qua những năm loạn lạc khi người Pháp thôn tính Việt-nam, cần phải được phục hưng lại gấp, trong cái tinh thần mới là kiện toàn việc bảo hộ của người Pháp, và gìn giữ và tu bổ di tích của nơi cố đô đã bị chiến tranh và con buôn tàn phá quá nhiều. Cha liên lạc với một số người Pháp, công chức hành chánh có chút ít vốn liếng văn học sống tại Huế, thành lập hội "Đô thành Hiếu cổ xã" (Association des Amis du Vieux Huế, ta dịch sát nghĩa là Hội Những Người Bạn của Cố đô Huế), mục đích là để giữ gìn di tích Huế, và ấn hành tờ tập san BAVH, khuyến khích trí thức nơi đế đô (Pháp và Việt) học hỏi, nghiên cứu và phổ biến di tích xã hội và lịch sử nơi đế đô. Về mặt tinh thần bác lãm, cha được nhà thông thái Louis Finot của Trường Viễn đông Bác cổ và các cộng sự viên của ông Finot yểm trợ. Cũng về mặt tinh thần và tài chánh, cha được ông khâm sứ Charles yểm trợ và thúc đẩy. Nơi đây tưởng cần phải nhắc lại một chi tiết nhỏ đầy ý nghĩa là Trường Viễn đông Bác cổ không ngớt xung đột với Giáo hội Gia-tô La-mã ở Huế về cá nhân của Cha Cadière: một bên Trường Bác cổ đặt nặng công tác bác lãm, muốn cha tạm gác vấn đề tu hành để chuyên chú sưu tầm; một bên nhà thờ không khi nào chịu mất một người chăn chiên lỗi lạc như cha Cadière. Cũng ở trong đề mục này, tưởng phải nhắc thêm một chi tiết là mặc dù hơn sáu mươi năm Cha Cadière đóng góp vượt mức cho nhà thờ Gia-tô La-mã, cho việc khai hóa thật sự của văn minh Pháp, kể cả công tác xây dựng Pháp-Việt đề huề, Cha chưa bao giờ được nhà thờ nghĩ tới, nâng cao lên hàng giám mục, điều mà cụ Bùi quang Tung đã kín đáo nhắc tới trong bài hoài niệm của Cụ. Nhân sinh hữu tài tất hữu... tật, Cha Cadière thông minh và tài năng tuyệt đỉnh chắc cũng không che dấu nổi sự bực mình của Cha, sống trong môi trường quá thủ cựu của giáo hội Gia-tô ngày đó. Và hàng giáo phẩm Gia-tô và chính quyền thực dân đã lạnh nhạt đáp lễ lại cho Cha. Ta chỉ cần đọc qua những bài Cha Cadière viết trong những số đầu BAVH để hướng dẫn hội viên trong Hội Cố đô Huế hiếu cổ làm công tác sưu tầm, ta sẽ thấy rõ là Cha xem những ông tham biện như A. Bonhomme, A. Laborde..., ông chánh mật thám L. Sogny, Bs Sallet...ngồi chăm chú nghe cha như là những người học trò mới tập tễnh học nghề viết lách và sưu khảo! (L. Cadière: *"Plan de Recherches pour les AVH"*, đã dẫn).

Nhưng có lẽ trong cuộc tranh chấp giữa chính quyền hành chánh người Pháp và Giáo hội Gia-tô sở tại, người thắng cuộc là Cha Cadière, vì cuối cùng chính cha đã lựa chọn được nhiệm sở và đồng thời giữ được công tác khảo cứu khoa học của cha. Hội Hiếu cổ thành lập năm 1913; năm năm sau, Nhà thờ đề nghị cha từ giã trường Pellerin và bổ nhiệm cha giữ

chức cha sở địa phận Di loan, và cha sốt sắng nhận lời. Di loan dựa vào miệng sông Bến hải, đổ ra biển tại cửa Tùng. Di loan ví như đất Bùi chu và Phát diệm ở miền Bắc, là nơi các họ đạo Gia-tô đầu tiên được khai sinh trên đất Việt-nam. Đối với cha, việc này là cơ hội cha hằng ước nguyện để phục vụ Nhà thờ. Tức thời, Trường Viễn đông Bác cổ phản ứng bằng cách mời cha làm một thành viên cơ hữu của Trường, cung cấp đầy đủ phương tiện để cha xúc tiến mọi công trình khảo cứu khoa học. Cha Cadière nhận lời cả hai phía, không từ bỏ cái sứ mệnh thiêng liêng làm người chăn chiên, mà cũng không dứt tình với công tác khảo cứu khoa học. Và vô tình, cái cơ quan được hưởng lợi đầu tiên và nhiều nhất là tập san BAVH.

Ở Di loan, cha nghiên cứu về bề sâu các tập quán tín ngưỡng của các sắc dân miền Trung. Năm 1928, vì làm việc quá độ, cha mắc bệnh đau tim, phải về Pháp chữa trị. Mấy tháng sau, cha tham dự cuộc Hội thảo tại Luxembourg về "Tôn giáo và sắc tộc", và cha trình bày đề tài *"La famille et la Religion en pays annamite"* (Gia đình và Tôn giáo tại đất An-nam — ta phải hiểu là toàn cõi Việt-nam). Bài thuyết trình của cha được hội nghị tán thưởng, và cha cho đăng vào tập san BAVH năm 1930. Bệnh tim buộc cha phải ở lại Pháp thêm mấy tháng, nhưng cha vẫn lao tâm nghiêng cứu lịch sử truyền giáo Gia-tô sang đất Việt-nam. Cha tìm được câu trả lời là các họ Giòng Tên và các giòng truyền giáo khác vì sao đã đến đất An-nam và đến bằng cách nào. Đồng thời, cha gom góp được đầy đủ các dữ kiện về ông Giám mục *Alexandre de Rhodes,* người đã kiện toàn phương pháp viết chữ quốc ngữ. Vinh dự cho tập san BAVH, các tài liệu này được phổ biến trong tập san năm 1931 và năm 1938 (L. Cadière: *Anottations à la "Lettre" de Gaspar Luis,* in BAVH, 1931 vol 3; *Iconographie du Père de Rhodes,* in BAVH, 1938 vol 1). Năm 1948, lúc Cha Cadière đang bị Cộng sản lưu đày tại Nghệ-an, Trường Viễn đông Bác cổ trong phiên họp đầu tiên sau khi bị chiến tranh gián đoạn công tác, vinh danh cha làm *Hội viên danh dự của trường.*

- ***Bộ biên tập người Pháp của BAVH***

Điều khó chối cãi là các hội viên, chắc chắn là quyền cao chức trọng hơn Cha Cadière, đã khâm phục đúng mức và chấp nhận việc bảo trợ của cha. Ta thử duyệt qua danh sách một số cộng sự viên của BAVH. Trước tiên, cha đã lôi kéo được một số linh mục như cha hiện phục vụ tại các tỉnh miền Trung và cũng đã được thụ huấn tại Đại chủng viện Aix- en-Provence: Linh mục *R. Morineau,* sưu khảo về đồn Bao vinh và Thanh phước ở Huế; Linh mục *H. de Pirey,* cha sở đất Quảng trị, sưu khảo về đất Tân sở và đàn Nam giao; Linh mục *J. B. Roux,* khảo sát các khám đường ở Huế ngày xưa, Linh mục *Delvaux,* sử gia, nghiên cứu chánh sách ngoại giao của vua Minh Mạng...

Trong giới công chức ngành hành chánh thuộc địa, có những cây bút rất xuất sắc như đốc sự *A. Bonhomme* điều nghiên một số cung điện trong đại nội, và các ngôi chùa lớn ở Huế; *A. Laborde,* công sứ tỉnh Quảng ngãi, viết về địa phương ông đáo nhiệm và các chùa chiền ở Huế; *R. Orband,* đốc sự trực tiếp tham gia và mô tả lại lễ Nam giao, và rất sành sõi về đồ đồng ở Huế. Trong giới này, phải kể thêm ông *Louis Dumoutier,* người hội trưởng đầu tiên, một tay sưu tầm đồ sành màu xanh Huế (bleu de Huế), và viết một số tài liệu giá trị về môn này.

Cộng sự viên của Cha Cadière trong giới giáo dục, trước phải kể những người giám đốc học chánh và hiệu trưởng các trường Trung học Khải định, Vinh... như ông *Henry Délétie* (khảo cứu sinh hoạt trong các chùa và đền miễu Huế), *Nordeman, De Lafferranderie, Ch. Délépine* (sưu khảo lễ tấn phong vua Bảo đại)... Rất gần người Việt, phải kể hai gia đình lớn của người Pháp ở miền Trung là *Cosserat* và *Le Bris.* Họ là những người có pha giòng máu Việt và đã thành công ở

miền Trung, đóng góp nhiều trong việc sưu khảo lịch sử cận đại Việt-nam, viết với tinh thần ái quốc của người Pháp, nhưng không khỏi pha trộn lòng yêu thương đất nước của giòng máu mẹ. Đặc biệt, phần đóng góp của ông *H. Cosserat* trong 25 năm sinh hoạt của hội và tập san thật vô giá.

Trong ngành y tế, cộng tác với Cha Cadière phải kể trước *Bs A. Sallet,* hội viên sáng lập, tổng thư ký của hội. Ông là người đa hiệu, cọng tác với Cụ Nguyễn đình Hòe lập danh sách tất cả nơi đền, đài, miếu, điện ở Huế, nghiên cứu các nơi danh lam thắng cảnh như núi Non nước, như núi Bahna. Ông không quên khảo sát ngành chuyên môn của ông như cách nhuộm răng của người bản xứ, như phương tính trị liệu của cây Hà-thủ-ô... Sau *Bs Sallet,* phải kể *Bs L. Gaide,* có tên để lại trong Bệnh viện Trung ương Huế, cũng viết về núi Bana, và khảo sát về cách chữa bệnh của người Nam.

Phải nói thêm trong giới cộng sự với tập san BAVH, có những nhân vật... màu sắc như ông *L. Sogny.* Vợ của ông, bà Sogny, là một giáo sư từ những ngày đầu của trường Nữ trung học Đồng khánh, vừa lớn tiếng (hay rầy rà, nhưng rất thương yêu các cô nữ sinh), vừa lớn người (ăn gì to lớn đẫy đà làm sao !). Ông Sogny giữ chức vụ Chánh Mật thám Trung kỳ, một tay chôn vùi bao nhiêu người ái quốc Việt-nam, nhưng vào lúc nhàn rỗi, lại theo đòi bút nghiên, trước tác nhiều công trình nghiên cứu rất có giá trị, như các bài về cửu đỉnh trong đại nội, về điện Cần chánh, các bài nghiên cứu cách chưng bày trên điện Thế miếu và Thái miếu, các bài về đất Chàm ở Phú yên...

Hội Cố đô Hiếu cổ Huế hướng về nghệ thuật, bởi lẽ đó, việc trình bày tập san BAVH rất tô chuốc, và công trình đó nhờ ông *Victor Ducro,* một vị kỹ sư và một nhà hội họa điêu khắc, và một họa sĩ tài ba khác là ông *M. Gras.*

- ***Bộ biên tập người Việt của BAVH.***

Trong số đầu của tập san, bài "Phác họa chương trình cho Ái hữu Cố đô" (đã dẫn), Cha Cadière gợi ý là người ngoại lai có yêu thương đất Huế bao nhiêu cũng không bằng dân Trung kỳ yêu thương đất mẹ. Cha ngụ ý cổ võ cho sĩ phu tham gia điều nghiên lịch sử Huế. Viết lách là nghề của các đấng trượng phu Trung kỳ, nghiệt một điều là phải viết bằng tiếng Pháp cho BAVH, mà ngôi trường trung học độc nhất trong xứ mới dạy tiếng Pháp đến bậc trung học cấp một mà thôi! Tuy vậy trong đám sĩ phu tham gia tân học, phần đông ở trong quan trường, cũng đã có những người viết tiếng Pháp rất vững, lại biết sử dụng căn bản cựu học (chữ Nho), để đóng góp vào BAVH.

Trước tiên phải kể Cụ *Nguyễn đình Hòe,* phó Giám đốc Trường Hậu bổ, sáng lập viên của Hội hiếu cổ, và là cây bút đắc lực của tập san bên cạnh Cha Cadière. Công trình đóng góp của Cụ gồm hai phần. Trước tác, Cụ khởi đầu (chung với Bs Sallet) lập bản thống kê các đền, miếu, chùa chiền trên đất Huế, gợi ý cho việc điều nghiên về chiều sâu của một tác giả nào đến sau. Cụ dẫn đường bằng cách đưa ra một số bài mẫu, nghiên cứu tượng Phật ở làng Hà trung chẳng hạn. Cụ cũng là người bổ túc hay đính chính các tài liệu do các tác giả khác nêu lên nhưng không đầy đủ hay thiếu dẫn chứng. Công việc thứ hai của Cụ là phiên dịch. Các ông hoàng, bà chúa, các vị đại thần cấp thượng thư khi phát biểu ý kiến viết bằng chữ Hán, và không đề tên thật. Ví dụ: Lễ Ngũ tuần Hoàng Thái phi (Le Cinquantenaire de la Reine-Mère Hoàng thái phi), hoặc là Huấn từ của Cụ Thượng thư Bộ Lễ (Allocation de S.E. le Ministre des Rites). Người đọc ngay cả hồi đó cũng không biết bà Thái phi nào hoặc ông Thương thư nào. Cụ Nguyễn đình Hòe thông dịch các tài liệu này cho đại chúng. Tập tục không dùng tên cũng dần dần thay đổi. Năm 1917, Cụ Phụ chánh thân thần *Tôn-thất Hân* tham gia viết trong tập san cũng đã để danh tính rõ ràng (S.A.

Tôn-thất Hân et Trần đình Nghi: *Généalogie des Nguyễn avant Gia Long,* in BAVH 1917, No 3).

Cùng làm một công tác biên dịch và giải thích các tài liệu hoặc các sinh hoạt sang tiếng Pháp, còn có *Cụ Lê Bính, Cụ Hồ đắc Hàm...* Tham gia điều nghiên các nghi lễ trong triều đình, các tập tục ngoài dân gian, ta kể tên các *Cụ Đào thái Hành, Thân trọng Huề, Hồ đắc Đệ, Ngô đình Khả, Ngô đình Diệm, Nguyễn văn Hiền, Hồ Đắc Khải, Tôn-thất Quảng, Đặng ngọc Oánh, Ưng Trình, Ưng Gia, Nguyễn văn Trình, Hoàng Yến...* (Bổn liệt kê danh tánh các Cụ đã cộng tác với BAVH này rất thiếu sót, cần phải bổ túc nhiều). Tưởng cần phải nói thêm, tập san BAVH là một công trình hướng về nghệ thuật, cho nên kèm theo mười ngàn trang chữ có 700 bức vẽ hoặc phóng ảnh đi theo bài và gần 2000 bức minh họa ở ngoài bài do một số nghệ sĩ thực hiện, như các *Cụ Tôn-thất Sa, Lê văn Tùng, Trần văn Phềnh...*

Đúng theo sự sắp đặt của Cha Cadière, mỗi vị quan lại trong triều đình đã chọn lựa những đề tài thích hợp với khả năng và công tác nhiệm sở của mình để trình bày sự việc, đóng góp vào công trình chung là viết lịch sử cố đô Huế.

Cha Cadière viết là mỗi sự kiện điều nghiên nhỏ này là một khúc giây len; đem ghép các khúc giây này lại ta dệt thành tấm thảm, tức là lịch sử để lại cho đời sau.

Đất miền Trung phong cảnh xinh đẹp, người đàn bà lại mỹ miều. Các đấng trượng phu sinh ở đất Thần Kinh ông nào cũng sính làm thơ, kể cả các ông Tây chọn Huế làm quê hương. Cha Cadière hiểu vậy nên để dành riêng một số tập san ghi danh là *Huế pittoresque* (Huế đẹp như tranh, BAVH, 1916 vol. 4), cho các thi sĩ Tây và Nam thổn thức với nàng Thơ.

○ TỔNG KẾT SƠ LƯỢC CỐ ĐÔ HUẾ HIẾU CỔ VÀ TẬP SAN BAVH.

Hội Đô thành Hiếu cổ xã thành lập năm 1913, chính thức không biết chết năm nào, chắc là vào lúc đảo chính Nhật năm 1945. Đầu thập niên Bốn-mươi, những người học trò nhỏ như tôi đi trên đường Jules Ferry còn thấy một ngôi nhà gạch xinh đẹp, ngoài cổng có tấm bảng đồng đề tên hội và tập san BAVH. Tò mò nhìn vào trong, thấy một phòng hội lớn và mấy dãy tủ đựng sách: thư viện. Ngôi nhà này, lúc người Pháp tái chiếm Huế năm 46 dùng làm trụ sở Tòa án Mặt trận của Quân đội Viễn chinh Pháp, và những thanh thiếu niên có tham gia kháng Pháp đều phải đi qua khai tội. Đến bây giờ, không biết vân mòng ngôi nhà ra sao.

Sinh hoạt của hội ngày đó, như được kể trong bổn báo cáo của tập san, có buổi hội hàng tháng; trong mỗi buổi hội có phần thuyết trình của một hội viên về một đề bài thuộc phạm vi điều nghiên lịch sử. Tiếp theo thuyết trình là phần thảo luận, tất cả đều được ghi chép đăng vào tập san BAVH.

Lúc mới thành lập, hội viên gồm 14 người (11 Pháp, ba Việt). Một năm sau hội viên tăng lên tới số trăm, và bổn danh sách cuối cùng công bố năm 1938 ghi hơn năm trăm vị. Từ năm 1920, Hội có các ông *Grass* và *Gravelle,* chuyên viên nghệ thuật cổ, tiếp tay tổ chức các cuộc du ngoạn trong vùng để nghiên cứu và sưu tầm đồ cổ cho hội. Mục đích chính của hội là ấn hành tập san BAVH, nhưng từ năm 1924, hội cũng ấn hành một số tài liệu rất có giá trị về cổ học như *L'Art à Huế,* tác giả L. Cadière và P.Grass; *Musique annamite,* tác giả H. Le Bris và Hoàng Yến; *Les Montagnes de Marbre,* tác giả Bs A. Sallet, *Introduction à l'Etude de l'Annam et du Champa,* tác giả Jean Yves Claeys...

- ***Tập san BAVH.***

Số đầu tiên xuất bản năm 1914, đúng vào lúc khởi đầu Thế chiến Một. Vì phương tiện tài chánh phải dùng dằng mãi để lựa nhà in, muốn in đẹp và rẻ. Sau cùng in tại ấn quán Imprimerie d' Extrême Orient, Hà-nội. Ấn phẩm cỡ giấy học trò, bìa màu; hai thứ chữ: Pháp và

chữ Hán; chỗ nào cần, in chữ quốc ngữ.

Một điều nhận xét nhỏ nơi đây khiến cho ta ngậm ngùi (để tránh nói bất bình) với Cha Cadière là một nhà thông thái như cha mà cũng chưa dứt hết thành kiến kỳ thị. Trong suốt hơn mười ngàn trang giấy của BAVH, không bao giờ cha dùng một chữ quốc ngữ, trừ khi phải ghi tên người và tên cảnh vật. Các văn bản chữ Hán đều trực tiếp dịch ra tiếng Pháp, không khi nào thông qua Việt ngữ, xem chữ quốc ngữ như chữ Nôm ngày xưa, không có chỗ đứng trong văn học. Ngày nay chúng ta gặp khó khăn sưu tầm vì lẽ đó. Ví dụ cụ thể là các tấm văn bia. Ngày trước ông Tây đi khảo sát, đưa một cụ đồ thông chữ Hán đi theo. Cụ đồ chép chữ Hán, người thông ngôn dịch ra tiếng Pháp, ông Tây sửa in vào tập san. Ngày nay bia đã mòn hay bị phá hủy, bổn chữ Hán mất, chỉ còn lại bổn tiếng Pháp. Ta phải dịch lại bổn chữ Pháp qua tiếng Việt mà không hiểu có đúng nguyên ý chăng.

Từ năm 1914 đến năm 1941, tập san ra đều đặn, mỗi năm bốn tập từ 80 đến 120 trang, cuối năm đóng thành một bộ, ghi số năm. Bổn phóng ảnh tại trường Đại học Cornell và University of Chicago, Hoa-kỳ chỉ có đầy đủ đến năm 1938. Tác giả bài này không được đọc nguyên bản những năm cuối cùng và mong ước được các bậc thức giả bổ túc. Bộ 1923, đánh dấu mười năm ấn hành, được in thành một bổn tổng kết lấy tên *Le Bulletin des Amis du Vieux Huế,* 1914-1923, gồm bốn phần: thành tích hoạt động, bổn tổng kê đề mục nghiên cứu, bổn tổng kê tên tác giả, và bổn tổng kê danh sách hội viên Hội Hiếu cổ.

Từ năm 1924, tập san khởi sắc, bài vở có tính cách chuyên nghiệp hơn, có khi mỗi số đăng trọn một mục khảo cứu, bỏ lại xa cái vỏ "tài tử" lúc ban dầu. Như bài: *Les Montagnes de Marbre* (Núi Non Nước) của BS Sallet, dài 137 trang, nghiên cứ vị trí, địa hình, địa lý, lịch sử, đời sống nhân văn, kỹ nghệ làm đá cẩm thạch, các điểm thắng cảnh, rõ ràng là một công trình nghiên cứu khoa học, khó có đối tượng để so sánh. Một mục khảo cứu khác L' *Art à Huế* (Nghệ thuật Huế) của L. Cadière và Gras là một công trình điều nghiên giá trị vô song. Trong thập niên Ba-mươi, tập san càng vững mạnh vì có những cây bút uy tín quốc tế như học giả *L. Finot,* viện trưởng Trường Viễn đông Bác cổ, như *Victor Goloubew,* như *Jean Yves Claeys...* Finot giải thích huyền thoại người Mọi có đuôi (*Les Moi à queue* in BAVH, 1928 No 4); Yves Claeys, chuyên viên lừng danh của nền văn minh Chàm giới thiệu sự quan hệ giữa nước An-nam và nước Chàm xưa (*Introduction à l' Annam et le Champa,* in BAVH, 1936, No 1).

Biến cố chính trị trong triều đình Huế giữa thập niên Ba mươi (vua Bảo Đại về nước chấp chính, ông *Phạm Quỳnh* bỏ tờ Nam phong vào Huế làm chính trị) cũng làm giao động tập san rất nhiều. Số cuối cùng tam cá nguyệt cuối 1938, có khuôn mặt mới của ông *Nguyễn tiến Lãng,* vi vút tiếng Pháp như rồng bay phượng múa, nhưng ca tụng áng thơ Hoa tiên bằng tiếng Pháp-lang-sa mà không tìm đâu ra bổn tương đương bằng tiếng Việt, nghĩ cho kỹ, cũng tủi hổ cho tiếng quốc ngữ. Phê bình chung tập san, *Cụ Bùi quang Tung* viết là tập san BAVH là "một trong đôi ba ấn phẩm có giá trị nhất trên toàn cõi Đông dương.", mà người Pháp đã để lại. Nhà thông thái Louis Finot viết: "Tập san BAVH được thực hiện với những phương tiện quá eo hẹp và trong hoàn cảnh thời gian vô cùng khó khăn, nhưng đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng với thủ đô nước Nam".

Nguyễnphúc Bửu Tập

*

HOÀNG HÔN THÔN VỸ

Truyện Ngắn

Phan Mộng Hoàn

Huyên vẫy tay tạm biệt mấy mẹ con Trâm, thủng thẳng bước vào hành lang dẫn vào lòng chiếc phản lực cơ Korea Airline. Anh đã lấy một tháng nghỉ phép thường niên về thăm cha mẹ già. Năm nay các cụ vừa tròn tám mươi, vợ chồng Huyên định về để tổ chức mừng lễ thượng thọ bát tuần cho song thân. Chuyến đi dự định từ lâu nhưng phút chót Huyên đi một mình vì vợ anh, bận lo ngày con gái lớn của họ sinh con so nay mai, nên "bà ngoại" Trâm phải ở lại săn sóc cho yên tâm. Gia đình Huyên định cư ở Cali từ mười mấy năm qua. Đời sống đã vào khuôn nếp. Con cái thành đạt, vợ chồng Huyên sống rất hạnh phúc.

Một mình trên ghế chuyến bay đường dài trở về quê hương, Huyên mơ màng tưởng đến phút giây gặp lại nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mình đã lớn lên, trở thành chàng học sinh Quốc Học nhiều mộng ước. Huyên lơ mơ nghĩ tới thời tuổi trẻ của mình, với những mối tình lãng mạn thoáng qua. Anh mỉm cười nhớ lại lúc tóc còn xanh và lòng nao nao tưởng đến tình yêu đầu đời với Nàng Uyển Nhi, hoa khôi thôn Vỹ ngày ấy. Có biết bao trái tim đã thổn thức vì nàng nhưng có lẽ Huyên là người duy nhất lọt vào mắt xanh mỹ nhân. Thiếu nữ với cái last name dài lê thê của dòng họ hoàng phái, Công tằng tôn nữ... Uyển Nhi, Nàng có đôi mắt xênh xếch đen láy, đôi lông mày cong như khéo vẽ, nét mũi thanh tú dọc dừa và nhất là miệng cười e ấp. Uyển Nhi không dám cười lớn vì muốn dấu chiếc răng khểnh mọc cời tinh nghịch nơi khóe miệng tươi... Có lẽ mình sẽ tạt về Vỹ Dạ:

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...

Làm chi mình cũng phải ghé qua nhà nàng. Nơi có khóm tre xanh mát mà cơn gió hè khẽ ru êm cành mềm oặt làm đổ xuống những giọt nắng lung linh thêu hoa trên mặt con đường nhựa đen êm ái. Anh nhớ nhà nàng với cái cổng gạch đồ sộ có khắc chạm những hình long ly kiểu cách hóa thật mỹ thuật. Rồi nhớ đến hai vì tường cao chạy dài bao quanh ngôi phủ cổ kính. Giờ đây trải qua bao năm tháng hẳn đã rêu phong. Huyên làm sao quên được cây hoa giấy nép cuối tường đông, nở đầy những bông tím rưng rức mà cành ẻo lả vươn lên như muốn chồm ra khỏi khuôn tường vời vợi ngăn cách khuê phòng các nàng Tôn nữ với thế giới bên ngoài. Huyên nhớ mỗi lần tới đó, gió hè thoang thoảng đưa hương cau tinh khiết cuối vườn đã làm ngây ngất lòng trí anh. Anh mường tượng thấy lại giàn tre lênh khênh che rợp những ngọn trầu cay lá dày, gần đó là vồng đất sum xuê trồng rau lang bò sát đất với lá xanh mởn mơ. Huyên sẽ sống lại thời kỳ lui tới ngôi nhà từ đường cổ kính

ấy, bao nhiêu kỷ niệm trở về khiến anh chìm đắm vào giấc mơ hồi hương đầy hạnh ngộ.

Chuyến bay kéo dài tưởng vô tận cuối cùng phải ngưng, thả Huyên xuống phi trường Tân Sơn Nhất giữa khuya đèn mờ leo lét và không khí oi bức ngột ngạt. Sáng sớm hôm sau anh vội vã chuyển qua đường bay thẳng ra miền Trung. Huyên mốn tận dụng từng thời khắc để sống với nơi chốn thân thương thời trai trẻ. Phi trường Phủ Bài đang tân trang nên máy bay nội địa thả anh xuống Đà Nẵng. Từ đó anh theo xe ca vượt đèo Hải Vân thẳng ra Huế. Sương sớm mát lạnh và mây trắng la đà trên đèo cao làm dịu tình cảm nôn nóng của người xa xứ nay quay về chốn cũ. Bờ biển xa xa sóng đùa bọt tung trắng xóa, tháp nhà thờ xóm đạo Lăng Cô xam xám vươn cao giữa chốn cây cỏ xanh mơ. Huyên cảm thấy thời gian như ngưng đọng, anh vẫn là chàng trai Huế với trái tim bồng bột nhịp đập si mê, thuở ấy anh phải vào học tận Sài Gòn, vì Huế chưa mở trường đại học. Ngày lễ lại ngong ngóng quay về thăm nhà. Quốc Lộ số 1 kéo dài quanh co qua những thôn làng nhỏ bé hiền hòa. Bây giờ bụi đường bốc cao mù mịt, bôi xóa mọi cảnh vật, không cho Huyên thấy cảnh trí dọc ven lộ chỉ là những xóm nghèo xơ xác. Anh lim dim nhớ tưởng tuổi trẻ khờ dại, với mộng tưởng chất ngất nên nhiều khi đã làm anh sống xa rời thực tế. Cho nên đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến tình họ không bền. Hai người tha thiết yêu nhau tuy không thề non hẹn biển. Người con gái hiền lành ấy luôn tin tưởng vào người yêu nhưng đâu dám hối thúc chuyện cưới xin. Còn chàng trai trẻ thì ham công danh cũng coi nhẹ việc hôn nhân ràng buộc.

Thế rồi, họ xa nhau. Con gái Huế vốn sống nhiều lý trí và ưa nghĩ ngợi xa xôi. Uyển Nhi chờ đợi mãi vẫn không thấy người yêu mở lời đòi cưới hỏi gì mình. Trong khi đó gia đình cô nhiều chị em gái, cha mẹ muốn cô "mở hàng" mau mắn để bầy em xuôi mái theo thành gia thất tốt đẹp. Uyển Nhi im lìm không bằng lòng một ai. Cô quyết chờ đợi chàng. Rồi không hiểu vì lý do chi đã khiến họ xa nhau. Các em đều có gia đình êm ấm, riêng cô vẫn nhẫn nhục sống cảnh đơn chiếc. Trong khi ấy, ở Sài Gòn Huyên vui vẻ tuổi đời sinh viên xa nhà, bạn gái rủ rê hời hợt. Tin ấy bay về Huế khiến Uyển Nhi muộn phiền. Cô khép lại cõi lòng chỉ dành riêng cho một người. Những cánh thư thưa dần cho họ có cớ chia tay. Nhưng đường đời muôn nẻo, Huyên lấy vợ, cô gái là một sinh viên Văn Khoa xinh tươi, người miền Nam tính tình xuề xòa dễ chịu đã cho anh đàn con ngoan, gia đình anh coi như êm đềm hạnh phúc. Thời gian qua với bao dâu biển, cuối cùng Huyên cùng vợ con trôi dạt đến Hoa Kỳ. Anh vượt biên trước rồi bảo lãnh cho vợ con. Cảnh đời yên ổn. Còn Uyển Nhi, sống âm thầm hiếu thảo với cha mẹ, quên mình, chỉ nhớ nhung người xưa cùng kỷ niệm cũ. Huế trải qua lắm tang thương, cô héo hon trong hoàng hôn cuộc đời. Cho đến khi miền Nam mất vì quê hương thống nhất, tin tức về người cũ càng mịt mờ, nhưng mãi lòng cô vẫn chôn chặt cuối hồn hình ảnh cố nhân.

Huyên vui mừng khi về tới Kim Long, quê nội của anh, vì thấy song thân vẫn còn khang kiện, nhà vườn vẫn nguyên vẹn, cây trái vẫn tốt tươi. Mặc dù các cụ cũng trải qua lắm nỗi lo âu từ hồi đất nước "được" giải phóng, nhưng nhờ con cái lưu lạc nước ngoài thường xuyên tìm mọi cách liên lạc để bồi đáp công đức sinh thành nên cha mẹ anh vẫn sống vững chãi giữa một Huế ngày càng nghèo khó. Huyên đã vạch định chương trình mừng lễ thượng thọ trong vòng gia tộc, vì hai cụ không muốn gây ra sự dòm ngó nơi phía chính quyền và vì họ không vui chi khi quanh họ dân chúng vẫn sống cảnh thiếu thốn cùng cực. Sau khi lo toan việc trên đầu trên cổ, cùng chu đáo việc sửa sang mồ mả tổ tiên xong xuôi, hết tuần lễ thứ hai khi về với quê hương Huyên mới lững thững đạp xe đạp đi thăm Huế của riêng mình lúc còn tuổi học trò.

Huế mùa hè, nắng chang chang. Nhạc ve ra rả gợi nhớ

tuổi học trò nao nức ngày thi. Huyên lang thang một mình thăm các ngõ ngách thời đi học. Hàng phượng ven sông Hương lá xanh mướt đong đưa những cành nặng chĩu đầy hoa đỏ, tươi thắm như nắng hạ. Anh tìm tới sân trường Quốc Học vắng vẻ ngập tràn dấu vết thời tóc xanh. Trên lầu cao, những khuôn cửa lớp đóng im lìm, thêm gió lao xao và chim sẻ ríu rít trên mái ngói nâu buồn khiến Huyên ngơ ngẩn nhớ tiếc mông lung. Anh lững thững qua thăm trường bạn. Ngôi trường con gái tường quét vôi hồng thoáng sắc tím nhạt ấy, ngày xưa đã biết bao lần Huyên đến đó đợi chờ người yêu bãi học về. Dù để chỉ dám lẽo đẽo theo sau nàng mà sao không thấy chán. Lối về thôn Vỹ bánh xe anh lăn mòn theo bao mùa nắng mưa không hề mỏi mệt. Bây giờ về lại Huế, đâu đâu cũng gợi nhớ hình ảnh dễ thương của những ngày mới yêu lần đầu.

Qua hôm sau Huyên ngập ngừng đạp xe đạp hướng về thôn Vỹ. Ngang qua Đập Đá mát rượi vì hơi nước tỏa lên từ Hương giang mênh mông, anh ngắm những con đò xuôi ngược qua lại trên mặt nước gờn gợn sóng. Bên kia bờ ấy, phố xá nhộn nhịp bán buôn, nhưng như anh đã thấy hôm đầu tiên khi trở lại Huế, đại lộ Trần Hưng Đạo sao quá buồn hiu trơ trụi, anh nghĩ có lẽ vì thiếu bóng cây xanh. Hàng quán trông nghèo nàn thảm hại. Huyên không tìm thấy đâu cảnh tươi vui của thời làm học trò. Có lẽ qua bao năm tháng chiến tranh đã làm cho Huế thanh lịch hóa nên bơ phờ. Nhất là từ lúc chính quyền vô sản lên ngôi, người dân cố đô càng thêm trầm mặc. Hình như những người cũ cùng thế hệ của Huyên đã rời bỏ Huế mà đi xa. Chẳng thế những lần bên ấy tổ chức ngày hội Huế, anh đã gặp khá nhiều bạn bè bà con cùng thế hệ. Cho nên khi quay trở về đây Huyên chưa hề chạm mặt ai gọi là quen biết.

Đường xa trưa buồn lóa nắng. Huyên hoảng hốt tưởng mình đã lạc lối bởi vì hai bên đường trắng trơn, anh tìm mãi vẫn không thấy đâu bụi tre cao ngất đầy lá xanh đậm đan kín những cành mềm mại. Anh ngậm ngùi nhấn pédale ngơ ngác kiếm tìm hình ảnh cũ:

... Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo ai trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...

Con đường lạ hoắc với gập ghềnh sỏi đá, ven lộ thì lở lói đến xót xa. Trơ ra trước mắt là những khuôn nhà trơ trẽn, không cho Huyên mường tượng nụ cười xinh e ấp của các nàng Tôn nữ sau hàng chè tàu xanh um. Tất cả phơi bày trước mắt anh cảnh tàn phai đang cố vá víu bằng những mái nhà lợp ngói đỏ đơn điệu và mấy mảnh tường vôi thấp đơn giản nghèo nàn. Vỹ Dạ nên thơ mất tăm dạng. Huyên chán chường trước cảnh trí đổi thay tàn nhẫn ấy. Chân anh rời rạc quay mải miết những vòng pédale chán nản và lòng anh tái tê vì nỗi mất mát không tên.

Như ngày xưa Huyên chỉ cần khoảng chừng mươi lăm phút đạp xe từ Đập Đá về là đã đến xóm nhà Uyển Nhi. Nhưng nay dù qua một khắc đồng hồ rồi, Huyên cố tìm kiếm vẫn không thấy đâu. Anh làm sao quên được chiếc cổng ngôi phủ nhà nàng đứng sừng sững với lối kiến trúc cầu kỳ. Khi xe Huyên lạc xuống gần chợ Hương Mỹ, anh mới giật mình hỏi thăm người chủ quán trọng tuổi bên đường, ông cụ cho hay ngôi phủ đó anh đã đi quá hơn cây số rồi. Ông ta nói là cổng xưa ấy nay phần lớn đã bị hư hao vì thời Huế bị VC pháo kích trước 75, nếu anh không chú ý sẽ khó mà nhận ra.

Hơn tiếng đồng hồ sau Huyên ngỡ ngàng tìm ra được nhà cố nhân. Trưa đã xế bóng nên cái oi bức nơi đây đã giảm đi nhiều. Chiếc cổng gạch đồ sộ ấy nay chỉ trơ lại một mảng gạch đá rêu phong, còn dãy tường cao nối tiếp bao quanh phủ thì biến đâu mất. Tít trên cao ngoằn ngoèo hàng trăm chiếc rễ đa xám nâu đang bò xuống, lượn quanh mấy viên gạch nằm lồi lõm cheo leo. Đứng ngắm nghía hồi lâu, Huyên nhận đúng đây là dấu tích cũ. Rồi anh dắt xe đạp men theo

con đường đất đỏ nằm giữa hai hàng chè tàu mọc cao quá đầu người. Và mãi phía trong xa giữa khu vườn rập rạp những luống rau đậu xanh um ấy, anh thấy hiện ra một ngôi nhà nhỏ lợp tôn xây bằng táp-lô xám bẩn. Ngoài ra những cơ ngơi lộng lẫy của tòa phủ đệ thuở ấy thì Huyên không sao tìm ra dấu vết. Bỗng từ trong ngách cửa một chú vện xồ ra đón khách, con chó gầy trơ xương uể oải sủa mấy tiếng cho có lệ rồi ngoe nguẩy đuôi rảo cẳng theo khách lạ. Anh đưa tay gõ lên liếp cửa đóng sơ sài bằng mấy mảnh gỗ và chờ đợi. Chặp sau có tiếng chân ai chạy ra, cửa mở anh thấy một cô bé chừng mười lăm, mười sáu tuổi, mặt mày ngơ ngác, da trắng hồng, cô bé có đôi mắt đen láy xênh xếch sao anh cảm thấy quen quen như đã gặp đâu rồi. Cô gái nhỏ nhìn khách lạ một lúc lâu mới lên tiếng:

— Thưa chú, chú muốn hỏi ai?

Huyên nói:

— Cháu có biết gia đình bà Uyển Nhi trước ở đây chừ có còn hay đã dọn đi đâu rồi không?

Thiếu nữ lắc đầu tỏ ý không biết, cô ta ngẫm nghĩ hồi lâu rồi trả lời:

— Có lẽ bà cô cháu biết, chú chờ đây một chút đợi cháu vào hỏi.

Cô gái quay lưng đi chứ không lịch sự mời khách vô nhà. Chặp sau Huyên lại nghe tiếng chân cô ta trở ra. Lần này cô gái mở rộng cả hai cánh cửa ọp ẹp và mời Huyên:

— Bà cô cháu mời chú vô nhà uống nước ạ.

Giữa trưa mà phòng khách tối mờ mờ. Một tấm màn vải in hoa đã cũ ngăn hai căn nhà. Huyên đứng tần ngần bên chiếc trường kỷ bóng lộn kê cạnh cái bàn vuông đóng thô sơ. Anh nhìn quanh ngắm hàng cột đen mun chống mái rường có khắc chạm công phu. Anh thấy như cột chống và rui mèn lấy từ chỗ khác ráp vào ngôi nhà mái tôn và tường trát vôi thô ráp này. Rồi Huyên chợt bàng hoàng khi nghe vang lên một giọng nói êm ái, âm thanh trong trẻo ấy anh làm sao quên được:

— Hạ Huyền, cháu vô chụm bếp bắc ấm nước sôi pha trà đi!

Huyên như muốn lảo đảo vì tưởng đang sống lại ngày xa xưa, Uyển Nhi xinh tươi của anh sẽ hiện ra trong giây lát. Anh hồi hộp quá sức nên đã quay đầu hướng ra ngoài sân, nắng ngoài ấy vẫn lấp lánh reo vui, tiếng chim ríu rít đâu trên mái nhà rộn ràng như tiếng trái tim Huyên lúc đó. Và anh nghe nàng hỏi:

— Dạ xin vô phép hỏi, thưa ông là ai? và quen biết như thế nào với gia đình bà Uyển Nhi?

Huyên quay lại, tim anh nhói buốt. Có phải đây là người xưa anh hằng tưởng nhớ? Người đàn bà luống tuổi gầy yếu, mái tóc búi lỏng màu xám bạc và khuôn mặt hiền hòa đậm nét thời gian. Dáng dấp đài các này hình như anh đã từng gặp trong quá khứ — vô lẽ là cô ấy sao? Thấy khách im lặng, bà già lại ân cần lên tiếng:

— Dạ thưa... Cháu Huyền vào nói là ông muốn biết tin tức về bà Uyển Nhi phải không ạ?

Huyên sững sờ trước thực tế phũ phàng. Bà cụ là cô ấy? Là em đó sao? Là Uyển Nhi mơ mộng của hơn ba mươi năm về trước mà tôi hằng thương nhớ? Tôi không tin đâu! Anh bật hỏi ngu ngơ:

— Thưa tôi từ xa về thăm Huế và tôi muốn gặp lại Uyển Nhi. Chúng tôi ngày xưa là bạn bè thân thiết.

Bà già có vẻ hoảng hốt, lùi lại sau một bước, một tay đưa lên trước ngực áo, chiếc áo vải màu lam buồn như tuổi già của bà. Mãi Huyên mới nghe chủ nhân chậm rãi trả lời:

— Dạ, mấy năm trước Uyển Nhi còn ở đây. Nhưng... lâu rồi, bà ta đã chuyển đi tỉnh khác ở với gia đình người cháu.

Chủ nhân nghe như có tiếng thở ra nhẹ nhàng của ông khách. Thật vậy, Huyên tươi tỉnh hẳn người sau khi nghe bà già phá tan bầu không khí ảm đạm vì anh đã dám ngộ nhận bà ta là cố nhân của mình. Huyên lại mơ mộng về người thương nhất đời của anh. Huyên hỏi giọng chìm xuống như một lời tâm sự.

— Ngày xưa cô Uyển Nhi với tôi rất thân. Về sau chúng tôi phải chia tay vì cô ấy hiểu

lầm tôi. Có một thời chúng tôi sống cách xa nhau quá. Còn xứ Huế này thì ưa gây chuyện bất hạnh cho những người còn quá trẻ như chúng tôi thuở đó... Thưa bà, bà có thể cho tôi biết địa chỉ Uyển Nhi?

Huyên ngừng lại rồi nói thêm:

— Xin bà tha lỗi, tôi quen nết gọi tên cô ấy. Dạ thưa về bà Uyển Nhi, gia đình bây giờ chắc cũng con cháu nội ngoại đầy đàn?

Cô cháu gái dễ thương vừa lúc ấy từ phía sau bếp bưng ra một khay trà thơm ngát hương sen. Bà cô ra dấu cho cháu đặt khay lên chiếc bàn gỗ ngăn cách giữa chủ và khách. Bà cẩn thận sửa lại ấm chén, rót trà ra hai tách sứ men xinh xinh rồi mời Huyên:

— Huế mùa hè oi bức, gia đình chúng tôi neo đơn nên chỉ có tách trà mời ông giải khát.

Anh đang mải ngắm nghía quanh quất nên lơ đãng cám ơn bà ta. Huyên cầm tách trà khẽ hớp thấm giọng, rồi đứng lên đi dãn chân. Năm nay anh cũng đã suýt soát lục tuần, mặc dầu trông bề ngoài dáng dấp Huyên tưởng chừng chỉ năm mươi trở lại. Anh đi đứng tự nhiên như người thân trong gia đình. Rồi anh thầm thì như nói cho một mình nghe:

— Ngày xưa ở đây vui lắm, cảnh đẹp người đông mà nhất là ai cũng xinh tươi. Phủ nổi tiếng vì có cô tiểu thư hoa khôi một thời!

Bà chủ lớn tuổi có vẻ tôn trọng sự hồi tưởng của khách nên chỉ lắng nghe mà ít lên tiếng. Huyên im lặng trầm ngâm bên chén trà thơm, anh đăm đăm ngó ra ngoài vườn như thử cố tìm lại cảnh xưa. Ngoài ấy nắng reo vui đuổi gió trưa hè chập chờn trong bụi mía trồng cuối sân, Huyên nghe như âm thanh tiếng ai cười nói lao xao làm trái tim anh tràn ngập nỗi nhớ thương.

— Dạ thưa ông, ông có phải là... ông Tường Huyên.

Anh giật mình quay ngoắt lại nhìn sững vào mặt chủ nhân, hỏi:

— Vâng, Huyên là tôi, nhưng thưa tại sao bà lại biết?

Rồi Huyên nhìn chăm chú vào người đối diện, anh xúc động vì trong phút giây lớp khói sương mơ hồ của thời hiện tại chợt tan biến đi và trước mắt Huyên là chân dung của nàng hiển hiện. Người đàn bà mà mái tóc điểm bạc thoạt tiên hóa trang thành luống tuổi, nay ánh mắt dịu dàng long lanh niềm hạnh ngộ. Thoáng chút sắc hồng ửng trên gò má và làn môi khắc khổ chợt nhạt nhòa, để mơ hồ hiện ra nét cười bẽn lẽn. Huyên thảng thốt kêu lên:

— Uyển Nhi! Phải là Uyển Nhi của Huyên đó không?

Người đàn bà nhè nhẹ gật đầu:

— Dạ, chắc anh đã thất vọng vì tôi quá đổi thay, phải rứa không anh Huyên?

Giọng cô ấy vẫn thanh thoát, âm thanh nao nức dễ thương như ngày nào hai người còn là của nhau. Huyên đứng lên bước gần tới người xưa, vươn hai tay ra nắm chặt lấy hai bàn tay nhỏ nhắn của Uyển Nhi. Hai bàn tay ấy tuy vẫn mềm mại và mát rượi, nhưng làn da mất hết vẻ mịn màng, nhưng Huyên không để ý tới, vì lòng anh đang ngất ngây niềm thương yêu ngày trước.

Hai người ngồi trân ra nhìn nhau. Thời gian như lắng đọng. Ba mươi mấy năm họ mất nhau nay mới gặp lại. Mãi Huyên mới lên tiếng:

— Lâu quá rồi xa Huế, e tới hơn ba chục năm?

Uyển Nhi sửa lại:

— Ba mươi ba năm và sáu thắng lẻ mười ngày Huyên rời bỏ Huế mà đi.

Huyên nhìn sững vào mắt nàng. Anh thẫn thờ vì cô ấy đếm từng tháng đợi năm chờ. Trong khi ấy anh mải vui đường xa xứ lạ, có nhớ người xưa chỉ là một nỗi mơ màng trong tâm tưởng. Huyên hỏi bạn:

— Cũng tại vì mình về sau không hề được thư Huế gửi vào. Hồi đó bạn đã giận tôi vì

nghe lời người ta bày đặt thêm bớt đủ điều... Còn tôi thì mô có làm chi nên tội, suốt một đời tôi chỉ thương một người. Uyển Nhi, bạn có tin lời tôi nói không?

Huyên nghe tiếng cô ấy thở dài. Hai người lại im lặng nhìn nhau. Anh cảm thương ngắm dáng vẻ ưu tư của nàng. Nhìn mái tóc ngày xưa êm mơ như suối huyền nay đổi ra màu hoa râm. Nhưng trừ mái tóc khiến cho nàng chịu ảnh hưởng rõ rệt của thời gian, anh nhận thấy bạn mình không đến nỗi tàn tạ. Chỉ có làn da hơi xanh, và đôi môi nhạt có lẽ vì không tha thiết việc điểm tô. Riêng ánh mắt nàng thì vẫn trong sáng khi nhìn lại anh.

Huyên liên tưởng đến những người cùng trang lứa với anh bên ấy. Nhất là phía nữ, các bà các cô tha hồ "mượn màu son phấn đánh lừa thời gian". Thật vậy rất nhiều bà ngoài sáu mươi trông qua vẫn chỉ tứ tuần. Nhiều người còn tới mỹ viện tân trang lại mặt mũi theo một kiểu diễm kiều nào đó. Cho nên trong một sớm một chiều từ chiếc mũi Á Đông khiêm tốn hóa ra dọc dừa thanh tú, mắt sụp mí vì tuổi đời bỗng trở nên sâu thẳm với bóng mi đậm huyền hoặc tưởng làm say đắm lòng mình. Có bà mon men sáu, bảy mươi còn vui vẻ sang ngang mà chàng rể tóc vàng mắt biếc kém nàng mươi tuổi vẫn hào hứng đưa người đẹp ngao du khắp các danh lam thắng cảnh xứ người. Huyên ngậm ngùi thương bạn, anh tự nhiên sinh ra ngạo đời, sinh ra triết lý vụn từ khi mô. Và anh thấy hình như cái đẹp tâm hồn mới là cái đáng trân quý nhất. Từ đó dù cho cố nhân có tàn phai nhan sắc anh chỉ tìm thấy nơi nàng thấp thoáng những dáng dấp thân thương ngày cũ. Trước mắt Huyên cô ấy hiển hiện một Uyển Nhi hiền thục và duyên dáng. Thuở nào từng làm tim anh bồi hồi rung cảm. Hai người hàn huyên tâm sự cho tới lúc nắng đã tắt hẳn ngoài kia, Huyên mới bịn rịn đứng lên từ giã bạn và hẹn hôm sau sẽ quay lại. Còn "người đẹp thôn Vỹ" ân cần dặn dò anh nhớ nhịn bụng để cho cô mời anh cùng ăn buổi cơm hội ngộ. Uyển Nhi nói:

— Chúng ta vẫn coi nhau là bạn thân phải không. Anh Huyên, anh chịu khó tạm xa một ngày phù hoa của đời sống Mỹ nghe, vì mình sẽ cho bạn thưởng thức hương vị đơn sơ của quê nghèo.

Khi chia tay nhau, tối hôm đó cả hai người bạn cũ đều thao thức và trăn trở vì nhớ lại một thời êm đẹp đã qua từ thuở nào xa lăng lắc.

Khi Huyên tới, vườn xưa còn đẫm sương mai, cỏ cây trong vườn tươi mát. Anh dạo bước thủng thẳng quanh sân ngắm trời mây mà lòng thì lâng lâng vui thú. Chủ nhân và cô cháu gái hình như không có nhà và con Vện bữa ni thân ái quẫy đuôi ra đón mừng anh. Từ lúc mờ sáng Huyên đã rời nhà ở Kim Long và như một người rảnh rỗi nhất ở bên kia đại dương, Huyên diện bộ đồ ngắn gọn vào, chân đi đôi Adidas cũ quen mang rồi cao hứng chạy bộ một vòng thăm thú Huế khi ngày mới lên. Anh chạy nhẹ nhàng, chân nhịp đều đặn qua cầu Bạch Hổ rồi "nóng máy" xuôi về dọc Hữu ngạn sông Hương, rẽ qua cầu Trường Tiền. Trong buổi sớm tĩnh lặng của Huế hiền hòa, mấy o gánh gánh bún kĩu kịt tò mò lén nhìn Huyên tủm tỉm cười. Anh nhớ ngày xưa mẹ anh thường kêu gánh bún An Cựu vào cho cả nhà điểm tâm. Hồi đó nhà cha mẹ Huyên đang còn ở phía trong Thành nội, nhà ông nội Huyên thì ở trên Kim Long. Anh nhớ bún bò kiểu An Cựu khi mô cũng có thêm miếng huyết heo nấu chín, tô bún thơm cay và giá thiệt bình dân. Ngày ấy tha hồ cho chàng trai mới lớn ăn no nê tận tình. Rau sống xắt rối ăn kèm theo bún là bắp chuối sứ chát chát ngọt ngọt nhưng ăn hoài không chán. Bữa ni ăn bữa sau vắng đã thấy thèm. Vừa nhớ kỷ niệm xưa, chân Huyên dẻo dai chạy rẽ về hướng chợ Đông Ba và dừng lại nơi dãy hàng hoa, lựa mua một bó hoa khổng lồ đủ loại. Thược dược tím thẫm, hoa cúc vàng anh, mồng gà tươi thắm, thêm mươi bông hồng cánh còn e ấp hàm tiếu và long lanh những hạt sương. Mùa hè nên hoa sen tươi đẹp và thơm ngát. Anh nhờ cô bán hàng chọn cho anh những đóa sen hồng và sen trắng đẹp nhất. Cô hàng hớn

hở vì được ông khách Việt kiều rộng rãi mở hàng. Bao nhiêu là hoa nên Huyên không cách chi ôm cho xuể, anh thuê người xích lô trẻ chờ đó vì anh còn mua sắm nữa, chú bé sẽ bao thầu chở giúp anh tất cả về nhà. Huyên ghé vào sạp vải phía trong chợ chọn mua tặng bạn mấy xấp lụa ngoại quốc óng ả màu thiệt trang nhã. Anh không quên quà cho cô cháu nhỏ Hạ Huyền một lô "trâm cài lược dắt" xinh xinh. Toàn những món mấy cô con gái cưng của anh bên ấy vẫn ưa dùng. Thì ra bây giờ bên ni hàng của Mỹ bày ê hề mô có thua chi bên nớ. Cô hàng hoa tế nhị khi anh trở ra đã từ lúc mô mua dùm ông khách sộp hai cái độc bình bằng gốm Biên Hòa trông thật mỹ thuật. Cô ta góp ý:

— Cháu tính hoa nhiều như ri sợ nhà người quen của chú không đủ bình để cặm.

Huyên gục gặc đầu cám ơn cô bé đã chu đáo lo giúp anh. Huyên dặn cô hàng gói riêng mấy chục hoa sen vào trong lá sen, vì anh sẽ nhờ bạn đem hoa sen lên chùa cúng Phật.

Sáng sớm mát trời bà con đang còn rảnh rỗi mua bán nên xúm quanh chuyện trò thân mật với người khách Việt kiều bình dân vui tính. Huyên đãi cà phê cho cả chục chàng trai bạn chú xích lô đợi chở hoa cho mình. Huyên còn hào phóng mua mấy gói thuốc lá ngoại cho họ đưa cay chia vui niềm vui hồi cố hương của anh. Riêng cô hàng hoa và mấy bà bán hàng quanh đó Huyên không quên mời họ cùng ăn với anh cho "sạch bách" gánh bún An Cựu. Bởi vì o gánh bún hồi nẫy anh gặp trên cầu đang dừng chân dòm anh tỏ ý được anh mở hàng may xưa! Một buổi sáng ngập tràn hạnh phúc cho Huyên khi trở về với Huế thân yêu.

Và như thế ngày thứ 20 trở lại quê mẹ, Huyên đã sống hồn nhiên như chàng trai mới lớn đang yêu đời da diết.

Huyên đi lui đi tới trong vườn ngắm nghía mấy vồng rau đậu xanh tươi được trồng ngay ngắn lớp lang cùng săm soi dòm những hàng cây ổi rậm lá, anh thấy thấp thoáng giữa lá cành đã có những trái ổi xá lị trắng bóng sắp hái ăn được. Huyên không ngờ ngôi phủ ngày nay tuy vắng lầu các phòng ốc với tòa ngang dãy dọc, nhưng thay vào đó là vườn cây trái chăm nom cẩn thận. Giữa lúc ấy thì hai cô cháu Uyển Nhi trở về. Hai người hai chiếc xe đạp chở đầy giỏ trước giỏ sau ăm ắp đồ đoàn. Một mẹ gà mái tơ thò cổ ra khỏi giỏ mây ngơ ngác dòm Huyên. Anh nghĩ, tội nghiệp vì chàng mà trưa ni nó về kiếp khác! Chủ khách chào nhau thân thiết như họ chưa hề xa nhau lần nào. Huyên nhìn bạn hôm nay trẻ trung hẳn ra. Trong chiếc áo ngắn màu dâu hồng nhạt mặc trên chiếc quần lụa đen, bạn anh tươi tắn chớ không ủ ê như ngày hôm qua. Chiếc nón lá che khuất mái tóc điểm bạc, và nắng ban mai lồng qua lớp lá mỏng đã khéo làm ửng hồng hai má nàng. Huyên chợt thấy rộn ràng niềm thương mến.

Chú xích lô đem vô bao nhiêu là hoa tươi làm chủ nhà phải ngạc nhiên. Huyên đã đưa địa chỉ ở đây và hẹn chú ta chở thẳng hoa tới nhà Vỹ Dạ. Anh cám ơn và thưởng cho người xích lô trẻ đến "hai trăm ngàn đồng", tức chưa tới hai chục đô la. Chú "tài xế" có vẻ thư sinh ấy hớn hở vui mừng, với một cuốc xe nhẹ nhàng như sáng ni, chú đã kiếm được bằng gần cả tháng lao động. Bởi vì ở cái xứ Huế nghèo nàn này, dân chúng quen tiết kiệm nên hiếm ai đi xích lô, để khỏi lãng phí tiền bạc, vốn càng lúc càng khó kiếm ở đây.

Trong lúc Uyển Nhi lo làm cơm đãi khách trong bếp thì Huyên ra vườn phụ cô cháu nhỏ kiếm củi. Hạ Huyền ôm mấy ôm bẹ dừa đã phơi khô từ lâu vô cho bác Huyên chẻ ra thành từng thanh nhỏ. Nhà nghèo muốn khỏi tốn tiền mua củi, thường tận dụng cành khô lá khô lượm trong vườn rồi chất để dành sẵn mà chụm bếp quanh năm. Hai bác cháu vừa làm việc vừa nói chuyện tương đắc. Huyên kể cho cô cháu nghe về tình bạn thân của chàng với người cô của Hạ Huyền. Cô gái cho Huyên hay cha của cô là em trai út trong gia đình, ông là cựu sĩ quan "ngụy" nhưng tù chưa tới ba năm nên không được đi Mỹ theo diện H.O. Hiện nay ông vào làm phụ thợ hồ trong Đà Nẵng, còn mẹ cô cũng theo vào trong đó

với hai đứa em còn nhỏ. Cô bé chép miệng than:

— Bác biết không, đi tù về cực bắt chết mà ba mẹ cháu còn ưng sinh thêm hai em bé nữa đó bác.

Huyên cười an ủi:

— Lo chi cháu, trời sinh voi trời sinh cỏ, mọi sự rồi cũng tốt đẹp cả thôi.

Chàng hỏi thêm:

— Rứa là cô Uyển Nhi nuôi cháu ngoài ni? Hai cô cháu sinh sống bằng cách chi?

Hạ Huyền thủng thẳng kể, vì người cô trước đây là cán sự điều dưỡng nhà nước "ngụy", nên sau 75 "cách mạng" sa thải không cho làm công chức, bà phải làm y tá "chui" ở nhà. Đang nói cô bé chợt cao hứng vô chi tiết thú vị:

— Tụi nớ là bác sĩ mà lạ ghê, mổ ai chết nấy bác ơi. Bà con mình mỗi lần đau ốm đều tìm tới cô của con. Chích thuốc, uống thuốc chi đều một tay cô "bác sĩ vườn" của con thầu láng!

Nói xong cô bé cười trun mũi ngó thiệt dễ thương. Huyên lại hỏi:

— Còn cháu khi mô thì lấy chồng đây?

Thiếu nữ trợn mắt với ông bác:

— Không bao giờ! Cháu ghét chuyện nớ lắm...

Rồi cô bé ghé sát tai Huyên thì thầm có vẻ bí mật:

— Cháu noi gương cô Uyển Nhi thù đàn ông đó bác ơi!

Cô ta cười phá lên làm Huyên đang nghe nghiêm trang cũng phải tức cười. Chàng lại hỏi:

— Răng cháu biết cô của cháu "thù đàn ông"?

Hạ Huyền ngó thẳng mặt ông bác, và láu lỉnh trả lời gọn một câu:

— Dạ, là do ảnh hưởng của ông Tường Huyên ạ!

Huyên im lặng. Chàng thẫn thờ nhìn về phía ngôi nhà nhỏ giờ này chợt thấy một cụm khói đang tỏa lên ẻo lả từ ống khói nhà bếp.

Lát sau Huyên thở dài đứng lên nói với cháu:

— Củi chừng nớ chắc đủ dùng rồi cháu hỉ?

— Dạ bác lao động tốt như ri, e cả tháng sau nhà ni còn dư sức xài!

Hai bác cháu sau đó ôm một mớ củi vào cho nhà bếp. Người cô đang lui cui nấu nướng, hai má đỏ bừng vì bếp lửa, mồ hôi đẫm ướt vệt tóc mai, Huyên ngó thấy và sững sờ. Hình ảnh sao quá thân thương của một mái ấm gia đình hạnh phúc. Sau hơn ba mươi năm rời Huế mà đi biền biệt, trái tim Huyên nhói buốt vì mình đã dại dột đánh mất một mảnh đời vô cùng trân quý.

Ba người ngồi quanh chiếc bàn gỗ tạp đựng đầy thức ăn nóng sốt. Bình hoa rực rỡ bày chính giữa bàn nên ra vẻ một bữa tiệc sang trọng. Huyên vừa hít hà vừa ngắm nghía những đĩa tô đựng bao nhiêu là thức ăn chàng biết trước sẽ rất ngon lành. Bạn anh lên tiếng mời:

— Bác Huyên cầm đũa đi cho cô cháu tui ăn theo kẻo nguội lạnh.

Khách ngẩng đầu dòm bạn rồi trịnh trọng nói:

— Cám ơn bạn đã cho mình bữa cơm hội ngộ này. Sau hơn 30 năm chia tay, tạ ơn Trời Phật chúng ta vẫn còn sống an lành để chừ gặp lại nhau...

Cô gái nhỏ ngước mắt nhìn quanh, ông khách nói nửa chừng thì ngưng có lẽ vì nghẹn ngào, còn người cô đang quay mặt ra đằng sau, cô bé thấy bà chớp mắt nhiều lần, chắc để ngăn mấy giọt lệ mừng tủi?

Hạ Huyền phá tan bầu không khí cảm động, lên tiếng:

— Cháu mời bác Huyên, mời cô thời cơm, cho cháu "thời" theo vì cháu đói quá rồi đây nì.

Uyển Nhi vờ trừng mắt như muốn mắng đứa cháu vô phép, bà co ngón tay gõ nhẹ lên đầu con bé:

— Thì ăn đi, con gái con gung chi mà hư quá!

Thiếu nữ dòm bác khách mời lần nữa:

— Bác ăn đĩa gỏi ni trước, gỏi ngó sen Tịnh Tâm, chua chua ngọt ngọt, tiếp theo là gà tơ xé phay, thịt mềm thơm vị rau răm cay, tiếp nữa là

canh mướp đắng đặc biệt cô con mừng bác nếm vị cay đắng cuộc đời nì... Bánh cuốn quê hương nhân ngũ vị.

— Thôi đủ rồi bé, mi lắc xắc quá!

Người cô cắt ngang lời rao hàng của đứa cháu gái xí xọn. Bà nhẹ nhàng nói với bạn:

— Anh Huyên dùng thử coi có vừa miệng không. Bạn đi xa tới xứ văn minh giàu có nhứt thế giới sợ ăn món ăn Huế quê mùa không còn hợp vị.

Huyên buồn bã không nhìn ai đáp:

— Mình cảm thấy no nê vì không ngờ còn trở lại Huế như hôm ni... Thôi mọi người ăn một lần đi!

Khách cầm đũa gắp miếng bánh cuốn trắng trong, ở trên mặt là con tôm chua xinh xẻo ướt rượt màu cam hồng, lấp ló cọng rau muống xanh, dúm bún trắng, mẩu khoai lang vàng ngậy cùng lát ba chỉ mỏng dính, anh cẩn thận chấm vào chén nước tương sánh nâu có rải đậu phụng bùi, chưa ăn Huyên đã ngây say hương vị đậm đà. Huyên tự nhiên nói:

— Nội cái món bánh cuốn đơn sơ ni đủ cô đọng cả trời xứ Huế trong đó.

Hạ Huyền dòm bác có ý thắc mắc. Huyên nghiêng đầu trả lời cô bé:

— Theo bác, người Huế mình "tham lam" lắm. Rau muống xanh nhiều chất đạm, hiền, khoai lang dẻo bùi nhiều bột, thịt ba chỉ xắt thiệt mỏng, dân Huế đi xa ai cũng nói chỉ về đây mình mới thưởng thức miếng thịt heo không ngán, heo cỏ nên da mỏng, mỡ béo chỉ bám chút xíu làm duyên, còn mùi vị thì thơm thơm quyện với bún tươi sợi nhỏ rí. Như rứa có phải miếng bánh cuốn ni đã bao gồm vừa hương sắc thiên nhiên vừa đầy đủ chất bổ. Cháu nghe bác lý sự như rứa có đúng không nà?

Hạ Huyền ngẩn ngơ vì lời giải thích của ông bác có lý ghê, cô bé săm soi ngắm nghía mẩu bánh vừa gục gặc đầu tỏ ý "khâm phục" lời của người khách Việt kiều. Mới trưa hôm qua ông ta còn xa lạ mà nay cô thấy thân thuộc như thuở mô tới chừ. Cô lén nghĩ thầm, hèn chi cô hai mình không tương tư một đời ông bác! Cô chợt liếc qua bà cô, Uyển Nhi trầm ngâm không nói không rằng, mặt mũi lạnh tanh. Cô bé bắt chước khách cũng phân tích trong bụng, bà cô mình đang sóng gió nổi lên trong lòng dù bên ngoài vẫn là núi hỏa sơn thời lắng đọng, con gái Huế mà! Thiếu nữ mới qua tuổi trăng rằm, nhưng đã được nuôi dưỡng trong hoàn cảnh trầm mặc, núi sông ấy un đúc từ khi nào con người Huế thâm trầm.

Ba người ăn uống mãi cả tiếng đồng hồ không xong. Trong lúc hai bác cháu thành một cặp tri kỷ đối thoại tương đắc về ẩm thực. Uyển Nhi chỉ lắng nghe tưởng như lơ đãng mà tự thâm tâm xao động những buồn vui khó tả.

Mãi đến xế trưa họ mới dùng qua món tráng miệng. Trái cây Huế chín tới nhà vườn mới hái xuống đem bán nên mua về ăn ngọt hết sức. Mùa hè nên Huyên được nếm nhãn lồng Nguyệt Biều, hột nhỏ rức mà cơm dày nhai dòn tan. Chàng còn được ăn mãng cầu gai nữa. Lâu quá rồi Huyên chỉ ăn loại mãng cầu dai của trong Nam, múi nhiều hội ít nhưng làm răng bì với mãng cầu gai của Huế. Trái lớn vì được ủ trên cành, đợi cho gai nở toàn diện hãy hái xuống, vỏ ửng hồng xen giữa sắc lục non, cầm trong tay thấy nặng và mềm. Một trái to có khi cầm tràn tay người lớn.

Ăn uống xong xuôi Huyên dành phần rửa chén, nhưng cả hai cô cháu Hạ Huyền đều bất bình, vì làm răng họ lại chịu để cho đàn ông làm việc bếp núc nhỏ nhen như rứa. Mặc dù khách nói bên Mỹ là bình đẳng, anh chuyên công tác nhẹ nhàng này, vì nấu nướng là phần của mẹ con Trâm cáng đáng rồi.

Buổi chiều nắng dịu xuống, Huyên theo chân cô cháu nhỏ ra bến sông sau vườn chơi. Hạ Huyền lo rửa chén bát, còn khách thì ngắm cảnh. Huyên chợt thấy lòng xao xuyến vì trước mắt chàng lau lách đìu hiu ven sông nào có khác chi thuở ấy. Cách một làn nước lặng lờ, bên kia cồn đất đỏ rợp rờn những bụi mía có thân đỏ au, xa xa hàng bắp đã trổ cờ trắng xóa đang phất phơ theo gió... Anh nhớ thuở đó có lần đã bơi qua bên

tê cồn với người anh Uyển Nhi, để hái trộm bắp đem về nhà luộc ăn tươi. Bắp hái xong nấu ăn liền nên ngon ơi là ngon. Mẹ của nàng còn mua thêm bắp non về nấu chè đãi cho cả bầy con háu đói. Kỷ niệm dễ thương nớ lại khiến anh ngậm ngùi. Huyên định bụng ngày mai sẽ rủ bạn đi thăm mộ những người thân đã nằm xuống vĩnh viễn.

Khi Huyên quay trở vô nhà tìm bạn để chuyện trò thêm vì anh chưa hỏi cho hết chuyện về Huế, vừa lúc thấy Uyển Nhi đang đứng trong lùm mía trồng gần nhà nàng, có lẽ bạn anh muốn đốn mía vào đãi khách. Huyên liền bước vào rồi dành lấy cây rựa trên tay cô ấy. Huyên nói:

- Ăn mía bữa ni lại nhớ lần uống nước mía ép trên quán nhà Ga, Nhi còn nhớ không, hôm đó hai đứa mình đều không ai đem tiền theo mà khát quá nên cứ uống rồi tính sau...

Nhi cười khúc khích tiếp nối câu chuyện:

— May mà quán vẫn cho anh "vắt sổ", vì khách vốn quen ăn chịu mà!

Hai người nhìn nhau cười vui như sống lại thời kỳ mới lớn, thường hẹn hò nhau, chàng chở nàng khắp nơi khắp chốn, như một sự đính ước, một sự bạch hóa với cả xứ Huế khó tánh thuở đó. Hai người đốn luôn cả chục cây mía, vừa ăn vừa để dành bán cho bạn hàng quen tới tận nhà mua về róc vỏ đem đi bán lẻ. Từ nhiều năm nay bạn của anh đã kiếm thêm tiền chợ bằng cách trồng rau đậu trái trăng trong vườn. Nhờ Uyển Nhi lam lũ chịu khó tưới bón hôm sớm nên hoa màu tốt tươi, thêm tiền hành nhề "bác sĩ vườn - chui" nữa nên hai cô cháu cũng đủ sống đạm bạc qua ngày.

Huyên giúp bạn quét dọn lại sân vườn sau khi đã đốn hết một phần tư bụi mía. Anh chợt ngó Uyển Nhi thấy hai má nàng đỏ bừng vì "lao động tốt" trông dễ thương quá, thấy mấy cọng lá khô bám trên vai áo, anh bước tới gần và đưa tay phủi cho sạch. Uyển Nhi khẽ rùng mình vì sự đụng chạm đó. Huyên cũng xúc động và không cưỡng lại tình cảm trào dâng, anh ôm vai Uyển Nhi sát vào ngực áo mình và hôn lướt lên một bên gò má nóng bỏng của nàng. Nụ hôn nhẹ như gió thoảng nhưng tưởng chừng đốt cháy cả người cô, Uyển Nhi run lẩy bẩy và hai tay tự nhiên níu lấy Huyên. Trái tim cô đập rộn ràng không khác chi ngày ấy cách nay gần bốn mươi năm lần đầu tiên được chàng tỏ tình và tiếp theo là nụ hôn vụng về lên má lên môi như hôm nay.

Bỗng từ phía sau nương vang vang giọng hát tươi trẻ của Hạ Huyền, Uyển Nhi chợt tỉnh, vội vùng khỏi vòng tay xiết chặt của chàng rồi bỏ chạy vô nhà khiến Huyên ngơ ngác dòm theo. Lát sau anh cũng theo vào, Nhi đang im lặng thu xếp vào tủ chè mớ chén bát Hạ Huyền vừa rửa xong đem lên từ bến sông sau nhà. Huyên bứt rứt, cảm thấy có lỗi vì đã khuấy động cuộc sống yên tĩnh của cố nhân. Dòm nét mặt buồn buồn của nàng, anh hối hận hết sức. Huyên đã tự dặn lòng mình khi tới đây phải giữ cho tình cảm trong sáng. Anh rất quý trọng Uyển Nhi, người bạn gái đã một đời vì anh mà giữ gìn "trinh trắng". Rứa mà chừ anh đã mềm lòng lôi cuốn nàng vào "sóng gió". Vẫn biết đó chỉ là một nụ hôn nhẹ, một vòng tay ôm chưa thiệt sự khít khao. Phía anh, Huyên không một chút mặc cảm tội lỗi với Trâm, bên Mỹ bạn bè nam nữ lâu ngày gặp nhau, ôm nhau mừng rỡ là chuyện thường. Nhưng mà về nàng, Uyển Nhi chắc chắn xao động ghê lắm.

Hai người lại ngồi đối diện nơi bàn tròn nhưng không ai nói lời nào. Mãi Huyên lên tiếng trước:

— Mình xin lỗi bạn... Suốt đời Huyên, Nhi là người Huyên thương quý nhất nên...

Uyển Nhi ngắt lời anh:

— Thôi anh, anh đừng nói chi hết. Do lỗi tôi, vì anh là đàn ông tình cảm khi mô cũng rộng rãi. Nhưng còn gia đình anh, chị Trâm và các cháu ngoan bên ấy. Tôi nghĩ chúng mình nên dừng lại. Kiếp này vô duyên thì hẹn kiếp sau.

Huyên nhìn thẳng vào khuôn mặt tái xanh của Uyển Nhi, xúc động nói:

— Cám ơn Nhi, Huyên sẽ nghe theo lời bạn.

Vừa lúc đó Hạ Huyền bước ra xin phép cô và bác khách rời nhà tới chơi nhà bạn chập tối mới về, Huyên nhân dịp chào từ giã cháu gái dễ thương, tặng gói quà xinh xinh làm kỷ niệm cho Hạ Huyền. Huyên nói lớn:

— Cháu ở lại nghe, ngày mai bác vô Sàigòn để về Mỹ, không biết tới khi mô thì gặp lại cháu.

Cô cháu đứng sững giữa nhà, la lên:

— Răng lạ rứa bác, còn chuyện cả nhà đi núi thăm mộ, thăm lăng tẩm thì răng, bác hứa rồi mà...

Huyên không nhìn ai chỉ nói như phân bua:

— À, vì chừ bác sực nhớ là có cái hẹn business quan trọng trong đó với bạn nên phải bay vô giải quyết gấp. Thôi cháu à, quả đất tròn, bác cháu mình chi cũng tái ngộ mà!

Nói xong Huyên đứng lên dang rộng hai tay ôm cô cháu bé bỏng vào lòng. Chàng hôn lên mái tóc đen mượt thơm mùi bồ kết của Hạ Huyền, và chợt nhớ tới mấy đứa con gái cưng của mình, nước mắt Huyên bỗng rưng rưng tưởng chừng như mình sắp phải xa lìa nó, cũng là đứa con ruột thịt của mình, mãi mãi. Thiếu nữ cũng mủi lòng, Hạ Huyền đỏ hoe hai mắt, rúc mãi vào lòng bác. Cô mới quen với ông bác, vừa thấy thân thương ghê lắm, thì nay bắt phải chia tay biểu răng cô không buồn. Cô ngước lên nhìn Huyên vừa tấm tức nói:

— Cháu biết bác về bên nớ là quên hết bên ni mà!

Huyên trả lời Hạ Huyền nửa đùa nửa thật:

— Không bao giờ! Bác sẽ trở lại sống với Huế, mươi năm nữa khi về hưu. Cháu có "nuôi" bác già khi nớ không nà?

Thiếu nữ nước mắt lưng tròng nhưng miệng cười toe, nó hí hửng:

— Cháu hứa, sẽ cố sức học giỏi, nay mai đất nước giàu có, Huế hết khổ, bác về, cháu sẽ phụng dưỡng bác. Ô Kê!

Hai bác cháu cùng phá ra cười làm không khí trở nên vui tươi và họ cảm thấy cuộc đời răng mà quá hạnh phúc. Trong lúc đó người cô cố làm vẻ tươi tỉnh nhìn hai người nói:

— Thôi bé đi mô thì nhớ mau về kẻo tối, còn bác Huyên cũng sửa soạn thôi, đường từ đây lên Kim Long còn xa lắm.

Hạ Huyền ái ngại ngó cô, nó thương cô hết sức, rứa là mai bà phải giã biệt "cố nhân" trở lại cảnh đời cô đơn như trước. Nó nghĩ thầm, mình là cô chắc mình chết mất. Nhưng coi bộ răng cô lại tỉnh khô vô sự ri hè?, vô lẽ khi người ta già rồi người ta trở nên khô khan tình cảm? Thiếu nữ đưa mắt tò mò lén quan sát hai người lớn. Ông bác đang nhìn quanh nhà chắc để ghi nhớ cảnh cũ người xưa. Và cô chợt thoáng bắt gặp nét nhìn đăm đắm của bà cô dõi theo người bạn cũ. Hạ Huyền trầm ngâm thương cảm họ ghê. Nó buột miệng, răng đời chi mà lắm khổ lụy!

Trời sụp tối khi mô không hay, Huyên bịn rịn đứng lên chào bạn lần nữa để lên đường. Giữa nhà một bóng đèn điện vàng vọt không đủ xua tan ánh chiều chập choạng tím sẫm đang lan tràn cả không gian một khối buồn sầu đến muốn khóc, tối ám và câm nín như cuộc đời hiu hắt của Uyển Nhi. Hai người bắt tay nhau lần cuối, bàn tay nàng nhỏ nhoi đến tội nghiệp. Huyên vội vàng lên xe cúi đầu đạp nhanh ra khỏi con ngõ hẹp. Uyển Nhi thẫn thờ quay bước trở vào căn nhà nhỏ quen thuộc, đưa tay khép chặt hai cánh cửa ọp ẹp.

Về đêm trời mát dịu, ngọn gió từ mé sông sau vườn xô lên thổi xào xạc đám tóc lá bụi mía trồng gần nhà. Người đàn bà cô đơn nghiêng vai quay hướng về phía xôn xao cỏ cây đó, bà khẽ đưa bàn tay cô đơn sờ lên má lên môi mình... hình như môi má bà còn ấm vì một nụ hôn.

San Jose, chớm lạnh
mùa Halloween 1997.

✍ ***Phan Mộng Hoàn.***

(Nơi chốn, tên tuổi trong truyện chỉ là giả tưởng — Mọi sự trùng hợp xin xem là sự ngẫu nhiên).

*

PHÁC-THẢO CHÂN-DUNG VĂN-HỌC

ĐỨC CHA HỒ NGỌC-CẨN

Võ Long-Tê

Bài nầy viết về một danh-nhân Việt-Nam gốc Huế: Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn (1876-1948), tên thánh là Đa-minh Ma-ri-a, giám-mục Việt-Nam thứ-khởi. Như quốc-sử và giáo-sử đã ghi-nhận, giám-mục Việt-Nam tiên-khởi là Đức Cha Nguyễn Bá-Tòng, tên thánh là Gio-an Tẩy-giả, được Đức Giáo-Hoàng Pi-ô XI tấn-phong tại Rô-ma ngày 11-6-1933, theo chủ-trương truyền-thống tiến tới việc thiết-lập phẩm-trật giám-mục người bản xứ tại các xứ truyền-giáo.

Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn sinh ngày 3-12-1876 là người xứ Ngọc-hồ, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Ngài thụ-phong linh-mục ngày 20-12-1902, bắt đầu hoạt-động mục-vụ tại tỉnh Quảng-bình: làm phó-xứ Kẻ Văn trong ba năm, chánh-xứ Kẻ Hạt trong năm năm; từ 1910 đến 1925 làm giáo-sư Tiểu-chủng-viện An-ninh (Quảng-trị); từ 1925 đến 1935 làm Bề Trên tiên-khởi Dòng Thánh-Tâm Địa-phận Huế. Ngày 12-3-1935 Đức Giáo-Hoàng Pi-ô XI bổ-nhiệm ngài làm giám-mục hiệu-tòa Zenobia với nhiệm-vụ Phó Đại-diện Tông-Tòa địa-phận Bùi-chu với quyền kế vị. Sau lễ tấn-phong cử-hành tại Huế ngày 29-6-1935, ngài lên đường vinh-quy về Bùi-chu ngày 1-8-1935 và, non một năm sau, làm Đại-diện Tông-Tòa Bùi-chu, kế vị Đức Cha Phê-rô Munagorri (Trung) ly trần ngày 17-6-1936. Sau 12 năm làm giám-mục, Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn về chầu Chúa ngày 27-11-1948.

Huy-hiệu giám-mục của ngài đủ nói lên tâm-tình quyến-luyến của ngài đối với địa-phận Huế và địa-phận Bùi-chu: *"Huy-hiệu của ngài là một hình thuẫn, chính giữa là Thánh-Tâm Chúa Giê-su giãi ánh sáng ra hai phía, một là Sông Hương Núi Ngự, một bên là Nhà Thờ Bùi-chu. Phía dưới là cuốn sách vấn tràng hạt Mân-côi"* (1).

Nhiều sách đã đề-cập đến đời linh-mục và giám-mục của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn (2), nhưng sự-nghiệp văn-học của ngài chưa hề được nghiên-cứu đúng mức.

• TÁC-GIẢ 100 TÁC PHẨM VĂN HỌC TÔN GIÁO

Như bi-ký nơi tượng-đài dựng tại Nhà Mẹ Tu-hội Mân-côi ở Chí-hòa (Sài-gòn) đã nêu rõ, ngài đã *"trước-tác 100 cuốn sách văn-học tôn-giáo"*. (3) Thế nhưng, các sách văn-học Việt-Nam, do những học-giả và giáo-sư người lương trước-thuật, không hề nhắc đến tên ngài. Trước sự im-lặng dường như đồng tình đó, một số nhà cầm bút Công-giáo đã bắt đầu nói đến nhà văn Hồ Ngọc-Cẩn. Theo sự hiểu-biết của tôi thì chỉ mới có hai cuốn sách bàn về văn-nghiệp của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn.

Người đầu tiên là linh-mục giáo-sư Thanh-lãng đã viết về giám-mục Hồ Ngọc-Cẩn trong giáo-trình dành cho sinh-viên lớp Dự-bị Văn-khoa Đại-học Sài-gòn, năm 1967 thì in thành sách dưới nhan-đề *Bảng lược-đồ văn-học Việt-Nam* (4). Trong

sách này Thanh-lãng đề-cập ngài trong chương bàn về các nhà phê-bình thời-kỳ 1913-1933 và nêu danh hai tác-phẩm "đáng chú ý nhứt" của ngài là *Sách mẹo tiếng Annam* và *Văn-chương thi-phú Annam*, riêng cuốn sau được phân-tích sơ-lược với nhận-định *"khảo-cứu về văn-học thời kỳ này [1913-1933] mà không nghiên-cứu đến những tác-phẩm như Văn-chương thi-phú là thiếu-thốn vậy"*.

Người thứ hai là linh-mục Phạm Châu-Diên, tên thánh Giu-se Ma-ri-a, tác-giả sách *Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục Bùi-chu (1876-1948)* in năm 199O (5). Sách này là một cuốn tiểu-truyện, tuy nhiên nhà nghiên-cứu văn-học may-mắn tìm thấy trong đó những trang có nêu danh và đôi khi trích dẫn một số tác-phẩm của ngài. Thời-thế đã làm thất lạc nhiều tác-phẩm đã in, và bản thảo tập Nhật-ký 700 trang cỡ lớn (sđd tr.93).

Trước năm 1945, khi ngài còn tại thế, sách Hán-tự qui giản của ngài là một trong bảy cuốn sách mà nhà Việt-nam-học Georges Cordier đã tham-khảo và đôi khi trích dẫn để viết tác-phẩm Langue chinoise écrite. Petite méthode pour l'étude des caractères sino-annamites. Grammaire et exercices (6).

Gần đây, linh-mục Trần Anh-Dũng có ghi nhận trong sách *Sơ-thảo thư-mục Công-giáo Việt-Nam* (7) 16

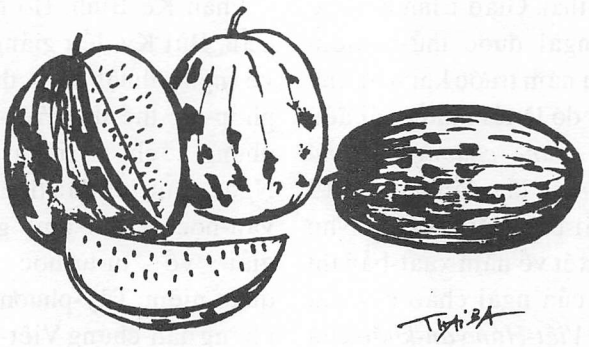

tác-phẩm của của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn trong số có 2 tác-phẩm đã được linh-mục Phạm Châu-Diên nêu nhan-đề.

Tác-giả bài này hiện có dưới mắt 7 tác-phẩm của ngài trong số có một tác-phẩm không được các tác-giả thượng dẫn nêu danh. Ngoài ra, trong bộ sưu-tập của tôi có một số bài ngài đã đăng tạp-chí Lời Thăm (Qui-nhơn) không rõ đã in thành sách hay chưa: bài báo về thời-sự, bài khảo-luận về chủ đề Tu-thân vi bổn, bài mẫu luận quấc (sic) ngữ (chưa dẫn làm mẫu trong sách Văn-chương thi-phú Annnam) và danh-ngôn dẫn dịch dưới nhan đề "Phương-ngôn tạp cú."

Theo phép biên-khảo về một tác-giả, hễ lập được đầy-đủ thư-mục các công-trình của và về tác-giả ấy thì kể như đã hoàn-thành quá nửa công-trình biên- khảo mong muốn. Thư-mục Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn mà tôi thử thiết-lập cuối bài này xét ra còn thiếu-sót, chưa phản-ảnh chân-dung văn- học của ngài. Với hy-vọng được quý vị thức-giả chỉ-giáo và bổ-chính, nhất là công-bố những văn-liệu liên-quan mà quý vị may-mắn tàng-trữ, bài phác-thảo này chỉ nhằm giới-thiệu Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn là nhà biên-khảo tu-từ-học, nhà lập thuyết văn xuôi, nhà văn nghị-luận và nhà văn sáng-tác.

NHÀ BIÊN-KHẢO

Trong lịch-sử văn-học tiền bán thế-kỷ XX ngài là nhà biên-khảo đầu tiên có công hội nhập tu-từ-học Tây-phương; cùng với một số ít nhà văn cựu-học khác, ngài góp công khác phát-huy các phép-tắc văn-thơ Việt-Nam. Đó là cảm-tưởng trội nhất khi chúng ta nghiên cứu cuốn *Văn-chương thi-phú Annam* của ngài.

Qua tiểu-sử chúng ta được biết chính nhà giáo Hồ Ngọc-Cẩn đã tạo nên nhà văn Hồ Ngọc-Cẩn. Là giáo-sư tiểu-chủng-viện An-ninh rồi Bề Trên kiêm giáo-sư Dòng Thánh-Tâm Huế, tinh-thông năm thứ tiếng: Việt, Hán, Pháp, Anh, La (8), ngài từng giảng-dạy văn-chương Việt-Nam từ năm 1910, vào lúc văn- chương bằng chữ quốc-ngữ mới

phôi-thai. Giáo-trình liên-hệ của ngài được thử-nghiệm nhiều năm trước khi in thành sách: đó là tôi muốn nói đến cuốn *Văn- chương thi-phú Annam* in lần đầu năm 1919 và tái-bản năm 1923. Như vậy, xét về năm xuất-bản thì sách của ngài chào đời sau cuốn *Việt-Hán văn-khảo* của cụ cử Phan Kế-Bính, nhưng xét về sự soạn-thảo và sự phổ-biến thì sách của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn đã xuất-hiện trong dạng giáo-trình vì ngài dạy học kể từ năm 1910.

Trong bối-cảnh thời-kỳ văn-học 1913-1933, chúng ta hãy xét niên-biểu sau đây:

— 1918: Việt-Hán văn-khảo của Phan kế-Bính

Tựa của Hoàng Tăng-Bí - Hà-nội, Trung-Bắc Tân-văn xuất-bản (Đã đăng tuần-báo Đông-dương tạp-chí từ số 149 đến số 184, đệ nhất lục cá nguyệt 1918).

— 1919: Văn-chương thi-phú Annam — Litérature et prosodie annamite của Cha Hồ Ngọc-Cẩn. Hong kong, Imprimerie de la Mission, 273 trang.

- In lần thứ hai. Hongkong, Imprimerie de la Société des Missions

Étrangères, 1923, 286 trang.

— 1932: Quốc-văn cụ-thể của Bùi Kỷ

Tựa của Trần trọng Kim

Hà-nội, Tân-Việt-Nam xuất-bản.

- In lần thứ ba, Sài-gòn, Tân-Việt xuất-bản, 1956, 172 trang.

Phan Kế-Bính, Hồ Ngọc-Cẩn, Bùi Kỷ đều giảng-giải về nghệ-thuật làm thơ và phép-tắc thể thơ Việt-Nam, nhưng chỉ riêng Hồ Ngọc-Cẩn, lần đầu tiên trong văn-học Việt-Nam, giảng-giải về tu-từ-học theo quan-niệm Tây-phương với những dẫn-chứng Việt-Nam.

Linh-mục Hồ Ngọc-Cẩn viết:

"... Những cách nói bóng vốn trong tiếng Annam cũng có như trong tiếng khác; song vì trong tiếng Annam chưa đặt chính tên kêu cho các cách nói ấy; nên nay tôi phải mượn tiếng Lang-sa mà chỉ tên những cách nói ấy, rồi cũng giải cho học-trò được rõ mà dùng... Figure [từ-hoa] là kiểu nói bóng cho ra văn-hoa khéo-léo mặn-nồng. Vậy có hai thứ figures [từ-hoa]: 1. là figures de mots [tự-hoa] là khi dùng tiếng bóng dáng, 2. là figures de pensée [tư-hoa] lá cách nói ý-tứ ra một cách bóng-dáng" (sđd tr. 16,17).

Tác-giả giảng-giải theo tu-từ-học Tây-phương cổ-điển, nhưng thay vì phân-biệt ba loại từ-hoa: 1. tự-hoa, 2. ngữ-pháp-hoa (figures de construction) 3. tư-hoa, đã chấp-nhận một cách phân-loại giản-dị hơn là phân-biệt tự-hoa và tư-hoa mà thôi: như vậy, tác-giả đã xếp cách nói dư tiếng (pléonasme) vốn thuộc loại ngữ-pháp-hoa vào loại tự-hoa (sđd trg 14), hay cách đặt tiếng có cấp có bậc hoặc lên hoặc xuống (gradation ascendante ou descendante) vốn thuộc loại ngữ-pháp-hoa vào loại tư-hoa (sđd tr.18).

Riêng về tu-từ-học thì đến 1938, giáo-sư Trần Cảnh-Hảo, tác-giả sách Học tiếng Nam (9), mới đặt danh-xưng Việt-Nam cho mỗi từ-hoa, sắp-xếp thành hai loại như tác-giả Văn- chương thi-phú. Với cuốn *Việt-Nam văn-phạm* của ba tác-giả Trần trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm-duy Khiêm, xuất-bản lần đầu năm 1940 (10), tu-từ-học được mệnh danh là mỹ-từ-pháp gồm mười lăm cách, họp thành một loại duy-nhất, không còn chia thành hai hay ba loại như tu-từ-học Tây-phương cổ-điển nữa.

Về phép-tắc các thể thơ Việt-Nam, ngài có những khám-phá đặc-sắc, chẳng hạn về vần trong các thể nói lối và văn-vè (sđd tr.61-167). Cách trình-bày dễ hiểu, minh-bạch theo nguyên-tắc sư-phạm, đôi lúc tóm-tắt phép-tắc bằng văn vần cho dễ nhớ: về phép-tắc thể lục bát thì tóm lại trong mấy câu ... lục-bát sau đây:

"Bình hai, sáu tám, trắc tư
Phải lo giữ trọn; kỳ dư mặc tình;
Bằng không giữ đặng cho tinh,
Hai trắc bốn bình thế lại cũng xuôi;
Tám trên sáu dưới hòa đuôi,
Sáu còn hòa sáu chớ luôi vận nào" (sđd, tr.167).

• NHÀ LẬP THUYẾT VĂN XUÔI CẦN CÓ NHẠC-ĐIỆU

Quyển thứ nhất (tr.5-146) trong sách Văn-chương thi-phú, biệt-danh Dạy về văn-chương, thực-chất dạy về nghệ-thuật viết văn xuôi. Tác-giả chủ-trương văn xuôi tiếng Việt cũng phải có nhạc-điệu vì tiếng Việt có tám thanh, phân thành hai loại bình và trắc. Sau khi sơ-giải thế nào là tiếng bình và tiếng trắc, tác-giả đưa ra ba qui-tắc như sau:

"Bây giờ phải biết muốn cho xuôi câu, thì phải giữ mấy đều [điều] nầy:

1. Đừng để cho nhiều tiếng bình hay nhiều tiếng trắc ở liên nhau, nhứt là khi nó có một dấu như nhau, hay là ở cuối câu thì càng khó nghe hơn nữa , như: Hôm nay anh đau, em đi thăm.

— Mời thầy vào nhà dòng

— Bắt cóc bỏ dĩa.

— Nấu cháo cá, xáo thịt thỏ v.v

Song tiếng không dấu và tiếng dấu huyền xen lộn nhau cũng còn dễ nghe, như: Mời anh vào nhà thăm tôi cùng.

2. Các tiếng hơi trùng vần trùng chữ với nhau thì chớ đặt lộn với nhau quá mà khó nghe, như: Tháng năm nắng lắm, bắp mọc không đặng.

— Bưng mâm chồng man úp mủng v.v.

3. Đều [Điều] nhứt hạng là lo cho ba tiếng cuối câu, có một trắc đứng trước hai bình, hay là một bình đứng trước hai trắc, hoặc hai trắc đứng trước một bình, hay là hai bình đứng trước một trắc. Lại lo cho hai câu liên nhau ở cuối có trắc bình đối nhau thì hay.

Phải chi thỉnh-thoảng lại xen lộn từng cặp đối nhau thì nghe êm tai dịu giọng.

Hãy xem sách Quê ta ở đâu, Triết-nhơn tri-kỷ, Cha mẹ dạy con, Hạnh Bà Têrêsa hài-đồng Giêgiu, thì năng gặp các câu cách ấy. Ví dụ như câu:

"Gẫm phận mình tài hèn trí bạc.

Dám đâu hùng-biện cao-đàm,

song nghĩ tình khách quí bạn vàng,

mới ra tay luận-bàn chơn-giả.

Phàm người đời ai cũng muốn gọi rằng khôn, chẳng ai ưa mang tiếng dại, song dại với khôn cách nhau một bước, mà trẽ ra hai đàng v.v. (Triết-nhơn tri ký)" (sđd tr.10-11)

Nguyên-tắc tạo nhạc-điệu cho văn xuôi đến nay vẫn còn có giá-trị. Nhưng riêng về về việc thỉnh thoảng xen lộn từng cặp đối nhau, theo cung-cách thể biền-văn thời nho-học, chỉ là muốn duy-trì một thời-thượng đã bị vượt qua: Trong văn xuôi mới, phép từ-hoa đối-ngẫu chỉ nên dùng hạn-chế trong các bài văn nghị-luận, thuyết-giảng mà thôi.

NHÀ VĂN NGHỊ LUẬN

Văn nghị-luận của ngài có giọng-điệu cổ-kính đạo-mạo, giống như một số nhà văn chữ quốc ngữ thập niên 20 mà nhiều sách văn-tuyển giáo-khoa thường trích dẫn, như Nguyễn bá Học, Dương bá Trạc, Phạm Quỳnh... Chính cụ Phan Bội Châu đã khen bài nghị-luận *"Cái lưỡi không xương nhiều đường lắt-léo"* là thứ văn chém sắt chặt đanh (11).

Sau đây là bài VI trong sách *Thận chung truy viễn* (1923) của ngài:

Làm người sinh ký tử quy,
Sống rày gởi xác, thác đi chốn nào?

Người đời mảng lo theo cuộc thế, việc phần hồn chẳng sá, đàng đạo-lý không suy, giai do cũng vì khuất chữ thận chung, lại chẳng dùng đến câu truy viễn. Sống thế hay thế, chết rồi mặc thây, đó là không biết thận chung; ở đời hay đời, thần sau mặc kiếp: ấy là chẳng wazzu suy câu truy viễn. Làm người như thế, thế chẳng xứng người; loài cầm-thú muông chim, nó sống hay sống, chết hay chết, ấy sự đã đành vì nó chẳng có trí khôn, chẳng biết sự lành, cùng chẳng hiểu sự dữ. Song nhân-loại có tam cương ngũ đức, có tâm-tư thất tình, biết câu tác thiện, nhớ chữ tồn tâm, há đâu chết như giống phi cầm, lẽ nào sống tợ loài tẩu-thú? Nếu tác phúc lập công mà không có thưởng, thì ai thèm chi tác-phúc, ai sá chi lập công? Nếu vi phi hành quái, mà chẳng có nghiêm-trừng, thì ai sợ chi vi phi, ai sợ

chi hành quái? Bởi vậy nên sách mới nói rằng: Thiện ác nhược bất báo, càn khôn tất hữu tư: Nếu sự lành sự dữ không có thưởng phạt, thì trời có bụng thiên-tư, chẳng phải là liêm-chính. Ấy đã chắc lành dữ phải có thưởng phạt; nhưng chúng tôi năng thấy nhiều người khiêm-từ đức-hạnh, mà trót đời những gặp gian-nan; lại nhiều kẻ ngỗ-nghịch độc-ác, mà càng được nhiều sung- sướng. Suy đó thì đã rõ đời này chưa có thưởng phạt, thế tất phải có thưởng phạt đời sau, thì mới cho hợp lý. Bởi vậy nên mới nói rằng: Sinh ký tử quy, sống gởi thác về; về mà lĩnh phần thưởng hay phần phạt tùy phúc tội đã làm khi còn sống. Cho nên đã rõ hai nơi về, hai nơi ấy trong thánh-giáo gọi là thiên-đàng và hỏa-ngục: Thiên-đàng muôn đời vinh-phúc thưởng kẻ lành; hỏa-ngục muôn kiếp trầm-luân phạt kẻ dữ. Dữ lành sống rày không xét, phúc họa lúc ấy sẽ hay. Ô hô ! Hối nhi bất cập !

Sống rày gởi xác chốn trần-gian,

Thác đoạn hai nơi có sẵn-sàng:

Thói dữ chẳng chừa về hỏa-ngục,

Việc lành chuyên luyện thưởng thiên-đàng.

Câu chung hữu báo nào u-ám?

Chữ một nan đào hẳn rõ ràng.

Đạo Chúa tỏ-bày đàng tác phúc,

Sống rày vâng giữ, chết bình an.

• NHÀ VĂN SÁNG-TÁC

Ngoài lối văn nghị-luận sở trường, ngài cũng xuất-sắc trong loại các loại văn sáng-tác, tôi muốn nói đến lối văn tả cảnh tả tình mà chính ngài đã giảng dạy nhiều thế-hệ chủng-sinh. Về văn tả cảnh, chẳng hạn, ngài đã nêu làm mẫu bài ngài viết về phong-cảnh hang đá Chùa Nghe mà ngài đã tham-quan thuở hoạt-động mục-vụ ở Quảng-bình (1902-1910).

Theo sự hiểu-biết hạn-hẹp của tôi, có hai nhà văn đã mô-tả kỳ quan thắng-tích hang động tại tỉnh Quảng-bình. Người thứ nhất là nhà văn Từ-ngọc, tức giáo-sư Nguyễn Lân mà tôi đã thụ-giáo tại trường Quốc-học, tác-giả tiểu-thuyết *Hai ngả* (1939); một trích đoạn tiểu-thuyết này được dẫn lục dưới nhan-đề *"Động Phong-nha"* trong sách Manuel de littérature annamite — Việt-văn giáo-khoa thư của giáo-sư Dương Quảng-Hàm (1942). Người thứ hai là nhà văn Thái văn Kiểm, tác-giả thiên phóng-sự *Thám-hiểm động Phong-* — *được giải nhất một cuộc Thi Văn-Chương năm 1942 tại Hà-nội. Chúng tôi xin dẫn lục bài của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn:*

Vẽ phong-cảnh hang đá Chùa Nghe

Gẫm xét xung quanh bầu thế-giái, ắt là phải biết Đấng Chí Tôn; nhìn xem trên dưới cuộc càn-khôn, há nỡ chẳng khen quyền Tạo-Hóa? Kìa xem ở tỉnh Quảng-bình tại xứ Chùa Nghe, có một hang đá rất nên là đẹp, phải đi thuyền mới vào hang đó đặng, vì hang ấy là một hói thông ra ngoài sông. Khi quay thuyền vào hói, thấy xa xa ngờ là một cống nhỏ hẹp, vào tới nơi ngó tợ biển với trời; xem lên thấy đá xanh biếc biếc như mây, ngó xuống chộ [thấy] nướn sắc dờn-dờn [rờn-rờn] như lá, cao chừng 30 thước, sâu độ ba bốn tầm. Phía tả như có vách cao lựng-lựng chẳng có bờ, phía hữu có bậc đá lài-lài

thành một bãi; đứng đó lấy đá nhỏ quăng qua bên kia chẳng thấu.

Xem coi tứ phía thấy những hang những hố, nơi lõm nơi lồi; ngửa mặt ngó lên thấy thạch-dũ [nhũ] treo lỏng-dỏng; sắc tím sắc vàng tợ hoe trời, màu xanh màu biếc dường nước biển. Thạch-dũ [nhũ] xủ xuống như cánh phũng đuôi long, gành đá lõm lồi tợ lưng qui đầu hổ; nước giỏ xuống tiếng dội nghe bong-bong, mạch tuôn ra lao-xao lỉ-rỉ. Thấy hai trụ đá trắng phao-phao, cao lựng-lựng, đó là nước đá nhiễu xuống lâu ngày đóng thành trụ. Có nhiều trụ đang còn thấp, mà ước độ năm bảy mươi năn nữa, nó cũng cao lên tận đầu giáp mí. Muốn vào hang cho sâu hơn nữa thì chống tròng nhỏ qua một cửa hẹp, vào cửa rồi, đi một đỗi thì cùng nước, mà chưa cùng hang, phải lên đất mà đi bộ. Và lên đất đi phập-phồng nơi cát nơi bùn, nơi thì trèo qua đá. Hoa đuốc lên cho rõ, thấy bên vách có nhiều thứ chữ; đó là chữ quân Hời thuở xưa, lại có chữ người đời nay đến coi, thì khắc hoặc viết vào đó. Muốn đi xa hơn nữa thì phải lấy thang bắc xuống đi mới đi được. Tôi đi tới có bấy nhiêu, nên chưa thấy cho cùng tột. Ai muốn coi cho cùng hãy gắng đi cho tột. Coi cho biết cơ cuộc giữa càn-khôn, mà khen Đấng tạo-thành rất khéo đã dựng nên muôn loài, ngõ cho muôn loài nhìn Chúa Tể Chí Tôn, mà khâm-sùng cho thành đạo ngãi.

(Văn chương thi phú Annam, tái bản năm 1923, đd, tr.37-38).

Động Phong-nha cũng như động Hương-tích là hai kỳ-quan của nước ta. Sau khi tả cảnh "thú Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay", tiến-sĩ Chu Mạnh-Trinh (1862-1905) bồi-hồi tự hỏi:

"Chừng giang-sơn còn đợi ai đây
Hay Tạo-Hóa khéo ra tay xếp-đặt?"

Câu hỏi này, ai ai cũng phải tự đặt ra và tự trả lời. Câu giải-đáp của tác-giả bài ký về hang đá Chùa Nghe là ngợi-khen Đấng Tạo-Hóa.

Những lời ca-ngợi sốt-sắng như thế, chúng ta thường gặp trong thơ của ngài. Những bài văn nghị-luận của ngài thường được điểm-xuyết bằng những bài thơ theo các thể lục bát, thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, nếu góp lại thành tập sẽ là một khúc tụng-ca nhiệt-tình, chứng-từ của thi-ca khuynh-hướng về đạo-lý trong tiền bán thế-kỷ XX.

Chúng ta hãy dẫn-lục bài thất ngôn bát cú Đường-luật sau đây:

Thận chung truy viễn

Thận chung truy viễn ấy là câu,
Đã học phải suy, mới khỏi cầu.
Xét thấu căn do đừng xét cạn,
Dò cùng bản mạt mới dò sâu.
Sống rày nhắp mắt lo không tới,
Thác đoạn mất hồn biết cậy đâu.
Vậy hỡi ai ai mau kíp liệu,
Ấy đều [điều] đại hệ phải lo-âu.

(Thận chung truy-viễn, 1923)

***

Vườn hoa văn-chương mà chúng ta vừa thưởng-thức là của một đạo-nhân đã ghi dấu ấn vào lịch-sử tôn-giáo và văn-học nước ta. Công-nghiệp của ngài được hậu-thế tán-dương là ĐỨC TRẠCH TRƯỜNG LƯU, viết bằng đại-tự nơi bức hoành-phi treo ở một trường trung-học công-lập mang phương-danh của ngài, thiết-lập trước năm 1975 tại Gia-định (12).

Calgary,
Lễ Hiện Xuống 1997
✍ *VÕ LONG-TÊ*

CHÚ-THÍCH

(Chữ số Ả-rập béo quy vào số thứ-tự tác-phẩm liệt kê trong Thư-Mục Đức Cha Hồi Ngọc-Cẩn)

(1) Phạm Châu-Diên, 39, tr.19-20

(2) Xem: 2.1- Notabilités d'Indochine, 37

2.2- Phan Phát Huờn, Việt-Nam giáo-sử, II, 38

2.3- Phạm Châu-Diên, 39

Sách đã dẫn của linh-mục Phạm Châu-Diên, tr. 93, còn nêu một số công-trình khác, nhưng tác-giả bài này tiếc chưa có dưới mắt.

(3) Phạm Châu-Diên, 39, tr.81

(4) Thanh-lãng, 40, tr. 350-353

(5) Phạm Châu-Diên, 39

(6) Georges Cordier, 36, tr. VII, 29, 49

(7) Trần Anh-Dũng, 41

(8) Về việc Đức Cha tinh-thông tiếng Anh, xin dẫn chứng-từ của linh-mục Phạm Châu-Diên như sau: "Năm 1945, gặp nạn đói Ất-Dậu, và trước sự uy-hiếp của quân-đội Nhật-bản, Đại-chủng-viện Quần-phương phải di-tản ra miền ven biển, mỗi ngày chỉ có một bữa cơm lưng-lửng và một bữa cháo. Ngài đến thăm thấy chúng tôi đang tự học tiếng Anh thì hỏi:

— Chúng con học gì thế ?

— Thưa chúng con học tiếng Anh.

— Thế tiếng Anh gì là ăn ?

— Thưa là to eat (tù ít).

— Thế thì to eat là ăn, ăn là ăn ít

(Phạm Châu-Diên, 39, tr.68)

(9) Trần Cảnh-Hảo, Học tiếng Nam. Huế, Imprimerie du Mirador, tr.81-88

(10) An-bản đầu, Lê Thăng xuất-bản, 1940, tr.166-173

(11) Phạm Châu-Diên, 39, tr.11

(12) Phạm Châu-Diên, 39, tr.79

• THƯ-MỤC ĐỨC CHA HỒ NGỌC-CẨN

Trong hai dấu ngoặc đơn là tên tắt của bốn tác-giả đã trực-tiếp với một số tác-phẩm của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn: TL: Thanh-lãng; PCD: Phạm Châu-Diên; TAD: Trần Anh-Dũng; GC: Georges Cordier; VLT: Võ Long-Tê.

• *I. Tác-phẩm của Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn*

A. Tác-phẩm biết rõ lý-lịch thư-tịch:

1. Cha Hồ Ngọc Cẩn

Toán-học sơ-pháp. Dạy về mấy điều cội-rễ.

Hongkong. Imprimerie de la Mission, 1916, 58 tr. (TAD)

2. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Triết nhơn tri-kỷ

Hongkong, Imprimerie de Nazareth, 1917. 41 tr. (PCD, TAD)

— Tái-bản, Đ.M. Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục.

Triết-nhân tri-kỷ. Loại khảo-cứu.

Sài-gòn, Nhà Sách Nguyễn bá Tòng, 1957 (VLT)

3. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Sách cha mẹ dạy con

Hồngkong, Imprimerie de Nazareth, 1917, 146 tr. (PCD, TAD)

4. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Ấu-học Pháp-ngữ

Hongkong, Imprimerie de la Mission, 1918, 144 tr. (TAD)

5 Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Trưởng-học toán-pháp.

Hongkong, Imprimerie de la Mission, 1919, 264 tr. (VLT, TAD)

6. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Văn chương thi phú Annam. Littérature et prosodie annamite.

Hongkong, Imprimerie de la Mission, 1919, 273 tr. (TAD)

- Ấn-bản kỳ hai: Hongkong, Imprimerie de la Société des Missions Étrangères,

1923, 286 tr. (PCD, VLT)

7. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Sách mẹo Phalangsa

Hongkong, Imprimerie de la Mission, 1919, 191 tr. (TAD, PCD)

8. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Tôn Rất Thánh trái Tim Đức Chúa Giê-su làm vua gia-thất.

Hongkong, Imprimerie de Nazareth, 1920, 32 tr. (TAD)

9. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Viện tu trinh- nữ

Qui-nhơn, Imprimerie de la Mission, 1921, 356 tr. (TAD,PCD)

10. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Pháp-tự khúc ca

Qui-nhơn, Imprimerie de la Mission, 1922, 92 tr. (TAD)

11. Cha Hồ Ngọc-Cẩn

Thận chung truy viễn

Annam, Imprimerie de la Mission, 1923, 40 tr. (TAD)

- Tái bản: Đ.M. Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục

Thận chung truy viễn. Loại khảo-cứu

Sài-gòn, Nhà Sách Nguyễn bá Tòng, 1957, 40 tr. (VLT, TAD)

12. Cha Hồ Ngọc-Cẩn
Giáo-hội chức sở tuỳ thân
Qui-nhơn, Imprimerie de la la Mission, 1924, 39 tr. (TAD)

13. Cha Hồ Ngọc-Cẩn
Diễn-thuyết về đạo Da-tô mới
Hà nội, Imprimerie Trung Hòa, 1931, 30 tr. (TAD)

14. Cha Hồ Ngọc-Cẩn
Tu thân minh cảnh
Qui-nhơn, Imprimerie de la Mission, 1931, 356 tr. (TAD, PCD)

15. Cha Hồ Ngọc-Cẩn
Lavang sự tích vãn
Trường-an (Huế), Imprimerie de la Mission, 1932, 16 tr. (TAD)

16. Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn
Nghĩa-binh Thánh-thể tùy thân
Hà-nội, Imprimerie Trung Hòa, 1940, 159 tr. (TAD)

B. Tác-phẩm chưa biết đầy-đủ lý-lịch thư-tịch:

17. Quê ta ở đâu ? (PCD)

18. Thất khắc (PCD)

19. Hạnh Bà Thánh Têrêsa Hài-Đồng Giêgiu (PCD)

20. Đ. M. Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục
Truy-tầm chân đạo. Loại khảo-cứu.
Sài-gòn, Nhà Sách Nguyễn bá Tòng, 1957, 46 tr. (VLT)
Ấn-bản đầu tiên ?

21. Đ. M. Hồ Ngọc-Cẩn
Bổn Đồng-ấu. Giúp trẻ em dọn mình xưng tội rước lễ vỡ lòng.
Sài-gòn, Nhà Sách Thánh-Gia, (Imprimatur 1955 của Đức Cha Phạm Ngọc-Chi), 32 tr. (PCD, VLT).
Ấn bản đầu-tiên ?

22. M. Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục
Thánh-giáo thuyết-minh. Lớp trung-đẳng (Có sửa-chữa)
Sài-gòn, Nhà Sách Thánh-Gia, (Imprimatur 27-7-1963 của giáo-quyền Sài-gòn, 136 tr. (VLT).
Ấn-bản đầu tiên ?

23. Bài giảng Chúa nhật lễ trọng quanh năm (PCD)

24. Sacerdos Alter Christus. Bài giảng. 1941 (PCD)

25. Thư chung: 73 bức. Một bức nhan là "Thủy hỏa đạo-tặc" (PCD)

26. Tháng Đức Bà. Sao-lục một cuốn sách chữ nôm ở Huế (PCD).

27. Tu-thân hướng đạo (PCD)

28. Vào nhà tập làm gì ? (PCD)

29. Sách gối đầu giường của các bà Bề Trên (PCD)

30. Cấm phòng nhà kín (PCD)

31. Cấm phòng linh-mục (PCD)

32. Mẹo tiếng La-tinh (PCD). In ở Hongkong

33. Mẹo tiếng Annam. In ở Hongkong. Được giải thưởng của Tòa Khâm-sứ Tòa Thánh tại Đông-dương (TL, PCD).

34. Hán-Việt thường-đàm. In ở Hongkong (PCD).

35. Hán-tự qui giản (GC).

- ***II. Tác-phẩm viết về Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn:***

36. Georges Cordier
Langue chinoise écrite. Petite méthode pour l'étude des caractères sino-annamites. Grammaire et exercices.
Hà-nội, Imprimerie Tân-Dân. Ấn-phẩm trước 1945.

37. Notabilités d'Indochine. Ấn phẩm công trước 1945.

38. Linh-mục Phan Phát Huờn
Việt-Nam giáo-sử, II
Sài-gòn, Cứu-Thế Tùng-Thư, 1962

39. Linh-mục Phạm Châu-Diên
Đức Cha Hồ Ngọc-Cẩn, giám-mục Bùi-chu (1876-1948)
Tủ Sách Ra Khơi, 1990.

40. Linh-mục Thanh-lãng
Bảng lược-đồ văn-học Việt-Nam, II
Sài-gòn, Trình-Bầy, 1967

41. Linh-mục Trần Anh-Dũng
So-thảo thư-mục Công-giáo Việt-Nam
Lời giới-thiệu của Nguyễn Thế-Anh
Ở Paris, 1992, tr. 396.

***

BIẾN CỐ ẤT DẬU 05.07.1885
CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA TÔN-THẤT THUYẾT
(29. 03. 1839 - 22. 08. 1913)

TÔN THẤT HỨA

Hơn một thế kỷ kể từ ngày Tôn-Thất Thuyết phát lệnh tấn công Pháp vào ngày 05 tháng 7 năm 1885 (tức tối 22 qua rạng ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu) ở Huế, chẳng may vận nước chưa gặp thời hơn nữa lũ Việt gian bán nước đã cấu kết với bọn Pháp tạo nhiều điều kiện bất thuận lợi cho phong trào đòi chủ quyền dân tộc. Cuộc tấn công vào đoàn quân viễn chinh thực dân Pháp do Roussel De Courcy chỉ huy nói lên được cái liêm sỉ của nhóm người chủ chiến trước áp lực nặng nề của lũ ngoại bang, thái độ thù nghịch của tên đại toàn quyền của nước Pháp Roussel De Courcy, nguy cơ một cuộc tấn công cấp kỳ, tránh cảnh đất nước bị chiếm đoạt điêu linh, không để bọn thực dân làm nhục quốc thể.

Hơn một trăm năm đã để lại khá nhiều ý kiến khen chê ông Tôn-Thất Thuyết mà quãng đường lưu vong cứu nước sau ngày thất thủ kinh đô đã bị nhiều người đương thời và cả hậu thế chúng ta ngày hôm nay cứ mải chê trách ông không hề có một tiếng khen, họa hoằn mới có đôi lời biện hộ yếu ớt cho chặng đường lỡ bước của ông. Nhận định về Tôn-Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông, trước hết chúng ta không thể không lau sạch những lớp bụi đã phủ lên khuôn mặt lịch sử đó.

Trong chiều hướng nghiên cứu làm rõ hơn cái tâm cũng như những nỗ lực tột cùng của Tôn-Thất Thuyết với các chiến hữu của ông trên dặm đường phiêu bạt nơi đạt khách quê người; bài viết không có tham vọng gì hơn ngoài sự tìm hiểu việc củng cố lực lượng, nguyên nhân biến cố kinh thành 1885 và sự mong muốn được góp phần làm thay đổi những định kiến nghiệt ngã nhất quãng đường sau ngày thất thủ kinh đô luôn luôn ám ảnh trong tâm trí cho những ai khi nghĩ về con người được liệt vào linh hồn của nhóm chủ chiến, Tôn-Thất Thuyết.

☆I. - CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ CHỐNG PHÁP CỦA TÔN-THẤT THUYẾT

Tôn-Thất Thuyết về kinh làm Thượng thư Bộ Binh giữa lúc thực dân Pháp đang tăng cường các hoạt động nhằm thôn tính Bắc Kỳ. Cuộc chiến đấu chống Pháp của các sĩ phu và nhân dân kết hợp với quân triều đình chống giữ Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định đang trở nên sôi động. Từ đây ý đồ chuẩn bị cho công cuộc chống Pháp lâu dài của phe chủ chiến và Tôn-Thất Thuyết bước đầu được thực hiện song ảnh hưởng của vua Tự Đức và phe chủ hòa còn mạnh cho nên việc chuẩn bị chưa diễn ra công khai và toàn diện. Phải đợi lúc vua Tự Đức mất, Tôn-Thất Thuyết trở thành phụ chính đại thần liên kết với Nguyễn Văn Tường thực sự nắm giữ cương vị quan trọng của triều Nguyễn công

cuộc chuẩn bị chống Pháp của ông mới được tiến hành khẩn trương, quyết liệt diễn ra trên các mặt chính trị, quân sự và ngoại giao.

- **1.1.- CỦNG CỐ LỰC LƯỢNG CHỦ CHIẾN, PHÁT ĐỘNG LÒNG TRUNG NGHĨA TRONG QUÂN SĨ VÀ NHÂN DÂN.**

Kiến Phúc lên ngôi, mở đầu một thời kỳ mới với nhiều chính sách tích cực nhắm chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần cho một cuộc chống Pháp lâu dài. Có thể nói đây là một bước ngoặt trong chính sách kháng Pháp của triều đình Huế. Cầm đầu nhóm chủ chiến là Tôn-Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Phạm-Thận Duật đã nắm ba bộ then chốt: Bộ Binh, Bộ Lại và Bộ Hộ. Khi vua Kiến Phúc băng hà vì bạo bệnh, cả ba đã trở thành quan phụ chánh cho tân vương Hàm Nghi. (Xin tham khảo thêm bài "Quanh sự kiện Tôn Thất Thuyết và vài dữ kiện về Nguyễn-Văn Tường" đã đăng tải trên Tập San Nhớ Huế số 5/6).

Trong thời kỳ Kiến Phúc và Hàm Nghi những chính sách tích cực đã được thi hành:

1.- Triều đình cho về quê lính già yếu, nâng cao tiêu chuẩn luyện tập bắn súng, cấp tuất cho quan quân thất lạc hoặc tử trận ở Bắc kỳ, Thuận An trước đây để động viên lòng trung nghĩa, Tôn-Thất Thuyết cho bộ Binh lập danh sách 256 người lính tử trận tại Thuận An từ hiệp quản, suất đội trở xuống được tăng hàm, cấp tuất, khai ấm tử nhiêu ấm để khuyến khích binh sĩ, truy tặng những tướng sĩ tử trận ở các cửa biển, chiếu theo hàm tước mà cấp tiền tuất và khai ấm cho con cháu, cấp thêm lúa, sai các tỉnh tế lễ một lượt, liệt thờ vào đền Trung Nghĩa. Hoàng Diệu được liệt thờ vào đền Trung Nghĩa và nêu cao sĩ khí, có ảnh hưởng cổ động tinh thần chống giặc trong sĩ phu và nhân dân (1). Cho tạo súng máy kiểu Hoa Kỳ và Đức. Nguyễn Hanh và Hồ Văn Hiển được phân công nắm giữ quân đội. Quân Phấn Nghĩa mới thành lập được giao cho Trần Xuân Soạn chỉ huy.

2.- Hệ thống sơn phòng được củng cố, mở rộng và xây dựng thêm. Mở thông đường thượng đạo từ kinh đô Huế với các sơn phòng phía nam và phía bắc. Xây dựng căn cứ Tân Sở và mở rộng sơn phòng Dương Yên (Quảng Nam) để làm hai trung tâm điều hành công cuộc kháng Pháp một khi vua phải rời kinh thành Huế để bắt đầu cuộc kháng chiến. Lương thực, khí giới tiền và vàng bạc được chuyển từ Huế ra Tân Sở và Dương Yên.

3.- Triều đình chọn lựa để bổ dụng các chánh sứ sơn phòng, chuẩn bị khung nhân sự cho bộ máy Cần Vương. Ban hành nhiều chính sách khích lệ các dân tộc miền núi. Mộ quân sơn cước để làm lực lượng kháng chiến.

4.- Đối với sĩ phu, văn thân, triều đình mở các ân khoa Hương và Hội. Đặc biệt là triều đình đã động viên nhân lực qua các việc "triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng và ấn quan tại quán" (Dụ được ban hành đầu năm Giáp Thân - 1884). Chính Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu... đã được giao nhiệm vụ trong thời gian này.

5.- Tinh giản bộ máy hành chính trung ương từ 539 còn 291 vị để tăng hiệu lực quản lý đồng thời có điều kiện tăng lương bổng.

6.- Các phần tử thân Pháp bị kết án, bị an trí hoặc bị giáng chức và khiển trách.

Tất cả công việc đó đều bị các giáo sĩ Tây Phương theo dõi, Puginier ở Bắc Kỳ và Camelbeck ở Qui Nhơn tường trình rất chi tiết cho Pháp.

Từ năm 1882-1883 dưới ảnh hưởng của Tôn-Thất Thuyết, người phụ trách Bộ Binh lúc bấy giờ, một số võ quan từng chiến đấu với Tôn-Thất Thuyết ở Bắc Kỳ như Ông Ích Khiêm, Trần Xuân Soạn, Trương Văn Để (2) được rút về kinh thành nên lực lượng chủ chiến có quyết tâm chống Pháp cao. Khi Tự Đức mất phe chủ chiến tuy chỉ là số ít song nhờ nắm được binh lực liên kết với Nguyễn Văn Tường, vị phụ chính nắm giữ nguồn tài chánh của triều Nguyễn, phe chủ chiến thực sự đã nắm và

chi phối mạnh quyền lực của triều đình.

Cùng với việc xây dựng thực lực ở trung ương, Tôn-Thất Thuyết bí mật liên kết với các quan văn võ ở các tỉnh phía bắc. Phan Đình Phùng tuy bị cách chức về quê năm 1883 vì phản đối việc phế bỏ Dục Đức, năm 1884 được Tôn-Thất Thuyết bí mật cử làm tham biện sơn phòng Hà Tĩnh lo việc chuẩn bị căn cứ chống Pháp (3). Nguyễn Xuân Ôn, người có tư tưởng chủ chiến đã từ chức về quê năm 1883, được bí mật cử làm An tỉnh Hiệp đốc Quân vụ Đại thần, lo thống lĩnh nghĩa quân Nghệ Tĩnh (4). Lực lượng chủ chiến ngày càng mở rộng, vươn đến các tỉnh bắc và phát triển ở vùng Bình-Trị-Thiên.

- **1.2.- XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ HỆ THỐNG SƠN PHÒNG, LẬP CĂN CỨ TÂN SỞ VÀ MỞ ĐƯỜNG THƯƠNG ĐẠO RA BẮC**

Kinh thành Huế ở vị trí không xa biển, thành Trấn Hải là căn cứ quan trọng phòng thủ Thuận An, cửa ngõ yết hầu dẫn vào Huế đã nhiều lần bị Pháp dòm ngó. Tôn-Thất Thuyết vốn kinh nghiệm của một võ tướng đã từng cầm quân 8 năm ở vùng thượng du Bắc Kỳ hẳn đã nghĩ đến việc phải chuẩn bị căn cứ kháng chiến lâu dài ở vùng núi. Từ năm 1882 ông đã cho củng cố một số sơn phòng, đặt thêm Nha sơn phòng mới ở Hà Tĩnh và tăng cường phòng ngự địch tại vùng đất tiếp giáp Nam Kỳ thuộc Pháp (Bình Thuận) (5). Năm 1883 Tôn-Thất Thuyết cho tu sửa sơn phòng Quảng Nam, Hà Tĩnh, mở đường nối liền sơn phòng Quảng Bình - Nghệ An (6) đồng thời lựa chọn những người trong phe chủ chiến giao cho họ nhiệm vụ và xây dựng một số sơn phòng và lập các kho dự trữ lương thực. Lấy danh nghĩa triều đình chiêu dân lập ấp, ông ta ra lệnh cho các quan tỉnh và các sơn phòng sứ "xét kỹ các hạt miền thượng du, tùy chỗ để lập đồn, phát lính mộ tới đó tù thế khai khẩn, tập hợp dân thổ, dân mọi (?) lập thành ấp (7) hình thành dọc Trường Sơn một hệ thống sơn phòng kéo dài từ Quảng Trị đến Ninh Bình, từ Quảng Nam đến Bình Thuận. Đồng thời phái Hoàng Tá Viêm cho quân dọn đường "thượng đạo" từ núi rừng Thanh Hóa ra vùng thượng du Hưng Hóa liên lạc với quân nhà Thanh ở Vân Nam.

Kiên cố nhất là trong các sơn phòng là căn cứ Bảng Sơn được bí mật lập ra từ cuối năm 1883. Lúc nầy Tôn Thất Lệ, em ruột Tôn Thất Thuyết đang giữ trọng trách sơn phòng sứ Quảng Trị, vùng núi đồi quan trọng tiếp cận với kinh thành. Lấy cớ mở rộng Nha phòng Quảng Trị (8) và phủ lý sở phủ Triệu Phong. Triều đình mà thực chất đã do Tôn-Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chi phối giao trách nhiệm cho vị quan đáng tin cậy kia đứng ra xây dựng Nha sơn phòng Quảng Trị thành căn cứ Tân Sở, một "nơi mới" "kinh đô mới" dự phòng nếu tấn công Pháp thất bại, triều đình sẽ rút ra đây.

Tân Sở là một vị trí hiểm trở, nằm giữa thung lũng của cách huyện lỵ Cam Lộ cũ khoảng 15 cây số về hướng nam, xung quanh đồi núi bao bọc, thác ghềnh hiểm trở. Đứng trên những đỉnh núi cao Ba Hô, Bến Trị có thể quan sát được một vùng rộng lớn đồng bằng Cam Lộ và dọc đường Mai Lĩnh - Lao Bảo, nay là quốc lộ số 9 (9). Thành hình chữ nhật chiều dài 548 thước, chiều ngang 418 thước, quách thành có 3 hàng lũy tre bao bọc. Hàng ngàn dân phu đã nỗ lực đào hào, đắp lũy trong 2 năm. Thành trong dài 165 thước chiều ngang 100 thước có mấy ngôi nhà tranh làm hành cung mà thực tế là nơi làm việc của Nha sơn phòng, dinh trại quân sĩ, kho lương có chợ và giếng nước, nhiều kho nhỏ được đào ngầm dưới đất, trên lát ván để chứa đạn và thuốc súng. Đường đến Tân Sở chỉ là lối mòn hiểm trở khó nhận rõ, những đường chính cách đó 2 cây số lại dẫn về hướng khác. Tân Sở lại có nhiều đường thông với các tỉnh ở Bắc Kỳ, rải rác trên đường có những kho lúa kín đáo do những quan binh thân tín canh giữ. Lúa nầy từ các tỉnh Bắc Kỳ, nhất là Nam Định chở vào Cửa Việt, đến Cam

Lộ rồi đưa ra Tân Sở phát đi các nơi.

Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1885, súng đại bác, đạn và tiền bạc được đưa đến Cam Lộ. Một phần lớn kho vàng của triều đình được dời về căn cứ nầy (10).

Việc tổ chức hậu cứ Tân Sở, hệ thống sơn phòng và mở đường thượng đạo được tiến hành khẩn trương chu đáo thể hiện rõ ý đồ chuẩn bị lâu dài và tư tưởng tấn công địch quyết liệt của Tôn-Thất Thuyết và phe chủ chiến.

☆ II.- NGUYÊN NHÂN CUỘC BINH BIẾN KINH THÀNH NĂM 1885

Hiệp Hòa, vị vua muốn hòa với Pháp bằng mọi giá và đã thông mưu với Khâm Sứ De Champeaux để loại bỏ các vị phụ chính Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đã bị triều đình phế bỏ. Hòa ước 1885 được ký kết sau khi Thuận An thất thủ (1883), lúc này phe chủ chiến chưa có ưu thế, nhưng nội dung hòa ước do Pháp áp đặt bắt triều đình Huế ở vào cái thế phải chấp thuận. Song Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến đã không ngừng ngấm ngầm chống lại hiệp ước qua những lần truất phế Dục-Đức, Hiệp Hòa và lập Ưng Lịch lên ngôi, bất chấp phản ứng của Pháp muốn lập Gia Hưng quận vương, một hoàng thân phụ chính chủ hòa thường năng lui tới với viên cựu Khâm Sứ Rheinart. Sau lễ tấn phong vua Hàm Nghi, Gia Hưng quận vương bị bắt nhưng nhờ Le Maire can thiệp nên được tha, nhưng sau đó Tôn-Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cho là việc nội bộ của triều đình, Pháp không có quyền xen vào cho nên bắt trở lại (11) và bị đày đi Lao Bảo nhưng trên đường đi an trí thì bị giết... Những hành động quyết liệt của Tôn-Thất Thuyết và phe chủ chiến đã trấn áp được xu hướng chủ hòa vốn phổ biến trong hoàng tộc và triều đình đồng thời chận đứng được những hoạt động nối giáo cho giặc của "lực lượng nội công cho Pháp" tạo niềm tin cho lực lượng chủ chiến đẩy mạnh các hoạt động.

Sau hiệp ước 1884, triều đình Huế phải nhường cho Pháp một khoảng đất ở trấn Bình Đài để xây dựng làm cơ quan (12). Rheinart cho làm doanh trại, phe chủ chiến hết sức ngăn trở với lý do "Hòa ước chưa được phê chuẩn và trao đổi, quân Pháp đóng trong thành sẽ làm thương tổn triều nghi và kinh khủng nhân tâm" (13).

Khi vua Hàm Nghi lên ngôi (2.8.1884) Pháp phản đối quyết liệt việc triều đình tự quyết định người kế vị và đòi hỏi phải có sự ưng thuận của Pháp. Tháng 10/1884 Rheinart điện về Paris xin mệnh lệnh. Thủ tướng Ferry ra lệnh cho một liên đội do tên đại tá Guerrier chỉ huy vào chiếm kinh thành và làm lễ phong vương cho vua mới (14). Nguyễn Văn Tường phải nhân danh triều đình làm văn thư gởi sang tòa Khâm nhưng vẫn cương quyết tôn Hàm Nghi.

Khi phái đoàn Guerrier, khâm sứ Rheinart và đại tá Wallarme (thuyền trưởng tàu Tarn) vào tấn phong vua Hàm Nghi gồm có 25 sĩ quan và 160 lính vào dự. Thuyết chỉ cho ba tên dẫn đầu đi giữa cửa Ngọ môn, không đeo gươm 60 lính và 16 sĩ quan vào cửa bên, còn bao nhiêu đều ở ngoài. Vua Hàm Nghi ngồi trên ngai vàng mà tiếp sứ chứ không bước xuống theo đòi hỏi của viên Khâm sứ Pháp. Sau lễ tấn phong, Tôn-Thất Thuyết cho quân hầu đưa phái đoàn ra cửa bên, bọn thực dân Pháp rất tức tối, song kinh thành và cả nước hoan nghênh Tôn-Thất Thuyết và vua Hàm Nghi về hành động giữ thể diện quốc gia đó (15).

Tháng 5 năm 1885, Khâm sứ Le Maire (sang thay Rheinart ngày 12.9.1884) thông báo cho Cơ mật viện Pháp sẽ lập hai đại đội xạ thủ người Việt, Tôn Thất Thuyết đã trả lời với ý tứ đầy trách móc: "Ý định ngài Tổng tư lệnh là thế nào và ý nghĩa hai chữ Bảo Hộ là thế nào về việc dùng các toán xạ thủ, điều đó trái ngược với các điều khoản của Hiệp Định". Bức thư này được giao đến Tổng đốc các tỉnh Bắc Kỳ và chỉ thị không được nghe theo mệnh lệnh của người Pháp (16).

Tuy từ lâu, thực dân Pháp thấy rõ kẻ thù đáng sợ của chúng là các lực lượng nhân dân không ngừng chống lại họ chứ không phải quân đội triều đình, nhưng sự có mặt của phe chủ chiến ở tại triều (nhất là Tôn-Thất Thuyết từ khi về triều giữ chức Thượng Thư Bộ Binh năm 1881 và có những hành động ra mặt chống đối) vẫn là một lối nguy cho Pháp. Vì rằng sự tồn tại của phe chủ chiến đã cản trở không ít việc triều đình Huế thành công cụ tay sai để bình định và tổ chức cai trị theo ý muốn của họ, đồng thời họ nghĩ rằng chính sự tồn tại của nhóm chủ chiến ở triều đình Huế là chỗ dựa cho các lực lượng chiến đấu ở các tỉnh hoạt động, thúc đẩy phong trào kháng chiến cho nên việc loại trừ phe chủ chiến mà đứng đầu là Tôn-Thất Thuyết đã trở thành yêu cầu cấp thiết của thực dân Pháp.

Sau khi nội các Ferry đổ vì vụ Lạng Sơn, Hạ Nghị Viện Pháp thông qua ngân sách xâm lược Việt-Nam với số tiền 500 triệu Francs, nội các mới thành lập từ ngày 6.1885 vẫn tiếp tục đường lối xâm lược và gửi sang Việt-Nam thêm 6.000 viện binh. Ngày 31.05.1885, bộ trưởng ngoại giao Pháp Freycinet đã điện cho Tổng trú sứ Le Maire chỉ thị: "Không thể không trừng phạt hành vi của viên Thượng Thư Bộ Binh nước Nam. Ông cho triều đình ấy biết rằng, chúng ta không chịu để cho ông Thuyết ở chức vụ phụ chính lâu hơn và ông phải đòi cho người ta bãi chức ông ấy và đày đi xa" (17).

Đầu tháng 6/1885, tướng De Courcy đến Bắc Kỳ, y đòi Khâm sứ Le Maire ra báo cáo tình hình và từ vịnh Hạ Long De Courcy ngạo mạn tuyên bố "Cái nút của vấn đề Việt-Nam là ở Huế". Từ Hà Nội vào ngày 26.06.1885 với tư cách là Tổng Tư Lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ De Courcy đánh điện về cho Bộ trưởng Chiến tranh ở Paris "Tôi rất căm giận hai quan phụ chánh triều đình Huế và sẽ hành động thận trọng nhưng kiên quyết. Xin đánh điện qua Huế nếu Bộ không tán thành dự định dùng võ lực của tôi." (18) và cử De Champeaux đến Huế làm Khâm sứ thay cho Le Maire.

Ngày 02/07/1885, De Courcy đưa binh lính và đoàn tùy tùng gồm có 16 sĩ quan và 1024 lính Pháp và Ả Rập đến cửa Thuận An để thực hiện ý đồ đó. Những yêu sách "không thể chấp nhận được", thái độ hống hách của Rousel De Courcy không phải do tính tình nóng nảy của y như nhiều người biện giải, đây là một thái độ và hành động có chủ tâm. Triều đình Huế cử hai đại thần cùng đi với De Champeaux đến cửa Thuận An đón tiếp, hướng dẫn lên Tòa Khâm để bàn bạc, nghi lễ yết kiến vua Hàm Nghi, hòa ước 1884 vừa được Quốc Hội phê chuẩn, ông ta đòi cho được Tôn-Thất Thuyết và Nguyễn-Văn Tường sang họp và mưu mô nhân đó bắt cóc Tôn-Thất Thuyết làm cho triều đình Huế rối ren vì bất thần mất người lãnh đạo, sau đó dễ dàng đánh chiếm kinh thành Huế bằng võ lực, nhằm buộc triều đình Huế chấp nhận ách đô hộ vô điều kiện.

Biết được âm mưu của De Courcy (20) Tôn Thất Thuyết cáo bệnh không đến chỉ có Nguyễn Văn Tường và Phạm-Thận Duật sang dự cùng với các hoàng thân. Vừa nhập tiệc De Courcy nâng cốc chúc mừng hai nước được thịnh vượng và láo xược tuyên bố: "Nếu quý quốc muốn được yên ổn thì trong vòng ba ngày phải nộp cho chúng tôi 20.000 thoi vàng, 20.000 thoi bạc và 20.000 quan tiền đồng... Chúng tôi vui mừng thấy các ngài đến đông đủ nhưng sao quan phụ chính Tôn-Thất Thuyết lại vắng mặt! Hay là quan phụ chính ở nhà để sửa soạn đánh chúng tôi" (21).

Một quan Đại thần tìm cách nói đỡ: "Quan phụ chính của chúng tôi bị bệnh nên không đến được" (22). De Courcy lên giọng trịch thượng "Nếu bị bệnh cũng vẫn đến, thế nào tôi cũng cho người đến nhà để bắt" (23). Sau đó De Courcy cho bác sĩ Mangin sang dinh Tôn-Thất Thuyết dò la với cớ là sang để chữa bệnh song Tôn-Thất Thuyết không tiếp và cho người trả lời là "Quan tướng không dùng thuốc tây".

De Courcy còn đòi tất cả phái đoàn của Pháp từ quan đến lính trơn phải được đi vào Đại nội bằng cửa chính Ngọ môn, trong khi cửa này chỉ dành riêng cho Đại Nam hoàng đế; đòi vua Hàm Nghi phải bước xuống ngai vàng ra đón, buộc Hàm Nghi phải cử hành nghi lễ y như tiếp sứ nhà Thanh (24). Các quan ta không chấp nhận và đề nghị cho Pháp vào cầu vua không đeo gươm, đi đến cột thứ hai bên phải thì quan Tổng tư lệnh phải dừng lại, trao quốc thư cho một đại thần dâng lên vua và các binh sĩ theo hầu De Courcy phải đi cửa hai bên (25).

Để làm dịu tình hình, triều đình Huế đề nghị De Courcy thảo luận thêm Viện Cơ Mật và bà Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dụ gửi quà tặng De Courcy. Dĩ nhiên với ý làm nhục và khiêu khích triều đình De Courcy gạt bỏ cả hai hành động thiện chí và đến trưa ngày 04.07.1885 ông ta tuyên bố đơn phương cắt đứt cuộc thương thuyết và những nghi lễ triều kiến với lý do đợi phụ chính Tôn-Thất Thuyết khỏi bệnh sẽ bàn tiếp. Cũng trong ngày này, De Courcy đã gởi tối hậu thư hẹn một ngày phải trả lời nếu không ông ta sẽ hành động. Chính sách của chúng là gây sức ép và nếu cần tạo điều kiện để nổ ra cuộc xung đột quân sự không cho nhóm chủ chiến hoàn tất quá trình chuẩn bị. Chính bác sĩ A. Mangin trong bức thư gửi cho bạn đề ngày 25/7/1885 đã

phải viết: De Courcy là một phần tử điên cuồng theo chủ nghĩa thôn tính".

Trước tình thế đó để tránh xung đột, Tôn-Thất Thuyết đề nghị một giải pháp khá nhún nhường: Viết thư cho De Courcy biết Tôn-Thất Thuyết sẽ từ chức Thượng thư Bộ binh, triều đình sẽ cử người thay thế và vị tân Thượng Thư sẽ cùng Nguyễn Văn Tường sang Tòa Khâm phó hội (26). Sự kiện rất quan trọng đã xảy ra vào chiều ngày 4.7.1885 (22 tháng 5 năm Ất Dậu) nhưng không được các tác giả đề cập đến khi viết về biến cố kinh thành Huế thất thủ. Nội dung bức thư được Nguyễn Văn Tường tóm tắt trong bức thư gửi cho Thống đốc Tahiti và cũng được nhắc đến trong hai tư liệu gốc *Đại loạn Ất Dậu* và *Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự* (27).

Tôn gởi qua xin lỗi một tờ
Toàn trả lại không thèm ba chữ

(Đại loạn năm Ất Dậu)

Thuyết e sinh sự chẳng hiền
Gửi thư tạ lỗi, toàn quyền không coi.

(Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự)

Trước thái độ bức bách của Roussel De Courcy, Tôn-Thất Thuyết, Phạm- Thận Duật, Trần Xuân Soạn đã phải chọn giải pháp tấn công quân Pháp, rồi phải rước vua Hàm Nghi rời kinh thành và ra lệnh cho phong trào Cần Vương khởi động. Nguyễn Văn Tường ngay sau sự kiện De Courcy trả lại thư của Tôn-Thất Thuyết vẫn chủ trương thương thuyết với Pháp và vì vậy đã không được thông báo về kế hoạch tấn công Mang Cá và Tòa Khâm vào lúc nửa đêm. Tiếng súng lệnh mở đầu cuộc tấn công quân Pháp đã nổ ra lúc nửa đêm để trả lời sự ngang ngược của thực dân Pháp.

☆ III.- SỬA SOẠN CUỘC TẤN CÔNG.

Suốt ngày 4 tháng 7 năm 1885, Tôn-Thất Thuyết đích thân đốc thúc quân lính đặt súng chĩa về Tòa Khâm và Mang Cá, cho đào hầm hố, xử dụng những chướng ngại vật có thể huy động tức thời, mỗi góc thành đều có bố trí thêm các pháo đội. Dọc tuyến đường từ đồn Mang Cá đến Lục Bộ hai bên đường đều đào hào, chất đầy những

trái mù u và trái bàng, lính các trại đều mang gươm súng sẵn sàng, trước các trại lính chất đầy cột chuối để phòng ngự (28).

Tuy việc chuẩn bị diễn ra bên ngoài khẩn trương, song ý đồ tấn công quân địch được bảo đảm bí mật khá tốt. Gần tới giờ Đề Đốc Trần Xuân Soạn cỡi ngựa đi đầu một đạo quân lần lượt đóng hết các cửa thành. Binh lính được phát sẵn cơm nắm để đề phòng việc khẩn cấp và ngay từ trước Tôn-Thất Thuyết đã cho phân phối đạn và lương thực lấy cớ để chuẩn bị cho cuộc quân lâu ngày trong tỉnh, mãi đến lúc gần tấn công mọi người mới biết dự tính của vị chỉ huy (29).

Về lực lượng tiến công (30) có ít nhất 1100 khẩu thần công và các vũ khí cá nhân như súng điểu thương cũ, súng máy mới, hỏa pháo, gươm giáo... kể cả quân phấn nghĩa và các đơn vị quân đội khác ước chừng khoảng 20.000 người và 1.400 phạm nhân được thả ra khuyến khích tham gia chiến đấu đã được Tôn-Thất Thuyết chia quân thành 2 đạo:

* Một đạo do chính em ruột Tôn-Thất Thuyết là Tôn-Thất Lệ, Tham biện Sơn phòng Quảng Trị vừa được điều về kinh, có nhiệm vụ vượt sông Hương để cùng với quân các Đề Đốc và Hiệp Lý thủy sư đánh vào Tòa Khâm, nơi đặt bản doanh của De Courcy. Chính đạo quân nầy đã bí mật đưa được đại bác qua sông Hương để tấn công Pháp rạng ngày 5.7.1885.

* Một đạo do Tôn-Thất Thuyết và Trần-Xuân Soạn chỉ huy đánh vào Mang Cá.

Ngoài ra còn có một toán quân được bố trí ở cầu Thanh Long để mai phục tiêu diệt các sĩ quan Pháp khi số ấy dự tiệc ở Tòa Khâm về.

☆IV.- DIỄN BIẾN CUỘC TẤN CÔNG CỦA TÔN-THẤT THUYẾT ĐÊM 4 RẠNG NGÀY 5.7.1885

(TỐI 22 QUA RẠNG NGÀY 23 THÁNG 5 NĂM ẤT DẬU)

Đêm 4 tháng 7 năm 1885, Roussel De Courcy tổ chức dạ tiệc ở Tòa Khâm, cuộc vui đã làm cho các sĩ quan Pháp không chú ý đến vẻ rộn rịp khác thường của kinh thành Huế. Khoảng 10 giờ đêm, chung quanh Tòa Khâm rộn rịp ghe thuyền đi lại trên sông, sĩ quan canh phòng trông thấy vào báo cáo De Courcy. Đang vui mà bị quấy rầy, De Courcy cáu giận không tin. Buổi tiệc vẫn tiếp tục vui vẻ. Đến 11 giờ đêm tiệc tan. Các sĩ quan ở Mang Cá ra về, rất tiếc theo Marcel Gaultier họ lên chiếc tam bản xuôi không theo kênh Đông Ba mà theo ngã sông Hương chạy dọc Cồn Hến gần bên Vĩ Dạ cho nên không gặp toán quân phục kích của Tôn-Thất Thuyết bố trí ở cầu Thanh Long chận đường (31) trong đó có trung tá Pernot.

Tiếng đại bác bắt đầu nổ lúc trăng lên tới 1 giờ sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885, Tòa Khâm và Mang Cá đang chìm trong giấc ngủ, bỗng nhiên đại bác nổ vang, tiếng hò vang dậy, súng nổ rền trời. Đạo quân do Trần Xuân Soạn chỉ huy được tăng cường nhóm tù nhân mới được thả ra, mang đại đao mã tấu đi tiên phong đánh vào khu nhượng địa và Mang Cá liền nhau. Một nhóm khác nhờ mấy khẩu đại pháo phá được cửa tây xông vào đồn. Quân Pháp đang ngủ bị tấn công bất ngờ đâm ra hoảng hốt rối loạn. Quân ta xông vào chỉ trong chớp mắt một biển người tràn ngập thẳng tay chém giết địch. Hai bên xáp nhau trực tiếp bằng lưỡi lê, mã tấu, gậy gộc... một số quân Pháp bị chết cháy và bị thương. Trong lúc đó đại bác của ta ở phía kinh thành liên tục bắn sang.

Súng bắt đầu ở Mang Cá thì Tòa Khâm cũng bị đạo quân do Tôn-Thất Lệ chỉ huy đánh vào có súng thần công nhả đạn trợ chiến. De Courcy khi ấy đang ở Tòa Khâm. Các trại lính cũ phía sau và các trại lính mới dựng chung quanh Tòa Khâm bị quân Tôn-Thất Lệ đánh chiếm. Những cỗ đại bác vừa mới bí mật chuyển bằng thuyền từ kinh thành qua sông Hương và đặt xung quanh Tòa Khâm đều nhất loạt nhả đạn. Quân Pháp trong cơn ngủ say nghe tiếng súng nổ giật mình tỉnh dậy, thấy khói lửa ngập trời, hốt hoảng bỏ chạy tán loạn để thoát thân. Tòa Khâm bị trúng đạn sập nhiều

nơi. Từ các cửa sổ quân Pháp bắn loạn xạ ra các đám cháy và bắn vào quân Tôn-Thất Lệ. Các trại lính chung quanh Tòa Khâm bị bốc cháy dữ dội nhưng chính vì hàng rào lửa ấy mà quân Tôn-Thất Lệ không xông thẳng vào để công phá, tiêu diệt địch được.

Sau phút hoảng hốt, các sĩ quan Pháp đã tập họp đực lính ngăn chận được các đợt tấn công của quân ta, cố gắng cầm cự. Từ 2 giờ sáng thấy đồn Mang Cá có vẻ im lặng, Trần-Xuân Soạn ngỡ quân địch đã bị tiêu diệt nên chuyển hướng đại bác từ kinh thành bắn sang Tòa Khâm, Tôn-Thất Thuyết lại cho đặt thêm hai khẩu đại bác trên thành gần cửa Thượng Tứ để bắn sang. Tuy sức công phá của đại bác ta yếu chỉ có hiệu lực trong khoảng cách ngắn nhưng De Courcy chỉ dám ra lệnh cho quân cố thủ chờ sáng, cốt giữ kho đạn, nhà bưu điện cho khỏi cháy đồng thời điện ra Hải Phòng gọi quân cứu viện.

☆V.- CUỘC PHẢN CÔNG CỦA QUÂN PHÁP.

Tại Mang Cá sau phút hốt hoảng các sĩ quan Pháp đã trấn tỉnh được tinh thần binh sĩ, tập hợp lại và ra khỏi tầm đạn của quân ta để bố trí phòng thủ. Khi các khẩu pháo của ta đặt gần Mang Cá lần lượt bị Pháp vô hiệu hóa, Pháp bắn trả lại và đẩy lui quân của Tôn-Thất Thuyết ra xa. Tuy chiếm được các vị trí chiến đấu, quân Pháp phải cố giữ nguyên phòng tuyến vì không biết rõ đường đi, khó vào thành giữa lúc đêm khuya. Quân Pháp đạn được nhiều nhưng bắn rất ít làm cho Tôn-Thất Thuyết tưởng rằng mình đã thắng.

Thấy đại bác của ta chuyển hướng sang Tòa Khâm, Pháp bắt đầu phản công.

Từ 3 giờ 30 sáng, quân Pháp ở Mang Cá và Tòa Khâm đã liên lạc với nhau bằng ca nô. Quân ở Mang Cá bắt đầu phản công lúc rạng sáng bằng ba toán quân do Pernot chỉ huy.

1.- Toán thứ nhất tiến vào thành theo hướng tấn công cửa Kẻ Trài, triển khai lên cầu Thanh Long. Tại đây toán quân này chia thành hai mũi:

* Một tiến đến góc Đông Nam của kinh thành Huế, đối diện với Tòa Khâm Sứ bên kia sông.

* Một phá Cống Thanh Long vượt sông Ngự Hà vào kinh thành, tiến về Lục Bộ và tấn công cửa Hiển Nhơn. Trên đường đi chúng phải giáp chiến quyết liệt mới đẩy lui được quân ta.

2.- Toán quân thứ hai vượt Cầu Kho tấn công quân triều đình đang ở trong vườn Ngự Uyển và theo đường này lên cửa Hiển Nhơn tiếp viện cho toán quân thứ nhất đang tập trung tại đây; Nhưng cửa Hiển Nhơn vẫn đứng vững không phá đổ được, quân Pháp phải tìm lối khác.

3.- Toán quân thứ ba tiến về phía tây, tấn công vào cửa hữu. Quân triều đình sau mấy đợt chống trả không giữ nổi phải bỏ chạy. Từ cửa hậu quân Pháp vượt sông Ngự Hà tiến về hoàng thành. Phần lớn của toán quân thứ ba này làm thành một mũi đi dọc theo các tuyến phòng thủ, tấn công và lần lượt chiếm cửa An Hòa, Chính Tây (32).

Ở Tòa Khâm đến gần sáng đại bác ta bắn thưa dần vì gần hết đạn, một đội quân Pháp kéo sang vào cửa An Hòa (33).

Dọc đường tiến quân chúng bắn phá và đốt cháy các Bộ, Viện, doanh trại nhà cửa, giết bất kỳ già trẻ, gái trai mà chúng gặp. Tiếng than khóc kêu la xen lẫn với tiếng đạn reo, khói lửa nghi ngút làm náo động cả kinh thành. Tôn-Thất Thuyết và Trần-Xuân Soạn đốc quân chống trả ráo riết. Các vọng lầu của Phòng thành đã biến thành pháo đài, từ điểm cao bắn xuống liên tục chặn được bước tiến của địch, còn ở các tuyến giao tranh quân ta vừa dùng súng vừa dùng mã tấu đoản đao chận đánh địch. Trận đánh cố thủ kho vũ khí trước cửa Kẻ Trài kéo dài ác liệt. Quân Pháp từ pháo thành và các nhà ở dốc Bao Vinh liên tục bắn xuống mới chiếm được vị trí, trước khi rút lui quân ta đã phóng lửa đốt cầu gỗ để cản bước tiến của địch.

Ở trại quân gần Cống Thanh Long binh triều đã ra sức bảo vệ, quân Pháp vấp

phải sự chống cự gan dạ nên phải vất vả mới chiếm được.

Ở cửa Hiển Nhơn, quân ta bị dồn vào phòng tuyến cuối cùng đã đem hết lực lượng tử chiến, tiếng la hét trong những trận xung phong bất ngờ làm mất tinh thần một số lính Ả Rập và Pháp. Cuộc chiến đấu không ngang tầm vũ khí đã gây thiệt hại lớn cho binh lính Việt-Nam. Tình thế thắng bại đã rõ, quân ta cả trong thành lẫn phía Tòa Khâm bắt đầu rút lui. Sức kháng cự của ta không còn, nhưng quân Pháp chưa biết những gì sẽ đến với họ. Vòng đai bao quanh Hoàng cung với những tuyến phòng thủ, các hầm đào do Tôn-Thất Thuyết cho đào ra mấy hôm trước đây vẫn sừng sững đe dọa. Phải đến 8 giờ đoàn quân Pháp không vào được cửa Hiển Nhơn mới tìm ra lối dọc theo cửa Ngăn, tiến đến trước Kỳ đài và Ngọ môn.

Một hình ảnh mỉa mai nhất là, một lính Ả Rập đã biểu dương chiến thắng bằng cách cho lấy giải thắt lưng màu xanh của lính Ả Rập chắp với những mảnh vải trắng và đỏ làm cờ Tam Tài (34) tượng trưng cho quốc kỳ của một xứ sở tư nhận là "Tự Do — Bình Đẳng — Bác Ái" mở đầu cho thời kỳ thỏa hiệp mới giữa thực dân với triều đình nhà Nguyễn. Đến trưa quân Pháp chiếm thành trì và cung vua rồi cho cướp bóc thả dàn (35).

☆ VI.- THẤT THỦ KINH ĐÔ.

Trong lúc quân ta chống trả kiềm chế bước tiến của giặc thì hữu quân Đô thống Hồ-Văn Hiển và Nguyễn Văn Tường rước vua Hàm Nghi và Tam Cung (36) ra khỏi thành. Khi quân Pháp vào được nội cung thì ở đây đã trở thành vô chủ.

Chiếm được kinh thành Huế, quân Pháp được De Courcy cho "tự do hành động" trong vòng 48 tiếng đồng hồ nên mặc sức cướp phá của cải trong hoàng cung, vàng bạc tơ lụa của nhà quan, nhà dân, đốt cháy chợ Đông Ba và những tòa nhà của Quốc Tử Quán. Bộ Binh, Bộ Lại nơi Tôn-Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường làm việc, lửa cháy suốt hai ngày đêm. "Giặc Pháp gặp ai giết nấy, đốt cái gì có thể đốt được, cướp cái gì có thể cướp được, hiếp ai có thể hiếp được (37). Bức điện ngày 24 tháng 7 năm 1885 của De Courcy về Paris đã nói "... Trị giá phỏng chừng các quý vật bằng vàng hay bạc giấu kỹ trong các hòm kín là 9 triệu quan. Đã khám phá thêm nhiều ấn tín và kim thư đáng giá bạc triệu. Xúc tiến rất khó khăn việc tập trung các kho tàng mỹ thuật, cần cử sang đây một chiếc tàu cùng với nhân viên thành thạo để mang về mọi thứ cùng với kho tàng" (38). Phái viên của hãng thông tấn Havas dự xem việc tịch thu vàng bạc ở Duyệt Thị Đường kể lại rằng "... Trong năm ngày tôi thấy 50 người chuyên việc sắp chồng những thoi vàng lại. Vàng bạc ấy sẽ gởi về Pháp. Còn kho đồ vật bảo tàng, giá trị không thể tưởng được, nó cũng sẽ được gởi về Pháp. Tôi không thể nói rõ giá trị của các của cải ấy vì tôi sẽ không nói đến sự thật được" (39).

(Còn tiếp)

Tôn Thất Hứa
Wuerzburg,
Cộng Hòa Liên Bang Đức
Mùa Hè 1997

Chú Thích:

(1) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, SĐD trang 339, 405 và 409.

(2) Ông Ích Khiêm đang ở nhà dưỡng bệnh được điều về kinh làm Tá Lý Bộ Hộ tháng 4/1882.

Trần Xuân Soạn và Trương Văn Để được rút về kinh tháng 7/1883. Đại Nam Thực Lục, SĐD trang 210.

(3) Đào Trinh Nhất, SĐD, trang 72.

(4) Thơ Nguyễn Xuân Ôn, Hà Nội, Văn Học 1977 trang 16.

(5) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, SĐD trang 398 và 399.

(6) Đại Nam Thực Lục, SĐD tập 36, trang 176, 184, và 185.

(7) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu, SĐD trang 398 và 399.

(8) Đại Nam Thực Lục, SĐD tập 36, trang 176, 184 và 185.

(9) Khóa luận năm học 1979-1980 của Phan Văn

Sinh, sinh viên lớp Sử, khóa 1, trường Đại học tổng hợp Huế.

(10) Theo lời Nguyễn Văn Tường khai với Champeaux sau này thì từ tháng 6/1885, triều đình đã mật đưa ra Tân Sở một số bạc nén và vàng lá hơn 300.000 lượng, trước khi nổ ra cuộc tấn công Pháp mấy ngày. Tôn-Thất Thuyết muốn đưa số còn lại trong kho Nội Vụ chừng 700.000 lượng nhưng Nguyễn Văn Tường không chịu (dẫn theo Phan Khoang, SSĐ trang 351).

(11) Gia Hưng Vương bị khép tội "Nhân tư phế công, tiết quốc công trọng sự" (Vì riêng mà bỏ công, tiết lộ những việc quân sự lớn lao). Đại Nam Thực Lục, SĐD tập 36, trang 176.

(12) Điều 5 hiệp ước quy định Khâm Sứ Pháp được đóng trong kinh thành Huế với một số lính.

(13) Phan Khoang — Việt Nam Pháp Thuộc Sử, Sàigòn 1971, trang 337.

(14) Phan Khoang — Việt Nam Pháp Thuộc Sử, SĐD trang 336.

(15) Gaultier trong Le Roi Proscrit đã nhận định "Như thế vua Hàm Nghi đã giữ được tính chất thiêng liêng đối với thần dân mình. Vô tình vị vua trẻ đã làm một việc có ảnh hưởng vang dội trong nước: Với ý chí cương quyết độc lập và dù Pháp có đóng quân tại Huế, triều đình Việt-Nam vẫn biểu dương một thái độ không hèn, thái độ ấy do Hội đồng Phụ chính bày vẽ thôi. Hội đồng Phụ chính rất có lý mà tin chắc rằng quần chúng nhân dân nhìn vào thái độ ấy như một mệnh lệnh không nói ra bằng lời, để nhân dân kháng cự với kẻ mới đến." Dẫn theo tài liệu của Phạm Văn Sơn, Việt-Nam Cách Mạng Cận Sử, quyển V tập trung, Sàigòn 1973 trang 17.

(16) A Delvaux, La Prise De Huế Par Les Francais, BAVH, tháng 4-6/1920 trang 7.

(17) A Delvaux, La Prise De Huế Par Les Francais, BAVH, tháng 4-6/1920 trang 7, bản dịch Lê Chương.

(18) Phạm Văn Sơn, SĐD trang 25.

(19) De Courcy muốn phô trương lực lượng để tỏ uy quyền của mình và cũng để đe dọa hai vị phụ chánh cho nên ra lệnh cho Khâm sứ De Champeaux báo cho triều đình biết để đón tiếp trọng thể. Khi De Courcy đến Huế, các cửa thành đều treo cờ, đại bác ở Mang Cá bắn 21 phát và pháo binh Việt Nam bắn chào 19 phát.

(20) Theo Phan Khoang "Việt Nam Pháp Thuộc Sử" thì ý định bắt Tôn-Thất Thuyết bị tiết lộ bởi một sĩ quan tùy tùng Pháp. Theo gia phả Tôn-Thất Thuyết thì nhờ một người Việt Nam làm bếp ở Tòa Khâm tiết lộ — Dẫn theo Trương Thị Cúc, khóa Luận tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Huế (1977-1981).

(21) Dựng theo vè "Thất Thủ Kinh Đô" do Đinh Xuân Lâm và Triều Dương sưu tầm, nhà xuất bản Văn Sử Địa trang 71.

(22) Dẫn theo Trần-Thị Hiếu.

(23) Dẫn theo Trần-Thị Hiếu.

(24) De Champeaux lưu ý triều đình Huế rằng: "Pháp Quốc đã thế vị Trung Hoa, do đó nghi lễ dành cho Tổng tư lệnh đại diện Pháp Quốc phải giống nghi lễ đại diện Trung Hoa". Dẫn theo Trần-Thị Hiếu, trang 29.

(25) Général..., L'Annam Du 5 Juillet... dẫn theo A. Delveaux, tháng 4/6 - 10/20.

(26) Nguyễn Văn Mại, Lô Giang Tiểu Sử, nguyên văn chữ Hán bản dịch của Nguyễn Huy Xước, in ronéo. Tài liệu gia đình họ Nguyễn.

(27) Đại Loạn Năm Ất Dậu và Dậu Tuất Niên Gian Phong Hỏa Ký Sự được in trong Lam Giang — Võ Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn. Tinh Hoa Công Giáo Ái Quốc Việt-Nam, tác giả XB, Sàigòn 1970.

Đại Loạn Ất Dậu gồm có 420 câu.

Dậu Tuất Niên Gian Phong Hỏa Ký Sự gồm 860 câu, là một bài thơ trường thiên do một trí thức công giáo soạn vào thập kỷ 80 thế kỷ thứ XIX.

(28) Nguyễn Văn Mại, Lô Giang Tiểu Sử, bản dịch đánh máy của Nguyễn Huy Xước, trang 15.

(29) Trần-Thị Hiếu, SĐD, trang 50.

(30) Ước chừng 18.000 người (Trần-Thị Hiếu, SĐD, trang 50).

(31) Trần-Thị Hiếu, SĐD trang 54.

(32) Trần-Thị Hiếu, SĐD, trang 63-66.

— Bản đồ tiến quân của Pháp vào kinh thành Huế, BAVH số 1-2, tháng 1-6 năm 1933, trang 25.

(33) Phan Khoang, SĐD trang 347.

(34) Theo tài liệu của Trần-Thị Hiếu.

(35) Việt-Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.

(36) Tam Cung: Từ Dụ là mẹ vua Tự Đức, Trang Ý là vợ vua Tự Đức mẹ nuôi Dục Đức, Học Phi là vợ vua Tự Đức mẹ nuôi Kiến Phúc.

(37) Trần Văn Giàu, Phong Trào cần Vương, SĐD trang 67.

(38) Memoires et Documents Asie, tập 47 trang 121, dẫn theo Tập San Sử Địa số 14-15, 1969, trang 16.

(39) Trích dịch bài tường thuật của phái viên hãng Havas đăng trong Le Tonkin De 1872 của Jean Dupuis. Dẫn theo Phan Khoang trang 349.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **A.- TÀI LIỆU BẰNG SÁCH VIỆT NGỮ**

1. Sự hình thành, chủ trương và hoạt động của nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Tôn-Thất Thuyết — Trần Viết Ngạc.

2. Vài nhận định về Tôn-Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông - - Trần Viết Ngạc.

3. Một vài nhận định về Tôn-Thất Thuyết — Trương-Thị Cúc và Nguyễn Xuân Hoa.

4. Cuộc binh biến tại kinh thành Huế ngày 23.05 Ất Dậu — Trần-Thị Hiếu.

5. Tôn-Thất Thuyết, anh hào lắm nỗi nhiêu khê — Nguyễn Quang Trung Tiến.

6. Nhận diện chặng đường lưu vong của Tôn-Thất Thuyết — Nguyễn Quang Trung Tiến.

7. Đất Việt trời Nam, Nguồn Sống, Sàigòn 1960 của Thái Văn Kiểm.

8. Nước loạn canh tàn bể dâu của Thái Văn Kiểm.

9. Việt-Nam tranh đấu sử.

10. Việt sử tân biên của sử gia Phạm-Văn Bảo.

11. Vua Hàm Nghi của Phan Trần Chúc.

12. Việt Nam Tự Điển của Lê Ngọc Trụ.

13. Danh nhân Tự Điển của Trịnh Văn Thanh.

14. Việt Nam Pháp thuộc sử của Phan Khoang.

15. Tôi thân oan cho Tôn-Thất Thuyết — Tạp chí Phổ Thông số 24.

16. Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.

17. Việt Nam phóng sự của Nguyễn Văn Mại.

18. Việt Nam văn học sử yếu của Dương Quảng Hàm.

19. Việt sử toàn thư của Phạm Ngọc Sơn.

20. Tài liệu của Hội Nghị Khoa Học Lịch Sử 1991.

- **B. TÀI LIỆU VÀ SÁCH XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG PHÁP:**

1. Christianisme et Colonialisme au Vietnam 1857 - 1914, Cao Huy Thuần.

2. Le Vietnam, Histoire et Civilisation, Paris, Minuit Lê Thành Khôi.

3. Le Roi proscit, Marcel Gaultier.

4. Souvenir d'Annam, Baile.

5. Le Lao et le protectorat Francais, Gosselin.

6. L'empire d'Annam, capitaine Ch. Gosselin.

7. Abrégé d'Histoire d'Annam, Saigon 1906, Schreiner.

8. Histoire de la Cochichine Francaise, des origines à 1883, Paris, Challamel 1910.

9. La colonisation Francais en Indochine, Paris, Alcan 1895 De Lanessan.

*

tình cờ

Viết cho những cánh phượng mùa cũ

Tình cờ như bể gặp dâu
nhìn nhau bỡ ngỡ cúi đầu chào nhau
quen nhau từ buổi cúi chào
yêu nhau ai nhớ buổi nào... trời ơi
vậy mà rồi cũng chia phôi
đậm đà thế ấy mà rồi lạt phai
nhìn nhau giờ biết trách ai
chút duyên bèo nước đông đoài lạc nhau
ôi thôi tâm sự nát nhàu
đôi bờ giới tuyến nửa câu ước thề
khói nào cuốn được cuồng si
lửa nào thiêu được say mê buổi đầu
em giòng trăng giữa đồi sao
vẫn là tôi thả thơ vào suối trăng
sá gì cái "trận lăng nhăng"
giữ nguyên trinh một mùa trăng...đủ rồi

*

Quán bên góc phố tạm ngồi:
— "ly chanh đường để riêng mời cố nhân."
— "còn anh?"
— "rượu rót cho tràn
cho hân hoan trọn một lần gặp nhau
đùa thôi, kỷ niệm thủa nào
ly cà phê, giống lần đầu hẹn nhau."
cà phê chanh đá giờ đâu
để cho ngọt đắng trộn vào duyên tơ
để trôi dài một tứ thơ
nổi nênh mấy độ lững lờ còn vương
để hôm nay giữa phố phường
nhìn nhau ngẩn tiếc thiên đường đánh rơi
sương pha bốn mái bùi ngùi
nhìn nhau bốn mái bùi ngùi sương pha
nhìn nhau lòng rộn xót xa
(chớp bình minh đó chợt tà dương đây)
bình minh buổi ấy chia tay
tà dương hội ngộ duyên may hãy còn
(vẫn em mùa cũ trăng tròn
trong như mùa cũ thủa còn vàng son)
hỏi con rằng: — "đã chồng con."
hỏi chồng rằng: — "lạc giữa vòng chiến tranh,
lâu rồi, mất tích... còn anh?"
— "lênh đênh từ dạo chúng mình xa nhau
làm thơ vớ vẩn khuây sầu
viết văn, làm báo bấy lâu... cũng thường"
mà trong hai tiếng "cũng thường"
nghe vô thường sóng chập chùng lao xao
về đâu dịu ngọt thủa nào
tan phù vân cũ hợp bào ảnh xưa
dở dang... cười vậy... sao giờ?
héo hon môi nở, thẫn thờ mắt đưa
cố nhân ơi, đẹp bất ngờ
nụ xuân nào hé giữa bờ tóc sương
tình trong ánh mắt tà dương
chút pha tiếc nuối, chút vương ngậm ngùi
xa rồi cái chuyện lứa đôi
còn đây bèo nước nổi trôi mấy mùa
mưa chiều quán nhỏ người thưa
chừng nghe lạnh mấy ngón vừa đan nhau
buông tay lặng lẽ cúi chào...

Trúc Chi
97

LẠC TỊNH VIÊN

Nguyễn thị Hiệp

Núi Ngự bình trước tròn sau méo
Sông An cựu nắng đục mưa trong

Nhân một chuyến về thăm quê hương, đứng gần An lăng, nhìn lên Núi Ngự bình thật là một cảnh đẹp hùng vĩ ngoạn mục, thảo nào các nhà địa lý thời xưa lấy Núi Ngự bình làm án cho kinh đô xứ Huế. Rải rác chung quanh đây đó có những quán bánh bèo đã nổi tiếng thuở nào. Không biết cái quán nổi tiếng trước kia là của ai, nhưng sau những quán mới mọc lên đều được người dân xứ Huế ca tụng bánh bèo Ngự bình là có tiếng. Còn bánh bèo Tây thượng cũng không kém gì, cứ mỗi tuần đến ngày Chủ nhật quán thật đầy khách, tuy không xếp hàng nhưng cũng phải chờ (hồi đó Thứ bảy dân công chức và quân nhân còn đi làm buổi sáng).

Trở về khu Hữu ngạn sông Hương, từ Cầu Trường tiền thẳng một mạch lên Ga Huế. Ga Huế lớn đối với tôi hồi đó. Những buổi chiều đẹp trời, dân Bến Ngự tản bộ dọc theo giòng sông An cựu, với hàng cây bóng mát. Lòng sông không su (1) lắm, trời nắng thấy nước đục ngầu. Không hiểu tại sao trời mưa, nước sông An Cựu lại trong. Nhờ các chàng xứ Huế, Tây học, Mỹ học đầy mình giải thích về hiện tượng môi sinh nầy.

Từ Ga Huế đến Cầu Bến Ngự nhìn qua bên kia sông, một tòa nhà cổ kính, với hàng rào chè tàu, cẩn và hoàng điệp bao bọc ngoài với chiếc cổng hình vòm, đó là ngôi vườn lớn với ba tòa nhà cổ kính gọi là Lạc tịnh viên. Thoạt tiên Khu vườn rộng 8 sào đất (sào ta) coi như đất hoang, với túp lều tranh trên đó. Chủ nhân Ông là Cụ Thượng Hồng Khẳng con thứ 10 của Tùng Thiện vương tạo mãi năm 1889. Đến năm 1897 Chủ nhân tạo lập ngôi nhà ngói thay túp lều khi mới mua, Tuy lý vương đặt tên là Hy Trần Trai. Khu vườn nầy nguyên thuộc làng Dương xuân, huyện Hương thủy, nhưng đến năm 1900 khi xây xong Cầu Trường tiền, theo qui hoạch của Chính quyền, Lạc tịnh viên thuộc Thành phố Huế. Năm 1901, chủ nhân xây thêm bên trái ngôi vườn một căn nhà mới gọi là Di tâm thích thể đường. Mười năm sau, Cụ Thượng lại xây thêm bên phải ngôi vườn ngôi nhà theo kiểu tân thời hồi đó lấy tên là Vấn Trai. Xây nhà theo lối nầy gọi là Tam hợp viên có lẽ chủ nhân muốn mô phỏng lối Tứ hợp viên bên Trung hoa để tất cả gia đình qui tụ thành một nơi. Ngôi nhà chính Hy Trần Trai, là kiểu nhà ba gian hai chái, có nhiều nét độc đáo hơn các ngôi nhà rường khác ở Huế. Bộ giàn trò được chạm trổ công phu, lấy đề tài chủ yếu long, phụng, tứ quí và bát bửu, có 56 cột gỗ ra đến hàng ba, tạo thành sườn nhà vững chắc. Ba gian nhà có ba khung cửa chính có 12 tấm cửa bảng khoa.

Người thừa kế khu Lạc tịnh là Cụ Ưng Trình, nguyên Đại thần Tôn nhơn Phủ và có lẽ người Huế và học trò Quốc Học còn biết nhiều đến Cụ: Cụ vào học Quốc tử Giám năm 1897, hai mươi năm sau trở thành Tế Tửu Quốc tử Giám. Quốc tử Giám ngôi Trường có trước Trường Quốc học gần 100 năm. Giáo sư Bửu Cân, con của Quan Tế tửu là một vị Giáo sư được kính mến của Trường Quốc Học. Linh mục Bửu Dưỡng em của thầy Bửu Cân là người duy nhất trong gia đình trở thành tu sĩ Thiên chúa giáo, nổi tiếng về những hoạt động văn hóa, sau nầy là Viện Trưởng Đại Học Minh Đức ở Saigon.

Tác giả người Mỹ Kimberlee Stryker trong một bài viết về các khu viên trang

thời xưa ở Đất Thần kinh trong đó có kể đến Lạc tịnh viên ở Đường Phan Đình Phùng Huế như là ngôi vườn cổ kính nhất còn nguyên vẹn và tồn tại đến bây giờ. Theo mô tả của tác giả, có lẽ là nhà kiến trúc sư, thì Lạc tịnh viên gồm cả khu vườn và ngôi nhà Hy Trần thuộc gia đình vương tộc được xây cất cách đây trên 100 năm và đến nay vẫn còn do các hậu duệ phụng tự. Theo tác giả sườn ngôi nhà Hy Trần được chạm trổ công phu là một trong những kiểu sườn nhà theo lối kiến trúc cổ Việt Nam còn sót lại. Tác giả cho biết vườn Lạc tịnh, nhà Hy Trần nay đã được Cơ quan Bảo tồn Bảo tàng Hà nội công nhận là một Di tích Văn hóa.

Tưởng cũng nên nói thêm về tài của người thợ mộc Việt Nam. Khi muốn hình thành sườn một ngôi nhà, nhà rường một gian 2 chái, ba gian 2 chái, lớn nhứt là năm gian 2 chái, với cột, kèo xuyến, trến, đòn tay, (2) mái kéo ra đến hàng hai, hàng ba, hàng tư, chỉ một tay người thợ cả với cây thước thợ gia truyền (3) chạm đục, làm mộng cho đến khi xong, thợ ăn ở luôn trong nhà bốn, năm tháng có khi cả năm. Đến ngày dựng bộ dàn trò lên là tất cả bộ sườn đâu vào đó không sai một ly nào, kể cả những tảng đá đặt dưới chân cột. Toàn bộ sườn nhà kết hợp với nhau bằng mộng và nêm (4). Tôi xin kể qua về việc trùng tu Lầu Ngọ môn khoảng năm 1960 mà tôi có biết. Tòa Hành Chánh Tỉnh Thừa thiên hồi đó chuẩn y ngân sách quốc gia để trùng tu các công trình cổ thuộc Hoàng thành Huế. Một cây cột ở hàng ngoài của Lầu Ngọ môn cánh phải bị hư cần phải thay thế. Ty Kiến thiết lập bảng chiết trù rồi khảo giá. Cô Phạm thị Thu Sương đại diện cho Nha Tiểu Thủ Công Nghiệp ở Saigon (5) trúng thầu. Cô Sương trực tiếp thi hành. Đã lâu không làm được vì dự trù chỉ thay có một cái cột, vô lẽ phải tháo nguyên một góc lầu và làm như vậy không đủ kinh phí. Sau đó Cô Sương tìm được một người thợ mộc ở làng La Chữ. Ông ta chạm trổ một cây cột mới giống như cây cột cũ, đem vào thay thế cột cũ nhưng vẫn giữ y nguyên như tình trạng nghĩa là không tháo rui mèn hay đòn tay rời ra, chống chỏi sao đó tháo cột cũ ra rồi ráp cột mới vào. Tôi nghĩ đây là người thợ mộc của thế hệ trước còn sót lại. Cô Sương đã mất sau năm 1975, vị Kỹ sư thiết kế đã tử nạn vì cháy xe ở Quảng trị trong năm 1972. Nay còn lại một Vị Kỹ sư giám sát người Vân trình hiện ở VA., biết đến việc nầy. Một nhóm thợ mộc rất hiếm, con cháu của các tay thợ thế hệ trước, lập xưởng mộc hiện nay tại Saigon chuyên môn đóng bàn ghế kiểu cổ của Pháp để xuất cảng. Nhóm thợ nầy người làng Mỹ xuyên thuộc Huyện Phong Điền là một trong những làng ở Thừa thiên có tay thợ khéo.

Hương giang nước chảy lững lờ,
Xuôi đi xuôi mãi tới nơi mô,
Chiếc cầu đã gãy năm sáu tám
May nay thấy lại đủ sáu vày
Lạc Tịnh còn mãi tới mai sau...

Nguyễn Thị Hiệp

Ghi chú:

(1) Chữ "su" tiếng Huế có nghĩa là sâu.

(2) Cột là cây chống chính của sườn nhà. Kèo đặt ngay trên đầu cột xuôi từ cao xuống để tạo thành mái nhà. Xuyên giữ vững 2 cột theo chiều ngang. Trến giữ vững 2 cột theo chiều dọc của bộ dàn trò. Đòn tay nằm trên kèo tạo thành khung sườn lợp mái. Cây ngang trên đỉnh gọi là đòn dông. Những đòn tay đặt kế tiếp theo trực sinh lão bệnh tử, Vậy đòn cuối cùng phải là trực sinh hai lão mà thôi. Ca dao có câu: Có cây dây mới leo, Có cột có kèo mới có đòn tay.

(3) Thước thợ là thước nghề của thợ mộc thường là thước Lỗ Ban. Tác giả Lê Văn Lân có viết về cái thước Lỗ Ban đăng trên Bán Nguyệt san Tự Do, đó là cái thước chừng 43cm. Ở VN hiện còn lưu hành 2 cái thước khác cũng gọi là thước Lỗ Ban một cái dài 40cm cái khác 42cm. Chữ nghĩa viết trên 3 cái thước thì có khác nhưng tựu trung 8 ô chính không thay đổi vị trí, từ trái qua phải: Phúc Đức (tốt), Lục hại (xấu), Đao kiếp (xấu), Quan lộc (tốt), Nghĩa thuần (tốt), Sinh ly (xấu), Trường bệnh (xấu), Tài lộc tốt.

(4) Nêm là cái giữ chặt mộng cho khỏi sút ra.

(5) Một sự tình cờ Giám Đốc Nha nầy hồi đó lại là con nhà Lạc tịnh.

*

Trân Trọng Giòng Hương Giang

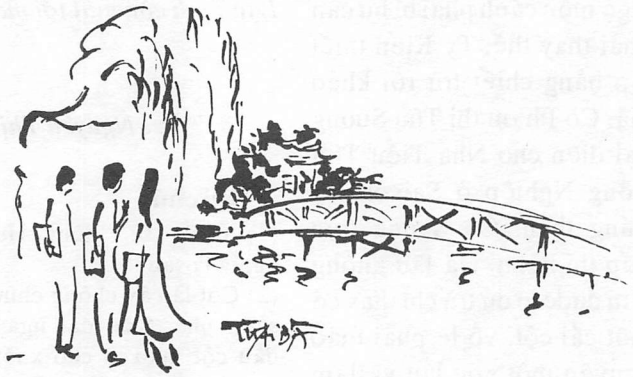

Nguyễn Đăng Ngọc

Nước là "cái hữu" của sông. Nước cạn, sông không còn. Tuy nguyện thề "sông cạn đá mòn" một lòng chung thủy, nhưng sông cạn thường là đổi thay, tan vỡ não nề:

Sông kia rày đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.

(Trần Tế Xương)

Sông và nước là nguồn sống, nên con Người, tự ngàn xưa, bám theo sông mà sống. Con Người cũng lớn lên từ sông. Nhờ nước của sông, hai miền tiếp cận dần dà trù phú, trở thành những chiếc nôi văn hóa, mở đường cho nhân loại tiến bộ. Từ điểm ban đầu chất phác, giản đơn, con người đem khả năng sáng tạo vô biên khai thác lợi thế của sông, đưa con người đến văn minh, miên viễn. Kim tự tháp, đệ nhất kỳ quan thế giới, là tặng phẩm của giòng Ni-la. Lưu vực Ấn-Hằng, Hoàng Hà, Hồng Hà, Cửu Long... đã trao lại cho thế nhân và dân Việt khuôn mặt rạng rỡ hôm nay và mai sau.

Nước là cốt lõi của sông, giúp cho sông hiện hữu. Căn cước của sông cũng vì đó thường là căn cước của nước. Hầu như là thông lệ chung trên toàn cầu, sông mang tên màu nước hay một thể tính của sông.

Gọi Hoàng Hà, "sông màu vàng", vì nước mang đầy bụi vàng (hoàng thổ) từ sa mạc Nội Mông trước khi "đáo hải bất phục hồi".

Khái Hưng ví giòng sông Hồng no đọng phù sa đỏ như "một vũng máu", "một nghiên son": "... (chiếc) thuyền khi ẩn, khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô trong vũng máu, như con muỗi mắt trong nghiên son". (Anh phải sống — Khái Hưng).

Giòng sông vươn mình qua quê hương của Phan Bội Châu có tên là Lam Giang vì mặt nước nhuốm màu xanh biếc vào độ thu sang.

Sông Mã, nước chảy cấp kỳ như vó ngựa ruổi rong. Cửu Long là thân rồng chín khúc đổ ra Nam hải.

Danube bất tử với bản tình ca Giòng Sông Xanh.

Mang tên "Colorado" vì con sông kỳ lạ đó đã len vào giữa hai vách đá long lanh màu hồng. Màu đá chiếu rọi xuống mặt nước nhuốm đỏ cả giòng sông.

Có thể kể thêm rất nhiều con sông tên tùy vào chiếc áo màu sông đã mặc hay dáng dấp yêu kiều của giòng nước. Và thật là một điều kỳ thú nếu nghiên cứu được hết ý nghĩa tên các giòng sông trên thế giới!

Tuy nhiên sông không nhất thiết mang tên màu nước, thủy tốc hay hình khe thế nước. Tên sông có thể từ xa xưa truyền lại rồi cứ thế mà gọi, chẳng lý gì tới ý nghĩa. Lắm khi sông lại mang tên một địa phương gặp gỡ trên đường vươn mình ra biển: Sông Hàn, sông Bến Nghé...

Tên sông có khi lại biểu thị một lý tưởng hay nhắc nhở một kỳ công, một kỷ niệm lịch sử. Sông Kwai với chiếc cầu nổi tiếng, được coi như một thành tích của công binh Anh trong cuộc hành quân chống Nhật. Sông Elbe, không mờ phai trong trí nhớ

loài người vì nơi đây hai cánh quân đồng minh Đông - Tây bắt tay nhau để kết thúc một cuộc chiến tàn khốc.

Sông Bạch Đằng là niềm kiêu hãnh chống Tống, chống Nguyên của dân ta, nhưng sông Gianh và Bến Hải là những vết chém ngang lưng và năm tháng chiến tranh tương tàn.

Sông tải nguồn sống cho toàn thể nhân loại và riêng cho mỗi dân tộc. Núi liền với sông và đất liền với nước. "Núi sông", "đất nước" có một giá trị thiêng liêng cho mỗi dân tộc và với mỗi người. "Sơn cao, thủy thâm", có thể nói không sai, sông nước đã qui định bộ mặt văn hóa, chính trị, kinh tế, quân sự... của toàn cầu, của mỗi quốc gia, của từng địa phương và ngay cả mỗi một con người. Không có sông, nước, quả đất chỉ là một hành tinh khô cằn, và chắc chắn nếu còn sống sót, con người cũng khô cằn theo.

Sông là bảo vật trời ban cho con người, không có giòng sông nào không đáng trân trọng, mến yêu. Nhưng trong tất cả các giòng sông hiện hữu, chúng ta thường chỉ gắn bó, thiết tha riêng với một giòng sông, giòng sông của tuổi thơ, giòng sông nơi chúng ta cất tiếng chào đời. Joachim Du Bellay (thi sĩ Pháp hồi thế kỷ 16) mặc dù chức trọng quyền cao giữa La-mã kiêu sa, vẫn nhớ nhung héo hắt tới con sông nhỏ, ngọn đồi thấp nơi quê nhà:

Plus (me plait) mon Loire gaulois que le Tibre Latin
Plus mon petit Liré que le mont Palatin

(Tạm dịch: Tôi mến yêu giòng Loire và ngọn đồi thấp Liré nơi quê nhà hơn sông Tibre và núi Palatin hùng vĩ xứ người)

Và tôi có vòng vo Tam quốc về tên sông, về tầm mức quan trọng của sông, về sông và cuộc sống... thật ra chỉ muốn mượn cái chung lớn lao để quay về với con sông riêng của đời tôi: Con sông thời thơ ấu, trong hoài niệm, trong hiện tại đau thương và tương lai mờ mịt. Đó là giòng Hương giang chảy qua cố đô Huế, giòng sông đã cảm xúc biết bao tao nhân mặc khách và khuôn dạng nên tâm hồn người Huế, trong số có tâm và hồn nhỏ bé của tôi.

Tôi sinh ra không xa bờ sông Hương, ở một làng thơ mộng thuộc tổng Ngọc Anh, nhưng đã trưởng thành, lớn lên và đi học, rồi sau bao nhiêu năm tháng xa cách trở về sống ngay bên bờ sông Hương. Sông Hương đã chứng kiến cuộc đời thay đổi của tôi cũng như tôi đã từng chứng kiến cái thay đổi của thành phố và của giòng sông.

Nhà tôi nằm trên bờ sông Hương và trường học tôi nhìn thẳng ra bờ sông. Ngày ngày cắp sách đến trường, đi dọc theo bờ Sông Hương và con sông ấy đã ghi lại bao nhiêu kỷ niệm yêu mến, vui buồn của đời tôi.

Những ngày hạ nắng, thật là một niềm vui vô bờ được tắm mát trong giòng Hương giang. Mỗi chiều tan học, vứt chiếc xe đạp cổ lỗ, áo quần và cặp sách ở bến đò Thừa phủ, lội ngược giòng sông lên gần đến cầu Bạch Hổ. Một mình giữa sông nước mênh mang, êm mát dịu dàng hay chợt lạnh tùy theo làn, tôi cảm thấy vui miên man, nhẹ nhàng và sâu đậm được đắm mình vào nguồn sống của quê hương. Có lúc may mắn gặp chiếc bè lồ ô (nứa) hay gỗ súc từ thượng ngàn trôi về. Xin phép trèo lên bè, ngắm cuộc sống đơn giản của người chèo bè trong chiếc chòi tranh nhỏ bé với một bếp lửa gồm ba phiến đá và nhìn cảnh vật hai bên bờ, nhà cửa, trường học, bệnh viện, vọng thành... lùi dần về sau, chìm vào trong khói lam chiều, trí óc thơ ngây tưởng tượng như đã đến từ một phương trời xa thẳm để về một nơi vô định mênh mông.

Trở về bến Thừa phủ lúc trời đã nhá nhem tối; áo quần, sách vở và chiếc xe cũ kỹ vẫn còn đó. Không phải đồ vật chẳng có giá trị gì nhưng trong cuộc sống hiền

hòa không ai muốn lấy đi để làm phiền muộn một đứa học trò nhỏ bé. Có hôm trên bến sông vắng vẻ, bóng một cụ già thẩn thơ chờ đợi, nhìn giòng nước lo âu. Lúc thằng bé vô tư lên chiếc xe xọc xạch vội vã trở về nhà, cụ già cũng lững thững bước đi, mừng thầm con cái nhà ai không quá dại dột. Bấy giờ học trò ở Huế không phải là đứa bé riêng tư của một gia đình nhưng là đứa bé chung của mọi người, được thương yêu và đùm bọc. Người ta bao dung với học trò, bênh vực học trò, dù có con hay không có con cắp sách đến trường. Cửa tiệm, nhà hàng không mấy ai nói thách với học sinh, ngay cả những người bán quà rong bên đường cũng thế. Sau khi lấm la lấm lét, nhìn trước ngó sau rồi dừng lại mua một món quà kinh tế để vụng trộm nhấm nháp với bạn bè trong lớp, mấy cô bé, cậu bé hồi ấy cũng được người bán hàng ưu đãi, gói ghém kỹ lưỡng, thêm thắt chi chút... Lời trách móc nặng nề nhất khi có người thư sinh lầm lỗi là "đi hược (học) mà như rứa (thế)". Những cử chỉ, những lời nói đơn sơ nhưng đầy tình đùm bọc biểu lộ nếp sống có văn hóa và tin tưởng mạnh mẽ vào văn hóa của một thời.

Nếu có những ngày nắng hạ thì Huế cũng có những tháng mưa dầm. Trừ những lúc bão lớn, đi học vào ngày mưa ở Huế cũng là những niềm vui khó quên. Chúng tôi không đủ giàu để mua những chiếc áo ny-lông sang trọng bày bán trong thương xá Morin hay kiêu sa trong chiếc xe nhà (xe kéo tư nhân) lộng lẫy. Thường chúng tôi chỉ đội nón lá và mang tơi (áo tơi làm bằng lá). Nhiều tiền thì tơi đọt (áo tơi chằm bằng đọt lá kè), ấm áp và bền bỉ, ít tiền thì tơi cá (chằm bằng lá kè già, xấu), vứt đi sau mỗi mùa mưa. Gió từ sông, nhất là giữa lúc qua cầu "sáu vài mười hai nhịp", thổi vào tơi bần bật, lật nghiêng chiếc nón, làm sũng ướt mấy mái tóc thơ ngây. Chúng tôi đi sát vào nhau, cười đùa trong mưa gió, bước từng bước ngắn và nhanh trông như đàn chim cánh cụt, không tư lự, không biết gì đến giá lạnh miền địa cực.

Yêu mến sông Hương, tôi và bạn bè đã biết hết những bến tắm sạch sẽ nhất: bến Sõi ở phía cửa Ngang, cuối tuần đông như ngày hội; bến biền Bãi Dâu với những mảnh ruộng dưa hấp dẫn; bến nhà anh Tôn thất Th. phía Bầu Vá, bến nhà anh Bửu T. ở Vĩ Dạ, kín đáo, thoải mái với những chiếc nhà mát bằng tranh nho nhỏ, cất trên mặt nước, dưới bóng những cây dừa sum suê. Bến tòa Khâm, phía trước trường Đại học Sư phạm ngày nay, vắng vẻ với đàn chim cộc (cormoran) từ biển đông xa xôi trở về trên mấy hàng cây dương liễu sát bờ sông, những chiếc phao cho thủy phi cơ neo ở giữa giòng, khêu gợi và lôi kéo hiếu kỳ nhưng gây cảm giác rờn rợn vì mấy ông Tây thực dân cú mèo và mấy chú lính khố xanh đứng gác với lưỡi lê tuốt trần sáng loáng.

Sông Hương là nguồn vui vô tận của chúng tôi suốt cả một thời tuổi trẻ. Lớn lên ít tuổi, sắp sửa trở thành những cậu tú, tập suy nghĩ về cuộc đời, chúng tôi vẫn bám víu lấy sông Hương, coi sông Hương là người bạn chính. Một số bạn bè cũng như riêng tôi bấy giờ đã tham gia vào hoạt động hướng đạo. Toán Vạn Kiếp chúng tôi (sau lúc anh Võ Thu Tịnh rời khỏi toán) trong tráng đoàn Bạch Đằng đã có sáng kiến sắm một chiếc ghe nan để đi cắm trại, vì Thừa thiên, ngang dọc đều có nhiều sông, lắm phá. Vào cuối tuần hay những dịp lễ lớn, bảy, tám anh em trong toán mang xắc và lều bỏ lên ghe rồi cùng nhau chèo ngược giòng sông, gặp nơi cảnh đẹp thì dựng lều sinh hoạt. Nhờ lối cắm trại đặc biệt đó chúng tôi đã nhận thức được nhiều vẻ đẹp của sông Hương mà có lẽ chỉ có một số ít người biết đến.

Sông Hương đẹp lúc chảy ngang thành phố Huế nhưng càng ngược giòng sông lại càng đẹp. Giòng sông khoáng đạt, mặt nước phẳng lặng và trong xanh, hương nước đượm vị ngọt man mác không như ở miền thành phố. Hai ven bờ xóm làng cô tịch, đồi cây nối tiếp đồi cây. Vào những lúc ráng chiều đổ xuống, giòng sông nhuốm đỏ, chuyển dần sang tím bầm

rồi ẩn mình dưới màn sương mờ đục che lấp cả bến bờ. Đứng trước cảnh tượng huyền bí, lòng rỗng không nhưng hứng thú vô bờ. Như thực như mộng, "ấy là hồ điệp hay là Trang sinh", có lúc mình tự hỏi mình. Tiếng chuông chiều từ chùa Linh Mụ vẳng lại. Tưởng đến tiếng chuông Hàn sơn trong một bài thơ thật đẹp, thức tỉnh khách du ở bến Phong kiều và đem lại nguồn sống thâm sâu giữa cảnh tàn tạ "nguyệt lạc", "ô đề", "giang phong", "ngư hỏa" với " sầu miên".

Có những đêm trăng sáng, giòng sông như một giải trắng bạc giữa núi đồi. Có lẽ cảnh tượng này cũng như cảnh sương sáng ban mai đã khiến Cao Bá Quát ví sông Hương như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh:

Trường giang nhất kiếm lập thiên thanh
(Hiểu quá Hương giang)

Nhưng chúng tôi đã phải sớm từ giã giòng sông mến yêu để bước vào giòng sông thương đau của dân tộc. Trong xa vắng nhớ nhung, thương tiếc, chúng tôi đã chứng kiến bao cảnh đau lòng đó đây. Cũng nghe vọng về từ giòng sông cũ:

Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.

Cả đất nước và riêng Huế đã đau khổ nhiều trước tham vọng của thực dân tàn ác và ý đồ của một nhóm người muốn áp đặt lên dân tộc một chủ nghĩa độc tôn, xóa nhòa một nếp sống mà Hương giang tiêu biểu về nhiều mặt.

Rồi hòa bình, một thứ hòa bình bấp bênh, đã đến. Tôi trở lại Huế giữa thời gian đó, tìm lại con sông của tuổi trẻ.

Phu Văn Lâu nghe vọng câu hò năm nào vẫn còn đó; còn đó điện Hòn Chén uy nghi trên đồi Ngọc Trản, chùa Linh Mụ trầm tư soi bóng tháp vào mặt nước trong xanh... Nhưng chân dung của giòng sông đã thay đổi nhiều. Chiến tranh tàn bạo đã tạo nên nhiều điểm u sầu vì nghèo đói, hốt hoảng, vội vã, giành dật, cưỡng chế... Phía tả ngạn, nơi Vườn ương thành phố, đã san sát những mái nhà tôn ngổn ngang, lấn chiếm vô tội vạ ra tận bờ sông. Bến Sõi ngày nào đã mất. Khu cỏ xanh tươi của sân banh thành phố đã trở thành một bộ phận của chợ Đông Ba với những túp lều chợ trời vá víu. Đối diện bên kia sông là giang cảng nhà binh ồn ào, rộn rịp, bụi mù và xa hơn nữa, Văn thánh là nơi huấn luyện và trại giam nhà binh...

Cuộc hòa bình bất đắc dĩ rồi cũng đã chết yểu. Sông Hương một thời nữa lại "cau mặt" hứng nhận những "tang thương" tệ hại: Tranh đấu, khủng bố, nịnh hót, âm mưu, đàn áp, di tản... Cao điểm những tang thương, trước lúc sông Hương chuyển qua một chương lịch sử mới là Mậu Thân 1968. Con sông đã khóc, chiếc cầu sụp đổ, một giải khăn sô... Nhưng Huế đã đứng lên và dù đổi thay trong căn bản sông Hương cũng là con sông thuở nào, tĩnh mịch, hiền hòa. Con đường dọc bờ sông từ Thượng tứ đi ngược lên Phu văn lâu vẫn đan bóng phượng vào những ngày hè và những đêm trăng sáng. Hàng cây long não vẫn thoáng mùi hương dọc đường Lê Lợi... Sau những giờ phút quay cuồng trong cuộc sống, đứng bên sông Hương, nhìn sóng nước lăn tăn, con người vẫn có thể trở về với những lắng đọng, trầm tư nhẹ nhàng, thanh thoát.

Tiếp theo những biến cố đau thương, giờ phút lịch sử xoay chiều đã đến. Theo chân hằng trăm ngàn người tôi vội vã ra đi, không một lời từ biệt, không kịp đoái nhìn. Và ra đi lần này, xa thật là xa...

Sau hơn 20 năm xa cách, một quãng thời gian khá dài đủ nung nấu trí tưởng tượng và lòng nhung nhớ, như một kẻ hành hương tràn ngập hạnh phúc được đi thăm đất thánh, tôi trở về viếng lại sông Hương.

Phu văn lâu, Ngọ môn, vọng thành, đền đài, lăng tẩm... vẫn như xưa, lặng im bên giòng sông lững lờ. Nhưng tôi đã không cảm thấy cái rung động mong chờ, chỉ thấy một niềm thương xót miên man, luyến tiếc, bàng hoàng. Có thể tôi đã già và xa rồi cái tuổi mộng mơ, duy có điều chắc chắn là có cái gì

đó đã mất đi nơi cảnh vật từng hun đúc nên tâm hồn xứ Huế, tâm hồn bè bạn tôi, tâm hồn những người tôi gắn bó, mến yêu, tâm và hồn tôi.

Tôi ghé thăm Ngọ môn, nơi triều đình nhà Nguyễn đã tiếp đón biết bao nhiêu sứ bộ ngoại quốc. Cũng là nơi chứng kiến ngày cuối của triều Nguyễn. Hôm đó có một cậu học trò nhìn đại diện Cộng sản tiếp nhận ấn kiếm từ tay Hoàng đế Bảo Đại để cai trị đất Việt, những ấn kiếm, mãi về sau họ mới tiết lộ, "quá nặng.... cố gắng lắm mới đứng được" (xem Tước ấn kiếm của Hoàng đế Bảo Đại — Hồi ký Trần Huy Liệu — KHXH — xuất bản 1992). Lầu đã được UNESCO viện trợ để sửa sang, bên ngoài trông còn chút sáng sủa nhưng bên trong trống trải và bụi bặm, không mấy khi được săn sóc, lau chùi.

Bước vào các cung điện trong hoàng thành. Phần lớn đã sụp đổ. "Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo" vì chiến tranh vừa qua và đặc biệt do biến cố Mậu Thân — 68. Điện Thái Hòa còn đứng vững, được trùng tu phần nào, nhưng trước sân và trong điện cũng một màu nghèo nàn, tiêu điều, mốc meo. Quay gót trở ra bỗng nghe bên cạnh mấy người du khách hỏi nhau: "Mày đã làm vua chưa? — 20.000 mà thôi." (2$ U.S.). Hai mươi ngàn đồng Bác Hồ để làm vua, để ngồi trên ngai vàng, dù trong giây lát, cũng thật là rẻ! Trước đây tôi nghe sách vở và cán bộ Cộng sản thường lập luận: "Đền đài của vua chúa là do bóc lột nhân dân mà có, vì thế chúng là của nhân dân, thuộc về lịch sử nhân dân..." — Lý lẽ có vẻ yêu nước thương nòi, nhưng đã thuộc về lịch sử của nhân dân thì sao lại dùng để đùa cợt, để kinh doanh thấp kém đến thế ? — Xin đừng bảo tôi bảo hoàng quá nhà vua. Khi đi thăm một di tích lịch sử người ta không chỉ thăm một ngôi nhà, một lâu đài, mà còn muốn thấy được cái tinh thần ngày xưa ẩn tàng phía đằng sau. "Hòn đá cũng biết nói năng" (Les pierres parlent à ceux qui savent les entendre — Anatole France). Quên mất điều ấy, những đền đài miếu vũ, những di tích cũ, mới, sẽ mất hết giá trị lịch sử thiêng liêng, chỉ còn lại cái xác không hồn, còn thua những hình ảnh trên mấy tấm bưu thiếp.

Và đã mất thật, không riêng Đại nội mà phần lớn những nơi có ít nhiều giá trị lịch sử đã trở thành cơ sở kinh doanh, không phải để bảo trì hay trùng tu nhưng để kiếm thêm chút lợi. Lăng Minh Mạng, Tự Đức, Khải Định,... nơi nào cũng xuống cấp, bụi bặm, mốc meo, chỉ còn là những cái cớ để câu khách du kiếm lợi. Điện Hòn Chén, một cơ sở tín ngưỡng cũng được vinh dự quốc doanh! Trong điện, hôm tôi đến viếng, không thấy hương khói, chỉ thấy mấy anh cán bộ ngóng chờ khách thập phương, mỗi ngày một hiếm, vì tiền vé vào cửa và sự kiểm soát chặt chẽ.

Quan niệm lệch lạc về đời sống xa hoa của vua chúa và lòng tham lợi trước mắt đã giúp cho nhiều quán ăn xa hoa mọc trên mặt sông, xóa mất vẻ đẹp thiên nhiên đặc thù của giòng nước. Trong những quán ăn xa hoa có quán "Ngự thiện" với cảnh lọng vàng và lính áo dấu ngày xưa hầu hạ. Trên sông còn có nhiều thuyền gọi là "thuyền rồng" gồm hai chiếc đò lớn kết lại, vẽ rồng, vẽ rắn. Đêm đêm những chiếc đò trang trí xập xệ ấy được đẩy ra giữa giòng cho các "cung nữ", nghe nói là những sinh viên đã tốt nghiệp viện âm nhạc, trình diễn ca nhạc dân gian với một số tiền lương rất thấp như lời tiết lộ của một ca sĩ.

Trong xã hội chủ nghĩa, thật ngạc nhiên lúc thấy cái chủ đề cuộc sống hoan lạc của vua chúa được khai thác trội lên trên tất cả các chủ đề khác. Mỉa mai thật hay là chủ

nghĩa xã hội chẳng có gì để hấp dẫn?

Vẻ đẹp mơ mộng của giòng sông cũng bị lạm dụng gắt gao. Bên hữu ngạn sông từ Đập Đá lên đến Cầu Ga, dọc theo đường Lê Lợi, trong vườn của các công sở hay tư gia, hầu như không có nơi nào không có hàng ăn, quán nhạc. Phía vườn hoa sát bờ sông, từ trước bệnh viện đến tòa Đại biểu cũ, tối đến mọc đầy những quán cóc bán giải khát. Âm nhạc pha trộn đủ các điệu. Đèn màu sặc sỡ và sàm sỡ, căng bắt tứ tung, phá tan cái tĩnh mịch của giòng sông, cái tĩnh mịch quyến rũ, giúp con người nghỉ ngơi và trở về với cái tâm hồn trầm tĩnh của Huế.

Phía tả ngạn, từ cầu Tràng Tiền đổ lên Thượng Tứ, một tấm rào lưới sắt ngăn tầm mắt của người bộ hành với giòng nước mát. Đêm đến vườn hoa trở thành một khu vực tối tăm, bụi bặm, với những quán nước, những gánh chè rong trong ánh đèn lờ mờ, bí ẩn.

Con sông nói chung đã bị vùi dập quá nhiều, chưa kể người ta muốn chia giòng nước của sông bằng cách đào một con kênh về phía Nam. Công cuộc không thành, ngày nay con kênh khô cạn lan trải như một vết thương dài còn thấy rõ ở miền chùa Viên Thông.

Qua những lần tiếp xúc với bạn bè và thân thuộc tôi biết người Huế trong âm thầm vẫn trân trọng gìn giữ cái bản chất nhẹ nhàng, thanh cao,

thơ gửi cho người em gái ở Việt Nam

Ngoài cửa quang hè tuyết trắng phau
Trời đông đất khách cảnh đeo sầu
Giang hồ lạc bước xa quê mẹ
Xế bóng chín chìu ruột quặn đau (1)

Thanh vắng canh tàn tưởng nhớ nhau
Sầu ai lan huệ héo xàu xàu (2)
Người đi mang nửa vừng trăng bạc
Còn nửa vừng trăng bỏ lại sau

Cầm bút trong tay đã vướng buồn
Cay cay khóc mắt lệ mờ tuôn
Viết chi cho cạn niềm mơ tưởng
Chim nhớ rừng khuya, nước nhớ nguồn

Chim đã xa bầy lạc lối bay
Thương cây nhớ cội suốt đêm ngày
Người xa người mỏi mòn tấc dạ
Tôi lắm ơi người, bạn có hay. (3)

Ôm mối tương tư vạn dặm trường
Gửi nhờ cánh nhạn vượt trùng dương
Đem về cho những người thân mến
Một sợi tơ lòng cột nhớ thương.

Đông Canh Thân, tháng Giêng, 1981
Hà Xuân Tế

CHÚ THÍCH:

(1) Câu ca dao miền Trung Việt Nam:
Chiều chiều ra đứng ngã sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chìu

(2) Ca dao
Lan huệ sầu ai lan huệ héo
Cánh bồng lắc lẻo cánh bồng rơi
Làm sao tạc được bóng người
Đêm khuya canh vắng vui cười giải khuây.

(3) Câu hò miền Trung:
Chim xa bầy thương cây nhớ cội
Người xa người tội lắm người ơi
Chẳng thà không biết thì thôi
Biết mà một cảnh đôi nơi thêm buồn
(lâu ngày quên, không biết có đúng như vầy không)

duyên dáng..., cái bản chất đã làm cho những ai từng biết Huế đều mến yêu Huế. Nhưng những người chịu trách nhiệm về Huế ngày nay hình như đã không chú ý gì đến cái giá trị cố hữu của Huế về mặt thiên nhiên cũng như về mặt văn hóa. Về thiên nhiên giòng sông Hương, ngoài việc bị tước đoạt mất nhiều vẻ đẹp, đã trở thành một giòng sông ô nhiễm đến một mức độ phải báo động. Sông đã trở thành một con đường tải đồ phế thải của Huế. Nước không còn trong xanh, chỉ còn một màu đục lờn vờn, lờm lợm. Chịu khó ngồi trên đò một thời gian, xuôi giòng về phía Gia hội, vòng quanh Cồn Hến sẽ nhận thức ngay điều ấy. Trong những tặng phẩm cuộc sống mới đã tặng cho Huế, nổi bật nhất là những "mini- hostel". Tự nó "mini — hostel" không phải là điều đáng trách, nó cũng giúp cho việc viếng thăm Huế được dễ dàng, nhưng nó đã phát triển quá mức như một lời chào mời ế ẩm và quanh các "mini-hostel" một lớp người làm phiền nhiễu đến du khách không ít. Cuộc sống ở đây không mấy tốn kém những bỗng có lúc người ta thấy bị đàn hạch, bị "cứa" hay bị lừa một cách vô lý. Cái ấn tượng không mấy tốt đẹp ấy đeo đẳng khách du thật lâu dài.

Tôi đã lan man quá nhiều và hình như đã quên đi một điểm chính là ai đã đặt tên con sông ấy là Hương giang, con sông mà hơn năm thế kỷ trước Nguyễn Trãi gọi là Kim giang. Thật đáng tiếc sử sách đã không ghi lại và trong dân gian cũng không có ai truyền tụng về con người ấy. Nhưng chắc đó là một người rất tài hoa, mơ mộng và rất nhân bản. Tên Hương giang không phải ngẫu nhiên mà có, tôi muốn nói không dựa vào một thể tính của giòng sông hay vin vào một địa danh. Dù có người nói, sở dĩ gọi là Hương giang là vì chảy qua đất Hương Trà. Nhưng Hương Giang và Hương Trà, danh xưng nào có trước, danh xưng nào sau ? Có người lại bảo sông mang tên là Hương giang vì hai bên bờ có nhiều thạch xương bồ. Điều đó cũng có thể, nhưng từ thạch xương bồ đến Hương giang con đường cũng khá xa và cũng phải có một người đa cảm để nhận thấy Hương thoang thoảng trên không, lan cả bầu trời, chạy dài theo giòng nước, thấm vào lòng người để gọi đó là Hương Giang.

Lịch sử đã không ghi chép rõ ràng, thôi đành dựa vào huyền thoại. Tôi được đọc ở một nơi nào đó chuyện xưa kia người dân bên ven sông đã nấu trăm ngàn thứ hoa thơm khác nhau đổ vào giòng sông để sông thành ra sông thơm (Hương giang).

Truyền thuyết thật nên thơ cũng như con người ở bên sông muốn giòng sông mình là giòng sông thơm. Nhưng truyền thuyết làm sao thật được! Dù có đổ muôn vàn nước hoa vào sông, con sông cũng không thể trở thành Hương giang. Vậy xin đành hiểu theo nghĩa ẩn dụ "chi lan chi thất". Tưởng chừng như cảm thấy mùi lan chi ở những nơi có con người thanh thoát, phóng khoáng giữa khoảng trời đất hiền hòa, mênh mang.

Sông Hương đẹp vì những đặc tính tự nhiên của nó, giòng nước trong xanh, lững lờ giữa núi đồi tĩnh mịch nhưng đẹp hẳn lên khi con người ở đó cảm nhiễm được vẻ đẹp trời đất đã ban cho, bảo bọc lấy và tạo dựng nên một nền văn hóa tốt lành với những tâm hồn kỳ diệu.

Một điều lịch sử đã thừa nhận là trong hơn năm thế kỷ, từ khi đặt chân đến đất Châu Hóa, tổ tiên chúng ta đã dựa vào Hương giang tạo dựng nên một nền văn hóa có nhiều nét đặc thù làm giàu thêm nền văn hóa sông Hồng, cũng như làm cơ sở để phát triển văn hóa Cửu Long.

Tôi không phải là người bảo thủ đòi hỏi Huế phải hoàn toàn Huế ngày xưa nhưng trong phát triển không thể không gìn giữ lấy cái cốt cách, phong thái riêng của Hương giang.

Xin hãy trân trọng giòng Hương giang!

San Diego
Thu 96

Nguyễn Đăng Ngọc

*

✦ Một Vài Hình Ảnh Huế:

NHỮNG CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG LỢI NÔNG

Tôn Thất Tùng

Nhằm mục đích lấy nước tưới cho hai huyện Phú Vang và Hương Thủy, Vua Gia Long cho đào một con sông từ cồn Giả Viên xuyên qua các vùng dân cư trù phú như Bến Ngự, Phú Cam, An Cựu, Thanh Thủy Thượng, Dạ Lê, Thanh Lam, Thần Phù, Lương Lộc, Lương Văn, Hòa Đa rồi cuối cùng nhập vào phá Cầu Hai để thoát ra cửa bể Tư Hiền. Con sông đào này được đặt tên là sông Lợi Nông, vì nó rất ích lợi cho nghề nông của hai huyện Phú Vang và Hương Thủy khỏi bị thiếu nước lúc hạn hán như các vùng khác trong tỉnh Thừa Thiên. Ngoài ra, sông Lợi Nông còn là một thủy lộ quan trọng trong việc giao thông từ các vùng quê phía Nam với thành phố Huế.

Kể về các chiếc cầu ở Huế thì ngoài cầu Trường Tiền trên sông Hương là một cây cầu nổi tiếng nhờ đường nét kiến trúc độc đáo, hài hòa với giòng sông quanh năm xanh biếc đã in xâu vào trong ký ức người dân cố đô còn có những chiếc cầu khác cũng không kém phần trang nhã vắt ngang trên con sông Lợi Nông xuyên giữa lòng thành phố đã góp phần điểm tô cho Huế khiến cho kẻ ghi lại những giòng này dầu tuổi đời chồng chất vẫn chưa phai mờ trong trí nhớ.

Khởi đầu là cầu Ga, nằm xế cổng trường Pellerin chạy thẳng vào ga xe lửa, bên cạnh cầu về phía tay trái có cái kiosque bán nước dừa và chè hột sen bọc nhãn của cô Tú mà nay nếu còn sống thì cũng lên chức "Cố" rồi. Kế đến là cầu Nam Giao còn được gọi là cầu Ván đi thẳng lên Đàn Nam Giao xây trên một khu đất hình chữ nhật cao ba từng để Vua lên làm lễ tế Trời. Xung quanh đàn Nam Giao trồng rất nhiều thông, tạo nên một rừng thông xanh ngát. Rừng thông này trồng từ thời Vua Minh Mạng, đích thân Vua trồng tượng trưng 10 cây, tiếp theo là các hoàng thân và các quan theo thứ bậc lần lượt trồng mỗi người một cây, trên mỗi thân cây đều có gắn bảng tên và chức vụ người trồng. Tiếp theo là cầu Bến Ngự, một địa danh nổi tiếng bởi bản nhạc ĐÊM TÀN BẾN NGỰ của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước. Băng qua cầu, trên đỉnh dốc là chùa Từ Đàm, một ngôi chùa đã đi vào lịch sử. Không những là lịch sử Phật Giáo mà còn là lịch sử của đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo. Gần cầu Bến Ngự còn có ngôi nhà cũng đã đi vào lịch sử, đó là ngôi nhà của cụ Phan Bội Châu cư trú trong thời gian cụ bị thực dân Pháp quản thúc. Tôi còn nhớ hai câu đối chữ quốc ngữ kẻ hai bên cửa mặt tiền ngôi nhà như sau:

Nhà cỏ che thân vườn một góc
Thị thành nương ẩn phố ba gian

Ngoài ra nơi đây còn có phủ Tùng Thiện Vương Nguyễn Miên Thẩm, chú vua Tự Đức. Tùng Thiện Vương là một nhà thơ vương giả nổi tiếng ở đất Thần kinh. Phủ Tùng Thiện Vương là trụ sở của "Mặc Vân Thi Xã", nơi hội ngộ của tao nhân mặc khách như Tuy Lý Vương Nguyễn Miên Trinh, Tương An Quận Công Nguyễn Miên Bửu, Phan Thanh Giản, Cao Bá Quát v.v.. Thứ đến là cầu Phú Cam đi thẳng lên nhà thờ Phú Cam, một giáo đường lớn nhất đế đô. Gần đó là nhà của lãnh chúa miền Trung mà một thời là nỗi kinh hoàng của xứ dân gầy. Hãng nấu rượu SICA của người Pháp cũng chiếm một khu khá lớn trong vùng Phú Cam. Tiếp nối Phú Cam là cầu Lò Rèn mà tôi không biết vì lẽ gì cầu lại mang tên Lò Rèn vì

trong khu vực này tuyệt nhiên không có một lò thợ rèn nào cả, chỉ có sở máy đèn của Tây với cái ống khói màu nâu đỏ cao nghệu, cứ đúng 12 giờ trưa là hú lên một hồi dài làm cho khách bộ hành đi ngang qua đó vào lúc còi hụ phải đinh tai nhức óc. Sau cùng là cầu An Cựu có An Định Cung xây trên nền phủ cũ của vua Khải Định lúc chưa lên ngôi. Cung này còn có tên là Cung Tiềm Để mà theo các "Mệ" tiền bối thì "Tiềm Để" có nghĩa là Rồng còn ở dưới nước, chưa xuất hiện. An Định Cung cũng nguy nga tráng lệ như mọi lâu đài khác. Kiến trúc pha trộn nửa Đông nửa Tây, quanh năm soi bóng trên giòng sông An Cựu nắng đục mưa trong. Cựu Hoàng Bảo Đại sau khi thoái vị đã cùng với Nam Phương hoàng hậu cùng các con về tạm trú nơi đây một thời gian.

Như trên tôi đã nói, ngoài sự lợi ích về dẫn nước vào ruộng, sông Lợi Nông còn là một con đường thủy quan trọng từ vùng quê lên "dinh", vì vậy trên sông ghe thuyền lúc nào cũng tấp nập. Nhà tôi ở gần trường học An Cựu, chỉ cách bờ sông chừng một trăm thước. Những đêm hè trời trong sáng, anh chị em tôi tụ tập ngoài sân hoặc những đêm thức khuya học bài thường vẳng nghe những cô gái chèo đò từ miệt Mỹ Lợi Cầu Hai về kinh đô Huế, khi đi ngang vùng An Cựu họ thường cất lên những điệu hò não nuột như than thân trách phận, thanh thoát cao vút, hòa nhịp với tiếng chèo khoan thai khua nước. Câu hò điệu hát tôi đã từng nghe thời thơ ấu rất nhiều nhưng nay thời gian qua đã lâu tôi chỉ còn nhớ vài câu sau đây:

"Hò ơ...
Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Bởi vì anh ăn ở một dạ hai lòng,
Nên chi em phải bồng con dại mà chờ trông tháng ngày!"

Đáng lý ra tôi chấm dứt bài này nơi đây sau khi đã kể hết những cây cầu bắc ngang sông Lợi Nông đúng như tựa đề, nhưng tôi sực nghĩ thực là một thiếu sót nếu không nhắc đến cầu ngói Thanh Toàn vì đó cũng là một chiếc cầu đáng được liệt vào loại "kỳ quan" xứ Huế. Đúng vậy, vì làng Thanh Toàn được thành lập cách đây hơn bốn thế kỷ, tức là khoảng thời chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa (1558) và cầu ngói Thanh Toàn được xây cất cách nay hai trăm năm, có lẽ do sự gợi ý từ chùa Cầu ở Hội An do người Nhật Bản xây cất dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu vào đầu thế kỷ XVII. Theo truyền thuyết thì kinh phí xây cất cầu ngói Thanh Toàn do bà Trần Thị Đào, một phú hộ trong làng giàu lòng từ thiện gánh chịu. Do đó, sau khi bà Trần Thị Đào quá vãng, dân làng lập một cái am nhỏ trên lề ngay giữa cầu để thờ và hàng năm đến ngày rằm tháng tám họ tổ chức lễ giỗ cho bà. Từ khúc sông Lợi Nông chảy qua làng Thanh Thủy thượng, người ta đào một con kênh nhỏ dẫn đến làng Thanh Toàn cách kinh thành Huế chừng 7, 8 cây số. Cầu được làm bằng gỗ, thân cầu cuốn thành vòng cung bắt qua con kênh nhỏ. Sàn cầu lát bằng gỗ kiền kiền bóng loáng, có hai hàng ghế bắt dính vào lan can cầu để cho khách bộ hành nghỉ chân hoặc cho những kẻ nhàn du ngồi hóng mát. Cùng hàng với lan can cầu hai bên là những cột trụ để nâng đỡ mái cầu lợp ngói, kiến trúc như một mái nhà kiểu cổ. Trên nóc có hai con rồng hai bên và hai con phượng chầu mặt trời chính giữa. Vì cầu gỗ xây cất đã trên 200 năm nên được trùng tu lại nhiều lần. Hình như vào khoảng năm 1971 Ty Công Chánh Thừa Thiên đã đại trùng tu, tất cả trụ gỗ đều được thay bằng trụ xi măng cốt sắt.

Cầu ngói Thanh Toàn với lối kiến trúc đặc biệt, không giống bất cứ cầu nào ở Huế nên hầu hết người dân cố đô ai cũng có một lần đến làng Thanh Toàn để thăm cho biết chiếc cầu độc đáo đó và hình như tình cảm của người dân Huế đối với cầu ngói Thanh Toàn đã bộc lộ trong câu hò:

"Ai về cầu ngói Thanh Toàn,
Cho em về với một đoàn cho vui".

Tôn Thất Tùng

CHIẾC CẦU NGÓI VÀ TÌNH BẠN CŨ

Vĩnh Bội

Ai về cầu ngói Thanh-Toàn
Cho em về với một đoàn cho vui
(ca dao)

Trước khi cùng em về thăm lại cầu ngói xứ Huế, tôi xin được kể vài mẩu chuyện xung quanh những chiếc cầu lợp mái mà tôi có dịp viếng thăm, cùng vài bạn cũ thời còn sinh viên.

Tôi gặp lại anh Lê-Văn trong vụ nghỉ hè 53 tại Châlet des Etudiants gần dãy Mont Blanc mà cao đỉnh quanh năm tuyết phủ.

Sở dĩ tôi nói gặp lại, vì trước đó ba năm, chúng tôi mướn chung một tầng lầu có nhiều phòng riêng biệt, với các anh chị Đồng-Khánh, Khải-Định khác, là Huỳnh đình Tế, Lê-Tuyên, Hồ-Hường, Phương-Đàn, tại địa-chỉ 8 Curiol, Marseille.

Nhìn lại tấm ảnh đã phai màu, tôi vẫn còn hình dung được những ánh mắt trong sáng, những nụ cười hồn nhiên, của tuổi trẻ, trên dưới hai mươi — cái tuổi thật trẻ, thật đẹp chưa vẩn mùi tục lụy.

Anh Lê-Văn có biệt tài chụp ảnh rất đẹp, và anh chỉ dẫn cho tôi cách rửa phim, phóng ảnh, cùng thực hành vài "effets spéciaux" khác. Những cuộc "săn ảnh" quanh vùng lần hồi đưa chúng tôi đến một chiếc cầu gỗ lợp mái, màu nâu sẫm, có chỗ lâu ngày đã ngả đen, bên hồ Lucerne, Thụy-Sĩ. Không ai bảo ai, chúng tôi lặng lẽ đi tìm "ánh sáng", "góc nhìn", nhưng đến "cân đối" thì phải dừng lại, vì chiếc cầu "kỳ dị" chỉ nối liền một bờ, đầu kia dừng lại giữa hồ bằng một tháp canh! Thì ra, đó là một nhà tù, được cất lên từ thời Trung Cổ, ngày nay trở thành một di-tích lịch sử.

Một chiếc cầu khác, không kém u buồn, nhưng thật đẹp, vì xây toàn bằng đá cẩm-thạch, mang tên "Le Pont des Soupirs" (chiếc cầu của những tiếng thở dài) ở Venise. Cầu nối liền tòa án xử tử tội với ngục giam. Phạm nhân khi qua cầu, dừng lại đôi phút, đưa mắt nhìn qua khung cửa nhỏ hẹp, để thấy cảnh đời rộn rịp bên ngoài lần cuối, rồi bất giác cất tiếng thở dài.

Hè 57, tôi có dịp qua thăm anh Tôn thất Kỳ du học ở Londres. Hồi đó, tôi không nhớ anh ngậm "pipe", nhưng với chiếc "guitare espagnole" để đàn đệm, anh cất tiếng hát thật trầm dịu:

... chờ nhau hoài cố nhân ơi,
sương buồn che kín nơi nơi,
hẹn nhau một kiếp xa xôi
nhớ nhau muôn đời mà
thôi...
(Cung Tiến)

Tiếp đó, anh dẫn tôi đi xem Londres, rồi dừng lại trên "Waterloo Bridge". Anh đưa tay chỉ bên kia là "Victoria Station". Như nhìn thấy một cảnh quen thuộc, ký ức nhẹ nhàng đưa tôi về lại xứ Huế, một trưa hè oi bức, ngồi trong rạp Morin, đang xem phim "Valse dans l'ombre". Một câu chuyện tình thơ mộng giữa cô "ballerine" (Vivien Leigh) và chàng sĩ quan trẻ tuổi (Robert Taylor) thời đệ nhất thế chiến. Nàng gặp chàng trên cầu Waterloo, giữa hồi còi báo động. Màn diễn tả hạnh phúc ngắn ngủi với bản nhạc "Ce n'est qu'un au-revoir", khi ngọn nến tắt dần sau mỗi câu, làm khán giả xúc động, thì đây đó nổi lên vài tiếng sụt sùi của các nàng áo tím.

Tiếp theo cảnh chia ly ở Victoria Station, là những lỡ hẹn, ngang trái dồn dập đến, cuối cùng nàng hết lối thoát, đành trở lại chiếc cầu năm

xưa để tự vận. Đến đây thì tiếng sụt sùi càng lớn, nghe rõ hơn tiếng quạt trần, và lan rộng quá nửa rạp: Thời chiến tranh, đồng cảnh ngộ.

— Anh có nhìn thấy Tower Bridge đằng kia? Câu hỏi anh Kỳ bỗng đưa tôi trở về hiện tại.

— Có. Hai tháp thì mới xây sau này, theo kiến trúc "thượng gia hạ kiều" (trên nhà dưới cầu), nhưng chiếc cầu thì đã có từ mấy thế kỷ trước, và dùng để tiễn đưa phạm nhân quý tộc qua Traitor's Gate, vào Bloody Tower, để rồi được thủ tiêu một cách kín đáo dưới lưỡi búa của tên đao phủ Yeoman. Câu chuyện Boy King Edward 5, cùng người anh bị ông chú sát hại để tiếm ngôi, dưới niên hiệu Richard 3, đã được thi hào Shakespear viết thành kịch, dưới nhan đề Falstaff và The Little Prince, cũng xảy ra ở nơi đây.

Tôi xin chấm dứt câu chuyện "thượng gia hạ kiều ngoại quốc" để đưa em về thăm cầu ngói Thanh-Toàn, và trên đường đi, được kể lại lịch sử chiếc cầu thật đẹp đó. Từ rạp Morin đến làng Mỹ-lâm, chợ Sam, không xa lắm đâu, chỉ chừng hai giờ xe đò. Từ đó, đi ngược sông Cựu lợi Nông, đến làng Thanh Thủy Chính Giáp, là nơi chiếc cầu được xây cất. Hai bên bờ sông Cựu lợi Nông, từ Lại-Thế đến Mỹ-Lâm, là những khu nhà vườn tươi mát, của các vị quan lại về hưu, thường họp mặt để đánh cờ, hay ngâm họa thơ phú.

Làng Thanh-Thủy, trước kia có tên là Thanh-Toàn, được thành lập dưới triều Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế (tức là Nguyễn Hoàng) vào thế kỷ 16. Mười hai dòng họ được Vua ban sắc khai canh làng Thanh-Toàn là: Lê-Văn, Lê-Đình, Lê-Trọng, Lê-Diên, Nguyễn-Ngọc, Nguyễn-quang, Nguyễn-viết, Trần-duy, Phan-văn, Đặng-văn, Ngô-tài, Phùng-văn. Rất có thể những dòng họ kể trên có nguồn gốc từ Thanh-Hóa, vì năm 1558, khi chúa Nguyễn Hoàng vào Nam, đã đem theo nhiều tùy tùng thuộc huyện Tống-sơn tỉnh Thanh-hóa. Đồng thời, nhiều quan triều đình thuộc Thanh-hóa, Nghệ-an cũng hưởng ứng, trong số có ông Trần văn Phó là một trong mười hai vị sáng lập làng Thanh-Toàn. Một người con gái của vị quan này là Trần thị Đạo, đã cho xây cất lên chiếc cầu ngói.

Cầu ngói Thanh-Toàn cất theo kiến trúc "thượng gia hạ kiều", gồm có ba vài, vài giữa được nâng lên ít nhiều, tạo nên dốc nhẹ, so với hai vài hai bên. Cầu dựa trên mười tám cột gỗ lim, chia làm ba dãy, có mái lợp ngói nửa vòng cung. Cầu rộng 4.7 mét, chiều cao có thể để một chiếc ô tô có mui qua lọt (theo tài liệu của Le Breton), chiều dài 17 mét.

Câu chuyện cầu ngói Thanh-Toàn ngày xưa thật dễ thương, vậy trong quý vị có ai về Thanh-Toàn cho tôi nhắn hỏi:

Ai về cầu ngói Thanh-Toàn
Cho tôi nhắn hỏi mái còn
như xưa?

và ước mong được hồi âm trong tập san Nhớ Huế kỳ tới thì còn gì hơn?

Vĩnh-Bội

MỜI ĐÓN ĐỌC TRONG MÙA XUÂN 1998:

NHỮNG KỶ NIỆM RỜI

của

TÔN THẤT AN CỰU

Viết để nhắc nhở những kỷ niệm
ngàn đời không quên Cố Đô yêu mến.
Viết để tạ ơn tri ngộ đến bằng hữu,
anh em, và những người thương.
Nhà xuất bản KIM PHAN
11118 Bellflower Ave.
Foutain Valley, CA 92708

CẦU HAI NGÀY CŨ

TÔN THẤT ĐỆ

Tết vừa rồi về Việt Nam, trên đường từ Huế vào Đà Nẵng, bác tài xe buýt có hảo ý dừng lại 10 phút ở Cầu-hai để tôi có dịp nhìn lại nơi chôn nhau cắt rốn. Cầu-hai bây giờ, nhà cửa san sát, người đi lại nhộn nhịp, cảnh tượng náo nhiệt, hỗn độn làm cho tôi ngậm ngùi nhớ lại quang cảnh hiền hòa, thanh tịnh của nơi tôi lớn lên hồi trước.

*

Ngày xưa đó, ba tôi đang làm việc ở Thanh-hóa thì một ông bạn đồng sự may mắn trúng số độc đắc mười vạn đồng — ông bèn về Huế vào Bộ vận động để đổi về Thừa-thiên vì lúc đó đi làm xa quê, nhất là xa chốn đế đô có sông Hương, núi Ngự là một chuyện bất đắc dĩ. Ông hỏi ba tôi có muốn cùng về không thì ông giúp cho và ba tôi ưng thuận — Thế là ít lâu sau, ông được chuyển về huyện Hương-thủy, còn ba tôi về huyện Phú-lộc, đóng ở Cầu-hai. Sở dĩ người ta chọn Cầu-hai làm huyện lỵ vì vị thế trung ương của nó đối với các tổng An-nông như Nong, Truồi... ở phía bắc, tổng An-cư gồm có Thừa-thiên, Lăng Cô... ở phía nam hoặc tổng Diêm-trường với các làng Mỹ Am, Mỹ Lợi, Diêm Trường... ở phía đông. Tôi là người con đầu tiên trong gia đình ra đời ở Cầu-hai và các anh chị tôi đều sinh trưởng ở Thanh-hóa. Tôi lớn lên ở Cầu-hai, nơi ghi lại biết bao nhiêu kỷ niệm êm đềm của ngày thơ ấu.

Cầu-hai tên thật là Cao-đôi vì nằm trong địa phận Cao-đôi xã, tổng Lương-điền. Theo chữ Hán, hình như Cao-đôi có nghĩa là "đồi cao" nhưng vì chữ đôi trong tiếng Việt cũng có nghĩa là hai nên có người gọi trại là Cao-hai, sau đó có người thêm dấu vào và trở thành Cầu-hai. Nếu hỏi dân địa phương vì sao có tên Cầu-hai thì có người biện bạch rằng để ghi nhận ở đây có hai cái cầu xe hơi và xe lửa chạy song song, chắc khách cũng không thắc mắc gì! Cầu- hai là một thung lũng nhỏ nằm giữa những núi đồi chùng chập, cách Đá-bạc ở phía bắc bởi một cái đèo con gọi là Mũi Né, tách rời Nước-ngọt, Thừa-lưu ở phía nam bằng một đèo khác khá dài là đèo Phước-tương. Phía Đông có phá Cầu-hai rộng lớn tiếp giáp với giải Duyên-hải Mỹ Lợi, Mỹ Am và thông ra biển tại cửa Tư-hiền, sát về hướng Tây là dãy núi Trường-sơn có ngọn Bạch Mã chỉ cách Quốc-lộ 1 hơn 19 cây số là một nơi nghỉ mát của các nhà giầu có và bậc quyền quí ngày trước. Khung cảnh u tịch và thanh thoát của vùng sơn cước ấy với tiếng gió ngàn huyền bí, với những tầng mây bay phất phơ quanh quẩn đó đây làm cho ta có cảm tưởng mình là những tiên ông, tiên bà.

Chung quanh Cầu-hai có những làng mạc có tên thơ mộng như Đông- lưu (làm cho tôi nhớ đến một phim kháng Nhật của Trung-hoa có tên *"Nhất giang sơn thủy hướng đông lưu"* hay có tên hiền hòa như Tuần-lương nằm giữa các ruộng đồng hay Trung-an nằm trên một ngọn đồi tĩnh mịch — Cũng có những thôn ấp gần ven núi có những tên mộc mạc như Xóm Mè, Xóm Mối, Xóm Làng... Vào gần núi, có những khe nước trong vắt, vào mùa hè khi tắm vẫn mát lạnh người như khe Mục-bài, khe Cơn Máu (tức là cây máu vì cây nầy lúc chặt ra, nhựa đỏ như máu). Khe Mục-bài có thời là nơi gặp gỡ của dân địa

phương và khách lên về Bạch Mã:

"Xe lên Bạch-mã
Xe về Cầu-hai
Gặp nhau tại chốn Mục-
bài"...

Một con sông nhỏ, nước chảy lững lờ qua các làng mạc trước khi ra tới phá — Sông này tuy nhỏ nhưng quan trọng vì có ích lợi trong việc dẫn thủy nhập điền không thua gì sông Lợi-nông và sông An-cựu. Mùa hè, người ta đắp một con đập chắn ngang để cho nước đủ cao để dẫn vào ruộng, khi đó thuyền bè phải đậu ngoài phá. Đến mùa thu, đập xẻ nước ra, thuyền bè có thể thông thương từ phá đến chợ huyện. Vì ruộng đất không có nhiều, nên dân địa phương cố gắng để thu hoạch tối đa. Trừ một ít ruộng đất ở vùng gọi là "đồng quan", dân chúng phải vào tận chân núi canh tác ở những đầm lầy hoặc đắp đê ở bờ phá để cấy lúa. Trên những đồi hoang, người ta vỡ đất để trồng sắn, trồng chè.

Dân số Cầu-hai hồi đó chỉ độ vài trăm người ở gần huyện lỵ mà người ta gọi là "ngoài chợ" phần nhiều là dân ngụ cư từ các nơi khác đến. Dân chúng ở "trong xóm" phần nhiều định cư đã lâu đời. Đa số đều từ các huyện Quảng-điền, Hương-trà đến. Một số khá đông gốc ở Quảng-trị phần nhiều theo Công giáo ở xúm xít quanh nhà Thờ gần ga xe lửa — Có một ít người từ Quảng Nam ra — người ở xa nhất đến trú ngụ Cầu-hai là một vị danh y gốc Nghệ-an. Về sau, có một người Đồng-châu của ông ta không biết vì lý do gì cũng tới Cầu-hai trú ngụ một thời gian. Hình như anh ta có một tâm sự u uất gì đó nên khi qua phà Cầu-hai đã làm một bài thơ để tỏ chí khí của mình, chỉ tiếc tôi chỉ nhớ được vài câu. Bài thơ bắt đầu như sau:

"Non nước xa đưa một
quãng dài
Thuyền từ Mỹ-lợi đến Cầu-
hai"

và ông kết luận:

"Chỉ ước gặp nhau năm bảy
bận
Rồi ra mới biết kẻ anh tài".

Cầu-hai cũng có những người dân chính gốc địa phương là dân Chàm. Mặc dầu họ đã Việt-hóa nhưng vẫn còn mang những họ "Cái", họ "Ma"... Một vài cụ xưa kể chuyện là ngày trước thỉnh thoảng có những nhóm người ăn mặc cùng một màu lâu lâu từ trong núi ra chợ một lần nhưng về sau không thấy bóng dáng họ nữa. Ở tại ranh giới của các xóm làng gần núi có một hòn đá vẽ phù phép gọi là "đá bùa", không biết có phải để trấn yểm những người này không? Các bà già ở Cầu-hai thường có thói cất dấu bã trầu, tóc rụng vì sợ bị ma Hời ăn phải làm cho họ đau yếu. Vào mùa thu, khi cúng đất, người ta lấy bẹ chuối xếp đôi lại làm như một cái gùi của người Chàm gọi là "xà-lẹt" bỏ đồ ăn vào treo ở cửa ngõ để cho các ma Hời vui lòng khỏi quấy nhiễu họ. Vào ngày rằm, mồng một, những người theo đạo Phật vào ngôi chùa gần huyện tụng kinh niệm Phật để hồi tưởng và cầu an cho gia đình và bá tánh.

Dân chúng Cầu-hai phần nhiều ra đồng làm ruộng rẫy hoặc ra phá, ra sông đánh cá. Có người lên rừng làm củi hay đốn gỗ. Họ sống an phận và vô tư, ít khi mơ tưởng đến mục đích cao xa. Ai cũng hiền hòa, chăm chỉ làm ăn nên không có cờ bạc hay trộm cướp. Ra đường, gặp ai cũng chào hỏi thân mật và gần như ai cũng quen biết nhau cả. Ban đêm, có quên đóng cửa cũng chẳng can gì. Đến mùa gặt, các nhà có ruộng nhiều thức khuya để đạp lúa, tiếng hò hát réo rắt trầm bổng trong đêm vắng làm thao thức các thôn nữ nghĩ đến cảnh "rồi mùa tót rạ rơm khô" thỉnh thoảng có nhà tổ chức những phiên hò giã gạo gần đến sáng. Tiếng chày vồ gõ vào cối gạo, tiếng hát đối đáp có khi văn hoa, có khi hóc búa giữa các nam nữ làm cho không khí miền quê trở nên sống động và vui nhộn.

Cầu-hai cũng có vài người đẹp hồi đó gọi là "étoile" với vẻ người thanh tú, nét mặt tươi tắn, cặp mắt mơ màng và nước da trắng mịn làm cho một vài thanh niên từ Huế đến cũng cảm thấy "chân đi không rời".

Có hai nhân vật đặc biệt của Cầu-hai mà không kể đến thì thật là thiếu sót. Đó là cụ Kề, ở gần cầu Hà-rui nhưng người ta thường kêu "ở dưới cầu Hà-rui" mưa nắng gì cũng đội nón, mang tơi, giọng nói như con gái, người ta nghi là cụ đi bắt gà trộm. Ngoài ra, có một người điển hình cho phe thủ cựu là ông Mục Ngáo, luôn luôn mặc áo dài vải dù ú, quần vải quyến đầu bới búi tó và chân đi guốc quai mây hình chữ V như dép Nhật, dửng dưng trước những sự đổi mới quanh mình do Tây phương mang lại.

Khí hậu Cầu-hai rất dễ chịu, mùa nắng không nóng lắm, trời đông không lạnh lắm nhờ có hơi nước ngoài phá vào và có núi đồi che gió bão. Vì gần núi nên hay mưa nhưng không kéo dài. Nhờ nước sông chảy nhanh ra phá nên không có lụt lớn. Tuy nhiên, người ta sợ nhất là vượt phá Cầu-hai vào tháng Mười. Người ta thường nhắc nhở nhau:

"Thà đi Đồng Nai
Không thà đi phá Cầu-hai
tháng Mười"

Về mùa đó, gió mùa ở trong Nam mang theo mây nồm u ám thổi vào cửa Tư-hiền làm cho phá Cầu-hai giống như một cái chậu bị lay động mạnh gây nên sóng lớn có thể lật úp thuyền như chơi. Vì thế có thành ngữ "tởn mây nồm" mà chúng ta đã nghe trong bài hát nhạo báng Tàu ô năm xưa:

"Ăn cho no, cho tởn mây
nồm!"

Có một năm toàn thể gia đình của một chủ thuyền đều bị chết đắm vì gió nồm đó.

Nói đến Cầu-hai mà không nhắc đến thức ăn thì không đầy đủ vì ở đây, sơn hào, hải vị không thiếu gì. Trên núi thì có thú rừng, nhiều nhà săn bắn tìm đến để săn nai, săn voi. Ngày trước tại trường Phú Lộc có một cái sọ voi có lẽ do một tay thiện xạ nào đó thân tặng. Một đặc sản là khoai mài, vừa bổ, vừa bùi nấu chè với đường phèn ăn rất bổ hoặc nấu cháo với cua gạch lại càng ngon — sim, móc, bò bò thì không thiếu. Ngoài ra có dâu sặt, khi chín chỉ búng một cái là vỏ rời ra, ăn rất thanh vị, ngọt ngọt, chua chua — Có một thổ sản mà Đại Nam Nhất Thống Chí có nhắc đến là "trái thơm lang". Trái nầy nấu ăn không ngon lắm nhưng đỡ đói lòng những năm mất mùa. Dân miền biển, nhất là Mỹ Á vì không đủ nông sản để tiêu thị nên thường mua về ăn trộn với cơm.

Ngoài phá, có những hải sản làm Cầu-hai nổi tiếng như cá đìa, cua gạch, tôm sú, cá buôi (ở Huế gọi là cá đối). Mùi vị thơm ngon béo bổ. Thịt heo Cầu-hai cũng đặc sắc vì heo thường nuôi bằng cám với chuối cây và không lớn lắm nên thịt vừa thơm, vừa ngon. Các hành khách xe đò Huế — Đà Nẵng thường nóng lòng ghé lại các quán ăn gần bến xe để thưởng thức thịt heo ăn kẹp với tôm chua.

Đến mùa mưa, người ta đi bắt cò, triết, chim mỏ giác về để kho măng hay um với hành mỡ.

*

Tuy Cầu-hai không phải là quê hương của tôi nhưng tôi đã được sinh ra và lớn lên ở đó, uống nước giếng chùa, ăn gạo trắng Đồng quan, thưởng thức những sơn hào, hải vị địa phương thì làm sao mà không có những cảm tình nồng hậu, thắm thiết. Làm sao mà quên được những người hàng xóm chất phác, những bạn bè ngây thơ của những lớp Đồng ấu, Sơ đẳng... Tôi vẫn còn nhớ những chiều đi học về, mâm cơm nóng hổi đã chờ sẵn, cha mẹ, anh chị em cùng ngồi ăn uống, chuyện trò vui vẻ. Những buổi tối ngồi học bài dưới ngọn đèn dầu, "cha ngồi đọc báo. mẹ và chị thì vá may ở bên cạnh" nay có còn đâu. Nhà bây giờ đã bán cho người khác, anh chị em phân tán mỗi người một nơi, bạn bè láng giềng kẻ mất người còn lưu lạc khắp chốn, nhìn chung quanh bây giờ ai cũng xa lạ càng ngậm ngùi đau xót cho cảnh vật đổi, sao dời! Cầu-hai, Cầu-hai, khi trước sao mà quen thuộc, thân mật quá mà bây giờ xa lạ, bẽ bàng.

✍ ***BS Tôn Thất Đệ***

*

điệu ru em xứ Huế

La Giang Nguyễn Đình Liễu

"À ư...
Ru con con thét cho muồi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi Chợ Quán, Chợ Cầu,
Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh.
Chợ Dinh bán áo con trai.
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim..."

Ai đã sinh trưởng hoặc cư ngụ ở đất Thần kinh, chắc đã nhiều lần nghe điệu ru em dễ thương này của người thiếu-phụ đong đưa chiếc nôi treo vào những buổi trưa mùa hè với ngọn gió Lào nóng oi-ả, mọi việc đều ngưng đọng, phẳng lặng như tờ, chỉ còn tiếng ve sầu kêu khan từng chặp trên những cánh phượng vỹ đỏ rực màu lửa.

Ở Huế, không còn gọi là con ngủ, mà nói là thét, tức là ngủ say sưa, con hãy ngủ một giấc thật dài để mẹ rảnh tay ra chợ mua sắm các thứ nhật-dụng, như vôi, trầu, cau và thuốc lá Cẩm-Lệ.

Miếng trầu là đầu câu chuyện. Khi thù-tạc, vãng-lai, các cụ thuộc thế-hệ bà ngoại tôi mời khách dùng trầu têm rất là cung cách, chẳng khác gì trà đạo của dân tộc Phù-tang. Chiếc sập gụ bóng nhoáng có chạm trổ long lân quy phụng đặt tại phòng chính được dùng làm nơi tiếp khách. Chính giữa là hộp trầu cau, chiếc quả tròn, phía trong sơn đen lánh, vỏ ngoài phết lớp sơn dầu Thái-nguyên màu đỏ có chạy những đường vẽ vàng dụ rất mỹ-thuật. Vôi mua về được tra vào bình vôi mà người ta gọi là Ong vôi, vì khi bình đã dầy đặc không dùng được nữa thì đem đến các am miếu đặt dưới các cây đa cổ thụ. Từ bình vôi lớn, bà tôi lại sang qua một hộp nhỏ bằng bạc sáng loáng. Trầu cau và vôi phải tươi và mua tận gốc. Về vôi, có hai chợ nổi tiếng là Chợ Quán và Chợ Cầu.

Chợ Quán là nói tắt của làng Lương Quán, vùng Nguyệt Biều. Ai cũng biết Thừa Thiên có đá vôi, thời Pháp thuộc đã khai thác nhà máy vôi Long Thọ, sản xuất vôi dùng vào việc xây cất nhà cửa, cầu cống. Còn Chợ Cầu làm tôi liên tưởng đến các cầu có lợp mái, ở Mỹ được nhắc nhở đến trong The bridges of Madison County, ở nước ta phải nói đến cầu ngói Thanh Toàn và Chùa Cầu Hội An. Cầu ngói Thanh Toàn thuộc làng Thanh Thủy, huyện Hương Thủy, đóng bằng gỗ lim, mái lợp ngói âm dương. Từ Vỹ Giạ (Đây thôn Vỹ Giạ của Hàn Mạc Tử), đi về hướng Gia Lệ, Vân Thê đường về đầm Hà Trung (còn gọi là Đầm Chuồn), các bạn sẽ băng qua chiếc cầu lợp ngói bắc ngang nhánh sông nhỏ, đã được lưu danh bất tử qua câu hò:

"Ai về cầu ngói Thanh Toàn,
Cho em về với, một đoàn cho vui..."

Trong cuốn sách "Quand les Francais découvraient L'Indochine" của George Buis, Charles Daney, (edition Hercher Paris 1981) có tấm hình cầu ngói Thanh Toàn chụp từ năm 1883, một di tích lịch sử của đất Thần-kinh. Sách "Cố Đô Huế" của học giả Thái Văn Kiểm, nhà xuất bản Đà Nẵng 1994, lại có hình Cầu Ngói đã được trùng tu rất đẹp.

Nói đến cầu, ta nghĩ ngay đến Nam Phổ, một làng cạnh giòng sông Hương thơ mộng, từ Đập-đá đi xuống. Làng trồng rất nhiều cây cau cao vút, vì gần nước nên cau rất ngon và sai quả. Ai mà không khỏi bật cười khi nghe nói: "Con gái Nam Phổ... ... trèo cau"?

Còn Chợ Dinh, nói tắt Chợ Dinh Ông, dinh thự của một đại thần Triều Nguyễn, nổi tiếng với lá trầu ngon. Sau chợ Đông Ba là đến cầu Gia Hội, nếu theo bờ sông Hương

xuôi ra biển ta sẽ gặp Chợ Dinh, Bãi Dâu. Vì không có cầu bắc ngang sông nên dân địa phương thường dùng bến đò Chợ Dinh để đi qua Nam Phổ.

Trong điệu ru còn nói Chợ Dinh bán áo con trai, ta tự hỏi mua áo con gái thì đi chợ nào? Chắc hẳn là phải đi chợ Đông Ba, chợ này chiếm một diện tích khá lớn cạnh bờ sông Hương, giữa cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp và cầu Gia Hội, bên kia sông là Tòa Khâm Sứ Pháp ngày nước ta chưa giành được độc lập.

Còn về nón lá, danh tiếng nhất là sản phẩm của Triều Sơn, làng này đông dân cư, chia ra làm Triều Sơn trung, Triều Sơn tây... Từ Bao Vinh, một giang cảng buôn bán phồn thịnh với những chiếc ghe mành từ Bắc đến Nam chuyên chở đồ sành sứ, nước mắm, mắm mòi, đường đen, chiếu, v.v... tràn ngập vào thị trường tiêu thụ của miền Trung, ta xuôi theo dòng sông Hương sẽ qua Địa Linh, Minh Hương, rồi đến Triều Sơn, Thủy Tú trước khi đến ngã ba Sình. Nón lá Triều Sơn có nhiều hàng, loại thượng hạng, nhẹ nhàng, có khắc bài thơ của các "cô gái Huế đa tình, vành nón nghiêng khép nép" (như thi sĩ Đinh Hùng diễn tả trong Phong Vị Thần Kinh), loại thông dụng cho các người buôn thúng bán bưng, cho đến loại bình dân, nặng nề nhưng bền bỉ để nông dân, thợ thuyền che đầu cho khỏi nắng sớm mưa chiều.

Bên kia sông Bao Vinh là Tiên Nộn, xuôi theo giòng sông đến Thanh Tiên rồi Mậu Tài, nơi mà điệu ru có nhắc đến kim chỉ may vá.

Rất tiếc là tôi không nhớ hết toàn bộ của điệu ru em, chắc thế nào cũng có nhắc đến các sản phẩm và địa danh như Lai Khê, nổi tiếng về bột gạo, bánh tráng Sia, quít Hương Cần, cá tôm Chợ Sình, hạt sen Hồ Tịnh Tâm, thanh trà (một loại bưởi đặc biệt) Nguyệt Biều, bắp nếp Đò Cồn, dâu Truồi, mía Mỹ Lợi, sò huyết Lăng Cô. Còn về các món ăn độc đáo của thập niên 40 trở về sau, làm sao quên được chả mực cua mụ Vỹ trước đình làng Bao Vinh, mè xửng Thím Chăng ở Ngã giữa, nem chua mợ Tôn, bún bò mụ Rớt, cơm Âm-phủ, bánh bèo Ngự Bình vùng có nhiều lăng mộ, bánh khoái dốc cầu Đông Ba...

Đất Thần-kinh đã trải bao nhiêu thăng trầm, chiến tranh triền miên, dân chúng khổ sở trăm chiều. Có bao nhiêu chuyện đáng nhớ, bao nhiêu việc nên quên, chỉ có điệu ru kể trên là vẫn còn văng vẳng bên tai tôi không bao giờ phai lạt.

La Giang
Nguyễn Đình Liễu
Sept 1 1996

*

Đón Xuân xứ người

Vui gượng đón Xuân ở xứ người,
Hoa mai vàng giả e lệ cười.
Cũng chả, cũng nem, dưa hấu đỏ,
Bánh chưng, bánh tét, mãng cầu tươi.

*

Bàn thờ nghi ngút tỏa khói hương,
Một bóng cô đơn tựa vách tường.
Mơ tưởng đâu đây rền tiếng pháo,
Giật mình tỉnh giấc tiếng phôn reo.

*

Năm mới đôi lời chúc mừng nhau,
Đáp lễ ngày Xuân cũng thật mau.
Gọi qua, chúc lại, xa ngàn dặm,
Sưởi ấm tình thân Xuân xứ người

Như Liên
(San Francisco)

✦ DI TÍCH VĂN HÓA PHẬT GIÁO HUẾ - THỪA THIÊN

Chùa Túy Liễu

TRẦN KIÊM THÊM

✧ Lịch sử chùa Túy Liễu

Huế — Thừa Thiên có nhiều danh lam thắng cảnh. Được thành lập từ đời chúa Nguyễn vào trấn thủ đất Thuận Hóa, nhiều chùa chiền trong vùng nầy lần lượt xây dựng, trong số có: chùa Thiên Mụ (xây năm 1601), chùa Báo Quốc (xây năm 1674) chùa Từ Đàm (xây năm 1689), chùa Thuyền Tôn (xây năm 1708), chùa Từ Hiếu (xây năm (1843), chùa Diệu Đế (xây năm 1844). Những ngôi chùa nầy tọa lạc chung quanh kinh thành. Về những ngôi chùa ở Thừa Thiên, được xây dựng cùng thời gian nầy thì phải kể đến chùa Túy Liễu.

Những tài liệu di tích Phật Giáo được bảo lưu về ngôi chùa lịch sử nầy cho biết như sau:

Chùa được xây vào năm Bính Tý (1696) do Hòa Thượng Đại Sán điều hành kiến tạo nên. Ngài có đạo hiệu là Thạch Liêm thuộc phái Tào Động ở Trung Hoa. Sinh năm 1633 ở đất Giang Tây, xuất gia năm 12 tuổi tại chùa Thượng Lam; sau làm giảng sư tại chùa Tường Thọ (Quảng Đông). Tiếng tăm của ngài vang khắp nơi. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai người sang Quảng Đông hai lần mời sang đất Thuận Hóa, trong địa phận Đàng Trong, nhưng ngài chối từ, vì còn nhiều Phật sự trong vùng. Mãi cho đến năm Ất Hợi (1695) Ngài mới chấp thuận sang Việt Nam. Cùng theo chuyến đi nầy có 96 tăng chúng khác. Ngài cũng mang theo nhiều pháp khí và kinh tượng theo. Khi đến bán đảo Tiêm Bút La (tức bán đảo Sơn Trà hiện nay), thì chúa Nguyễn thân hành đến đón. Trong hai năm 1695-1696 ngài Thạch Liêm chủ trì hai Đại Giới Đàn tại chùa Thiền Lâm (Huế) và chùa Di Đà (Hội An). Sau đó ngài dự tính lên đường về nước, nhưng gặp cơn bão lớn, đành lưu lại tại chùa Thiên Mụ. Chính trong thời gian nầy, ngài đi thuyết giảng và dựng nhiều chùa. Chùa Túy Liễu là ngôi chùa đầu tiên được dựng nên. *(Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Luận — Nguyễn Lang).*

Chùa Túy Liễu nằm trong địa phận của làng Liễu Cốc Hạ, tổng Phú Ốc, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Chùa nầy tồn tại cho đến tháng bảy năm 1947, khi quân đội Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét, thì bị chúng đốt phá sạch. 14 năm sau đó, chùa Túy Liễu được tái xây dựng trở lại, nhưng lại chuyển đến một vị trí khác, ở trung tâm làng Liễu Cốc Hạ. Công đức đóng góp tịnh tài để xây dựng lần nầy là do hai đạo hữu Nguyên Khai và Chân Hảo. Ngày khánh thành nhằm vào mồng 15 tháng 4 năm Ất Tỵ (1965).

✧ Kiến trúc và điêu khắc của chùa Túy Liễu ngày trước

Cũng như những ngôi chùa khác trong vùng trong giai đoạn nầy, chùa Túy Liễu được xây dựng theo mô thức *"Chùa Hội"* như thường thấy ở kinh thành Huế từ thế kỷ thứ XVII cho đến nay. Chùa Hội thường được xây theo kiểu chữ Công (.....), chữ (.....) hay Nội Công (.....), Ngoại Quốc (.....) (bên trong thì xây theo chữ Công; bên ngoài thì theo chữ Quốc). Chùa bao gồm: cổng chùa, minh đường, tiền đường, chính điện, tòa thiêu hương, nhà tổ, nhà trai soạn, nhà trù (bếp). Ngoài ra, trong ngôi chùa mới còn có xây tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát lộ

thiên được xây dựng vào tháng 2 năm 1993 và hoàn tất vào ngày 15 tháng 6 năm 1993.

Nguyên trước ngôi chùa nầy chỉ là một ngôi thảo am cũng như bao nhiêu ngôi cổ tự trong thời gian sơ khởi, sau đó, thiện nam tín nữ trong vùng mới góp công sức, tịnh tài để kiến tạo dần dà cho đến khi hoàn tất. Chùa được thiết kế theo mô thức những danh lam cổ tự trong vùng Thừa Thiên. Ngôi chùa chính gồm ba gian hai chái, xây bằng gạch lợp ngói uyên ương (âm dương); mỗi chân cột đều được xây theo kiểu "dầm kép" để chống đỡ thật kiên cố. Chùa có ba cửa chính mà trong kinh điển Phật Giáo diễn tả như là *"Tam Môn Thanh Tịnh"* y cứ theo câu *"Tam Môn Thanh Tịnh Tuyệt Phi Ngu"*. Điều nầy cũng có nghĩa là biểu trưng cho Giới, Định, Huệ; hay cũng có nghĩa là: Không, Vô Tác và Vô Nguyện *(Kinh Tạp A Hàm)*.

Từ ngoài đi vào, tổ chức thờ phượng được bố cục như sau: Từ cửa chính, có những pho tượng Bát Đại Kim Cương, tức là các vị Thiên Vương trong huyền thoại, có chức năng bảo hộ cho ngôi chùa; hai bên tả hữu có nhà chuông và nhà trống. Chánh điện, phía giữa thờ Tam Thế Phật: đức Thích Ca, đức Di Đà và đức Di Lạc. Phía không gian ở trên ba pho tượng nầy có dựng lên *"bảo cái"* tức là vật che chở cho Tam Thế Phật. Bên trái thờ đức Quan Công, Lưu Bị và Trương Phi, ba nhân vật thời Tam Quốc. Bên phải thờ đức Quan Thế Âm Bồ Tát tống tử. Hai bên thờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, tức là hai vị Bồ Tát biểu hiện cho tinh thần *Đại Trí* và *Đại Hạnh*.

Nói chung lại, phương thức bố cục trong chùa Túy Liễu ngày trước đã theo đúng nguyên tắc trong "Địa Lý Ngũ Bất Khả" tức là năm điều cấm kỵ trong khoa địa lý phong thủy: "Nhất bất khả tiền thần hậu Phật; nhi bất khả tiền tỉnh hậu hồ; tam bất khả địa hạt khan khô; tứ bất khả sơn vô thảo mộc, ngũ bất khả sơn băng thủy kiệt".

✧ Kiến trúc, điêu khắc chùa Túy Liễu ngày nay

Ngôi chùa Túy Liễu được tái lập, do kiến trúc sư Trần Thị Đóa Vân thiết kế, phần lớn đã dựa theo những nét cơ bản của chùa xưa, cộng thêm những cấu trúc, bố cục về kiến trúc và điêu khắc hiện đại, mà nhiều ngôi danh lam ở đất Thần Kinh thường áp dụng.

Phần tiền đường: Tiền đường khởi công xây vào năm 1965, có lầu chuông trống; kiến trúc theo những hình ngọn lửa chạy dài trên nóc, ở giữa có hình bánh xe luân hồi. Phần tiền đường được lợp bằng ngói uyên ương mà mỗi đầu ngói đều có khắc hình long phụng trong hình tròn, hình vuông, hình nửa lá bồ đề hay hình rồng nằm trong hạt lệ theo kiểu kiến trúc của nền văn minh Thăng Long.

Tượng Phật: Tại chánh điện của chùa Túy Liễu thờ đức Bổn Sư Thích Ca. Pho tượng bằng đồng được đúc vào năm 1962, do nghệ nhân vùng Phường Đúc, nơi nổi tiếng về điêu khắc ở Kinh Thành Huế. Tượng cao chừng một thước, theo mô hình của những danh lam ở Huế, mang sắc thái thuần túy dân tộc.

Đại Hồng Chung: Đại Hồng Chung còn được bảo lưu cho đến ngày nay có từ đời Minh Mệnh (1820-1840). Trên chuông có ghi hàng chữ khắc đậm nét *"Minh Mệnh Bính Tý Nhị Niên Tam Nguyệt"* (tức là tháng 3 năm 1822). Chuông nầy được đúc theo mô hình của chuông Quy Điền ở chùa Một Cột (Chùa Diên Hựu), được xem là một trong Tứ Đại Khí trong lịch sử kiến trúc VN. Chuông làm bằng đồng đen, cao một thước tây, miệng chuông có đường kính chừng 0,5 thước, trên đầu chuông có cặp đầu rồng, uốn quanh, dùng làm móc chuông rất vững chắc. Những hàng chữ nhỏ ghi tên họ những thiện nam tín nữ đã phụng cúng chuông đồng, nhưng nét đã mờ nhạt, không đọc được toàn văn nữa.

Những di tích: Chùa Túy Liễu ngày trước bị phá sạch năm 1947 như đã trình bày; tuy nhiên, một số kinh văn, di chỉ còn được bảo lưu. Trong số đó có nhiều câu liễn,

tương truyền là nguyên văn của ngài Thích Đại Sán (Thạch Liêm) đề từ. Chẳng hạn như câu đối liễn chạm khắc treo ở cửa chánh điện:

Túy Liễu phát khai kim thế giới,
Hồng Liên phát xuất ngọc lâu dài.

Nghĩa là:

Liễu xanh thoắt mở thế giới vàng,
Sen hồng nở từ lâu đài ngọc.

Tượng đức Quan Thế Âm: Tượng đức Quan Thế Âm với nước Cam Lộ và cành dương liễu được dựng lên ở trước sân chùa, khởi công vào ngày 15 tháng 6 năm 1993, chiều cao gần 6 thước.

Trên đây là những nét chính của chùa Túy Liễu xưa và nay để dùng làm tư liệu kiến trúc và điêu khắc của mô thức chùa chiền trong khu vực Đàng Trong của chúa Nguyễn từ 1696 cho đến nay đã ngót 300 năm. Hiện nay, qua những phụ khoản đóng góp không nhỏ của Phật Tử hải ngoại, chùa chiền khắp nơi trong nước đã kiến tạo và tu bổ không ngừng. Tuy nhiên, một trong những vấn đề cơ bản là: *Làm thế nào để phục chế theo nguyên bản chùa xưa, theo đúng tinh thần dân tộc?* Tài liệu nhỏ nầy viết theo chiều hướng đó.

Trần Kiêm Thêm

Tài liệu tham khảo:

1- Ô Châu Cận Lục — của Dương Văn An. Bản dịch: Trần Tần (1978)
2- Kiến trúc Phật Giáo VN — của Nguyễn Bá Lăng (1971)
3- Mỹ thuật của người Việt — Nguyễn Quân (1989)
4- Danh lam Huế — Nguyễn Trung Đạo (1987)
5- Việt Nam danh lam cổ tự — Võ Văn Tường (1993)
6- Những ngôi chùa Việt Nam — Kiêm Đạt (1997)

*

ĐỒNG KHÁNH TÌNH XA

Có những con đường sao mãi không quên,
Đông Ba, Gia Hội, Thượng Tứ, Trường Tiền
Hàng Me, Đập Đá, Hồng Thái, Hàn Thuyên
Hàng cây Thôn Vỹ nghiêng nghiêng gió chiều,
Đi về lá đổ tình nhiều heo may,
Ước mơ đường mộng vờn bay nắng vàng
Tóc thề ai thả tình tràn bờ vai,
Bước nào thoăn thoắt chân nai đợi chờ,
Hàng Đoát chợt ngắn, người mơ đâu rồi?
Lê Lợi hàng hàng áo trắng tươi cười,
Tiếng ai trong vắt bồi hồi tình ơi!
Nón nghiêng một chút, một chút rồi thôi,
Mà lòng bỗng dậy men đời tương tư
Thương ai, ai biết thương ai bây chừ
Tình lên vút tận mây mù Ô Thước
Xây lầu nguyện ước, cau trầu đem sang
Tình không chịu nhận vì sao vội vàng
Rứa là tình chịu dở dang ngậm ngùi
Thuyền ai rời bến sụt sùi sang ngang
Cho tình thổn thức muôn vàn nhớ thương.

Y La
2/96

Đạo của Thơ

TRÍ HẢI

Đọc một bài thơ hay, ta được cái khoái cảm gần như niềm hỉ lạc của đạo vị, Johns Keats nói: *"A thing of beauty is a joy forever"* (cái gì đẹp là nguồn vui muôn thuở), nhất là khi cái đẹp ấy là một bài thơ. Thi sĩ may mắn hơn họa sĩ chính ở điểm này, là trong khi một bức danh họa có thể bị thời gian tàn phá, thì một bài thơ đẹp trái lại sẽ tồn tại vĩnh viễn qua sự truyền tụng của con người. Có thể nói bao giờ còn người là còn thơ. Và thơ chính là tinh hoa được kết tụ của tâm hồn con người muôn thuở.

Thơ như vậy tất nhiên là có cái đạo của nó. Chúng ta hãy thử rút tỉa một vài yếu tố trong đạo thơ nhờ đó mà thơ được gọi là Thơ, là một nguồn vui bất tận (a joy forever).

Trước tiên là yếu tố vô dục. Thơ phải thoát ra ngoài tình lụy "ái dâm sầu oán đạo dục tăng bi". Điều này nghe qua có vẻ mâu thuẫn với quan niệm thông thường cho người thơ là con người rạt rào tình cảm, nếu không có "thất tình" thì làm sao "ra" thơ được? Nhưng nghĩ như vậy là hạ thấp giá trị của thơ, biến nó thành một phương tiện bộc lộ tình cảm vụn vặt riêng tư hạn cuộc. Sớm muộn loại thơ này sẽ bị thời gian đào thải, kiểu những bài thơ lãng mạn sướt mướt vang bóng một thời.

Tình cảm trong thơ phải là thứ tình cảm đã được "bốc hơi" để trở thành tình cảm của con người phổ quát. Hãy nghe câu thơ:

In lên ngọn nước bốn mùa
Núi phơ phất tuyết cổng chùa tịch liêu
Hai hàng phượng đỏ dấn liều
Từng cơn quạnh quẽ nắng chiều rỉ hoen

(Bùi Giáng, Mưa nguồn)

Ta có cảm tưởng đang ngắm một bức tranh thủy mặc, trong đó quang cảnh tịch liêu của ngôi chùa núi như đang len lỏi vào tâm hồn người xem.

Yếu tố thứ hai là, thơ phải nói lên được tình người muôn thuở. Thử nghe bốn câu sau:

Em chết bên bờ lúa
để lại trên đường mòn
một dấu chân bé của
một bàn chân bé con

(BG - MN)

Bằng một hình ảnh cá biệt đặc thù, với bốn câu đơn giản, thi nhân đã nói lên được nỗi khổ tử biệt sinh ly.

Yếu tố thứ ba là *vô ngã*. Thi nhân chân thật là người thắp sáng một thế giới, rồi lẳng lặng chui vào bóng tối để cho thơ tự nói (Emily Dickinson).

Yếu tố thứ tư là *gợi cảm hứng và sáng tạo* nơi người đọc, biến người đọc thành thi sĩ. Emerson cho rằng điều hay ho nhất mà thi nhân đem lại cho ta chính là họ đã dạy ta *khinh bỉ tất cả những gì họ sáng tác* để vượt qua họ. Câu này phải được hiểu như thiền ngữ Trung Hoa *"phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ"* hoặc câu ngạn ngữ Việt Nam "Con hơn cha nhà có phúc". Quả vậy, nếu thơ chỉ để diễn tả tình cảm lâm ly thống thiết của riêng tác giả, thì dù điêu luyện cách mấy cũng chỉ sống được một thời gian cùng với tác giả, hoặc chết trước tác giả. Chỉ có loại thơ

gợi được cảm hứng và sáng tạo nơi người đọc mới sống mãi với thời gian nhờ yếu tố phổ quát của nó. Truyện Kiều của VN là một điển hình: Mỗi khi trích dẫn một câu Kiều, ta tưởng chừng như ta vừa sáng tác nó vậy: Ta có cái niềm hãnh diện của một tác giả (do đó người ta ưa "tập Kiều" nghĩa là ghép những câu lục bát cách xa nhau trong truyện Kiều để làm thành một bài mới, diễn đạt một ý mới).

Yếu tố thứ năm là *tiên tri*. Thơ phải báo trước một thời đại, hồn thi nhân phải là tinh hoa của thời không, do đó mà thi nhân chân chính được xem như là những con người linh thiêng. Đạo của thơ ở điểm nầy quả thật là siêu tuyệt, thi nhân hội được điều kiện này chính là đạo sĩ, là nhà tiên tri của thế gian. Thi nhân do đó phải có "tấm lòng nghĩ thấu ngàn đời, con mắt trông khắp ba cõi" T.S. Eliot bảo rằng thi nhân phải là người thông suốt tất cả nền văn hóa Đông Tây kim cổ của nhân loại (tiểu luận "Truyền thống và tài nghệ cá nhân") (Tradition and Individual Talents).

Cuối cùng, thơ phải *mở cho ta một chân trời tươi sáng*. Muốn thế, nhà thơ phải thoát ly bản ngã nhỏ hẹp và những khung cảnh hạn cuộc của hiện tượng giới phù du, cái mà Paulo Freire gọi là "những hoàn cảnh giới hạn" giam nhốt cái nhìn cao rộng của ta. Sau đây là một ví dụ:

Ngày trở về
đường tôi đi thênh thang rộng mở
ánh nắng chan hòa
mùa xuân tươi sáng
và đầy vườn hoa nở chim ca
gió thổi vi vu ngàn khúc nhạc hòa
qua những hàng cây sum sê trải dài bóng mát
thoang thoảng không gian
một mùi thơm ngát
của hương trời lá thắm cỏ non

... Những năm dài áp bức bạo tàn
đã vĩnh viễn chôn vùi trong dĩ vãng
đất nước hôm nay muôn màu rực sáng
đời tự do hoa nở thắm tươi
...
người với người
tay trong tay
cùng ước mơ xây dựng ngày mai
trong thanh bình ấm no hạnh phúc
cùng điểm tô non sông gấm vóc
sáng đẹp muôn đời tổ quốc Việt Nam.

Quả vậy, dù cuộc sống hiện tại có đau khổ đọa đày mấy đi nữa, thi nhân cũng phải nhìn thấy và giúp ta thấy được bản thể bất sinh bất diệt đằng sau những hiện tượng sinh diệt vô thường. Chính lối nhìn này thăng hoa con người chúng ta, giúp ta thoát khỏi chính mình, khỏi biên giới của bản ngã và cảnh sống hạn cuộc.

Nhưng bản thể bất sinh bất diệt ấy nằm ở đâu? Thưa, nằm ngay trong hiện tượng sinh diệt. Vậy nên nhà thơ không phải là người mơ mộng viễn vông, mà phải là người sống ngay trong lòng đời đau khổ với một chiều sâu tâm linh, với *con mắt thứ ba* để thấy được những gì mà con mắt phong tục không thể thấy, ngay nơi những vật tầm thường nhật dụng. Vì thơ cũng như đạo, vốn ở khắp mọi nơi, nhưng người ta vì bị tư dục che lấp nên không thấy được. Nhà thơ chính là vị thầy chỉ cho ta thấy thơ ở ngay trong đời sống thường nhật, cũng như vị thiền sư khai thị cho ta thấy đạo ngay nơi cái muỗng cái thìa. Thử đọc:

Gàu nước múc lên
chứa đầy mây trắng chim xanh
em hãy uống đi
những trái chín kết tinh từ vạn kỷ

bởi tôi đặt cả hồn tôi
trong hằng hà sương nhỏ xuống
đêm đêm về đồng nội ướp thương.

Đây là một cái nhìn rất thơ đối với nước: thi nhân cho ta cảm tưởng ta uống vào cả trời đất vũ trụ trong một ngụm nước giếng, vì nó "chứa đầy mây trắng chim xanh" nó kết tụ tinh hoa của trời và đất từ vạn kỷ: hằng hà giọt sương nhỏ nhỏ xuống *ướp thương* của ngàn cây nội cỏ để kết thành mạch nước giếng sâu như trái quả của lòng đất.

Thi hào Wordsworth nhìn một đám hoa trường thọ mọc hoang bên bờ hồ mà niềm hỉ lạc len lỏi vào cả giấc chiêm bao. Cảnh đám hoa vàng nhảy múa bên làn nước biếc đem lại cho thi nhân một nguồn vui vô tận, thức tỉnh ông trở về với sự sống hồn nhiên, đơn giản như loài hoa: dù chỉ sống có một ngày ngắn ngủi, hoa vẫn bất chấp cuộc đời phù du của mình, vẫn hát lên lời ca bất tuyệt; nên nó trở thành một hình ảnh bất diệt trong hồn thi nhân. Chúng ta phải hổ thẹn khi nhìn lại chính mình: quả thật ta tham lam quá độ so với loài hoa kia. Chúng ta sở hữu quá nhiều, ham muốn quá nhiều, nên bao giờ cũng thấy thiếu thốn đau khổ.

Cái Đạo của thơ như vậy vừa rất đơn giản vừa vô cùng khó khăn. Ta có thể ví nó như sự hít thở không khí: ai cũng thở, nhưng không mấy ai *biết rõ* hơi thở của mình, trừ người tu phép chánh niệm về hơi thở. Và ta nhớ đến câu thơ bất hủ của Paul Valéry:

Tout homme crée sans le savoir
mais l'artiste se sent créer
son acte engage tout son être
et la souffrance le fortifie

(mọi người đều sáng tạo, mà nào ai tự biết
những nghệ sĩ thấy mình sáng tạo từng giây
sống hết mình cho mỗi một hành vi
và đau khổ chính là nguồn nghị lực).

TRÍ HẢI
Công Huyền Tôn Nữ Phùng Khánh

THÔNG BÁO

Để chuẩn bị cho Tuyển Tập Nhớ Huế số 10 phát hành vào mùa Hè 1998, xin yêu cầu quý Thân hữu gửi ngay bài vở cho Ban Biên Tập.

Đa tạ.
Tuyển Tập Nhớ Huế

HƯƠNG BÌNH THI XÃ VỚI "MỘT THIÊN TÌNH SỬ"

Trần thị Cẩm Tuyến

Khoảng cuối thập niên 50, quý cụ trong Hương Bình Thi Xã xôn xao, hứng khởi khi nhận được tin về một chuyện tình thi thơ kỳ thú giữa cụ Diên Hương, là một thi hữu trong Đàn Diêu Trì tại Sàigòn với một kỳ nữ ẩn tích bút tự Vu San Nữ.

Chuyện thi thơ xướng họa này được khởi đăng trên tờ tuần báo Bông Lúa tại Sàigòn và tức khắc được thi hữu xa gần hưởng ứng nhiệt liệt! Thơ từ khắp nơi tới tấp gởi về phụ họa, mượn vận hoặc phóng vận chúc mừng, khen tặng hoặc trêu cợt mối tình có tính cách Liêu Trai Chí Dị này, và đã gây nên một cuộc văn bút rất hào hứng thi vị.

Hội Đàn Diêu Trì với Làng Thơ Hương Bình đã có sẵn mối thâm giao từ trước, các Cụ vẫn thường ra vô Sàigòn-Huế tiện dịp viếng thăm con cháu, thân hữu, dự hát ngâm, xướng họa thường kỳ.

Giới hạn trong bài này, chúng tôi xin tóm lược đăng một số bài xướng họa khởi đầu mối duyên tình Thi Thơ Thanh Tao tuyệt bút giữa Thi Ông Diên Hương với Vu San Nữ, sau đó trích đăng lại một số bài ứng họa của quý Thi Ông trong Hương Bình Thi Xã. Đoạn cuối là bài thơ Biệt Tình của Vu San Nữ cùng Cụ Diên Hương họa lời Vĩnh Biệt, ý thơ dạt dào, hồn thơ bi thiết, thật vô cùng cảm động. Phần này cũng có mục phụ họa của quý Cụ trong Hương Bình Thi Xã.

Mối duyên tình kể trên đã diễn ra như sau:

Cụ Diên Hương vừa mừng lễ thọ Thất Thập vào tháng giêng 1958, thì tháng 3 nhận được một bức thư lạ ký tên Vu San Nữ, nguyên văn như sau:

Sài thành 10-3-58

Kính gởi Tiên Sanh Diên Hương.

Thưa Tiên sanh,

Bấy lâu cảm mộ, khó nổi giải bày; hương lạnh án thơ, ai là sứ điệp? Trăng sân gió gác, giấc mơ mòng hồn gởi khách tài hoa. Nếu chẳng ba sinh duyên cũ, chi mà chín khúc tơ vương. Mấy phen cất bút lại ngừng, mấy phen muốn đánh liều nhắm mắt đưa chân đến hầu dưới án. Nhưng mà mai gầy liễu ủ, tình riêng lòng những ngại lòng, nước chảy hoa trôi, e nỗi hoa hữu ý mà nước vô tình, thì thêm nặng cho kiếp sống thừa một thiên trường hận. Soi gương thẹn bóng, mượn bút thay lời, một khối u tình, mấy vần thảm vịnh:

Vui xuân chung cả một trời,
Sầu xuân riêng để cho người tương tư.
Sông Tương một dãy nông sờ,
Hoa trôi man-mác người chờ đăm đăm.

Thơ rằng:
Gió cuộn ngàn mây cuốn ruột tằm,
Nửa tràng xuân mộng mấy xa xăm.
Canh dài dưới bóng trăng suông lạnh,
Phận mỏng bên hoa lệ nhỏ dầm.
Mối nợ ba sanh ân chửa dứt,
Mạch sầu trăm trượng mãi càng thâm.
Vì ai vàng võ mòn thân liễu,
Nhắn gởi ai ôi nỗi khổ thầm.

Vu San Nữ trình chánh.

Cụ Diên Hương. chưa kịp nghĩ ra sao thì tiếp được bức thư thứ hai.

Đô-thành 25-3-58

Kính tiên sanh Diên Hương.

Tin nhạn đi đã nửa trăng mà sứ điệp trông hoài vắng bóng. Chẳng lẽ bèo dạt mãi linh-đinh nơi biển ái mà khách tài hoa đành hờ hững với hương xuân. Cái đời bốn chục xuân thừa, năm lọc mười lừa còn gặp phải con đường tuyệt vọng. Buổi nhỏ vốn cũng được ít nhiều nghiên bút, chẳng dám cậy tài khoe sắc, lại vì đâu trắc trở tình duyên? Hay là cái bút tự Vu San khiến cho người phong nhã khách hào-hoa phải bận lòng phân-vân nghĩ-ngợi? Ai biết chăng, tháng ngày qua gần ba chục năm trời, hồn khấu-nữ mãi vẩn-vơ nơi đảnh giáp. Trái oan vương-vấn, hương lửa lạnh-lùng, nửa giấc cô-miên, khối tình trìu trịu.

Bao giờ hương lửa duyên ưa?
Biết đâu tình trước còn chờ duyên sau.
Nói chăng nghe cũng thế nào,
Nói chăng thì lại nao nao tấc lòng.

Thơ rằng:

Cô phòng lặng lẽ nguyệt dòm song,
Đứt mối mành tơ nát cõi lòng.
Lãng-vãng mây chiều mơ bóng nhạn,
Lạnh lùng đêm quạnh mỏi tin hồng.
Duyên xưa dẫu lỡ nguồn ân cạn,
Tình trước còn chờ bến nước trong.
Đã trót nhắn nhe lời thệ-hải,
Gìn vàng giữ ngọc mãi chờ trông.

Vu-San-Nữ trình-chánh.

Cụ Diên Hương càng thêm suy nghĩ thì lại tiếp thêm bức thư thứ ba, dấu bưu điện đề ngày 11-4-58.

Kính tiên sanh Diên Hương.

Mấy phong thơ nhắn, mấy đoạn tơ sầu. Phương trời trông mỏi, bóng nhạn về đâu? Đã không tiếc ngọc thương hương, cũng chẳng vì

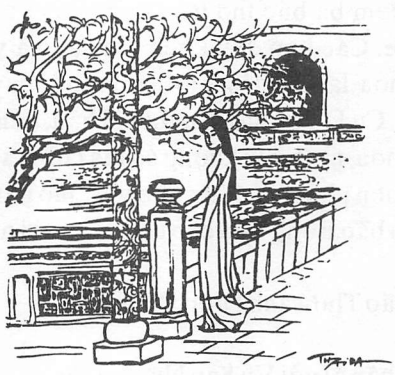

hoa xót liễu. Sao mà tệ lắm vậy? Sao mà bạc lắm vậy? Tâm khô lửa hạ, ngổn ngang trăm mối vì ai gió dẫn hương lan, thổn thức năm canh ảo mộng... Mộng ai ai có biết? Tưởng khách khách làm ngơ. Một bóng đèn, thâu canh những đi về say tỉnh giấc. Mượn cây bút ngọc, bắc nhịp cầu vàng, cùng khách đài-lan, nối vần thơ thánh. Hay đâu! Má đào phận bạc trơ bên cầu mòn mỏi những chờ ai! Vắng-vẻ Lam-Kiều sương gieo lệ, lệ pha sương, hận tình thêm nặng. Linh đinh hồn điệp, nước đưa duyên, duyên theo nước, nguyền bến là đâu? Cũng biết tu là cội phước, mà mối nợ tình vương-víu mãi không thôi; cho hay đời nối dây oan, nên duyên túc-đế dằng-dai chưa trả dứt.

Duyên kia theo mãi với tình,
Mong manh mình nghĩ nỗi mình mà đau,
Mỏi-mòn nào thấy ai đâu?
Sông Ngân bỏ vắng nhịp cầu sao đang?

Thơ rằng:

Dằn mãi không ra mối hận trường,
Chung bầu non nước, cách Sâm-Thương.
Bên tai như vẳng lời kim-thệ,
Mở mắt còn đâu bóng ngọc-đường?!
Thỏ bạc xuyên mành dang-dở mộng,
Lư trầm bặt khói lạnh-lùng hương.
Ôm cầm đợi khách sầu tuôn ngón,
Có thấu cho ai khúc đoạn trường?

Cụ Diên Hương đọc kỹ ba bức thơ thấy văn chương trau chuốt, ý tứ dồi dào, nhưng chưa biết nghĩ làm sao, thì nhân một buổi hội thơ,

cụ đem ba bức thơ trên đọc cho các thi hữu nghe. Các bạn đều khen thơ hay và yêu cầu cụ họa lại để gây một cuộc tình duyên thơ phú. Cụ Diên Hương nghe lời bạn, bèn làm ba bài họa, nhưng vì không có địa chỉ của Vu San Nữ nên phải gởi đăng vào mục tao đàn của tờ tuần báo Bông Lúa cho tới tay người ngọc.

Lão Thơ-sanh Diên Hương.

Thân ái gởi Vu San Nữ, Sàigòn.

Thưa Nương-Tử,

Tôi như mặt trời chiều, non đoài sắp ngả bóng kim-ô, cô tựa mảnh trăng thu, hồ Bắc đang ngời gương ngọc-thố. Ngờ đâu được khách hồng-nhan để ý thì hân hạnh biết là bao, cho nên đọc ba bức thư phong, rất cảm mấy lời vàng đá. Thưa Nương-Tử, dầu cho Liễu-hạ-Huệ tái sanh, cũng không trơ dạ đá mà ngảnh mặt hào-hoa quân-tử, huống chi tôi tuy chẳng dám sánh Tư-Mã-Quân hồi thế, cũng không chai lòng vàng mà phụ trang đài sắc thuyền quyên.

Thú thật, đôi phen rút mảnh hoa tiên, để viết đôi dòng chữ nghĩa, thì đôi phen tôi lại dẹp cây bút ngọc, đành say mấy vận thơ tình. Vì tại sao? Tôi thầm nghĩ, Nương-Tử tự bút Vu-San thì có lẽ dòng thuyền Thần-Nữ; và như thế thì không lẽ tôi đi học đòi Lưu-Nguyễn mà tìm đến động Thiên-Thai. Cho nên thà tôi bặt lối Bồng-Lai, hơn để si tình Từ-Thị. Nhưng mà:

Lạ cho cái thói hữu tình
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong!

Rồi nghĩ mãi cái nghĩa Ngưu Lang, ai đi nỡ phụ thê thất tịch; lại thương hoài mối tình Chức-Nữ, lòng dặn đừng lỗi nguyện tam-sanh.

Mà thảm thay! Tôi như chiếc nhạn về nam, Nương-tử tợ cô hồng lên Bắc; làm sao gặp, khó nổi tìm; thôi thì cũng bắt chước Nương-tử, tạm mượn cây bút ngọc, sang bắc nhịp cầu vàng, để cho nước đưa duyên, trông cho thuyền cặp bến.

Dòng sông Tương, chiếc thuyền tình,
Lẽ đâu mãi mãi linh đinh giữa vời.
Buồm ân gió ái đưa hơi,
Cho thuyền cặp bến cho người sánh duyên.
Ba sanh mới vẹn mười nguyền,
Bỏ khi thương trộm bỏ phiên nhớ thầm.

Thơ rằng:

Ai đem chỉ thắm chắp tơ tằm
Một nghĩa, hai tình mấy biếm xâm.
Nhìn bức thơ tiên hoa gấm dệt,
Vuốt lằn tóc bạc tuyết sương dầm.
Rằng duyên... sao để thời xuân quá,
Phải nợ... lo gì biển ái thâm.
Chẳng nệ đông hàn mai dạn gió,
Giọng tỳ Tư-Mã ngẩn ngơ thầm.

Thầm than gió lạnh lọt huỳnh song,
Như gợi niềm tây rối tấc lòng.
Dỡ thiếp lan-đình mơ hội kiến,
Vung cây cù-mộc đón cô hồng.
Đài gương hạ cố soi bèo cỗi,
Vườn hạnh xuân tàn ngậm lệ trong.
Hạc nội mây ngàn đâu nhắn gởi,
Triền miên ngày một, nỗi chờ trông.

Chờ trông ngày vắng suốt canh trường,
Gởi gió tung ngàn nỗi nhớ thương.
Dám hỏi không tình sao thả lá,
Đã gây nên tội lại ngăn đường.
Mơ tiên giấc điệp khôn thành mộng,
Tưởng bóng song hồ mãi nối hương.
Những nhớ rồi thương, thương lại nhớ,
Mưa tuôn giọt thảm thấm can-trường.

Diên Hương Cẩn khải.

Tờ tuần báo B.L. vừa xuất bản vài ngày thì Cụ Diên Hương tiếp được thơ của Vu San.

Đô-thành, ngày 12-8-58.

Thưa Tiên-Sanh,

Dở mấy trang B.L., thấy ba bức thơ tình, thì ra: Từ lúc ve kêu giữa Hạ cho đến khi lá rụng đầu Thu, thiếp đây: biết bao nhiêu sầu chích

bóng, biết bao nhiêu hận cô phòng! Thiếp còn nhớ: mấy độ trăng mờ, đôi dòng lệ thảm, đề văn vần thơ nhạn, trên một mảnh giấy hồng.

Thơ rằng:

Dài quá ba thu một khắc sầu,
Mộng hồn vơ-vẩn biết về đâu?
Sông Tương đợi mỏi đoàn ô-thước,
Phím ngọc buồn lơi khúc phụng cầu.
Ruột đứt ngày thêm, thêm đứt ruột,
Châu tràn giọt nối, nối tràn châu.
Hãm tình u uẩn, tơ trùn mối,
Dài quá ba thu một khắc sầu!

Nhưng mà, đang buổn duyên hạ lỡ-làng, bỗng đẹp tình thu phơi-phới. Tiên sanh đã hòa thi phúc đáp, tiện-thiếp xin hạ bút hồi-âm...

Thưa Tiên-sanh, thiếp dám hỏi: Thiếp mến Tiên-sanh mà nhờ hồng-điệp đưa duyên; nhân sao ông ngờ Thần-nữ đi cậy Vỹ-Sanh (1) làm mối? Hễ là đây bí rối, thì đó sao khỏi thẹn-thùng. Tệ chi lắm vậy? Ác chi lắm vậy?

Tình trong như đã vậy rồi
E chi ngoài mặt cậy người mối mai.
Ngàn hoa cách nước buồn ai?
Ngọc-Kinh khéo đến, chẳng quay Lam-Kiều
(2)

Chú thích:
(1) Chỉ ông Giám đốc Tuần báo B. Lúa
(2) Có câu: Lam Kiều tự hữu thần tiên quật,
Hà tất khi khu thượng Ngọc-Kinh?

*

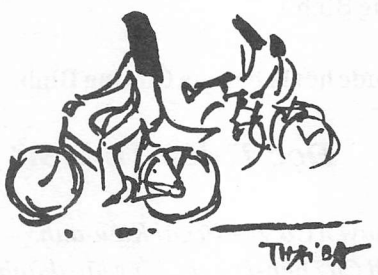

Thơ trách rằng:

Đã lắm cay-co, khổ đã nhiều,
Còn nên muôn mắt, cợt tình yêu.
Hận trường chan chứa nguồn thơ sớm
Khí đoản chơi-vơi giấc mộng chiều.
Rừng hạnh thu sang nhuần ngọc-lộ,
Đài trang đông quạnh khóc xuân-tiên.
Đá vàng riêng nhắn người quân-tử,
Bao nỡ phanh-phui, khách dập-dìu.

V.S.N. thân ái trình chánh

Cụ Diên Hương. được thơ vội trả lời,

20-8-58

Thưa Nương-tử,

Sau khi đăng thơ của nương-tử, thì liền tiếp được mấy dòng chữ gấm của tình nương, tệ-lão nầy lấy làm cảm ái mà cũng bao nỗi thẹn thùng.

Cảm vì bức hoa tiên lời lời châu ngọc; thương vì ngòi bút thánh nét nét đá vàng. Thẹn vì liều-lĩnh mà sỗ-sàng, hổ bởi vụng-về nên sơ-sót. Có lẽ nương tử cũng hiểu cho mà không chấp.

Chớ phải chi tệ-lão biết nương tử: giữa hạ nghe tiếng ve ngâm mà chạnh niềm chích bóng; thì tệ-lão cũng làm sao cho: đầu thu thấy hàng nhạn lượn khuây cảnh cô thân. Chớ dám đâu bỏ bụng giai-nhân, mà lại có hẹp tình quân-tử. Vậy gởi mấy vần cho Chức-Nữ, đặng bày tấc dạ của Ngưu-Lang.

Thơ họa rằng:

Ba thu dồn lại mấy thu sầu,
Rối rắm tơ lòng rối những đâu.
Kẻ đợi tin nhàn nương bệ cửa,
Người trông hình dạng bám gầm cầu.
Vận tràn tình nghĩa, thơ tràn vận,
Châu thấm tâm hồn, má thấm châu.
Eo óc canh gà say chửa tỉnh,
Ba thu dồn lại mấy thu sầu.

Diên Hương.

Thưa Nương-tử,

Đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu. Huống chi bến Ngân-Hà, đã bắc nhịp cầu, không lẽ lầu Lộng-Ngọc lại im tiếng sáo.

Đừng ngờ duyên cho duyên ngõ-ngàng mà áo-não, hãy khăng nghĩa cho nghĩa khắng-khít mới vững-bền. Thì trời Vu-San nguyệt sẽ trong cho sáng mặt thuyền-quyên, còn sân Diêu-thất hoa kế nở cho thơm lòng quân-tử.

Lá duyên đã thắm tươi rồi
Nầy trang đông bá, nọ người xuân mai.
Ngàn hoa cách nước dầu ai,
Ngọc-Kinh cũng đến, cũng quay Lam-Kiều.

Thơ đáp rằng:

Thương nhau cũng lắm, trọng nhau nhiều,
Muôn mắt trông vào đượm vẻ yêu.
Chẳng đặng kề vai chờ nguyệt sớm,
Thì cùng chung bóng thưởng trời chiều.
Hè qua dế thét ân tình đáp,
Thu lại quyên gào đoạn thảm tiêu.
Thả lá bòn vàng, khen thục-nữ,
Ra tay quân-tử quyết lòng dìu.

Diên Hương.

Thưa nương-tử,

Tâm sự một bầu, tơ tình mấy đoạn. Không hiểu sao đọc mấy dòng thơ của nương-tử lòng bắt tư-tư tưởng-tưởng. Mà tư ai, mà tưởng ai? Nương-tử ở chốn nào? Than ôi! Nhìn bốn phương trời, bóng người ngọc tìm hoài không thấy dạng. Nương-tử ra làm sao? Buồn thay! Nhắm đôi mắt tục, mộng đêm xuân trông mãi chẳng ra hình! Té ra: Hữu tình lại hóa vô tình, hậu nghĩa thành ra bạc nghĩa. Thăng thu vặc-vặc, mà biết cùng ai ngâm câu hải thệ? Màu má xinh-xinh, mà biết cùng ai đốt nén hương nguyền? Vậy cũng vớt lá để tìm duyên, vậy cũng ấp cây mà đợi thỏ.

Than ôi!

Sầu dường bể khắc như năm,
Sương mai chịu được mấy lăm mà gầy.
Ngàn xưa ai cũng thế nầy,
Gánh sầu san-xẻ ai đầy ai vơi?

Thơ rằng:

Tiếng trúc đường ti lắm điệu thần,
Mà sao thừa tiếp lại bâng khuâng.
Vu-San dẫu biết tràn mưa gió,
Ngọc-thất không dè vướng ái-ân.
Thục-nữ dưa duyên nhiều gắn-bó,
Lão-phu hẹp dạ hóa lần-khân?
Thuyền tình cất mái dầu in nhịp,
Gặp phải dông to, liệu đỡ-đần.

Diên Hương.

Cuộc xướng họa càng tiếp diễn, càng nồng nàn gắn bó, càng phô nét đẹp tuyệt vời của thi phú Việt Nam, hàng hàng châu ngọc, lời lời gấm thêu. Người trong cuộc say đắm đã đành, mà thi hữu khắp nơi cũng bị lôi cuốn vào cuộc xướng họa thanh nhã này. Số thi hữu tham gia rất đông đảo, mỗi bài mỗi tứ lạ, lắm ý hay, nhiều nét đẹp... cho ta thấy văn thơ VN thật là sâu sắc, phong phú. Vì giới hạn của tờ báo nên chúng tôi xin tạm ngưng phần xướng họa của Cụ Diên Hương. và Vu San Nữ để trích đăng giới thiệu một số bài của Quý Cụ trong Hương Bình T.X.

Trước hết là bài của Cụ Ưng Bình.

Đọc Thiên Tình Sử

Chuyện Cô Vu-Nữ gái Kiều-anh,
Với Cụ Diên-Hương đấng lão thành.
Cư-Sĩ không ngờ duyên tóc bạc,

Tiên nga bỗng vướng nợ mày xanh.
Tuy trường văn-võ chưa ra mặt,
Mà thú phong-tao đã rạng danh.
Thù-Lạc vãng-lai câu xướng họa,
Nghiên vàng bút ngọc tả phân minh.
Bát thập nhị tuế lão-phu

Ưng-Bình Thúc Gia Thị

- ***Bài của Cụ Kỉnh Chỉ Phan văn Hy.***

Gởi Cô Gái Vu Sơn

Khéo nhả tơ thêm rối ruột tằm,
Nhơn duyên khéo tưởng chuyện xa xăm.
Khúc đờn Tư-Mã nghe chưa lọt,
Giọt lụy Văn-Quân đã ướt dầm.
Xuân có ghen chi người phận mỏng,
Thi khôn tả hết mối tình thâm.
Cậy ai nhắn hỏi cùng ai đó,
Ai kẻ vui riêng kẻ tủi thầm.

- ***Bài của Cụ Tống Nguyên***
  Nguyễn Trung Hậu:

Xót Người Đa Cảm

Người sao đa cảm, đa sầu,
Tự mình bắc lấy nhịp cầu tương-tư.
Trăng thề lọt bức mành thưa,
Bởi xa xuôi mặt, nên ngơ-ngẩn lòng.

Vò chi cho rối sợi tơ tằm,
Hãy đợi xuân về chiếm quẻ xăm.
Chưa rõ tình đầu sao trách vội,
Khéo dư nước mắt dễ tuôn dầm.
Dò lần bể ái chơn còn ngợ,
Đắp lấy thành sầu mắt phải thâm.
Bà Nguyệt trêu ngươi cho lắm vẽ,
Khiến ai ngoài cuộc cũng thương thầm.

- ***Bài của Cụ Quỳ Ưu Nguyễn Dương Đôn:***

Từ thuở vương mang mối chỉ tằm,
Tâm hồn xây-xẩm tợ người xâm.
Dập-dồn mưa gió gan khô héo,
Cách-trở non sông lệ ướt dầm.
Biết phận bèo mây là phận mỏng,
Mà tình vàng đá cũng tình thâm.
Nặng lòng e-ấp bao thương nhớ,
Ở ởm nhau chi dạ xót thầm.

Đọc thơ xướng-họa của Vu-San-Nữ, Cụ Diên Hương nghĩ nàng là một thi nhân lão luyện, nên cụ mới xướng lên một bài Thập thủ liên-hoàn, gởi cho tri kỷ, có ý gây một cuộc xướng-họa thanh-nhã. Vì quá dài nên chúng tôi chỉ trích đăng đoạn I của các bài xướng, họa của Cụ Diên Hương, Vu-San-Nữ và nhóm Hương Bình Thi Xã.

- ***Bài của cụ Diên Hương:***

Ký Dữ Vu-San-Nữ

Canh trường thổn-thức khổ thân a! (a)
San-Nữ ven trời có thấu a? (a)
Đêm mộng mơ hình mừng ú-ớ, (â)
Ngày trông thấy dạng sướng ê-a. (a)
Từng phen thưởng-thức lan Châu Á, (ă)
Đến lúc chơi đùa vận chữ A. (a)
Duyên trẻ tình già vừa chút ít (x)
Lập vườn tiết-nghĩa khỏi dùng a. (a)

- ***Bài họa của Vu-San-Nữ:***

Én cợt nhàn trêu khổ dữ a!
Mỏng dày đáo để thế này a?
Luật Đường mới học vần u-ớ,
Cầm nguyệt chưa từng điệu ý-a.
Sầu cuộn Sông Tương tràn biển Á
Sương lồng đồn Bá tỏa cung A.
Đoạn-trường ai biết đau nhiều ít.
Ngòi thép Lưu-Cầu quá Thái-A!

- ***Bài họa của Cụ Quỳnh-Ưu:***

Ngẫm nghĩ men tình mạnh thế a?
Tiên kia cũng lụy huống người a.
Thơ non nhớ nước lời căn dặn
Khúc Phụng-cầu-hoàng giọng ý-a.
Văng vẳng nghe qua nhường điệu khách,
Ngân-nga vọng lại đọc vần a.

Trăm năm tơ tóc mà như nguyệt,
Xướng họa cùng nhau cũng thú a.

- ***Thơ họa của cụ Tống Nguyên:***

Ở đời câu chuyện cũng kỳ a.
Còn lắm duyên già, đến thế a?
Thơ nhận cứ đưa khêu gợi mãi,
Tin hồng há dễ lặng thinh a.
Chờ khi lão cảnh mà ôn lại.
Hẳn lúc xuân thời đã có a.
May quả đào tiên, nay bén đặng,
Cũng vin nhành quít, thử coi a.

- ***Thơ họa của Cụ Kinh Chỉ:***

Tình sao thì phải tính đi a,
Chả nhẽ dùng dằng mãi thế a.
Cô gái non Vu tài lắm ớ,
Ông già rừng Hạnh sướng chưa a?
Tình trong lễ nghĩa vâng khen á,
Tiên giữa trần ai cũng có a.
Thiên hạ giao du chừng chẳng ít,
Nhưng tri-âm được mấy người a?

- ***Thơ họa của Cụ An Đình Trần Kinh:***

Liên-hoàn thập thủ, xướng vần A.
Châu ngọc hàng hàng đẹp quá a!
Nỡ trách non Vu say giấc mộng,
Làm cho cung oán dậy phòng A.
Tình duyên đâu phải lời u-ám,
Hò hẹn sao còn chuyện ý-a?
Lần-lửa chi cho thêm bận-bịu,
Hồng-nhan bạch phát ngại gì a?

ĐOẠN KẾT.

Ngày 15-10-58
Kính Tiên-sanh Diên Hương.

Trong bức thơ trước thiếp có nói: vương một mối tư-sầu, rối tấc lòng cô nhạn, chưa rõ thân thiếp sẽ phải ra thế nào, sợ e cho:

Tàn thu cô-nhạn về Nam,
Biệt hồng lai bắc, biết làm sao đây?
Mây chiều gió bạt trời tây,
Về đông nước chảy, nước mây chia đàng.
Mây trông nước, én trông nhàn,
Nước mây ngày bặt, én nhàn ngày xa.

Kính thư V.S.N.

VU-SAN-NỮ RA ĐI

Bỗng như sét đánh lưng trời, Cụ Diên Hương. nhận tiếp bức thơ sau. Duyên thi vừa chớm nở mà Vu-San-Nữ lại vứt bút ra đi! Sau này mới rõ, vì Vu San Nữ bịnh tình nguy kịch, không muốn cho Cụ Diên Hương. gặp mặt, sợ đau lòng.

THƠ BIỆT TÌNH

Nơi xa xăm, buổi tàn thu.

Kính Tiên-sanh Diên Hương.

Thiếp lấy nước mắt hòa nghiên, chấm mực phiến thấm bút, để viết cho tiên-sanh bức thư biệt tình. Mấy mảnh hoa tiên, kết duyên thi ngày đầu hạ, đôi dòng lụy ngọc, hòa nghiên mực buổi tàn thu; cũng tưởng đeo oan trước nên gây nợ để đền bù, ai dè đợi trái sau đành đoạn tình không trang trải.

... Thưa tiên-sanh, viết đôi hàng không phân cạn, vò chín khúc mới thơ đau. Hễ mang chữ sắc tài, đâu khỏi vòng gió bụi... Tưởng thế sự ai lo nông-nổi, nghĩ càng thêm tức-tối trăm chiều; thôi đành từ đây cam phận mà hẩm hiu, và cũng từ đây thiếp đi, đi thật xa, theo dặm trường man-mác vai gánh một khối tình tóc bạc, tay đeo xâu chuỗi hận ngày xanh. Tới non cao âm-thầm bóng đêm thanh, tìm biển thẳm chứa chan dòng lệ ngọc. Lên núi trông trăng, trăng đà gác núi, buồn duyên ngao ngán với trăng tàn; xuống gành thấy sóng, sóng lại bỏ gành, nặng nợ ngẩn-ngơ cùng sóng hận. Lòng tha thiết bồn-chồn, gió véo-von giục-giã; thôi thôi sắc cầm đành rời-rã, tơ tóc phải dở-dang.

Ôi Tiêu-lang, hỡi Tiêu-lang
Thôi thôi thiếp phải xa chàng từ đây.
Trăng lu vì bởi đám mây,
Đôi ta cách trở vì dây tơ-hồng.

Thơ rằng:

Biệt Tình

Dứt áo ra đi nát cõi lòng
Mỏng manh phận bạc tuyết sương phong.
Niềm tây bút hạ se ngòi thỏ,
Ải Bắc sầu đông oải cánh hồng.
Ví biết bấy chầy phân cá nước,
Thà cam từ trước thẹn non sông.
Thăng thề lẽo đẽo soi ngàn liễu,
Duyên nợ ba sanh gởi giấc mòng.

Vu-San-Nữ

Rồi vài hôm sau, Cụ Diên Hương. lại được bức thư dưới đây:

Pleiku, ngày 20-10-58

Kính gởi Bác-sĩ Diên Hương (Cụ Diên Hương là Bác-sĩ Y-Khoa)

Quý Đồng-nghiệp

Tôi rất tiếc có một tin buồn báo cho quý đồng nghiệp: Cô Kiều thị Thanh Hương, bút tự Vu-San-Nữ đã từ trần tại dưỡng đường tư của tôi ở gần Pleiku ngày 19-10-58.

Cô bị bịnh ho lao như quý đồng nghiệp biết (B.S. Thịnh tưởng Cụ Diên Hương đã gặp Vu San Nữ rồi), từ Sàigòn về nhà của ông thân cô, cách Pleiku lối 15 cây số. Xe vừa tới Pleiku thì cô bị thổ huyết, ngất xỉu phải ghé lại nằm dưỡng đường. Tôi ra công chữa trị mà vô hiệu quả. Lúc gần tắt thở, cô yêu cầu tôi cho quý đồng nghiệp hay rằng cô có trối lại: "Cô đem xuống tuyền-đài một mối tình duy nhứt, và xin chúc quý đồng nghiệp an tâm sống cuộc đời vui-tươi may-mắn".

Trối xong, cô liền tắt thở. Thiệt là bi ai hết sức.

B.S. Nguyễn Duy Thịnh
Dưỡng-đường Nguyễn Duy, Pleiku.

Thì ra thơ BIỆT TÌNH trước kia cũng là thơ VĨNH BIỆT.

THAN ÔI!

Kẻ ở người đi, kẻ nát lòng,
Khối tình để lại khó niêm phong.
Tơ vò đoạn thảm phơ đầu bạc,
Cánh vỗ ngàn mây mất dạng hồng.
Buổi nọ còn mơ bèo gặp nước,
Giờ đây chỉ thấy núi ngăn sông.
Hồn ai thơ-thẩn trên non Giáp,
Biết lão trần-gian luống chốc mòng.

Diên Hương 26-10-58

Được ai tin, thi hữu khắp nơi bàng hoàng thương tiếc cho một thiên tài bạc mệnh, đã tới tấp gởi thơ về khấp điếu.

Sau đây là các bài thơ ai điếu của Hương Bình Thi Xã.

TRUY NIỆM VU-SAN TIÊN-NỮ

Một Thiên Tình Sử khéo gây nên,
Bạn với tiên-nga té chẳng bền.
Trước ở đầu non không thấy mặt,
Sau về cửa động mới nghe tên.
Danh lam cổ-tự đà chơi khắp,
Ngọc-vũ Diêu-đài vội trở lên.
Để lại trần-gian câu tuyệt xướng,
Ai từng đọc đến dễ ai quên.
Bát-thập-nhị tuế lão-phu

Ưng Bình Thúc Giạ Thị.

VIẾNG VU-SAN-NỮ

Tuy tớ vô can cũng chạnh lòng,
Mở thi từ biệt đọc rồi phong.
Ấy trời ghen-ghét người đầu bạc,
Hay đất yêu-đang bạn má hồng?
Mấy vận còn ghi lời gấm vóc,
Trăm năm chưa thỏa hẹn non sông.
Dương-đài mây sớm mưa chiều tạnh
Giấc mộng Tương-Vương khó chóc mòng.

Kỉnh-Chỉ

ĐIẾU VU-SAN-NỮ

Đọc Thiên Tình Sử đến đây thôi,
Giấc mộng Vu-Sơn đã vỡ rồi.
Đầu bạc nguyền xưa đành lỡ-dỡ,
Má hồng duyên mới chịu pha-phôi.
Mang chi tài sắc cho trời ghét,
Tiếc bấy văn chương để đất vùi.
Gặp khách tri-âm vừa ướm họa,
Phút đà đeo nặng tiếng than ôi!

Tống Nguyên

KHÓC VU-SAN-NỮ

Trẻ Tạo ghen chi phận má đào?
Nửa chừng xuân mộng, dở dang sao?
Văn chương nết đất chôn đâu tá?
Tài sắc tư người vắng chốn nao?
Tình sử một thiên, nguồn cảm hận,
Thi hồn muôn thuở, giấc chiêm bao.
Vu-san ngoảnh lại, lòng man mác,
Khiến khách chung tình, dạ xuyến-xao!

An-Đình Trần Kinh

Để kết thúc, chúng tôi xin thêm bài thơ khấp điếu Cụ Diên Hương (Cụ Diên Hương tạ thế tại Đàlạt vào năm 1963) do thân phụ chúng tôi là Cụ An Đình Trần Kinh ai điếu.

KHẤP ĐIẾU CỤ DIÊN HƯƠNG

Đàlạt ngày nào mới gặp nhau, (1)
Mà nay vĩnh biệt, Cụ đi đâu?
"Hộp vôi" mấy vận, tai còn vẳng, (2)
Giấc ngủ ngàn thu, chuyện quá mau!
Rừng hạnh vắng tăm tay quốc thủ,
Đàn Diêu khuất bóng bạn tâm đầu.
"Một thiên tình sử", bao nhiêu nhớ, (3)
Khấp điếu Diên Hương lệ thấm châu.

An Đình Trần Kinh

(1) Mới cách 3 tuần trước, Cụ An Đình lên thăm Cụ Diên Hương tại Đàlạt.

(2) Khi gặp nhau, Cụ Diên Hương có đọc cho nghe bài thơ tựa đề là "Hộp Vôi", danh từ Cụ dùng để chỉ cái sinh phần Cụ vừa mới xây xong.

(3) Cụ Diên Hương xuất bản quyển *Một Thiên Tình Sử* vào năm 1959, kể lại: mối duyên tình thi thơ với Vu-San-Nữ, cùng với thi thơ của thi hữu xa gần đã hưởng ứng phong trào. Sách dày 199 trang.

Hầu hết thơ trong tài liệu này đều trích lại từ quyển *Một Thiên Tình Sử* kể trên. Kẻ viết bài xin có lời cáo lỗi cùng quý hậu duệ của quý Thi Ông có thơ trích đăng trong bài này, vì đã mạo muội trích đăng thơ mà không xin phép. Xin quý vị thông cảm cho hoàn cảnh đất nước, chúng ta lưu lạc kẻ chân trời người góc biển, vô phương liên lạc. Chúng tôi soạn viết bài này không ngoài mục đích ôn ghi lại áng văn chương tuyệt bút từng vang bóng một thời để bạn đọc cùng thưởng thức và hãnh diện nguồn thi văn phong phú diễm tuyệt của ông cha mình, của nước Việt muôn đời thương nhớ!

Trần Thị Cẩm Tuyến

*

SINH HOẠT VĂN NGHỆ Ở TRƯỜNG QUỐC HỌC THỜI VIỆT MINH VÀ NHẠC SĨ TRẦN HOÀN

NGUYỄN HỮU THỨ

Năm 1945, Việt Nam có nhiều biến cố gây ảnh hưởng nặng nề đến lịch sử trường Quốc học. Ngày 9.3.1945, quân đội Nhật làm cuộc đảo chính. Ba hôm sau, công cuộc Việt Nam hóa nền giáo dục bắt đầu — Ngày 12.3, Gs Phạm đình Ái được cử làm Hiệu trưởng Trường Quốc học; Gs Nguyễn dương Đôn được cử làm giám đốc Học Chánh Trung Phần. Trường Quốc học dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ ngay. Nội các Trần Trọng Kim trình diện hôm 17.4.45. Bốn tháng sau, Mặt Trận Việt Minh cướp chính quyền hôm 19.8. Ngày 23.8.45, vua Bảo Đại thoái vị. Một tháng sau, ngày 23.9.45, quân đội Pháp bắt đầu cuộc tái chinh phục Đông Dương. Sự kiện nầy dẫn đến Hiệp Định 6.3.46 và chiến tranh Việt Pháp 19.12.46...

Các sự kiện dồn dập ấy cần nhắc lại để hiểu rõ sinh hoạt văn nghệ quá phức tạp ở trường Quốc học thời Việt Minh.

Ngay thời ấy, ai cũng rõ Mặt trận VM theo chủ nghĩa Cộng sản với chính sách văn hóa, giáo dục cứng rắn. Nếu áp dụng đường lối đó thì có thể có sự chống đối trong nhân dân; cho nên nhà cầm quyền dễ dãi phần nào trong phạm vi văn hóa. Nhưng cũng không thể thả lỏng chính sách nên có thành lập *Đoàn Học sinh cứu quốc.*

Có cái hơi lạ là học sinh lớp đệ nhất (lớp 12 theo cách tính bây giờ) lớn hơn mà không đóng vai trò nào trong ban lãnh đạo Đoàn. Các thành viên quan trọng là các anh *Nguyễn tăng Hích* (sau đó dùng tên *Trần Hoàn* lúc sáng tác nhạc, *Nguyễn hữu Chỉnh, Phan Giếp, Lý Mậu, Nguyễn văn Xanh*... Ngoài ra, nhóm các anh Lê Khánh Bằng, Lê Khánh Căn, bào đệ của anh Lê Khánh Cận, một cây vợt bóng bàn giỏi, cũng đóng một vai tích cực trong phạm vi truyền thông (các anh này thực hiện thử một chương trình *truyền thanh* ở Thành nội trong một thời gian.)

Ngay trong niên khóa đầu tiên sau khi Việt Nam hóa giáo dục — 1945-1946 — tôi đã tình nguyện vào dạy sau khi mới học xong trường Luật Hànội. Gs Phạm Đình Ái bố trí một số đồng nghiệp tham gia từng ngành của sinh hoạt học sinh. Thầy nói tôi phụ trách về Ban Văn Nghệ; tôi xin chỉ sinh hoạt trong Ban Nhạc vì "bận". Sự thật, tôi trình bày với thầy rằng chế độ Dân chủ Cộng hòa lưu ý về khía cạnh chính trị trong sinh hoạt văn hóa, tôi không thể theo dõi các thay đổi chính sách của họ. Thầy đồng ý và tin cho Đoàn H.S.C.Q. rõ. Thế là có tiếng kêu lên thành lập ban nhạc.

Thời đó, học sinh chưa chơi nhạc nhiều. Song cũng có một ban nhạc gồm có: anh *Cung dũ Chương* (tên họ đầy đủ là Cung quang Hồng dũ Chương, trong gia đình gs Hồng dũ Lưu, chơi Tây ban cầm); Nguyễn tăng Hích, hạ uy cầm; Phạm doãn Để, vĩ cầm; Trương tiếu Đề, mandoline (rất hay), Vĩnh Bội, banjo... cái quí nhất là trường có những ba cô chơi *dương cầm: Phạm thị Thiều Anh, Phạm thị Lạc Nhân* đều là ái nữ của Ds Phạm doãn Điềm, và *Võ thị Hương Liên* (ái nữ của K.s. Võ văn Quế, Giám đốc Công chánh Trung phần). Tài ba cô lúc đó hao

hao giống nhau; Ds Điểm, Ks Quế đều có dương cầm tốt và lúc nào cũng sẵn lòng cho mượn tuy việc chuyên chở có thể gây hậu quả không tốt về âm thanh. Tiếng dương cầm đã nâng cao giá trị các buổi hòa nhạc.

Tuy mới cướp chính quyền, Mặt Trận VM tổ chức *Ngày ca kịch Đoàn H.S.C.Q.* vào hôm *24.11.1945* và *Giải Sáng Tác Nhạc Trẻ*. Nhiều học sinh nạp bài dự thi: *Nguyễn tăng Hích* bài Học Sinh Vui Tươi, *Phan Giếp*, bài Giải Phóng Quân Ca; *Cung dũ Chương,* bài Phải Phấn Đấu; *Phạm thị Lạc Nhân*, bài Học Sinh Vui Vẻ, *Võ thị Hương Liên*, bài Học Sinh Đoàn Kết Tiến Lên... Trong những bài dự giải trên, chỉ có bài Học Sinh Vui Tươi của anh Nguyễn tăng Hích đoạt một giải khuyến khích.

Trước đấy, ngày *20.4.1941*, trường Quốc học tổ chức lễ trung thọ 45 tuổi, trong chương trình văn nghệ, người Pháp không cho hát một bài nào dù một bài bằng tiếng Pháp hay một điệu dân ca Việt Nam. Những học sinh Việt Nam có giọng hát ấm, quyến rũ bao giờ cũng có, nhiều nữa là khác.

Thời 1945, học sinh lên sân khấu trình bày những bài tân nhạc — còn được gọi trong một thời gian là nhạc cải cách — đã rất nhiều. Những người được học sinh thích nhất là *Võ thị Kim Sa, Kiều Miên.*

Chị *Võ thị Kim Sa* là bào muội của ông Võ đình Cường (có dạy ở Quốc học và sau làm cố vấn cho Thích trí Quang). Chị người Sịa hát cũng hay lắm. Ngoài Quốc học, chị có chân trong ban ca vũ của nhạc sĩ Nguyễn văn Thương cũng như cô Tôn nữ Oanh (mà khán giả thời ấy tự bầu là hoa khôi — không vương miện), cô Phan thị Sang (bạn đời của anh Trần bá Tùng ở Bắc Cali), Tôn nữ Tư Tề (bào muội của các nhạc sĩ Ưng Lan, Ưng Tiến)...

Chị *Kiều Miên* hát rất hay, giọng có lẽ hao hao giống *Thương Huyền* ở Hà nội (trước 1945 và thời đó, hát ở nhà hàng Zéphyr, Bờ Hồ). Chị lâu lâu mới hát cho Quốc học, thường hát cho trường Đồng Khánh, cho thành phố hay khu phố.

Trên đây, tôi có nói rằng Mặt Trận Việt Minh theo chủ nghĩa Cộng sản, nhưng cần thống nhất ý chí để chống Pháp nên chế độ còn dễ dãi về văn nghệ. Cho nên những bài nhạc hay hát vì được khán giả ưa thích nhất là những bài nhạc trữ tình: *Đêm đông, Trên Sông Hương* của *Nguyễn văn Thương, Giọt mưa thu, Con thuyền không bến* của *Đặng thế Phong; Thiên Thai, Trương Chi, Bến Xuân* của *Văn Cao*... các bài ấy thường sáng tác theo âm giai *thứ* (ré, mi, la...) hợp với loại nhạc trữ tình tuy âm giai thứ không dành cho nhạc buồn. Những bài nhạc tương đối mới như *Nhớ chiến khu* của *Đỗ Nhuận, Trầu Cau* của *Phan huỳnh Điểu*... cũng được soạn theo âm giai thứ.

Nhưng cũng có những bài nhạc mạnh, thanh niên, vui tươi sẵn sàng để chơi tùy lúc như *Thăng Long thành hành khúc* của Văn Cao, *Ta cùng đi, Thiếu nữ Việt Nam, Tiếng gọi thanh niên* của Lưu hữu Phước... Bài "Tiếng gọi thanh niên" được Lưu hữu Phước sáng tác trước 1945, thời Ải Chi Lăng, lúc đó lấy tên là *"L'appel des Etudiants"* bắt đầu bằng câu:

Etudiants, du sol l'appel
tenore...

Nhóm các ông Huỳnh văn Tiểng, Mai văn Bộ, Lưu hữu Phước đặt luôn cả lời Việt. Sau cuộc đảo chính Nhật (9.3.1945), ông *Phan thanh Hòa* (hậu duệ của cụ Phan thanh Giản) đặt lời mà chế độ miền Nam chọn làm Quốc ca:

Này thanh niên (đổi thành công dân) *ơi, quốc gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi...*

Ban nhạc phải chơi những bài hay hát, ngoài ra, phải tập nhiều bài rừng, trong đó, hai bài hay được cử tấu là *Songe d'été, Dans la forêt* của *Henri Marcel*, một người Pháp lai, làm việc ở cơ quan thương chính Thanh hóa. Có cái đáng để ý là đó là hai bài valse, soạn theo "ré" trưởng, nhịp dịu, dễ chơi, rất êm tai.

Ban nhạc có nhiều chỗ tập, hoặc ở trường Quốc học, Việt Anh hay ở nhà dược sĩ *Phạm doãn Điềm*, gần chợ Vỹ Dạ (ở tư thất Ds Điềm, có Piano tốt hiệu Gaveau). Đặc biệt nhất

là về mùa có nhãn, bà Dược sĩ hay cho ăn chè *hạt sen lồng nhãn* (hạt sen Tịnh Tâm nổi tiếng; nhãn của vườn ông Trị Thọ, lại nổi tiếng hơn nữa.

Trình diễn thì thường ở nhà chơi trường Quốc học, Phòng Khánh tiết trường Việt Anh (phòng rộng ở lầu phía tây) hay ở Hội Quảng Tri. Có lẽ sân trường Quốc học hợp cho các bài nhạc buồn của anh Niệm, chị Sa... nhất vì nhà chơi rộng, khán giả ngồi xa, đèn giảm ánh sáng để hình bóng mơ hồ của ca sĩ trở nên huyền ảo hơn và giọng ấm dễ gây xúc động hơn nữa.

Tối *24. 11. 1945*, Đoàn H.S.C.Q. trường Quốc học tổ chức Đêm *Văn nghệ ra mắt* tại Trụ sở Việt Anh, phòng rộng trên lầu — Khán giả rất đông nên một số phải đứng, ngồi ở sân trường, nghe — nhờ nhiều máy phóng thanh mà không thấy gì. Chương trình tương đối phong phú gồm nhiều mục thi ca nhạc kịch. Nửa chương trình, có một phái đoàn *kiều bào từ Pháp hồi hương* đến dự. Anh Nguyễn tăng Hích mời vào. Ban nhạc chào mừng bằng bản *Tiếng gọi thanh niên* mà họ chưa bao giờ nghe nên tỏ vẻ xúc động. Một người nói giọng Nghệ Tĩnh, có lẽ trưởng đoàn, lên sân khấu, cám ơn rối rít và nói đại khái: "Người Pháp quả vô ơn, ăn cháo đá bát. Chúng tôi đã đem xương máu qua giúp họ chiến thắng phe trục Nhật-Đức-Ý; nay chiến tranh chấm dứt, mà họ còn giữ tham vọng thực dân. Cho nên, chúng ta cần đánh đuổi họ ra khỏi lãnh thổ quốc gia." Cử tọa hoan hô cuồng nhiệt.

Nhưng rồi cũng có *Hiệp định sơ bộ 6.3.1946* đuổi học sinh trường Quốc học ra khỏi cả hai sở. Tiếp đó là hội nghị Đalat, Fontainebleau, Tạm ước 14.9.46 giữa Hồ Chí Minh và Marius Montet và cuối cùng chiến tranh Việt Pháp ngày *19.12.1946*, làm cho trường Quốc học tan rã ra từng mảnh. Sau Hiệp định 6.3.46, sinh hoạt văn nghệ của học sinh Quốc học có thể xem như chấm dứt.

- ***Dấu ngoặc: Bài Sơn Nữ Ca.***

Bài Sơn Nữ Ca có thể xem như "cái đuôi" của Đoàn H.S.C.Q. trường Quốc học thời Việt Minh. Lịch sử "cái đuôi" đó có nhiều điểm đặc biệt đáng nói đến vì lịch sử nó kéo dài cả nửa thế kỷ!

Mặt trận chiến tranh Việt Pháp ở Huế bắt đầu từ 19.12.1946 qua tháng hai 1947 xem như vỡ. Dân chúng tản cư ít tháng cũng phải hồi cư vì sự sống. Ít tháng sau, nghe đó đây hát bài *Sơn Nữ Ca*, giới thiệu là của *Trần Hoàn*. Một thời gian ngắn sau, người ta biết thêm rằng Trần Hoàn là Nguyễn tăng Hích, chứ không ai xa lạ.

Tôi cầm bản nhạc xem, thấy nó có tánh cách trữ tình: Một cô sơn nữ trẻ xinh, ở nơi rừng vắng, ánh trăng chênh chếch và chàng trai lữ thứ; tất cả đều kêu gọi tình yêu.

Dùng lời nói có lẽ không diễn tả được nét lãng mạn của bài nhạc. Cần nghe cả bài nhạc tấu lên. Bài soạn theo âm giai "Ré" trưởng, nhưng hay được chuyển qua "La" 7, mà 6 giây của Hạ uy cầm là — từ thấp chí cao: Mi La Mi La Do# Mi, tức âm giai "La" trưởng hợp cho Hạ uy cầm mà nhạc sĩ Trần Hoàn chắc sành sõi. Như vậy nhạc sĩ sáng tác theo "Ré" trưởng dễ đàn, song chuyển qua "La" 7 để sử dụng Hạ uy cầm thuận tiện.

Xin thú thật, tôi có chút ngạc nhiên: Trước 1945, ít người học nhạc, không như từ thập niên 1950; anh Nguyễn tăng Hích đàn Tây Ban cầm, Hạ uy cầm giỏi và nhạc lý khá vững tuy còn là hòa âm cổ điển không như Phạm Duy Cường sau này.

Bài nhạc dễ thương như thế, sao miền Bắc không cho hát dầu là anh Trần Hoàn có lúc làm Giám đốc Thông tin Văn hóa Bình Trị Thiên rồi Bộ Trưởng đến 4 bộ: Thông tin, Văn hóa, Du lịch, Thanh niên?

Từ từ tìm hiểu sự thật, tôi thấy rằng lịch sử bài Sơn Nữ Ca bị cấm hát trong 47 năm ở miền Bắc là lịch sử chính sách văn hóa của chế độ xã hội chủ nghĩa, tạo ra mất mát khá nhiều. Cứ đặt câu hỏi, tìm câu trả lời là tìm thấy chính sách đó.

- ***1. Bài Sơn Nữ Ca được sáng tác từ bao giờ?***

Vào tháng 11 năm 1994, ở Saigon có chương trình

chuyên đề Sơn Nữ Ca, Bộ trưởng Trần Hoàn Nguyễn tăng Hích có mặt trong buổi trình diễn — Ký giả *Hồng thanh Quang* của nguyệt san *Thanh niên* có đặt nhiều câu hỏi, nhạc sĩ Trần Hoàn đáp: "Bài *Lời người ra đi* được sáng tác dựa trên một sự thật nên nó có thể sống với thời gian. Ông chở vợ đến một nơi phải chia tay nên dặn dò bạn đời đôi lời trước khi đi làm nhiệm vụ. Bài *Sơn Nữ Ca* chỉ là một hư cấu, sáng tác thời kháng chiến chống Pháp, lúc ông mới 20 tuổi". Cuối năm 1947, đầu năm 1948, Huế, Đà Nẵng đã bắt đầu say sưa hát bài Sơn Nữ Ca, đệm Hạ uy cầm, nếu có phương tiện.

Theo một người hiện nay ở Thành Nội Huế, trước ở trong Đoàn Văn công Khu IV cũ thì đầu 1947, anh Nguyễn tăng hích tập kết ra phía Bắc, trạm ghé đầu tiên là vùng núi Tuyên Hóa — Phong Nha — Nhiều người viếng thăm trường trung học địa phương, nhạc sĩ Hích thấy một nữ sinh xinh, dễ thương; lúc đó, nhạc sĩ đang bâng khuâng, ngậm ngùi với nhiều mối tình đầu đồng hạng nên lấy hình ảnh cô sơn nữ nầy mà thay thế những hình ảnh cũ. Nhạc sĩ đã ghi mối tình mới chớm nở trong một bài hát sáng tác lúc tâm hồn xúc động. cách giải thích ấy nghe ra logic; lúc đó, nhạc sĩ trẻ, lãng mạn, còn tự do thì có bao nhiêu mối tình đầu mà chẳng được. Sở dĩ tôi viết đoạn cuối là vì lúc trả lời ký giả Hồng thanh Quang, nhạc sĩ nói là trong đời chỉ thủy chung một mối tình là bạn đời đang đứng bên cạnh: *Nào ai có khảo mà mình lại xưng!*

- ***2. Vì sao nhạc sĩ Trần Hoàn theo kháng chiến lại sáng tác bài Sơn Nữ Ca?***

Trên đây tôi có nói rằng vì Pháp bắt đầu cuộc tái xâm lăng ngày 23.9.1945 (Ngày *Nam Bộ Kháng Chiến*) nên chế độ Dân chủ Cộng hòa có phần dễ dãi về tự do văn hóa. Các bài nhạc trữ tình được đàn lên hát lên; chị Võ thị Kim Sa, chị Kiều Miên... được ái mộ vì đã hát những bài Thiên thai, Giọt mưa thu, Đêm đông... Các bài mới sáng tác như Nhớ chiến khu, Trầu cau... cũng âm điệu buồn đó. Trong phong trào nhạc buồn, trong tâm trạng phức tạp vì chia ly, anh Trần Hoàn đặt bài Sơn Nữ Ca thì cũng xem như thường thôi.

- ***3. Vì sao bị cấm hát từ 1947 đến 1994?***

Nói đến chính trị, phải nhắc đến *Nicolas Machiavel* (1469-1527), văn sĩ, triết gia, chính trị gia người Ý. Trong cuốn *Le Prince* (1513), ông chủ trương rằng mọi thủ đoạn nên được dùng nếu cần, cứu cánh biện minh cho phương tiện. Chế độ dân chủ cộng hòa dễ dãi về tự do văn hóa trong giai đoạn đầu vì cần sự đoàn kết để chống ngoại xâm. Sau ngày 19.12.1946, chế độ liên hiệp quốc gia tan vỡ thì cần kỷ luật thép để chiến đấu. Cho nên, các bài nhạc trữ tình đều bị cấm. Âm nhạc được chia ra làm ba loại: *nhạc đỏ* (chiến đấu), *nhạc xanh* (thanh niên), *nhạc vàng* (trữ tình). Các nước cộng sản đàn anh cũng có phân loại ấy và cấm nhạc vàng. Ở Liên xô, thời Staline có một bài tên *"Dans la forêt"* như bài của Henri Marcel nói trên, được giải vì là một bài nhạc hùng khuyến khích vào khai phá rừng, lập khu kinh tế mới.

Cũng có cơ hội để chính sách thay đổi ít nhiều. sau khi Staline qua đời ngày 5.3. 1953, Tổng bí thư *Nikita Khrouchtchev* đọc bài diễn văn trong Đại hội XX của Đảng vào cuối 2.1956, chủ trương dân chủ hóa, nên có phong trào *Trăm hoa đua nở* ở Trung Quốc, Việt Nam. Song phong trào vượt quá giới hạn ước định nên có vụ *Văn nhân giai phẩm* và các bài nhạc vàng vẫn bị cấm dài dài.

Thế mà có một chuyện hi hữu: Sơn Nữ Ca được hát lên trong một buổi văn nghệ *hợp pháp mà... bất hợp pháp*. Câu chuyện như sau:

Đầu tháng tám 1975, tôi đi tù cải tạo ở vùng Ashao, nơi mà tướng Hoa Kỳ Colin Powell đã đóng quân lúc còn là một đại úy. Mùa xuân 1976, hai trại ở đấy — Ba Lạch, dọn về Bình Điền độ trên 20 km ở phía tây Huế — Ở đó có 5 trại lớn, mỗi trại có từ 500-600 người lúc đông nhất, và 3 trại nhỏ (50-100

người mỗi trại). Tôi ở trại II, đội trưởng là anh Ngô Chương (hiện nay ở thủ đô Washington D.C.) — cuối năm 1980, anh Võ văn Lạc (hiện ở TB Maryland gần Wash. D.C., làm thư ký trại II được phóng thích, Thủ trưởng Trại, thiếu tá Hy gọi tôi lên và bảo thay anh Lạc để làm thư ký trại. Lúc bấy giờ, mắt mặt mù hẳn (thủy tinh thể đục đã hơn ba năm, xin về Huế mổ mà không được). Mắt trái chỉ thấy 1/10. Nhưng tôi cũng nhận lời vì gần Tết, tôi có thể lập một chương trình văn nghệ theo kiểu đại nhạc hội. Quan trọng nhất là có một kịch thơ: *"Đặng Dung mài gươm cứu nước"* của anh *Phạm Thắng*, đỗ cử nhân văn chương, vượt biên bị bắt. Năm trước, kịch thơ *"Hội nghị Diên Hồng"* được trại viên thích lắm. Năm nay, vở kịch thơ "Đặng Dung mài gươm cứu nước" hay hơn nữa: hai màn, ít vai theo lối *Jean Racine* của Pháp (thế kỷ 17). Có vũ, hợp ca, ảo thuật... Nhưng điểm chính trong bài nầy là bài *Son nữ ca*. Tôi xin phép cán bộ giáo dục, tên Quý, người Bắc, cho hát hợp ca bài *Ly Rượu Mừng* của Phạm đình Chương, hay, dễ hát và hợp mùa Tết. Ông Quý đòi xem bài nhạc, tôi đưa ra — ông đọc, suy ngẫm và nói: "Không được vì trong bài có câu *"Người thương gia lợi tức"* không hợp với chủ nghĩa xã hội (thời đó, 1980, chế độ chưa theo kinh tế thị trường,..." Tôi bèn "liều mạng" xin thay thế bằng bài *"Sơn Nữ Ca"*. Ông muốn xem bài nhạc, tôi trả lời là không có song quả quyết bài đó là của đương kim Giám đốc Thông tin Văn hóa Bình Trị Thiên, nhạc sĩ Trần Hoàn. Ông Quý do dự một lúc, song cuối cùng chấp nhận.

Tôi tìm anh *Theo*, tên không hay song hát hay, đàn giỏi và đã chơi nhạc ở nhiều "clubs" Mỹ ở Đà Nẵng. Tôi không nói với ai về bài hát, chỉ dặn anh Theo giữ bí mật và cũng kín đáo tập song chắc cả Đội 5 (của anh Theo), có nhiều người biết.

Chương trình được thực hiện ở Trại I trước, khán giả thích thú vì có vẻ trí thức: Ngoài vở kịch thơ lịch sử, các màn vũ, có liên khúc 4 thứ tiếng. Nga (Tình khúc Katioucha), Cuba (Guantanamira), Lào (Savaran Lamvong), Việt Nam... Nhưng điểm cần nói ra là bài *Sơn Nữ Ca*. Anh Theo tự đệm Tây ban cầm, adlibitum, lúc nhanh, lúc chậm, lúc ngừng, thật du dương làm khán giả — trong đó có nhiều cô trẻ, đẹp (thuộc loại phục hồi nhân phẩm) say mê, sửng sốt, ngạc nhiên vì sao bài ca "đại" trữ tình ấy lại được hát, mà lại hát ở trong một trại cải tạo! Trong lúc đó, thiếu tá Hương, thủ trưởng 8 trại Bình Điền kiêm thủ trưởng Trại I cãi vã với thiếu tá Hy, thủ trưởng Trại 2 — (Sau này tôi được biết là ông Hương cho rằng ông Hy đã bị bọn tù lừa gạt).

Đầu năm 1981, tôi được phóng thích sau 5 năm rưỡi ở trại — Vài ngày sau, nhạc sĩ Trần Hoàn — Giám đốc Thông tin văn hóa Bình Trị Thiên đến thăm tôi tại nhà ở gần mút Đập Đá. Trong câu chuyện thân mật, tôi có nhắc lại việc Trại cho hát bài Sơn Nữ Ca. Anh nói: "Chủ ý bài là nhắn nhủ thanh niên dầu ở đâu cũng đừng quên nhiệm vụ..." Tôi nói: "Lúc còn chiến tranh, cần cấm nhạc trữ tình, nay hòa bình trở lại, cho hát các bài ấy là phải". Rồi tôi cố gắng dùng giọng của Duy Trác hát:

Sơn nữ ơi, đời ta như cánh
chim chiều
Phiêu bạt thời gian vun vút
trời mây
Sơn nữ ơi! Đừng làm thắc
mắc cho lòng khô cạn
Từ nay nước mắt đầy vơi...

Lúc qua Bắc Mỹ, tôi có cơ hội viết thư cho chị Lạc Nhân ở Chicago, kể lại mẩu chuyện trên. Chị lại kể cho một mẩu chuyện khác: Lúc qua Paris thăm em là Bs Phạm Doãn Để, tình cờ chị có gặp anh Trần Hoàn và được anh ấy yêu cầu chơi một bài. Chị đã đánh bài Sơn Nữ Ca. Nhạc sĩ Trần Hoàn: "Chơi bài gì chứ sao lại đánh bài ấy". Tôi cảm thấy buồn vì chính tác giả cũng muốn chối bỏ một tác phẩm khả ái của mình!

- ***Vậy nhạc sĩ Trần Hoàn sáng tác gì?***

Trên đây, tôi có nói rằng ký giả *Hồng thanh Quang* có phỏng vấn nhạc sĩ Trần Hoàn lúc thực hiện "Nhạc chuyên đề Sơn Nữ Ca." Nhạc sĩ cho biết trong đời đã sáng tác được *600 bài nhạc*, con số lớn thật vì cũng trong đời mà *Phạm đình Chương* chỉ soạn được *60 bài* mà thôi. Người ta thường cho rằng làm ra một bài nhạc hay khó, chứ soạn một bài nhạc cho có thì dễ. Xướng âm lên, hát lên thấy nốt nào chưa ổn, chưa vừa ý thì hiệu đính. Báo chí, cơ quan truyền thông nói rằng *George Harrison*, sinh ngày 25.3.1943, một trong tứ quái *The Beatles* chưa bao giờ viết nốt nạc của một bài nào; ông tự soạn xướng lên hoặc hát, sửa chữa, lúc nào vừa ý thì có người ghi nốt, lời... Thế mà nay ông soạn cả những bài giao hưởng. Cho nên việc nhạc sĩ Trần Hoàn sáng tác 600 bài cũng không đáng lạ. Lượng thì thế — còn *phẩm?*

- ***Khúc quanh lịch sử cho bài Sơn Nữ Ca, cho văn hóa nói chung***

Bài Sơn Nữ Ca được sáng tác vào lúc dễ dãi văn hóa, thời 1947. Nó chào đời xong thì bị cấm đoán mà phong trào Trăm hoa đua nở không giúp ích gì. Phong trào bắt nguồn từ bài diễn văn mà Tổng Bí thư Đảng C.S. Liên Xô *Nikita Khroushchev* (1894-1971) đọc ở Đại Hội XX Đảng họp vào tháng hai 1950, chỉ trích J. Staline và hô hào sự dân chủ hóa ở Trung Quốc, Việt Nam... văn nghệ sĩ tưởng thời cơ đã đến, đã vượt ranh giới an toàn nên có thắt chặt tự do văn hóa trở lại.

Trong thế giới xã hội chủ nghĩa, mọi việc đều bắt đầu từ hai nước đàn anh lớn Liên Xô, Trung Quốc. Những người kế vị ông N. Khroushchev đều theo chính sách cứng rắn. *Léonid I. Brezhnev* (từ 15.10.1964 đến 10.11. 1982). *Yuri Andropov* (chết 3.1984); *Koustatin U. Chernenko*, qua đời ngày 10. 3.1985. Người thay thế là ông *Mikhail S. Gorbachev*, sinh ngày 1.9.1931, 54 tuổi là Tổng Bí Thư Đảng C.S. Liên Xô trẻ nhất, chủ trương *"cởi mở"*, *"đổi mới"*. Chính sách mới nầy gây ra nhiều hậu quả quan trọng.

Tại *Việt Nam*, năm 1986, Đại hội VI của Đảng C.S. được tổ chức, ông *Nguyễn văn Linh* được bầu là Tổng bí thư. Ông cũng phải chủ trương đổi mới, nên có nhiều thay đổi sâu rộng, nhất là sau khi khối Liên Xô cũ tan rã và tuy rằng theo học thuyết Mác-Lê, cũng phải áp dụng nền kinh tế thị trường.

Trong phạm vi *âm nhạc*, một số bài trữ tình đã được hát. Thí dụ trong chương trình nhạc chuyên đề về *Đỗ Nhuận*, trước đó, không có bài *Đoàn lữ nhạc* mà Ban hợp ca Thăng Long đã trình bày rất thành công từ đầu thập niên 1950. Sau 1986, bài đó được trình bày có hai thiếu niên nam nữ khiêu vũ nữa.

Nhưng phải đợi đến năm *1994*, mới có thể nói là có *năm bảng lề*, đổi hẳn chiều hướng, dành chỗ rộng cho những bản nhạc trữ tình trong đó có bài *Sơn Nữ Ca* sáng tác năm 1947, tức 47 năm trước.

- ***Những gì xảy ra trong năm 1994?***

Trong năm 1994, ở Việt Nam có nhiều sự kiện liên hệ đến âm nhạc đáng nói ra để chứng minh rằng nhạc trữ tình như bài *Sơn Nữ Ca* có chỗ đứng trở lại tại Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết có *hai chương trình qui mô lớn.*

1. Nửa thế kỷ tiếng hát Việt Nam.

Chương trình được tổ chức ở Hà Nội, Saigon. Vì tánh cách hấp dẫn của nó, tất cả các loại vé ngồi, vé đứng, vé vào cửa rồi tự xoay sở đều bán hết; tối thiểu là $150,000 VN (lương tháng của một giáo sư trung học); giá chợ đen, thì tùy.

Báo chí trong, ngoài nước có nhận xét:

— Kỳ thị trong việc chọn nhạc sĩ: Các nhạc sĩ gốc Bắc di cư vào Nam thời 54, các nhạc sĩ miền Nam, các nhạc sĩ vượt biên đều không được chọn. Về mỗi nhạc sĩ, bài được chọn không tiêu biểu như về *Văn Cao* không chọn Thiên Thai, Trương Chi, Giấc mơ... mà bài *Làng tôi.*

— Kỳ thị trong việc chọn ca sĩ: Các ca sĩ gốc Bắc, di cư vào Nam thời 1954, các ca sĩ miền Nam đều không được chọn để hát.

2. Chương trình ca nhạc chuyên đề.

Nhạc chuyên đề được tổ chức ở Hànội, Saigon về nhiều nhạc sĩ. Các chương trình đáng để ý nhất là:

— *Đêm nhạc Đoàn Chuẩn*: Sau 1954 ông không sáng tác thêm bài nhạc nào và các bài của ông cũng bị cấm trình diễn ở các vùng do chế độ miền Bắc cai trị. Các bài của ông chỉ được hát lại cuối thập niên 80 lúc chính phủ áp dụng nền kinh tế thị trường ở Hànội cũng như ở Saigon, đêm Đoàn Chuẩn được tổ chức; chính nhạc sĩ đệm bằng Hạ uy cầm lúc cần, nghệ sĩ tóc bạc *Từ Ngọc Long* vẫn xuất sắc hát nhiều bài.

— *Đêm nhạc Văn Cao*: được tổ chức để ra mắt cuốn băng của Văn Cao *"Giấc mơ một đời người"*. Tên cuốn băng đầy ý nghĩa, đượm một sự tiếc nuối gì đó. Văn Cao có một ước nguyện khiêm tốn, có thể tự do nghe lại những tác phẩm ưng ý nhất của mình trước khi nhắm mắt vĩnh biệt cuộc đời. Và nhạc sĩ tài ba, khả kính, khả ái ấy đã qua đời ngày *10.7.1995* tại Hànội, thọ 73 tuổi.

— *Hai đêm nhạc chuyên đề Trần Hoàn*: Mang tên *Sơn Nữ Ca*. Chủ đề đó, nếu không phải là chính nhạc sĩ Trần Hoàn chọn, ít nhất cũng đã được nhạc sĩ đồng ý. Vì sao không chọn chủ đề *"Lời người ra đi"*, bài ấy, phỏng nhạc sĩ "thích hơn". Xin mạn phép trả lời: bài Sơn Nữ Ca phổ biến hơn.

Bài đó, được sáng tác năm *1947*, đợi *47 năm* mới được "cởi trói" để được hát như các bài trữ tình khác. Khán giả dự xem trong hai đêm đông, rất đông để chứng kiến sự thay đổi chính sách mà Bộ Thông tin Văn hóa đã áp dụng, vả lại, ông Bộ trưởng nhạc sĩ, tuy tuổi đã thất tuần, tỏ vẻ dễ dãi, vồn vã chào mọi người, trả lời các câu phỏng vấn của ký giả *Hồng thanh Quang* (báo Thanh niên ở Saigon). Ông cho biết đã sáng tác trên *600 bài*, song chỉ hy vọng vào bài *Lời người ra đi* vì có thật, chứ người đẹp trong Sơn Nữ Ca là hư cấu (chúng tôi đã có ý kiến đoạn trên).

Trong một bài đăng ở *Thời báo Toronto* số 263 ngày 12.1.1995, tác giả ký tên Người Tân Định viết: "... Ông nhạc sĩ Bộ trưởng này sáng tác khỏe đến phát khiếp, tổng cộng trên 600 bài ca lận. Nhưng toàn những bài gì đâu đâu, nghe ra không có vẻ gì là... Trần Hoàn cả...!"

Còn nhiều chương trình nhạc chuyên đề khác. Lại có *nhiều kỳ thi về thanh nhạc* như:

— Hội thi tiếng hát Sinh viên Học sinh chuyên nghiệp Toàn quốc 1994, 12 đoàn với 450 thí sinh.

— Thi ca khúc yêu thích nhất, dành cho Saigon và 11 tỉnh miền Nam, có 335 thí sinh, cuộc thi kéo dài 29 ngày.

— Tiếng hát truyền thanh; Tiếng hát truyền hình...

Chung ra, mỗi năm có trên vài chục kỳ thi. Cho nên, có nhiều trường dạy thanh nhạc, nhiều quán nghệ sĩ, quán karaoke... và có nghề mới: "Nghề dự thi thanh nhạc".

Các yếu tố trên thúc đẩy phát triển của âm nhạc, đặc biệt thanh nhạc. Hát những bài nào? Lẽ dĩ nhiên bài mà đông người ưa thích: *Tình ca.*

- ***Cuộc đời luôn là đất sống cho những bản tình ca***

Nhà văn dùng chữ để diễn tả tư tưởng buồn, vui; nhạc sĩ dùng âm thanh để làm công việc ấy, khó hơn song tác động mạnh hơn. Xin đưa ra một thí dụ:

Nhạc sĩ Đức *Ludwig Van Beethoven* (1770-1827) sáng tác 9 bản giao hưởng, bản dễ nghe, dễ hiểu hơn cả là Bản Giao hưởng số VI gọi là *Bản giao hưởng đồng quê (Symphonie Pastorale)*. Bản giao hưởng có 4 nhịp điệu:

1. Bên suối — Thính giả nghe tiếng suối reo róc rách, lâu lâu có chim họa mi đàm thoại với chim cucu trong rừng — Điệu nhạc nghe dịu dàng, vui tươi.

2. Cuộc họp mặt vui vẻ của nông dân. Nghe tiếng nhạc, chúng ta tưởng tượng ra cuộc nói chuyện, lời qua tiếng lại, dồn dập, vui vẻ. Nhịp điệu mau, vui hơn đoạn trên.

3. Cơn giông — Nghe tiếng đàn giây (vĩ cầm, trung hồ cầm, đại hồ cầm), tiếng kèn mà thính giả có cảm tưởng là nghe giông tố, sét đánh dữ dằn; nhịp điệu không giống hai đoạn trên chút nào.

4. Sau cơn giông — Tiếng nhạc nghe khoan thai; thính giả có cảm giác nhẹ nhõm

như thanh bình trở lại sau một trận chiến. Nhưng điệu khác không giống ba điệu trên.

Chung ra chỉ có đoạn nhạc về cơn giông mới làm xao xuyến trong lòng, ba điệu còn lại nghe nhiều vẫn thấy dịu trong lòng.

Nếu nhạc sĩ chỉ sáng tác những bài tương tự như đoạn "Cơn giông" thì chắc chắn không đáp ứng tâm tư của con người; những sáng tác của nhạc sĩ Trần Hoàn chung ra để phục vụ một mục đích chiến đấu, có lẽ không được thọ — Vì sao?

Báo Việt Nam đăng rằng có lần nhạc sĩ *Nguyễn văn Tý* trả lời cuộc phỏng vấn của một phóng viên một cách rất... triết lý. Câu hỏi: "Vì sao bản *Dư âm* sáng tác từ 1950 nay vẫn còn được nhiều người hát trong lúc các ca khúc của ông sau này bị chìm lắng?" Ông đã mỉm cười mà trả lời: "Cho dù tất cả có qua đi, nhưng tình yêu vẫn còn lại; *cuộc đời luôn luôn là đất sống cho những bản tình ca.* Những bài về sau thì giữ một không khí mới của cuộc đời hôm nay như thế này, chúng đã lánh mặt đi cũng là phải".

Nhạc sĩ *Đoàn Chuẩn* sáng tác những bài trữ tình, nhẹ nhàng, dễ thương. Nhưng sau 1954, các tác phẩm của ông bị cấm hát ở miền Bắc và ông cũng thôi sáng tác từ năm đó. Được hỏi vì sao ông không sáng tác nữa, ông đã trả lời:

"Thôi, không yêu nữa thì không viết nhạc nữa"; ý của ông giống ý của nhạc sĩ Nguyễn văn Tý: đời là đất sống của những bản tình ca.

Cũng vì thế, các văn nghệ sĩ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa cũng tranh đấu cho quyền có tâm tư riêng, quyền buồn. Nhà văn thiên tả *Hoàng Phủ Ngọc Tường*, cựu học sinh, cựu giáo sư trường Quốc học, đã viết như lời bạt — ở trang bìa chót của tập thơ *"Người hái phù dung"* (Hội Nhà Văn xuất bản hè 1992 tại V.N., câu: *"Mỗi người chỉ thực là chính mình trong căn nhà của nó. Thơ cũng vậy. Thơ cần phải trở về căn-nhà-ở-đời của nó là* **nỗi buồn**. *Một quyền của thi sĩ là quyền được buồn"*.

Nhạc sĩ cũng chỉ nói có thế; vui chóng quên, buồn, nhớ lâu, là nguồn hứng quan trọng nhất.

Có buồn về cái chết của người yêu mà thi sĩ Pháp *Alphonse de Lamartine* (1790-1869) sáng tác bài *"Le Lac"* (1818) quá hay nên nhạc sĩ Pháp gốc Thụy Sĩ *Louis Niedmeyer* (1802-1861) đã phổ nhạc, bài thơ, bài nhạc đều bất hủ.

Có buồn vì mất chồng là Bs Thái văn Du mà nữ sĩ *Tương Phố Đỗ thị Đàm* (1897-1973) sáng tác cuốn *Giọt lệ thu*. Cũng vì buồn khi bị cha mẹ gả cho một người không phải là mối tình đầu của mình mà nữ sĩ *T.T.Kh* làm 4 bài thơ đã làm cho bà nổi tiếng. Cũng dựa trên một mối tình duyên không thành do thơ, thơ gợi ý của bạn Phạm văn Bình mà *Phạm Duy* sáng tác bài *"Chuyện Tình Buồn"*: Năm năm rồi không gặp, mười năm vẫn còn nhớ; trăm năm, ngàn năm vẫn không quên.

Sau 1986, nhất là sau 1994, nhạc trữ tình được hát gần tự do; các bài nhạc trữ tình nhẹ nhàng của *Dương Thiệu Tước* như Ngọc Lan, Tiếng Xưa, Đêm Tàn Bến Ngự... được thu băng video, được ngưỡng mộ ở trong, ở ngoài nước. Có gì không tốt đã xảy ra chưa? Vì sao cấm các tác phẩm trữ tình — trong môi phạm vi văn nghệ — trong gần nửa thế kỷ!

- ***Có gì đáng tiếc nuối về nhạc sĩ Trần Hoàn Nguyễn tăng Hích?***

Cựu học sinh Quốc học, Đồng Khánh nhiều người trở thành ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng. Người đáng nói nhất là ông *Tôn Thất Tiết*. Ông học cùng lớp với các cô Tôn Nữ Phùng Mai (con cụ Ưng Thiều, thuộc Phủ Tuy Lý), cô Hoàng Thu Vân (cháu gọi bà Từ Cung bằng cô ruột), cô Phan thị Chiêu (con gs Phan văn Dật)... Ông là con ông Tôn Thất Gián tức là cháu nội của Cụ Tôn Thất Hân, quyền Quốc trưởng (1925-1932) thời vị thành niên của Vua Bảo Đại.

Sau khi tốt nghiệp tú tài, ông có dạy nhạc ở trường một thời gian ngắn rồi xuất ngoại. Về sau, ông trở thành một nhà soạn nhạc nổi tiếng không những ở Pháp mà ở trên thế giới, đặc biệt ông đưa ngũ cung vào soạn nhạc. Có lẽ một trong những nhạc

phẩm đầu tiên được các cơ quan truyền thông nói đến là bản *"Le jardin de l'autre monde"*, sáng tác sau một cuộc thăm lại Lăng Tự Đức (Lăng được xây xong lúc Vua Tự Đức còn sống, nhưng để thờ ông lúc qua đời). Ông đã viết nhạc đệm cho hai cuốn phim *Mùi đu đủ xanh* và *Xích lô* do một người Pháp gốc Việt *Trần anh Hùng* đạo diễn, thực hiện. Đầu năm 1996, ông lại nhận công tác do cơ quan Unesco của Liên Hiệp Quốc nghiên cứu, giới thiệu *Nhạc Cung Đình* của Huế, *Nhạc Ca Trù* của Bắc với thế giới. Tương lai mở rộng cho nhạc sĩ Tôn Thất Tiết, một vinh dự lớn cho trường Quốc học.

- ***Trường Quốc học Huế có thể đặt hy vọng gì ở cựu học sinh Trần Hoàn Nguyễn tăng Hích không?***

Bài Sơn Nữ Ca được sáng tác vào khoảng năm 1947, lúc nhạc sĩ Trần Hoàn mới 20 tuổi. Thời đó, chưa có phong trào học nhạc như sau đó độ dăm bảy năm thôi. Thế mà đem nhạc phẩm ấy ra phân tích, người ta thấy nhạc lý cũng vững tuy không bay bướm, chỉ theo hòa âm cổ điển. Nhạc sĩ đạt một điểm nữa ở chỗ chuyển từ "ré" trưởng qua "la" 7 để chơi Hạ uy cầm cho dễ. Phân tích lời ca, thì thấy nội dung trữ tình mà không ủy mị, không phương hại gì đến đạo đức. Bài ca có hay mới được dân miền Nam thích mà hay hát. Sau 1974, nhìn băng cassette hay video có bài đó.

Về sau, như chính nhạc sĩ nói ra, ông được các nhạc sĩ *Nguyễn văn Thương* (người làng Câu Ban, huyện Trung Điền, Thừa Thiên), *Lê Yên* chỉ dẫn thêm nên nhạc sĩ Trần Hoàn có thêm nhiều khả năng sáng tác. Việc nhạc sĩ trình bày "ngay tại trận" bài *Đi giữa mùa xuân"* thơ của ông Thanh Sĩ, Giám đốc Thông tin Văn hóa Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, mà ông mới phổ nhạc, chứng tỏ rằng ông có nhiều khả năng âm nhạc, có thể giúp ông đi xa, nếu thật sự ông muốn chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật. Nhưng không, trong nửa thế kỷ, ông đã không làm thế. Nay ông đã có tự do sáng tác nhưng thiếu điều kiện để làm những công việc như các nhạc sĩ Phạm Duy, Trần quang Hải, Tôn thất Tiết, Hoàng thi Thơ.

Nhưng Thượng đế thường dành cho ta nhiều ngạc nhiên, dầu nhạc sĩ không tin. Và lúc đó, trường Quốc học có thêm một vinh dự nữa và công việc của Đoàn Học sinh Cứu quốc thời Mặt Trận Việt Minh lại có thêm nhiều kỷ niệm đẹp.

Canada, xuân 1997

✍ ***Nguyễn hữu Thứ***

*

Vu Lan nhớ Mẹ

Kính dâng hương hồn Mẹ

Mẹ yêu quý, mùa Vu Lan đã đến,
Con được cài hoa hồng thắm thương yêu.
Lòng hân hoan con vui sướng thật nhiều,
Vì con biết đời con còn có Mẹ.

Mẹ yêu quý con mãi là con trẻ,
Cần che chở, an ủi của Mẹ hiền.
Lòng vô cùng con cảm thấy bình yên,
Ấm tình Mẹ bao la như trời biển.

Mùa hiếu hạnh, Mẹ hiền ơi lại đến,
Hoa trắng cài làm tan nát tim con.
Cõi hư vô không còn vướng ưu phiền,
Hồn siêu thoát Mẹ về miền cực lạc.

Như Liên
6-1997

MỘT CHUYẾN VỀ DỜI MỘ

I

Xe đưa mình về Huế
Đã lâu không về quê
Thấy cảnh lạ bốn bề
Mình đi trong cơn mê

II

Cảnh núi sông ruộng đồng
Ven theo dãy đá chồng
Nhà tranh đèn leo lét
Một em bé xanh mét
Ẵm em chân uột èo
Kinh tế buổi eo xèo
Cất tiếng ru buồn teo

III

Lâu rồi không về Huế
Nhận không ra nhà xưa
Bờ cỏ lau lưa thưa
Mong đợi những cơn mưa

IV

Ngơ ngác tìm nhà thờ
Mình như người ngẩn ngơ
Cơn bão nào tình cờ (1)
Xóa mất dấu ngày thơ

V

Thưa Ôn Mệ con về
Từ một chân trời tê
Nhớ An Cựu thật ghê
Làm lòng con tái tê!

VI

Thưa Sơ Cố con về
Con xin đội nón mê
Dời Sơ Cố về quê
Lên tại vùng Sơn Khê
Có chuông chùa tịch mịch
Trà Am miền sơn dã
Có bóng chiều bãng lãng
Có tiếng trống thu không
Hòa lời kinh huyền diệu
Đây là cõi Phật Đà
Đây Niết Bàn dương thế
Không còn chỗ nào chê

VII

Đêm đêm căn nhà cổ
Bên ngọn đèn già nua
Nghe chú kể chuyện xưa
Ngoài trời đổ cơn mưa
Cháu được đưa về nguồn
Theo từng tia chớp bể

VIII

Thương nội ngoại đề huề
Chân con bước băng ngang
Về thăm nhà thờ ngoại (2)
Hai cây tùng ai đốn?
Nhớ ngoại hiệu "Song Tùng" (3)
Ngậm ngùi trách thời gian
Tàn phá thuở vàng son
Còn chăng những lối mòn

IX

Rồi giã từ bạn cũ
Đạp về trước cơn mưa
Thân cò chẳng ai đưa
Đường về tối mù mịt
Gió ngược chiều vun vút
Kỷ niệm về như trút
Theo cơn gió đưa mưa
Trút xuống cõi lòng mình
Nặng trĩu biết bao tình

X

Trên xe giã từ Huế
Vang vang bài ca Huế
"Huế của ta ơi Huế"
Ôm ấp bao tình quê
Sáng nay tạm biệt Huế
Trong gió sớm mùa Hè
Man mác tình Hương Ngự
Vương vấn mãi người đi.

Thanh Toàn
Hè 97

Chú Thích:

(1) Cơn bão 1985 rất lớn đã làm đổ những cây cổ thụ trăm năm và tàn phá nhiều nhà cửa hư hại nhiều mùa màng ở Huế.

(2) Đó là ngôi nhà thờ ở 17 Mạc Đỉnh Chi — Ao Hồ — Huế — cạnh nhà thờ là nhà riêng của cậu tôi ông Tôn Thất Đào họa sư, vị giám đốc đầu tiên của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.

(3) Ông ngoại tôi là ông Tôn Thất Tu, là vị quan của triều đình thời vua Khải Định — cũng là nhà thơ lấy hiệu: "Song Tùng" — ông thường xướng họa ngâm vịnh với các thi ông thời đó, trong số đó có cụ Ưng Bình Thúc Dạ.

✦ **ĐIỂM SÁCH**

TÔI ĐỌC THI TẬP "VUI MỘT NGÀY VUI" CỦA NỮ SĨ LIÊN TRANG

Chi Điền Hoàng Duy Từ

Liên Trang cựu nữ sinh trường Đồng Khánh, Huế, chồng là Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng, một nhà văn đã để lại nhiều tác phẩm Việt ngữ và Pháp ngữ. Nhiệm vụ cuối cùng của vị đường quan nầy là Bí thư của Hoàng hậu Nam Phương. Năm 1951 theo Nam Phương hoàng hậu sang sống ở Pháp. Do đó mà nữ sĩ Liên Trang có duyên may được vào đại học Sorbonne ở Paris. Bà đã dành chín năm trời để sưu tầm và biên soạn quyển Tiểu Dẫn 500 trang khổ lớn *Introduction au Nam Phong* (Tìm hiểu tạp chí Nam Phong). Ngày 7.2.1972 cuốn Tiểu Dẫn nầy đã được Ban Giám khảo công nhận là đề án xứng đáng được cấp bằng của trường Cao Học Thực Hành ở Đại Học Sorbonne, Paris. Luận án nầy đã được ông Phạm Trọng Nhân, một nhà văn nguyên làm Đại Sứ VNCH, phiên dịch ra Việt Ngữ và tác giả đã xuất bản năm 1992.

Bà Liên Trang Phạm thị Ngoạn là thứ nữ nhà học giả trứ danh Phạm Quỳnh. Tuy bà theo học văn chương Pháp và dự định trình luận án Tiến sĩ Quốc Gia Văn chương Pháp nhưng vẫn say mê thơ Việt. Tháng 4/1995 bà đã xuất bản một ít trong tập "*Vui Một Ngày Vui*", nhân dịp ngày về thăm cố hương, tại đó nữ sĩ còn hai bà chị trên 80 tuổi và hai ông em (một là bác sĩ và một là nhạc sĩ danh tiếng).

Học văn chương Pháp mà mê say thơ Việt, kể ra thì cũng là hiếm có. Mời bạn đọc xem bài thơ độc vận sau đây:

Vần Thơ

Thanh nhàn vui thú với vần Thơ,
Mặc khách tao nhân xướng họa Thơ,
Ngâm khúc Ly-Tao vang tứ ngọc,
Dâng làn sóng nhạc ngát hương Thơ.
Long lanh đáy nước tràn tia bạc,
Man mác trăng ngàn ngập ý Thơ,
Nếu phải tương tư gây nỗi nhớ,
Thì đây hồn mộng kết duyên Thơ.

G.S. Từ-Ngọc Nguyễn-Lân, ngày xưa dạy Quốc Văn ở trường nữ Đồng Khánh Huế, nay về hưu trí đã tiếp nữ sĩ Liên Trang cùng các bạn học cũ của bà nhân dịp bà về thăm quê hương, bà đã để lại bài thơ lưu niệm:

Duyên Thơ Tình Bạn

Hội ngộ đâu ngờ có bữa nay,
Duyên Thơ tình bạn mặn nồng thay!
Đã bao năm tháng trông mong đấy
Qua vạn trùng dương mới tới đây!
Cũng bởi duyên **Thơ** *chờ ý đẹp,*
Nặng vì **Tình bạn** *đón men say,*
Cuộc đời mây nổi tan rồi hợp,
Vui một ngày vui lại một ngày.

Năm 1940, ngày nghỉ hè của trường Đồng Khánh, Huế, trong giờ lâm biệt, nữ sĩ Liên Trang đã có 4 câu *Chia Tay*, thật là bình dị mà không kém phần chân thành và tha thiết, viết theo thể Trúc-chi-từ, nhẹ nhàng và thanh tao như cành trúc.

Chia Tay

Mới đó ai ngờ đã chia phôi,
Thôi đành ly biệt bạn yêu ơi!
Bạn ơi! Ly biệt sao buồn thế?
Nghĩ éo le thay cái cuộc đời!

Con người của nữ sĩ Liên Trang thật là giàu tình cảm. Bạn bè đến thăm rồi ra về cũng để lại cho nữ sĩ cái buồn man mác. Rồi từ đó nhiều tứ thơ dễ thương đến với nàng, giúp cho nàng dệt nên những câu thơ nhẹ nhàng dễ mến như bài sau đây:

Gởi Bạn Phương Xa

Trời thu êm dịu gió heo may,
Tiếp cánh hoa tiên lại nhớ ngày
Bạn đến thăm ai chiều đẹp ấy,
Lá vàng lác đác nhẹ nhàng bay...
Bên bờ tơ liễu rủ lơ thơ,
Dòng nước sông Y-e chảy lững lờ (1)
Đón khách hân hoan ngày tái ngộ,
Vui mừng còn tưởng giữa niềm mơ!

Chiều tà bóng xế bạn chia tay,
Cây cỏ đìu hiu ngọn gió lay.
Phảng phất hồn quê nơi lữ thứ,
Chân trời lặng lẽ cánh hồng bay...

(1) Sông Yerres, nơi cư ngụ của nữ sĩ Liên Trang, ngoại ô Paris.

Ngoài tinh thần yêu quê hương, yêu bạn bè, tập thơ còn chan chứa tình yêu đối với chồng, với con cháu, với anh chị em. Hai bài *Nhớ Người Xưa* và *Nhớ Hán Thu*, nhà văn Từ-Ngọc Nguyễn-Lân nói: Khiến người đọc nghĩ đến bài *Ai Tư Vãn* của Công chúa Ngọc Hân khóc vua Quang Trung. Xin bạn đọc thử xem hai bài sau đây:

Nhớ Người Xưa

Xa cách muôn trùng vạn nhớ nhung,
Trách ai hờ hững với ai cùng!
Mặn nồng mới đó năm năm lẻ,
Lạnh nhạt rồi đây nửa chữ không.
Sương tuyết trời Tây lòng quạnh quẽ,
Gió mưa đất khách lệ sầu đong.
Bẽ bàng khuya sớm ai người thấu?
Vò võ đêm trường mắt vẫn chong. (2)

(2) Mượn văn của Bà Hồ Xuân Hương trong bài "Nhớ Người Cũ" gởi cho Cụ Nguyễn Du (1813). Xem trang 169 *Nguyễn Du, Thơ Chữ Hán I*, của Chi Điền Hoàng Duy Từ, xb 1986, có thêm bài tiểu dẫn.

Nhớ Hán Thu

Anh của Em, dạ đài xa thẳm,
Biết cùng ai gửi gắm tình thương?
Nhớ anh thao thức đêm trường,
Vì đâu lẻ bóng, trên đường phân ly.

Anh của Em, những khi họp bạn,
Mượn vần thơ quên tạm nhớ nhung.
Canh khuya chợt tỉnh giấc nồng,
Một mình gối chiếc, tấc lòng quặn đau!

Anh của Em, mối sầu dằng dặc.
Biết làm sao quên đặng anh ơi!
Chim kia lạc bạn chân trời,
Còn nuôi hy vọng lại rồi gặp nhau.

Anh của Em, tìm đâu cho thấy,
Cách xa nhau biết mấy từng mây.
Âm Dương đôi ngả đâu đây,
Mà mong đoàn tụ sum vầy, hỡi Anh?!

Anh của Em, thôi đành số kiếp
Hẹn cùng nhau nối tiếp nhân duyên.
Ba sinh sẽ phỉ mười nguyền,
Uyên ương lại chắp cánh liền cao bay. (1981)

Xin trở lại những vần thơ vui *Ngày Vui Hội Ngộ" là bài Chi Điền ưng ý nhất. Có lẽ các bạn mất quê hương, sống đời lưu vong trên đất khách như chúng ta, được dịp tao phùng với những người thân yêu đều có nỗi vui mừng, sung sướng như lời thơ của nữ sĩ Liên Trang, nên dễ cảm thông và lấy làm thích thú.*

Nhưng nữ sĩ Liên Trang còn đi xa hơn một bước, là nghĩ đến tương lai một cách lạc quan: *Đời sau sẽ có đàn sau!*

Ngày Vui Hội Ngộ

Ai hay vật đổi sao dời,
Nghìn trùng cách trở xứ người gặp nhau.
Dù tình quê vẫn thâm sâu,
Gặp nhau nhẹ bớt mối sầu ly hương.

"Hữu duyên thiên lý tao phùng dị"
Dịp bất ngờ hoan hỷ gặp nhau đây.
Đã năm năm phong cảnh thắm tươi nầy,
Cũng trăng, nước, trời, mây, thơm hoa, non nhị.
Đông đủ một nhà, em em chị chị.
Quây quần khắp mặt, bạn bạn, mình mình.
Tay nắm tay kể lể chuyện tâm tình.
Những nông nổi nay thanh bình xưa loạn lạc,
Thôi! Hãy vui đi! Cuộc vần xoay ta tạm gác,
Chuốc chén mừng tuổi hạc cứ bền lâu.
Đời sau, sẽ có đàn sau!

Tác giả đã khéo chọn thể thơ ca-trù, rất thích hợp để diễn tả những ý tình vui vui, những cử chỉ thân yêu, những cảm nghĩ tế nhị.

Thi tập *Vui Một Ngày Vui* còn rất nhiều bài thơ đáng trích đăng, vì lời thơ trong sáng, mỹ lệ, ý tình thanh tao, âm điệu êm ái. Nhưng chúng tôi thiển nghĩ nhân dịp phẩm bình thi phẩm *Vui Một Ngày Vui* của nữ sĩ Liên Trang cũng nên nói đến những nữ sĩ khác của trường Đồng Khánh, Huế, mà chúng tôi, đã nhiều năm nay được hân hạnh tiếp nhận nhiều thi phẩm do các tác giả gởi tặng, như thi phẩm *Đài Tiền Họa Đáp* của Thái Ngô Khê, *Giọt Nước Cành Dương*, cùng 3 thi phẩm khác, của Thanh Thanh, *Thơ Thủy Tiên* của Y Lăng và nhiều nữ sĩ khác trong các Thi Đàn Huế, Hà Nội, Saigon, Paris... mà chúng tôi đã họa vận hay là liên ngâm.

Trước hết xin nói đến bài *Thất Tuần Cảm Tác* của "bỉ-nhân" mà nữ sĩ Liên Trang và nữ sĩ Thái Ngộ Khê đã họa vận:

Thất Tuần Cảm Tác

Hết tuổi chơi hoa, lại chơi hoa
Thất tuần "Trung Thọ" vẫn chưa già!
Đầy sân: Lan, Huệ, Mai, Hồng, Cúc,
Nửa mái: Sách, Đàn, Nhạc, Ảnh, Thơ.
Sáng tác, sống lui ngày tuổi trẻ,
Dịch thơ, cảm với giới người xưa,
Thăng trầm hoạn lộ, vui, buồn đủ...
Nhàn hứng tìm thơ trên cánh hoa!

Chi Điền

Họa:

1.
"Thất thập" mừng vui bút nở hoa,
Tháng năm lần lửa vẫn không già!
Mặc cho thế sự chưa an lạc,
Bất chấp thời gian, cứ họa Thơ.

Nghĩa bạn giao du, ôn chuyện cũ,
Tình quê thắm thiết, nhớ thời xưa.
Văn hay cảnh đẹp, còn ưa thích,
Hưởng thú Xuân về lộng sắc hoa.

Liên Trang
Phạm thị Ngoạn
Paris 25-12-90 (Yerres)

2.
Xuân đến ngạt ngào hương sắc hoa,
Vầng mây lấp ló mảnh trăng già,
Canh khuya tưởng nhớ thời son trẻ,
Đêm vắng mơ màng lúc ấu thơ.

Cảnh vật đắm chìm qua mộng ước,
Không gian vương vấn nỗi niềm xưa,
Trải bao dâu bể, vui, buồn có,
Tâm sự riêng đành gởi cỏ hoa!

Minh Châu
Thái Hạc Oánh
Paris 19-12-90
12è Arr.

3.
Bảy mươi tuổi thọ tiếng tài hoa
Bút mặc văn chương vui tuổi già

Khảo cứu cổ kim vài kiện sách,
Thi đàn Âu Á một nguồn thơ.
Gia đình sum họp càng hơn trước,
Hạnh phúc êm đềm chẳng khác xưa.
Ơn Chúa mấy ai người hưởng được
Ngoài vòng danh lợi áng vinh hoa.

Ngộ Khê
Thái Kim Khuê
Paris mùa Đông Canh Ngọ
4 Fév. 91

Ngày nữ sĩ Liên Trang lên hàng Trung-Thọ, bà gởi cho tôi bốn câu thơ sau đây. Tôi đã tiếp vận theo 3 giai Tứ Tuyệt:

Xuân Quý Dậu 1993

Năm Dậu xưa kia trở lại rồi,
Chuyển vần thấm thoát áng mây trôi!
Cõi trần đã mấy lần dâu bể
Cuộc thế đà bao trận khóc cười...

Liên Trang

Cuộc thế đà bao trận khóc cười,
Tôn vinh, hạ nhục... mấy trò chơi.
Lên lên xuống xuống tuồng con hát.
Chỉ cái Tinh Anh đáng để đời.

Chỉ cái Tinh Anh đáng để đời.
Ai ơi! ngoảnh lại thử mà coi:
Từ Âu sang Á bao nhiêu kẻ
Xưng bá, xưng vương được mấy thời?

An nhàn hai buổi ngâm rồi vịnh,
Trần thế đua bơi để mặc ai.
Phước Thọ thanh bình vui mộng đẹp,
Đầy sân lan huệ, mấy cành mai!

Thu Quý Dậu, 1993
Chi Điền

Đồng thời bà gởi cho tôi hai bài bảy chữ tám câu, với tiêu đề *Thất Thập* và *Vui*:

Thất Thập

"Nhân sinh Thất Thập cổ lai hi"
Bẩy chục xuân xanh dễ mấy khi!
Ơn Phật thâm sâu, còn sức mạnh,
Trường đời hơn thiệt, chẳng màng chi.

Bạn bè thân thích, tình lưu luyến,
Hòe quế an vui, cảnh diệu kỳ.
Tuổi Thọ hân hoan tâm chẳng bận,
Tao đàn xướng họa mấy vần thi.

Vui

Vui Phật Trời ban hưởng Thất tuần,
Vui cùng con cháu, buổi nghênh xuân.
Vui nhìn bạch cúc, bên hàng giậu,
Vui ngắm hoàng mai, trước góc sân.

Vui ánh trăng thanh, làn sóng vỗ,
Vui dòng nước biếc, áng mây vần.
Vui trong ước mộng hồi hương ấy,
Vui giữa giang sơn, sướng bội phần!

Liên Trang
Phạm thị Ngoạn
Paris 1990

Tôi họa lại với tiêu đề là *Thất Tuần* và *Mừng:*

Họa

Thất Tuần

Mừng ai "Thất Thập",... cổ lai hy,
Ly loạn, tương phùng dễ mấy khi!
Từ thuở xa quê ngàn vạn dặm,
Lưu đày một kiếp nói năng chi?

Thi văn gây lại niềm sinh thú,
Quên bẵng niên canh cũng lạ kỳ.
"Bảy chục"! Ừ thôi,... thì "Bảy chục"!
Hồn Xuân còn mãi với nguồn thi!

Mừng

Mừng Bạn vào Xuân của Thất Tuần,

Mừng đàn con cháu giúp nghinh Xuân.
Mừng Ai hưởng Thọ trong êm ấm,
Mừng thấy Mai lan nở khắp sân.

Mừng tứ Thơ về vui tuổi hạc,
Mừng duyên thanh khí được gieo vần!
Mừng thay khối Cộng đã thay đổi, (1)
Mừng Nước Non Nhà sắp dự phần! (2)

Chi Điền
H. B. 24-02-90

(1) Ngày Gorbachov đại thắng trước Quốc Hội: Dân chủ hóa thế giới Cộng sản cải tổ Hiến Pháp Liên Xô, khai trừ chủ thuyết Marxisme-Leniniste.

(2) VNCS đang hoảng hốt đổi mới để tránh cái chết trước mắt: nát thây như Ceaucescu hay tù tội như Honnecker.

*

Năm nhà tôi lên tuổi Thất Tuần tôi có làm thơ tặng vợ tôi, và đồng thời gởi cho nữ sĩ Y Lăng, bạn thơ của tôi từ thuở hoa niên. Y Lăng từ Liên Xô (Ukraine) gởi bài thơ họa vần để đáp lễ.

Kỷ Niệm Thất Tuần của Hiền Nội

Em đã vào xuân của Thất Tuần
Dung nhan còn nét những ngày Xuân,
Lễ vàng năm trước đà vui hưởng,
Tiệc Ngọc ngày nay cũng sắp gần.
Nhớ lúc chia phôi ngày kháng chiến, (1)
Năm trường khắc khoải bóng ly nhân!
Hạt châu hợp Phố thêm nồng đượm,
Ca khúc hương nguyền mấy độ tân!!... (2)
Ca khúc hương nguyền mấy độ tân.
Đường mây rảo bước khắp ba phần
Khánh Hưng thơ mộng nhiều năm tháng (3)
Nghệ Tỉnh buồn lo một chiếc thân!

Tái hợp ba sinh cầm sắc mới,
Xướng tùy phu phụ đẹp mười phân.
Tái sinh một kiếp đầy duyên thắm (4)
Tình nghĩa giờ đây trọn đá vàng!...

Chi Điền
Vào Xuân Canh Ngọ, 1990

(1) Thời kháng chiến gia đình ly cách suốt 5 năm (1946-1951).

(2) Tân: Tân hôn, tương kính như tân.

(3) Khánh Hưng: Sóc Trăng.

(4) 9-1951 vượt tuyến về thành coi như là tái sinh (sống lại)

Họa:

Mừng chị phương xa đạt Thất Tuần,
Vui cùng con cháu giữa ngày xuân.
Biết nhau âu cũng duyên kỳ ngộ,
Nghìn dặm ngờ đâu lại hóa gần.
Chúc chị Xuân về, Xuân đượm mãi,
Thắm niềm hạnh phúc với thi nhân. (2)
Trăm năm gặp được người tri kỷ, (2)
Đẹp mãi như thời "Sơ kính tân" (3)

Y Lăng
Tôn Nữ Minh Chí
Kiew, Ukraine, URSS, Hè 1990

(2) Chi Điền phu quân.

(3) Ý nói thương yêu nhau như ngày Tân Hôn.

*

Thơ xướng họa, liên ngâm còn nhiều, nhưng thiết tưởng bấy nhiêu bài cũng đủ gây một ý niệm tổng quát về sinh hoạt tinh thần của nhóm cao niên chúng tôi trong những ngày lưu hạ. Một sinh hoạt tinh thần bình dị, hiền lành, êm dịu... để dung dưỡng tâm hồn.

Ai đó đã kết luận một bài trường thiên với câu thơ, mà có lẽ bạn đọc cũng nhận thấy như kẻ viết bài nầy, là rất dễ thương:

...Cùng ta dệt mấy vần chơi
Cho lòng dịu dịu, cho đời êm êm...

Chi Điền Hoàng Duy Từ

Fountain Valley, Mạnh hạ 1997

Bài Thơ Gởi Huế

Vẫn nét chữ thân thương viết từ quê mẹ
Em hỏi anh có bao giờ nhớ Huế?
Anh trả lời nhớ lắm chớ sao không!
Quên làm sao những buổi sớm mai hồng
Vào lớp học mang tình em Đồng Khánh.
Phía bên kia nửa sân trường áo trắng
Ở bên này Khải Định anh nhìn sang
Mắt dõi tìm em lòng thấy rộn ràng.
Giờ ra chơi áo vờn bay trong nắng
Đi giữa hàng cây em đùa vui với bạn
Anh ngỡ rằng chim đang hót trên cao.
Quên làm sao kỳ hội chợ năm nào
Có dịp quen em, tình thân từ dạo đó.
Đêm chợ phiên em môi hồng má đỏ
Nét hồn nhiên còn đọng ở hàng mi.
Anh nhặt hương thu trên áo trắng nhu mì
Đem ép vội vào trang tình thư xứ Huế
Cho ngày vui thấm qua hồn rất nhẹ.
Quên làm sao chiều thu ấy chia phôi,
Xa Huế xa em khi nắng tỏa lưng đồi.
Đời quá trẻ chưa một lần hẹn ước,
Duyên Kim Long không về chung Đại Lược
Tình chúng mình như những nhánh sông trôi.
Làm cánh chim bay mỏi mấy phương trời
Anh vẫn nhớ về trường xưa phố cũ
Những bước chân quen trên lối mòn tâm sự
Và mắt em ngoan, trong trẻo nụ cười.
Đáp xong rồi em còn giận nữa hay thôi?
Anh hỏi lại em, người em hay làm nũng,
Huế có bâng khuâng khi mùa thu lá rụng,
Huế có buồn khi giọt nắng rớt qua song?
Thoáng hương xưa chắc ấm mãi trong lòng...

Ottawa, tháng 9 - 1997
Hồ Văn Mẫn

HUẾ, NỖI BUỒN NIỀM VUI

Thùy Việt Lân

Nhà văn Pujarniscle đã viết về Huế: *"Ville òu le deuil sourit òu la joie soupire"* (Thành phố mỉm cười khi thương đau, thở than khi hoan lạc). Quả thực, cái vui và cái buồn của Huế bao giờ cũng ở mức bình thường, không vui đến quá nhộn, không buồn đến đứt ruột. Mặc dù Huế vốn là xứ sở của điệu ca Nam ai, Nam bình, nhưng đó là dòng nhạc chịu ảnh hưởng Chàm, xuất phát từ nỗi buồn vong quốc. Huế chỉ là vương quốc của nhạc, của thơ và mộng. Cho nên nỗi buồn niềm vui của Huế cũng bâng khuâng, man mác bao trùm khắp không gian và trải dài suốt thời gian bao thế kỷ, như sương sớm gió chiều, bờ lau ngọn cỏ, mái nhà rêu phong, đền chùa xưa, thành lũy cũ...

Vẻ đẹp trung tâm của Huế, hiển nhiên là ở thành phố với sông Hương, cầu Trường Tiền, Hoàng thành, Đại nội... qua nhiều hình ảnh mà du khách đã từng chiêm ngưỡng.

Với quan niệm "vô tiểu nhân bất thành quân tử", tôi thấy rằng trong nhiều trường hợp, những cái phụ vẫn có vai trò quan trọng bên cạnh cái chính. Với Huế, đó là những vùng chung quanh đã điểm thêm vẻ mỹ miều cho cố đô, như cái biên của tấm vải dệt khéo, cái khung chạm trổ của bức tranh quí, những vật phụ làm tăng thêm giá trị của vật chính.

Thật vậy, Huế có mấy vùng ngoại ô, chỉ mới nghe tên là đã thấy bao hàm một ý nghĩa đẹp: Vỹ Dạ (đồng lau), Bến Ngự (bến của nhà vua), An Cựu (chốn cũ yên vui), Kim Long (rồng vàng), Vạn Xuân (muôn mùa xuân), An Hòa (bình yên)...

Hàn Mặc Tử không phải là người thơ gốc Huế, chỉ được xem một tấm ảnh (theo Trần Thanh Mại), qua đó, đã vẽ nên bức tranh thôn Vỹ bằng thơ thật linh động:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mát quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

(ĐÂY THÔN VỸ DẠ)

Thôn Vỹ có những bờ tre rủ bóng, thấp thoáng ẩn hiện khuôn mặt "chữ điền", vẫn gây thắc mắc cho nhiều người về một khuôn mặt "vuông vắn", không hợp với phái đẹp, giữa cảnh nên thơ và có người đã giải thích đó là tấm bình phong có hình chữ điền trước các vườn nhà ở Huế.

Từ thôn Vỹ Dạ, qua thôn Tây Thượng, đến thôn Nam Phổ là nơi vẫn có tiếng nhiều cau ngon:

Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh

Đứng bên này thôn Vỹ Dạ, nhìn ngang qua bên kia tả ngạn sông Hương là Chợ Dinh.

Bến Ngự, với con dốc song song dốc Nam Giao, từng chồn chân nhiều lứa tuổi học trò đạp xe trên đường viếng thăm đàn Nam Giao và lăng tẩm các vua triều Nguyễn. Sông Bến Ngự (xưa gọi là "Ngự hà", con sông đào nhỏ nối từ sông Hương chảy qua vùng Bến Ngự, cũng như sông An Cựu chảy về Lợi Nông, sông Đào chảy qua vùng Gia Hội về Bao Vinh, là những công trình thủy lợi của triều Nguyễn. Vùng Bến Ngự, một góc nên thơ của

Huế, đã là nguồn cảm hứng cho nhạc sĩ Dương Thiệu Tước sáng tác nên bản nhạc nổi tiếng "Đêm tàn Bến Ngự". Ông già Bến Ngự — Cụ Phan Bội Châu — trước kia đã bị chính quyền đô hộ Pháp quản thúc ở vùng này, đã để lại cho đời những tác phẩm văn chương yêu nước và cách mạng, sáng tác trong thời gian bị ngưng hoạt động. Người dân xứ Huế đã cảm thương nhà chí sĩ dù sống trong hoàn cảnh ép buộc nhưng cái tinh thần quật khởi vẫn còn:

Ăn sung nằm gốc cây sung
Lấy chồng thì lấy nằm chung không nằm

Trên sông Bến Ngự có những chiếc cầu dẫn lối qua vùng An Lăng, nơi có lăng vua Thành Thái, Duy Tân, qua vùng giáo xứ Phú Cam, với ngôi nhà thờ lớn nhất ở Huế.

Đứng ở Bến Ngự nhìn về hướng nam, thấy núi Ngự Bình (xưa gọi là Bình Lãnh):

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo
Sông An Cựu nắng đục mưa trong

An Cựu, vùng lân cận Bến Ngự, có những cánh đồng lúa lớn, sản xuất thứ gạo ngon nổi tiếng:

Tôm rằng lột vỏ bỏ đuôi
Gạo de An Cựu mà nuôi mẹ già

Qua chợ An Cựu, đi về một nơi gọi là Cống Phát Lát, ở đây người ta thường câu được nhiều cá phát lát, loại cá mà người Huế vẫn thường băm nhỏ hoặc quết làm chả, ăn ngon, gọi là chả cá phát lát.

Kim Long là vùng có cây trái ngon như thơm, mít, thanh trà, nơi có chùa Linh Mụ cổ kính:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Linh Mụ canh gà Thọ Xương

Kim Long, trước được chúa Hiếu Chiêu chọn làm kinh đô, nên cũng có cảnh lịch người thanh:

Kim Long có gái mỹ miều
Trẫm thương trẫm nhớ trẫm liều trẫm đi

Kim Long nằm dọc ven bờ tả ngạn sông Hương, khởi từ cầu Bạch Hổ trở ngược lên nguồn Bồ. Cầu Bạch Hổ, đối hướng với cầu Thanh Long, vẫn ám ảnh nhà thơ Thúc Tề, trong đêm đầy vẻ huyền bí của Huế:

Nhịp cầu Bạch Hổ mấy bóng ma
Biến mất vì nghe giục tiếng gà
Trăng tỉnh giấc mơ lười biếng dậy
Động lòng lệ liễu hạt sương sa

Nếu có dịp đi đò ngược dòng sông Hương, ngước nhìn lên ngắm cảnh vùng Kim Long, cây cối um tùm ven bờ, thực là một vùng xanh mát. Nhà thơ Nam Trân đã đi tìm thi hứng ở vùng này:

Thuyền nam đủng đỉnh sau hàng phượng
Cô gái Kim Luông yểu điệu chèo
Tôi xuống thuyền cô cô chẳng biết
Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo
Thuyền qua đến bến cô lui lại
Vẩy chiếc bèo ngang giọt nước gieo
Đăm đăm mắt mỏi vì chèo
Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng
Biết không cô hỡi biết không
Chèo cô còn khuấy sóng lòng còn xao
(ĐẸP VÀ THƠ)

"Kim Luông" là tiếng nói trạnh của "Kim Long" mà người Huế vẫn ưa dùng do tính uyển chuyển của ngôn ngữ, nghe có vẻ mềm mại dễ thương hơn, như một số tiếng khác người Huế quen nói, một phần vì dễ uốn lưỡi.

Kim Long vừa hữu cảnh lại vừa hữu tình, có thể nói là nơi hẹn hò hay chia tay của nhiều lứa đôi. Qua ca dao:

Thuyền về Đại Lược duyên ngược Kim Long
Đến nơi đây là chỗ rẽ của đôi lòng
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.

Thực là một cuộc tình buồn. Nhưng cái buồn cũng man mác như sông dài trời rộng và

nỗi lòng của họ vẫn vơ như Huy Cận đã nhìn thấy qua cảnh sắc thiên nhiên của Huế:

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

Sông Hương, con đò, bến nước đã gợi nên bao thi tứ. Con đò đưa người đi về những miền cách xa thành phố, về vùng thôn quê, vùng biển cả:

Sang đêm thuyền đã xa vời
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh buồn
(HUY CẬN)

Chuyến đò ngang bến Thừa Phủ một thời đưa học sinh đến trường Khải Định, Đồng Khánh, đã lưu lại trong lòng tuổi trẻ Huế bao nhiêu kỷ niệm. Có lẽ đẹp nhất là hình ảnh những cô gái sang sông của Thu Hồng mà nữ sĩ cho là thuộc dòng quý tộc nhà Nguyễn:

Một hàng tôn nữ cười trong nón
Sông mở lòng ra đón bóng yêu

Người dân Huế xưa vẫn có thói quen nhìn nhận những người con gái mảnh mai yểu điệu, có nước da trắng trẻo, dáng vẻ thanh lịch đều là con cháu hoàng gia triều Nguyễn.

Chung quanh đề tài sông Hương, đã có bao nhiêu người thơ diễn đạt cảm nghĩ của mình qua nhiều hoàn cảnh. Ngày xưa vua Thiệu Trị, trong cuộc ngự du bằng thuyền trên sông Hương đã hạ bút ngự chế:

Nhất phái nguyên uyên hộ đế thành
Thanh lưu sấn tảo nhạ lương sinh
Ba bình xuân thủy lung yên sắc
Chu trục thần phong động lỗ thành

(HƯƠNG GIANG HIỂU PHIẾM)

DỊCH:
Một dải sông sâu bọc đế thành
Dòng trong hây hẩy gió mai lành
Lặng yên sóng khói xuân lồng sắc
Xao tiếng chèo bơi gió giục nhanh

(SÁNG DẠO THUYỀN SÔNG HƯƠNG)

Cùng một con sông, nhưng đến với sông có nhiều tâm trạng khác nhau. Với vua Thiệu Trị thì đó là một tâm cảnh an lạc được mô tả qua một con người đang ngự trị trên đất nước thành bình, kế thừa sự nghiệp hiển hách của tiên vương đã thống nhất giang sơn.

Huy Cận không phải là người Huế, nhưng có nhiều gắn bó với Huế qua nhiều năm tháng theo học ở đây (theo Hoài Thanh), có lẽ đã bắt gặp nguồn "lửa thiêng" — hồn vũ trụ — qua khung cảnh bàng bạc nên thơ của Huế, khi ông có dịp đứng bên bờ sông Hương nhìn cảnh sông nước:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng

Và cảnh sông nước đìu hiu đã gợi niềm hoài hương trong lòng thi nhân:

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa
Lòng quê dợn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà

(TRĂNG GIANG)

Sông Hương có nét gợi cảm sâu đậm cho Huy Cận nhớ quê hơn là Thôi Hiệu trong bài "Hoàng Hạc Lâu", mặc dù sông Hương không rộng mênh mông, đầy khói sóng như sông Trường Giang, nhưng có sức lắng đọng nỗi buồn trong lòng người, bởi những liên hệ tình cảm giữa người và sông.

Tâm sự của con người uất hận vì sự nghiệp phục quốc không thành đã gởi gắm cho dòng sông thơm hương sử sách:

Trước bến Văn Lâu
Ai ngồi ai câu
Ai sầu ai thảm
Ai thương ai cảm
Ai nhớ ai mong
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non

Một vài nhà thơ ngoại quốc có thời kỳ làm việc ở Huế, xem Huế như là mảnh đất thân thuộc, đã sáng tác những vần thơ khi có dịp đi thuyền trên sông Hương. Ta hãy nghe Henri de Rouvroy gieo vần:

Tout est bleu comme au flanc nu d'une
porcelaine
Sur le fleuve Enbaumé chanté par tant de
Rois
La lune qui s'allume à l'horizon des plaines
Accroche son fanal aux dragons d'un vieux
toit

(SUR LA RIVIÈRE DES PARFUMS)

DỊCH:

Sắc xanh ròng một màu xanh da sứ
Dòng thơm từng vẫy bút các triều vua
Vầng trăng rạng từ chân trời đồng nội
Đèn sáng treo rồng lượn mái đình xưa

(TRÊN DÒNG HƯƠNG GIANG)

Trăng nước sông Hương quả là nguồn thơ dồi dào cho những tâm hồn đa cảm. Không những thế, dòng sông còn vỗ về những con người có nỗi niềm riêng, sầu muộn, khổ đau, như F. H. Guibier:

Du soir la tiédeur alanguie
Berce mon âme en sa douleur
Du fleuve la course ralentie
Berce la barque avec douceur
.....
Mon âme en sa mélancolie
Berce doucement sa douleur
La barque, en sa course ralentie,
Berce mon âme en sa langueur

(SUR LE FLEUVE DES PARFUMS-NOCTURNE)

DỊCH:

Bầu trời đêm lạnh lùng quạnh quẽ
Ru hồn tôi trong nỗi đau thương
Dòng sông lững lờ con sóng nhẹ
Ru con thuyền êm ả trôi buông
.....
Tâm hồn tôi trong cơn sầu ải
Luống vỗ về êm ái đau thương
Con thuyền nhịp chèo khua chậm rãi
Ru hồn tôi mòn mỏi u buồn

(ĐÊM TRÊN SÔNG HƯƠNG)

Huế đẹp và thơ ở dòng sông trăng nước với niềm vui thanh thản, nhẹ nhàng. Huế còn có nét gợi cảm trầm buồn ở cung điện, lũy thành xưa. Vũ Đình Liên, có lẽ đã có niềm hoài cổ khi viếng Huế thành:

Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Tự nghìn năm bỗng vẳng tiếng loa xưa

(LÒNG TA LÀ NHỮNG HÀNG THÀNH QUÁCH CŨ)

Huy Cận cũng đã dậy niềm thi hứng với ngọn kỳ đài, với vọng lâu trên kinh thành Huế:

Ngàn năn sực tỉnh lê thê
Trên thành son nhạt chiều tê tái sầu
Bờ tre rung động trống chầu
Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan
(BUỒN XƯA)

Vẻ cổ kính của Huế cũng là một nét đẹp khác, đầy ý thơ, với những mái nhà rêu

phong, lầu cao gác thấp. Thi sĩ Phan Thanh Phước, trong ngôi nhà cổ của mình, đã lắng nghe điệu buồn của mình, đã lắng nghe điệu buồn đổ về từ xa xưa, như một hồn thơ, ru con người mơ mộng với một cuộc tình nào đó:

Canh trăng sương dẫn phiền về
Buồn thao thức đọng bốn bề nghiêm lâu
Sân mê ngậm bóng cây sầu
Liễu nghiêng tóc rủ trước lầu gió se
Địch rầu kéo giọng lê thê
Thơ ai khuya lạnh ngã đề tương tư

(ĐÊM TẦN)

Huế lại có những địa điểm vẫn gợi cho du khách mơ lại một thời xưa, như xóm Ngự Viên:

Hôm nay có một người khách
Ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên

(XÓM NGỰ VIÊN-NGUYỄN BÍNH)

Ngự Viên là vườn hoa của nhà vua. Thời trước, các thí sinh dự kỳ thi đình, đỗ trạng nguyên, được vua ân hưởng cho cỡi ngựa dạo xem hoa ở vườn Ngự.

Như đền Văn Thánh, Võ Thánh:

Văn Thánh trồng thông, Võ Thánh trồng bàng
Ngó xuống Xã Tắc hai hàng mù u

Thông, bàng, mù u là những loài cây cổ thụ đặc biệt của Huế. Huế là xứ sở thuộc khu vực gió mùa để có hai mùa mưa nắng rõ rệt. Không hẳn là Huế không có bốn mùa xuân hạ thu đông là bốn mùa lý tưởng của miền Bắc Việt, nhưng hai mùa xuân thu đến với Huế rất ngắn ngủi như một người tình phụ bạc trong thơ Nguyễn Đình Thư:

Tình anh như nắng thu đông ấy
Lưu luyến nhân gian chả mấy ngày

Dù vậy, Huế cũng có niềm vui xuân:

Đã thấy xuân về với gió đông
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong

(XUÂN VỀ-Nguyễn Bính)

hay nỗi buồn thu:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng

(ĐÂY MÙA THU TỚI — Xuân Diệu)

Cũng đừng tưởng Huế không có sương thu: *"Một buổi sớm đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh đều thay đổi và lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học..."*

(THANH TỊNH)

Tuy nhiên, hai mùa ngự trị trên đất Huế vẫn là mùa hè và mùa đông. Mùa có nắng vàng rực rỡ, có sương mai trong lành, có gió mát trăng trong. Bức tranh sinh hoạt của Huế linh động hẳn lên với những ngày hè, dù nóng nực kéo dài đến đêm:

Trời nóng băm bốn độ
Đèn sao khắp đế đô
Mặt trăng vàng trỏn trẻn
Núp sau nhánh phượng khô

.....

Hai tay xách hai vịm
Một mụ vừa le te
Tiếng rao nghe lanh lảnh
Chốc chốc "Ai ăn chè?"

(HUẾ ĐÊM HÈ — Nam Trân)

Huế vào đông, cảnh vật thật đìu hiu với những cơn mưa dầm dề, rả rích:

Trời mưa ở Huế sao buồn thế
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày

(TRỜI MƯA Ở HUẾ — Nguyễn Bính)

Và cơn mưa không chỉ kéo dài mấy ngày, mà có khi suốt cả tháng, khiến quang cảnh đến tiêu sơ, như cánh đồng An Cựu trơ trụi, với:

...đàn cò đói lượn đồng không
(NAM TRÂN)

Khí hậu ở Huế có vẻ khắc nghiệt như một bà già khó tính với hai mùa mưa nắng, nhưng cũng được đắp đổi phần nào với tiết xuân thu, kéo lại ở mức gần như ôn hòa, như người con gái dịu hiền biết khéo cư xử, khi trẻ già sống chung với nhau.

Khí hậu, thổ ngơi, nếp sống "thâm nghiêm kín cổng cao tường" một thời đã ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của con người Huế. Trong yêu đương, họ cũng không sôi nổi, bộc lộ:

Tôi yêu là bởi tôi yêu
Cầm tay cô hỏi, hỏi nhiều làm chi
Khi yêu không đắn đo gì
Phân phô chừ biết nói vì cớ sao
Huống hồ yêu tự khi nào
Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay

(NGUYỄN ĐÌNH THƯ)

Với người Huế, cuộc tình đến rồi đi như là du khách, không dừng chân lâu ở một nơi nào:

Chẳng biết trong lòng ghé những ai
Thềm son từng dội gót vân hài
Hỡi ơi người chỉ là du khách
Giây phút dừng chân Vọng hải đài
.....
Lòng xiêu xiêu hồn nức hương mai
Rạng đông về thức giấc hoa nhài
Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận
Chẳng biết xa lòng có những ai

(VỌNG HẢI ĐÀI — Phạm Hầu)

Cái ảnh hưởng sâu đậm trong tâm hồn người Huế có lẽ là nguồn đạo, xuất phát từ những thánh thất, thiền viện đầy rẫy trên xứ sở bàng bạc không khí huyền diệu:

Đạo sĩ chờ tôi chán hải hồ
Tôi chờ đạo sĩ lãng hư vô
Tôi mơ trăng lạnh Hàn Sơn tự
Ấp ủ men ngày đợi áo khô

(THANH TỊNH)

Sau nhiều tang thương biến đổi của đất nước, cái khung cảnh thanh bình thơ mộng của Huế ngày trước, như thi ca mô tả, có lẽ chỉ còn là những ấn tượng đẹp trong lòng người, như một giấc mơ không bao giờ trở lại.

THÙY VIỆT LÂN

*

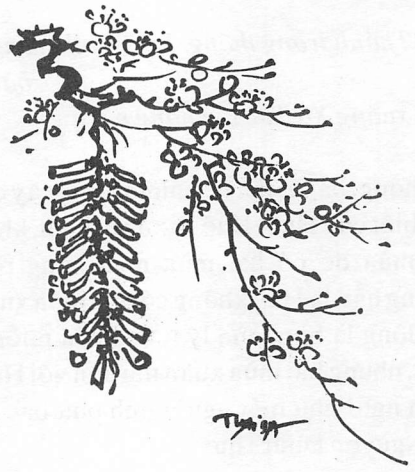

THƯ TÍN

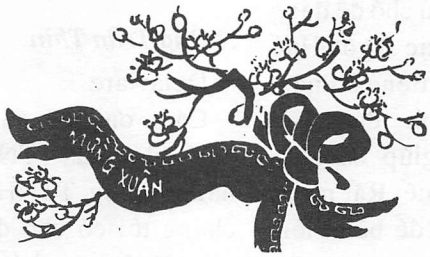

❒ ***Học giả TS Thái Văn Kiểm***

Paris.

Xin cám ơn anh đã không quên gởi bài cho TTNH. Đầu năm 1997, BBT và Hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên hân hạnh được đón tiếp anh ở Orange County và rất thích thú được nghe anh nói chuyện thật hay và hấp dẫn. Những ngày bên cạnh anh là những ngày học hỏi quý báu.

❒ ***BS Lê Văn Lân***

New Jersey.

Hân hạnh được đọc bản thảo "Chiếc bảo ấn cuối cùng của Hoàng Đế Việt Nam" của bạn sắp xuất bản. Sách viết rất đặc sắc và công phu. Xin giới thiệu với bạn đọc. Cám ơn anh chị đã đến sinh hoạt với thân hữu Huế trong dịp Hè. Buổi họp mặt rất thành công.

❒ ***BS Tôn Thất Hứa***

Germany

Bài khảo cứu của bạn về Cụ Tôn Thất Thuyết quá dài nên phải đăng làm hai kỳ, mong được thông cảm. Xin tiếp tục gởi bài và phổ biến TTNH tại Đức. Đa tạ.

❒ ***DS Tôn nữ Duy Thạnh***
DS Trang Kiên
BSNK Võ Trọng Di

San Diego

Cám ơn các bạn đã thường xuyên ủng hộ nhiệt tình TTNH. Tờ báo tồn tại được là do sự giúp đỡ của những mạnh thường quân như các bạn.

❒ ***Anh Nam Cát***

Los Angeles

Vì có thêm bài viết về Cựu Hoàng Bảo Đại vào giờ chót nên một số bài vở phải bị bắt buộc gác lại, mong anh thông cảm. Cám ơn anh đã gửi tặng tape thơ nhạc rất hay.

❒ ***Ông Tôn Thất Tùng***
(Tôn Thất An Cựu)

Fountain Valley.

Hân hạnh được đọc trước "Những Kỷ Niệm Rời" của anh. Những bài viết thật hay và đầy ý nghĩa. Sách đáng lẽ phải ra từ lâu, rất tiếc vì có người vừa trùng tên và trùng họ nên buộc lòng anh phải lấy bút hiệu khác. Xin trang trọng giới thiệu Tập truyện "Những Kỷ Niệm Rời" với bạn đọc.

❒ ***Anh Trần Kiêm Đoàn***

Sacramento.

Cám ơn anh đã gởi tặng "Chuyện Khảo về Huế" vừa mới xuất bản. Sách dày 260 trang gồm nhiều bài viết rất đặc sắc trong đó có Bún bò, Cơm Hến, Mắm đã được đăng trên TTNH số 7, 8, 9. Nhiều bạn đọc viết thư về khen ngợi và rất nhiều báo ở Bắc Mỹ xin đăng lại những bài ấy. Hân hạnh giới thiệu với thân hữu Huế và bạn đọc "Chuyện khảo về Huế".

❒ ***Chị Bùi Bích Hà***

Orange County.

Xin cám ơn chị cho đăng bài "Huế yêu dấu". Đọc xong ai cũng thấy cùng một cảm nghĩ về Huế như chị nhưng không biết làm răng mà diễn tả đấy thôi. Khen chị thật tài tình.

❒ ***Chị Y La Ngọc Quỳnh***

Toronto.

Cám ơn đã gởi bài viết cho số nầy. Rất vui mừng được gặp lại chị và anh Đỗ Kỳ Quang cùng cháu Đỗ Kỳ Anh ở Toronto. Chuyến viếng thăm Niagara Falls vừa rồi thật thích thú.

❒ ***Anh Nguyễn Hữu Thứ***

Mississaugua.

Chân thành cám ơn anh đã sốt sắng gởi nhiều bài cho TTNH. Anh đúng là một quyển tự điển sống về Huế. Buổi gặp gỡ hè vừa qua với anh chị với một số thân Hữu Huế ở Toronto và anh chị Trần Đoàn từ Washington DC thật hiếm có, đầy tình Huế... quá cảm động. Xin ghi nhớ những lời anh chỉ bảo.

❒ ***Chị Lê Thị Bạch Nga***

Toronto.

Đã đọc xong Đạo và Đời của chị gởi tặng. Chị viết hay quá. Mong nhận được bài của chị cho TTNH.

❒ ***Chị Hồ Phổ Lại***

Canada.

Bài của chị đang trong số nầy. Xin đa tạ. Hồng Đóa gởi lời thăm chị.

❒ ***Nhạc Sĩ Tôn Thất Tiết***

Paris.

Đã nhận được thư và nhiều nhạc phẩm của anh. Rất tiếc khuôn khổ hạn hẹp cuả TTNH không đủ chỗ để đăng bài của một nhạc sĩ gốc Huế đã và đang nổi tiếng ở Pháp. Đươc biết anh đang có chương trình giúp bảo tồn nền cổ nhạc Huế. Rất mong muốn gặp anh để bàn thêm về vấn đề nầy.

❒ ***Bạn Nguyên Hà***

Florida.

Tự nhiên bạn không liên lạc với BBT. Nếu đọc được TTNH nầy xin bạn cho biết địa chỉ và điện thoại. Rất mong chờ.

❒ ***Hoàng Ngọc Trác***

Simi Valley.

Kể từ khi anh lâm trọng bệnh, BBT mất một tay cộng tác đắc lực. Luôn luôn cầu mong cho anh sớm bình phục. Tình thương của tất cả anh chị em dành cho anh và Thanh Hà lúc nào cũng thắm thiết.

❒ ***Ông Trần Thìn***

Delaware

Cám ơn bác đã gởi chi phiếu đặt mua TTNH từ đầu năm. Trong TTNH kỳ nầy chúng tôi có cho đăng một mẫu Phiếu mua báo dài hạn, quý bạn chỉ cần điền tên và địa chỉ, chúng tôi sẽ gửi báo đến tận nhà và thanh toán tiền báo sau.

❒ ***Chị Kim Hà***

Orange County

Rất tiếc bài "Huế, vùng trời kỷ niệm của tuổi thơ" nhận được sau những bài khác và vì số trang của TTNH bị rút ngắn nên không đăng kịp trong số này. Đa tạ. ■

Phiếu đặt mua Tuyển Tập Nhớ Huế dài hạn

9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster. CA 92683 - USA

Tên họ: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại: . . . . . .

Fax: . . . . . .

Đồng ý đặt mua Tuyển Tập Nhớ Huế dài hạn.

Xin vui lòng gửi TT Nhớ Huế đến tận nhà

Giá mỗi số $ 6,00 cộng cước phí sẽ tính sau.

CƠM TẤM
TRẦN QUÝ CÁP

Cống hiến hương vị thơm ngon bất hủ của
Cơm tấm Trần Quý Cáp ngày nào.

Địa Điểm I:
10522 Mc Fadden Ave.
(Góc Mc Fadden và Ward)
Garden Grove, CA 92843
Nghỉ Thứ Hai
Tel: (714) 839-3069

Địa Điểm II:
9607 Bolsa Ave.
(Trong khu Bolsa Mini Mall,
gần Nhà sách Tú Quỳnh)
Westminster, CA 92683
Nghỉ Thứ Ba
Tel: (714) 839-3173

ĐÀ NẴNG
Restaurant:
Thêm các món ngon:
BÚN BÒ HUẾ - MÌ QUẢNG -
BÁNH BÈO - MÍT TRỘN

ĐẶC BIỆT: TÀU HŨ KI

MỞ CỬA: 9:00 AM - 8:00 PM
Kính Mời

POMONA OPTOMETRY
1101 East Holt Ave., Ste. D
Pomona, CA 91787
(Trong khu Pomona Square,
cạnh chợ Pomona Supermarket)
(909) 620-4546

DR. TÔN NỮ KIỀU TIÊN, O.D.
DR. DƯƠNG THÙY TRANG, O.D.
DR. JOSEPH MOSTOW, .O.D.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nhãn Khoa tại Southern Calif. College of Optometry, Fullerton, TDA Certified
- Hội viên California Optometry Association (COA).
- American Optometric Association (AOA), BETA SIGNA KAPPA, Honor Society.

- Đủ kiểu kính thời trang của Mỹ, Pháp, Ý... và kính mát.
- Đủ loại contact lenses trong hoặc màu.
- Làm kính lão bằng contact lenses.
- Làm đủ loại kính cận thị, viễn thị, loạn thị và lão.
- Kính mỏng cho độ cao.
- Kính hai tròng, có lằn hoặc không lằn.
- Chuyên khám mắt tổng quát: Khám mắt hột cườm, glaucoma, tiểu đường, áp suất cao, v.v... **CÓ THỂ CHO TOA THUỐC CHỮA BỆNH MẮT NẾU CẦN.**

NHẬN MEDICAL, MEDICARE,
INSURANCE, VISA / MASTER CARD

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.
- ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.
- BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

LIPO SUCTION CENTER & LASER SURGERY

TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

American Board Of Surgery - Member American Academy Of Cosmetic Surgery

AESTHETIC LASER SURGERY
- Căng da mặt, xóa đường nhăn trên mặt.
- Chữa mặt rỗ do mụn.
- Xóa tàn nhang, nốt ruồi.
- Xóa hình xâm Tattoo.
- Chữa trị các vết chàm lớn nhỏ bẩm sinh.

LIPO SUCTION & BODY CONTOURING
- Hút mỡ mông, đùi, tay, chân.
- Hút mỡ bụng - Căng da bụng.
- Hút mỡ cằm - Căng da cằm.
- Chích mỡ vào bàn tay, mặt.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
- Sửa ngực và nâng ngực với túi Saline.
- An toàn.
- Sửa mắt 2 mí.
- Sửa mũi.
- Sửa cằm.
- Cắt nốt ruồi.
- Sửa âm đạo theo ý muốn.

TẬN TÂM - KỸ LƯỠNG - AN TOÀN - GIÁ PHẢI CHĂNG.

MAGNOLIA CLINIC
14571 Magnolia St., #207
Westminster, CA 92683
Xin gọi lấy hẹn
(714) 898-1177

ALHAMBRA OFFICE
841 E. Valley Blvd., Ste. 103
Alhambra, CA 91803
(818) 308-1122

YAG LASER SURGERY
- Bệnh Trĩ, Mạch lươn, Bệnh đường ruột.
- Truy tầm Ung thư ruột.

BÁC SĨ NHA KHOA

VÕ TRỌNG DI

GENERAL DENTISTRY

DR. DI VO, DENTIST

4132 University Ave.
San Diego, CA 92105

Tel: (619) 280-3322

Office Hours By Appointment

Bác Sĩ

NGUYỄN VĂN THUẬN
M.D.

Y KHOA GIA ĐÌNH
QUANG TUYẾN
ĐIỀU TRỊ TAI NẠN

15420 CRENSHAW BLVD.
GARDENA, CA 90249
TEL: (310) 324-5599

Giờ Khám Bệnh:
Thứ 2 - Thứ 6: 9:30 am -6:00 pm
Thứ 7: 9:30 am - 4:00 pm
Chủ Nhật: Đóng cửa

GIA HỘI HUẾ Restaurant

2317 W. First St. # A • Santa Ana, CA 92703
(Nằm trên đường First, Bolsa nối dài - qua khỏi Fairview và Sullivan, góc bên trái gần tiệm Liquor)

Tel: (714) 547-3242

☆ Những món ăn Huế đều có mặt tại Nhà hàng Gia Hội Huế.

☆ Chỉ có một Nhà hàng Gia Hội Huế tại Santa Ana. Không có chi nhánh.

BÚN BÒ - BÚN MẮM - BÚN CHẢ GIÒ - BÚN THỊT NƯỚNG -
MÌ QUẢNG - CƠM HẾN - BÁNH BÈO - BÁNH BỘT LỌC
CHẢ HUẾ.

ĐẶC BIỆT: MẮM CÀ & MẮM TÔM CHUA HUẾ
TRÉ & NEM CHUA HUẾ

NHẬN ĐẶT TIỆC VÀ NHẬN MỞ PARTY NGAY TẠI NHÀ HÀNG.
MỖI CUỐI TUẦN ĐỀU CÓ CHƯƠNG TRÌNH NHẠC
"HÁT CHO NHAU NGHE" TỪ 9 GIỜ TỐI ĐẾN 1 GIỜ SÁNG.
CHỦ NHÂN KÍNH MỜI.

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. Fellow Of American Academy Of Pediatrics

9341 Bolsa Ave., - Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

SƠ SINH, TRẺ EM VÀ CÁC BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

Y KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN

Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

Nhà Thuốc Tây

MAI Pharmacy

11801 Inglewood Ave., Suite 3 - Hawthorne, CA 90250

(310) 676-7581

Dược sĩ Mai Duy Cát, Pharm. D.

- *Bán thuốc theo toa Bác sĩ và Nha sĩ.*
- *Thuốc thông thường, đặc chế và tương đương.*
- *Bán và gửi thuốc về Việt Nam.*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Giờ mở cửa:
Hàng ngày: 9:30 sáng - 6:30 chiều
Thứ Bảy: 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật: Nghỉ

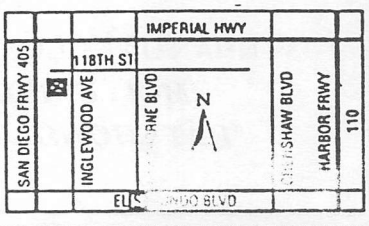

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa **TAI - MŨI - HỌNG, GIẢI PHẪU ĐẦU VÀ CỔ**

9131 Bolsa Ave. Suite 201 - Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)

Tel: (714) 894-5581

- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Hoa Kỳ (Fellow, American Academy of Otolaryngology, Head and Neck Surgery).*
- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Đức Quốc (Mitglied, Deutsche Gesellschaft fuer Hals-Nasen-Ohren Heilkunde, Kopf und Hals Chirurgie).*
- *Hội viên Hội Mũi Học Hoa Kỳ (Fellow, American Rhinologic Society).*

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH VỀ TAI - MŨI - HỌNG:

- **TAI:** Tai chảy mủ, Đau tai, Ù tai, Điếc tai, Vá màng nhĩ (Vi phẫu tai). Giúp mang máy điếc.
- **MŨI:** Nghẹt mũi, Chảy mũi, Ngứa mũi, Hôi mũi, Chảy máu cam. Giải phẫu xoang bằng Nội soi (Functional Endoscopic Sinus Surgery).
- **HỌNG:** Vướng họng, Nghẹt họng, Đằng hắng, Khàn giọng, Ngáy ban đêm: Giải phẫu bằng tia Laser.

ĐẶC BIỆT: TRUNG TÂM NỘI SOI TAI - MŨI - HỌNG VỚI VIDEO (Video Fiberoptic Endoscopy).

- Dàn Nội Soi hiện đại, tối tân nhất.
- Định bệnh chính xác. Định bệnh sớm.
- Thấy rõ bệnh mình trên Video. Có hình chụp.
- Tối cần để tìm Ung thư họng.

Giờ khám:
Buổi sáng (Thứ Hai và Thứ Sáu): Từ 10 giờ sáng.
Buổi chiều: Từ 1 đến 6 giờ.
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều.
Chủ Nhật và Ngày Lễ: Nghỉ.

XIN LẤY HẸN TRƯỚC.

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA

VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:

* Y khoa gia đình.
* Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
* Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
* Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
* Bệnh phụ nữ, dàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
* Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
* Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
* Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:

* Mỡ trong máu (cholesterol).
* Các loại về máu, nước tiểu.
* Thử máu hôn thú.
* Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

BÁC SĨ NHA KHOA

TÔN THẤT THỌ

NHA KHOA
TỔNG QUÁT
VÀ THẨM MỸ

1449 PARK AVE., # 3
SAN JOSE, CA 95126

TEL: (408) 295-2530

HUẾ SÔNG HƯƠNG

RESTAURANT
10161 Bolsa Ave. # A 102
Westminster, CA 92683
(Bên cạnh Chợ SàiGòn Mới)
Tel: (714) 839-9830

NHÀ HÀNG VỚI NHỮNG MÓN ĂN HUẾ THUẦN TÚY

FREE CHÈ QUANH NĂM

Mở cửa: 9:00 am - 9:00 pm
Nghỉ Thứ Ba

Chủ Nhân Kính Mời

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- ❑ Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- ❑ Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- ❑ Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.

▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.

▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**

- *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
- *Răng giả các loại.*
- *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
- *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

Bác Sĩ **TRẦN NHƠN, M.D.**

14082 Magnolia Ave., Suite #109 • Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện thoại: (714) 895-8583

- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)
- Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Huế
- Nguyên Bác Sĩ Điều Trị Nội Khoa Các Bệnh Viện
- Nguyên Nội Trú Bệnh Viện Đồn Đất (Gral, Saigon)
- Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Nội Thương Hoa Kỳ

- **Bệnh Dị Ứng:** Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- **Bệnh Tim Mạch:** Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- **Bệnh Phổi:** Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- **Bệnh Tiêu Hóa:** Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- **Bệnh Thần Kinh:** Nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- **Bệnh Tiết Niệu:** Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- **Bệnh Máu:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **Bệnh Nội Tiết:** Bướu cổ, đái đường.
- **Bệnh Phong Thấp:** Viêm đau, khớp xương.
- **Bệnh Ngoại Da:** Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

- Những bệnh liên quan đến tuổi già.
- Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, thi đua thể thao, cảm cúm, viêm phổi.
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Khám và thử máu cho chứng chỉ hôn nhân.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-6:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM-3:00PM

Chủ nhật: Theo hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Quán Hỷ

10082 Chapman Ave.
Garden Grove, CA 92640

(Góc Brookhurst-Chapman - sau lưng Wendy Hamburger)

Tel: (714) 636-1652

Với đầy đủ các món ăn Huế như:

- **Bánh Bèo - Bánh Bột Lọc**
  Bánh Ram Ít
- **Cơm Huế**
- **Dấm Nuốc**
- **Bún Bò - Bánh Canh**
- **Mì Quảng**
- **Gỏi Cuốn**

Đặc biệt có món chay nấu theo lối Huế
(đã từng nấu chay cho các lớp Thiền của quý thầy)

Kim Thoa kính mời

LIEN D, NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA.

- KHAI THUẾ CÁ NHÂN, THƯƠNG MẠI.
- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN.
- CỐ VẤN ĐẦU TƯ.
- ĐẠI DIỆN THÂN CHỦ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ AUDIT.

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

Kamala Flowers and Music

(Tiệm Bông Liên - Hoa)

14044 Magnolia St., Ste. 128 - Westminster, CA 92683
(Góc Westminster & Magnolia - Trong khu chợ Phát Tài)

Tel: (714) 891-8130 • Pager: (714) 571-6483
Free: 1-800-700-4443

- ***Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa***
- ***Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng***
- ***Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ.***
- ***Giao hoa khắp mọi nơi.***
- ***Bán bong bóng có in hình Phật Đản Sanh cho lễ Phật Đản và hình Mục Liên Kiều cho lễ Vu Lan.***
- ***Có hoa bông cài áo cho lễ Vu Lan.***

VISA & MASTER CARD

DISCOUNT
EXOTIC FRESH & SILK

- Private & Group Piano Lessons
- All Ages & Levels
- Professional Piano Instruction.

- Thủy Rios Certificate Ikenobo Ikenaba Designer
- Robert Rios 30 years exp. Ph.D Pianist

FLOWERS AND MUSIC

- Complete Floral Services.
- Original Quality Design.
- Live Classical Piano Music For Weddings & Parties.

Ngôi Chợ Lý Tưởng Của Người Việt Hải Ngoại

VANCO FOODS SUPERMARKET

10932 WESTMINSTER AVE. * GARDEN GROVE, CA 92843

TEL: (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE. * WESTMINSTER, CA 92643

TEL: (714) 531-7272

CÙNG NHAU CHIA XẺ NIỀM VUI

MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT VÀ CÁC QUÀ TẶNG THẬT GIÁ TRỊ
LÀ LỜI CẢM ƠN CHÂN THÀNH CỦA CHÚNG TÔI XIN GỞI ĐẾN QUÝ KHÁCH

Hàng Trăm Mặt Hàng SALE Mỗi Tuần

Rất Nhiều QUÀ TẶNG Thật Giá Trị

ĐẶC BIỆT: Các loại MẮM RỜI và ĐỒ ĂN CHAY Bán Giá Vốn

CHỢ VIỆT CHO NGƯỜI VIỆT

- *ĐẦY ĐỦ CÁC MẶT HÀNG NAM-TRUNG-BẮC VÀ CÁC THỨC ĂN CHAY*
- *BÁN CÁC LOẠI GIÒ LỤA, PÂTÉ GAN, BÒ VIÊN NÓNG DO CHỢ SẢN XUẤT*
- *CÓ QUẦY CHIÊN CÁ - HẤP TÔM CUA TẠI CHỢ*

NHẬN DISCOVER VISA MasterCard

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ Lớn **NHẤT**
- Hàng Nhiều **NHẤT**
- Thịt, Cá, Rau Tươi **NHẤT**
- Đủ Loại Hàng Thực Dụng **NHẤT**
- Giá Cả Hạ **NHẤT**
- Đã có Tặng Phẩm Nhiều **NHẤT**
- Tiếp Đãi Ân Cần **NHẤT**
- Địa Điểm Thuận Lợi **NHẤT**
- Bãi Đậu Xe An Toàn **NHẤT**
- Và Đã được Mọi Người Ưa Thích **NHẤT**

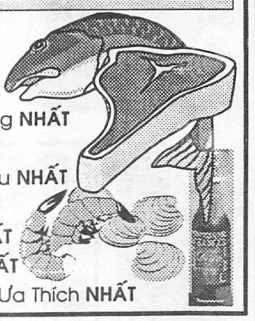

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30AM - 9:00PM

Designed by NGUYEN THANH - VN NEWS: 714-265-0116

ENSURE

Similac®
Infant Formulas

* Sữa Similac dùng cho trẻ em.
* Máy đo máu và đo nhịp tim sản xuất tại Nhật Bản.

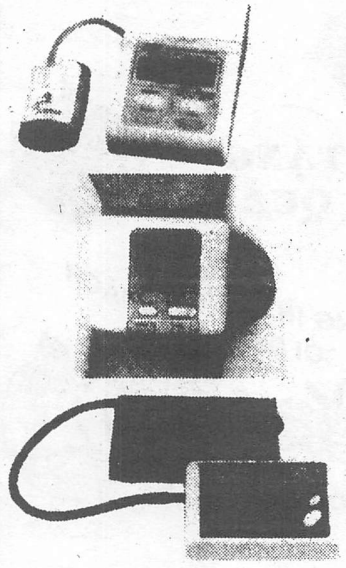

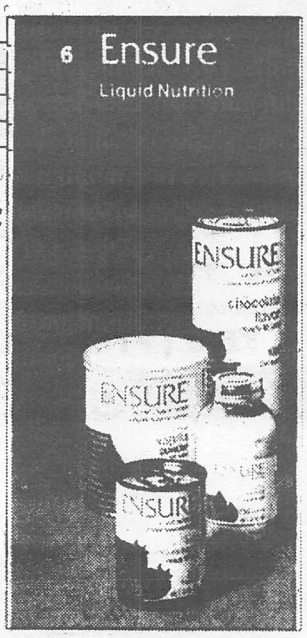

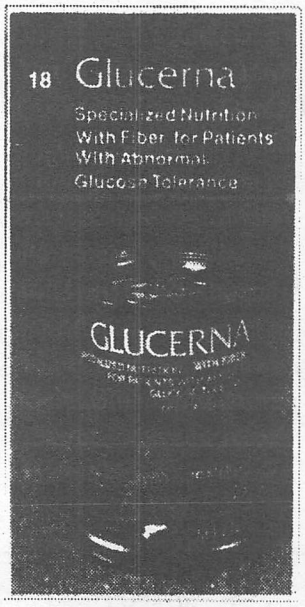

* Mọi người đều dùng được
* Tăng cường sức khỏe
* Bồi bổ cơ thể
* Lên cân nhanh chóng

* **Sữa Ensure** có đầy đủ chất dinh dưỡng như thức ăn, rất được người Việt Nam ưa dùng.
* **Sữa Ensure** có nhiều mùi vị khác nhau.
* **Sữa Ensure** thay thế được thức ăn hàng ngày. Rất tốt khi quý vị không ăn uống bình thường được.
* **Sữa Ensure** giúp quý vị lên cân nhanh chóng.
* **Sữa Ensure** dùng để tăng sức hoặc hồi phục sức khỏe khi bệnh hoạn.
* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em từ 1 đến 6 tuổi. Có đầy đủ chất bổ dưỡng cần thiết.
* **Sữa Pediasure** giúp trẻ em lên cân nhanh chóng, tăng cường sức khỏe và tăng trưởng đều đặn.
* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em biếng ăn - không lên cân - sau cơn bệnh - ăn nhiều nhưng chậm lớn - sau giải phẫu.
* **Sữa Glucerna** dành cho người bị bệnh tiểu đường.

TÌM MUA TẠI:

LINH'S PHARMACY
9191 Bolsa Avenue # 102
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ 99)
Tel: (714) 891-3644
DS NGUYỄN THỊ TÚY SƯƠNG

DANH PHARMACY
Nhà thuốc tây VN đầu tiên tại Mỹ
9182 Bolsa Avenue,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-4407
DS QUÁCH NHỨT DANH

LINH'S PHARMACY II
9500 Bolsa Ave. # N
Westminster, CA 92683
(Khu chợ Bolsa Supermarket)
Tel: (714) 775-0550
DS QUÁCH THỊ THÙY LINH

Nhận CalOPTIMA và các loại bảo hiểm PCS - Pacificare - Paid Prescription - Health Net Aetna - Foundation Health - Express Scripts - Care Mark - ScripCard - ValueRx - Blue Shield - Blue Cross. v.v...

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG

Tại quê người nhà hàng Quảng Đà hãnh diện là nơi bảo tồn các món ăn độc đáo của miền Trung xứ Huế.

QUẢNG ĐÀ Restaurant
820 Franklin St.
Oakland, CA 94607
(Góc đường Số 9, China Town)
(510) 444-1112

QUẢNG ĐÀ Restaurant
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(góc đường số 8)
(408) 297-3402

QUẢNG ĐÀ Restaurant
9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh góc Brookhurst)
(714) 636-3016

ĐẶC BIỆT HỦ TIẾU THANH XUÂN CHÍNH GỐC HỦ TIẾU MỸ THO

Ngoài ra nhà hàng chúng tôi rất nổi tiếng món: HỦ TIẾU THANH XUÂN (chợ cũ)

- Mì Quảng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Vĩ Dạ
- Bánh Lá (Bánh Nậm)
- Chả Tôm
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Chả Huế
- Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng
- Gỏi Hến Xúc Bánh Tráng
- Bánh Tráng Đập Chấm Mắm Nêm
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Canh Tôm Cua
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng
- Cơm Hến
- Cơm Gà
- Bún Mắm Thịt Heo Quay
- Bánh Bèo Chén Miền Trung
- Mì Cao Lầu Hội An
- Mì Hoành Thánh Tôm
- Cơm Bì Thịt Nướng

ĐẶC BIỆT : Mì Quảng Chay, Bánh Xèo Chay.

Quảng Đà Restaurant Kính mời.

Bác Sĩ Nha Khoa

NGÔ THỊ VĨNH

665 E. Los Angeles St., Suite D
Simi Valley, CA 93065

(805) 584-8875

- Khám răng định kỳ
- Nha khoa phòng ngừa
- Kha khoa thẩm mỹ
- Chữa răng người lớn và trẻ em
- Làm răng giả các loại

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683
(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa,
tự Tâm Thường Kính Mời.

Trung Tâm

GIÁNG NGỌC

Music Productions

9551 Bolsa Ave. #D-F - Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-2246 & Fax: (714) 531-2748

Hân hạnh giới thiệu đầy đủ các băng CD's và Cassettes tuyển chọn do Trung tâm Giáng Ngọc thực hiện và tổng phát hành.

TINH kHÚC

HOÀNG THI THƠ

ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ

1- Bài thơ cuối cùng	Ngọc Lan
2- Đường xưa lối cũ	Mạnh Hùng
3- Những ngày thơ mộng	Thanh Thúy
4- Gặp nhau	Tuấn Vũ - Hương Lan
5- Đừng nói với anh	Phương Dung
6- Tâm tình gởi Huế	Thiên Trang
7- Đêm buồn	Ý Lan
8- Tà áo cưới	Tuấn Vũ
9- Duyên quê	Phượng Mai
10- Đời bỗng dưng vui	Quang Bình - Tranh Thanh Lan
11- Tình sầu biên giới	Thanh Tuyền
12 Hình ảng người em không đợi	Hải Lý

NHAC TIỀN CHIẾN 3

GIỌT MƯA THU

1- Lời người ra đi	Lệ Thu
2- Quê nghèo	Khánh Ly
Thu quyến rũ	Đức Huy
Mưa Saigon mưa Hà Nội	Lệ Uyên
5- Cơn mê chiều	Vũ Khanh
6- Giọt mưa thu	Phượng Mai
7- Người về	Lệ Thu
8- Thuyền viễn xứ	Kiều Nga
9- Cô hàng nước	Sỹ Phú
10- bến Xuân	Xuân Sơn
11- Cây đàn bỏ quên	Anh Vũ
12- Đưa em tìm động hoa vàng	Diệu Hoàng

Bác Sĩ Y Khoa

THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomate American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

10362 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091 ☎ Fax: (714) 531-7926 & 531-7923
13918 Brookhurst St., #B - Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 638-9119

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại Univ. of California, Davis.*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa tại Univ. of California, Irvine.*
- *Nguyên thường trú Nhà thương V.A Long Beach và Long Beach Memorial.*
- *Hiện là Giám Đốc Điều hành của Orthopedic & Spinal Cord Injury Rehabilitation tại St. Jude Medical Center, Fullerton.*
- *Bác sĩ điều trị tại Western Medical Center và Fountain Valley Regional Center.*

CHUYÊN TRỊ:

- **Tham khảo và phục hồi bệnh liệt thân (Stroke, Spinal Cord Injury, Brain Injury).**
- **Những bệnh đau nhức kinh niên.**
- **Phong thấp, Viêm khớp xương (Arthritis), Đau cổ, Cứng cổ, Bả vai, Cụp xương sống.**
- **Đau khuỷu tay (I.E Tennis Elbow), Khối xương cổ tay (I.E Carpal Tunnel Syndrome), Xương chậu, Đầu gối và Xương bánh chè.**
- **Bệnh mỏng xương (Osteoporosis).**
- **Mệt mỏi tái phát từ bệnh Viêm tủy xám (Post Polio Syndrome).**
- **Các tai nạn thể thao, lưu thông, nghề nghiệp.**
- **Chứng nhận disability (Disability Evaluation).**

Nhận Bảo Hiểm, Medicare, Medical.

XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC

10362 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
(714) 531-2091

13918 Brookhurst St., #B Garden Grove, CA 92643
(714) 638-9119

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Knám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aesthetician International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia

Bp: (714) 218-6262

THUH ★ BEAUTY

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU

Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:

(714) 8-949-949

CHUYÊN MÔN:

- ☐ Giải phẫu bằng tia sáng Laser.
- ☐ Chích mỡ.
- ☐ Cấy tóc.

* Facial	* Lột da mặt	* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng da	* Xâm Thẩm Mỹ	* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội		

* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG

IRVINE DENTAL

QUÂN M. TRẦN, D.M.D.

Family Dentistry

Stone Creek Plaza
4330 Barranca Parkway,
Suite 117
Irvine, CA 92714

Tel: (714) 559-1814

NAM SI DONG, M.D.

Diplomate the American Board of Pediatrics

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ SƠ SINH, TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN.

Magnolia Plaza
14082 Magnolia St., Suite 111
Westminster, CA 92683
(Góc Magnolia & Westminster)

Tel: (714) 898-0424

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 am - 6:00 pm
Thứ Năm: 5:00 pm - 7:00 pm
Thứ Bẩy: 9:00 am -2:00 pm

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

945 E. Holt Ave., Suite E - Pomona, CA 91766 - *(Góc Holt & Reservoir)*

(714) 623-6502

Bác Sĩ
VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ
LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.
- **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- *Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ*
- *Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng*
- *Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng*
- *Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ*

CHUYÊN KHÁM:

- **Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)**
- **Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).**
- **Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp**
- **Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC**

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY Inc
9549-A Bolsa Ave. Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 531-3560
FAX: (714) 531-4601
• Dược Sĩ TRỊNH LÊ HỒNG
Dược Sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

- **Bán thuốc theo toa Bác Sĩ, nhận Medi-Cal, CalOptima và Bảo Hiểm (PCS, PAID, FHP, NPA, MPN, Rx Net, Gold Net, APS, Rx America, EXPRESS SCRIPTS, ALTA Rx, RESTAT, AETNA, etc...**
- Nhận chuyển FAX, thư nhanh và gửi thuốc Tây về Việt Nam.
- ***Đại Lý thuốc BỔ SÂM PHARMAX Gold (tăng cường sinh lực tươi vui trẻ đẹp, bổ trí nhớ).***

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG KD000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

MỞ CỬA 6 NGÀY:
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-7:30PM
- Thứ Bảy: 10:00AM - 6:00PM

9549-A Bolsa Ave.
Westminster, Ca 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯỜNG, D.D.S.

- *Hội viên Americal Dental Association*
- *Hội viên Academy Of General Dentistry*
- *Hội viên California Dental Association*

Giờ làm việc:
Thứ Ba - Thứ Sáu:10am - 7pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật:9am - 4pm
Nghỉ Thứ Hai

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY
818-708-7280
18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

- ❑ Dùng máy siêu âm (Ultrasonic)
- ❑ Khám răng tổng quát và định kỳ
- ❑ Lấy gân máu
- ❑ Trị bệnh nướu răng
- ❑ Nha khoa phòng ngừa
- ❑ Chữa, nhổ răng cho trẻ em và người lớn
- ❑ Nha Khoa Thẩm Mỹ dùng U.V. Light sửa và làm đẹp các răng cửa hư, xấu hoặc hở.
- ❑ Tẩy trắng răng (Bleach)
- ❑ Làm đủ loại răng giả (Fixed, Removalbe, Prosthodontic

Nhận bảo hiểm, Medical, trả góp.
Xử dụng máy móc tối tân và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi điều trị

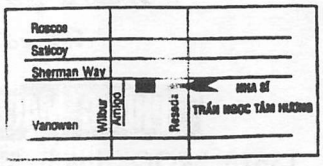

KHÁM BỆNH THEO HẸN, ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, XIN ĐẾN THẲNG VĂN PHÒNG

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:

- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt,nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card, American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown 30 phút lái xe,
Cách Monterey Park 40 phút lái xe

THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
23861 W. Mc Bean
Parkway #E16
Valencia, CA 91355

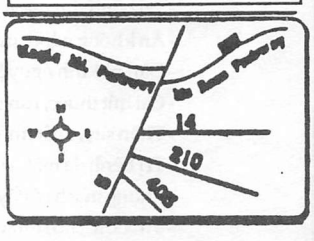

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực qúy của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh dời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho qúy vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịn màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

- *Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
- *Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
- *Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
- *Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*
- *Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
- *Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
- *Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tẻ cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

BÁC SĨ LÊ VĂN GIAO, M.D.

10051 Bolsa Ave., #A-2 - Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 & 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC & ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Đại học Y khoa Utah.*
- *Cựu Nội trú Nội thương và Ngoại thương Đại học Y khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại học Y khoa USC.*
- *Nguyên Giảng viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại học Y khoa USC.*
- *Hậu Đại học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại học Y khoa USC.*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA.*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN.*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản phụ khoa, Trẻ em, Chứng bệnh cấp tính & kinh niên, Người lớn.

- *Có nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình ngực vô cùng chính xác và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

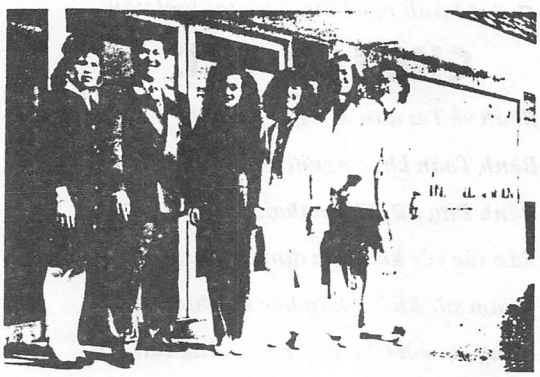

Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

* Nha Khoa Gia Đình. * Trám, Nhổ, Chữa Tuỷ Răng (Lấy gân máu)
* Khám Răng Định Kỳ. * Nha Khoa Phòng Ngừa.
* Làm Răng Giả Đủ Loại * Trị Bịnh Nướu Răng : Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng
* Sửa Răng Thẩm Mỹ : Làm khít răng thưa, Vá răng sứt mẻ, đổi màu, Tẩy răng trắng

South Bay Center:.
15024 Prairie Avenue
Hawthorne, CA 90250
(310) 978-8993

Chinatown Center
625 W. College Street #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Xin vui lòng lấy hẹn trước. Nhận bảo hiểm và Medical

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201 - Los Angeles, CA 90026

TEL: (714) 413-4845

- *Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.*
- *Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.*
- *Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.*
- *Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.*

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ *Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp*
- ☆ *Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.*
- ☆ *Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.*
- ☆ *Săn sóc sức khỏe gia đình.*
- ☆ *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.*
- ☆ *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.*
- ☆ *Tiểu Giải phẫu.*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật: 10 AM - 1 PM

BÁNH MÌ

THANH NHÂN

DALAT

SANDWICH - FOOD TO GO - ORIENTAL DELI

NỔI TIẾNG VỚI CÁC ĐẶC SẢN:

- Đủ loại bánh mì To Go
- Đủ loại thịt nguội, paté, giò thủ, nem nướng bò khô.
- Đủ các loại giò chả, nem, tré, giò sống, mắm chưng.
- Đặc biệt các loại mắm: Mắm tôm, mắm cà, mắm chay.
- Các món bánh mặn Việt Nam.
- Các loại cơm dĩa, bún thịt nướng, bánh cuốn Thanh Trì.
- Đủ loại chè, nước tươi nóng mỗi ngày.

NHẬN ĐẶT:

Các loại xôi, chè và các món ăn cho tiệc trà.

9569 - 9571 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683

(Khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 839-1440

TRUNG TÂM SẢN PHỤ

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, M.D.,FACOG.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ*
- *Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology*

- *Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi*
- *Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Sàigòn*
- *Tốt nghiệp Chuyên-môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, Texas*

BÁC SĨ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VỀ SINH ĐẺ VÀ MỔ XẺ TỪ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hóa gia đình (OCA,Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/Section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM - 6:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

14024 Magnolia, Suite #104 - Westminster, CA 92683

(714) 898-1375 (24 Hrs.)

K-T Furniture GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ▫ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821-4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế, tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để Quý vị lựa chọn.

THANH XUAN SAIGON

Restaurant

13836 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
(Góc Brookhurst & Westminster)
(714) 534-2722

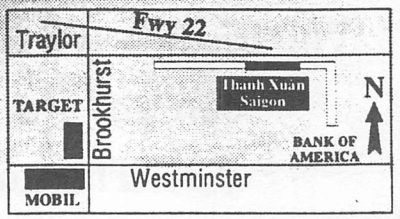

QUÝ BÀ, QUÝ CÔ SẼ HOÀN TOÀN HÀI LÒNG VỊ CHỈ DÙNG MỸ PHẨM BELLE CHRISTINE TRONG HAI TUẦN LẦN DA SẼ TRỞ NÊN MỊN MÀNG, VÀ TIẾP TỤC DÙNG LÂU HƠN NHỮNG VẾT NHĂN, NÁM, MỤN SẼ BƯỚC TẤY BỎ.

DƯỢC MỸ PHẨM Belle CHRISTINE

THE INTELLIGENT CHOICE

THE SCIENCE AND THE BEAUTY

Nữ Hoàng Ai Cập Cléopâtre đã dùng những bí mật cổ truyền nào để gìn giữ, nuôi dưỡng làn da tuyệt mỹ?

Các bà Hầu Tước, Bá Tước trong triều đình Pháp, hơn hai trăm năm trước, đã dùng cách nào để giữ mãi được làn da tươi trẻ lâu dài ?

Những Bác Sĩ thuộc Hàn-Lâm-Viện chuyên khoa về da, những khoa học gia miệt mài trong phòng thí nghiệm với những khám phá nào mới nhất để tẩy bỏ lớp da cằn cỗi và nuôi dưỡng lớp da non, giữ được thế quân bình lý tưởng, chống lại những thay đổi thường xuyên của môi trường sinh sống đầy ô nhiễm và hoá chất?

Tất cả những bí mật cổ truyền Đông Phương trên, cùng với những khám phá mới của khoa học Tây Phương đã được đúc kết lại, và được chọn lọc kỹ càng bởi Bác Sĩ chuyên khoa về da *Katherine Đỗ Như Hồng* sau hơn mười năm trị liệu những vấn đề ngoài da cho hàng vạn phụ nữ Âu Mỹ, và nhất là Á Châu.

Mỹ Phẩm Belle Christine *là tinh hoa của sự kết hợp trên,sẵn sàng cống hiến đến những phụ nữ Á Châu trên khắp thế giới những phương pháp tân kỳ và hữu hiệu nhất để săn sóc làn da giữ được nét tươi trẻ lâu dài.*

- **BỘ KEM DƯỠNG DA**
  - *Loại da khô*
  - *Loại da nhờn*
  - *Loại da hỗn hợp*
  - *Loại da bình thường*
- **BỘ KEM** LỘT DA MẶT
- **BỘ KEM** TRỊ NÁM TỐI TÂN NHẤT
- **BỘ KEM** CHỐNG VẾT NHĂN VÀ DƯỠNG DA
- **BỘ KEM** TRỊ MỤN CÁM, MỤN ĐEN HỮU HIỆU NHẤT

Đặc Biệt: Có kem làm tan mở hữu hiệu nhất, đã được thử nghiệm trên bệnh nhân tại Đại Học Y Khoa San Diego với kết quả nhanh chóng

1. Kem hồi sinh da mặt	$75.00	12. Hỗn hợp sinh tố	$50.00
2. Kem dưỡng da và trị nám	$65.00	13. Thuốc nuôi tế bào da	$65.00
3. Kem trộn vàng	$45.00	14. Mỹ phẩm lót da trước khi trang điểm	$50.00
4. Kem Collangen elastin	$65.00	15. Phấn nước tinh khiết	$30.00
5. Kem dưỡng da nồng độ cao	$65.00	16. Mỹ phẩm rửa da mặt	$25.00
6. Kem dưỡng da mắt	$45.00	17. Mỹ phẩm lau sạch phấn son	$20.00
7.Thuốc hồi sinh da mặt	$75.00	18. Nước hoa hồng	$25.00
8. Thuốc trị nám	$85.00	19. Nước hoa hồng cho loại da dầu	$25.00
9. Thuốc lột da mặt	$95.00	20. Thuốc tẩy da khô, da chết	$35.00
10. Thuốc Collagen nuôi da	$55.00	21. Kem mặt nạ thiên nhiên	$35.00
11. Thuốc Hyaluronic dưỡng da	$55.00	22. Kem dưỡng da và chống nắng	$20.00

BÁC - SĨ

Katherine **ĐỖ NHƯ HỒNG**

CHUYÊN KHOA VỀ DA & THẨM MỸ DA

ĐIỆN THOẠI:

(408) 223-6644

1692 Tully Rd. Suite 12
San Jose, CA 95122

Siêu thị

KINH ĐÔ

13904 Brookhurst Street - Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst & Westminster -
Đối diện Target, cạnh Service Merchandise)

(714) 537-4602

- ***Siêu thị lớn và khang trang***
- ***Đầy đủ các loại thịt cá, rau cải tươi.***
- ***Đầy đủ các loại thực phẩm khô.***

GIÁ RẺ, HÀNG SALE THƯỜNG XUYÊN

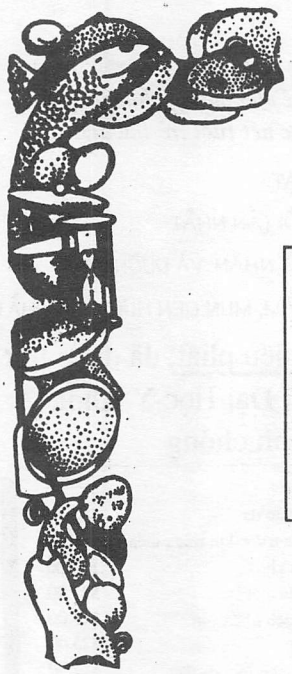

- ☆ Mua $20.00 có quà tặng. Càng mua nhiều càng tặng nhiều.
- ☆ Mua từ $60.00 trở lên được tặng 1 bao gạo thơm.
- ☆ Rau muống 49 cents / 1 pound.

ĐẶC BIỆT:

SIÊU THỊ KINH ĐÔ LÀ NGÔI CHỢ VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ RAU CẢI TƯƠI MỖI NGÀY TỪ NÔNG TRƯỜNG ĐEM VỀ.

PARKING RỘNG RÃI, AN TOÀN
CÓ NHÂN VIÊN AN NINH CANH GÁC.

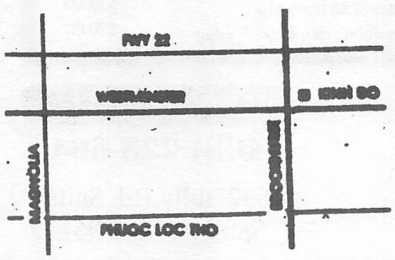

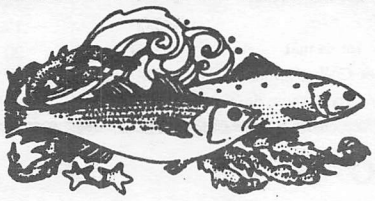

SIÊU THỊ KINH ĐÔ
KÍNH MỜI.

SEAFOOD WORLD

FINEST CHINESE RESTAURANT

15351 Brookhurst St., Suite # 101 - 106 ★ Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

★ Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với hơn 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.

★ Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các Restaurant khác.

★ Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ĐOÀN

ROGER A. KANDER, ESQ.

4266 ATLANTIC AVE. ❑ LONG BEACH, CA 90807

(714) 952-3644 ☎ (310) 426-0541

Luật sư Roger A. Kander trên 30 năm kinh nghiệm và danh tiếng, tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như thân chủ Á Châu.

TAI NẠN

ĐẠI HÌNH

1. Phục vụ Tận Tâm.
2. Kết quả Chắc Chắn.
3. Văn phòng sẽ ứng trước mọi phí tổn trong hồ sơ tai nạn.
4. Chỉ nhận lệ phí sau khi hồ sơ được bồi thường.

THƯƠNG MẠI

5. Đã làm trên 30,000 thân chủ vui lòng.
6. Chuyên môn về Bồi thường tất cả mọi loại Tai Nạn, bảo đảm được hài lòng.

Thu Kander